

HOÀNG VĂN CHÍ

**TRĂM
HOA
ĐUA
NỞ
TRÊN
ĐẤT BẮC**

VỤ SCANDAL NHÂN VĂN GIAI PHẨM



TRĂM HOA ĐUA NỞ TRÊN ĐẤT BẮC

Trăm hoa đua nở trên đất Bắc ▪ Hoàng Văn Chí
▪ Hình bìa: & Bìa: Midway Press ▪ ebook: Midway
Press

HOÀNG VĂN CHÍ

**TRĂM
HOA
ĐUA
NỞ
TRÊN
ĐẤT BẮC**
VỤ SCANDAL NHÂN VĂN GIAI PHẨM



Midway Press 2023

“... Nhược bằng bắt mọi người viết phải viết theo một lối với mình, thì rồi đến một ngày kia, hàng trăm thú hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết.” (Phan khôi)

TRONG SÁCH NÀY



Lời tựa	13
Phần I: Cuộc nổi dậy của trí thức ở miền Bắc	19
Chương 1: Nguyên nhân cuộc nổi dậy của trí thức ở miền Bắc	21
Chương 2: Lịch trình đấu tranh của trí thức ở miền Bắc	43
Chương 3: Phương pháp đấu tranh của trí thức ở miền Bắc	71
Phần II: Tài liệu (Nhân vật và Tác phẩm)	83
Chương 1: Phái cựu học	85
Cụ Phan Khôi	86
• Giới thiệu cụ Phan Khôi	86
• Phê bình lãnh đạo văn nghệ	93
• Tìm ưu điểm (ngụ ngôn)	114
• Ông Bình Vôi	115
• Ông Năm Chuột (truyện ngắn)	118

• Nắng chiều	136
Chương 2: Phái thanh niên	151
Trần Dần	152
• Giới thiệu Trần Dần	152
• Nhất định thắng (thơ)	158
• Hãy đi mãi (thơ)	172
Phùng Quán	178
• Giới thiệu Phùng Quán	178
• Chống tham ô lãng phí (thơ)	179
• Lời mẹ dặn (thơ)	183
Tạ Hữu Thiện	185
• Giới thiệu Tạ Hữu Thiện	185
• Tôi tìm em (thơ)	186
Bùi Quang Đoài	189
• Giới thiệu Bùi Quang Đoài	189
• Lịch sử một câu chuyện tình (truyện ngắn)	190
• Chủ nghĩa nhân văn của ông Hoàng Xuân Nhị (bút chiến)	209
Minh Hoàng	217
• Giới thiệu Minh Hoàng	217
• Đồng máy (truyện ngắn)	217
Phùng Cung	232
• Giới thiệu Phùng Cung	232
• Con ngựa già của chúa Trịnh (truyện ngắn)	233
Trần Lê Văn	245
• Giới thiệu Trần Lê Văn	245
• Bức thư gửi một người bạn cũ	246

Hoàng Tích Linh	261
• Giới thiệu Hoàng Tích Linh	261
• Xem mặt vợ (kịch ngắn một hồi)	262
• Cơm mới (kịch một hồi)	276
Chương 3: Các nhà văn đứng tuổi:	
Tố Hữu, Nguyễn Tuân	313
Tố Hữu	315
• Giới thiệu Tố Hữu	315
• Bài ca tháng Mười (thơ)	317
• Đời đời nhớ Ông (thơ)	318
Nguyễn Tuân	320
• Giới thiệu Nguyễn Tuân	320
• Phở (tuý bút)	322
• Phê bình nhất định là khó	338
• Nguyễn Tuân tự phê bình	344
Văn Cao	354
• Giới thiệu văn Cao	354
• Anh có nghe không (thơ)	359
• Những ngày báo hiệu mùa xuân (trích trong bài thơ dài “Những người trên cửa biển”)	362
Trần Duy	364
• Giới thiệu Trần Duy	364
• Những người khổng lồ	365
• Thành thật đấu tranh cho tự do dân chủ	375
Hoàng Cầm	379
• Giới thiệu Hoàng Cầm	379
• Em bé lên sáu tuổi (thơ)	381
• Tiếng hát (trích 2 đoạn trong hồi thứ nhất	

vở kịch thơ dài Tiếng hát Trương Chi)	384
Hữu Loan	394
• Giới thiệu Hữu Loan	394
• Cũng những thằng nịnh hót (thơ)	395
• Lộn sòng (truyện ngắn)	399
Sỹ Ngọc	417
• Giới thiệu Sỹ Ngọc	417
• Làm cho hoa nở bốn mùa	418
• Bất mãn	422
Chu Ngọc	425
• Giới thiệu Chu Ngọc	425
• Chúng ta gắng nuôi con (hoạt cảnh)	426
Như Mai	443
• Giới thiệu Như Mai	443
• Thi sĩ máy	444
Chương IV: Các nhà học giả	461
Đào Duy Anh	461
• Giới thiệu Đào Duy Anh	461
• Muốn phát triển học thuật	462
Trần Đức Thảo	468
• Giới thiệu Trần Đức Thảo	468
• Nội dung xã hội và hình thức tự do	469
• Nỗ lực phát triển tự do dân chủ	475
Nguyễn Mạnh Tường	477
• Giới thiệu Nguyễn Mạnh Tường	477
• Qua những sai lầm trong Cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo	478
• Vừa khóc vừa cười	518

LỜI TỰA

Trăm hoa đua nở, Trăm nhà đua tiếng là dịch nôm câu chữ Hán: **Bách hoa tể phóng, bách gia tranh minh**, trong cổ văn.

Đây là một câu mà các học giả đời Hán đặt ra để vừa ca tụng vừa tỏ ý luyện tiếc nền văn học cổ điển của Trung Quốc, sáng ngời trong mấy thế kỷ trước, về thời Đông Chu.

Văn học Trung Hoa về thời Đông Chu quả thật xứng đáng cho các thế hệ sau ca ngợi, vì trong vòng ba thế kỷ (từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch kỷ nguyên), các học giả thời Đông Chu đã đưa nền văn học Trung Quốc từ chỗ thấp nhất đến chỗ cao nhất mà hai nghìn năm sau, không tài nào vươn tới.

Gần như cùng một lúc, Lão học, Khổng học và Mặc học đua nhau ra đời, tiếp theo là những học thuyết uyên thâm của Mạnh Tử, Tuân Tử và Dương Chu. Có thể nói được rằng hầu hết các lý thuyết

hiện nay còn đương tranh giành ảnh hưởng trong nhân loại, như chủ nghĩa dân chủ, lãng mạn, vô chính phủ, duy vật, xã hội, quân chủ chuyên chế, quân chủ lập hiến, phát xít, v.v... đều đã có đại diện từ thời bấy giờ. Tính theo thời gian thì nền văn học Trung Quốc đã bỏ xa nền văn học Âu châu vào khoảng 20 thế kỷ.

Vì vậy nên ngày nay, những học giả nghiên cứu về lịch sử văn hoá Á đông đều phải thắc mắc về một điểm: Tại sao một nền văn hoá đương phát triển một cách tốt đẹp như vậy lại bỗng nhiên đứng dừng lại, khiến trong suốt hai nghìn năm về sau, Trung Quốc chỉ có lùi mà không có tiến về phương diện tư tưởng?

Ông Tibor Mende, một nhà học giả Tây phương, chuyên nghiên cứu về các vấn đề Á đông, đã ví nền văn hoá Trung Quốc và Ấn Độ như hai con sông lớn, đã mang sinh lực tươi khắp miền Đông Nam Á, bỗng dung bị cạn hết nước. Nguyên nhân gì đã làm tụt ngòi? Ông nêu ra câu hỏi mà không trả lời.

Nói một cách rõ ràng hơn thì: Tại sao về thời Đông Chu lại có Khổng, Mạnh, Lão, Mặc,... mà hai nghìn năm sau không có vị thánh hiền nào cả? Hoặc dùng một hình ảnh tượng trưng thì: tại sao trong một thời đại loạn ly như thời Xuân Thu, Chiến Quốc, trăm hoa lại đua nở mà từ thời ấy về sau hoa lại không nở?

Chúng tôi nghĩ rằng nếu ôn lại lịch sử chính trị Trung Quốc, chúng ta có thể tìm ra câu giải đáp.

Về thời Đông Chu, Trung Quốc bị phân chia thành nhiều nước chư hầu, luôn luôn đánh nhau để tranh giành ngôi bá chủ, nên nước nào cũng lo thu phục nhân tài để mở mang thế lực. Vì vậy nên kẻ sĩ đương thời được trọng đãi. Một mặt khác vì nước nào cũng yếu, nên không ông vua nào có đủ quyền lực để thiết lập chế độ độc tài. Do đó ngôn luận không bị kiểm chế vì các nhà học giả, nếu chẳng may bị vua chúa trong nước khùng bố vì tội đã phát biểu một ý kiến trái ngược với đường lối của triều đình, thì cũng dễ dàng vượt biên giới chạy sang nước đối nghịch, có người sẵn sàng dung nạp ngay. Vì vậy nên mới có quang cảnh **“Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng”**. Nếu hoa không nở được ở khí hậu này, có thể nở được ở khí hậu khác. Nếu một học giả không phổ biến được tư tưởng của mình ở Tề, thì có thể di cư sang Sở chẳng hạn, để truyền bá học thuyết của mình.

Thời Đông Chu tuy là một thời loạn lạc, nhưng chính vì loạn lạc mà tư tưởng không bị kiểm soát.

Trái lại, sau khi Thương Ưởng đưa ra thuyết quân chủ chuyên chế và Lý Tư, học trò của Thương Ưởng giúp Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc, thì từ ngày ấy về sau không một vị thánh hiền nào xuất hiện trên đất Trung Quốc nữa. Một lẽ rất dễ hiểu là không có tự do tư tưởng thì không có nhà tư tưởng, cũng như hễ không có nước thì không thể nào có cá được.

Lý Tư, môn đệ của phái Pháp gia, được Tần Thủy Hoàng bổ làm Thượng thư, làm só tâu đại khái như sau:

“Từ trước tới nay, thiên hạ sống trong cảnh phân chia, nên tư tưởng bị hỗn loạn... Ngày nay Bệ hạ đã thống nhất sơn hà mà vẫn còn nhiều người ngang nhiên mở trường dạy học, mang ý kiến riêng của mình ra chê bai luật pháp và chính sách của triều đình... Nếu Bệ hạ không mau ngăn cấm thì kỷ cương sẽ sụp đổ từ trên xuống dưới và đảng phái sẽ mọc từ dưới lên trên.”

Năm 213 trước Tây lịch, Tần Thủy Hoàng nghe theo Lý Tư đốt hết sách vở có phương hại đến đường lối của Tần triều và chôn sống 460 nhà trí thức đối lập. Họ bị chôn sống vì bờ cõi của đế quốc Tần rộng quá, không tài nào chạy thoát. Từ ngày ấy Trung Quốc có một chính phủ duy nhất, một luật pháp duy nhất, nhưng cũng có một lối nghĩ duy nhất. **Trăm hoa hết đua nở và trăm nhà đều im tiếng.**

Sau Tần đến Hán. Các vua triều Hán, khôn ngoan hơn vua Tần, không cấm đoán tư tưởng, nhưng hạn chế tư tưởng bằng cách đưa Khổng giáo lên địa vị quốc giáo, khiến các học thuyết khác phải lùi bước. Triều đình chỉ tuyển lựa những người thông hiểu Ngũ kinh, Tứ thư để bổ làm quan lại, nên Nho học trở thành bậc thang cho giới trí thức bước lên đàn sĩ hoạn. Nhưng cũng vì vậy mà triết lý của Khổng Tử bị xuyên tạc và Khổng học chỉ còn là một lợi khí của giới thống trị. Nói theo kiểu cụ Phan Khôi thì **“Trăm hoa” đã trở thành hoa cúc vạn thọ hết thấy.**

Suốt trong 20 thế kỷ về sau, trí thức Trung Hoa luôn luôn bị khủng bố. Tư Mã Thiên bị thiến, Ban

Cổ bị chết trong ngục, Phạm Việp vị xử tử... cho đến người cuối là Lương Khải Siêu, phải chạy sang Nhật Bản mới thoát thân.

Từ ngày ông Mao Trạch Đông lên kế nghiệp Tân Thuỷ Hoàng, ông đã giết Hồ Phong, và nhiều học giả khác, nhưng gần đây ông lại tuyên bố cho phép **“Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng”**.

Không ai biết rõ chủ định của ông Mao như thế nào, nhưng mọi người đều nhận thấy rằng trên toàn cõi Trung cộng hiện nay, không có thứ hoa nào khác hơn là **hoa Mác-Xít**.

Tóm lại dù là chuyên chế kiểu quân chủ hay kiểu cộng sản, chế độ tập quyền vẫn tiêu diệt tự do tư tưởng. Ngày nay cũng như suốt hai nghìn năm về trước, trí thức Trung Hoa vẫn bị bịt mắt, bịt miệng.

Từ ngày Bắc Việt trở thành một “vệ tinh” của khối cộng sản, trí thức ở Bắc Việt cũng lâm vào tình trạng chung của đồng bạn ở khắp trong bức màn sắt.

Nhưng “40 năm một thuở”, trong dịp hạ bệ Stalin vừa qua, họ đều đứng dậy đấu tranh chống Đảng, đòi phục hồi quyền tự do tư tưởng. Trong phong trào quật khởi này, trí thức ở Bắc Việt cũng đã góp một phần quan trọng. Suốt trong thời gian hai năm, 1956 và 1957, trí thức ở miền Bắc đã sản xuất trên một trăm bản văn có giá trị. Cộng sản coi những bản văn ấy là những “cò độc”, nhưng chúng tôi coi những tác phẩm của họ như một **“trăm hoa”** thực sự.

Vì vậy nên chúng tôi sưu tầm và kết lại thành một “bó hoa” để cống hiến độc giả, hòng góp sức vào công việc làm sáng tỏ thêm nền văn học hiện đại của dân tộc Việt Nam.

Đối với độc giả trong Thế giới Tự do chúng tôi cũng muốn nói một câu: Không nên nghĩ rằng cần phải chuyên chế mới có đủ phương tiện để thực hiện những công trình vĩ đại, vì xưa kia Tần Thủy Hoàng cũng đã thực hiện những công cuộc vĩ đại, xây đắp Vạn lý Trường thành, thiết lập xa lộ, thế mà nhà Tần vẫn bị mất nghiệp; một mặt khác, chính vì Tần Thủy Hoàng khởi đầu việc đàn áp tư tưởng mà văn hoá Trung Quốc đã bị đứng dừng trong hai ngàn năm nay. Lợi nhất thời không bằng hại muôn thuở.

Saigon, tháng Giêng 1959

Hoàng Văn Chí

Trưởng ban biên tập của
Mặt trận Bảo vệ Tự do Văn hoá

PHẦN I: CUỘC NỔI DẬY CỦA TRÍ THỨC Ở MIỀN BẮC

CHƯƠNG 1: NGUYÊN NHÂN CUỘC NỔI DẬY CỦA TRÍ THỨC Ở MIỀN BẮC

Trí thức ở miền Bắc Việt Nam đã nổi dậy chống lại chế độ cộng sản từ mùa Xuân năm 1956 mà mãi đến cuối Thu năm ấy báo chí ở Sài Gòn mới được tin vì nhà cầm quyền miền Bắc đã dùng mọi biện pháp để cố tình bung bít một cuộc nội biến đánh dấu sự suy sụp của hệ thống tư tưởng cộng sản. Suốt trong thời gian mấy tháng, trong khi trí thức ở miền Bắc đã anh dũng vùng dậy đánh những đòn chí mạng vào uy tín của Đảng thì báo chí và đài phát thanh của Đảng hoàn toàn làm ngơ. Đảng chỉ mãi miết dùng lực lượng công an để đe dọa những người đọc báo, bán báo và ra lệnh cho công đoàn xui giục công nhân nhà in không in báo đối lập.

Cho mãi đến khi những “đòn ngầm” đó không hạ nổi địch thủ, và cũng đến khi phe đối lập dồn Đảng vào chân tường, không có thể lui, Đảng mới chỉ thị cho các đoàn thể ở khắp mọi nơi viết kiến nghị đòi

đóng của các báo đối lập. Chính những lúc kiến nghị đồng loạt đó xuất hiện trên mặt báo *Nhân dân*, thì dư luận ở Sài Gòn mới biết là có báo đối lập ở miền Bắc. Chỉ một tháng sau thông tin viên hàng AFP ở Hà Nội loan tin cho thế giới biết việc nông dân ở Nghệ An đã bạo động nổi dậy, dùng gậy tre và những vũ khí thô sơ khác đánh nhau với bộ đội. Tin đó làm nhiều người sùng sốt.

Sùng sốt là phải, vì trước đó một tháng các báo chí của Đảng và đài phát thanh Hà Nội hãy còn say sưa ca khúc khải hoàn sau đợt Cải cách ruộng đất “hoàn toàn thắng lợi”.

Dùng một cái, ông Trường Chinh, Tổng Bí thư Đảng, ông Hồ Viết Thắng, Thứ trưởng phụ trách Cải cách ruộng đất đột nhiên bị cắt chức: ông Võ Nguyên Giáp phải đứng ra thay mặt Trung ương Đảng công khai thú nhận sai lầm và hứa hẹn sửa chữa. Tiếp đến là tin cán bộ tập kết phá bóp cảnh sát Bờ Hồ, tin học sinh tập kết khởi loạn ở Ngã Tư sở, và cuối cùng là “vụ Quỳnh Lưu”.

Nhiều người ở Sài Gòn không ngờ có những chuyện lạ lùng như vậy. Ngạc nhiên trước tiên là số người trước kia có tham gia kháng chiến, và hiện còn lưu luyến chiến khu. Họ không phân biệt kháng chiến với cộng sản, nên cứ yên trí rằng chế độ miền Bắc thực sự là chế độ “dân chủ cộng hoà” và ông Hồ là một người chân thành ái quốc. Họ cũng đinh ninh rằng những phần tử nhiệt thành như họ, trước kia đã tích cực tham gia kháng chiến thì ngày nay

vấn phục vụ chính sách của “Bác” cho đến cùng. Họ không ngờ rằng “giá” họ được đi tập kết thì chính họ cũng sẽ phải dự vào cuộc phá bốp cảnh sát Bờ Hồ (Hà Nội) để giải thoát cho một số “tập kết” bị giam cùm trong đó.

Những người thông thường, có đôi chút kinh nghiệm đau xót với cộng sản, kể cả những đồng bào Bắc Việt di cư cũng không ngờ rằng trong một thời gian không đầy hai năm tình hình ở nơi quê cha đất tổ có sự thay đổi quá nhanh chóng như vậy. Họ nhớ ngày nào quân đội của “Cụ” kéo vào chiếm đóng Hà Nội, nhân dân thủ đô còn đón rước tung bừng. Nào cờ quạt, nào biểu ngữ, nào cổng chào, nào kéo nhau đi xem văn công, xem triển lãm. Họ không ngờ rằng chỉ một năm sau khi họ bỏ nhà cửa ra đi, bộ đội oai hùng đó lại bị chính ngay nông dân vác gậy phang vỡ đầu.

Giới quan sát ở Sài Gòn thì không ngạc nhiên khi nhận được những tin tức kể trên. Họ đã tiên đoán rằng sớm muộn thế nào cộng sản cũng phải “sửa sai” để vớt vát lòng dân vì từ năm 1926 Mao Trạch Đông, trong bài “Cuộc đấu tranh của nông dân Hồ Nam” đã chủ trương rằng: “Muốn nắm một vật công thì phải nắm quá mức, để khi buông tay ra thì vừa”. Nhưng phải thú thực rằng ít người ngờ rằng khi buông tay ra, vật công đó lại bật trở lại quá mạnh, và bật đúng vào mặt người đã “uốn quá mức”.

Vì dân tộc Việt Nam vốn dĩ là một dân tộc có truyền thống chịu đựng để tồn tại. Trong khi chịu

đựng, họ luôn luôn chăm chú chờ dịp kẻ thù yếu thế là lập tức quật trở lại. Đối với cộng sản ngày nay cũng như đối với phong kiến Trung Quốc thuở xưa, dân Việt Nam vẫn dùng chính sách dĩ nhu nhược thắng cương cường. Họ giả vờ gãi đầu gãi tai, vâng vâng, dạ dạ, làm cho kẻ thống trị ăn no ngủ yên, lâu ngày sinh ra chủ quan khinh địch. Bệnh chủ quan này người Hán, người Minh, người Pháp ngày xưa đã mắc phải. Ngày nay Việt cộng và các cố vấn “vĩ đại” cũng không sao tránh được.

Vì nếu thực dân và đế quốc có chủ quan của thực dân đế quốc, thì cộng sản cũng có chủ quan đặc biệt của cộng sản. Mặc dù đã học thuộc biện chứng pháp, họ vẫn quên không nhớ rằng mọi vật đều biến chuyển, nên chỉ họ không ngờ rằng ngay trong hàng ngũ của họ đã phát sinh ra những “mâu thuẫn đối kháng” đưa dần đến sự “huỷ thể của huỷ thể”.

Nói một cách khác, Việt cộng không tính đến hai việc: Một việc là giới trí thức đã tham gia kháng chiến dưới quyền lãnh đạo của họ lại dám ngang nhiên nổi dậy chống họ, hai là họ không ngờ rằng đồng chí Khrushchev lại “nỡ lòng” hạ bệ cố đồng chí Stalin vĩ đại.

Chúng ta thử xét xem hai việc này có liên quan mật thiết như thế nào.

*

Nguyên nhân của mọi cuộc cách mạng đều có thể chia làm hai loại: Khách quan và chủ quan.

Những nguyên nhân khách quan là những biến

chuyển quốc tế quốc nội đột nhiên làm giảm uy thế của giai cấp thống trị và nguyên nhân chủ quan là đời sống mỗi ngày một đen tối của giai cấp bị trị, bị áp bức và bóc lột tới một mức không thể chịu đựng lâu hơn.

A. Những nguyên nhân khách quan

Những nguyên nhân này có thể chia làm hai loại: Một là ảnh hưởng quốc tế do bài diễn văn của Khrushchev hạ bệ Stalin gây nên, hai là ảnh hưởng của chiến dịch Cải cách ruộng đất mà giới trí thức miền Bắc đã mệnh danh là một cuộc “ám sát tập thể”.

a) Việc hạ bệ Stalin

Ngay sau khi Stalin nhắm mắt thì những mâu thuẫn nội bộ đã phát sinh từ ngay trong bốn bức tường của điện Kremlin. Nào thanh trừng Beria, lật đổ Malenkov, rồi đến hạ bệ uy tín của mô ma Stalin.

Hiện nay chưa ai biết đích xác tại sao Khrushchev lại giờ cái trò hạ bệ uy tín của một người đã mồ yên mả đẹp một cách kỳ quặc như vậy. Nhưng phần lớn các nhà quan sát quốc tế cho rằng Khrushchev muốn làm khuấy khoả lòng dân Nga giữa lúc những nỗi khổ cực của họ đã chồng chất tới một mức họ không thể chịu nổi. Đổ tất cả tội lỗi lên đầu một kẻ đã quá cố là một diệu kế để xây dựng uy tín của người mới kế nghiệp và tạo cơ hội để thanh trừng nội bộ.

Các đại biểu dự cuộc Hội nghị lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên xô quả đã giật mình khi thấy

Khrushchev kể ra nào Stalin đã lưu đày các dân tộc thiểu số, thủ tiêu hàng vạn đảng viên đối lập, hàng ngàn sĩ quan của Hồng quân. Khrushchev vạch ra nào là sự u mê của Stalin trước hiểm hoạ xâm lăng của Đức Quốc xã, nào là sự ngu độn trong việc điều khiển chiến tranh. Lãnh tụ mới tuyên bố trước Hội nghị rằng nguyên nhân duy nhất của tất cả những sai lầm và tội lỗi mà Nga- xô đã mắc phải trong triều đại Stalin là bệnh sùng bái cá nhân. Khrushchev định nghĩa sự sùng bái cá nhân là: đề cao một vị lãnh tụ thành một thánh sống có tài triệt thấu mọi việc trong thiên hạ, giải quyết được mọi việc cho mọi người mà không hề mảy may sai lầm.

Hội nghị lần thứ 20 cũng sửa đổi lại luận thuyết Stalin, ấy là từ bỏ quan niệm quá khích của Stalin nói rằng “cách mạng nhất thiết phải bạo động và càng tiến tới xã hội chủ nghĩa thì đấu tranh giai cấp càng quyết liệt”. Thay vì chính sách “quá tả” của Stalin, Khrushchev đưa ra một chính sách mềm dẻo hơn, đối ngoại cũng như đối nội, Khrushchev tuyên bố sẽ dân chủ hoá chế độ và hứa hẹn từ nay sẽ lãnh đạo “tập thể”. Đợi mãi không thấy Khrushchev ban bố một biện pháp gì khả dĩ mang lại ít nhiều dân chủ, ngoài việc Khrushchev đi đâu cũng cặp kè với Bulganin cho có bạn đồng hành, các nhà văn Nga bắt đầu lên tiếng đòi hỏi. Người cầm đầu phong trào là Dundinsev. Ông viết một loạt bài báo lấy nhan đề là “Cơm áo không đủ”, trong đó ông trình bày những bất công của chế độ, nhưng khi xin phép

xuất bản thành sách thì nhà cầm quyền Nga không cho. Quyền sách này phải gửi sang Anh xuất bản.

So với các nước Đông Âu thì phong trào đòi hỏi tự do ở Nga tiến chậm hơn, nên chưa kịp gây ảnh hưởng sâu rộng, thì vụ Budapest đã xảy ra, khiến Khrushchev vội vã trở lại chính sách cứng rắn của Stalin và thẳng tay đàn áp.

b) Khẩu hiệu “Trăm hoa đua nở”

Tuy các lãnh tụ Trung cộng phải tuân theo chỉ thị của Đệ tam Quốc tế và công bố tân chính sách, nhưng vì tình hình nội bộ không đến nỗi khẩn trương như ở Nga-sô, nên họ chỉ thi hành một cách hời hợt cho đủ lệ, nghĩa là chỉ tung ra một khẩu hiệu rất lơ mơ là “Trăm hoa đua nở”. Ngoài ra họ tránh không áp dụng một biện pháp nào có tính cách nói rộng tự do dân chủ.

Ngày 25 tháng 5 năm 1956, cục trưởng cục Tuyên huấn của Đảng Cộng sản Trung Quốc là Lục Định nhất triệu tập các nhà khoa học, xã hội học, các văn nghệ sĩ, các đại diện đảng phái bù nhìn và một số “nhân sĩ tiến bộ” đến viện Hoài Nhân đường ở Bắc Kinh để đọc cho họ nghe một bài diễn văn nhan đề là “Bách hoa tể phóng, bách gia tranh minh”. Họ Lục nói rằng hai câu tám chữ đó là ông Mao đã trích ở cổ văn ra và giao cho ông công tác giải thích.

Họ Lục nói rằng:

“Nếu không có nhiều môn phái, nhiều chủ trương thì văn nghệ không thể trở nên phong phú được.”

Vừa mới nói ra, họ Lục lại vội vàng khép lại:

“Hai nghìn năm về trước, trong thời Xuân Thu và Chiến Quốc, Trung Quốc có nhiều học phái khác nhau. Hối đó các học phái đều tự ý phát triển, không phục tùng một hệ thống tư tưởng nào cả, nhưng ngày nay... chính quyền của nhân dân đã thành lập và vững mạnh thì sự tranh luận của bách gia ngày nay phải nằm trong khuôn khổ một chương trình chung.”

Nói về những tương quan giữa văn học và chính trị họ Lục cũng tuyên bố nước đôi như sau:

“Cần phải đề cao sự tự do tranh luận và bênh vực ý kiến trong mọi ngành học thuật nhưng đồng thời cũng không nên lẫn lộn những cuộc tranh luận xây dựng trong nội bộ Đảng với những cuộc tranh đấu để tiêu diệt những phần tử phản động... Có hai lối phê bình: Phê bình kẻ thù và phê bình những đồng chí phạm sai lầm. Phê bình kẻ thù là đập cho nó một trùy vỡ sọ chết tươi, còn phê bình một đồng chí phạm sai lầm là lấy khoan hồng đưa dân họ về với chính nghĩa.”

Ông Lục Định Nhất nói rất nhiều, nhưng quên không định nghĩa thế nào là “kẻ thù” và thế nào là “phạm sai lầm” nên không ai dám đụng chạm đến Đảng, sợ nhờ bị “một trùy vỡ sọ chết tươi” như ông Lục đã cảnh cáo. Vì vậy nên phong trào chống đối ở Trung Quốc chậm phát hơn ở các nước cộng sản khác. Mãi đến 1957 nhóm La Long Cơ mới khởi sự chống Đảng.

c) Tình hình ở các nước Đông Âu, ở Ba Lan

Ba Lan vốn dĩ là một nước có truyền thống quốc gia rất mạnh, nên phong trào chống đối Nga bộc phát trước tiên. Sau vụ Poznan (28-6-56) các nhà cầm quyền Sô-viết nhận thấy sức mạnh của lý tưởng quốc gia nên cố tìm cách đàn áp phong trào. Nhưng đảng Cộng sản Ba Lan tranh chấp quyền hành với Nga-sô, tự ý đón Gomulka từ nhà tù về và đưa lên nắm chính quyền. Đứng trước sự đã rồi, Khrushchev đành nuốt hận làm lành và tiếp đón Gomulka một cách gượng gạo. Về phần Gomulka, ông cũng khéo léo cố tránh không làm gì khiến Nga-sô phải bẽ mặt và kiếm có can thiệp.

d) Ở Hung Gia Lợi

Chỉ vài tháng sau các nhà lãnh tụ Sô-viết phải đối phó ngay với cuộc khởi nghĩa của dân chúng Hung. Trong mấy ngày đầu họ yên trí rằng họ có thể thu hẹp phạm vi ảnh hưởng như việc đã xảy ra ở Ba Lan, nhưng đến khi dân chúng đòi độc lập và dân chủ hoàn toàn thì Khrushchev ra lệnh cho bộ đội quay trở lại đàn áp. Vụ Budapest đã vang dội khắp thế giới và có ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần dân chúng ở Bắc Việt.

e) Tình hình ở Bắc Việt năm 1956

Nếu mang so sánh thì chúng ta có thể nhận thấy các lãnh tụ ở Bắc Việt trong năm 1956 quả đã vất vả hơn các vị đàn anh của họ ở Trung Quốc. Lý do là

vì Trung cộng đã hoàn thành chiến dịch Cải cách ruộng đất từ mấy năm trước khi Đệ tam Quốc tế ban hành đường lối mới nên tình hình chính trị tương đối đã được ổn định. Hơn nữa Trung cộng đã thanh trừng hết mọi phần tử trí thức đối lập trong vụ án Hồ Phong nên nắm vững được tình hình nội bộ để đối phó với làn sóng cách mạng từ Đông Âu tràn sang.

Trái lại, khi Mikoyan, sứ giả của điện Kremlin sang Hà Nội để giải thích về “tân chính sách” thì cuộc cách mạng ruộng đất ở miền Bắc còn đang dở dang, và đang ở giai đoạn chót và mạnh nhất. Đứng trước tình thế đó ông Hồ Chí Minh đành trì hoãn việc ban bố chính sách mới và cứ để yên cho cuộc đấu tố tiếp diễn, vì không có lý gì (theo lời ông Hồ) lại “dội một gáo nước lạnh vào đầu cán bộ”.

Do đó mãi đến tháng tám năm 1956 Việt cộng mới phổ biến quyết định quan trọng của Hội nghị lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên xô, đồng thời tuyên bố “Sửa sai”, vì mãi đến cuối tháng Bảy mới hoàn thành đợt chót của chiến dịch Cải cách ruộng đất, gọi là đợt Điện Biên Phủ. Vì để quá lâu mới mở “súp páp” nên khi mở thì hơi xì phải mạnh hơn. Những nỗi oan ức mỗi ngày một chồng chất thêm đã gây trong dân chúng một không khí căm thù đối với chế độ mỗi ngày một sâu rộng. Đồng thời tình hình Đông Âu mỗi ngày một căng thẳng. Vụ Poznan đã xảy ra ngày 28- 6-1956 và kể đến vụ Budapest, ngày 23-10-1956 làm rung chuyển bộ máy thống trị của Đệ tam Quốc tế ở khắp các nước chư hầu.

Chiến dịch sửa sai

Chiến dịch này bắt đầu bằng việc giải thích bằng báo chí và bằng “học tập” về quyết nghị của Hội nghị lần thứ 20, trong đó có nói đến “bệnh tôn sùng cá nhân” và “chính sách tập thể”. Việc thứ hai là “hạ bệ” ông Trường Chinh và ông Hồ Viết Thắng, và thả ra 12 ngàn đảng viên bị cầm tù vì bị quy là địa chủ, trong số đó có nhiều người đã bị lên án tử hình.

Ảnh hưởng của “sửa sai” ở nông thôn

Sau khi các đảng viên trung kiên được tha từ nhà tù về, được khôi phục công quyền, khôi phục đảng tịch và chức vụ thì họ tìm ngay đến các “đồng chí” đã “tổ sai” để trả thù. Do đó tình trạng xung đột giết chóc giữa đảng viên cũ và đảng viên mới lan rộng khắp mọi nơi. Uy tín của Đảng bị sụp đổ, cán bộ đâm ra hoang mang. Trong dịp này nhà văn Nguyễn Sáng có nói một cách hài hước: “Lạc quan sai; bi quan cũng sai; chỉ có *hoang mang* mới đúng”. Nhân dân được dịp đòi lại ruộng nương, nhà cửa bị tịch thu.

Ở nông thôn các đảng viên đi họp phải mang búa theo để “thảo luận” với nhau. Những địa chủ được tha về, thấy tình trạng làng xóm như vậy, vội vàng chạy ra thành phố ở nhờ các gia đình “tiểu tư sản” hồi kháng chiến đã trú ngụ tại nhà mình. Các bản cổ nông, trót nghe lời Đảng “tổ điều” nay sợ bị rạch mồm, cắt lưỡi, cũng vội vàng chạy ra thành phố để đạp cyclo và đi ở. Vì vậy nên dân số ở Hà Nội, Nam

Định đột nhiên tăng gấp bội và không khí căm thù ở nông thôn lan ra thành phố, lây cho công nhân, tiểu tư sản, sinh viên và trí thức. Đáp lại vụ nổi loạn của nông dân ở Quỳnh Lưu, thanh niên và công nhân “Nam bộ tập kết” đập phá bót cảnh sát Bờ Hồ Hà Nội (bên cạnh ga tàu điện, đầu phố Cầu Gỗ).

B. hững nguyên nhân chủ quan

Trí thức ở miền Bắc trước kia đã chân thành hợp tác với cộng sản để kháng chiến mà ngày nay phải đứng dậy chống lại chính quyền cộng sản, một phần vì *nhiệm vụ thiêng liêng của họ bắt họ phải luôn luôn tranh đấu cho tự do dân chủ* mà chế độ cộng sản cũng chỉ hèn hờ nhưng thực sự không mang lại. Một phần khác cũng vì *chính bản thân họ* bị bóc lột và bị áp bức tới mức độ mà không ai chịu nổi. Nhìn xung quanh mình, người trí thức chỉ thấy chém giết và khủng bố, dã man hơn cả những thời kỳ mà sử sách đã ghi chép, nhìn vào bản thân, họ thấy họ trở thành một thứ tôi đòi, vừa bị bóc lột vừa bị chà đạp. Từ giai cấp tiểu tư sản họ tụt xuống trở thành vô sản. Từ địa vị lãnh đạo tư tưởng và học thuật họ đã trở thành một thứ người mà ông Mao ngang nhiên gọi là “không ích lợi bằng cục phân”.

a) Đòi sống vật chất của giới trí thức ở miền Bắc

Ai cũng biết trong thời gian kháng chiến giới

trí thức đã phải sống một đời sống cơ cực. Câu chuyện cụ Phan Khôi khi trở về Hà Nội, được bạn thân đãi com có thịt gà, cầm đũa chĩa vào miếng thịt trên mâm mà nói đùa: *“Chín năm nay tao lại mới gặp mày”*, đã trở thành một giai thoại.

Nhưng không phải tất cả văn nghệ sĩ về Hà Nội đều gặp được thịt gà. Một đoạn trong bản đề án của ông Hoàng Huế, một thi sĩ tập kết, gửi Đại hội Văn nghệ Toàn quốc, đăng trong tập *Giai phẩm* đã tả cho chúng ta biết tình hình sinh hoạt vật chất của đa số văn nghệ sĩ ở chiến khu trở về Hà Nội.

Ông Hoàng Huế viết:

“Ai cũng biết rằng đời sống của chúng ta thiếu thốn quá. Đây là một sự thật buồn bã vẫn hàng ngày đập vào mặt chúng ta làm cho những kẻ đơn giản nhất cũng phải suy nghĩ.

Chúng ta không thắc mắc về cảnh sống trong kháng chiến. Nhưng trở về Hà Nội, giữa những phố xá đầy nhung lụa, tủ kính và ánh đèn xanh đỏ, có lẽ chưa bao giờ người nghệ sĩ cảm thấy cay đắng như lúc này. Cần phải nói thẳng rằng ở một toà soạn báo văn nghệ, trong số 8 biên tập viên có vợ, thì 6 người đã thất nghiệp hay bán thất nghiệp. Những trang giấy trắng đáng lẽ chỉ dùng để chép thơ cũng đã bao lần biến thành đơn xin việc. Những lá đơn ấy gởi đi rồi im lặng không nghe một tiếng trả lời.

Sự thật đã có những nhà văn viết đêm, không có một tách cà phê để uống. Đã có những thi sĩ không làm thế nào mua được dăm điều thuốc lá trong cơn nghiện, và

đã có một kịch sĩ bán chiếc đồng hồ đeo tay của mình để bồi dưỡng viết cho xong cuốn sách, nhưng in ra không đủ tiền để chuộc chiếc đồng hồ.

Hữu Loan có thể nói cho chúng ta biết tình cảnh của anh. Nằm trong bóng tối của một gian nhà nhỏ ở ngoại ô Hà Nội khi không có tiếng vợ kêu con khóc, Hữu Loan chỉ mơ ước có một ngọn đèn dầu để thắp mà viết. Văn Ký cũng có thể nói cho chúng ta biết tình cảnh của anh. Buổi sớm mai không có củ khoai luộc cho con ăn, nghe tiếng con kêu khóc mà đứt ruột.”

Đoạn văn kể trên là lời phát biểu của thi sĩ Hoàng Huế về đời sống vật chất của giai cấp mà cụ Phan Khôi mệnh danh là “*quần chúng văn nghệ*”. Căn cứ vào những lời trình bày của ông Hoàng Huế thì đời sống của văn nghệ sĩ sau khi họ về Hà Nội còn cực hơn thời kỳ họ nằm gai nếm mật ở chiến khu gấp bội lần. Nhưng không phải mọi văn nghệ sĩ đều sống một cách đen tối như vậy. Đây là lời ông Hoàng Huế tả về đời sống của cấp lãnh đạo, một giai cấp mà Milovan Djilas gọi là “*giai cấp thống trị mới*”:

“Hai năm hoà bình, chúng ta thấy có nhiều nhà văn (trước kia) có tài, (ngày nay) bị buộc chặt vào địa vị bằng những sợi lụa có tẩm thuốc độc. Tác phẩm của họ (ngày nay) chỉ là chỉ thị, kế hoạch, công văn, thông cáo. Họ trình trọng thất cà vạt đỏ, đi giày da vàng, đọc đít cua và nhồm nhoàm ăn tiệc, rồi lại xách va ly, bay đó bay đây, trên mây trên gió.”

Đây là thi sĩ Hoàng Huế muốn nói đến các nhà văn như Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân,

Nguyễn Đình Thi, Hoài Thanh, Xuân Diệu vãn vãn... Họ là cấp lãnh đạo, chuyên môn ra chỉ thị, kế hoạch cho quần chúng văn nghệ thi hành, nghĩa là sản xuất theo “com măng” của Đảng đặt. Còn bọn quần chúng văn nghệ thì nai lưng sáng tác để bán rẻ văn chương cho Đảng lấy mỗi tháng vài chục kí lô gạo.

Hiện nay trong giới văn nghệ sĩ ở miền Bắc có hai giai cấp, sống hai đời sống quá chênh lệch. Cụ Phan Khôi gọi giai cấp trên là *giai cấp lãnh đạo* và giai cấp dưới là giai cấp *quần chúng văn nghệ*. Cụ Phan Khôi gọi như vậy vì cụ muốn nói cho có văn vẻ. Sự thực thì nhiều người gọi một cách nôm na là “*cai văn nghệ*” và “*cu ly văn nghệ*”. Gọi bằng hai danh từ đó mới thực sự nêu lên được tình trạng “người bóc lột người”. Người bóc lột hiện nay không phải là một nhân vật cầm ba-toong, ngậm xi-gà mà là Đảng, một vật vô hình, bóc lột hàng triệu nô lệ làm việc bằng chân tay hay bằng trí óc, để nuôi một lũ cán bộ “thất cả vật đồ và ăn tiệc nhồm nhoàm”.

Đây quả thật là một cuộc đấu tranh giai cấp, giữa một giai cấp thống trị ngồi mát ăn bát vàng và một giai cấp bị trị, bị bóc lột đến tận xương tủy.

Trong khi bọn văn nghệ sĩ dám can đảm sống với lý tưởng của mình để không có củ khoai mà ăn thì Nguyễn Tuân sang Helsinki dự Hội nghị Hoà bình Thế giới, ở một khách sạn lớn vào bậc nhất mà còn chê là cơm ở khách sạn đó không hợp khẩu vị. Nguyễn Tuân viết:

“Mỗi ngày ăn ba bữa, khẩu phần thừa thãi bỏ béo; nghi thức lúc ăn thực là sang trọng; đồ sứ, pha lê, khăn bàn trắng muốt, quanh bàn ăn chốc chốc lại cử nhạc, những chị đưa món ăn trông đẹp như rượu rót trong các truyện thần thoại... Nhưng tôi ăn uống sao không thấy ngon...”.

(Xem bài “Phở” của Nguyễn Tuân trong phần tài liệu.)

Còn Nguyễn Công Hoan khi sang dự Hội nghị Văn hoá Á châu lại đương nhiên vào nằm ở khách sạn Asoka là khách sạn nổi tiếng là nơi trú ngụ của các bậc đế vương trên thế giới.

b) Đời sống tinh thần của văn nghệ sĩ ở miền Bắc

Sự chênh lệch không những chỉ thể hiện trên đời sống vật chất, mà còn thể hiện sâu sắc hơn trong cuộc sống tinh thần. Trong khi quần chúng văn nghệ phải làm việc như tôi mọi, thì một thiểu số, vừa thiếu đức vừa thiếu tài, chỉ khéo nịnh hót để ăn trên ngồi chốc, tác oai tác quái. Một văn nghệ sĩ giấu tên đã làm bài thơ sau đây đăng trong báo *Văn* số 24 ngày 10-10-1957.

Ông “Vỗ ngực”

Học thuật văn chương chứa sạch nghề

Tập toè lên lớp cũng khen chê

Giáo điều khó nuốt lên thô bạo

Lý luận không tiêu kéo nặng nề.

Tình cảm khô khan như củi gộc

Phê bình nông nặc tựa com kê.

Anh em vận lại, cùng kỳ lý,

Vỗ ngực, ông giờ Đảng chục loè.

Không phải chỉ có loè không mà còn mắng thực sự. Chúng có là Nguyễn Công Hoan, tên lý trưởng văn nghệ đã từng nằm ở khách sạn Asoka mắng cụ Phan Khôi, tên cu ly văn nghệ đáng tuổi bố.

Sự thể là nhân dịp cụ Phan Khôi thượng thọ 70 tuổi, giữa lúc cụ đương bị Đảng quy vào tội phản động, không một ai dám lai vãng đến chúc thọ cụ vì sợ bị liên quan, cụ bèn làm một bài thơ để kỷ niệm ngày thượng thọ của cụ. Trong bài thơ đó có hai câu như sau:

Lên bảy mươi rồi mẹ nó ơi!

Thọ ta, ta chúc lọ phiền ai.

Bài thơ này không xuất bản, nhưng cũng đến tai Nguyễn Công Hoan, Hoan liền làm một bài thơ hoạ lại như sau:

Nhấn bảo Phan Khôi khốn kiếp ơi!

Thọ mi, mi chúc chó hòng ai.

Văn chương! Đù mẹ thằng cha bạc!

Tiết tháo! Tiên sư cái mẽ ngoài

Lô-dích, trước cam làm kiếp chó,

Nhân văn, nay lại hít gì voi,

Sống dai thêm tuổi, cho thêm nhục,

Thêm nhục com trời, chẳng thấy gai.

Đại khái thì toàn bộ giai cấp mới đều đều cáng và hèn hạ như vậy.

Trên đây là thơ, còn những đoạn văn xuôi chúng

nhận rằng hiện nay ở miền Bắc đã phát xuất những hạng người thô bạo và hống hách như vậy thì có rất nhiều.

Cụ Phan Khôi, trong bài “Phê bình lãnh đạo văn nghệ” (xem phần tài liệu) mang cộng sản ra so sánh với phong kiến và kết luận rằng cộng sản còn tàn bạo và quan liêu hơn phong kiến gấp nhiều lần.

Trần Duy trong bài “Những người khổng lồ” (xem phần tài liệu) ví bọn cán bộ cộng sản như một lũ người “không tim”.

Ngoài ra ông còn vẽ bức tranh khôi hài nhan đề “Một phương pháp xây dựng văn nghệ”, đăng trong báo *Văn* số 30 ra ngày 29-11-1957, trong đó ông chế giễu sự can thiệp thô bạo của chính trị vào lĩnh vực văn nghệ. (Xem tranh ở trang 35.)

Nhưng đặc biệt nhất là bài “Thi sĩ máy” của Như Mai đăng trong tờ *Nhân văn* số chót trong đó ông chế giễu sự ngu dốt của cán bộ cộng sản về văn nghệ và cách chúng đối xử với văn nghệ sĩ sau này như thế nào. Ông viết:

“... Nhạc sĩ Áo Huyễn được cử đi học lớp ‘nghiên cứu nghề làm nước mắm’; họa sĩ Lập Thể được điều động sang Mậu dịch; nữ sĩ Trong Trắng ném bút làm nghề đồ đồ, thi sĩ Máy Nước ra Bờ Hồ làm nghề bói Kiều, tán róc về thành phần giai cấp cho những người có óc mê tín.

Văn sĩ Đắc Văn Cay phải ra chợ Giời làm nghề bán văn kiêm bán sấm lớp. Sấm lớp vì cần được khuyến khích nên miễn thuế, còn văn của Đắc Văn Cay thì bị liệt vào hạng vô dụng và phải chịu thuế bốn phần trăm.

Rất ít người chịu quăng tiền ra mua. Đôi ba vị khó tính lại còn rủa rói: ‘Văn chương anh thì ra cái đếch gì! Không ích lợi bằng chiếc đế dép cao su của tôi nữa kia!’.

Nhà đạo diễn Kinh Kha được chuyển sang ngành nuôi cá vàng, mỗi khi luyến tiếc sân khấu, thường ngắm cá bơi lội rồi tưởng tượng con cá vây bạc óng ả này là Diêu Thuyền, con cá mặt đen nọ là Bao Công, cặp cá đuôi cò lỏi mắt kia là đôi nhân vật tiểu tư sản, v.v.”

(Xem trọn bài trong phần tài liệu)

Viết mấy dòng này Như Mai có ý nhắc nhở những trí thức nào còn mê “thiên đường cộng sản” thì hãy nên biết trước số phận mà cộng sản sẽ dành cho mình trên cõi thiên đường đó.

c) Tâm trạng của giới trí thức ở miền Bắc

Tâm trạng của đại đa số trí thức ở miền Bắc, nhất là những tir thức đã dày công theo đuổi kháng chiến, là thấy mình bị lợi dụng tài năng, bị bạc đãi, khinh miệt và cuối cùng là ruồng bỏ, và khùng bố. Tâm trạng đó giống hệt tâm trạng một người đàn bà đẹp, bị rơi vào phận lẽ mọn, và bị chồng và vợ cả vùi dập. Nếu ngày xưa Hồ Xuân Hương đã cảm cảnh vợ lẽ mà thốt ra câu:

Chém cha cái kiếp lấy chồng chung

Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng

Thì ngày nay cụ Phan Khôi cũng phải ngán cảnh “kháng chiến ngô ngoài” mà ngâm mấy vần thơ sau đây:

Tuổi già thêm bệnh hoạn

*Kháng chiến thấy thừa ta
Mối sầu như tóc bạc
Hể cắt lại dài ra.*

Ông Nguyễn Mạnh Tường trong bài diễn văn của ông nói về những sai lầm trong Cải cách ruộng đất cũng phải nêu lên câu hỏi sau đây:

“Có một chỗ nào mà người trí thức ngoài Đảng nắm được thực quyền hay không? Tác dụng ‘hiếu hỉ’ hay ‘cười gât’ thì có, mà lại có nhiều. Nhưng ngay ở các cương vị ấy, ngoài vai trò hiếu hỉ, cười gât, người trí thức có một trách nhiệm gì không? Có quyền nói gì, làm gì không? Quần chúng đã biết và tôi miễn giả lời.”

(Xem trọn bài trong phần tài liệu.)

Trí thức “sống chung” với cộng sản, chỉ được đặt vào địa vị “hầu non” cười về để tô điểm cho nhà cửa thêm sáng sủa, còn thực quyền thì bao giờ cũng do vợ cả nắm. Vợ cả đây, ai cũng biết là bản cố nông, vì cộng sản chẳng hề giấu diếm điều đó.

Tâm trạng thứ hai của trí thức là thấy sự hy sinh của mình trong chín mươi năm trời không đưa lại may mắn hạnh phúc. Trong chế độ “dân chủ cộng hoà” ngày nay vẫn đầy rẫy một lũ chuyên môn nịnh hót để chấm mút và tác oai tác quái.

Hữu Loan đã phải rên rỉ như sau:

Một điều đau xót

Trong chế độ chúng ta

Trong chế độ “Dân chủ Cộng hoà”

Những thằng nịnh hót còn thên thang đất sống...

Rồi ông hô hào mọi người hãy đứng lên làm

“tổng vệ sinh” quét sạch lũ chúng, ông hô:

Những người đã đánh bại xâm lăng;

Đỏ bừng mặt

vì những tên quốc sĩ

Ngay giữa thời nô lệ

Là người, chúng ta không ai biết cúi đầu

(Xem trọn bài trong phần tài liệu.)

Vì đỏ bừng mặt, không chịu được sự khinh mạn của cộng sản, nên họ phải vùng dậy. Cụ Phan Khôi phần uất quá chừng nên nói liều như sau:

Làm sao cũng chẳng làm sao,

Dẫu có thế nào cũng chẳng làm chi.

Làm chi cũng chẳng làm chi,

Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao.

Từ chỗ uất ức đó tiến tới chỗ ra báo để ngang nhiên chống lại Đảng chỉ có một bước.

CHƯƠNG 2: LỊCH TRÌNH ĐẤU TRANH CỦA TRÍ THỨC Ở MIỀN BẮC

Chúng ta đều biết rằng trí thức ở miền Bắc mới nổi dậy tấn công ào ạt vào lãnh đạo từ mùa Xuân 1956, nhưng nếu ta kể cả những cuộc chống đối lẻ tẻ và ngầm ngầm thì ta phải công nhận rằng cuộc đấu tranh giữa Đảng và quần chúng văn nghệ đã có từ lâu. Sở dĩ ta không nghe nói đến là vì trong thời gian kháng chiến, các văn nghệ sĩ không dám đứng lên công khai chống chọi với Đảng, vì hồi đó hơi một tí là Đảng có thể khép vào tội Việt gian phản quốc.

Và lại, lúc bấy giờ đa số trí thức tham gia kháng chiến cũng chưa muốn công khai chống lại Đảng. Họ vẫn biết Đảng là Đảng Cộng sản, ông Hồ Chí Minh là tên nguy trang của Nguyễn Ái Quốc, nhưng vì lòng chân thành ái quốc, và vì chưa ý thức được cái nguy cơ cộng sản, họ vẫn thụ động để cho cộng sản lãnh đạo, vì họ quan niệm rằng, sau khi đánh

đuổi được Pháp ra khỏi bờ cõi, thì sẽ quay trở lại chống cộng cũng vừa.

Diễn hình của thái độ này là kỹ sư *Hồ Đắc Liên*, em ông *Hồ Đắc Diễm*. Ông Liên trong lúc mới tham gia kháng chiến có giờ cao nắm tay trước mặt người bạn thân mà tuyên bố rằng: “*Còn phải chống Pháp thì tôi còn đi với chúng (ám chỉ cộng sản), khi nào độc lập rồi thì chúng sẽ biết tay tôi*”.

Ông Liên là một trí thức du học ở bên Pháp về nên ngây thơ đến mức đó. Những người khác sinh trưởng trong nước, không đến nỗi ngây thơ như ông. Tuy nhiên, ai cũng mắc phải cái lỗi là không ngờ rằng chế độ cộng sản dã man quá mức. Nhiều người đã đọc cuốn *Retour de l' URSS* của André Gide, nhưng ai cũng hy vọng rằng cộng sản ở Nga lúc xưa khác, cộng sản ở Việt Nam bây giờ khác.

Nói chung ai cũng nghĩ rằng Việt Minh tuy là cộng sản, nhưng nhiệm vụ của họ là kháng chiến chống Pháp trước đã, khi nào độc lập rồi mà *Việt Minh thực hiện chủ nghĩa cộng sản, lúc bấy giờ họ xoay sở cũng kịp*. Ít ai ngờ rằng Cộng sản sẽ phản bội Quốc gia trước khi kháng chiến thành công, vì không mấy người nhớ rằng ngày xưa, khi cộng sản Trung Hoa liên kết với Quốc dân Đảng trong cuộc Bắc phạt, họ đã bị Quốc dân Đảng trở tay trước và tiêu diệt họ.

Ít ai nhớ rằng Nguyễn Ái Quốc lúc bấy giờ phải chạy long tóc gáy mới thoát nạn, nên rút kinh nghiệm, lần này họ liên kết với những người kháng chiến có tinh thần quốc gia, họ Hồ phải trở mặt

trước. Cũng vì sự xao nhãng đó nên giới trí thức ở miền Bắc, như Phan Khôi, Nguyễn Mạnh Tường, là những người chỉ tham gia kháng chiến vì lý tưởng quốc gia, ngày nay lâm vào tình trạng khó khăn.

Tình hình văn nghệ trong vùng kháng chiến 1956-1954

Thời kỳ ấy là thời kỳ kháng chiến của nước ta, nhưng nếu đem so với lịch cộng sản quốc tế thì có thể gọi thời đại ấy là Triều đại Stalin. Ngay từ thời bấy giờ văn nghệ sĩ tham gia kháng chiến đã chia làm hai phái. *Một phái đảng viên, và một phái không đảng viên.* Tuy chưa có xung đột công khai, nhưng hai phái vẫn không ưa nhau.

Phần lớn những văn nghệ sĩ đảng viên như Tố Hữu, Hoài Thanh, Xuân Diệu đều tập trung ở Việt Bắc, gần Trung ương, gần Đảng để nắm vai lãnh đạo. Còn quần chúng văn nghệ sĩ thì phần đông đều cố ý muốn tránh Trung ương, tránh Đảng, nên họ vẫn lẩn quất ở miền xuôi, miền đồng bằng, gọi là khu Ba, và sau khi khu Ba bị quân Pháp chiếm cứ thì họ tản cư vào Thanh Hoá.

Lúc bấy giờ các văn nghệ sĩ không Đảng này được Nguyễn Sơn, một thiếu tướng Việt cộng trọng dụng, biệt đãi, nên họ có dịp tụ hội lại một nơi và gây thành một sức mạnh. Ngày nay nói đến vụ án *Nhân văn* tưởng cũng nên nói đến vai trò của Nguyễn Sơn, vì nhóm *Nhân văn* coi Nguyễn Sơn như một ân nhân. Chúng có lẽ hỏi Nguyễn Sơn chết

tháng 10 năm 1956, báo *Nhân văn* có đăng một bài khóc Nguyễn Sơn.

Tuy Nguyễn Sơn là một tay cộng sản đã nổi danh ở bên Trung Quốc, nhưng Nguyễn Sơn vẫn chưa gột hết tinh thần quốc gia. Thấy nước nhà kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Sơn nằng nặc xin với Mao Trạch Đông cho về để giúp nước, và khi về nước thì chỉ chú trọng đến việc đánh Pháp, không chú trọng đến việc bành trướng Đảng. Sau này Nguyễn Sơn ngang nhiên chống lại Đảng vì phản đối chủ trương nhận viện trợ của Trung cộng. Nói cho đúng thì *Nguyễn Sơn là một thứ Tito trong hàng ngũ cộng sản Việt Nam.*

Khi Nguyễn Sơn làm khu trưởng khu Bốn, ông ta tập trung tất cả các văn nghệ sĩ ở khu Bốn lại một nơi rồi giúp cho họ phương tiện để sinh sống, để sáng tác vì Nguyễn Sơn đề cao văn nghệ, và yêu mến văn nghệ. Nhưng từ 1950 trở đi, sau khi Nguyễn Sơn bị đui về Tàu thì cuộc đời của nhóm văn nghệ sĩ khu Bốn bắt đầu đen tối Họ bị bạc đãi nên họ không chịu sáng tác nữa.

Mỗi lần cấp bộ lãnh đạo đòi hỏi thì họ cứ khất lần, họ nói rằng họ còn “*đương thai nghén*” chưa sản xuất được, và cuối cùng trong mấy năm, từ 1950 cho đến 1954 chẳng có văn nghệ sĩ nào sản xuất gì hết. Thái độ “*đình công tập thể*” này được chứng minh bằng một câu của cụ Phan Khôi trong bài: “Phê bình lãnh đạo văn nghệ” của cụ. Nói về Thế Lữ, cụ viết: “Còn Thế Lữ, có lần tôi hỏi tại sao anh không

làm thơ như trước kia. Anh trả lời rằng đợi đến bao giờ anh ‘chỉnh’ được tâm hồn, cảm thông được với quần chúng cần lao, bấy giờ anh sẽ làm”. Thái độ này không phải chỉ riêng Thế Lữ. Văn Cao, tác giả bài “Tiến quân ca” cũng đã thốt ra rằng: “Nay Đảng bảo phải, mai Đảng bảo sai, ai còn biết đường nào mà sáng tác”.

Nói chung từ 1950 trở đi, nghĩa là từ khi chính sách của Việt cộng thay đổi và các cố vấn Tàu đã sang Việt Nam thì các văn nghệ sĩ không Đảng đã đình chỉ mọi công việc sáng tác. Vì vậy nên từ 1950 trở đi các văn nghệ sĩ kháng chiến không sản xuất được một tác phẩm nào có giá trị, ngoài những bài thơ ca ngợi Đảng, ca ngợi Bác, của nhóm văn nghệ sĩ thuộc thành phần lãnh đạo viết. Tuy có viết, có xuất bản, nhưng những thơ văn nịnh hót đó cũng chẳng có ai đọc.

Đây là một bài Tố Hữu tán dương Hồ Chí Minh và Sít-ta-lin:

Hoan hô Hồ Chí Minh
Cây hải đăng vô sản
Bão táp chẳng rung rinh
Lửa trường kỳ cách mạng
Hoan hô Sít-ta-lin
Đời đời cây đại thọ
Rợp bóng mát hoà bình.
 Hoặc là:
Chúng ta có Bác Hồ
Thế giới: Sít-ta-lin

Đảng ta phải mạnh to

Thế giới phải đổ mình.

Ở một chỗ khác, thi sĩ khát máu hô:

Giết, giết nữa, bàn tay không phút nghỉ

Cho ruộng đồng lúa tốt, thuế mau xong,

Cho Đảng bền lâu, cùng rập bước chung lòng

Thờ Mao Chủ tịch, thờ Sít-ta-lin... bắt diệt.

Trên đây là thơ của Tố Hữu, còn sau đây là thơ của Xuân Diệu:

Mỗi lần đấu tranh gay go

Chúng con lại được Bác Hồ tới thăm,

Nghe lời Bác dạy khuyên răn,

Chúng con ước muốn theo chân của Người...

Chúng con thể nguyện một lời:

Quyết tâm thành khẩn... lột người từ đây.

Trên đây là thơ Xuân Diệu nịnh Bác, còn sau đây là lời Xuân Diệu nạt nhân dân. Ta hãy nghe lời hò hét:

Anh em ơi! Quyết chung lưng

Đấu tranh tiêu diệt tàn hung tử thù

Địa hào, đối lập ra tro,

Lưng chùng phản động đến giờ tan xương.

Thắp đuốc cho sáng khắp đường,

Thắp đuốc cho sáng đình làng đêm nay.

Lôi cổ bọn nó ra đây

Bắt quỳ gục xuống, đoạ đây chết thôi...

Đại khái thì từ 1950 cho đến 1954, trong vùng cộng sản kiểm soát chỉ có một lối thơ khát máu như vậy thôi. Là những người văn nghệ sĩ chân chính, còn giữ vững bản tính cao quý của con người, dĩ

nhiên ai cũng phải tạm thời gác bút, vì không thể nào hoà điệu được với một hạng người như vậy.

Tóm lại, các văn nghệ sĩ ở vùng kháng chiến đã dành công dài hạn từ 1950 trở đi, để tỏ ý không tán thành đường lối của Đảng, chế độ độc tài của Đảng, và nhất là chính sách “đấu tố” do các cố vấn Trung Quốc nhập cảnh vào Bắc Việt.

Những triệu chứng báo hiệu cuộc nổi loạn

Sau khi Việt cộng về Hà Nội, thì báo chí, sách vở xuất bản ở Hà Nội vẫn đầy rẫy những bài ca tụng Đảng, ca tụng Bác, những bài “anh hùng ca” kêu gọi nông dân đứng dậy tàn sát địa chủ, phản động, lòng thù. Nhưng hình như từ ngày bác Malenkov bị hạ bệ thì uy tín của Đảng có bị giảm mất một phần. Trên mặt báo giới tuy chưa có bài nào công kích hẳn chế độ, nhưng báo *Thời mới*, một tờ báo của tư nhân còn sót lại nêu ra nhiều vấn đề để độc giả thảo luận, trong số đó có vấn đề “Yêu nhau có cần tiêu chuẩn hay không?”, nghĩa là: Có nhất thiết phải là cán bộ Đảng mới đáng được các cô con gái yêu không? Ngụ ý của người đưa ra vấn đề này là đã phá cái tệ mới phát hiện ở Hà Nội là các cô gái chưa chồng đua nhau lấy cán bộ Đảng, cán bộ “Bốn túi” (Cán bộ bốn túi là cán bộ cao cấp, vì cán bộ cấp dưới chỉ được mặc áo có hai túi). Lúc bấy giờ có khẩu hiệu “Phi bốn túi bắt thành phu phụ”.)

Những bài này không đã động đến đường lối chính sách của Đảng, nhưng một phần nào cũng đã làm giảm uy tín của cán bộ lãnh đạo.

Thế rồi cụ Phan Khôi xuất đầu lộ diện. Nhà Nho bảy mươi tuổi bắt đầu đả kích chế độ bằng một mưu mẹo mà cán bộ cộng sản mắc ngay tức khắc. Cụ được cán bộ giao cho dịch một cuốn sách có chữ Pháp sang tiếng Việt, trong đó có một chữ “Pomme de terre”, cụ dịch ngay ra là “khoai nhạc ngựa”. Cuốn sách cụ dịch được xuất bản, và sau đó ít lâu báo *Cứu quốc* viết một bài phê bình cụ là lảm cẩm, bảo cụ: “Sao không dịch là ‘khoai tây’ mà lại dịch là khoai nhạc ngựa. Khoai nhạc ngựa là cái quái gì?” Báo *Cứu quốc* cứ yên trí rằng cụ Phan đã 70 tuổi đầu nên cụ đã lảm cẩm. Không ngờ trẻ mắc mưu già. Cụ trả lời ngay bài phê bình đó. Cụ nhận ngay là lảm cẩm, nhưng cụ phân bua rằng: Cán bộ phụ trách lâu nay cẩm cụ dùng chữ “tây”. Có lần cụ dùng chữ “đường tây”, chúng xoá đi mà thay vào chữ “đường kính”. Cụ dùng chữ “chè Tàu” thì chúng chữa là “chè Trung Quốc”, chữ “thịt kho tàu” thì chúng chữa là “thịt kho Trung Quốc”. Lần này để chiều ý chúng, cái gì cũng phải Trung Quốc mới hay, thì cụ dịch “pomme de terre” ra “khoai nhạc ngựa” vì người Trung Quốc gọi nó là “mã linh thư”.

Đấy là lần đầu tiên cụ Phan Khôi mang cái dốt của cán bộ ra giễu trên mặt báo chí. Việc này chúng tỏ rằng uy tín của cán bộ đã bắt đầu bị suy sụp.

Cuộc khởi nghĩa bắt đầu

Ngày 20 tháng 2 năm 1956 Khrushchev đọc bài diễn văn hạ bệ Stalin. Tuy bài diễn văn này đọc

trong một khoá họp bí mật, nhưng tài liệu đó cũng lọt ra ngoài, và không bao lâu toàn thể thế giới đều biết. Việt cộng cố giấu, nhưng giới văn nghệ miền Bắc vẫn biết được, vì họ đọc một vài tờ báo Pháp lọt vào tay họ. Không khí chống lại Đảng dưới hình thức chống tinh thần Stalin bắt đầu. Vào khoảng tháng 3 năm 1956 nhà xuất bản Minh Đức ở chiến khu về cho ra ngay một cuốn sách nhan đề *Giai phẩm 1956*. Trong cuốn này có nhiều bài nêu lên những thói nát của chế độ. Phùng Quán viết một bài nhan đề là “Cái chổi quét rác rưởi” trong đó anh nói rằng chế độ miền Bắc đầy những rác rưởi dơ bẩn và anh, lấy tư cách là nhà văn, tình nguyện làm cái chổi quét cho sạch những rác rưởi đó. Cũng trong số đó Lê Đạt có viết một bài nhan đề là “Ông Bình vôi”, trong đó có câu:

Những kiếp người đã sống lâu trăm tuổi

Y như một cái bình vôi

Càng sống càng tối

Càng sống càng bé lại

Bề ngoài thì bài này chỉ công kích những cán bộ nhiều tuổi Đảng, sống lâu lên lão làng, nhưng kỳ thực người dân Bắc Việt có thể hiểu ngay là ám chỉ ông Hồ Chí Minh, càng sống, càng tối, vì ngày nay ông Hồ không còn thương nước thương nòi như hồi ông còn là Nguyễn Ái Quốc nữa. Đây là một thái độ lão xược vô bờ bến, nhưng Việt cộng không dám bắt bẻ, vì nếu nêu bài thơ ấy ra thì mất hết uy tín của ông Hồ. Bài mà họ nêu ra để khủng bố, là bài “*Nhất định*

thắng” của Trần Dần, một nhà thơ trẻ tuổi. Bài thơ dài hơn năm trăm câu, tả sự khổ cực của hai vợ chồng tác giả, thiếu thốn, thất nghiệp, đi trong thành phố Hà Nội mà chỉ thấy “mưa sa và máu cờ đỏ”.

Trong bài thơ ấy, tác giả cũng nêu lên sự đau xót khi thấy hàng vạn người cứ tiếp tục bỏ vùng Việt cộng mà di cư vào Nam. Không nói rõ nhưng ngụ ý của tác giả là: chế độ miền Bắc quá dã man nên họ phải xa lánh, chứ chẳng có ai dụ dỗ họ bỏ nhà bỏ cửa vào Nam như là tuyên truyền Việt cộng vẫn thường rêu rao. Tất cả trách nhiệm về cuộc di cư vĩ đại này Việt cộng phải chịu. Trong bài thơ đó có một đoạn như sau:

*Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc
Tai bỗng nghe những tiếng thì thầm –
Tiếng người nói xen tiếng đời ầm ả –
Chúng phá hiệp thương! –
Liệu có hiệp thương! –
Liệu có tuyển cử? –
Liệu tổng hay chẳng tổng? –
Liệu đúng kỳ hay chậm vài năm?
Ôi! Xưa nay
Người vẫn thiếu tin Người
Người vẫn kinh hoàng trước tương lai...
(Xem trọn bài trong phần giới thiệu.)*

Vì chữ “Người” trong hai dòng cuối bằng chữ hoa, nên cán bộ lãnh đạo vịn ngay vào có đó để buộc cho Trần Dần có ý ám chỉ ông Hồ Chí Minh vì xưa nay chữ *Người* viết hoa vẫn dành riêng cho ông Hồ.

Như vậy là tờ *Giai phẩm mùa Xuân* bị tịch thu và Trần Dần bị bắt, bị mang ra đấu trước một cuộc họp đông đảo của toàn thể các văn nghệ sĩ trong “Hội các nhà văn”. Trần Dần bị quy vào tội phản động và bị bắt giam. Phần uất quá, Trần Dần cắn cổ tự tử, nhưng không chết, sau này vẫn mang một cái sẹo ở cổ. Cái sẹo đó trở thành một dấu hiệu của sự áp bức văn nghệ dưới chế độ cộng sản miền Bắc.

Giai phẩm mùa Thu ra đời

Nhưng chẳng bao lâu thì Mikoyan sang thăm Hà Nội để giải thích cho ông Hồ về sự cần thiết phải thay đổi chính sách, phải nói lòng tay. Tiếp theo đó, ngày 26 tháng 5 năm 1956, họ Mao tuyên bố chính sách “Trăm hoa đua nở”. Và chỉ một tháng sau, công nhân Ba Lan nổi loạn ở Poznan. Việt cộng lúng túng phái cán bộ đi giải thích về vụ Poznan, nhưng dân chúng Bắc Việt nhất thiết không tin lời giải thích của cán bộ.

Cùng vào dịp này, Đảng Lao động bắt đầu cho nhân dân học tập về chính sách mới của Khrushchev. Trong một bài đăng trong báo *Nhân văn* số 2 xuất bản ngày 20 tháng 9 năm 1956 có một đoạn nói về buổi họp đó như sau:

“Đợt học tập của giới văn nghệ tháng tám vừa qua đã là một cuộc tranh đấu sôi nổi của trên 300 người công tác văn nghệ. Phát triển sự việc như thế nào, chỉ trích bè phái như thế nào, xây dựng Trung ương Đảng như thế nào, Nguyễn Đình Thi tổng kết quanh co như

thế nào, Nguyễn Hữu Đang tham luận mạnh bạo như thế nào, Tố Hữu nhận lỗi qua loa như thế nào, anh chị em đã nghĩ những gì... báo Nhân dân biết rõ. Thế rồi bè phái lãnh đạo văn nghệ vẫn cứ ngoan cố làm thịnh... tuyệt nhiên không giải quyết một nguyện vọng nào của anh chị em.”

Xem đoạn văn đó thì chúng ta thấy rằng quần chúng văn nghệ đã tấn công mãnh liệt vào “bè phái” lãnh đạo, đã đẩy “bè phái” đó vào chỗ bí, không có đường thoát. Như vậy là quần chúng văn nghệ đã nắm được ưu thế, và họ không bỏ lỡ dịp tấn công luôn và liên tiếp.

Ngày 29 tháng 8, 1956 *Giai phẩm mùa Thu* tập 1 ra đời. Trong tập này cụ Phan Khôi giảng một chuy chỉ mạng vào đầu giai cấp lãnh đạo. Bài của cụ nhan đề là “*Phê bình lãnh đạo văn nghệ*”. Bài này đã làm nhân dân Hà Nội xôn xao. Có người viết trên báo *Thời mới*, ví bài của cụ Phan như một “quả bom tạ” thả ngay giữa Hà Nội. Có người thốt lên rằng chín mươi năm nay mới lại nghe thấy tiếng nói “sang sảng” của cụ Phan.

Tờ *Nhân văn* số 1 ra đời vào ngày 15 tháng 9. Giới sinh viên đại học cũng hưởng ứng sôi nổi và xuất bản một tờ báo chống Đảng lấy tên là *Đất mới*. Tờ tuần báo *Trăm hoa* của thi sĩ Nguyễn Bính, trước kia hiền lành, nay cũng hưởng ứng phong trào, ra một loạt mới đả kích Đảng. Phong trào lan rộng đến nỗi giọng công kích lan ra cả tờ *Thời mới* là tờ báo hàng ngày, lâu nay vẫn ngoan ngoãn đối với

Đảng . Nó thâm nhập cả vào báo chí của Đảng. Báo *Cứu quốc*, cơ quan của Mặt trận Tổ quốc cũng nêu ra nhiều tệ hại của chế độ trong mục tự phê bình, nhan đề là *Cuốn sổ tay*. Mà đặc biệt là báo *Nhân dân*, cơ quan chính thức của Đảng cũng tiết lộ nhiều “sai lầm”. Cho đến cả báo *Học tập*, cơ quan nghiên cứu lý thuyết của Đảng cũng nêu ra nhiều vụ hà lạm của cán bộ đảng viên. Nói chung thì suốt trong ba tháng, nhân phong trào sửa sai, tất cả dư luận và toàn thể báo chí đều phàn nàn về bệnh “quan liêu” của bè phái lãnh đạo. Khác nhau là ở chỗ các báo đối lập thì nói thẳng tay, bỏ những nhất búa chí mạng vào đầu giai cấp thống trị, còn các báo chí của Đảng thì bất đắc dĩ, thấy người ta nói nhiều và đúng quá, cũng phải a-dua theo, bộc lộ chút ít sai lầm, để tỏ ra mình không ngoan cố lắm, đó là nhất thời và cá biệt, còn nói chung thì Đảng và Bác bao giờ cũng sáng suốt.

Mọi việc “sai lầm” đáng tiếc đều do cán bộ cấp dưới gây ra, còn cấp trên vẫn nắm vững chính sách. Nhưng các báo chí đối lập không thềm đếm xỉa đến cấp dưới mà lại chĩa mũi dùi vào cấp lãnh đạo, nên cùng kỳ lý, Hồ Viết Thắng phải đứng ra tự đọc bản tự kiểm thảo về những sai lầm về Cải cách ruộng đất, Võ Nguyên Giáp cũng phải thay mặt Đảng công nhận những “khuyết điểm”.

Bút chiến với các báo của Đảng

Bị mất hết uy tín, và bị tấn công vào những chỗ

yếu, không có cách gì đỡ, các cấp lãnh đạo chỉ có cách là làm thinh. Hồ Chí Minh hoàn toàn không lên tiếng. Tổ Hữu sang Bắc Kinh nằm yên trong ba tháng. Bọn “cai văn nghệ” như Hoài Thanh, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư không dám hé răng. Những biến chuyển liên tiếp ở Đông Âu làm cho mấy “ông to” hoang mang, không biết địa vị của họ có còn được vững bền không. Tuy nhiên Đảng cũng phải tìm cách phản ứng bằng cách ra lệnh cho cán bộ chính trị viết những bài phản công trở lại. Bài đầu tiên là của Nguyễn Chương đăng trên mặt báo *Nhân dân* ngày 25-9-1956. Trong bài này Nguyễn Chương vu cho báo *Nhân văn* là tay sai của địch, vì theo Nguyễn Chương thì báo *Nhân văn* công kích địch thì ít, mà công kích ta thì nhiều. Báo *Nhân văn* liền đập lại bằng một bài như búa giáng. Bài đó do ba cây bút cứng của nhóm *Nhân văn* là Hoàng Cầm, Hữu Loan và Trần Duy viết và mang đầu đề là “Chúng tôi cực lực phản đối luận điệu vu cáo chính trị”. Họ đốp chát với Nguyễn Chương từ lý luận một, và sau mỗi lý luận, nhóm *Nhân văn* lại hạ một câu hài hước như sau: “Bạn cố tình đến thế, chúng tôi còn biết nói sao?”.

Mỗi lần bẻ gãy lý luận của Nguyễn Chương, họ lại lấy đi lấy lại câu nói trên để nêu rõ tính cách “ngoaan cố” của bọn cán bộ Đảng. Vừa bị đập mạnh vừa bị chế giễu, Nguyễn Chương cố gắng thanh minh bằng một bài thứ hai đăng trong báo *Nhân dân* thì bị luôn Chu Ngọc, trong nhóm *Nhân văn* giáng thêm cho

một chùy, bằng một bài nhan đề là: “Quần chúng đã chán ghét lối chặn họng đó rồi”. Thế là Nguyễn Chương im bật. Đến lượt Hoàng Xuân Nhị lên vô đài tỷ thí.

Hoàng Xuân Nhị là giáo sư thạc sĩ có sẵn một mớ lý thuyết Mác-xít, mang từ Pháp về nên lôi cả ông Mác và Lê-nin ra để đối phó bằng cách dùng lời Lê-nin và Mác để chứng minh rằng văn nghệ phải có đảng tính và văn nghệ sĩ phải triệt để phục tùng sự lãnh đạo của Đảng. Nhóm *Nhân văn* liền cử ngay một sinh viên đại học là Bùi Quang Đoài, học trò của ông Nhị lên đo sức với ông Nhị. Bùi Quang Đoài vạch ra rằng ông Nhị xuyên tạc lời nói của Lê-nin. Bùi Quang Đoài viết: *“Một là ông Nhị không tiêu hoá được tài liệu, hai là ông Nhị đã lợi dụng tài liệu để xuyên tạc. Nó không đúng với tinh thần trung thực của người trí thức”*. Sau khi bẻ lý luận của vị giáo sư thạc sĩ, và chê vị giáo sư đó còn dốt lắm, Bùi Quang Đoài kết luận: *“Tôi xin đề nghị với ông Nhị một điều... cố gắng nghiên cứu, suy nghĩ, để giữ bản chất trung thực của người trí thức”*. Từ đấy không thấy Hoàng Xuân Nhị trở lại vô đài nữa. (Xem trọn bài trong phần tài liệu.)

Chiến thuật khủng bố ngầm

Chiến thuật đó lần lượt được Đảng mang áp dụng qua những thủ đoạn như sau:

a) Ra lệnh cho mật dịch không bán giấy in báo cho nhóm đối lập. Thủ đoạn này không có kết quả

gì vì nhóm đối lập được nhân dân nhiệt liệt ủng hộ giúp tiền mua giấy ở chợ đen.

b) Khủng bố những người phát hành. Báo *Nhân văn* trong số 4 ra ngày 5-11-56 có tố cáo thủ đoạn đó như sau :

“Một khách hàng vào một hiệu sách ở khu Hồng Quảng. Khách hỏi: ‘Ở đây có bán báo Nhân văn không?’. Ông chủ hiệu vừa vuốt râu mép vừa trả lời: ‘Bán báo Nhân văn có mà chết sớm’.”

Thủ đoạn này lại cũng không thành công vì nhóm đối lập huy động sinh viên và học sinh đi bán.

Đảng cũng ra lệnh cho bưu điện không phân phát báo *Nhân văn*. Số báo *Nhân văn* kể trên cũng tố cáo hành động đó và viết một câu hài hước: *“Biết đâu mấy ông ở bưu điện chẳng thích báo Nhân văn quá nên giữ lấy để đọc một mình”*.

c) Khủng bố những người đọc. Hàng loạt cán bộ được tung ra khắp phố phường Hà Nội, xông vào từng nhà một để giải thích rằng báo *Nhân văn* là báo phản động. Báo *Nhân văn* có nêu lên một trường hợp rất hài hước là cán bộ đi nói xấu báo *Nhân văn* vào nhầm nhà một văn nghệ sĩ trong chính nhóm *Nhân văn*, và bị vợ nhà văn đó trả lời cho mấy câu đanh thép làm cho chị cán bộ phải cảm miệng.

d) Vận động thợ in không in. Để thực hiện mưu mô này, Đảng phải huy động đến Hoàng Đạo là tay gián điệp số một, đã nổi tiếng trong vụ phá hoại chiếc tàu Amyot d’Inville và trong việc điều tra “Vụ án Bái Thượng”. Hoàng Đạo được tức khắc bổ sang

công đoàn để dùng hệ thống công đoàn uy hiếp công nhân nhà máy in, bắt phải đình công không in báo “phản động”. Tuy nhiên, công nhân vẫn không nghe theo. Báo vẫn cứ ra đều, không hề bị gián đoạn.

Vụ cáo chính trị

Sau khi phá ngầm không kết quả. Đảng chủ trương phá công khai bằng cách vu khống nhóm văn nghệ sĩ là tay sai của địch, của đế quốc. Để chứng minh việc đó, báo *Nhân dân* dựng đứng câu chuyện chính phủ miền Nam triển lãm báo *Nhân văn* ở *Courtinat* Sài Gòn (sic). Sự thực thì lúc bấy giờ chính phủ miền Nam chưa có lấy một tờ *Nhân văn* trong tay, vì mãi đến tháng 11, khi tờ *Nhân văn* sắp bị đóng cửa mới có được mấy số lọt vào Sài Gòn, do kiều bào ở Paris gửi về. Báo *Nhân dân* chỉ được tin phong phanh rằng Bộ Thông tin ở Sài Gòn hồi tháng 6-1956 có tổ chức một cuộc triển lãm những tài liệu chứng tỏ Việt cộng không tôn trọng Hiệp ước Genève, tại Phòng Thông tin Sài Gòn ở đường *Catinat*. Trong cuộc triển lãm này, ngoài những tài liệu chính trị và quân sự chứng tỏ rằng Việt cộng thực sự có cấu kết với Bình Xuyên, Hoà Hảo để quấy rối miền Nam, cũng có một số báo chí Việt cộng, bắt được trong các hầm bí mật, cùng với cán bộ Việt cộng nằm vùng. Nhưng toàn là các báo chí của Đảng như *Nhân dân*, *Tổ quốc* v.v... không hề có *Nhân văn*, vì lý do tờ *Nhân văn* lúc đó chưa ra đời. Báo *Nhân dân* lại chỉ nhớ mang máng nên lãm *Catinat* thành

Courtinat, một cửa tiệm bán tạp hoá của người Pháp ở cùng phố.

Ngoài cái “chúng có” tưởng tượng kể trên, Đảng cũng không nại thêm được chứng cứ gì khác, nhưng cứ nhất định rêu rao rằng nhóm *Nhân văn* là tay sai của địch, là gián điệp của Phòng Nhì, của Mỹ, là tờ-rốt-kít phá hoại, vân vân... đủ thứ danh từ mà trước kia Đảng đã rộng rãi tặng cho giai cấp địa chủ.

Đóng cửa báo Nhân văn

Sau khi báo *Nhân dân* vạch tội “gián điệp” của nhóm văn nghệ sĩ đối lập thì Đảng tổ chức học tập ở khắp mọi nơi, và sau kỳ học tập, tất cả các đoàn thể công nông binh, cho đến cả học sinh và dân “Nam bộ tập kết” đều phải ký vào bản kiến nghị lên án nhóm *Nhân văn* và đòi chính phủ phải có biện pháp trừng trị. Dựa vào kiến nghị của “mọi tầng lớp nhân dân”, Đảng ra lệnh cho Ủy ban Hà Nội ký giấy đóng cửa tờ báo *Nhân văn* và tịch thu tất cả mọi số đã phát hành kể từ số 1.

Ngày 15 tháng 12-1956, ông Hồ Chí Minh ký một sắc lệnh tước quyền tự do ngôn luận của báo chí và bắt phải phục vụ “công nông binh”, phục vụ nền vô sản chuyên chính mệnh danh “chính thể dân chủ cộng hoà”. Sắc lệnh cũng dọa phạt tù từ 5 năm đến khổ sai chung thân, kèm theo tịch thu một phần hay toàn bộ gia sản, nếu ai còn phạm vào những điều cấm.

Sau khi sắc lệnh được ban bố, những tờ báo khác

như *Trăm hoa*, *Đất mới*, *Giai phẩm* đều chết không có cáo phó.

Sự thực thì những điều cấm trong sắc lệnh ngày 15-12-1956 đã có ban bố trước, ngay từ khi Việt cộng mới về tiếp thu Hà Nội, hồi tháng 10 năm 1954. Nhưng hồi đó tất cả các báo chí đều là báo chí của Đảng, nên Việt cộng chủ quan, chỉ mở một cuộc họp báo ở Phòng Thông tin, phố Tràng Tiền, rồi giao hẹn mồm về mấy điểm cấm đoán. Đại khái có 5 điều:

- Không được chống chính phủ, chống chế độ;
- Không được xúi giục nhân dân và bộ đội làm loạn;
- Không được nói xấu các nước bạn;
- Không được tiết lộ bí mật quân sự;
- Không được đăng bài vở có phương hại đến thuần phong mỹ tục.

Một lý do khác là lúc bấy giờ Việt cộng mới ở chiến khu về Hà Nội là nơi có tai mắt quốc tế, muốn tỏ ra có thái độ “yêu chuộng tự do” hơn “phe quốc gia”, nên tránh không muốn cấm bằng sắc lệnh, sợ gây dư luận, nên chỉ đe dọa bằng mồm.

Họ không ngờ rằng “khẩu thiệt vô bằng”, sau này nhóm văn nghệ sĩ đối lập cứ làm như quên không nhớ và cứ ra báo một cách rất tự nhiên để chống lại chế độ, chống lại Đảng.

Đảng ra báo Văn

Sau khi đóng cửa tờ báo *Nhân văn*, và bóp chết

mấy tờ báo đối lập khác, Đảng thấy cần thiết phải cho ra một tờ tạp chí văn học để thay thế, vì chả lẽ trong nước không có lấy một tờ báo nào chuyên về văn học. Đảng bèn chỉnh đốn lại Hội Văn nghệ, bắt bầu lại ban chấp hành, gạt những phần tử đối lập ra và đưa toàn những “cai văn nghệ” vào ban chấp hành mới. Lúc bấy giờ một mình trên võ đài, Đảng tha hồ chửi rủa nhóm *Nhân văn* là phản động, là gián điệp tay sai của địch. Đảng cho phép Hội Văn nghệ xuất bản tờ tạp chí *Văn*. Chủ bút là Nguyễn Công Hoan, phó là Nguyễn Tuân và Tổng thư ký toà soạn là Nguyễn Hồng.

Báo *Văn* xuất bản mỗi tuần một kỳ. Một nửa số trang dành riêng cho những bài dịch tiểu thuyết Nga, một nửa khác gồm toàn những bài tán tụng văn học Trung Quốc vĩ đại. Kết quả là giá trị văn nghệ rất kém, không ai buồn xem. Lý do là vì các văn nghệ sĩ có tài đều một lòng tẩy chay, bất hợp tác với cơ quan ngôn luận của Đảng.

Báo Văn bị chỉnh

Thấy báo *Văn* nhạt nhẽo quá, Đảng lấy làm ngượng và tức bực, nên nóng mặt phải lên tiếng. *Tờ Học tập*, cơ quan nghiên cứu lý thuyết của Đảng viết một bài chê báo *Văn* là dở. Tác giả bài đó là Thế Toàn, một cán bộ chính trị còn ít tuổi viết:

“Qua 10 số đầu của tuần báo Văn, chúng tôi nhận thấy nội dung tờ báo còn nghèo nàn. Tờ báo hầu như xa rời thực tế, xa rời cuộc sống, tách rời những nhiệm vụ trung tâm của cách mạng.”

Nguyên Hồng, Tổng thư ký toà soạn của báo *Văn* bị mất mặt nên phải ứng ngay bằng một bài trả lời Thế Toản, đăng trong báo *Văn* số 15 ra ngày 16 tháng 8-1957. Sau khi gạt phăng những lời buộc tội của đối phương, Nguyên Hồng phê bình trở lại Thế Toản là công chức, là quan liêu và “trịch thượng”.

Báo *Văn* quay ra chống Đảng

Sau đó người ta thấy báo *Văn* thay đổi thái độ. Những bài nịnh Đảng thấy bớt dần, và những bài xược với Đảng thấy mỗi ngày một nhiều thêm. Nhìn đến tên tác giả các bài có ngụ ý chống Đảng, thấy tên các nhà văn trước kia đã viết trong nhóm *Nhân văn* và *Giai phẩm*.

Người đầu tiên là Phùng Quán. Phùng Quán là một sinh viên trước kia đã viết bài “Chống tham ô lãng phí” đăng trong *Giai phẩm mùa Thu*. Lần này Phùng Quán viết bài “Lời mẹ dặn”. Bà đó có những câu như sau:

*Yêu ai cứ bảo là yêu
 Ghét ai cứ bảo là ghét
 Dù ai ngon ngọt nuông chiều,
 Cũng không nói yêu thành ghét.
 Dù cầm dao dọa giết
 Cũng không nói ghét thành yêu.
 Tôi muốn làm nhà văn chân thật trọn đời
 Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
 Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã.
 Bút giấy tôi, ai cướp giật đi
 Tôi sẽ dùng dao viết văn trên đá.*

Đến tờ Văn số 24, độc giả lại thấy Hoàng Cầm xuất hiện. Hoàng Cầm là một chiến tướng của nhóm Nhân văn. Ở đây Hoàng Cầm viết một vở kịch thơ ngắn, nhan đề là “Tiếng hát”, nói về chuyện Trương Chi. Nhưng Hoàng Cầm biến lời hát của Trương Chi thành tiếng gọi của Tự Do. Mỹ Nương tượng trưng cho giới văn nghệ bị kìm hãm trong ngục tù, và ông Quận công, người cha của Mỹ Nương tượng trưng cho uy quyền độc đoán của Đảng.

Tiếng hát của Trương Chi kêu gọi mọi người bị cộng sản hành hạ, đấu tố, hãy đứng dậy. Trương Chi hát:

Nào người quả phụ trắng khăn tang

Nào đứa em mồ côi khát sữa

Nào ai sống nhục chết oan

Nào ai tan lìa đôi lứa

Nghe tiếng hát này...

Trong khi đó thì cha của Mỹ Nương (ngụ ý muốn nói Đảng):

... vừa truyền lệnh khoá kín cửa lầu, lấp cả sông

Để không còn tiếng hát!

Nhưng mặc dầu ngăn cấm bằng cách nào, tiếng kêu gọi Tự Do vẫn lọt tới lòng người:

... của ngoài bằng đá tảng

Tiếng hát đầy được vào

Vì đó là tiếng gọi của trời cao

Của đất rộng...

Và Mỹ Nương (ý muốn nói giới văn nghệ sĩ) vẫn gan góc:

Ta mở được, ta vượt qua tường đá

Ta chạy ra sông!

Đi bốn phương trời

Tìm tiếng hát... ta đi cùng thiên hạ...

(Xem trọn bài trong phần tài liệu)

Tóm lại, ý chính của Hoàng Cầm là nhất định chống lại sự áp bức của Đảng và quyết tâm phá tan mọi gông cùm xiềng xích.

Sau Hoàng Cầm đến lần Trần Duy xuất hiện. Trần Duy vẽ một bức tranh khôi hài chế giễu sự can thiệp thô bạo của Đảng vào văn nghệ. Ông vẽ một bức tranh tả một người hoạ sĩ đang vẽ một đoá hoa. Cán bộ bắt bẻ, bắt phải vẽ thêm hết thức này đến thức khác để cho hợp với đường lối chủ trương của Đảng. Sau khi tuân theo lời cán bộ vẽ thêm mãi vào bức tranh, bức tranh biến thành một thứ hổ lốn, không có nghĩa lý mà cũng không còn mỹ thuật. (Xem tranh ở trang sau.)

Cuối cùng là kiện tướng Phan Khôi ra mắt. Cụ viết một truyện ngắn về gia đình cụ, nhan đề là “Ông Năm Chuột”. Câu chuyện dài dòng, nhưng ngụ ý của cụ là giai cấp thống trị thuở xưa cũng như giai cấp thống trị ngày nay, đều đầy dẫy những thói nát, nhưng cứ cố tình che đậy. Mặc dù khéo léo che đậy, trong dân gian vẫn có những người ranh mãnh, nhìn thấy hết. Che đậy cũng vô ích. (Xem bài “Ông Năm Chuột” trong phần tài liệu.) Bài đó kết thúc số phận báo *Văn*. Đảng bắt Hội Văn nghệ phải đình bản tờ báo ngay tức khắc.

Đấu tố văn nghệ sĩ

Lúc mới đóng cửa báo *Văn* thì Đảng còn hy vọng có thể dàn xếp được, nên Hội Văn nghệ tuyên bố là chỉ tạm đình bản một kỳ, lấy cớ là để sửa soạn số Tết. Nhưng suốt trong ba tháng, Hội không thể tái bản được tờ báo, vì tất cả các văn sĩ đều tẩy chay. Đảng không còn cách gì hơn là khủng bố sắp lượt.

Việc đầu tiên là bắt 304 văn nghệ sĩ đi chinh huấn. Như thường lệ, mọi người đi chinh huấn đều bị dồn ép, áp bức tinh thần cho đến mức phải bộc lộ những sai lầm và viết bài “tự kiểm thảo”.

Có bốn người không chịu đi dự lớp chinh huấn: Phan Khôi, Trương Tửu, Thụy An và Nguyễn Hữu Đang. Đảng ra lệnh bắt Thụy An và Nguyễn Hữu Đang giam vào nhà pha Hoả Lò. (Nguyễn Hữu Đang hình như đã tự tử sau khi bị bắt). Trương Tửu bị cắt chức giáo sư ở trường Đại học Văn khoa, vợ con và cả gia đình nhà vợ bị bao vây kinh tế, nghĩa là rút giấy phép buôn bán (gọi là giấy đăng ký).

Cụ Phan Khôi vì đã 73 tuổi, và vì có nhiều uy tín trong nước, nhất là đối với trí thức ở miền Nam, nên hiện được để yên. Tuy nhiên cụ bị “treo giò” không được giao thiệp với ai mà cũng không ai được lui tới thăm cụ. Mặc dù vậy, cụ nhất định không chịu đầu hàng. Ngồi nhà cụ vẫn viết một cuốn sách nhan đề là *Nắng chiều* gửi đến ban chấp hành Hội Văn nghệ để chửi cộng sản một cách thậm tệ (Xem phần tài liệu).

Trong khi mấy lãnh tụ của nhóm *Nhân văn* bị cô

lập, hoặc bị bắt thì Đảng mở một chiến dịch chửi rửa họ, rộng lớn hơn tất cả mọi chiến dịch chửi rửa từ xưa tới nay. Chiến dịch này kéo dài mãi đến nay vẫn chưa hết.

Đảng cũng còn nhận thấy “*nọc độc Nhân văn*” đã thấm nhiều vào đầu óc mọi người, nên bắt tất cả giới trí thức, công chức, cán bộ, học sinh và cả cán bộ bộ đội, phải tẩy não sắp lượt.

Số phận hiện nay của các văn nghệ sĩ đối lập

Sau cuộc chỉnh huấn thì mặc dầu đã thú tội, các văn nghệ sĩ ở miền Bắc đều bị đưa đi “*học tập lao động*”. Mọi người đều phải đi và Đảng nhận thấy rằng trong cuộc “khởi nghĩa hựt” vừa qua, mọi người đều bị ảnh hưởng “xấu” của nhóm *Nhân văn*, không ít thì nhiều. Tuy vậy sự trừng phạt cũng tùy theo tội trạng. Nhẹ thì được lao động ít, phải đi những nơi gần. Nặng thì bị đẩy đi nước độc, phải lao động nhiều.

Một đoạn ngắn trong bài “*Nắm chắc lấy vũ khí chiến đấu của chúng ta*” đăng trong tạp chí *Văn nghệ* số 7, tháng 7-1958, để lộ chính sách đó:

“Mọi người đều thấy là cần thiết và rất hoan nghênh một việc quan trọng mà ban chấp hành hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật đã đề ra là tất cả các văn nghệ sĩ đều phải cố gắng, tích cực đi vào thực tế đời sống công nông binh ‘tham gia lao động’. Tất nhiên nhóm phá hoại Nhân văn- Giai phẩm cũng đi với chúng ta, nhưng việc làm của họ hoàn toàn có ý nghĩa khác”.

Ý nghĩa khác đó, là không phải đi để “học tập lao động” mà là đi để “an trí”, để được giao phó cho chính quyền và chỉ bộ địa phương quản thúc, để làm như một tên tù khổ sai và để muối độc chích thêm cho một liều vi trùng sốt rét, vì Đảng cho rằng 9 năm vừa qua, lá lách của những người anh dũng đó, tuy có sưng nhưng chưa rụng hẳn. Vậy họ bị đưa đi những nơi đâu? Trở lại những nơi hẻo lánh, những nơi “ma thiêng nước độc” mà họ đã từng lặn lội trong chín năm trời. Trong thời gian trước họ không chết, vì họ còn là chiến sĩ, là đảng viên, họ có trợ cấp, có thuốc thang. Khu Việt Bắc âm u, trước kia là trung tâm cách mạng, nay lại trở lại nơi giam cầm *chính trị phạm*.

Những trại giam được thiết lập ở đâu? Sinh hoạt trong trại ra sao? Và tội nhân khi tới nơi phải làm những công việc gì? Chúng ta hãy nghe Yến Lan, một văn sĩ tập kết kể lại. (Nên nhớ rằng Yến Lan chưa phải là đầu sỏ, chưa được xếp hạng vào loại “tù tù”.)

Yến Lan kể: (Trích báo *Văn học* số 9, ngày 15-8-1958)

“... Đây là một vùng đồi trọc... không một quán, cũng không một mái chùa, một cây đa cổ thụ. Nhà dựng ở chân đồi, lúp xúp một kiểu... Huyện lỵ trông bề ngoài thật là nghèo khổ. Toàn là nhà tranh, lều tều, ngắn ngủn... Huyện lỵ cách thôn chúng mình hơn ba trụ số. Đi vào ngang qua những cánh đồng, rìa theo triền đồi và vượt qua sườn đồi. Lên cao xuống thấp, lòng mỗi

người lại nghỉ đến một cảnh nào như đã sống quen, hoặc có đi qua, và hái được một số kỷ niệm chiến khu, một cảnh nghỉ chân trên đường phiêu lãng cũ. Riêng Lan, sao mà tha thiết nhớ đến An Khê.

Ba hôm đầu, tổ mình đã đi vào sản xuất, cùng theo xã viên ra đồng làm ruộng. Lan đã bừa trong ruộng nước. Lại cấy và tát nước. Mấy hôm nay cắt lá, vớt bùn ao làm phân xanh.

... Lúc mới về, hỏi ra tình hình sinh hoạt, thấy thừa người lớn, vắng trẻ con (ở đây dễ nhiều nhưng nuôi được ít), nhiều người chân phềnh ra như chân voi...” (Yến Lan)

Và đây là một cảnh khác, do Hoàng Chương, một cán bộ “văn công” khu V tập kết và bị “cưỡng bách lao động” kể lại: (cũng trích trong bài báo kể trên):

“... Từ nhà đến đồng Cống xa chừng ba cây số. Chúng tôi dậy thật sớm tranh thủ gánh phân để tránh bớt nắng trưa. Tôi nhớ năm nào tiếp tế bộ đội ở chiến trường, gánh lúa bốn mươi cân leo dốc, nhờ vui và thích mau gặp bộ đội nên quên mệt. ^[4] Cô Thu, người Hà Nội, trước chưa quen gánh, hôm nay cũng cố được hai mươi cân. Nhìn Hùng cời trần gánh thoăn thoắt, ai biết đó là một sinh viên Hà Nội. Cuộc sống vui vẻ thân mật, tôi thấy như sống giữa gia đình, làng xóm của mình ở miền Nam!” (Hoàng Chương, Hội Văn công Liên khu V)

Không bút nào tả được tâm trạng của những con người yêu chuộng Tự Do, đã hy sinh tất cả để theo đuổi kháng chiến, đã vô tình giúp sức cho cộng sản thành công, và khi cùng nhau tới đích, mới sống ở

Hà Nội chưa được bao nhiêu ngày lại bị cộng sản đưa trở lại “chiến khu” để sống nốt những ngày tàn. Phong kiến ngày xưa không bao giờ bội bạc với công hầu một cách “tập thể” như vậy.

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP ĐẤU TRANH CỦA TRÍ THỨC Ở MIỀN BẮC

Lịch sử loài người đã ghi chép nhiều chế độ tàn bạo: Tần Thủy Hoàng, Néro, Hitler, vân vân. Nhưng chưa có một chế độ nào vô nhân đạo bằng chế độ cộng sản. Đây là một điểm cần phải nhận định. Điểm thứ hai là các chế độ bạo tàn từ trước tới nay đều chỉ dùng bạo lực để đàn áp dân chúng, không dùng đến thủ đoạn, do đó, dân chúng còn một lối thoát là dùng mảnh lối để lừa dối chính quyền. Trong thời Pháp thuộc chúng ta đã nghe câu chuyện vợ lên huyện tố cáo chồng nấu rượu lậu, để sau khi chồng đi tù, vợ ở nhà yên tâm... nấu rượu lậu. Muu mô, mảnh lối, vốn dĩ là khí giới của kẻ yếu.

Ngày nay, dưới chế độ cộng sản, thì thứ khí giới đó không còn hiệu nghiệm, vì chính quyền cộng sản, mới xuất thân từ nơi dân chúng, không lạ gì thứ khí giới đó, và còn biết dùng nó một cách hiệu nghiệm hơn mọi người vì cộng sản có phương tiện

phổ biến kinh nghiệm, có cả một hệ thống tay sai để bố trí lừa bịp đại quy mô.

Vì vậy nên một cuộc cách mạng chống cộng, phát xuất ngay trong lòng cộng sản phải có những chiến thuật tinh vi hơn những chiến thuật đã được áp dụng từ trước tới nay, trong mọi cuộc cách mạng khác.

Trong cuộc nổi dậy vừa qua của trí thức ở miền Bắc, những người tham gia đã áp dụng phương pháp gì, chúng ta là những người ngoại cuộc khó lòng biết rõ. Tuy nhiên, theo rõi tin tức bằng báo chí và nhất là nghiên cứu các bản thú tội của một số nhân vật trong nhóm *Nhân văn-Giai phẩm*, chúng tôi tạm ghi ở nơi đây một số ít nhận xét. Chúng tôi tạm phân tách đường lối chống đối của giới trí thức đối lập thành một số chiến thuật.

1. Chiến thuật bất hợp tác

Nói nôm na là tẩy chay Đảng, không viết bài do Đảng “com-măng”. Hễ cán bộ Đảng, những “cập-răng văn nghệ” thúc giục thì thoái thác nói rằng chưa nắm được thực chất vấn đề, còn đang tìm cảm hứng, hoặc dũa dũa khát lẩn, nói rằng sắp sửa viết, hoặc còn đương “thai nghén”. Nếu bị bức quá, bị dọa cắt sinh hoạt phí, hoặc đuổi ra khỏi trại thì cầm bút viết quấy quá cho xong chuyện, hay dờ không cần. Nếu bị khiển trách thì lấy cớ là tại “chưa lọt được xác”. Đa số văn nghệ sĩ đã áp dụng chiến thuật này trong suốt thời gian kháng chiến. Bà Nguyễn Thị

Kim, một điều khắc gia có tài, nhận ba sào ruộng của chính phủ cấp để cày cấy sinh nhai, nhưng đến khi kiếm tạm đủ ăn thì không nặn tượng nữa. Lành đạo hỏi tại sao không nặn, thì bà rêu rao rằng tại cày cấy khó nhọc, tay bị cứng rần không nặn được tượng nữa.

Cũng vì giới văn nghệ miền Bắc trường kỳ áp dụng chiến thuật đó, nên suốt trong thời gian kháng chiến nền văn nghệ của Việt Minh không phát triển. Trong chín năm liền, trừ một vài bài thơ ca ngợi Bác Hồ, ông Sít-ta-lin, của Tố Hữu, của Xuân Diệu, ngoài ra không có một tác phẩm nào đáng kể, trừ một số thi ca có tính chất lãng mạn bị cấm không cho phát hành.

Chúng ta thấy giới văn nghệ ở miền Bắc chỉ thực lòng sáng tác khi họ cầm bút viết bài chống lại Đảng, trong hai năm 1956 và 1957. Những bài của họ mà chúng tôi sẽ trích trong phần tài liệu đáng được coi là những kiệt tác trong văn chương nước nhà và thế tất sau này phải ghi vào văn học sử. Một số bài được dịch ra ngoại ngữ và phổ biến ở nhiều nơi, đã làm ngoại quốc thán phục. Văn chương chống cộng ở miền Bắc đã được liệt vào hạng hiếm có nhất trên thế giới. Nhưng sau khi tờ *Nhân văn* và *Giai phẩm* bị đóng cửa thì một lần nữa các văn nghệ sĩ ở miền Bắc lại rút lui vào thế tiêu cực. Khi Đảng cho ra tờ báo *Văn* để thay thế tờ *Giai phẩm*, họ tẩy chay không viết, cho đến lúc mấy ông cập-răng văn nghệ phụ trách tờ *Văn* nổi loạn nốt, mời họ tiếp tay,

họ lại cầm bút một lần nữa. Hiện nay chắc họ lại đương “thai nghén”, nhưng họ sẽ không đẻ ra một tác phẩm “đề cao cộng” như Đảng mong muốn, mà trái lại, hễ gặp thời cơ thuận tiện họ sẽ đẻ ra những tác phẩm “chống cộng” còn mạnh mẽ hơn những tác phẩm trước.

Sự thực thì cộng sản có thể cưỡng bách mọi người bắt phải lao động chân tay, nhưng không thể nào bắt một nhà văn phải sản xuất theo ý muốn, đúng phẩm, đúng chất, vì sáng tác văn nghệ là một công việc chế biến trong đầu não, không có phương thức gì thôi thúc hoặc lãnh đạo được. Không danh, không lợi, những nhà văn đã từng sống nhiều năm “không một ngọn đèn, không một củ khoai”, tất nhiên có thể “đình công thụ động” một cách lâu dài. Chiến thuật “bất hợp tác” của các nhà văn Việt Nam đối với cộng sản cùng một sắc thái giống phong trào “bất hợp tác” của thánh Gandhi đối với thực dân Anh.

2. Chiến thuật “Vờ ca ngợi Đảng để công kích Đảng”

Chiến thuật này rất phổ thông. Không ai không áp dụng, nhưng người áp dụng chiến thuật đó một cách tài tình hơn mọi người là ông Nguyễn Mạnh Tường.

Trong suốt bài diễn văn dài tới 40 trang, ông lên án khất khao toàn bộ chính sách cộng sản, nhưng ông không để hở một dịp nào khiến Đảng có thể

gán cho ông tội “chống Đảng” vì, xen lẫn vào những lời đả kích chính sách, thỉnh thoảng ông lại tỏ lời ca ngợi Đảng và tuyên bố rằng ông vẫn tin tưởng ở Đảng. Khôn ngoan hơn những người khác, ông Tường không mật sát Trường Chinh, vì ông biết trước rằng Trường Chinh còn có ngày trở lại địa vị lãnh tụ. Trái lại, ông ca ngợi Trường Chinh, thường nhắc lại những lời thú nhận của Trường Chinh để bênh vực cho thái độ của mình. Ý ông muốn nói: “Đây, chính ông Trường Chinh cũng phải công nhận là sai lầm, đâu phải chỉ có mình tôi”. Có thể nói là trong tất cả các tài liệu chống cộng sản suốt trong hai năm 1956 và 1957, bài diễn văn của ông Tường có kết quả tai hại nhất đối với cộng sản, được báo chí ngoại quốc chú ý đặc biệt, trích đăng, phê bình, sử dụng làm tài liệu nghiên cứu tình hình Bắc Việt, thế mà Việt cộng không hề làm gì nổi ông Tường, không dám lên tiếng chửi rủa ông như họ đã chửi rủa những người khác, vì không khép ông vào tội gì được. Lê dĩ nhiên, ông Tường là luật sư, nên ông có “mồm mép”, vừa biết rào trước đón sau như những người không học luật.

Người khôn khéo thứ hai là cụ Phan Khôi. Trong bài “Phê bình lãnh đạo văn nghệ” cụ mật sát Đảng không nề lời, nhưng cụ vẫn cứ rêu rao là cụ sẵn lòng chịu sự lãnh đạo của Đảng.

Kể đến những nhà văn đứng tuổi khác như ông Đào Duy Anh, ông Trần Đức Thảo, ông Sỹ Ngọc, ông nào cũng biết dè dặt chỗ cần phải dè dặt. Công kích

“quá tả” hoá chẳng chỉ có ông Nguyễn Hữu Đang và mấy ông ít tuổi hơn. Tóm lại, chiến thuật chung là vờ ca ngợi Đảng để công kích lại Đảng. Như vậy mới tránh được sự khủng bố của Đảng. Tránh khủng bố để duy trì lực lượng, để củng cố phong trào và để lòi cuốn một số đảng viên bị nhồi sọ lâu ngày, còn đang quá ư tin tưởng ở Đảng.

Trần Dân đã tả lại chiến thuật của ông bằng mấy lời sau đây:

“Viết bây giờ nên làm lối ‘xôi đồ’, tức là đả kích xen ca ngợi thì lãnh đạo (Đảng) cũng phải chịu”.

Riêng về trường hợp ông Trương Tửu thì cả một nghi vấn đương được nêu lên. Ông công kích

chính sách của Đảng một cách gắt gao hơn ai hết, nhưng không đứng trên lập trường “dân chủ” để công kích. Ông mang lý thuyết Mác-Lê chính thống ra để so sánh và kết luận rằng Việt cộng đã đi sai đường lối Mác-Lê, đã phản bội chủ nghĩa Mác-Lê. Nói một cách khác, ông Tửu vẫn đứng trên lập trường Đệ Tứ để công kích Đệ Tam.

Vì vậy mà Việt cộng hiện quy ông Tửu là Trotskiste. Điều đó cũng đúng một phần, vì trước kia ông Tửu ở trong nhóm Hàn Thuyên. Nhưng với một người như ông Tửu, đã kinh nghiệm qua hơn mười năm chung sống với cộng sản, đã bị đấu tố thì khó lòng tin được rằng ông không có dịp để nhận định rằng toàn bộ chủ nghĩa Mác-xít là sai. Biết đâu việc ông đề cao chủ nghĩa Mác-Lê chỉ là một chiến thuật. Ông Tửu xưa nay vẫn có tính thích lập luận một cách độc đáo, khác với mọi người.

3. Chiến thuật giai đoạn

Chia cuộc đấu tranh thành từng giai đoạn và ấn định cho mỗi giai đoạn một mục tiêu hợp với hoàn cảnh chủ quan và khách quan là một chiến thuật do cộng sản Đệ Tam khai sinh và áp dụng một cách thường xuyên. Ngày nay, những người trong hàng ngũ cộng sản được cộng sản đào tạo lại mang chính chiến thuật đó ra để chống lại cộng sản. Bắt chước cộng sản, họ tìm ra những điểm yếu nhất của cộng sản để đả phá trước tiên. Hễ phá vỡ được phòng tuyến của đối phương họ mới tìm cách tấn công rộng ra một chỗ khác, dần dần đi tới chỗ bác bỏ toàn bộ chủ nghĩa cộng sản.

4. Chiến thuật “nhất điểm lưỡng diện”

Nhất điểm lưỡng diện là một chiến thuật quân sự của tướng Lâm Bưu, đã được mang ra áp dụng tại chiến trường Cao Ly. Lâm Bưu chủ trương không tấn công toàn diện mà dồn hết lực lượng tấn công một nhược điểm, mang trọng pháo đi đầu bắn phá tan hoang, mở lối cho công binh dọn đường vào trước rồi bộ binh kéo theo sau. Khi bộ binh đã đột nhập vào đồn trại của địch thì đánh toả ra hai bên. Hạ xong một đơn vị phòng thủ của địch thì tức khắc phân tán lực lượng, tập trung tại một nơi khác để tấn công một vị trí khác.

Ngày nay nếu chúng ta nghiên cứu phương pháp tấn công của nhóm *Nhân văn-Giai phẩm*, ta phải công nhận rằng họ đã áp dụng một phương pháp

tuong tự. Họ kết hợp tất cả các lực lượng chống Đảng, học sinh, sinh viên, cán bộ cũ bị xử trí oan, cán bộ miền Nam tập kết, phối hợp tất cả các lợi khí tuyên truyền, thơ ca kịch, nhạc, truyện ngắn, truyện dài, để đại tấn công vào một điểm yếu của Đảng.

Lấy việc công kích mậu dịch làm tỉ dụ. Chúng ta thấy không biết bao nhiêu tài liệu nhằm đả kích mậu dịch. Nào là thơ trào phúng, truyện ngắn, tranh vẽ đều mang mậu dịch ra chế giễu. Ngay cả trong bài diễn văn của ông Nguyễn Mạnh Tường, chúng ta cũng thấy một đoạn dài nói về những tệ hại của mậu dịch. Các văn sĩ biết rằng công kích mậu dịch thì vừa lòi cuốn thành phần công thương bị mậu dịch bóp chết, vừa hái được sự đồng tình của quảng đại quần chúng (trong đó có cả cán bộ cấp dưới) vì mọi người đều bị điêu đứng mỗi khi phải đến mậu dịch mua hàng. Một mặt khác đánh vào mậu dịch tức là giáng một đòn vào nền kinh tế của Đảng, nên đối với các nhà văn chống Đảng, mậu dịch là phòng tuyến cần phá vỡ trước tiên.

Lê Đạt đã bộc lộ rằng:

“Mậu dịch là chỗ yếu của Đảng, ai cũng biết, đánh vào đấy sẽ được quần chúng ủng hộ đấu tranh với Đảng, và báo chí của Đảng dù có muốn phản công lại cũng chịu.”

Câu nói đó chứng minh một chiến thuật.

Về lãnh vực văn nghệ thì các văn nghệ sĩ tập trung mũi dùi vào một người. Người đó là Tố Hữu, trước kia đã được Việt cộng tôn là “thần tượng” của thi

ca Việt Nam. Chỗ yếu của Tố Hữu là đã làm nhiều bài thơ ca ngợi Sít-ta-lin quá lời, gọi Sít đại nhân là “ông nội”. Ngày nay “ông nội” bị bác Khrushchev quy cho đủ thứ tội, nên Tố Hữu không dám há miệng. Đứng trước tình hình đó, tấn công vào Tố Hữu trước tiên phải là thượng sách. Kẻ thù không có phương thế chống đỡ mà hạ được thần tượng đó tức là gạt bỏ một cục đá tảng ngăn đường tiến thủ của các mầm non trong văn nghệ. Về một mặt khác, Tố Hữu là một trong “thập bát tú” (mười tám Trung ương uỷ viên) nên đánh được Tố Hữu tức là hạ uy thế của Trung ương Đảng.

Tấn công xong Tố Hữu thì mặt trận tấn công lan ra các “cấp-răng văn nghệ” như Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi, quây quần xung quanh “vị thần tượng” Tố Hữu. Bài “Phê bình lãnh đạo văn nghệ” của cụ Phan Khôi và nhiều bài khác của Trần Dân, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Phùng Quán, bài “Thi sĩ máy” của Như Mai đều nhằm mục tiêu này. Cứ như vậy rộng dần ra toàn thể “giai cấp mới”, giai cấp cán bộ Đảng lộng hành và thối nát, nịnh trên nạt dưới, gây nên biết bao nhiêu tai hoạ trong dân gian.

Về sự áp dụng chiến thuật này, Trần Dân đã bộc lộ rằng: *“Viết về Cải cách ruộng đất bây giờ phải đánh Trung ương là chính, thứ nữa mới đánh cán bộ, thứ nữa mới đến cốt cán”*.

5. Chiến thuật bảo tồn lực lượng

Vì biết phong trào vừa mới manh nha, lực lượng

tấn công còn yếu, đối phương còn nắm vững guồng máy cai trị, nên các văn nghệ sĩ đối lập phải thận trọng, vừa tấn công Đảng vừa cố gắng bảo toàn lực lượng. Do đó họ phản công mỗi người mỗi việc. Những nhà văn sẵn có tên tuổi như cụ Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang thì đứng ra công khai để tranh đấu, còn những văn sĩ trẻ tuổi thì nấp sau để phục kích, mỗi lần bị Đảng phản công. Trần Dân viết như sau:

“Nhóm Giai phẩm mùa Xuân hồi đó tạm thời phân tán, người nằm vào hẳn báo Nhân văn, như Hoàng Cầm, Lê Đạt. Người ném đá giấu tay như tôi, Tử Phác,... Còn như Văn Cao, Đặng Đình Hưng thì đứng bên ngoài ủng hộ mà nhân đó hoạt động phối hợp bên Nhạc...”

Ở một đoạn khác trong bài kiểm thảo Trần Dân viết:

“Tôi nghĩ bây giờ cộ lắm sây vầy, phải tìm những cách khôn khéo hơn. Văn Cao có đề ra ý kiến: ‘Bây giờ cứ nắm cơ sở, tức là nắm các nhóm sáng tác, lâu dần nhân tâm sẽ hướng về mình’. Từ đó tôi áp dụng một cái jeu serré (nước bài chặt chẽ) hơn trước. Tôi hay nói với anh em: ‘Vô phải cho kín mới được’. Trước hờ quá rồi, đấu tranh bộ đội, Giai phẩm mùa Xuân, Nhân văn đều mạnh động, vaines agitations cả. Chỉ có chui vào sáng tác tức là cái giáp trụ rắn nhất (Đảng) đánh cũng không chết.”

Đến khi nhận thấy phong trào đi quá nhanh, Đảng bắt đầu dùng bạo lực để khủng bố, thì các văn nghệ sĩ đối lập phải tìm cách ghìm bớt phong trào lại để tránh tổn thất. Chúng ta hãy nghe Trần Dân kể lại:

“Khoảng số 2 Nhân văn. Lê Đạt lên trại Cải cách ruộng đất tìm tôi, tôi bảo trước sau phong trào cũng bị đổ

vô thôi. Tôi xui Lê Đạt tham gia ghìm Nguyễn Hữu Đang lại và nói: ‘Mày làm như Các Mác với Ba Lê Công xã ấy’, biết là thất bại nhưng cứ xông vào giải bớt thất bại đi’.

Cũng vì áp dụng chiến thuật mềm dẻo này mà đa số các văn nghệ sĩ, sau khi phong trào chống đối bị tan vỡ, đều chịu đi chỉnh huấn và công khai bộc lộ. Họ áp dụng câu phương ngôn “tránh voi chẳng hổ mặt nào”, để một lần nữa tránh tổn thất. Không phải là họ “ham sống sợ chết”, nhưng nếu để cho cộng sản khủng bố rùng rợn quá thì thế hệ sau sẽ một phần nào nhụt mất nhuệ khí. Những người được cộng sản Đệ Tam đào luyện không có thái độ như Nguyễn Thái Học, chủ trương “không thành công cũng thành nhân”.

Có nhiều người ở miền Nam không tán đồng thái độ này. Họ cho rằng đầu hàng kẻ thù như vậy là không có “khí phách”, không đủ tiết tháo. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng đối với cộng sản thì không thể nào dựa vào khí phách và tiết tháo mà thắng được. Càng tỏ ra có khí phách chúng càng giết không nể tay. Hàng vạn người trước đây bị quy là địa chủ, chỉ vì khí phách không chịu đầu hàng, nên bị chúng giết từng loạt. Hiện nay vấn đề chính không phải là nêu cao khí phách để cổ vũ tinh thần quần chúng, giác ngộ quần chúng vì toàn thể nhân dân đã sẵn có tinh thần chống cộng. Vấn đề chính trong hiện tại là đấu tranh bền bỉ. Mỗi lần thất bại là phải cố gắng bảo tồn lực lượng để trù tính một cuộc đấu tranh kế tiếp. Cộng sản thắng lợi vì áp dụng đường lối đó.

Trong tương lai cộng sản tất nhiên sẽ bị thất bại cũng vì đối phương biết áp dụng phương pháp đó.

Một mặt khác, sau khi tất cả các báo chí đối lập đã bị bóp chết, thì chỉ còn một cách là công khai bộc lộ để nhờ báo chí của Đảng trích đăng tâm sự của mình, hòng để lại cho lớp sau một kinh nghiệm mà lịch sử chưa từng ghi chép.

Trên đây là ý kiến riêng của chúng tôi, vì chúng tôi so sánh việc “đầu hàng” của nhiều địa chủ với việc “đầu hàng” của các văn nghệ sĩ. Đảng bắt phải đầu hàng để Đảng lên mặt với nhân dân, vậy thì cứ “đầu hàng” vì qua những vụ đầu tố địa chủ, phú nông, toàn thể nhân dân đều biết rằng những trò đó chỉ là một tấn đại bi hài kịch mà mọi người phải lần lượt lên sân khấu đóng vai trò Đảng đã ấn định cho mình. Chúng tôi tin rằng những người như Trần Dân đã viết bài “Hãy đi mãi” (xem phần tài liệu) hay Phùng Quán đã viết bài “Lời mẹ dặn” (xem phần tài liệu) là những người có dư thái độ bất khuất và có đủ gan dạ bền bỉ.

Ý kiến chúng tôi có đúng hay không, chỉ có tương lai mới có thể trả lời.

Trong khi chờ đợi, chúng ta hãy tin rằng Người là Người mà Vật là Vật. Không có thế lực nào có thể biến con người thành con vật. Người hơn vật ở chỗ biết nói, nên hễ biết nói là phải nói theo ý mình. Người bao giờ cũng tranh đấu đòi cho được tự do ngôn luận, bảo đảm cho mọi thứ do khác.

Mạc Đình, Sài Gòn, ngày 8-12-1958

PHẦN II: TÀI LIỆU (NHÂN VẬT VÀ TÁC PHẨM)

CHƯƠNG 1: PHÁI CỤU HỌC

Phái này trước kia gồm những nhà văn xuất thân từ Nho học, đồng thời với cụ Ngô Đức Kế và Huỳnh Thúc Kháng, ra đời vào khoảng cuối thế kỷ trước, lúc Pháp mới bắt đầu đặt nền đô hộ trên toàn cõi lãnh thổ Việt Nam.

Nhưng tất cả các văn nhân trong thế hệ này đều đã qua đời, chỉ còn sót lại có hai cụ là Sở Cuồng Lê Du và Chương Dân Phan Khôi. Cả hai cụ đều là người Quảng Nam và đều có tham gia phong trào Đông kinh Nghĩa thực và phong trào kháng thuế ở Trung kỳ.

Cụ Lê Du đã mất hẳn trí nhớ nên từ lâu nay không còn sáng tác nữa, chỉ còn lại một mình cụ Phan Khôi, có thể nói là đại diện cho cả một thế hệ, cho một hệ thống tư tưởng Nho giáo, đơn thương độc mã chống chọi với ý thức hệ Mác-xít và chế độ cộng sản. Tiếng nói của cụ là tiếng nói của một

học phái từ hai nghìn năm trước còn vang lại, nhắc chúng ta phải nhớ đến thời Xuân Thu, Chiến Quốc bên Tàu mà thực sự có “Bách gia tranh minh, bách hoa tể phóng”. Phong trào này ngày xưa bị Tần Thủy Hoàng đàn áp và ngày nay bị ông Mao Trạch Đông và ông Hồ Chí Minh tiêu diệt. Phan Khôi là đồ đệ cuối cùng còn giữ đủ tinh thần tiết tháo của trên bảy mươi thế hệ Nho gia.

CỤ PHAN KHÔI

Cụ sinh năm 1887 tại làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, ông thân sinh ra cụ là Phan Trân, trước làm tri phủ, phủ Điện Khánh, sau từ quan về làm nghề dạy học. Bà mẹ cụ Phan Khôi là con gái cụ Hoàng Diệu, nguyên Tổng đốc Hà Nội, có lần đã đi sứ sang Tây Ban Nha và Anh Cát Lợi. Cụ Hoàng Diệu tuần tiết khi thành Hà Nội bị lọt vào tay Henri Rivière năm 1882.

Cụ Phan Khôi học chữ Nho rất giỏi và mới 19 tuổi đã đỗ tú tài (1905) tuy rằng sức học đáng để học cao hơn. Đỗ xong cụ tỏ ý chán khoa cử, vì cụ được gặp cụ Phan Bội Châu và cụ Phan Chu Trinh nên bị ảnh hưởng của hai nhà cách mạng này.

Năm 1907 cụ Phan Khôi ra Hà Nội, tham gia phong trào Đông kinh Nghĩa thực và viết cho tờ tạp chí *Đảng cổ Tùng báo* do phong trào này xuất bản. Chẳng bao lâu tờ tạp chí bị cấm và phong trào bị khủng bố. Cụ Phan liền rút lui về Nam Định rồi về Hải Phòng ẩn náu. Ít lâu sau cụ lên về Quảng Nam

hoạt động trong Phong trào Văn thân cùng với cụ Huỳnh Thúc Kháng.

Trong một cuộc biểu tình đòi giảm thuế, cụ Phan bị bắt và giam tại nhà lao Quảng Nam cho mãi đến năm 1914, vì có chiến tranh Đức-Pháp, toàn quyền Albert Sarraut mới ân xá cho nhiều tù nhân, trong đó có cụ.

Trong thời gian bị tù, cụ Phan học chữ Pháp với những công chức cùng bị giam. Thoát khỏi tù, cụ ra Hà Nội làm nghề viết báo. Cụ viết cho tờ *Nam phong*, là tờ báo văn học duy nhất của thời bấy giờ. Vì bất bình với Phạm Quỳnh là giám đốc tờ *Nam phong*, cụ bỏ Hà Nội vào Sài Gòn viết cho tờ *Lục tỉnh Tân văn*.

Năm 1920 cụ lại trở ra Hà Nội viết cho tờ *Thực nghiệp Dân báo* và tờ *Hữu thanh* của cụ Ngô Đức Kế. Trong thời kỳ này cụ dịch thuê cuốn *Kinh Thánh* cho Hội Tin lành. Cuốn *Nam âm thi thoại* của cụ ra đời trong thời kỳ này.

Năm 1928, tờ *Thực nghiệp Dân báo* và tờ *Hữu thanh* bị đóng cửa, cụ Phan lại trở vào Sài Gòn viết cho tờ *Thần chung* và tờ *Phụ nữ Tân văn*, và gửi bài ra Hà Nội cho báo Đông Tây. Trong thời kỳ này cụ Phan bút chiến với Hải Triều, nhà văn cộng sản, về vấn đề duy tâm và duy vật. Cuộc bút chiến này sôi nổi du luận trong toàn quốc.

Năm 1931, cụ Phan lại trở ra Hà Nội viết cho tờ *Phụ nữ Thời đàm*.

Năm 1936 cụ vào Huế viết cho tờ *Tràng An* và xin

được phép xuất bản tờ *Sông Hương*. Cụ tái bản cuốn *Nam âm thi thoại* và đổi tên là *Chương Dân thi thoại*.

Năm 1939 tờ *Sông Hương* chết, cụ Phan lại trở về Sài Gòn dạy học chữ Nho và viết tiểu thuyết.

Thời kỳ này cụ viết cuốn *Trở vỏ lừa ra*.

Sau khi Sài Gòn bị phi cơ đồng minh oanh tạc dữ dội, cụ Phan rút lui về quê để tránh bom và sống an nhàn cho đến khi Việt Minh cướp chính quyền, năm 1945.

Cụ bất bình với chính sách khủng bố của Việt Minh thi hành ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, nhất là về việc cán bộ địa phương định phá hủy nhà thờ cụ Hoàng Diệu, nên cụ lớn tiếng công kích. Cán bộ địa phương toan bắt cụ, nhưng vì nể Phan Thao là con cụ lúc bấy giờ làm cán bộ cao cấp trong ủy ban Trung bộ, nên không dám bắt mà chỉ báo cáo lên cấp trên. Về phần cụ Phan, cụ cũng khôn khéo viết thư cho cụ Huỳnh Thúc Kháng lúc bấy giờ giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ ở Hà Nội. Cụ Huỳnh vội vàng can thiệp. Hồ Chí Minh dàn xếp vấn đề bằng cách tự tay viết thư mời cụ Phan ra Hà Nội hợp tác, nhưng kỳ thực là giao cho em họ cụ là Phan Bôi, tức Hoàng Hữu Nam, Trung ương Ủy viên và Thứ trưởng Bộ Nội vụ phụ trách quản thúc.

Ra đến Hà Nội, cụ Phan không chịu ở nhà Phan Bôi, cụ lên phố Quan Thánh ở nhà Khái Hưng, tức Trần Khánh Du, là một nhà văn theo Quốc dân Đảng. Khi Việt Minh khủng bố Quốc dân Đảng và vây nhà Khái Hưng để bắt Khái Hưng thì đồng thời

cũng bắt được cụ Phan Khôi trong đó. Vì lúc bấy giờ Phan Thao con cụ làm chủ nhiệm báo Cứu quốc ở Hà Nội, nên một lần nữa Việt Minh lại không dám khủng bố cụ Phan. Chúng giao cụ cho Phan Bội điếu lên chiến khu Việt Bắc. Cụ ở Việt Bắc suốt 9 năm kháng chiến.

Ở chiến khu cụ Phan được giao công tác phiên dịch sách chữ Hán hoặc chữ Pháp sang tiếng Việt. Tuy bất mãn, nhưng cụ cũng làm tròn nhiệm vụ. Ông Hồ lấy làm bằng lòng và ban cho cụ một chiếc áo “bờ-lu-dông” Mỹ.

Sự thực thì cụ Phan chỉ tán thành cuộc kháng chiến chống Pháp, nhưng cụ rất ghét Việt Minh. Hối 1951 cụ làm bài thơ ví cuộc kháng chiến như hoa hồng và ví Việt Minh như gai. Đại ý cụ nói cụ vì yêu kháng chiến mà phải phục tùng Việt Minh. Bài thơ như sau:

Hồng gai

*Hồng nào hồng chẳng có gai
Miễn đừng là thứ hồng dài không hoa,
Là hồng thì phải có hoa,
Không hoa chỉ có gai mà ai chơi?
Ta yêu hồng lắm hồng ơi!
Có gai mà cũng có mùi hương thơm.*

(16-03-1951)

Cụ ghét Việt Minh về nỗi căm đoán tự do ngôn luận nên cụ làm một bài thơ tả số phận con lợn như sau:

Đánh đùng một cái

*Kêu éc éc ngay
Bịt mồm, bịt miệng,
Trói chân, trói tay*

.....

*Từ dây đến cái dao
Chẳng còn xa là bao.*

Cám cảnh cô độc ở Việt Bắc, cụ Phan làm một bài thơ chữ Hán mà Thế Lữ dịch ý như sau:

*Một mình trước cảnh xanh núi rừng
Ta ngồi ngạo nghễ với bầy chim bầy vượn
Vi ta chạy loạn mà tình cờ gặp cảnh lâm tuyền.
(Cụ ví Việt Minh là thú vật.)*

Và một bài khác Thế Lữ dịch ý như sau:

*Một mình đêm giao thừa
Đến ngọn đèn làm bầu bạn cũng không có
Đắp lên thân suy tàn một tấm chăn kép
Chợp mắt mơ là nhằm miếng chua cay
Có vợ con mà sống chia cách
Không sinh kế đành phải ăn nhờ
Nghe tiếng gà mừng vùng dậy
Kháng chiến bốn lần gặp Xuân rồi
(1950)*

Vì khí hậu độc nên cụ sinh ốm đau và phải vào bệnh viện nằm trong đó một thời gian. Ra khỏi bệnh viện, cụ đi hót tóc và cảm hứng cụ làm bốn câu thơ:

*Tuổi già thêm bệnh hoạn
Kháng chiến thấy thừa ta
Mối sầu như tóc bạc
Cứ cắt lại dài ra. (1952)*

Cuối năm 1954 cụ Phan Khôi ở chiến khu về Hà Nội cùng với đa số các văn nghệ sĩ khác. Vì không có nhà cửa ở Hà Nội nên Hội Văn nghệ dành cho cụ một buồng ở tầng ba của nhà trụ sở hội đường Gambetta cũ. Cụ vẫn tiếp tục công việc phiên dịch.

Mùa Thu 1956 cụ viết bài “Phê bình lãnh đạo văn nghệ” đăng trong Giai phẩm mùa Thu. Bài này gây nên ngọn lửa chiến tranh giữa trí thức miền Bắc với Đảng. Để nói rộng cuộc đấu tranh sang lĩnh vực chính trị, cụ Phan Khôi đứng ra làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Nhân văn. Để tỏ ý chỉ đấu tranh đến cùng, cụ làm bốn câu thơ:

*Nắng chiều tuy có đẹp
Tiếc tài gần chạng vạng
Mặc dù gần chạng vạng
Nắng được thì cứ nắng (1956)*

Nhận thấy thái độ chống đối của cụ Phan Khôi là một điều tối nguy hại cho chế độ, Việt cộng, một lần cuối cùng, cố sức mua chuộc cụ bằng cách mời cụ sang Bắc Kinh để dự lễ kỷ niệm nhà văn Lỗ Tấn. Chính quyền miền Bắc hy vọng rằng cho cụ đi thăm các xưởng máy đồ sộ của Trung Quốc, cụ sẽ phải khâm phục sự tiến bộ của nước đàn anh vĩ đại, và do đó sẽ thay đổi quan niệm, không chỉ trích cộng sản nữa. Một lần nữa, cộng sản lại thất vọng.

Một hôm cụ Phan được đưa tới thăm nhà máy An Sơn của Trung cộng, cụ làm ra vẻ tấm tắc khen ngợi những máy móc tinh xảo và phát biểu như sau:

“Ngày xưa ông Mác nói: Lao động sáng tạo,

nhưng tôi nghĩ rằng nên nói trí thức và lao động sáng tạo, mới đúng.”

Cán bộ Tàu lễ phép chữa lại:

“Thưa cụ, ông Mác nói là lao động là bao gồm cả trí thức trong đó chứ ạ!”

Cụ Phan trả lời ngay:

“Không đâu, ý ông Mác chỉ muốn nói công nhân thôi, còn trí thức thì sau này người ta mới thêm thắt vào đó.”

Cán bộ Trung cộng ứ hơi cứng họng không trả lời được.

Sau khi ở Trung Quốc về, cụ Phan lại tiếp tục công việc làm chủ nhiệm báo Nhân văn. Biết rằng Đảng sắp khủng bố đến nơi, cụ vẫn bình tĩnh tiếp tục cuộc đấu tranh. Hồi đó cụ làm bốn câu thơ hài hước như sau:

Làm sao cũng chẳng làm sao

Dẫu có thể nào cũng chẳng làm chi

Làm chi cũng chẳng làm chi

Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao

Việc cụ Phan Khởi chống đối Đảng trong hai năm vừa qua như thế nào, chúng tôi đã trình bày tường tận trong mục: “Lịch trình đấu tranh của trí thức ở miền Bắc”. Chúng tôi cũng đã tường thuật việc cụ bị đá kích và chửi bới như thế nào. Họ bảo cụ là phản động Việt gian, phá hoại, tờ- rớt-kít, cụ hút thuốc phiện, chơi gái... và cụ “hủ hoá” cả với nữ sĩ Thụy An nữa (nên nhớ rằng khi cụ Phan gặp bà Thụy An, cụ đã ngoài 70 tuổi). Điều đó không làm

cho chúng ta ngạc nhiên vì tục ngữ của chúng ta đã sẵn có câu : Được là vua, thua là giặc.

Điều mà chúng ta cần chú ý là nhờ có sự chửi bới moi móc đó mà chúng ta biết thêm được một vài chi tiết về sự nghiệp văn chương của cụ Phan. Số là trong báo Văn nghệ số 15, xuất bản hồi tháng 8, 1958, Đoàn Giỏi, một cán bộ văn nghệ có viết một bài mặt sát cụ Phan, trong đó có nói nhiều đến cuốn Nắng chiều của cụ Phan mà từ trước tới nay chưa ai biết, vì chưa xuất bản.

Cũng vì không thể kiểm được nguyên bản nên chúng tôi tạm trích bài phê bình của Đoàn Giỏi để độc giả có thể có một khái niệm về tác phẩm cuối cùng của cụ và cũng để độc giả thử đoán xem Đoàn Giỏi có chủ tâm đả kích cụ Phan Khôi không, hay là chỉ mượn có chửi bới để phổ biến một tác phẩm mà từ lâu Đảng vẫn giấu kín trong tủ sắt. Chúng tôi không dám quyết định, chỉ biết rằng sau khi đăng bài đó, ban biên tập tờ Văn nghệ phải tự kiểm thảo và từ ngày ấy thấy vắng tên Đoàn Giỏi trên mặt báo. Chúng tôi cũng không dám phê bình cụ Phan Khôi vì cụ là tiền bối.

Những người đã có dịp quen biết với cụ trong cuộc đời bôn ba của cụ, tất nhiên biết về cụ rõ hơn chúng tôi.

*

Phê bình lãnh đạo văn nghệ

Ngày 14 tháng 7 trước đây, một anh bạn trẻ đến với tôi, ngỏ ý muốn tôi viết một bài cho tập Giai phẩm mùa Thu, tôi nhận lời, và viết bài này.

Tôi không phải không nhớ nhập tâm rằng cái Giai phẩm mùa Xuân đã gây ra một cảm giác nặng nề cho giới văn nghệ, nhưng mà tôi cứ viết. Là vì tôi nghĩ thấy mùa Thu không thể giống được với mùa Xuân. Thầy Mạnh Tử nói rằng “Bỉ nhất thời dã, thử nhất thời dã”. “Thời” là mùa, mùa nào tiết khí ấy, mà cũng mùa nào thức ấy.

Huống chi cái tôi viết đây là viết bằng văn xuôi, có chi nói nấy, nói toàn những sự thực, tôi không làm thơ, trong đó không có cái gì nhiều khê, bí hiểm, như “Cái bình vôi” của Lê Đạt, “Con chó đói” của Trần Dần, “Cái chổi quét rác ruồi” của Phùng Quán, nó như ruột voi, như phổi bò, suôn đuồn đuột mà xộp xồm xộp, ai đọc cũng thấy ngay tôi nói gì, khỏi phải hiểu ý này ra ý khác thì tôi tưởng cũng nên viết lắm.

Tôi muốn nói sự thực. Nhưng có người bảo rằng “có những cái sự thực không nên nói”. Tôi không tin. Đó là ở dưới chế độ nào kia, chứ ở dưới chế độ của chúng ta, đã lấy phê bình, tự phê bình làm vô khí, thì còn có cái sự thực nào là cái sự thực không nên nói?

Tôi muốn phê bình. Nhưng có người khác lại bảo rằng “phê bình nội bộ thì được, không nên viết trên sách báo, bên địch chúng thấy chúng sẽ xuyên tạc ra”. Tôi cũng không tin. Cái thời kỳ “đóng cửa dạy nhau” đã qua rồi, ngày nay chính là ngày có mâu thuẫn gì giữa nội bộ cần phải giải quyết trước mặt quần chúng nhân dân, không nhờ ánh sáng của

quần chúng nhân dân soi dẫn cho, thì không thể giải quyết nổi. Và lại, đã nhận rằng ăn của nhân dân, làm việc cho nhân dân, nhân dân là chủ, có quyền kiểm tra mọi việc, thì sao cứ im im ta với nhau không cho nhân dân biết?

Bởi những lẽ đó, tôi viết bài này phê bình lãnh đạo văn nghệ của Hội Văn nghệ Việt Nam, cái cơ quan mà tôi sống trong đó tám chín năm nay từ khi nó mới bắt đầu thành lập ở Việt Bắc tới giờ, và phê bình rất thẳng thắn.

Hồi còn ở Việt Bắc, đường lối văn nghệ có vẻ giản đơn lắm. Tóm lại là theo chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa hiện thực xã hội để phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân, nhất là phục vụ cho cuộc kháng chiến trước mắt. Những người công tác văn nghệ lúc bấy giờ có làm đúng và đầy đủ như thế không, chưa nói đến; một điều có thể nói chắc là ai nấy đều cố gắng đi theo đường lối ấy. Đối với lãnh đạo, họ có thắc mắc gì không? Hầu như không có thắc mắc gì cả. Nếu có thì cũng đã chín bỏ làm mười, vì trong thời gian đó, cái vĩ đại, cái gian khổ mà vinh quang của cuộc kháng chiến ngập trên người họ, họ đang để lòng mà nghĩ đến kháng chiến, không nghĩ đến chuyện khác.

Ở đây tôi không đi sâu hơn, không đi tìm cái có tại làm sao mà sau khi thắng lợi trở về thủ đô, lãnh đạo văn nghệ thành ra vấn đề, quần chúng văn nghệ thắc mắc đối với lãnh đạo; tôi chỉ đưa ra cái hiện tượng không tốt ấy sau khi trở về Hà Nội hai năm nay.

Thình lình tôi dùng cái danh từ “quần chúng văn nghệ” chắc có người thấy mà lấy làm chướng mắt. Nhưng không dùng thì không lấy gì đủ chỉ rõ một cái hiện tượng: cái hiện tượng đối lập, một bên là lãnh đạo văn nghệ, một bên là quần chúng văn nghệ. Trước kia, trong thời kháng chiến, lãnh đạo với thứ quần chúng ấy là một, mà bây giờ là hai. Thêm một điều đáng chú ý, là cái thứ quần chúng ấy, hiện nay, không chỉ là văn nghệ sĩ theo kháng chiến ở Việt Bắc, mà còn văn nghệ sĩ ở vùng mới giải phóng, mà còn văn nghệ sĩ ở vùng Nam bộ, ở khu V ra tập kết nữa, một thứ quần chúng khá đông đảo, hễ lãnh đạo không khéo thì nó dễ thành ra đối lập.

Ở dưới chế độ tư sản, sự đối lập là thường: nhân dân đối lập với chính phủ, công nhân đối lập với chủ xưởng, học sinh đối lập với nhà trường... Nhưng ở dưới chế độ của chúng ta, về mọi phương diện, yêu cầu phải đi đến không đối lập, hễ còn có đối lập, là cái hiện tượng không tốt, cái triệu chứng không tốt.

Sở dĩ có cái hiện tượng ấy là bởi trong lĩnh vực văn nghệ chúng ta hai năm nay có những điều sai lệch về lãnh đạo mà tôi sẽ cử đại khái ra như dưới đây. Đây là những việc nổi bật lên, tôi thấy rõ thì tôi nói; còn những việc khác, về mặt tổ chức, về mặt hành chính tôi không biết cho lắm thì tôi không nói.

1. Về vấn đề tự do văn nghệ sĩ

Sau khi về Hà Nội không lâu, giữa một cuộc toạ đàm ở trụ sở Hội Văn nghệ, một cán bộ cao cấp lấy

tư cách cá nhân đề ra cái vấn đề “*tự do của văn nghệ sĩ*”. Cái vấn đề ấy được giải thích là: Có một số văn nghệ sĩ nào đó đòi tự do hay là có ý đòi tự do, mà tự do một cách bừa bãi, đến nỗi “*ví như một kẻ kia đi trên đường phố, thấy có người ôm cái cặp da đẹp, giật ngang lấy đi, rồi nói rằng đó là tự do của mình vì mình thích cái cặp da.*” Do đó, kết luận là: *phải có lãnh đạo, văn nghệ sĩ phải ở dưới quyền lãnh đạo.*

Tôi thấy vấn đề đặt như thế không đúng. Sự thực trước mắt chúng ta không hề có như thế.

Bao nhiêu văn nghệ sĩ từng theo kháng chiến, không luận ở Việt Bắc, ở Nam bộ, ở Khu V, đều đã ở trong Hội Văn nghệ, đều đã bằng lòng chịu lãnh đạo rồi, nếu họ không bằng lòng chịu lãnh đạo thì họ đã không ở trong Hội Văn nghệ. Còn những văn nghệ sĩ ở vùng mới giải phóng, họ còn ở lại đây tức là họ rắp tâm chịu lãnh đạo, nếu không thì họ đã đi vào Nam. Tóm lại, văn nghệ sĩ hiện nay có mặt ở miền Bắc không ai đòi tự do bừa bãi hết, không ai định “*đánh giật cặp da*” hết, tôi không biết vì sao lại đặt ra vấn đề ấy.

Quả thật như vậy, văn nghệ sĩ của chúng ta chẳng những đáng yêu mà lại đáng thương nữa. Họ biết trước kia họ đã đi sai đường, họ ngoan ngoãn chịu lãnh đạo. Mồ ma Tô Ngọc Vân, anh là một họa sĩ cup vẽ mỹ nhân, năm 1948, anh còn vẽ bức tranh màu đề là “*Hà Nội đứng lên*”, trình bày một người thiếu phụ tuyệt đẹp đứng hiên ngang trong đồng lúa, chung quanh là những cái nếp nhà đổ vì bom đạn.

Thế mà sau đó anh chưa hẳn cái vai cụp ấy. Ở Triển lãm Hội hoạ năm 1952, trong một bức tranh không có thể không có phụ nữ, thì anh vẽ một đám đàn bà già và gái bé. Còn Thế Lữ, có lần tôi hỏi tại sao anh không làm thơ như trước kia. Anh trả lời rằng đợi đến bao giờ anh “*chỉnh*” lại được tâm hồn, cảm thông được với quần chúng cần lao, bấy giờ anh sẽ làm. Thứ văn nghệ sĩ như thế, mà nói họ đòi tự do, dù chưa phải là tự do bừa bãi, cũng đã oan họ lắm rồi, oan mà không có chỗ kêu.

Có lẽ bởi nhìn thấy ở một khía cạnh nào rồi nhận định hẳn như thế, nên từ đó lãnh đạo gắt hơn, kỳ tiêu diệt thứ tự do ấy của văn nghệ sĩ. Nhưng, sự thực, thứ tự do ấy vốn *không* có để bị tiêu diệt, mà cái cá tính của văn nghệ sĩ, cái nghệ thuật tính của văn nghệ, nhân đó, tuy chưa đến bị tiêu diệt, chứ cũng đã bị thương.

Chưa nói đến cá tính và nghệ thuật tính. Ngay đến ý kiến, ngôn luận của quần chúng văn nghệ dù rất bình thường, không có gì hại, cũng bị kìm hãm. Tôi là một người đã chịu cái điều khó chịu ấy, tôi nói ra đây tưởng không có ai ác đến nỗi bảo tôi là dưng dưng hay xuyên tạc.

Sau khi về Hà Nội mấy tuần lễ, có một cuộc họp mặt văn nghệ sĩ với mấy đồng chí văn nghệ Liên-sô. Một đồng chí nói rằng mình vì không đọc được tiếng Việt cho nên không biết văn học Việt như thế nào, chứ còn mấy ngành khác như nhạc, hoạ, kịch đều thấy có tiến bộ cả. Nhân đó, tôi phát biểu

ý kiến, đại khái tôi nói văn học Việt vì những điều kiện nào đó hạn chế, nên hiện thời nó còn thấp kém lắm, chưa theo kịp sự tiến bộ của mấy ngành kia. Lại trong một cuộc họp khác sau đó, nói về âm nhạc, có mấy người đề cao nhạc cổ Việt Nam. Tôi tuy dốt âm nhạc chứ cũng biết rằng nhạc cổ của ta không cao đến cái mức ấy, bèn lại phát biểu ý kiến. Tôi thuật lại chuyện nghe ở người khác rằng có một nghệ sĩ nước bạn phê bình điệu hát chèo, trong đó đệm nhiều những “a ý a”, “tình tính tang”, còn đeo tính chất nguyên thủy. Mấy hôm sau, tôi gặp ông Hoài Thanh ở chỗ thang gác tầng thứ hai của trụ sở Hội Văn nghệ, ông bảo rằng mấy lần phát biểu ý kiến của tôi đều đáng phê bình, nhất là lần sau, sao lại bằng vào lời một nghệ sĩ nước ngoài mà phủ định nhạc cổ? Tôi chưa kịp nói gì thì ông đã đi xuống khỏi thang gác.

Tháng mười năm ngoái, tôi được cất cử nói chuyện trong cuộc kỷ niệm Lỗ Tấn. Trước khi nói, tôi phải viết ra trình qua lãnh đạo xem. Trong bài viết, có chỗ tôi nói Lỗ Tấn thông hiểu chủ nghĩa Mác lắm, nhưng trong văn chương của ông không hề dùng những danh từ mác-xít, mỗi khi đọc, làm tôi nghĩ đến con tằm: con tằm ăn dâu rồi nhả ra tơ, nếu nhả ra dâu thì không phải là con tằm. Ông Nguyễn Tuân hỏi tôi: “Nói như thế là định viser (ám chỉ) ai?” Đề nghị tôi nên chữa.

Tôi lấy làm lạ, tôi sao lại có tâm địa xỏ lá đến nỗi mỗi khi nói phải có ám chỉ ai mới được; tuy vậy, tôi

cứ hứa sẽ chữa. Một chỗ khác, nói về lối phiên dịch, Lỗ Tấn chủ trương trực dịch. Ông Hoài Thanh bảo tôi phải chữa, lấy lẽ rằng phiên dịch có nhiều lối, nếu lấy Lỗ Tấn làm khuôn mẫu thì Hồ Chủ tịch dịch Tinh uý bí mật, không trực dịch, chẳng là không đúng hay sao? Tôi biết rõ rằng cái câu nói đó chỉ là thuật lại cái chủ trương của Lỗ Tấn, chẳng hề lấy làm khuôn mẫu, cũng chẳng hề đả động gì đến việc dịch của Hồ Chủ tịch hết, những tôi không cãi, cũng cứ hứa sẽ chữa, mà thật, tôi đã chữa ngay trong bản thảo trước mặt ông Hoài Thanh.

Đó là cái thói kỵ huy trong văn chương của thời phong kiến còn sót lại. Thuở Thiệu Trị, ở trường thi hương Thừa Thiên, Đặng Huy Trứ vào trường thi, trong văn có câu “*vi gia miêu chi hại*”, nghĩa là làm hại giống mạ tốt, nhưng “*gia miêu*” là tên làng các vua triều Nguyễn, quan trường sợ bóng sợ gió, sợ như thế có thể hiểu ra là làm hại làng của vua, bèn đánh rớt bay. Lại thuở Tự Đức, cũng trường thi Thừa Thiên, Lương Gia Hựu cũng vào trường thi, trong văn có câu “*vi thiên tử chi ấp*”, chữ “*ấp*” đó nghĩa là kinh đô, thế mà quan trường sợ có thể hiểu nôm na rằng thiên tử ôm ấp cô gái nào, cũng đánh rớt bay. Thử so sánh mà xem, có phải mấy ông lãnh đạo của tôi cũng sợ bóng sợ gió, cũng kỵ huy như mấy ông quan trường ấy không? Người ta làm cho tôi cảm thấy qua việc ấy rằng nước Việt Nam ngày xưa, triều đại là triều đại Thiệu Trị, Tự Đức, cái nguồn văn chương là Tứ thư, Ngũ kinh, còn nước

Việt Nam ngày nay, cũng là triều đại gì đó, chỉ khác cái nguồn văn chương là Mác-xít, chứ cái thói kỵ huỷ của quan trường thì không khác.

Trở lại vấn đề “tự do của văn nghệ sĩ”.

Thực ra thì, như trên đã nói, văn nghệ sĩ không đòi tự do bừa bãi, họ chịu ở dưới quyền lãnh đạo, chỉ duy cái vấn đề họ đặt ra là *lãnh đạo phải như thế nào*. Nói như thế cũng chưa hết ý. Phải nói rằng văn nghệ sĩ cũng muốn được tự do, nhưng họ chỉ yêu cầu được tự do trong nghệ thuật.

Đành rằng văn nghệ phục vụ chính trị, cho nên chính trị phải lãnh đạo văn nghệ. Nhưng phải hỏi: chính trị nếu muốn đạt đến cái mục đích của nó, thì cứ dùng những khẩu hiệu, biểu ngữ, thông tri, chỉ thị, không được hay sao, mà phải cần dùng đến văn nghệ? Trả lời cho thành thật, e chính trị phải vở vai văn nghệ mà nói rằng: “Sở dĩ tao tha thiết đến mấy là vì tao muốn lợi dụng cái nghệ thuật của mấy.” Đã cãi mở với nhau như thế rồi, văn nghệ đồng ý. Nhưng phần nghệ thuật này là phần riêng của văn nghệ, chính trị không bao biện được, nó phải đòi tự do trong phần ấy. Như thế, tưởng chính trị cũng lấy lẽ gì mà không đồng ý. “Hai bên đều có lợi”, cái nguyên tắc ấy, ở ngày nay, nó thích dụng trong bất cứ một sự hợp tác nào.

Nhưng hai năm nay, lãnh đạo văn nghệ của chúng ta đã đi quá trớn mà không giữ đúng cái giao ước bất thành văn ấy. Lãnh đạo đã xâm phạm mỗi ngày một hơn vào quyền riêng nghệ thuật của văn nghệ sĩ.

Trong văn nghệ, không cứ về ngành nào, sáng tác hay “sản xuất”, đều hầu như bị Ban Thường vụ của Hội xô sẹo dất đi, hay quá lắm là nhúng tay vào. “Phục vụ công nông binh” và “phục vụ kịp thời”, cái đó đã đành rồi; “quần chúng văn nghệ” bực mình vì còn phải chịu mệnh lệnh của lãnh đạo ngoài những cái đó.

Tức như trước đây trong việc chấm giải thưởng về nhạc. Có một bài nhạc, Ban chấm giải (gồm những nhạc sĩ chuyên môn) đặt vào hạng thấp, thì Ban Thường vụ bảo phải nhắc lên hạng cao, lấy lẽ rằng “lời” nó hay và đúng chính sách. Ban chấm giải bầy rằng tuy “lời” hay mà “nhạc” tầm thường nên để hạng thấp, nhưng không được, rốt lại cũng phải nhắc lên hạng cao. Một anh nhạc sĩ trong Ban chấm giải thuật chuyện ấy cho tôi nghe và phàn nàn rằng thế thì làm thơ làm văn cho hay và đúng chính sách cũng được, việc gì phải làm nhạc và phải giao cho nhạc sĩ chấm? Tôi cho phàn nàn như thế là có lý lắm, trừ ra khi nào Ban Thường vụ cũng là nhạc sĩ chuyên môn thì vấn đề còn phải thảo luận lại.

Để rồi đến ngày Đại hội, trong mỗi ngành sẽ có người đứng lên nói những sự thực như thế ra. Tôi ở ngành văn, tôi đã kể một chuyện về viết như trên kia cũng đủ thấy là khó chịu rồi. Cái sự bẽ bai bẽ học của bà già đối với nàng dâu, hà tất phải kể ra hàng tràng, thiên hạ mới biết.

Ông Nguyễn Tuân và ông Hoài Thanh đều là nhà văn nổi tiếng, tôi không nói các ông không có thẩm

quyền về nghệ thuật viết văn. Nhưng các ông có nghệ thuật của các ông, còn tôi có nghệ thuật của tôi. Trong nghệ thuật ngu cái cá tính của mỗi người một khác, do đó nghệ thuật tính của văn nghệ của mỗi tác giả một khác. Có thể thì mới có được cái quang cảnh “trăm hoa đua nở”. Nhược bằng bắt mọi người viết phải viết theo một lối với mình, thì rồi đến một ngày kia, *hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết.*

Mà nếu cứ thế nầy mãi, than ôi, cái ngày ấy cũng chẳng xa đâu!

Cái tác phong lãnh đạo ấy hiện đã truyền nhiễm khắp Hà Nội rồi. Một toà soạn nào đó cũng có quyền chữa bài của tôi, rút bài của tôi. Mà phải chi đáng chữa mà chữa, đáng rút mà rút cho cam. Mới đây, trước ngày 20 tháng 7, có một nhà báo – giấu làm gì? Nói ngay là nhà báo Tổ quốc – nhà báo Tổ quốc viết thư cậy tôi viết một bài. “Viết một bài về chuyện miền Nam”, như thế là đã “ra đề” cho tôi “làm bài” đó, tưởng cũng đủ lắm rồi. Trong thư, ông đại chủ bút còn “dàn bài” cho tôi nữa: những là “yêu cầu” thế này, “mục đích” thế nọ, và hạn từ một ngàn rưởi chữ đến hai ngàn chữ. Tôi lấy làm đau xót quá (có lẽ đó vì tôi tự ái, đáng kiểm thảo), bèn kiếm cách từ chối. Cụ Đồ Chiểu ơi! Cụ Đồ Chiểu! Ở thời cụ, cụ đã kêu:

Ở đây nào phải trường thi

Ra đề, hạn vận một khi buộc ràng?

thế mà đến ngày nay, bảy tám mươi năm sau cụ,

người ta còn ra đề, dàn bài, lại hạn chữ cho tôi nữa đó cụ ơi! Tôi còn làm ăn gì được nữa cụ ơi! Tôi còn là tôi đâu được nữa cụ ơi!

2. Về vụ Giai phẩm mùa Xuân

Lãnh đạo như thế cho nên mới có tập *Giai phẩm mùa Xuân*. Nói cho tiêu tội, mấy người viết *Giai phẩm mùa Xuân*, họ vốn không hề cho tôi biết gì cả, nhưng khi tôi đọc thì tôi – có lẽ như tục ngữ nói: voi thuộc voi, ngựa thuộc ngựa, tôi biết ngay là vì họ bất bình với lãnh đạo.

Sáng hôm mừng Một Tết âm lịch năm nay, ông Tố Hữu đến chơi trụ sở Hội Văn nghệ. Giữa anh em đồng, ông hỏi ý kiến tôi về tập *Giai phẩm mùa Xuân*. Tôi nói trong đó chỉ có bài thơ của Trần Dần nói lời thôi, có hơi không lợi; còn của Phùng Quán, của Lê Đạt, tôi thấy nói đúng đấy. “Chống công thức”, “quét rác rưởi tư tưởng” là việc chúng ta cần phải làm. Có điều cái gì là công thức, cái gì là tư tưởng rác rưởi, chẳng những nên bảo họ nói rõ ra, mà còn nên bảo họ viết lên báo cho rõ ra. Ông Tố Hữu nói một câu có đồng anh em cùng nghe: “Giấy mực đâu mà phí để cho họ viết?”. Thế rồi làm thinh. Tôi làm thinh, nghĩa là tôi trải đời nhiều rồi, tôi tròn lăm rồi, tôi không dại dột đến nỗi đã thế rồi mà còn cứ nói nữa.

Mấy hôm sau, nghe nói tập sách mỏng ấy bị thu về, tôi cho rằng sự thu về ấy là thất sách. Sao lại phải làm to chuyện cái chuyện không đáng làm to? Sao

lại gọi cho những kẻ hiếu kỳ lén lút tìm mua tập sách ấy 3000 đ một tập mà đọc? Sao lại làm như là sợ nó? Ở Trung Quốc, Hồ Phong nói xấu lãnh đạo văn nghệ đến thế nào, mà “*Ba xấp tài liệu*” của Hồ Phong vẫn được công bố ra, cả đến cái *Ý kiến thư* của hắn cũng được công bố ra, chẳng ai hề sợ.

Thế rồi một ngày xuân mới, ánh mặt trời ấm áp, tối lại, có mấy hạt mưa phùn để giúp cho những cây rụng lá mùa đông nứt lộc ra, thì ở trụ sở Hội Văn nghệ khai hội từ 7 giờ tối đến 1 giờ sáng để phê bình bài thơ Trần Dần, mà ký thực là hỏi tội Trần Dần, một mầm non văn nghệ. Hỏi tội đọc một Trần Dần thôi, là cái ngón chính trị tài tình lắm đấy, để cô lập Trần Dần và phân hoá lũ người trong *Giai phẩm*, cái ngón ấy đã thành công. Hết thầy có độ một trăm rưỡi người, trong đó có vài chục người đứng lên nói, đại khái giống nhau và kết luận là Trần Dần có tội. Không phải không có những người thấy rằng Trần Dần dù có tội cũng không đến to như thế, nhưng mà họ đã làm thình.

Tôi nhớ có một vị bắt lỗi trong bài thơ Trần Dần có chữ “*Người*” viết hoa. Lấy lẽ rằng chữ “*Người*” viết hoa lâu nay chỉ để xưng Hồ Chủ tịch, thế mà Trần Dần lại viết hoa chữ “*Người*” không phải để xưng Hồ Chủ tịch. Tôi ngồi nghe mà tưởng như mình ở trong chiêm bao: chiêm bao thấy mình đứng ở một sân rộng nọ, ông Lê Mỗ tố cáo ông Nguyễn Mỗ trước ngai vàng, rằng trong phép viết, chỉ có chữ nào thuộc về hoàng thượng mới phải đại, thế

mà tên Nguyễn Mỗ viết thư cho bạn, dám đòi chữ không phải thuộc về hoàng thượng. Nhưng may cho tôi, tôi tỉnh ngay ra là mình ngồi trong phòng họp Hội Văn nghệ.

Rồi đến ông Hoài Thanh viết một bài trên báo Văn nghệ, bằng giấy trắng mực đen, ghép Trần Dần vào tội phản động, đứng về phía địch chống lại nhân dân ta (Báo Văn nghệ số 110 ra ngày 17-3-56).

Thật cái tội phản động ở xứ này sao mà ghép một cách dễ dàng quá. Hồ Phong bên Trung Quốc, còn phải điều tra bao nhiêu năm, công bố “*Ba xấp tài liệu*”, mới vạch mặt hẳn là phản cách mạng, là tay sai của Tưởng Giới Thạch được. Tôi lại còn thấy một cái tài liệu, nói Hồ Phong từng bị bắt quả tang có một thanh gươm, ở cái nạm có bốn chữ “Tuồng Trung Chánh tặng”, ở cái lưỡi có ba chữ “Đảng Nhân hồn”. Như thế thì phản động là đáng lắm, có đâu chỉ một bài thơ mà đã là phản động?

Tuy vậy, Trần Dần còn có phúc hơn cậu cù Nguyễn Thuyên con trai cù lớn Tiễn quân Nguyễn Văn Thành nhiều lắm. Trần Dần với bài thơ hàng hơn năm trăm câu mà chỉ mang tiếng là phản động thôi, không như cậu cù Thuyên, bài thơ chỉ có 56 chữ, ý tứ vu vơ, mà bị chết chém, và còn liên lụy đến anh em, bè bạn, liên lụy đến ông cù bố phải uống thuốc độc mà chết. Trong chỗ đó, tôi thấy thời đại dân cộng hoà dân chủ rộng rãi đối với văn nghệ hơn thời đại chuyên chế triều Gia Long rất nhiều.

Cuối cùng, ông Nguyễn Đình Thi, thư ký toà

soạn báo *Văn nghệ* viết liên tiếp ba bài đại cà sa phê bình tập *Giai phẩm mùa Xuân*. Sau khi ba số báo in ra xong, ông Thi đưa cả cho tôi xem và hỏi ý kiến tôi đối với ba bài ấy.

Đọc xong sau một hôm, hai chúng tôi nói chuyện với nhau. Tôi bảo ông Thi rằng ông đặt sai vấn đề. Vấn đề *Giai phẩm* là vấn đề lãnh đạo, chứ không phải vấn đề quần chúng. Tôi phân tích rõ ràng cho ông thấy rằng tại lãnh đạo văn nghệ có thể nào cho nên quần chúng văn nghệ mới bất bình mà phát biểu ra như thế. Ví dụ trong sự phát triển của họ có lắm lỗi cũng còn là cái ngọn, mà cái gốc, phải tìm đến ở chỗ do lãnh đạo gây ra. Thế mà cả ba bài của ông Thi không có một chữ nào đụng đến lãnh đạo hết, chỉ đổ lỗi cho mấy người viết trong *Giai phẩm*, thế là không công bình, thế là quá đáng. Khi viết đây, tôi ngồi dưới ngọn đèn điện 20 nến, tôi nói có mặt đèn làm chứng, ông Thi nhận cho lời tôi nói là đúng, hứa sẽ viết phê bình lãnh đạo, nhưng mãi tới nay chưa thấy viết.

Đọc trong bài thứ nhất của ông Nguyễn Đình Thi, đến chỗ ông nói mấy người trong *Giai phẩm* là “*cả vú lấp miệng em*”, làm tôi nhớ lại một vài chuyện cũ mà tủm tỉm cười một mình. Năm 1920, tôi làm thư ký kiêm kế toán cho công ty Bạch Thái ở Hải phòng, tôi thấy ông Bạch Thái Buổi bóc lột công nhân làm tàu của ông rõ ràng, thế mà một hôm ông chỉ vào mặt các anh làm tàu mà nói rằng: “Chính chúng mày bóc lột tao”; năm 1930 hay 1931 gì đó, tôi viết

báo ở Sài Gòn, biết thực dân Pháp khủng bố cộng sản dã man hết sức, thế mà trên báo Tây, chúng gọi Xô viết Nghệ An là “khủng bố đỏ” (*terreur rouge*). Nghê thế, hễ mình muốn người khác đừng nói đến cái tật xấu của mình, thì mình đem ngay cái tật xấu ấy đổ trên đầu người khác để đấm họng họ cho cảm đi. Chính ông Nguyễn Đình Thi “*cả vú lấp miệng em*” cho nên ông bảo trước rằng bọn Trần Dân, Phùng Quán, Lê Đạt là “*cả vú lấp miệng em*”. Thực ra thì bọn này có “vú” đâu mà “cả”, vả lại họ cũng không có ai là “em” họ hết.

3. Về vụ giải thưởng văn học 1954-1955

Sau khi giải thưởng này tuyên bố, ở đâu thì không biết, chứ ở Hà Nội, dư luận bàn tán xôn xao, nhiều người không phục, cho rằng có mấy tác phẩm trong đó không xứng đáng được giải. Nói như thế, có thể bị coi là nói vu vơ, không có bằng chứng. Nhưng muốn có bằng chứng cũng không thể có được, vì cả nước chỉ có một tờ báo *Văn nghệ* có thể đăng những bài phê bình văn nghệ, mà là của Hội Văn nghệ, thứ dư luận ấy có muốn phát biểu cũng không phát biểu vào đâu. Tuy vậy, bằng chứng cũng không phải toàn không có. Đạo trước, tờ *Trăm hoa* có ba bài của ba người công kích tập thơ *Ngôi sao* của Xuân Diệu, nhưng khốn nỗi, nó ra đến bài thứ ba thì nó chết. Dù vậy, tôi thấy dư luận ấy là quả có, chẳng tin, ai thử làm một cuộc trưng cầu ý kiến mà xem.

Chính tôi là một người ở trong Ban Chung khảo

chấm giải, tôi đã biểu đồng tình với thứ dư luận ấy trước khi nó xôn xao, nghĩa là trước khi tuyên bố kết quả giải thưởng.

Ban Chung khảo có mười người, tôi là một. Tôi quên lửng, không biết do ai công cử hay chỉ định, khi nhận được giấy triệu tập thì cứ di dự vào, làm việc, lãnh tiền thù lao, nhưng khi việc xong thì tôi đâm ra trách mình một cách bàng quơ: phải chi mình đừng dự vào đó thì hay.

Tác phẩm của mỗi ngành trong văn học, như thơ, tiểu thuyết, kịch bản... sau khi chuyển cho nhau đọc rồi, về mỗi ngành có một buổi họp toàn ban để bình định thứ bậc. Trong khi bình định, hễ đồng ý với nhau thì thôi, bằng có mâu thuẫn thì biểu quyết bằng lối giơ tay, “*thiểu số phục tùng đa số*”.

Hôm bình định về thơ, tôi phản đối tập Ngôi sao đứng giải nhì, tôi nói: có vót vát lắm thì cũng chỉ nên để nó đứng giải ba. Tôi cử ra những câu bí hiểm không thể hiểu nghĩa được, thì ông Huy Cận (một trong Ban chung khảo) bảo rằng đó là tại tôi “muốn” không hiểu thì không hiểu. Quái, tôi “muốn” làm sao được? Theo lẽ, ông Huy Cận nếu bình vực cho Ngôi sao thì phải cắt nghĩa rạch ròi những câu ấy ra, chứ sao lại bảo rằng tôi “muốn” không hiểu? Nhưng cả ban làm thinh, tự hỏi ai cũng hiểu những câu ấy, không ai tỏ đồng ý với sự chỉ trích của tôi. Tôi còn cử ra những câu tầm thường quá, không xứng đáng là thơ, và nói rằng thơ Xuân Diệu ngày nay trở kém thơ Xuân Diệu ngày trước. Một ông trong ban (quên

là ai) cãi rằng nếu thế thì bao lâu nay Đảng giáo dục Xuân Diệu không có hiệu quả gì sao? May mà một ông khác (quên là ai) lập tức đưa tay ngăn cản lại, nói đó không phải là cái luận cứ vững, đừng đưa ra. Nhưng đồng thời tôi trót đã vọt miệng thốt ra câu này: Đảng giáo dục Xuân Diệu làm cách mạng, chứ có giáo dục Xuân Diệu làm thơ đâu, thật như đức Khổng tử đã dạy rằng: “Ngựa tứ chẳng kịp lưỡi”. Cũng vì tôi nên có sự mâu thuẫn, phải biểu quyết, thì tôi đứng về thiểu số, mà nhớ hình như thiểu số tuyệt đối.

Hôm khác bình định về tiểu thuyết. Tôi phản đối Truyện anh Lục của Nguyễn Huy Tưởng đúng giải nhì. Tôi cử ra sáu bảy chỗ, kết luận rằng cái tiểu thuyết này nhiều chỗ không giống với sự thực, trái với chủ nghĩa hiện thực bước thứ nhất, nếu nó được giải cao thì khi ngoại quốc dịch nó ra, nhất là khi bên dịch đọc nó, bất lợi cho văn học của chúng ta. Cả ban không ai bác lại lời tôi, tuyệt nhiên không có một người nào bác lại tôi, nhưng thế nào không biết, cuối cùng cũng phải biểu quyết, và tôi vẫn đứng về thiểu số, và lại là thiểu số tuyệt đối.

Đến khi việc đã xong rồi, Ban Chung khảo không còn có buổi họp nào nữa rồi, tôi mới tiếp được hai tác phẩm về ký sự, đều đúng giải ba, có thông tri bảo đọc và cho ý kiến. Tôi thấy cái *Nam bộ mến yêu* của Hoài Thanh chỉ là bài viết chạy như bài đăng trên báo, không có gì là giá trị văn học, còn cái *Lên công trường* của Hồng Hà viết có công phu hơn. Tôi nhớ

ra mình đã từng hạ hai tác phẩm của hai ông Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng xuống mà không được, bây giờ không còn có đủ sức buống để mà hạ của ông Hoài Thanh xuống nữa, bèn viết một mẫu giấy đề nghị đưa *Lên công trường* lên giải nhì. Nhưng mẫu giấy ấy về sau chìm đi đâu mất, không ai nhắc đến.

Sau có một buổi họp giữa những người chấm giải với những người được giải. Đáng lẽ, một buổi họp như thế, thế nào Ban chấm giải cũng phải gọi cho những người được giải có thắc mắc gì thì nói ra. Bởi vì bây giờ không phải như thời phong kiến chấm trường thi, quan trường ăn tiền lấy đồ bậy bạ rồi ai rớt nấy chịu. Nhưng mà không thấy đả động gì đến việc ấy. Gần rốt buổi họp tôi mới đề nghị xin cho nói thắc mắc. Thế rồi có mấy người nói thắc mắc của họ. Cuối cùng tôi cũng đưa ra thắc mắc của tôi về cái sự hai lần bị đứng về thiếu số như đã nói trên. Tôi nói quả quyết rằng mặc dầu tôi đứng về thiếu số, chứ cái sự định đoạt ấy của đa số, tôi cho là không đúng, tôi nhất định không phục. Trong những người được giải, có một người đứng lên phát biểu ý kiến, lấy làm lạ rằng sao trong Ban Chung khảo không nhất trí với nhau, xong việc rồi lại còn có người đưa ra thắc mắc? Tan buổi họp, tôi nghĩ mà cũng lấy làm lạ rằng sao cái ông lấy làm lạ đó lại không ở trong Ban Chung khảo?

Đến hôm phát giải thưởng ở Câu lạc bộ Đoàn kết, ban tổ chức đề nghị tôi làm một người trao giải. Tôi từ chối. Tôi sợ rằng trong khi trao giải hoặc rui mà

tôi gặp phải trao ba cái giải mà mình phản đối thì khổ cho mình. Khi tuyên bố ba cái giải mà tôi phản đối ấy tôi nhất định không vỗ tay. Tôi nhất định tỏ thái độ phản đối đến cùng.

Hôm thượng tuần tháng 6, tôi nằm trong Bệnh viện C, thấy mấy anh bộ đội đọc tập thơ *Người chiến sĩ* của Hồ Khải Đại mà chê rằng dở quá, tôi bèn mượn xem thì thấy quả thật là dở quá. Thế mà nó được giải ba văn học. Tập thơ này, tôi ở trong Ban Chung khảo chưa hề thấy mặt nó, sau cùng chỉ nhận được thông tri nói nó nguyên ở giải khuyến khích, nay tương lên giải ba. Ai tương lên? Thế có lạ không?

Ban Chung khảo theo đề nghị của ông Xuân Diệu, sau khi tuyên bố giải thưởng, phải làm nhiều cách tuyên truyền cổ động rầm rộ cho các tác phẩm được giải, và đã cắt cử người nào viết bài phê bình cho tác phẩm nào. Lâu mà không thấy mấy người viết. Tình cờ tôi hỏi một ông, ông trả lời: “Khó viết quá”. Câu trả lời đúng hết sức: lấy nó trúng giải thì dễ, chứ viết để tuyên truyền cổ động cho nó thì phải khó.

Cho đến hết tháng bảy mà chỉ có hai bài phê bình trên báo *Văn nghệ*. Một bài ông Hoàng Xuân Nhị (một trong Ban Chung khảo) phê bình *Truyện anh Lục*, đọc giả không lấy làm mãn nguyện, có người đã nói, đọc nó chỉ thấy cái vẻ mô phạm hiền lành của một vị giáo sư đại học mà thôi. Một bài ông Hoài Thanh viết đề bình vực cho *Ngôi sao* mà bình vực một cách gắng gượng quá, nhất là yếu, không

hề chống cãi lại những chỗ đã kích trong ba bài của báo Trăm hoa. Tôi rất không phục ông Hoài Thanh ở điểm này: ông viết bài ấy sau ba bài của *Trăm hoa* mà ông không hề nhắc tới *Trăm hoa* lấy một tiếng, ông cố dìm nó xuống cũng như Phạm Quỳnh đã dìm báo *Hữu Thanh* của Ngô Đức Kế. Nếu không dìm thì là ông khinh, cũng như Phạm Quỳnh đã khinh báo *Hữu Thanh* của Ngô Đức Kế.

Về vụ này, có một điều, người ngoài không phải là tôi, không biết đến, thì không lấy làm quái. Ấy là điều, ba ông Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng, Hoài Thanh đều có tác phẩm dự thi mà đều ở trong Ban Chung khảo. Nếu chỉ ở trong Ban Chung khảo mà thôi, còn khá; thử điều tra lại hồ sơ, thì ba ông còn ở trong Ban Sơ khảo nữa. Sao lại có thể như thế? Trường thi phong kiến thuở xưa, tuy có ám muội gì bên trong, chứ bên ngoài họ vẫn giữ sạch tiếng: Một người nào có con em đi thi, thì người ấy vẫn có được cất cử cũng phải “hồi tị”, không được đi chấm trường. Bây giờ cả đến chính mình đi thi mà cũng không “hồi tị”: một lẽ là ở thời đại Hồ Chí Minh, con người đã đổi mới, đã “liêm chính” cả rồi; một lẽ trắng trợn vì thấy mọi cái “miệng” đã bị “vú lấp”.

Người ta cứ sợ “bên địch xuyên tạc”. Sao trong việc này không sợ? Nó cần gì phải xuyên tạc? Đọc mấy tác phẩm được giải thưởng này, tha hồ cho nó đánh giá văn học miền Bắc.

Gọi là phê bình, chỉ có thế; tôi chỉ trình bày mấy hiện tượng không tốt trong giới văn nghệ. Còn sửa

chữa, mong ở Đại hội sắp tới, nếu toàn thể xét thấy lời tôi nói có đúng phần nào thì xin tụy đó mà sửa chữa.

PHAN KHÔI (Viết xong ngày 30-7-1956 tại Hà Nội)

*

Tìm ưu điểm

Lời soạn giả: Bài này chính thực là của cụ Phan Khôi. Cụ viết bài ngụ ngôn này để chế riễu lối chấm giải thưởng văn nghệ mà cụ đã tả rõ trong bài trên.

Một đạo, giữa loài dở cạn dở nước, mở cuộc thi sắc đẹp.

Nhân có sự tranh chấp, ba con: Ếch, Cóc, Ễnh ương đấu khẩu với nhau. Tiếng Cóc nhỏ hơn hết, nhưng mà động đến Trời.

Trời sai Nhái bén làm trọng tài. Nhái bén từ chối: “Con nhỏ hơn hết, con không dám có thẩm quyền trên ba chị ấy.”

Trời phán: “Chỉ có mày là đồng loại với chúng nó, mày sẽ làm vừa ý ta, không được từ chối.”

Sau khi cựa cẳng đã phải làm trọng tài, Nhái bén tâu kết quả: Ễnh ương giải nhất, Ếch giải nhì, Cóc không ở giải nào cả.

Trời tỏ dáng không vui, bảo Nhái bén: “Mày cố hết sức tìm ra ưu điểm Cóc xem.” Nhái bén tâu: “Chị ấy mượt mẩn khắp cả người, con không tìm ra ưu điểm nào.” Trời phán: “Thôi, cho mày đi về.”

Mấy hôm sau, có nghị định của Hà Bá súc về: “Nhái bén bị đầy vĩnh viễn ở dưới nước, không được lên cạn nữa.”

Nhái bén gặp Cá trê, kể cảnh ngộ của mình, Cá trê bảo: “Mày dại lắm. Đi đâu chẳng biết con cóc là cậu ông Trời. Tao đây mà cũng còn thua kiện nó nữa là...”

(Trích *Giai phẩm mùa Đông*)

*

Ông bình vôi

Lời soạn giả: Ngụ ý của tác giả trong bài này khá rõ ràng: Cụ Phan chê các cán bộ cao cấp, có lẽ cả ông Hồ, càng ngày càng “tối”. Cụ nói như vậy là vì cụ cho rằng ông Hồ ngày nay không thương nước thương nòi như ông Nguyễn Ái Quốc ngày trước nữa.

Khắp nước Việt Nam có tục ăn trâu, cho nên ở đâu cũng có bình vôi.

Theo như tôi biết, ở vùng quê chúng tôi, có hai thứ bình vôi. Đầu bằng đất nung cả, mà một thứ giống như cái hũ nhỏ, duy cổ eo, miệng loa, cho nhà trung thường dùng; một thứ hình tròn mà dẹt bằng, trên có quai xách, miệng ở về một bên, toàn thân tô màu lục hoặc màu vàng, cho nhà sang dùng. Cả hai đều để đựng vôi trong lòng nó. Nhưng mỗi khi cho vôi vào, người ta lại cũng dùng vôi đắp cái miệng nó cho cao lên.

Nhà tôi, hồi bà nội tôi còn sống, có một cái bình vôi hạng sang ấy. Mỗi khi mua vôi ở chợ về, bà tôi ngồi tỉ mỉ lấy cái chìa quẹt vôi nhét vào miệng nó, gọi là “cho ông bình ăn”. Và lâu lâu đắp thêm cái miệng nó một lần, hoá nên cái miệng càng ngày càng chêu vêu ra.

Thứ bình vôi thường, dùng chia bằng tre: nhưng

thứ bình vôi sang, bao giờ cũng dùng chìa bằng sắt, ở thân cái chìa, đôi khi lại có đeo một lưỡi dao để rọc trâu.

Nhà khác thế nào tôi không biết, còn nhà tôi, tối lại, bà tôi cứ nhớ rút cái chìa ra để ra một nơi khác. Làm như thế, bà tôi cắt nghĩa rằng “ông bình” linh lắm, đêm hôm có kẻ trộm đạo, “ông” sẽ mách cho mình, mà nếu để cái chìa lấp cái miệng thì không mách được.

Tôi nói “nhà tôi có một cái bình vôi”, không đúng. Nói đúng là từ hồi tôi còn nhỏ cho đến năm tôi hai mươi lăm tuổi, bà tôi chết, nhà tôi có ba cái bình vôi kế vị nhau. Bởi vì dùng lâu ngày, trong lòng đầy vôi khô cứng, miệng nó vì cứ đắp nên tum húp lại, không dùng được nữa, phải mua cái khác.

Lúc đó nhà tôi có một cái trang thờ Tam vị: ở giữa là Phúc đức chính thần, hai bên là Thổ công và Táo quân. Hễ cái bình vôi nào bị thải ra thì bà tôi bảo đem đặt lên cái trang ấy, thờ nhân thế.

Sự thờ phượng như thế, không phải chỉ riêng một nhà tôi đâu. Cả làng, nhà nào có bình vôi thải ra, cũng đều đem đặt trên các tường thành đình hoặc chùa; như thế, người ta cho rằng thờ “ông bình” đó.

Cái bình vôi, tại sao lại gọi bằng “ông”, đọc từ đầu đến đây, bạn đọc đã biết. Ở vùng quê chúng tôi, mà có lẽ cả nước Việt Nam cũng vậy, vật gì nó có thể làm hại mình được thì gọi bằng “ông”, vật gì nó to hay sống lâu năm thì cũng gọi bằng “ông”.

Con cạp ăn thịt mình được, gọi bằng ông Cạp,

con khi phá hoại hoa màu của mình được, gọi bằng ông Trường; con chuột, cắn quần áo của mình được, gọi bằng ông Tí. Cái đầu rau, dùng năm mười năm mới thay cái khác, gọi bằng ông Núc; cái che, to, đường kính của nó có khi gần đến một mét, gọi bằng ông Che. Người Việt Nam về sau thế nào chưa biết, chứ về trước, hễ vật gì làm hại được hoặc lớn hoặc nhỏ, vật gì sống lâu và to xác thì đều gọi bằng “ông” để tỏ lòng tôn kính, sùng bái.

Tôi có phạm một cái tội hồi mới mười tám tuổi, bây giờ tôi xin tự kiểm thảo và thú nhận.

Năm tôi mười tám tuổi, tôi không tin như bà nội tôi tin nữa. Một đêm mùa hè, gió Nam như bão, sáng trắng mờ mờ, tôi rủ mấy thằng bạn lứa tuổi với tôi đi dọc đường cái làng, đi qua đình vào chùa, bao nhiêu “ông bình vôi” thờ trên tường thành, chúng tôi đều hất một loạt xuống đất cả.

Sao lại làm như thế? Chúng tôi cứ làm như thế, không cần có lý luận. Nhưng, vài hôm sau, trở lại xem, không biết là do tay ai, thấy đều đặt lại tề chỉnh trên tường thành.

Tuy vậy, đó không phải cái tội riêng một mình tôi. Bấy giờ bọn thiếu niên chúng tôi hầu như đứa nào cũng có thể làm thế cả. Nếu ngày nay tôi phải tự kiểm thảo thì lũ thiếu niên ấy, bạc đầu rồi, cũng phải tự kiểm thảo như tôi.

Tóm lại, cái bình vôi, vì nó sống lâu ngày, lòng nó đặc cứng, miệng nó bít lại, ngồi cù rữ trên trang hoặc trên tường thành, cũng như pho tượng đất

hoặc gỗ không nói năng, không nhúc nhích, thì người ta tôn thờ sùng bái mà gọi bằng ông.

Tôi viết cái bài khảo cứu nhỏ nầy cốt để cắt nghĩa mấy câu thơ của Lê Đạt:

Những kiếp người sống lâu trăm tuổi

Y như một cái bình vôi

Càng sống càng tồi,

Càng sống càng bé lại.

(Trích *Giai phẩm mùa Thu* tập II)

*

Ông Năm Chuột

Lời soạn giả: Chính vì bài này mà tờ báo Văn bị đóng cửa ngay tức khắc. Cộng sản đã tinh ý nhận ngay ra thâm ý của tác giả. Với một câu chuyện vu vơ, cụ Phan muốn nói: Giai cấp thống trị ở bất cứ thời đại nào cũng thối nát mà vẫn cứ cố che đậy. Mặc dù che đậy, trong dân gian vẫn có người thấy rõ.

Hỏi tôi còn mười bốn tuổi, mười lăm tuổi, thì đã nghe người làng nói nhiều về cái tên Năm Chuột. Về gốc gác của hần, chỉ thấy nói là người làng Kỳ Lam, cái làng ở phía bắc làng tôi cách một con sông, về sau có cái ga xe hoả gọi là ga Kỳ Lam, còn mọi sự khác không biết rõ. Hình như hần cũng không có nhà cửa, cha mẹ, vợ con gì ở làng. Hần làm thợ bạc, quanh năm đi làm nghề ở các nơi, nhất là các nơi đô hộ, như Huế, Đà Nẵng, Hội An.

Họ nói Năm Chuột là thợ bạc khéo nhất đời, ở Huế có nhiều thợ bạc danh tiếng cũng phải chịu thua. Nhưng lại nói hần tổ làm đồ vàng giả, mỗi khi

được gọi đến nhà làm đồ nữ trang cho người ta, nhà chủ dù ngồi cạnh một bên, hắt cũng cứ tráo bạc, tráo đồng vào, lấy vàng ra, không làm sao biết được. Bởi vậy cả vùng quê chúng tôi, những nhà giàu có, vốn biết Năm Chuột là thợ khéo, nhưng không ai dám thuê hắt làm việc gì về cái nghề của hắt cả. Nhiều người còn nói Năm Chuột đúc súng, đúc bạc giả được. Mỗi khi nói điều ấy, họ làm ra vẻ bí mật, hình như họ có ý ngờ cho Năm Chuột định làm một việc gì lớn, “làm giặc” chẳng hạn.

Nhưng không biết thế nào, người ta lại cho Năm Chuột là kẻ nói láo nói phét, vào cái hạng “mười voi không được bát nước xáo” tức là mắng người ấy đã lại nói láo nói phét rồi, có khi chỉ dùng một chữ: Chuột quá, tức là láo quá.

Lúc bấy giờ tôi đang đi học ở những nơi cách xa làng, mỗi khi về làng, lại thỉnh thoảng nghe người ta nói chuyện về Năm Chuột như thế, như thế, tôi cũng chỉ nghe làm tai mà thôi, không để ý mấy. Mà hắt thế, cậu cả con quan phủ, học giỏi có tiếng, đang lo xôi kinh nấu sủ để khoa tôi đây đồ thủ khoa, không thì cũng cử nhân năm tên trở lên, việc gì mà phải để ý đến chuyện một anh thợ bạc.

Năm hai mươi tuổi, tôi thi đỗ tú tài - quái lạ, sao lại đỗ tú tài? - về nhà, cách mấy hôm thì tôi đi về làng Xuân Đài thăm bà ngoại tôi và cậu tôi. Ở ăn một bữa cơm trưa, đến xế chiều, tôi cáo về thì vừa có một người đến. Người trạc dưới bốn mươi tuổi, mặt tẻt, nước da xanh xám, mắt sáng, miệng rộng, hai môi

trẻ ra, hàm và cằm như nguyên không có râu, không phải cạo, người thấp song cũng không thấp lắm, đầu trọc, quần cái khăn vải đen, áo cộc cúc giữa, quần đến đầu gối, chân mang dép da sống. Người ấy lúc vào đến cửa, hai tay cắp cái nón lá ngang ngực cúi chào cậu tôi, khi bỏ cái nón lá ra, mới thấy trong tay còn cầm một cái nữa mà sau này tôi mới biết đó là cái dọc tẩu. Nó là cái ống tròn mà dài, thấy thoáng như có khảm xà cừ và bịt bạc, bịt vàng gì đó. Cậu tôi như chào như không phải chào:

“Anh Năm phải?”

“Dạ, lâu lắm, có thể quan lớn quên tôi.”

Tôi nguyên đã cáo về rồi, cho nên dù có gặp một người khách mới vào hơi lạ như thế cũng cứ việc ra về. Không ngờ khi tôi ra khỏi cổng, lên đường về mới một chặng, nghe có người chạy theo đằng sau gọi tôi đứng lại, thì ra là người thấy lúc này. Anh ta tự giới thiệu:

“Tôi là Năm Chuột đây.” Rồi đột ngột hỏi tôi:

“Nghe nói cậu đậu tú tài mà cậu khóc, có phải không? Giả sử cậu được đậu thủ khoa thì cậu làm nên cái trò trống gì?”

Một gáo nước lạnh xối vào xương sống! Tôi bèn lên, áp úng, cười hì hì không trả lời được. Bởi vì cái lẽ anh ta nói đó tôi cũng có nghĩ tới, nhưng không đi thi thì thôi, đã đi thi thì lại muốn đậu to. Thế rồi Năm Chuột đi cùng đường với tôi, vừa đi vừa nói chuyện.

Anh ta có đưa cái dọc tẩu lên, nói với tôi:

“Ông cậu của cậu thật là keo quá, cái dọc tẩu thế này mà cầm trả có 5 đồng bạc.”

“Hoặc giả cậu tôi không có nhiều tiền chẳng?”

Tôi nói cho có nói, chứ không có ý gì cả. Nhưng anh ta cãi phăng:

“Quan lớn hỏi xưa (chỉ ông ngoại tôi) làm đến Tổng đốc Hà Nội vừa chi, mà không có tiền lộp nổi cái nhà của ông bà để lại đã tróc ngói; còn ông phủ (chỉ cậu tôi) mới làm Tri phủ có 3 năm về ‘chung dưỡng’, mua được những mười mẫu ruộng, tôi biết là hạng đất tốt nhất, thế sao nói là không có nhiều tiền?”

Tôi thấy cái điều anh ta nói đó hình như đúng, tôi làm thinh. Bỗng dung anh ta cất tiếng cười một cách rất xỏ lá, rồi nói tiếp:

“Ai có đời, cha chết vì đánh Tây mà con trở đi làm quan với Tây!”

Nghe câu này tôi cảm động quá. Tôi không dám chống lại ý anh ta, chỉ nói như vớt vát một ít:

“Thấy bà ngoại tôi kể chuyện, lúc ông ngoại tôi mất rồi thì cảnh nhà sa sút quá đỗi, nếu cậu tôi không làm như thế thì đến lụn bại mất.”

Anh ta bĩu môi, cái môi đã trề rồi, còn bĩu nữa, rất khó coi:

“Ra chỉ có làm quan mới cứu vãn được nghiệp nhà. Thế thì bao nhiêu người không làm quan, họ đều đi ăn mày hết.”

Tôi lại làm thinh. Ngừng một lúc, anh ta nói tiếp:

“Hèn chi mà quan lớn chết ở Hà Nội năm Ngọ, năm Dậu thất thủ kinh đô, Nghĩa hội nổi lên đánh Tây, năm Hợi Tây kéo lên đóng đồn ở chùa Phi Phú, thì ông cậu của cậu đã làm bang tá trong cái đồn ấy. Để làm gì? Cậu có biết không? Để đàn áp Nghĩa hội.”

Những chuyện ấy, thầy mẹ tôi có kể cho tôi nghe hỏi còn nhỏ, tôi biết cả, nhưng tảng lờ nói: “Tháng tám năm Hợi, mẹ tôi mới đẻ tôi ra, tôi làm gì biết được những chuyện ấy?”

Anh ta lại cười, nhưng không xỏ lá, nhìn vào mặt tôi:

“Thấy người ta nói cậu thông minh, nói chuyện với cậu, tôi cũng thấy cậu thông minh thật.”

Thình lình anh ta nhảy mũi đập hai ba cái, lấy khăn lau nước mũi, cả nước mắt nữa, rồi nói thêm:

“Nhu tôi, (anh ta lấy tay phải ấn vào ngực) ghiền thuốc phiện cho đáng, chứ ông cậu của cậu mà cũng hút thì hết thấy những người nghiện chúng tôi đều phải lấy làm lạ.”

“Sao vậy?”

“Quan lớn hỏi xưa có cùng mấy ông em lập một bản gia ước, trong đó có một điều cấm con cháu hút thuốc phiện, nếu phạm thì trừng trị bằng những cách nào đó. Thế mà dám phạm. Dù biết con người của ông cậu của cậu là vậy đó: cái gì cũng làm nghịch lại với cha.”

Cái gia ước mà anh ta nói đây, tôi không hề biết, vì không hề nghe ai nói tới. Nhưng tôi nghĩ, nếu đúng như thế, thì anh ta nói cũng có lý. Tôi lại làm thình.

Đấy đã đến chỗ con đường rẽ vào nhà tôi, tôi đứng lại, nói mấy lời từ biệt. Năm Chuột nắm lấy tay tôi và nói:

“Tôi nói này giờ có làm méch lòng cậu không? Ở đời có thiếu gì chuyện nói, hà tất tôi gặp cậu lần đầu

phải nói để làm méch lòng cậu, nhưng tình cờ gặp câu chuyện đáng nói thì cứ nói.”

Rồi anh ta tỏ ý mong gặp tôi lần khác.

Tôi vừa đi về nhà vừa nghĩ, “à ra Năm Chuột là con người như thế đấy”. Là một anh thợ bạc, sao lại nói được những điều như thế, tôi lấy làm lạ.

Tối hôm ấy, tôi đem cả câu chuyện Năm Chuột nói với tôi kể lại cho thầy tôi nghe. Thầy tôi bảo:

“Cái thằng lão đến thế là cùng!”

“Nhưng những điều hắn nói, con thấy như cũng có cái đúng.” Tôi rón rén thưa lại.

“Đúng kia à? Mặc dầu đúng chẳng nữa, cái hạng thằng Năm Chuột mà lại được nói thế à?”

Thấy thầy tôi nói hơi xẵng, tôi làm thinh. Một chập tôi mới dịu giọng hỏi: “Cái gia ước ông ngoại lập ra mà Năm Chuột nói đó, thầy có biết không?”

“Tao không biết. Thấy nói sự cấm hút ấy ở nhà Đông bàn (nhà quan thượng Phạm Phú Thứ) thì có, còn nhà Xuân Tài, tao không nghe.”

Đến lúc tắt đèn, đi ngủ rồi, thầy tôi còn nói một mình:

“Cái thằng lão quá!”

Đó về sau hơn mười năm, tôi không gặp lại Năm Chuột lần nào. Chùng vào khoảng 1920, một lần tôi ở Hà Nội về nhà, thấy người ta nói Năm Chuột bây giờ lập gia đình ở ngụ tại làng tôi, tôi bỗng có cảm giác như là một vật gì mình đã bỏ quên đi mà bây giờ thấy lại. Làng tôi có một chỗ gọi là cồn Mũi guom, có một vạt đất gọi là đất Chó ỉa, theo lời thì Năm

Chuột đã xin làm cái túp tranh trên vạt đất ấy, và cưới vợ là con gái quá lứa của một nhà có môn bài bán rượu và thuốc phiện cũng ở làng tôi. Hắn vẫn làm thợ bạc.

Một hôm tôi đến thăm, thấy trong nhà chỉ có một căn ván nhỏ, trên đặt cái bàn đèn, một cái buồng che phen tre, ngoài ra là cái lò bể bạc để ngay chỗ cửa ra vào. Bấy giờ gần đến Tết, trời hơi lạnh, hắn ở trần, ngồi cạnh cái lò bể đang hơ cả người trên lửa. Hắn xin lỗi tôi và nói: “Người ta tắm bằng nước, nhưng tôi quanh năm tắm bằng lửa. Hơ thế này cho đỡ mồ hôi ra, kỳ sạch ghét, thì cũng chẳng khác tắm bằng nước.” Hắn mời tôi ngồi trên ván, tôi không ngồi, ngồi trên cái đòn kê đặt ở đất gần lò bể, chỗ sẵn cho bạn hàng ngồi xem hắn làm việc.

Anh ta không tắm nữa, mặc áo vào, cho than thêm vào lò bể, bắc ấm nước lên, rồi gọi vợ súc cái bình tích trà hãm đi, cho trà khác vào, pha nước mời tôi uống và sưởi lửa, cũng nói chuyện. Lần này anh ta gọi tôi bằng ông, nói rằng:

“Muoi năm về trước tôi mong lại gặp ông mà không được gặp, lần này gặp, tôi không có chuyện nói.”

“Ông mà thiếu gì chuyện, như chuyện nói với tôi năm nọ khi đi đường từ Xuân Đài đến Bảo An.”

Anh ta đưa tay lên khoát khoát, nói thật nhanh:

“Thôi thôi, đã lâu nay tôi không còn nói những chuyện như thế nữa. Nói không có người nghe mà còn có hại. Giá tôi còn cứ nói cái lối đó thì không thể nào lấy vợ và lập gia cư ở làng ông được.”

Tôi nói:

“Đã thế thì đến phiên tôi. Trước kia ông không sợ méch lòng tôi, thì bây giờ tôi cũng không sợ méch lòng ông mà hỏi ông một vài điều.” Anh ta cười một cách thẳng thắn.

“Được lắm, những nhà giàu làng tôi họ đều nói ông hay ăn cắp vàng nên họ không dám thuê ông làm cái gì hết, bây giờ ông vác lò bễ đến đây làm gì?”

Anh ta lại cười, nói dần từng tiếng:

“Sở dĩ tôi ở đây là vì có thể chữa đồng hồ, xe đạp, bút máy, khoá tây, nội những việc đó đủ cho tôi làm hàng ngày rồi, còn sự làm đồ vàng bạc thì chỉ thỉnh thoảng mới có.” “Nhưng tôi muốn biết ông quả có ăn cắp vàng không? Và ăn cắp như thế nào?” Anh ta lại cười một cách xỏ lá:

“Thứ ăn cắp mà kể gì? Có những kẻ ăn cướp thì không ai nói đến. Tôi có ăn cắp vàng thật đấy, nhưng cũng tùy chỗ tùy người, ở làng Bảo An đây thì tôi không thêm.”

Rồi anh ta thuật lại chuyện ăn cắp vàng cho tôi nghe:

“Năm Thành Thái thập nhị, ông Nguyễn Hữu Thăng làm Tổng đốc tỉnh ta, cô hầu ông ấy gọi là cô Hoá Mộc, tuy cô hầu mà oai quyền như bà lớn. Một hôm, tôi được trát đòi đến, lính bẩm báo rồi dắt vào nhà trong. Cô ta muốn tôi ở lại đây làm cho cô một đôi vòng chạm y như đôi cô có sẵn, và hỏi tôi có thể làm được không. Tôi nói ‘được’, và xin cho xem đôi vòng chạm sẵn có của cô. Cô ta mở tủ lấy ra, toan

trao cho tôi. Tôi có một vuông lụa trắng tinh khiết bỏ sẵn trong túi, bèn lấy lót trên bàn tay, rồi mới nhận lấy đôi vòng tự tay cô đặt lên vuông lụa. Tôi đem ra chỗ sáng, cô đi theo. Tôi nhắc nhắc xem thử đôi vòng nặng bao nhiêu, và cầm tuổi vàng cho thật đúng, ngắm xem những nét chạm cho thật đầu ra đó, còn vận chỗ cái cổ ra coi thử có chữ hay dấu hiệu gì không. Xong rồi, tôi trả đôi vòng lại và nói: ‘Bẩm bà lớn, đôi vòng này khéo lắm, chỗ cổ vận ra vận vào của nó có khắc cái chữ, bà lớn có để ý không?’ Cô ta nói: ‘Tôi biết, nó là chữ ngọc’. Tôi nói: ‘Con có thể làm đúng y như thế, nhưng hôm nay con có việc riêng, không ở lại được, mười ngày nữa con xin đến làm hầu bà lớn, không dám sai hẹn’. Cô ta đồng ý.”

Nói đến đây, anh ta nổi ngáp một ngoi đôi ba cái, rồi xin lỗi tôi cho lên ván đốt đèn hút mấy điếu, và mời tôi nằm đối diện nghe nói tiếp.

“Tôi về nhà, cậy cục làm mất sáu bảy ngày mới xong một đôi vòng cốt giả mạ vàng. Đáng lẽ làm bằng đồng thì được lợi nhiều hơn nhưng vì có chạm phải làm bằng bạc. Thành khi rồi, xem tuổi vàng nét chạm cho đến cái chữ ở trong đều y hệt như đôi vòng của cô Hoá Mộc, đem mà đánh tráo, có thánh cũng không biết...”

Tôi ngắt:

“Đành rằng ông làm một cái rất giống, còn như đồng cân của đôi vòng, tức là sức nặng của nó, ông biết là bao nhiêu mà làm cho đúng được?”

“Ấy thế mới là tài.” Anh ta cười híp mắt mà không

ra tiếng. “Chính ăn người là ở chỗ đó. Bất kỳ thử kim khí gì, tôi nhắc nhắc trên tay khắc biết đồng cân của nó đúng không sai. Chẳng tin, ông tháo cái dây chuyền đồng hồ đưa đây xem.”

Tôi tháo ngay cái dây chuyền để trước mặt anh ta. Kéo xong điều thuốc anh ta đằng hắng một cái, ngó dây, cầm dây chuyền trên nhắc nhắc một cái rồi đứng dậy đi lấy cái cân tiểu ly đưa cho tôi, nói quả quyết:

“Ông biết mặt cân chứ? Cân xem. Cái dây chuyền này nếu nó là vàng thì nó nặng hơn, nhưng nó là đồng mạ vàng cho nên nó chỉ có ba chỉ tám.”

Tôi cân, quả thật, ba chỉ tám hơi yếu một chút, song đem vào chỗ ba chỉ thì hơi vát. Tôi kêu lên:

“Thế thì tài thật. Xin chịu.”

Anh ta lại nói:

“Còn một chỗ bí quyết nữa. Ông biết, vàng nặng hơn các thứ kim khí khác, nghĩa là vàng, bạc, đồng, chì cùng một thể tích thì lượng của vàng phải nhiều hơn. Vậy thì mình muốn cho đồng cân của đôi vòng giả bằng đôi vòng thật, mà cái vóc của nó cũng chỉ bằng đôi vòng thật, không to hơn, thế mới là khó. Nhưng cái đó có thực hành mới cắt nghĩa được, nói bằng miệng sợ ông cũng không hiểu.”

Nghỉ một lát anh ta kể tiếp đến cuộc đánh tráo:

“Đúng mười ngày tôi lại đến. Hai bên thoả thuận với nhau về điều kiện làm việc rồi, cô ta mở tủ lấy đôi vòng và vàng điệp ra đặt trên sạp, rồi gọi tôi đến đứng bên cạnh xem cô cân. Cân đôi vòng nặng một

lạng hai - tôi chắc dạ lắm, vì đôi vòng giả của tôi cũng đúng một lạng hai - cho nhích một chút, định giao cả cho tôi. Tôi chưa nhận, xin cho xem đôi vòng đã. Cô ta đứng dậy cầm bó vàng diệp cả chỗ một lạng hai cất vào túi. Trong lúc đó tôi lấy đôi vòng giả ra đặt trên bàn tay trái, đẩy vuông lạng trắng lên trên. Khi cô ta quay ra đưa đôi vòng cho tôi, tôi chia bàn tay có vuông lạng trắng ra nhận lấy cũng như lần trước. Tôi đi ra chỗ sáng ngồi xuống làm bộ xem lại đôi vòng, cô ta cũng đi theo. Xem xong tôi đứng lên. Cô ta sắp lung đi về chỗ sập. Tôi đi sau, lật cả vòng và vuông lạng từ bàn tay trái qua bàn tay phải, thành ra đôi vòng giả nằm trên, cứ thế mà trả lại cho cô ta, và tôi gấp nhanh vuông lạng có đôi vòng thật ở trong mà bỏ vào túi. Cô ta hỏi: ‘Chứ chú thợ không giữ lấy để làm mẫu à?’. Tôi nói: ‘Bẩm bà lớn, con xem hai lần như thế đủ rồi, xin bảo đảm làm thật đúng’. Cô ta khen: ‘Hèn chi mà nổi tiếng là thợ khéo. Tôi nhờ ông Phủ Điện viết trát đòi chú là vì có bà Phủ mách miệng’. Bấy giờ chừng mười giờ sáng, tôi xin đi ra mua thuốc phiện rồi trở lại nhận vàng diệp bắt đầu làm. Ra đến chợ Vinh Điện, tôi đem đôi vòng chạm vàng mười chính hiệu của bà lớn gửi cho một người anh em đồng đạo. Tôi không quên câu tục ngữ: ‘Có gian phải có ngoan’.”

“Ông ăn cắp chỉ có thể, hay là lúc trở lại làm còn ăn cắp nữa?” Tôi hỏi.

“Không, tôi đại gì mà ăn cắp nữa. Trong những ngày làm, cô ta ngồi giữ một bên, không phải vì thế

mà tôi không ăn cắp được, có điều tôi đã định bụng không ăn cắp. Khi làm xong, tôi hỏi muốn khắc chữ gì. Cô ta ngẫm nghĩ rồi bảo: ‘Tôi là người Hoá Mộc, khắc chữ mộc cho tôi’. Tôi khôn ở chỗ đó. Bởi vì hai đôi vòng giống nhau như hệt, có khắc chữ khác nhau để làm dấu thì mai sau đôi giả có xì ra, hẳn mới không có thể ngờ được là đôi do tay tôi làm. Cho đến bây giờ tôi cũng còn ân hận là, như thế, sẽ làm cho ông bạn đồng nghiệp nào của tôi đã làm cho hẳn đôi vòng thật đó hoá ra là người bất lương thiện, nhưng ông tính, đã giết người ai còn góm chảy máu!”

“Ông làm cái việc như thế có nhiều lần không?”

“Kể ra cũng không ít. Nhưng tôi đều ăn cắp ở bọn ăn cướp như Tổng đốc, Bố chánh, Án sát, Phủ, Huyện, chính cái bà Phủ nói lúc này đã mất với tôi mấy lạng vàng mà không biết, đi mách miệng cho người khác. Những việc như thế tôi cũng chẳng giấu, cứ hay đem nói với người ta cũng như nói với ông đây, cho nên mang tiếng, chứ thuở nay đã có ai bắt được tôi ăn cắp đâu.”

Hỏi đến sự đúc súng, làm bạc giả, anh ta bảo:

“Ta có nấu sắt được đầu mà đúc súng? Nhưng chữa súng thì có. Hỏi tôi ở Đà Nẵng, các thứ súng liệt máy của Tây thường đem thuê tôi sửa. Bạc giả thì tôi có làm, nhưng tính ra không có lợi gì mấy, về sau tôi không làm nữa.”

Năm Chuột còn nói cho tôi nghe về tính chất của các thứ loài kim và phép hợp kim, như đồng và kẽm, mỗi thứ bao nhiêu, hợp nhau thành ra thứ gì,

đồng và thiếc bao nhiêu, hợp nhau thì thành ra thứ gì, nghe ra thông thạo như người có học chuyên môn. Tôi lấy làm lạ bèn hỏi:

“Ông có học với thầy nào mà biết được những điều ấy là những điều mà các thợ bạc khác hầu như không biết?”

Anh ta vùng ngồi dậy, cười, ra điều đặc ý, vỗ vào đùi tôi:

“Xưa nay mới có một người hỏi tôi câu ấy, là ông! Tôi chẳng học với thầy nào hết, tôi chỉ đọc có một cuốn sách là cuốn *Kim thạch chí biệt*.”

Tôi sùng sốt, nghĩ bụng: té ra anh này còn biết chữ nữa kia. Cái tên sách ấy tôi chưa hề nghe, cũng không dám ngờ là anh ta bịa đặt. Một hôm khác tôi hỏi thầy tôi có biết cuốn Kim thạch chí biệt không, thầy tôi cũng chịu không biết, và hỏi tôi nghe ở đâu, tôi kiếm đường nói tró, chứ không dám nói nghe ở Năm Chuột. Cho mãi đến gần nay, đọc Lỗ Tấn toàn tập, tôi mới thấy trong đó có nhắc đến tên cuốn sách ấy. Tôi nghĩ mà lấy làm thẹn, sao mình đã không biết mà lúc bấy giờ không hỏi ngay anh ta, chỉ vì nghĩ mình là người học thức viết báo viết biếc, mà tỏ cái dốt trước mặt một anh thợ bạc thì ẽ quá.

Đó về sau mấy năm, mỗi năm tôi ở Hà Nội hoặc Sài Gòn về thăm nhà, đều có đến với anh ta.

Anh ta còn in trong đầu tôi mấy câu chuyện lý thú và bất ngờ nữa.

Năm Chuột từng nói với tôi rằng từ rày anh ta

không nói những chuyện như đã phê bình cậu tôi một cách không nể nang, nhưng rồi lại chứng nào tật ấy, vẫn không cải nết.

Một lần, phê bình nhân vật làng tôi, anh ta chê ông Tú nọ dốt, ông Bá kia keo kiệt, cuối cùng anh ta nói: “Tôi chỉ phục có hai người, một là ông Biện Chín, một là ông Tám Thứ.”

Ông Tám Thứ, người Minh hương, ở ngụ làng tôi, nghèo chuyên nghề làm thuốc, ít hay giao du với ai, tôi không biết ông ta cho lắm. Còn ông Biện Chín, tên thật là Phan Định, chú ruột tôi, cha của Phan Thanh, Phan Bôi. Chú tôi là dân trắng, nghèo, cố gắng lắm mới cho con đi học được, nhưng đúng là người cần kiệm liêm chính lại khảng khái nữa, chính tôi, tôi cũng phục chú tôi mà sợ thầy tôi.

Tôi không tham gia ý kiến gì, chứ ngấm ngấm chịu anh ta là biết người, phê bình đúng. Nhưng, trước mặt tôi mà nói như thế, tôi ngờ anh ta có ngụ một thâm ý, là anh ta không phục thầy tôi. Thầy tôi đã đỗ đại khoa, làm quan, bỏ quan về ở làng, cầm cân nảy mực cho cả làng, cả tổng, không có mang tai mang tiếng gì, nếu anh ta không lấy làm đáng phục, chắc anh ta thấy về khía cạnh nào đó. Từ đó tôi đâm ra áy náy, hoặc giả cha mình cũng có khuyết điểm gì như cậu mình, làm cho người ngoài phi nghị mà mình không biết chẳng. Tôi có đem hỏi chú tôi và thuật lại lời Năm Chuột khen phục chú, thì chú tôi trách tôi sao lại đi nghe chuyện của Năm Chuột. Thì ra chú tôi cũng có thành kiến đối với Năm Chuột như thầy tôi, như những người làng.

Lần khác, bỗng dung anh ta hỏi tôi:

“Quan lớn nhà ta (chỉ thầy tôi) sao lại không làm quan nữa? Ông có nhớ lúc ngài bỏ quan mà về là bao nhiêu tuổi không?”

Tôi lấy làm lạ sao hắn lại hỏi mình điều ấy. Song cũng cứ theo mình biết mà trả lời:

“Thầy tôi tuổi Tuất, cái năm cáo bệnh mà về là năm Kỷ Hợi, mới có ba mươi tám tuổi. Sở dĩ không làm quan nữa, có lẽ là tại không chịu làm với Tây.”

Cho đến lúc tôi ngoài hai mươi tuổi, thầy tôi vẫn coi tôi như trẻ con, những việc như thế chưa hề đem nói với tôi. Có điều một đôi khi tôi nghe thoảng qua dư luận bên ngoài, nhất là lúc ở Hải Phòng gặp Lê Bá Cử, ông ấy có kể cho tôi nghe khi ông làm phán sự toà án Nha Trang, thầy tôi làm tri phủ, có lần cãi nhau kịch liệt với viên công sứ, chính ông đứng làm thông ngôn, thì tóm tắt mà trả lời như vậy. Nhưng Năm Chuột hỏi vặn tôi một câu rất oái ăm:

“Ở làng này còn có hai ông nữa đều làm đến tri huyện, đều bỏ quan mà về trước tuổi hưu trí, vậy thì ông cũng cho rằng hai ông ấy cũng không chịu làm quan với Tây hay sao?”

“Thằng cha khó chịu thật”, tôi nghĩ bụng. Không biết đối đáp thế nào với hắn, tôi phải nói một câu mà tự mình cũng thấy là non nớt quá:

“Việc hai ông ấy thì tôi không biết.”

Anh ta vẫn cười cái lối xỏ lá rất khả ố. Ngót con cười mới bình tĩnh nói:

“Tôi cũng có nghe và biết về chánh tích và nhân phẩm của quan lớn nhà ta, nhưng tôi lại có một sở

kiến khác, nói ra, ông đừng tưởng tôi cố ý làm đôi vòng thật thành ra đôi vòng giả thì tôi mới nói.”

“Thì ông cứ nói đi.”

“Làng Bảo An, người ta nói, không có đất phát quan lớn, mà kinh nghiệm xưa nay rành rành như thế. Từ trước bao nhiêu ông làm đến tứ phẩm trở lên đều bị cách tuột hết. Cho nên Đồng Khánh, Thành Thái đến giờ, ông nào cũng làm đến phủ huyện rồi kiếm cách từ chức mà về. Nếu nói không chịu làm quan với Tây thì không làm từ đầu, chứ không có lẽ lúc mới ra làm, không biết rằng mình sẽ làm với Tây. Hai ông huyện kia cậy cục mãi đến ngoài bốn năm mươi tuổi mới về, còn quan lớn nhà ta về sớm là vì mới 38 tuổi đã làm Tri phủ.”

Tôi làm như không để ý gật gật nhìn anh ta, kỳ thực tôi cho là cái sở kiến của anh ta đó, không biết chừng, là độc đáo. Làng tôi, tây giáp làng Đông Mỹ, đông giáp làng Xuân Đài, hai làng này đều có Tổng đốc, mà làng tôi, thi đỗ thì đông, đại khoa cũng có, nhưng không có quan to. Thuở Tự Đức ông Nguyễn Duy Tự, làm đến Phủ doãn Thừa Thiên, ông nội tôi làm đến Án sát Khánh Hoà, cũng đều bị cách. Tôi không tin phong thuỷ, nhưng đó là sự thực. Hoặc giả các ông quan làng tôi, trong đó có thầy tôi, thấy thế mà sợ, làm đến phủ huyện lo rút lui cũng nên. Huống chi cái luận chứng của Năm Chuột rõ ràng mà đánh thép lăm, tôi bấy lâu trau dồi cái đức tính ngay thực của người viết báo, tôi không thể cãi chày cãi cối được.

Tôi thấy chắc chắn lắm, vì tôi biết chịu chuyện

cho nên anh ta thích nói chuyện với tôi, còn anh ta, hay nói cái lối móc ruột móc gan người ta như thế, cho nên họ mắng anh ta là nói láo nói phét.

Có một sự rất lạ. Một lần tôi đến chơi, vẫn ngồi trên đòn kê xem anh ta làm việc, liếc thấy trong cái thùng đựng đồ nghề có quyển sách, tôi thò tay lấy xem, thì là một cuốn *Thương Sơn thi tập* không có bìa, đã xé mất nhiều trang. Tôi hỏi:

“Ông cũng có sách này à? Nó là một bộ đến mười cuốn, sao ở đây chỉ còn một cuốn?”

“Tôi có mà tôi xé để quần thuốc lá hết, chỉ còn một cuốn, bởi vì in bằng giấy quuyến, quần thuốc tốt lắm.”

“Ông có xem qua chứ?”

“Thơ của ông Hoàng mình xem thế nào được? Tôi chỉ xem được có mỗi một bài ‘Mại trúc diêu’.”

Tôi phát lạnh người. Tôi có đọc thơ *Thương Sơn* rồi, tôi cũng không thích, nhưng cái bài “Mại trúc diêu” là bài thế nào, tôi có biết đâu? Chỉ vì dấu dốt, tôi lại cứ làm thinh, không hỏi anh ta. Về nhà, tối hôm ấy, tôi lật bộ thơ *Thương Sơn* ra tìm, tìm được bài “Mại trúc diêu”. Về sau, tôi dịch ra đăng báo *Phụ nữ Tân văn*, sau nữa, đem in trong *Chương Dân thi thoại*. Lục ra đây để bạn đọc thưởng thức cái mức thưởng thức văn học của anh thợ bạc:

Bài hát bán tre

Ngày đốn hai cây trúc

Bán đi để dần bụng

Trong cửa tre đầy kho

Ngoài cửa tiền chẳng cho

*Không nói thì cũng khổ
Nói thì roi dài sẽ quật chú
Rày về sau đừng đến tre nữa
Đói nằm trong tre chết cũng đủ!*

Từ khi biết Năm Chuột có biết chữ Hán nhiều, xem sách xem thơ được rồi, tôi có lúc đem văn học nói với anh ta, anh ta chỉ nghe và hỏi chứ không tỏ ý kiến. Tôi có ý trách. Anh ta giải thích thế này: “Người ta, cái gì biết ít thì chỉ nên nghe chứ không nên nói, tôi không nói chuyện văn chương chữ nghĩa với ông, cũng như ông không dạy nghề làm thợ bạc cho tôi.”

Anh ta làm thợ bạc, nhưng cũng kiêm luôn thợ rèn nữa mà là thợ rèn rất khéo. Những dụng cụ của anh ta như cái kim, cái búa, cái kéo, anh ta đều đi đến lò bễ rèn, ngồi mà tự đánh lấy. Cái đó thì ở làng tôi có nhiều người biết, cái kim của anh ta đánh, ai cũng chịu là không kém của Tây.

Năm 1944, tôi ở Hà Nội, về nhà được mấy hôm thì thấy tôi mất. Làm đám xong, tôi ở luôn trong nhà ba bốn tháng không ra khỏi cổng. Buồn quá, một hôm tôi đi tìm anh ta. Đến nơi, cái túp tranh không có nữa. Hỏi thì người ta nói Năm Chuột dọn đi đâu đã lâu rồi. Từ đó tôi mất Năm Chuột của tôi.

Một lần, trước mặt ông Tú già, anh Giáp trong làng gọi Năm Chuột bằng ông, ông Tú già đập bàn quát: “Mày gọi thằng Năm Chuột bằng ông, thì gọi tao bằng gì?” Tôi nghe mà tức mình, cho nên bài này, tôi nêu đầu đề là “Ông Năm Chuột”.

Nắng chiều

Lời soạn giả: Nắng chiều là tên một tập sách cụ Phan mới viết gần đây, nhưng vì chính quyền miền Bắc cấm, không cho phép xuất bản nên chúng tôi không thể nào kiếm được bản chính. May nhờ có bài đã kích cuốn sách ấy đăng trong báo Văn nghệ số 15, xuất bản trong tháng 8-1958, nên chúng ta có thể biết những nét chính về tác phẩm sau cùng của cụ Phan. Chúng tôi xin trích nguyên văn bài báo đã kích để tạm thời thay thế cho bản chính không có.

Tư tưởng phản động trong sáng tác của Phan Khôi

Tháng 12-1957, Phan Khôi đưa đến nhà xuất bản Hội Nhà văn một xấp bản thảo dày, bên ngoài đề hai chữ Nắng chiều. Cái nhan đề gọi nhiều man mác băng khuâng ấy, chứa đựng bên trong một nội dung gì? Người có thể nghĩ rằng đây là kết quả sáng tác vào những ngày gần cuối, lúc tuổi trời đã xế của Phan Khôi. Nó gồm nhiều bài bút ký, tạp văn viết từ đầu kháng chiến ở Việt Bắc đến hoà bình lập lại, và mấy bài viết sau khi về thủ đô.

Vào đầu, Phan Khôi ghi lại đời sống của những người nuôi vịt, cách chăm, cách lấy trứng v.v... gọi theo tiếng miền Nam là “Cắm vịt”. Cuộc sống phiêu lưu, nay ở vùng này mai ở vùng khác, chủ cũng như người làm công, đều làm lụng cực khổ như nhau, ăn uống có thịt gà như nhau, không có chi là phân biệt đối xử, không ai bóc lột ai cả.

“Tôi thấy làm cái nghề này tuy vất vả mà ăn ở như

thế thì đầy đủ lắm, giữa chủ và bạn cũng không có chi khác nhau. Ông chủ nói rằng nếu không thế thì không thuê được người, chẳng những phải trả tiền thuê mỗi tháng mà cuối mùa còn phải chia hoa hồng cho anh em nữa, vì thế, tuy được lãi nhiều mà vào tay người chủ không còn mấy.”

Quả như thế, thì xã hội này, vấn đề đấu tranh giai cấp, quan hệ giữa kẻ bóc lột và người bị bóc lột, quan hệ giữa chủ và người làm công đặt ra cho có chuyện chẳng? Chủ và khách quý và người làm công cùng ngồi uống chè Tân Cương, mua tặn bên Thái, nói chuyện tự do mang sẵn gà theo để thay đổi thức ăn cho người làm công khỏi chán, chẳng những trả tiền công mỗi tháng mà cuối mùa còn chi hoa hồng cho người làm công: *“Tuy được lãi nhiều mà vào tay người chủ không còn mấy”*. Ở ngay bài đầu Phan Khôi muốn đặt một vấn đề gì? Phải chăng, Phan Khôi muốn đánh vào một vấn đề căn bản của chủ nghĩa Mác Lê-nin? Xã hội không có đấu tranh giai cấp, không có chuyện ai bóc lột sức lao động của ai cả.

Tiếp theo là bài “Tiếng chim”. Phan Khôi dẫn ra một số chuyện cổ tích về một vài giống chim ở Việt Bắc, hình dáng, tiếng kêu của nó, v.v. Trong đó phần chính nói về con quạ. Ở một đoạn Phan Khôi viết:

“Một lần ở Cẩn Nhân, tôi ngồi nơi nhà sàn, thấy hai con quạ rình bắt gà con, một con bắt được bay ra đứng ở bờ ruộng, xé con gà ra ăn; còn con kia bị gà mẹ chống cự, bắt không được cũng bay đi tuốt, nó không hề nói: ‘Mày phải cho tao với!’.”

Vấn đề thứ nhất Phan Khôi đặt ra là không có người bóc lột người. Vấn đề thứ hai là của ai người này ăn. Cho đến thứ quạ kia còn biết giành giật cái miếng không phải của nó là không ổn, và không hề nói: “Mày phải chia cho tao với”. Phan Khôi mỉa mai, xuyên tạc vấn đề đấu tranh giai cấp là một sự đòi chia phần của kẻ khác.

Đến bài “Cây Cộng sản”. Bài này đã lột trần ra tư tưởng chống cộng của Phan Khôi. Nhân đây, tôi cũng xin nhắc lại để thấy rõ rằng đó là một tư tưởng phản động có hệ thống của Phan Khôi, chứ không phải là bất mãn, hằn học với một vài cá nhân lãnh đạo sai lầm như có người lầm tưởng. Phan Khôi trước kia đã từng viết báo khinh miệt chế giễu “*phong trào cộng sản giống như đồng lúa rom*” và đã cho Sô-viét Nghệ An là “*cái loạn cộng sản*”. Sau *Cải cách ruộng đất*, lúc cán bộ ta đang tích cực sửa chữa những sai lầm khuyết điểm thì lúc nào gặp đồng bọn, Phan Khôi cũng hỏi: “Tình hình thế nào? Có chuyện gì lạ không?”. Rồi cả bọn tranh nhau nói xấu *Cải cách ruộng đất*, và mong cho ta đừng sửa sai được. Phan Khôi lần nào nghe xong cũng cười thích chí. Y đọc ngay hai câu ca dao: “*Bao giờ có được tự do/ Ngày nay Đảng đã thay vua trị vì*” và nói là của đồng bào đâu trong Khu Tư.

Một lần, ở nhà Minh Đức, trong một cuộc họp bàn bạc để in một số thơ giữa bọn chúng với nhau, Phan Khôi khoe rằng mới sưu tầm hai câu ca dao nữa: “*Cộng sản ở tại nước Nga/ Chính danh thủ*

phạm tên là Lê-nin”. Liên lúc ấy, bọn họ làm một bài thơ “kịp thời” tên là cây cau, khen Phan Khôi người “trung thực, tiết tháo” thẳng như cây cau, càng già càng cứng, giống bão chỉ làm cong thôi chứ không thể bẻ gãy được.

Trở lại bài “Cây Cộng sản”, ngay câu đầu, Phan Khôi đã chỉ ngay vào Việt Bắc, quê hương cách mạng:

“Có một thứ thực vật nữa cũng như sen Nhật bản, ở xứ ta trước kia không có mà bây giờ có rất nhiều. Đầu thì tôi chưa thấy, chỉ thấy trong mấy tỉnh Việt Bắc, không chỗ nào là không có.”

Đầu tiên, Phan Khôi thấy nó rải rác mấy nơi ở tỉnh Phú Thọ, và nhiều nhất là ở Thái Nguyên và Tuyên Quang. Nó mọc trên thị trấn bị ta phá hoại “như rừng, ken kít nhau”. Nơi gọi là “Cỏ Bù-xít” vì nó có mùi hôi như con bọ xít, nơi gọi là “Cây Cút lợn”, nơi gọi là “Cây Chó đẻ”. Tên đều không nhả tí nào hết, thứ cây ấy những người có học không gọi bằng Cây Cút lợn đại, mà gọi bằng Cây Cộng sản. Phan Khôi bịa rằng trước kia xứ ta không có cây này (cút lợn đại), người Pháp mang đến trồng ở các đồn điền cà phê, cao su, để che đất cho mát gốc.

“Không mấy lâu rồi nó mọc đầy cả đồn điền, trừ khi không hết được, nó lan tràn ra ngoài đồn điền. Cái tình trạng ấy bắt đầu có trong những năm 1930-1931 đồng thời với Đông Dương Cộng sản Đảng bắt đầu hoạt động, phong trào cộng sản cũng lan tràn nhanh chóng như thứ cây ấy, cũng không trừ khử được như thứ cây ấy cho

nên bọn Tây đồn điền đặt tên nó là “herbe communiste”, đáng lẽ dịch là Cỏ Cộng sản, nhưng nhiều người gọi là Cây Cộng sản. Nó còn một tên nữa rất lạ...”

Phan Khôi bịa ra rằng y gặp một ông già người Thổ:

“Hỏi ông tên nó là cây gì, ông nói tên nó là “Cỏ cụ Hồ”. Thứ cỏ này trước kia ở đây không có, từ ngày cụ Hồ về đây lãnh đạo cách mạng, thì thấy thứ cỏ ấy mọc lên, không mấy lúc mà đầy cả đường xá đôi đồng, người ta không biết tên nó là gì, thấy nó cùng một lúc với cụ Hồ về thì gọi nó như vậy.”

Tại sao Phan Khôi đem Cây Cứt lợn, cũng gọi là Chó đẻ, là Bọ xít, “toàn những tên không nhả tí nào hết” để gọi nó là Cây Cộng sản, và Cỏ cụ Hồ? Cái con người vẫn tự cho mình là học giả, bản chất phản phúc, con người đã đưa ra thứ triết lý “con chó thì phải ăn cứt” thì việc mượn tên xấu của một giống cây cỏ, để xỏ xiên nói móc chửi cạnh chửi khoe cộng sản là cái sở trường của y!

Phần thứ hai là tạp văn, ngoài đầu, Phan Khôi có viết:

“Cả hai phần đều có một ít bài mà mấy người đọc qua, cho là giống như truyện ngắn. Nếu có vậy nữa thì tôi cũng không biết làm sao được. Tôi chỉ ghi chép sự thực chứ không hề viết tiểu thuyết.”

“Sự thực” mà Phan Khôi ghi chép, là những sự thực gì? Là những “sự thực” kiểu Năm Chuột.

Mở đầu phần này là “Thái Văn Thu”, Thái Văn Thu là tên một thằng ăn trộm trùng tên với một nhân vật trong *Thủy hử*, mà Phan Khôi quen biết và

kính phục hần đã lâu, nay mới có dịp chép lại...

Phan Khôi kể lúc y “bị tù Văn Thân” bọn Pháp có đưa vào giam chung một anh có tướng học trò - can vào tội ăn trộm của Tây.

“Theo lời Thu thì nhà hần cũng đủ ăn, hần đi ăn trộm không phải vì túng thiếu mà không muốn làm nghề gì hết. Cái nhân sinh quan hần đại khái là người annam phải làm giặc, đánh Tây mà không làm được, thì đi ăn trộm, ăn trộm của Tây.”

Có phải đó chính là nhân sinh quan, tư tưởng của Phan Khôi đã bộc lộ trần tráo như trên kia chẳng? Phan Khôi còn mượn lời Thu để phê bình Phan Chu Trinh, bảo cụ đi sai đường, “nói phải, nói không với Tây làm chi, đưa điều trần cho Toàn quyền làm chi để bây giờ nó đày đi Côn Đảo?”. Và cũng mượn lời Thu để Phan Khôi tỏ rõ quan điểm của y từ trước đến nay không tán thành sự đấu tranh chống Pháp. Thu tùm tùm cười nói về chúng tôi: “Các thầy cũng vậy. Giá như Thu này ở tù cho đáng, các thầy ở tù không đáng”. Thu kể một vụ ăn trộm ở nhà Tây và biểu diễn vài môn nghề khiến Phan Khôi rất phục. Sau đó, nhân một trận bão, tù phá ngục ra. Có trát súc nã, đặc biệt là nghiêm nã Thái Văn Thu, tên cầm đầu.

“Nhưng có người nói với tôi, có phải phá ngục gì đâu, bão từ sáng đến chiều, không đưa cơm vào, đói thì họ mở cửa họ ra, chứ có phá phách gì?”

Phan Khôi viết truyện này với một thâm ý gì? Chúng ta cứ liên hệ đến tình hình văn nghệ sau lớp

học 18 ngày, sẽ thấy Phan Khôi hiện lên nguyên hình trong Thái Văn Thu.

“Khi gió càng ngày càng to, quá giờ ăn đã lâu rồi mà cơm không có. Thu đứng ra diễn thuyết bảo anh em cứ đi ra. Không tội chi mà nhịn đói. Rồi tự tay lấy chìa khoá mở cửa, đội để lao và lính canh không dám cản lại, cả mấy trăm người đều đi theo Thu đi ra hết.”

Nhân lúc Cải cách mắc sai lầm nghiêm trọng, cán bộ ta đang tích cực sửa sai thì, trong giới văn nghệ, bọn đầu cơ Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi đứng lên đả vào lãnh đạo văn nghệ. Trong cuộc họp tổng kết lớp 18 ngày Phan Khôi đứng lên phản đối đồng chí Tố Hữu và sau đó Phan Khôi cùng một nhóm Nguyễn Hữu Đang, Trần Dân, Hoàng Cẩm, Lê Đạt, v.v. tập hợp lại ra báo *Nhân văn*.

Chính Hoàng Cẩm đã tự thú: Ban đầu Phan Khôi định đặt tên báo là *Cái chổi*, là *Thượng vàng hạ cám* đều không ổn... tên *Nhân văn* là do Nguyễn Hữu Đang tìm ra sau. Phan Khôi nói rằng: “Nếu chỉ ra báo văn nghệ không thì hẹp lắm. Bây giờ nhiều vấn đề lắm. Phải làm báo văn hoá xã hội. Tôi còn gọi là chính trị nữa. Tôi sẽ còn nói về nhiều vấn đề thế giới...” Xưa nay, Phan Khôi vẫn lấy làm ngông nghênh khoái trá ở chỗ hấn xỏ xiên, nói móc nói cạnh ta mà ta không làm gì được hấn: “Ăn trộm, không bắt được, mọi người biết cả nên cũng không giấu.”

Báo *Nhân văn* bị quần chúng phản đối, công nhân không in, mọi người yêu cầu chính phủ phải đóng cửa để ngăn chặn sự nguy hại của nó. Bọn

Nhân văn đã rêu rao lúc bấy giờ: “Gọi cả làng ra đánh một con chuột”, “Giết con chim sẻ không cần dùng đến dao mổ trâu”, “Ăn cướp chỉ đồng người vào hùa với nhau, ý thế đánh người lấy của, là khiếp nhục”. Phan Khôi đã gọi phong trào Sô-viét Nghệ An là “cái loạn cộng sản”, đã nói rằng: “Chính danh thủ phạm tên là Lê-nin” cũng là những người làm loạn lớn mà kết tội hần là một người loạn nhỏ.

Viết bài này, Phan Khôi đã hiện nguyên hình trong tên ăn trộm Thái Văn Thu mà y hết sức tán dương, đề cao. Cũng như kể đó là bài “Ông Năm Chuột”. Phan Khôi mượn lời xảo hoạt, ranh vặt của một tên thợ bạc gian hùng nghiền ngáp để đòi trả văn nghệ cho văn nghệ, trả chuyên môn cho chuyên môn. Văn nghệ chuyên môn phải tách rời chính trị. Bọn phá hoại tồ-rốt-kít Trương Tửu, Trần Đức Thảo, bọn Nguyễn Hữu Đang và Phan Khôi cùng bè lũ chống Đảng đã hợp xướng điệp khúc của Năm Chuột:

“Người ta cái gì biết ít thì chỉ nên nghe chứ không nên nói. Tôi không nói chuyện văn chương chữ nghĩa với ông cũng như ông không dạy nghề làm thợ bạc cho tôi.”

Truyện thứ ba là “Chuyện ba ông vua Kiền Long, Quang Trung và Chiêu Thống”.

Trước kia, lúc chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, quân Nhật vào Đông Dương, chủ nghĩa phát-xít vươn móng sắt ra để dọa nhân dân ta, Đảng Cộng sản đã kêu gọi mọi người chống Pháp đuổi Nhật, dùng những gương anh hùng liệt nữ xưa động viên

lòng ái quốc của đồng bào, thì bọn tò- rồ-kít cũng đã giờ cái thủ đoạn của Phan Khôi ngày nay là xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ Hai Bà Trưng, cho rằng Hai Bà Trưng chống phong kiến Trung Quốc cũng như Trung Quốc chống Nhật bây giờ là trái qui luật tiến hoá của loài người... Và đưa luận điệu “Nhật không vào Đông Dương” để làm lạc hướng đấu tranh của nhân dân v.v... Phan Khôi đưa ra chuyện “Ba ông vua” này nhằm xuyên tạc và đả vào tinh đoàn kết quốc tế, tình hữu ái giai cấp của nhân dân ta và Trung Quốc, theo đúng cái hướng đả vào Liên-sô, Trung Quốc của đế quốc Mỹ và Ngô Đình Diệm hiện nay. Đây là bài dài nhất trong toàn tập, Phan Khôi trích dẫn nhiều sách, nhiều tài liệu suy diễn lung tung. Xin chỉ lược ra đây mấy câu, để thấy cái xương sống của bài ấy, và cái tâm thuật xảo quyệt của Phan Khôi:

“Ý tôi cốt muốn cho người đọc qua sẽ thấy ngay ba ông ấy một ông là đều giả, một ông là quay quắt, một ông là khờ khạo. Tư cách ba người thấy chung trong một tiệc. Và lại cũng thấy được rất rõ ràng trong bọn vua chúa phong kiến, giữa thiên tử với chu hầu, bề ngoài làm bộ nhân nghĩa trung thuận, quang minh chính đại lắm lắm, mà bề trong không khác gì một tụi buôn hàng xách, một tụi ba que xỏ lá gặp nhau, đứa nào gian ngoan thì chiếm phần thắng, đứa nào ngu dốt thì chịu thiệt.”

Có thể có người nhẹ dạ tin và cho là Phan Khôi viết bài này, nhằm đả vào bọn phong kiến, bọn

vua chúa ngày xưa. Can chi đến ta mà vợ lấy, vắn vào. Không phải thế. Phan Khôi đã từng tuyên bố: “Nước Việt Nam ta làm gì có phong kiến? Đánh đổ phong kiến chỉ là câu chuyện bịa đặt vu vơ...” thì dă vào phong kiến, không thể có được. Cái dă tâm của Phan Khôi muốn gọi lại hận thù dân tộc cũ (Mãn Thanh bắt Chiêu Thống và bọn tòng vong cạo đầu thắt bím, đày đi v.v...) và so sách cái quan hệ ngoại giao giữa Quang Trung và Kiến Long ngày xưa không khác gì quan hệ hữu nghị giữa ta và Trung Quốc ngày nay, “*một con cáo và một con sói đồng tình vật chết một con dê*”. Nhân dân ta và nhân dân Trung Quốc đoàn kết trên cơ sở thống nhất về những quan điểm chung của chủ nghĩa Mác Lê-nin. Phan Khôi cho rằng Trung Quốc ngày nay cũng chỉ là một thứ kiểu xâm lược như Mãn Thanh xưa. Chẳng vậy, sao khi sang thăm Trung Quốc, trong cuộc triển lãm kỹ nghệ ở Mãn Châu, Phan Khôi đã phát biểu: “Theo tôi nghĩ thì nước ngoài phục Trung Quốc không phải vì chủ nghĩa cộng sản mà vì nền kỹ nghệ Trung Quốc. Ngày kia Trung Quốc sẽ chiếm thị trường thế giới”.

Ờ bài “Giới thiệu Nguyễn Trường Tộ” càng lộ ra trắng trợn cái ý Phan Khôi muốn so sánh chế độ ta với cái triều đại ngày xưa. Không khác gì thời đại chuyên chế hồi Gia Long. Nước Việt Nam ngày nay cũng là triều đại gì đó; người ta đặt bài viết cho báo tất nhiên phải có yêu cầu của toà soạn, y cũng gọi “Cụ Đồ Chiểu ơi, Cụ Đồ Chiểu!” bù lu bù loa đấm

ngực nói rằng bảy tám mươi năm sau cũng không khác gì ngày xưa.

Dua Nguyễn Trường Tộ ra trong bài này vừa khen vừa chê - một mặt để tỏ rằng “cậu tú Phan Khôi” hơn “danh Tộ” nhiều, một mặt là đả vào chế độ ta. Nguyễn Trường Tộ, đi đạo Thiên Chúa (từ đời cha) sau vì Tự Đức cấm đạo, Tộ theo một linh mục sang Pháp và lưu học ở Paris. Năm 33 tuổi trở về, có dâng nhiều bài điều trần yêu cầu cải cách nhiều vấn đề trong nước. Tộ là người tin Đạo, coi Đức Chúa Trời là chủ vạn vật và cũng đồng thời rất tôn trọng Nho giáo. Phan Khôi nói rằng: “Người có tài như thế, sinh gặp thời cản dùng cái tài ấy, mà không thi thố gì được, ôm mối thất vọng mà chết là vì lẽ gì?”

Phan Khôi cho Tự Đức là một ông vua nhu nhược, làm việc gì cũng sợ, không dám làm mà lại coi mình là thần thánh, khinh người.

“Tự Đức có phê vào một bốn điều trần của Nguyễn Trường Tộ do quan tỉnh dâng lên, một câu: ‘Dùng được đấy, hay là cho nó một chức quan để lấy lòng nó, dùng sức nó.’ - ‘Một chức quan! Ông ấy tưởng người ta báu cái chức quan của ông ấy lắm đấy!’”

Tại sao Phan Khôi hằn học đến như vậy? Bởi vì:

“Vua thì như thế, còn đám quan liêu từ triều đình đến ở các tỉnh phần nhiều là hủ nho, đám sĩ phu ở dân gian càng đông hơn, cũng đều là hủ nho, dưới vua, hai hạng người này nắm quyền lợi một nước trong tay họ, họ cấu kết với nhau để giữ lấy quyền lợi, thì còn ai mà làm gì được?”

Chúng ta có nắm và giữ lấy quyền lợi một nước không? Có. Nhiệm vụ của cách mạng, của vô sản chuyên chính để rõ yêu cầu phải chuyên chính đối với bọn giai cấp bóc lột, đối với bọn đi ngược và phản lại quyền lợi dân tộc. Bọn chúng không thể có tự do trong chế độ ta, thứ tự do áp bức bóc lột, tự do buôn lậu, đầu cơ tích trữ, tự do cấu kết với phần tử phản động trong nước và bọn đế quốc ngoài nước để phá rối trật tự xã hội, âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng, xây dựng lại chế độ phong kiến và thực dân đã bị nhân dân đánh đổ.

Phan Khôi nói: “Không phải đợi đến ngày nay, từ trước chúng ta cũng đã biết rằng có tại làm sao... người ta mới giấu đỉnh giấu đien, trốn lính!”. Trong thời đại phong kiến, dưới chế độ thực dân Pháp, người ta làm như thế là đúng. Người ta không muốn đóng góp phục vụ cho bọn thống trị, chỉ có mục đích vơ vét cho vào túi chúng. Dưới chế độ ta, những người khai man diện tích ruộng đất, không đi dân công, trốn thuế công thương, không thi hành nghĩa vụ quân sự thì chỉ là những kẻ ích kỷ sâu mọt của xã hội, những kẻ đào ngũ và chống chế độ.

Cũng cần nói vào mặt Phan Khôi rằng: Vì chính sách đoàn kết của Mặt trận Dân tộc, vì Đảng ta sẵn lòng quên những tội lỗi cũ của một người và tạo mọi điều kiện để đưa họ về con đường chính, vì lòng nhân của Đảng muốn nhặt những kẻ ở dưới bùn lên mà chùi rửa cho, giúp cho họ trở lại làm người, vì thế mà Phan Khôi vẫn được đãi ngộ rộng rãi, ăn

lượng nhân sĩ, không phải làm gì cả, viết hay dịch sách thì hưởng tiền nhuận bút. Để rồi chửi Đảng, chửi chế độ. “Một chức quan, ông ấy tưởng người ta bấu cái chức quan của ông ấy lắm đấy”. Phan Khôi *ăn cháo đá bát*, hợm hình, tự đánh giá mình là cao to, nhưng cái mặt thật của y không ai lạ gì. Phan Khôi chống lại cái chế độ đã cứu vớt cho mình, thì Phan Khôi rơi nguyên hình là một tên chống cách mạng.

Bây giờ - mà có phải mới bây giờ đâu - cái bộ mặt thật của Phan Khôi đã bị lột trần ra, cũng nhiều khi tự y lột trần ra. Phan Khôi là một tên giáo quyệt, phản phúc, một tên làm tay sai cho đế quốc, lợi dụng sự khoan hồng của cách mạng và chính sách đại ngộ rất tốt của Đảng để chống lại Đảng, chống lại chế độ. Không có cơ hội thì nằm yên, dùng cách nói bóng nói gió, xuyên tạc xách mé; có cơ hội thì vùng lên ra mặt chống đối hằn hòi như thời kỳ tác quái của báo *Nhân văn*.

Lẻ tẻ từng lúc, từng bài, y lập lòe đánh tráo, vờ vịt để cho mọi người lầm tưởng rằng mình là một “học giả” một tay “lão thành cách mạng”, một người “ngay thẳng, bộc trực”, một “nhà văn khí tiết”. Do đó, cũng có đôi người bị mắc lừa. *Nhân văn-Giai phẩm* bị đánh tan bước đầu hồi cuối năm 1956. Cả bọn rút vào bóng tối “phục xuống sáng tác”. Phan Khôi gom góp tất cả sáng tác của y, đem tàn lực hy vọng, có thể đánh được ta một đòn cuối cùng trước khi xuống lỗ. Y đặt tên tập sách là *Nặng chiều*. Ngờ đâu, chính tập sách này đã phơi bày rõ rệt nhất toàn

bộ hệ thống tư tưởng phản động của Phan Khôi và cái năng quái ấy mới định kịp hùng lên, đã bị nhân dân làm cho tắt phụt!

Chỉ đứng riêng về phương diện văn học mà nói, Phan Khôi không còn chỗ đứng nữa, đã bị khai trừ ra khỏi Hội Nhà văn. Chỗ đứng của y ở đâu, để cho y tự biết mà tự phong. Chưa nói đến hành động phá rối về chính trị, không thuộc về thẩm quyền kết luận của những người cầm bút như chúng ta.

Chú thích: Đoàn Giỏi bị kiểm thảo sau khi viết bài này và bị quy vào tội: vò đá kích Phan Khôi để công bố những nét đại cương của một tác phẩm mà Đảng đã cấm không cho xuất bản.

CHƯƠNG 2: PHÁI THANH NIÊN

Phái này gồm tất cả các nhà văn trẻ tuổi, lớn lên trong khói lửa của cuộc kháng chiến dân tộc và đã được rèn luyện đầy đủ trong hệ thống tư tưởng Mác-xít. Tất cả đều là đảng viên và đa số đã tích cực tham gia bộ đội. Trẻ nhất trong bọn là Phùng Quán (năm nay mới 25 tuổi) và nhiều tuổi nhất là Hoàng Tích Linh (năm nay chừng 45 tuổi).

Điều đáng chú ý nhất là hiện nay không có một nhà văn thanh niên nào theo Đảng, mặc dù Đảng đã đào tạo nên họ.

Họ chống lại học thuyết Mác-xít và chế độ cộng sản không phải vì quyền lợi giai cấp hoặc vì họ đã bị tiêm nhiễm những triết lý phong kiến hoặc tư sản, mà chính vì bản chất trong con người thiên nhiên của họ phải có phản ứng tự vệ để khỏi bị tiêu diệt. Tiếng nói của họ là tiếng nói của con người “nhân chi sơ”, không đại diện cho một học phái nào cả,

tiếng nói của những linh hồn còn trong trắng.

Trần Dân, một nhà thơ đã tham dự trận Điện Biên Phủ có thể coi là điển hình cho thế hệ này.

TRẦN DÂN

Tiểu sử: Trần Dân sinh năm 1924 ở Nam Định, học tiểu học ở tỉnh Nam rồi sau lên học trung học ở Hà Nội. Khi ông học văn chương Pháp để thi tú tài, ông bị ảnh hưởng Baudelaire và Verlaine, trở thành một thi sĩ làm thơ tiếng Việt theo lối “tượng trưng” (symbolisme) của Pháp. Cho tới ngày nay ông vẫn giữ lối thơ đó vì ông chủ trương rằng mình lời văn không đủ mà phải dùng cả âm điệu trong câu mới diễn tả được những rung động trong tâm hồn của thi nhân.

Ông mới xuất hiện là một nhà thơ thì cuộc chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ. Trở về Nam Định, ông tham gia kháng chiến và đảm nhận công tác tuyên truyền. Sau khi Nam Định thất thủ, ông xung phong gia nhập bộ đội và được cử lên mặt trận Sơn La. Ở đây, ông phụ trách điều khiển đoàn văn công, được các văn nghệ sĩ trong trung đoàn rất quý mến và được kết nạp làm đảng viên. Nhưng là một văn nghệ sĩ, ông không chịu nổi sự chèn ép của các cán bộ chính trị cấp trung đoàn, nên đến năm 1951, ông xin về Trung ương, nhận công tác viết báo cho Cục Quân huấn.

Trong thời kỳ này, ngoài việc viết báo, ông còn phụ trách giảng về văn nghệ nhân dân và chính sách lãnh đạo văn nghệ của Đảng đối với văn nghệ

sĩ trong những lớp đào tạo cán bộ văn công. Bị phê bình là giảng sai đường lối của Đảng, ông tức mình xin đi công tác tiền tuyến và được cử lên mặt trận Điện Biên Phủ. Xúc cảm trước sự tấn công ào ạt của quân đội kháng chiến vào thành lũy của Pháp, nhất là trước cái chết thê thảm của Tô Ngọc Vân, bạn đồng hành của ông, Trần Dân sáng tác cuốn *Người người lớp lớp*. Nhờ cuốn sách này ông được Đảng yêu chuộng trở lại và năm 1954 được cử đi Trung Quốc để viết bản dẫn giải bằng tiếng Việt cho cuốn phim Chiến thắng Điện Biên Phủ, là cuốn phim Việt Minh đóng lại trận Điện Biên Phủ do cán bộ Trung cộng sang quay và mang sang Tàu thu thanh.

Nhân chuyến du hành này, Trần Dân được tiếp xúc với nền văn hoá của Trung cộng. Ông lấy làm thất vọng nên khi trở về, ông nói nhỏ với bạn bè: “Chớ nên theo đường lối văn nghệ của Trung Quốc”.

Cùng đi với ông sang Trung Quốc có một cán bộ chính trị phụ trách về đường lối giải thích, nhưng tên cán bộ này mặc dầu dốt đặc về văn chương cũng cứ nhất định dùng quyền lực chính trị của mình để sửa chữa từng câu, từng chữ của Trần Dân, mà có khi ngang nhiên đọc lời giải thích của mình cho Trần Dân viết. Ông lấy làm bất mãn, nên khi về đến Việt Nam, ông cùng một số văn nghệ sĩ đảng viên khác như Tử Phác, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh và Đỗ Nhuận, cùng trong cảnh ngộ, viết kiến nghị lên cấp trên yêu cầu hạn chế sự can thiệp của cán bộ chính trị vào lãnh vực văn nghệ.

Kiến nghị còn đang được cứu xét thì xảy ra một việc quan trọng hơn. Đó là việc Trần Dân tự tiện lấy vợ, bất chấp sự cấm đoán của Đảng. Theo một đạo luật bất thành văn mà Đảng đã đặt ra, các đảng viên cấp xã phải báo cáo cho cấp trên biết trước mỗi khi dự định lấy vợ, lấy chồng; các đảng viên huyện (trường hợp của Trần Dân) phải xin phép Đảng mới được cưới xin hoặc yêu đương, còn về phần các đảng viên cấp tỉnh trở lên thì việc dựng vợ gả chồng là do Đảng quyết định.

Trần Dân tuy là đảng viên, nhưng vẫn giữ tính chất văn nghệ sĩ, không chịu nổi luyện ái quan Mác-xít. Hồi ở chiến khu bao nhiêu lần Đảng “xây dựng” cho ông với các nữ đồng chí, ông đều không chịu và khi hoà bình trở lại, ông tình cờ gặp và mê ngay một thiếu nữ tiểu tư sản ở phố Sinh Từ, sống bơ vơ một mình, vì bố mẹ họ hàng di cư vào Nam không kịp mang theo.

Trần Dân xin phép Đảng để cưới người yêu, nhưng Đảng nhất định không cho vì một lý do căn bản: người con gái đó theo đạo Thiên chúa. Tuy vậy, Đảng không nêu lên lý do tôn giáo để từ chối mà chỉ giải thích rằng người con gái đó sống về tiền thuê nhà mà bố mẹ để lại nên thuộc vào thành phần bóc lột, và một đảng viên không thể lấy vợ thuộc giai cấp “địch”.

Trần Dân không chịu cắt đứt tình yêu nên khuyên ý trung nhân mang nhà cửa bố mẹ để lại giao cho Ủy ban quản trị tài sản của những người vắng

mặt trông coi và thu hoa lợi; hai người đều cam chịu sống trong cơ cực để yêu thương nhau. Đảng bèn rẽ duyên bằng cách điều động Trần Dần lên Việt Bắc công tác, nhưng Trần Dần lấy cớ ốm đau xin về Hà Nội nghỉ dài hạn và tự ý xin ra khỏi Đảng, ngang nhiên đến phố Sinh Từ sống với tình nhân không cần cưới xin. Đảng toan trừng trị, nhưng ngại vì lúc đó đang có phong trào di cư, nên không dám khùng bố bất cứ ai sợ làm náo động nhân tâm khiến cuộc di cư bành trướng thêm. Đảng bèn nuốt giận làm lành, chỉ gây dư luận là Trần Dần đã sa đoạ, rơi vào hố tư sản phản động.

Nhưng sau khi đóng cửa Hải Phòng, Trần Dần lại làm một việc táo bạo thứ hai là phê bình đả kích cuốn thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, một thi sĩ giữ chức trung ương uỷ viên, phụ trách lãnh đạo văn nghệ. Tố Hữu liền ra lệnh bắt cóc Trần Dần mang nhốt trên một nhà giam ở Việt Bắc. Vợ Trần Dần lại sống bơ vơ giữa Hà Nội một lần nữa, hỏi thăm chồng ở đâu, không ai biết, vẫn thất nghiệp, lại thêm bụng mang dạ chửa. Bạn bè của Trần Dần phải chung tiền giúp đỡ và thay phiên đến thăm hỏi nâng đỡ tinh thần.

Tin Trần Dần bị bắt mang đi biệt tích lan ra khắp Hà Nội và gây dư luận sôi nổi trong giới trí thức kháng chiến. Để dẹp yên dư luận, Đảng bèn sửa sai bằng cách đưa Trần Dần về mạn xuôi, bắt đi theo chiến dịch Cải cách ruộng đất. Đảng cũng gọi vợ Trần Dần đến cho công việc may vá cho mậu dịch.

Không được bao lâu, xảy ra vụ Khrushchev hạ

bộ Stalin. Nhóm văn nghệ sĩ kháng chiến nổi lên đấu tranh chống Đảng bằng cách xuất bản tập *Giai phẩm* 1956 (sau này gọi là *Giai phẩm mùa Xuân*). Lúc này Trần Dần không có mặt ở Hà Nội, nhưng Hoàng Cầm là bạn thân, biết Trần Dần hồi 1954 có viết bài “Nhất định thắng” có giá trị, nên đến nhà bảo vợ Trần Dần đưa bản thảo và mang in trong tập *Giai phẩm*.

Tờ tạp chí vừa in xong thì bị tịch thu ngay. Đảng ngờ rằng Trần Dần đã bị nằm tù mà còn dám viết bài chống Đảng nên gọi Trần Dần về, mang ra đấu giữa một cuộc hội nghị của đông đủ các văn nghệ sĩ, quy Trần Dần vào tội phản động, lấy cớ là trong các bài thơ ông có dùng chữ “Người” viết hoa nên gán cho ông có ý đả kích cụ Hồ và ra lệnh tống giam vào nhà pha Hoả Lò ở Hà Nội. Trần Dần uất ức quá dùng lưỡi dao cạo cửa cốp, nhưng không chết, sau này vẫn mang cái sẹo ở cổ.

Năm tháng sau, Việt cộng tuân theo chỉ thị của Đệ tam Quốc tế phát động phong trào sửa sai. Giới trí thức được dịp phát động phong trào đấu tranh chống Đảng. Họ xuất bản tờ *Giai phẩm mùa Thu* và tờ *Nhân văn*, lên tiếng phản đối vụ tịch thu tờ báo *Giai phẩm mùa Xuân* và việc khủng bố Trần Dần. Cụ Phan Khôi có nêu hai vấn đề này trong bài “Phê bình lãnh đạo văn nghệ” đăng trong *Giai phẩm mùa Thu* và Hoàng Cầm viết một bài nhan đề “Con người Trần Dần” đăng trong tờ *Nhân văn* số đầu. Bị công kích không có thể đỡ, Đảng bèn thả Trần

Dẫn về và phục hồi danh dự bằng cách ra lệnh cho Hội Văn nghệ viết bản tự kiểm thảo đăng trên các báo. Nhóm Giai phẩm bèn tái bản tờ *Giai phẩm mùa Xuân* trong đó có bài thơ “Nhất định thắng” của Trần Dần.

Nhưng sau khi Nga-sô đàn áp cuộc khởi nghĩa Budapest thì Việt cộng cũng đóng cửa tờ *Nhân văn* và *Giai phẩm*. Một lần nữa, Trần Dần lại bị quy là phản động và bị “treo giò” không được viết văn. Nhưng đến tháng cuối năm 1957, nhân báo *Văn* trở lại chống Đảng, Trần Dần gửi đảng một bài thơ nhan đề là “Hãy đi mãi” nói lên ý chí cương quyết đấu tranh đòi tự do đến cùng.

Về thơ, ông còn sáng tác những bài:

“Nói thật”, trong đó ông lý luận rằng chỉ vì cán bộ hèn nhất không dám nói thật với Đảng nên mới xảy ra vụ “sai lầm” trong Cải cách ruộng đất.

“Nhân văn làm lớn con người”, trong đó ông đề cao nhân văn.

“Một bài thơ chưa có đề”, trong đó ông ám chỉ Tố Hữu là nhà thơ “ti ti đồn bầu”.

Về truyện, ông viết:

“Chú bé làm văn” để chỉ trích nền giáo dục cộng sản chuyên môn tập cho trẻ em nói dối từ thuở bé để sau này nói dối thuê cho Đảng.

“Mâu thuẫn với cả nước” tả một nhạc sĩ bất tài (ám chỉ Lương Ngọc Trác) dùng thế lực Đảng, quy cho một nhạc sĩ có tài hơn mình vào tội “mâu thuẫn với cả nước”.

“Lão Rổng” tả một nông dân hiền lành bị bọn “lý trưởng mới” chà đạp.

Nhưng đặc biệt hơn cả là truyện “Anh Cò Lắm”, tả sự khổ cực của nông dân trong cái cách ruộng đất. Trong truyện đó có đoạn như sau:

“Tôi đi thẳng vào nhà Cò Lắm. Vắng cả, nhà chả có ai, nhưng có tiếng trẻ khóc. Ba gian nhà nhỏ vẫn một cái giường, một cái chõng, có thêm một lá cò đỏ rất mái nhà rủ trước mặt bức ảnh Hồ Chủ tịch. Một đứa bé con độ lên hai bò giữa nhà, giời rét mà độc một manh áo nâu, còn cời chuồng, chân tay lấm mụn, bôi phắm xanh lè cả người. Thấy tôi nó càng khóc, giơ tay quẹt má. Tôi nhìn: Tay nó có cái gì vàng vàng? À ra cút, nó ỉa một đống còn kia, cổ chân nó lại buộc một cái dây bằng vải khá dài, một đầu dây buộc vào cột nhà, chắc hẳn mẹ nó buộc nó vào dây cho nó chơi một mình.”

Trừ có hai bài thơ “Nhất định thắng” và “Hãy đi mãi” ông ký tên thật, còn tất cả những bài khác đều ký bằng bí danh, sau này bị tra khảo trong tù ông mới nhận là chính ông viết.

Sau đây chúng tôi chỉ trích hai bài: “Nhất định thắng” và “Hãy đi mãi” vừa điển hình cho lối thơ của ông, vừa nói lên tâm sự của thế hệ mới ở Bắc Việt.

Nhất định thắng

Lời soạn giả: Bài thơ này đã gây nên cuộc đấu tố tác giả, khiến tác giả phải cứa cổ tự tử. Vì vậy nên tuy dài, chúng tôi cũng đăng trọn bài. Đại ý của tác giả là nêu sự đói rét của đất Bắc và nỗi u buồn trong lòng người phương Bắc hiện nay.

Tôi ở phố Sinh Từ:
Hai người
Một gian nhà chật.
Rất yêu nhau sao cuộc sống không vui?
Tổ quốc hôm nay
tuy gọi sống hoà bình
Nhưng mới chỉ là năm thứ nhất
Chúng ta còn muôn việc rối tinh...
Chúng ta
Ngày làm việc, đêm thì lo đầy giấc
Vợ con đau thì rối ruột thuốc men
Khi mải vui - khi chợt nhớ - chợt quên
Trăm cái bận hàng ngày nhay nhất
Chúng ta vẫn làm ăn chiu chắt.
Ta biết đâu bên Mỹ Miếc tí mù
Chúng còn đương bày kế hại đời ta?
Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc
Đất hôm nay tắm tã mưa phùn
Bống nhói ngang lưng
máu rỏ xuống bùn
Lưng tôi có tên nào chém trộm?
A! Cái lưỡi dao cùn!
Không đứt được - mà đau!
Chúng định chém tôi làm hai mảnh
Ôi cả nước! Nếu mà lưng tôi lạnh
Hãy nhìn xem: có phải vết dao?
Không đứt được mà đau!
Lưng Tổ quốc hôm nay rớm máu
Tôi đã sống rã rời cân não

Quãng thời gian nhưng nhúc chuyện đi Nam

Những cơn mưa rơi mãi tối sầm

Họ lách thếch ôm nhau đi từng mảng

Tôi đã trở nên người ôm giận

Tôi đem thân làm ụ cản đường đi.

- Dừng lại!

- Đi đâu?

- Làm gì?

Họ kêu những thiếu tiền thiếu gạo

Thiếu Cha, thiếu Chúa, thiếu vắn vắn

Có cả anh Nam chị Nữ kêu buồn

- Ở đây

Khát gió thêm mây...

Ô hay!

Trời của chúng ta gặp ngày mây rù

Nhưng trời ta sao bỏ nó mà đi?

Sau đám mây kia là cả miền Nam

Sao ngỡ tưởng là non bồng của Mỹ!

Tôi muốn khóc giữ từng em bé

Bỏ tôi ư? - Từng vạt áo - Gót chân

Tôi muốn kêu lên - những tiếng cộc cằn...

- Không! Hãy ở lại!

Mảnh đất ta hôm nay dù tối

Cũng còn hơn

non bồng Mỹ

triệu lần...

Mảnh đất dễ mà quên?

Hỡi bạn đi Nam

Thiếu gì ư? Sao chẳng nói thực thà?

Chỉ là:

- thiếu quả tim, bộ óc!

Những lời nói sắp thành nói cục

Nhưng bỗng dưng tôi chỉ khóc mà thôi

Tôi nức nở giữa trời mưa bão.

Họ vẫn ra đi.

Nhưng sao bước rã rời?

Sao họ khóc?

Họ có gì thất vọng?

Đất níu chân đi

gió cản áo bay về

Xa đất Bắc tưởng như rời cõi sống.

Tưởng như đây là phút cuối cùng

Giăng giới lại: - mỗi lùm cây - hốc đá

Mỗi căn vườn - gốc vả - cây sung

Không nói được chỉ còn nức nở

Trắng con người nhìn lại đất trời

Nhìn cơn nắng lụi, nhìn hạt mưa sa

Nhìn con đường cũ, nhìn ngôi sao mờ

Ôi đất ấy - quên làm sao được?

Quên sao nơi ấm lạnh ngọt bùi

Hôm nay đây mưa gió dập vùi

- Mưa đỏ mãi lên người xa đất Bắc...

Ai dẫn họ đi?

Ai?

Dẫn đi đâu? - mà họ khóc mãi thôi!

Trời vẫn quật muôn vàn tảng gió

Bắc Nam ơi, đứt ruột chia đôi

Tôi cúi xuống - quỳ xin mưa bão

Chớ đổ thêm lên đầu họ
- khổ nhiều rồi!
Họ xấu số - chớ hành thêm họ nữa
Vườn ruộng hoang sơ - Cửa nhà vắng chủ
Miền Nam muôn dặm, non nước buồn thiu
Họ đã đi nhưng trút lại tâm hồn
Ôi đất Bắc! Hãy giữ gìn cho họ.
Tôi ở phố Sinh Từ
Những ngày ấy bao nhiêu thương xót
Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên máu cờ đỏ
Gặp em trong mưa
Em đi tìm việc
Mỗi ngày đi lại cúi đầu về
- Anh ạ!
họ vẫn bảo chờ...
Tôi không gặng hỏi, nói gì ư?
Trời mưa, trời mưa
Ba tháng rồi
Em đợi
Sống bằng tương lai
Ngày và đêm như lũ trẻ mò còi
Lũ lượt dắt nhau đi buồn bã
Em đi
trong mưa
cúi đầu

ngiêng vai

Người con gái mới mười chín tuổi

Khổ thân em mưa nắng đi về lúi thủi

Bóng chúng

đề lên

số phận

từng người

Em cúi đầu đi, mưa rơi

Những ngày ấy bao nhiêu thương xót

Tôi bước đi

không thấy phố

không thấy nhà

Chỉ thấy mưa sa trên mầu cờ đỏ

Đất nước khó khăn này

sao không thấm được vào Thơ?

Những tủ kính tôi dùng chân dấn mũi

Các thứ hàng ế ẩm đợi người mua

Nhưng mà sách - hình như khá chạy

À quyển kia của bạn này - bạn ấy

Quyển của tôi tư lự, nét đậm đậm

Nó đang mơ: - nếu thêm cả miền Nam

Số độc giả sẽ tăng dăm bảy triệu

Tôi đã biến thành người định kiến

Tôi ước ao tất cả mọi người ta

Đòi thống nhất, phải đòi từ việc nhỏ

- từ cái ăn

cái ngủ

chuyện riêng tư

- từ suy nghĩ

nặng con
và tán vợ.
Trời mưa mãi lay dây đường phố
Về Bắc Nam tôi chưa viết chút nào
Tôi vẫn quyết Thơ phải khua bão gió
Nhưng hôm nay
tôi bỗng cúi đầu
Thơ nó đi đâu?
Sao những vần thơ
Chúng không chuyển, không xoay trời đất?
Sao chúng không chấp được côi bờ?
Non nước sục sùi mưa
Tôi muốn bỏ thơ
làm việc khác
Nhưng hôm nay tôi mê mãi giữa trời mưa
Chút tài mọn
tôi làm thơ chính trị
Những ngày ấy bao nhiêu thương xót
Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa trên mầu cờ đỏ
Em ơi ! - ta ở phố Sinh Từ
Em đương có chuyện gì vui hử
À cái tin trên báo - Ủ em ạ
Chúng đang phải giậm chân đấm ngực!
Vượt qua đầu chúng nó
mọi thứ hàng
Những tấn gạo vẫn vượt đi

Những tấn thơ, tài liệu
Vẫn xéo qua đầu chúng, giới danh gì?
Ý muốn dân ta
là lực sĩ khổng lồ
Đè cổ chúng mà xoá nhoà giới tuyến
Dân ta muốn trời kia cũng chuyển
Nhưng Trời mưa to lụt cả gian nhà
Ôm tất cả che mưa cản gió
Con chó mực nghe mưa là rú
Tiếng nó lâu nay như khản em à
Thương nó nhỉ - nó gầy - lông xấu quá
Nó thiếu ăn - Hay là giết đi ư?
Nó đồ khổ - Cả em đồ khổ.
Em thương nó - Ừ thôi chuyện đó
Nhưng hôm nay anh mới nghĩ ra
Anh đã biến thành người định kiến
Những ngày ấy bao nhiêu thương xót
*Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa trên mầu cờ đỏ*
Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc
Tai bỗng nghe những tiếng thì thầm
Tiếng người nói xen tiếng người âm ả.
- Chúng phá hiệp thương
Liệu có hiệp thương?
- Liệu có tuyển cử?
- Liệu tổng hay chẳng tổng?
- Liệu đúng kỳ? hay chậm vài năm?

Những câu hỏi đi giữa đời lỏng lỏng
Ôi! Xưa nay Người vẫn thiếu tin Người
Người vẫn thường kinh hoàng trước Tương lai
Người quên mất Mỹ là sư tử giấy.
Người vẫn vội - Người chưa kiên nhẫn mấy
Gan người ta chưa phải đúng công nông
Người chưa có dạ lim trí sắt
Người mở to đôi mắt mà trông!
A tiếng kèn vang quân đội anh hùng
Biển súng
rừng lê
bạt ngàn con mắt
Quân ta đi tập trận về qua
Bóng cờ bay đỏ phố đỏ nhà...
Lá cờ ấy là cờ bách thắng
Đoàn quân kia muôn trận chẳng sờn gan
Bao tháng năm đói rét nhọc nhằn
Từ đất dấy lên
là quân vô sản
Mỗi bước đi lại một bước trường thành
Thắng được Chiến tranh
Giữ được Hoà bình
Giặc cũ chết - lại lo giặc mới
Đoàn quân ấy kẻ thù sợ hãi
Chưa bao giờ làm mất bụng dân yêu
Dân ta ơi! Chiếm nghiệm đã nhiều
Ai có Lý? Và ai có Lực?
Tôi biết rõ đoàn quân sung sức ấy
Biết nhân dân

Biết Tổ quốc Việt Nam này
Những con người từ ức triệu năm nay
Không biết nhục
Không biết thua
Không biết sợ
Hôm nay cả nước chỉ có một lời hò:
THỐNG NHẤT!
Chúng ta tin khẩu hiệu ta đòi
- Giả miễn Nam
Tôi ngửa mặt lên trời
Kêu một tiếng - bỗng mầu trời rơi xuống
Vài ba tia máu đỏ rớt vào tôi
Dân ta ơi!
Những tiếng ta hò
Có sức đâm trời chảy máu
Không địch nào cưỡng nổi ý ta
Hiền hậu lắm - Nhưng mà đi cả quyết...
Hôm nay
Những vần thơ tôi viết
Đã giống lưỡi lê: đâm
Giống viên đạn: xé
Giống bão mưa: gào
Giống tình yêu: thăm
Tôi thường tin ở cuộc đấu tranh đây
Cả nước đã bầu tôi toàn phiếu
Tôi là người vô địch của lòng tin.
Sao bỗng đêm nay
tôi cúi mặt trước đèn?
Gian nhà vắng - chuột đêm nó rúc.

Biết bao nhiêu lo lắng hiện hình ra.
Hừ! Chúng nó đã biến thành tảng đá
chặn đường ta!
Em ơi thế ra
Người tin tưởng nhất như anh
vẫn có phút giây ngò vục
Ai có lý? Và ai có lực?
Ai người tin? Ai kẻ ngã lòng tin?
Em ơi
Cuộc đấu tranh đây
cả nước
cả hoàn cầu
Cả mỗi người đêm ngủ vẫn lo âu
Có lẫn máu, có xót thương lao lực
Anh gạch xóa tranh thơ hằn nét mực
Bỗng mặt anh nhìn thấy! Lạ lòng thay!
Tảng đá chặn đường này!
Muôn triệu con người
muôn triệu bàn tay
Bật cả máu ảy đã lặn xuống vục!
Anh đã nghĩ: Không có con đường nào khác
Đem ngã lòng ra
mà thống nhất Bắc Nam ư?
Không không!
Đem sức gân ra!
Em ơi em!
Cái này đỏ lắm, gọi là TIM
Anh cho cuộc đấu tranh giành THỐNG NHẤT.
(Bài thơ này lúc đầu lấy nhan đề là “Bài thơ thống

nhất” và chỉ có đến đây là hết. Hoàng Cầm khuyên Trần Dần nên làm thêm một đoạn nữa để “giữ vững lập trường” mới có thể xuất bản được. Vì vậy nên mới có đoạn văn sau này và bài thơ cũng đổi nhan đề là “Nhất định thắng”).

Hôm nay Trời đã thôi mưa thôi gió
Nắng lên đỏ phố đỏ nhà
Đỏ mọi buồng tim lá phổi
Em ơi đếm thử bao nhiêu ngày mưa!
Bây giờ
Em khuôn đỏ đặc ra phôi
Em nhớ đừng quên
Em khuôn tất cả tim gan chúng mình phôi nắng
hết
Em nhìn cao tít trời xanh
Dưới phố bao nhiêu cờ đỏ!
Hôm nay em đã có việc làm
Lương ít - Sống còn khó khăn
Cũng là may...
Chính phủ muôn lo nghìn lắng
Thực có tài đuổi bão xua mưa, không thì còn khổ
Em treo cờ đỏ đầu nhà
Lá cờ trù ma
Xua được bóng đen chúng nó!
Những vết thương kháng chiến đỏ lôm
Đã mím miệng, lên da lên thịt
Tội bỗng nhói ở nơi lồng ngực
Em ơi
Chúng đốt phố Ga-li-ê-ni

và nhiều phố khác
Anh đã sống ở Sài Gòn thuở trước
Cảnh miền Nam thành một góc tim anh
Chúng đốt tận đâu
mà lửa xém tim mình
Tim nó bị đen thui một nửa
Từ dạo ấy
mà em chẳng rõ.
- Em hãy đỡ cho anh khỏi ngã Đứng đây
Một lúc!
Cờ bay
đỏ phố
đỏ nhà
Màu cờ kia là thang thuốc chữa cho anh
Ai thắng ai thua?
Ai có lý? Và ai có lực?
Em ơi
Hôm nay
trời xanh
xanh đục
Nắng lên
đỏ phố
đỏ cờ
Cuồn cuộn mít tinh
Những ngày thương xót đã lùi xa
Hoà bình thêm vững
Anh bước đi đã thấy phố thấy nhà
Không thấy mưa sa
Chỉ thấy nắng lên trên màu cờ đỏ.

Ta ở phố Sinh Từ
Em này
Hôm nay đóng cửa
Cả nhà ra phố mít tinh
Vung cờ đỏ hát hò
vỡ phổi.
Hồi những người
thành phố thôn quê
Đói no lạnh rách
Người đang vui
Người sống đang buồn
Tất cả!
Ra đường !
Đi!
Hàng đoàn
hàng đoàn
Đòi lấy tương lai:
HOÀ BÌNH
THỐNG NHẤT
ĐỘC LẬP
DÂN CHỦ
Đó là tim
là máu đời mình
Là cơm áo! Là ái tình
Nhất định thắng!

(Trích *Giai phẩm mùa Xuân* 1956)

Hãy đi mãi

Lời soạn giả: Ngụ ý của tác giả trong bài này là kêu gọi những người yêu chuộng tự do hãy tranh đấu đến cùng, bất chấp mọi sự đe dọa.

Khi trái đất còn đeo bom
trước ngực
thắt lưng
còn lựu đạn, bao xe;
Khi bạo lực còn khua môi
mồm mồm xỉ,
khẩu đại bác mỗi đừ
vẫn sủa;
Khi bóng tối
còn đau như máy chém
những lời ca đứt cổ
bị bêu đầu
Lũ đao phủ tập trung
hình cụ
mặt trời lên
phải mọc giữa rừng gươm;
Khi thế kỷ còn rung chuông lừa bịp
Những canh gà
báo trượt rặng đông.
Con rắn lưỡi cắn người như cắn ngoé;
Khi xe tăng
chứa đi cấy đi cày,
như
một lũ tội nhân cần cải tạo;
Khi

con thò lò ngày đêm hai mắt đói meo,
còn quay tít
trên kiếp người hạ giá;
Những khi ấy
sẵn sàng
nổi giận,
loài người
còn tổ chức nhau đi.
Hãy đi mãi như người
cộng sản
có thể mọi mọi điều
không mới: tấn công!
Phải làm lại chúng ta, tất cả -
không tha,
để đừng có một ai lần lừa,
khi nào
chân lý gọi tên đi.
Hãy đi mãi! -
dù mưa bão nát mặt
Sương rơi, hơn đạn xua
đau đầu.
Dù bốn mùa
nhưng nhúc nằng mưa
mùa bão tuyết thế chân
mùa gió độc.
Hãy đi mãi! -
dù mưa đông phục kích
hay
lửa hè đánh trộm sau lưng

Dù những đêm
buồn như sa mạc hoang vu
Đoàn du mục tủi thân
vùi bãi cát.

Dù
những ngày, mũi kiếm heo may
đi hành hạ
những tâm tư trần trọc
Hãy đi mãi! –
Dù trên biển cả
sóng như người vật vã
khắp đại dương.
Dù những con tàu
bồng nhớ bến bình yên.
còi rúc mãi những tiếng kêu rùng rợn
Hãy đi mãi! –

Dù khi cần thiết
người ta cần đói khát
vượt bình sa.
Ta bỗng có thể nhìn lâu
hơn cả lạc đà
đi
đến tận những kinh thành no ấm.

Hãy đi mãi! –
Dù có phen chót ngã
Hãy bó đôi chân lấm lờ
mà đi.

Hãy tin chắc
rồi ta

xứng đáng
một vòng hoa đỏ nhất
phủ quan tài
Tôi chưa có khi nào quên táo bạo
chưa khi nào quên hát
quên đau.
Tôi yêu đất mẹ đây –
có cỏ hoa làm chứng
Tôi yêu chủ nghĩa này
cờ đỏ cài cho tôi.
Nhưng
chẳng thể rúc kèn củ rích,
vác loa mồm kêu:
“Hiện tại rất thiên đường!”
Không!
Thiên đường chúng ta
là nối đuôi nhau
vô tận triệu Thiên đường.
Đi mãi
chẳng bao giờ thoả.
Tôi có thể mắc nhiều tội lỗi,
chẳng bao giờ quá ngu đi
mắc tội: nằm ì
Hàn rỉ
khác gì cái chết?
Chết con tim chẳng còn dám
đau thương.
Chết khối óc
chẳng còn dám nghĩ!

Nếu

tôi chưa đến ngày thở huyết
phổi tôi còn xâu xé mãi
lời thơ.

Tôi có thể mặc thây
ngàn tiếng chửi tục tằn
trừ tiếng chửi: -

“Sống không sáng tạo!”

Nếu tôi bị gió sương
đầu độc,
một hôm nào ngã xuống
giữa đường đi
tôi sẽ ngã
như người lính trận
hai bàn tay chết cứng
vẫn ôm cò.

Nếu văng nhật
thui tôi làm bụi,
nắng oan khiến đốt lại
làm tro.

Bụi tôi sẽ
cùng tro –
vẫn sống
vẫn chia nhau gió bắc
xẻ mưa phùn.

Nếu di văng dè trên lưng
hiện tại
nặng nề
hàng tạ đắng cay,

tôi sẽ nổ tung
ngàn kho đạn tiếng kêu
tan xác pháo
mọi cái gì cũ rích,
Nếu
hàm răng chuột nhắt của gia đình
gặm nhấm
cả tình yêu cùng dự định
tôi sẽ biến thân tôi thành
thép nguội
làm thất bại
mọi thứ rửa đã quen rửa người
tròn trặn quá hòn bi.
Ở trong tôi
nếu còn sức mạnh gì
chính là sức những ai
nghèo khổ nhất.
những ai
lao lực nhất –
địa cầu ta.
Tôi vẫn nâng chiếc đầu lâu
nặng nề sáng tạo
như
nâng một viễn vọng đài
trên cuộc sống hàng ngày
nhí nhách
Tôi vẫn cháy
ngọn hải đăng con mắt
ở trong biển sống

từng đêm.
Tôi vẫn đóng những câu thơ
như người thợ
đóng tàu,
chờ khách
đi về phía trước,
nói
loài người –
đã biết sống chung nhau.
Nói
tất cả -
chẳng còn ai bận tiện,
chẳng còn lo
cơm áo
nợ nần
(Trích báo *Văn* số 28, xuất bản ngày 15-11-1957)

*

PHÙNG QUÁN

Phùng Quán, năm nay 25 tuổi, là một thanh niên nghèo. Trước đi bộ đội, sau được giới thiệu về trường Dự bị Đại học để học thêm. Về Hà Nội anh lại tiếp tục công tác văn nghệ trong quân đội.

Anh viết văn theo lối hiện thực xã hội và được coi là Triệu Tử Long trong nhóm đối lập. Những bài thơ của anh được dư luận gọi là những “bom nguyên tử”.

Chúng tôi trích đăng bài “Chống tham ô lãng phí” đăng trong *Giai phẩm mùa Thu*, tháng 10- 1956 và bài “Lời mẹ dặn” đăng trong *tờ Văn*, tháng 9-1957.

Anh không đòi hỏi gì khác hơn là quét sạch những rác rưởi trong xã hội và yêu cầu các nhà văn phải trung thành với tâm hồn của mình: “Yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét”. Anh bị khủng bố chỉ vì dám nói như vậy. Phùng Quán bị lôi đi chỉnh huấn và phải viết bài thú tội. Trong bản này nhà thơ trẻ tuổi thú nhận rằng sau khi nhóm Nhân văn-Giai phẩm bị giải tán thì suốt ngày chỉ chơi với một con bú dừ. Các bạn hỏi tại sao thích nuôi bú dừ, Phùng Quán trả lời: “Chơi với người chán lắm rồi, thành phải chơi với bú dừ”.

Một chế độ đã đào luyện cho thanh niên một tâm trạng nhu vậy đủ làm cho chúng ta suy nghĩ về chân giá trị của chế độ đó vậy.

Thơ cái chửi - Chống tham ô lãng phí

Ta đã đi qua

Những xóm làng chiến tranh vừa chấm dứt:

Tôi đã gặp

Những bà mẹ già quần giẻ rách

Da đen như củi cháy giữa rừng

Kéo dây thép gai tay máu chảy ròng

Bởi đồn giặc trồng ngô tia lúa.

Tôi đã gặp

Những cô gái trồng bông

Hai mươi? Ba mươi?

Tôi không nhìn ra nữa.

Mồ hôi sôi trên lưng

Mặt trời như mỏ hàn xì lửa
Đốt đôi vai cháy hồng.

Tôi đã đi qua
Nhiều xóm làng vùng Kiến An Hồng Quảng.
Nước biển dâng lên ướp muối các cánh đồng
Hai mùa lúa không có một bông.
Phân người toàn vỏ khoai tím đỏ.

Tôi đã gặp
Những đứa em còm côi
Lên năm lên sáu tuổi đầu.
Cơm thòm thềm độn cám với rau
Mới tháng ba đã ngong mong đến Tết
Để được ăn cơm no có thịt
Một bữa một ngày...

Tôi đã đi
Giữa Hà Nội những đêm mưa lất phất
Đường mùa đông nước nhon tựa dao găm

Tôi đã gặp
Chị em công nhân đổ thùng
Yếm rách chân trần
Quần xắn quá gối
Run lấy bẫy chui vào hầm xia tối
Vác những thùng phân
Ta thuê một vạ một thùng
Có người không dám vác

Các chị suốt đêm quần quật
Sáng ngày vừa đủ nuôi con.

Một triệu bài thơ không nói hết nhọc nhằn
Của quần chúng anh hùng lao động
Đang buộc bụng thắt lưng để sống
Để xây dựng kiến thiết nước nhà
Để yêu thương nuôi nấng chúng ta.

Vi lẽ đó
Tôi quyết tâm rời bỏ
Những vườn thơ đầy bướm đầy hoa
Những vãn thơ xanh đỏ sáng loà
Nhu trang giấy kim
Dán lên quân trang
Đắm mồ hôi và máu tươi của cách mạng
Nhu công nhân
Tôi muốn đúc thơ thành đạn
Bắn vào tim những kẻ làm càn
Những con người tiêu máu của dân
Nhu tiêu giấy bạc giả!
Các đồng chí ơi!
Tôi không nói quá
Về Nam Định mà xem.
Đài xem lễ họ cao hứng dựng lên
Nửa chùng thiếu tiền bỏ dở.
Muoi một triệu đồng dầm mưa dãi gió
Mồ hôi máu đỏ mố rêu.

Những con chó sói lãnh phí quan liêu
Nhe răng cắn rút thịt da cách mạng!

Nghe gió mùa đông thâu đêm suốt sáng
Nhớ “đài xem lễ” tôi xót bao nhiêu
Đất nước chúng ta không đếm hết người nghèo
Đêm nay thiếu cơm thiếu áo.
Những tên quan liêu Đảng đã phê bình trên báo
Và bao nhiêu tên chưa ai biết ai hay
Lớn, bé, nhỏ, to, cao, thấp, béo, gầy
Khắp mặt đất
Nhu ruỗi nhặng
Ở đâu cũng có!
Đảng muốn phê bình tất cả
Phải một nghìn số báo Nhân dân!

Tôi đã đến thăm nhiều hố xí cầu tiêu
Giấy trắng nửa mặt, xé toang chùi đít
Những người này không bao giờ họ biết
Ở làng quê con cái nhân dân ta
Rọc lá chuối non đóng vở học i-tò!

Tôi đã đến dự những phiên toà
Họp suốt ngày luận bàn xử tội
Những con chuột mặc áo quần bộ đội
Đục cơm khoét áo chúng ta
Ăn cắp máu dân đổi chác đồng hồ
Kim phút kim giờ lép gầy như bụng đói
Những mẹ già, em trai, chị gái

Còng lung, rò máu lẩn vành đai!

Trung ương Đảng ơi!

Lũ chuột mặt người chưa hết

Đảng lập đội quân trừ diệt

- Có tôi!

đi trong hàng ngũ tiên phong.

(Trích *Giai phẩm mùa Thu* tập II 1956)

*

Lời mẹ dặn

Tôi mồ côi cha năm hai tuổi

Mẹ tôi thương con không lấy chồng

Trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải

Nuôi tôi đến ngày lớn khôn.

Hai mươi năm qua tôi vẫn nhớ

Ngày ấy tôi mới lên năm

Có lần tôi nói dối mẹ

Hôm sau tưởng phải ăn đòn.

Nhưng không, mẹ tôi chỉ buồn

Ôm tôi hôn lên mái tóc

- Con ơi -

trước khi nhắm mắt

Cha con dặn con suốt đời

Phải làm một người chân thật.

Mẹ ơi, chân thật là gì?

Mẹ tôi hôn lên đôi mắt

Con ơi một người chân thật
Thấy vui muốn cười cứ cười
Thấy buồn muốn khóc là khóc.
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét.
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu.

Từ đấy người lớn hỏi tôi:
- Bé ơi, Bé yêu ai nhất?
Nhớ lời mẹ tôi trả lời:
- Bé yêu những người chân thật.
Người lớn nhìn tôi không tin
Cho tôi là con vẹt nhỏ
Nhưng không! Những lời dặn đó
In vào trí óc của tôi
Nhu trang giấy trắng tuyệt vời
In lên vết son đỏ chói
Năm nay tôi hai mươi lăm tuổi
Đứa bé mồ côi thành nhà văn
Nhưng lời mẹ dặn thuở lên năm
Vẫn nguyên vẹn màu son chói đỏ.
Người làm xiếc đi dây rất khó
Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật.
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét

*Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu.*
Tôi muốn làm nhà văn chân thật
chân thật trọn đời
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xò tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.
(Trích báo Văn số 21 ra ngày 27-9-1957)

*

TẠ HỮU THIÊN

Tạ Hữu Thiên là một sinh viên mới lớn lên trong kháng chiến. Vì được rèn luyện dưới chế độ mới nên anh viết theo lối hiện thực xã hội.

Trong bài “Tôi tìm Em” mà chúng tôi trích theo đây, tác giả ta thán về nỗi đau tìm không ra vợ. Điều kiện đưa ra thì rất chi là dễ dàng, tác giả chỉ cần gặp một tâm hồn “biết ghét và biết yêu”, thế mà tìm khắp ở các tầng lớp trong xã hội miền Bắc đều không thấy.

Tác giả không nói tại sao, nhưng người đọc có thể hiểu rằng nền giáo dục cộng sản đã làm khô cạn tâm hồn con người, nhất là tâm hồn của phụ nữ.

Những người ở ngoài vòng thường ít nhận thấy tầm quan trọng của vấn đề, nhưng thực tình, đối với người con trai chưa vợ hiện nay ở Bắc Việt thì đó là

một tình trạng vô cùng bi đát. Một xã hội loài người mà không còn tình yêu, chỉ còn xác thịt là một viễn ảnh rùng rợn. Viễn ảnh này đã được một nhà văn Anh, Georges Orwell, trình bày trong cuốn 1984 và một nhà văn Mỹ mà chúng tôi quên tên trình bày trong cuốn Body Snatcher. Đề tài này đã được đóng thành phim và chiếu tại Sài Gòn.

Tôi tìm Em

*Có phải Em là người không bao giờ tôi gặp
Mới là người tôi ấp ủ trong tim?*

Ai lớn lên không từng yêu đương A
i biết yêu không từng hò hẹn
Việc ấy lẽ thường.

Tôi đã từng yêu, từng chán nản
Không bao giờ thấy nguội con tim
Không bao giờ thoả mãn
Khát khao Em, tôi vẫn gắng công tìm.
Có phải Em là người không bao giờ tôi gặp
Mới là người tôi ấp ủ trong tim?

Nửa đời người tôi đã đi khắp cả
Kiếm tìm Em, sao chưa thấy Em đâu?
Em yêu dấu, sao mà xa lạ
Đến bao giờ thoả ước hẹn hò nhau?

- Hồi cô bạn gương tròn bỏ túi

Quần sỏi áo nâu
Tháng năm dài vất vả
Cuộc bầm cày sâu.

- Hồi cô bạn công trường nhộn nhịp
Góp đôi tay, đôi vai
Vào chương trình kiến thiết
Nằm mộng thấy ngày mai

- Hồi các cô đẩy xe, gánh vãi
Quét rác, đổ thùng,
Lao động mang đầy nhựa sống
Nở ngực, thon lưng

- Hồi cô bạn quầy hàng, tủ kính
Thoắt mua về lại thoắt bán đi
Cuộc sống là trăm ngàn con tính
Kệ đời lắm chuyện thị phi

- Hồi cô bạn ngồi trong công thự
Ngày ngày chép chép ghi ghi
Sôi nổi như đả máy chữ
Rộn ràng giấy má đến, đi.

- Hồi cô bạn văn công nhảy múa
Dưới ánh đèn lộng lẫy ánh tiên
Mất biếc môi tình chan chứa
Đòi như không có ưu phiền

- Hồi cô bạn sinh viên trường đại học
Đã cùng tôi luận luận bàn bàn
Kiến thức hai ta dù góp lại
So với đời chỉ độ tác gang.

- Hồi tất cả các cô bạn gái
Tôi đã biết hay là tôi chưa quen
Tôi chả bị cái gì làm lạc hướng
Nhằm áo hồng, phụ áo vá vai
Cũng bất chấp lối luận bàn sống sướng
Khen chê tóc ngắn, tóc dài

Tôi thấy: đã là con gái
Vào tuổi dậy thì
Cô nào trông cũng đẹp
Mỗi người một vẻ kém chi.

Tôi đắm đuối nhìn đầu môi khoé mắt,
Nét ngực đường lưng
Hàm răng mái tóc
Mộng đời những tưởng đắp chăn chung.
Thực thà tôi chẳng biết
Cân nhắc thành phần,
Cũng chẳng đại làm điều vô ích
Xem cỗi nguồn có vện mười phân.

Tôi cũng chẳng đo tài gạn đức
Ra điều kén cá chọn canh
Vì tình yêu đời đời đâu có phải
Là bốn bài trừ cộng chia nhân.

Trong các bạn có chẳng người yêu dấu
Mà bấy lâu tôi vẫn gắng công tìm?
Đó chính là người tôi chưa gặp
Mới là người tôi ấp ủ trong tim.

Trên tất cả thành phần lý lịch
Trên cao sang, trên sắc đẹp diễm kiều
Em, trọn cuộc đời tôi kiếm gặp
Chỉ là người biết ghét, biết yêu.

(Trích báo *Trăm hoa* ngày 6-1-1957)

*

BÙI QUANG ĐOÀI

Bùi Quang Đoài là một sinh viên nghèo theo học trường Nguyễn Thượng Hiền ở Khu Ba, sau về trường Dự bị Đại học ở Thanh Hoá, rồi khi Việt cộng tiếp thu Hà Nội anh học trường Văn khoa Đại học.

Anh lãnh đạo phong trào sinh viên chống Đảng, làm chủ bút tờ Đất mới là cơ quan tranh đấu của sinh viên. Tờ Đất mới chỉ ra được một số thì bị bóp chết. Sau vụ đó thì anh bị đuổi khỏi trường. Số phận hiện nay ra sao chúng tôi không rõ.

Bài “Lịch sử một câu chuyện tình” của anh đăng trong tờ Đất mới mà chúng tôi trích sau đây, tả không khí sinh hoạt trong khu học xá ở Hà Nội và kể lại một vụ cán bộ Đảng dùng uy quyền chính trị chiếm đoạt tình yêu của một nữ sinh viên tiểu tư sản người Hà Nội. Câu chuyện có thực, và đã làm sôi nổi dư luận trong giới sinh viên đại học.

*

Lịch sử một câu chuyện tình

Em hãy đếm những vì sao trên trời được bao nhiêu thì anh yêu em còn hơn thế nữa...

Nếu có thể và chỉ có thể thôi.

Đường trăng mà không sáng! Bóng mây đã che mờ hẳn trăng đêm. Ánh đèn trong những gian phòng khu học xá chiếu hắt ra như những vì sao thứ tự. Tân bước vội lên thềm. Một anh bạn sinh viên ngồi đó nhìn theo dáng anh một nhọc.

Kém 15 phút nữa là đúng 10 giờ đêm. Bây giờ phải họp tổ hội tự kiểm thảo. Mà kiểm thảo cái gì, đêm nào cũng một luận điệu “Tôi thấy trong ngày hôm nay...”

Qua phòng họp lớn, Tân lấy tay kéo xệch chiếc ghế dựa đi một quãng. Tiếng ồn làm mấy người bạn đang chúm mũi học bài nhìn lên. Có cái nhìn của Bằng qua đôi kính trắng gọng nạm vàng. Mắt Tân bắt gặp mắt Bằng trong thoáng chốc. Và Tân càng thấy bức mình thêm vì cứ bị mãi đôi mắt kính vô lý kia ám ảnh. Một thằng người hay một... thế thôi! Cần gì nói hết ý nghĩ của mình trong khoảnh chốc. Tân lấy đàn violon ra kéo chơi một bài cho lòng khuấy khỏa. Âm thanh của bản đàn “Thais” réo rắt và dồn dập làm rối bời thêm tâm trí anh.

“Ê, Tân đi họp tổ chứ ‘ôm’ đàn mãi à!”

Tân cười nhẹ và ngoan ngoãn như em bé bỏ cây đàn vào hộp. Bước đi vẫn nặng nề, do dự. Tiếng đàn còn văng bèn tai anh. Họp! Có gì? - Phê bình và

kiểm thảo, kiểm thảo và phê bình. Mười phút qua và tối mai đúng 10 giờ kém 15 lại cứ thế. Tàn lên dây đồng hồ cho tiếng máy chạy đều sống đến 10 giờ đêm mai. Không biết con người có như vậy không, nhưng cứ kéo dài như vậy thì quả thật là mệt mỏi quá rồi! Bao giờ sẽ được lau dầu?

Một hồi keng vang lên. Mười giờ đúng. Ánh điện đồng loạt ở các gian phòng khu học xá tắt phụt. Có vài cái trẻ nài cố sống thêm vài phút. Mười giờ và đi ngủ. Nội quy của khu học xá là như vậy và không một ai có thể thức lâu, trừ “trường hợp” đặc biệt nào đó. Tàn mân mê hộp đàn violon trong đêm tối. Anh muốn kéo thêm một bản đàn và thực tình anh cũng chưa buồn ngủ.

Nhưng đêm tối của toàn gian phòng bắt anh phải tôn trọng một giấc ngủ chung của tập thể. Tiếng đàn như iân còn vẳng lên kéo anh về một kỷ niệm. Anh nghĩ đến một người ở năm thứ nhất ban Sử:

Trang sách mở rồi

Một tờ thư nho nhỏ

Thương anh muôn vạn thuở

Gửi chùm hoa lý phần anh...

Tự nhiên anh nhớ lại mấy câu thơ đó của người bạn và mong cho nỗi lòng mình có một sự cảm thông. Câu chuyện gặp gỡ anh không thể quên được...

Đôi mắt của An và thân hình của An. Màu áo tím hoa cà trong nắng vàng của buổi chiều hè làm Tân có cái cảm tưởng Tân đang bước trên một đài mây. Gió thoảng bay về vờn qua nếp lụa mỏng. Một cái gì

lời cuốn cả tâm hồn Tân, anh trù mẩn nhìn người bạn gái sinh viên chưa quen thuộc đó. An đang vui cười trò chuyện với mấy người bạn gái khác, không chú ý đến một chàng trai si tình của năm thứ ba văn khoa. Ai lại yêu quá vội vàng như thế nhỉ! Nhưng nói sao được tuổi thanh niên và nói sao được cái rung động buổi đầu trước một người đẹp. Tân nhìn An trong nắng vàng của chiều hè, nhịp máu chảy vươn lên. Tự nhiên An cũng nhìn hướng về phía Tân. Và An nhìn hướng như vậy luôn mấy lần. Đôi mắt Tân và đôi mắt An đã gặp nhau trong một cuộc hẹn hò không ước hẹn.

Yêu! Tân thấy cuộc đời như rộn hân lên và cái gì cũng hoa là hoa, ánh sáng là ánh sáng. Yêu đời đẹp quá đi thôi và đưa người thanh niên đến một lạc quan say đắm: “Em ơi! Em hãy đếm những vì sao trên trời được bao nhiêu thì anh yêu em còn hơn thế nữa...”

Chiều đó Tân đã gặp lại An. Lần này anh không dám nhìn thẳng vào mắt An nữa. Anh muốn nói một câu mở đầu nhưng lòng anh bối rối. Anh đang lúng túng tìm một ý nghĩ gì thật là văn hoa để mong diễn đạt nỗi lòng thâm kín của mình một cách xa xôi bóng bẩy thì Hạnh đến. Hạnh là người bạn gái khá tốt và tế nhị trong vấn đề tình cảm. Hơn nữa Hạnh là người đã đứng tuổi, có con rồi. Tân đã có lần tâm sự với Hạnh về cảm tình của mình đối với An, nên bây giờ trong một sự tình cờ hai người đứng gần nhau trước hiên nhà, Hạnh đã nắm được sự bối rối của Tân. Hạnh nói như sự nhớ một điều gì:

“À, anh Tân đây rồi! Chị An mượn tôi cuốn *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng nhưng anh lại mượn mất rồi. Thôi hai người điều đình với nhau vậy. Tân hơi ngạc nhiên vì anh không định mượn cuốn *Số đỏ* của Hạnh bao giờ. Nhưng thoáng cái, anh hiểu ngay ý nghĩa câu nói, anh nhìn thẳng vào mắt An hỏi:

“Chị An bên Sứ mà cũng thích đọc sách bên Văn cơ à? Thế mà tôi cứ tưởng...”

“Tưởng gì nào?”

Hạnh cười ngắt ngang câu nói làm Tân hơi lúng túng.

An cũng vậy, nàng đã bắt gặp rất nhiều lần Tân nhìn nàng, nên hôm nay nàng cũng không giữ được vẻ tự nhiên thường ngày. Nàng hỏi lại: “Thế anh tưởng bên Sứ thì không thể và không dám hiểu một ý sâu của câu văn hay sao? Anh quên rằng các anh bên Văn là rất cần Sứ để có thể phân tích tình trạng xã hội qua tác phẩm văn học đó nhé!”

Hạnh cười:

“Vâng rất cần Sứ...”

Câu chuyện đang vui thì Bằng đến. Bằng nhìn Tân rồi nhìn An qua đôi kính trắng gọng nạm vàng nói như cố ý pha trò nhưng quá nước ốc:

“Chứ cái chi chi đây mà tụ họp vui quá nhỉ.”

Tân muốn bỏ đi ngay. Anh nói hất hàm:

“À, một chuyện đời!”

Bằng lại giữ đúng thái độ “Đào kép mới” của Nguyễn Công Hoan, cười lố bịch:

“Chà, chú quan trọng vậy ư? Nhưng chuyện đời gì mà chỉ có ba người, tôi tham gia có được không?”

An vô tình nói với Bằng:

“Sao lại chuyện đời? Em hỏi mượn chị Hạnh cuốn *Số đỏ* đó thôi.” Tân nhún vai:

“Thì *Số đỏ* cũng là chuyện đời, chuyện đời của thằng Xuân biết lừa đời, sống trong một hình thức giả tạo để mà lên đến ghế gọi là ‘anh hùng’!”

Tân nói xong cười tinh nghịch nhìn vào đôi mắt kính của Bằng. Anh thấy Bằng đã đến, tất nhiên nước có thể đục. Mà anh, cuộc đời trước mắt anh đang cần những cái gì trong mát, tươi thắm hơn, nên anh trở về phòng.

Lát sau anh đưa cuốn *Số đỏ* cho An. Hai người cùng nói chuyện với nhau nhiều hơn trong cuộc đời sinh viên, giữa người ở vùng tự do, kháng chiến trở về thủ đô và người thủ đô cũ. Tân kể lại những ngày vất vả ở cầu Kè, Thanh Hoá, đêm ngồi nghe giáo sư giảng bài bên ngọn đèn dầu lù mờ và cả cuộc đời gò bó, khuôn khổ. Ngoài thì tàu bay của giặc thường đi khủng bố, trong thì cả một sự hạn chế... Anh không muốn nói hết những tình cảm và tư tưởng của mình trong những ngày đã qua. Anh muốn tìm hiểu hơn ở người bạn gái Hà Nội có mái tóc quăn này. Anh đã hỏi An là sao An đã vào Sư phạm mà chịu ở ký túc xá. Qua những câu nói của An, anh hiểu tâm trạng của một người thanh niên học sinh Hà Nội hơn, những phút sống lao đao của họ trong bàn tay địch và cuộc đời như không có tương lai. Tất cả xung quanh đều là những bước đường có thể sa ngã, bàn tay của truy lặc, của đen tối luôn tìm lời kéo mọi người thanh

niên mới lớn lên. Cho nên trên cái bơ vơ đó của cuộc đời, phải chăng người thanh niên của thủ đô Hà Nội cũ đã hướng về vùng tự do kháng chiến. An cũng đã sống trong cái tâm trạng đó nên lúc hoà bình được lập lại, nàng như thấy rõ cuộc đời mình đang bắt đầu đi vào con đường giải phóng mới rộng rãi và tươi sáng hơn. Trên ý nghĩ đó, An thấy mình chưa phục vụ cho nhân dân, cho đất nước được một cái gì rõ rệt, hơn nữa trong nhu cầu cần thiết của nhân dân, nàng quả quyết theo ngành sư phạm. Mặc dầu Trâm, bạn nàng, hôm thi đỗ được vào trường Đại học Sư phạm Văn khoa đã nói đùa: “Thế này thật là mới vững lập trường!”, nhưng An không khe khắt với bạn. Nàng cho ý nghĩ ấy cũng có thể được chứ có sao đâu: lập trường của mình là dứt khoát đứng về phía nhân dân lao động và phục vụ cho nhân dân lao động cơ mà! Học sư phạm ra đi dạy là ý nghĩa cụ thể nhất của một người thanh niên.

An đã nói với Tân là An mến những chị bạn ở vùng tự do kháng chiến mới về. An muốn gần họ và mong hiểu được nhiều hơn cuộc sống của con người kháng chiến mà nàng không là một con số trong đó. Tân hỏi đùa An:

“Nhưng sao người ở Hà Nội mới được giải phóng lại cứ hay gọi vùng tự do kháng chiến là ‘hậu phương’?”

An không trả lời. Qua câu chuyện của Tân, nàng thấy Tân là một thanh niên rất thành thật. Nàng mến Tân hơn và có thể tin ở người bạn trai có một tâm hồn nghệ sĩ này An nhớ lại những bản đàn mà

Tân thường chơi vào lúc 10 giờ đêm trước giờ kiểm thảo. Tiếng đàn những lúc đó bao giờ cũng vội vàng, hấp tấp. Tân kéo bản đàn này qua bản đàn khác như người đang cố tìm hương lấy một phút sống vui trước giờ hấp hối (và không biết 10 giờ nội quy đi ngủ của khu học xá có phải cũng đúng là giờ hấp hối hay không). Tiếng đàn buổi sáng bao giờ An cũng thấy thoải mái, thánh thoát hơn. Tiếng đàn lắng sâu vào tâm sự con người trong buổi bình minh rực rỡ, đọng trên mí mắt người ta như châu ngọc, ban cho tuổi thanh niên một hứa hẹn của ngày mai. An rất thích nghe tiếng đàn bình minh của Tân. Một sáng đầy nắng mới, Tân lại đi kéo bài “Khúc ca ban chiều”, “Sérénata” - làm An và các bạn khác, vẫn thích nghe đàn của Tân, bật cười:

“Ông tướng quên cả ngày rồi!”

Nếu chỉ thế thôi!

Tân đã ghi vào trang đầu của cuốn nhật ký: “Em ơi! Em hãy đếm những vì sao trên trời được bao nhiêu thì anh yêu em còn hơn thế nữa”.

Tình yêu đã bắt đầu chớm nở giữa hai người. Tiếng đàn của Tân vui hơn, nhộn nhịp hơn. Anh không ăn bận bình thường như trước nữa. Anh chải hất mớ tóc lên theo làn sóng uốn và thỉnh thoảng anh lại thắt cả “cravate”. Mọi người đều thấy ở Tân có một sự thay đổi và ai cũng biết câu chuyện giữa Tân và An.

Bước đầu đang được tìm hiểu xây dựng thì một hôm người ta thấy Bằng đang bàn chuyện trong

buồng riêng với hai nữ sinh viên, Chi và Phụng. Nét mặt của Bằng rất quan trọng và qua đôi kính trắng gọng nạm vàng của Bằng người ta lại càng có thể đoán cái quan trọng của câu chuyện hơn. Không ai hiểu chuyện gì đã hay đang xảy ra. Người ta - nghĩa là anh em sinh viên - đều biết Bằng là bí thư chi bộ Đảng của tổ chức sinh viên. Một lát Chi ở phòng riêng ra, còn Phụng ở lại với Bằng. Cửa đóng kín mít trong gian phòng của hai người, một trai và một gái. Người ta không có quyền tò mò vì đó là Bằng “đảng viên” đang giải quyết” công việc.

Đến chiều An vội từ trên gác xuống tìm đến phòng riêng nơi Bằng làm việc. Mặt nàng hơi tái.

Bằng hỏi nàng:

“Chắc Chi và Phụng đã nói chuyện với chị rồi phải không? Chị có cảm tình với Tân? À, cái ấy chị có quyền tự do luyện ái...”

An thấy thái độ của Bằng quá trắng trợn, toan “thắc mắc” nhưng nàng vội nhớ ngay đến địa vị và chức vụ của Bằng. Nàng lo sợ ngồi yên lặng cúi đầu xuống, tay cuộn tròn mẫu giấy nhỏ. Tự nhiên nàng thấy mình như đang phạm vào một tội gì đó trong “nội quy” tình yêu ở khu học xá.

Nàng đang phân vân thì Bằng lại nói:

“Chị đã tìm hiểu gì nhiều về anh Tân chưa? Cứ nói thật thì anh chị em người ta giúp ý kiến cho chứ ngại gì mà vụng trộm. Ở đây chúng ta có đủ mọi quyền, trong đó có quyền yêu cơ mà.”

Rồi Bằng cười độ lượng tiếp:

“Cái khuyết điểm của chị là sao lại không hỏi ý kiến tôi hay tập thể. Tất cả sinh viên của ta ở đây có một việc gì, dù là việc tâm tình kín đáo mấy mà lại không hỏi qua ý kiến tôi. Nhưng may là có mấy chị ấy báo cáo cho tôi rõ, nên tôi mới gọi chị đến đây để giúp đỡ thêm ý kiến về hạnh phúc lứa đôi. Chắc chị cũng biết những tiêu chuẩn luyện ái quan chứ gì? Tôi không nhắc lại hết, chỉ nêu lại với chị một điểm của tiêu chuẩn luyện ái là vấn đề tư tưởng. Vâng, vấn đề tư tưởng là chính yếu: giá trị của con người ta là qua vấn đề tư tưởng đó. Mà Tân thì chắc chị đã hiểu, Tân chưa phải là thanh niên Cứu quốc, riêng chị là cảm tình của Đoàn.”

Sự việc xảy ra quay cuồng trước mắt An. Chiều hôm đó nàng bỏ không ăn cơm, cáo ốm xin nghỉ học tối. Trước kia nàng là một người hồn nhiên, nhìn mộng đẹp của đời như bông hoa buổi sáng mở cánh đón ánh nắng bình minh. Nàng rất tin ở chế độ Dân chủ Cộng hoà và con đường tiến lên của nó. Nàng rất tin con người trong chế độ đó và chưa một lần hoài nghi. Người ta có thể hoài nghi với cuộc đời, với cả tình yêu. Nhưng riêng An nàng nghĩ người đời cũng có thể có những tình cảm như mình. Nay trang giấy trắng của tuổi lòng đang bắt đầu lật qua một mặt khác, nàng đã yêu Tân. Tình yêu của nàng đang vừa độ chớm nở. Nàng có thể tha thứ cho Tân những điều mà Tân đã lầm lỗi trong tình cảm trước kia. Đó là một chuyện rất có thể mà thôi, tuy chưa thú thực nổi lòng của mình với Tân, nhưng nàng có thể tin Tân.

Đôi mắt của Bằng qua đôi kính trắng gọng nạm vàng như đã nhìn rất sâu vào tâm tư An. Nàng không thể quên được những cái tiêu chuẩn - không biết có vô lý không - mà Bằng đã nêu ra: vấn đề tư tưởng. Mà tư tưởng tức là lập trường chính trị rồi. Thế nhưng anh Tân đã chiến đấu ở bộ đội về, đã ở kháng chiến cơ mà! An lại càng phân vân. Cuộc đời quả thật là vô cùng phức tạp.

Tại sao Tân không phải là Thanh niên Cứu quốc? Tại sao Tân đã chiến đấu cho Cách mạng nhiều như vậy, 6, 7 năm ở bộ đội - mà lại không là một đảng viên cộng sản? Tại sao? Nếu quả ý nghĩa câu nói của Bằng thì có thể là Tân thiếu lập trường cách mạng, tư tưởng kém. Do đó suy rộng ra không biết có nên chụp mũ không - là tư cách đạo đức kém. Mà nếu là quần chúng thì đó là một sự dĩ nhiên. Ý nghĩ dồn dập trong tâm trí An. Nàng thấy ở trường học cũng có cơ quan đoàn thể của chính phủ, những người lãnh đạo đều là đảng viên cộng sản cả. An rút ra một kết luận đơn giản: đảng viên cộng sản người nào cũng tốt hết vì họ có lập trường tư tưởng vững, còn quần chúng mặc dù anh ở thành phần nào, năng lực công tác cao đến đâu nếu anh chưa là đảng viên cộng sản thì ý thức lập trường của anh đều kém. Như vậy, nếu đưa vấn đề tự do luyện ái ra trong đó có tiêu chuẩn tư tưởng - sao lại tiêu chuẩn? - qua ý của Bằng là *con gái nên lấy chồng đảng viên cộng sản* vì họ có lập trường tư tưởng. Thật là rủi ro cho ai lấy phải những người chồng quần chúng như Tân hay sao? Nhưng

hiện nay một số đảng viên cộng sản đã phủ nhận vai trò của quần chúng, không tin ở quần chúng (cơ quan tổ chức nào họ cũng nắm toàn quyền lãnh đạo và đảng bộ quyết định tuyệt đối), họ khinh thường quần chúng. Vì vậy An đã nghi ngờ ngay cả khả năng của bản thân mình.

An càng thấy bản khoăn hơn trong ý nghĩ, mấy ngày luôn nàng tránh không muốn gặp Tân, nàng sợ cái nhìn của Tân, sợ cả tiếng đàn của Tân. Tiếng đàn trước kia quen thuộc, thân ái như lời tâm sự, bây giờ đối với nàng như tiếng than nẫu ruột.

Chính nó đã xé cả lòng nàng. Nàng thấy như tiếng đàn cũng mất lập trường, thiếu căn bản tư tưởng. Ủ, giá cũng bản đàn đó, nếu là một người đảng viên cộng sản kéo thì có phải vững lập trường biết bao. An cho mình nghĩ như vậy là máy móc, nhưng chính lòng nàng qua buổi nói chuyện với Bằng, nàng không biết cái gì là đúng, cái gì là sai nữa. Nàng đang đứng trước một ngã ba đường mà chân lý đối với nàng còn quá mơ hồ. Người bí thư chi bộ cộng sản ở trường đã đưa nàng vào con đường sương mù của một buổi sáng Luân Đôn.

Không yêu có được không? An để tay lên tim mình nghe rõ tiếng đáp dồn dập. Nàng yêu Tân, yêu nhưng chưa qua một lần hứa hẹn. Như thế cũng hay? Chi bằng ta gấp cuộc đời lại, ta chờ đợi một cái rủi may. Mấy lần An đến gặp Bằng, nói rõ nỗi khổ của lòng mình. Bằng đã thương hại nàng, lấy tư cách là một người anh, tư cách một người cán bộ lãnh đạo

đi sát quần chúng, an ủi nàng. Nàng rất cảm động vì lòng tốt của Bằng. Có lần Bằng đã để tay lên vai nàng, vuốt nhẹ tóc nàng, khuyên nàng không nên đau khổ. Thời gian sẽ trôi qua và kỷ niệm kia cũng sẽ dần dần nhạt phai. Nàng thấy Bằng luôn sẵn sàng đến nàng cũng như các người bạn gái khác của nàng.

Trong toàn trường sư phạm văn khoa, không một người nào thắc mắc cái gì là không phải qua tay Bằng giải quyết. Bằng đã giúp đỡ cho nhiều chị nhìn rõ đời tư của người bạn trai si tình nào đó và như vậy chị mới có thể dứt khoát cắt đứt dây tình cảm đang định giăng buộc hai người.

May có Bằng, nếu không thì biết bao nhiêu là chị sẽ vô tình yêu lầm phải những chàng sinh viên quân chúng thiếu tiêu chuẩn tư tưởng trong vấn đề luyện ái quan.

Thật tình An đã cảm ơn Bằng, người cán bộ trung kiên đã giúp cho nàng một con đường thoát. Nàng thấy Bằng thật quả xứng đáng là một sinh viên gương mẫu của trường đại học, gương mẫu cả trong cách thức giải quyết tình cảm.

Từ đó An nhìn Tân bằng con mắt khác, cố tránh xa Tân. Tuy nhiên, nhiều khi ngồi suy nghĩ một mình, An tự hỏi lòng mình đã dứt khoát hẳn với câu chuyện của đời mình hay chưa. Cái kỷ niệm trong mối tình đầu tiên chưa hợp đã tan kia, làm sao nàng có thể quên được.

Có vài mẩu chuyện tung ra trong dư luận sinh

viên năm thứ ba làm An ngạc nhiên. An đã biết thời gian vừa qua Tân rất đau khổ. Tiếng đàn bình minh thường lệ càng như tha thiết hơn, lo lắng hơn. An rất khó chịu về tiếng thì thầm cho rằng Tân hay diện: “Trong lúc An là người Hà Nội muốn trút bỏ cái áo Hà Nội để đi xuống thì Tân lại tìm khoác cái áo ấy vào”. Tại sao người ta lại quá nghiêm khắc với ngay cả cách thức ăn mặc? Thế chiến đấu để làm gì, cứ sống thật với lòng mình có hơn không?

Một hôm An được Bằng gọi xuống có chuyện riêng. Thoáng thấy bóng Tân ở phòng Bằng ra, nàng đã đoán được phần nào câu chuyện. Cái làm nàng ngạc nhiên nhất là Tân lại đi cầu cạnh Bằng mong giúp đỡ trong vấn đề tình cảm. Nàng chắc Tân không bao giờ có thể làm một việc cầu cạnh như thế. Nhưng biết đâu, trong đau khổ của con tim, người ta có thể đi thử một nước cờ. Nhưng nước cờ đó của Tân, chính Bằng là người dàn quân tính nước và An cũng đã chỉ là một quân cờ. Nước cờ của Tân qua tiêu chuẩn tư tưởng trong vấn đề luyện ái của Bằng đã thất bại. An từ chối Tân.

Và nếu cũng chỉ có thể thôi!

Câu chuyện chưa phải là bỏ dở. Ngày qua rất chóng. An không đọc lại những trang nhật ký đã ghi; An cũng không tìm trở lại một kỷ niệm. Nàng sống hồn nhiên như một ngày nào...

Có lần đi sau Chi và Phụng, hai người đang bàn về tình yêu, An đã thoáng nghe: ... “Nữ-sinh Hà Nội dễ chinh phục như chơi... Anh ấy quan niệm rằng

người ta có thể yêu một lần bốn cô...” An lao đao cả tâm hồn. Anh ấy là ai? Chắc hẳn phải là một anh cán bộ nào đó gần gũi với mấy cô nữ sinh viên. Nhưng tại sao người ta lại có một quan niệm lạ đời như vậy? Họ khinh thường người con gái Hà Nội quá đi: họ đã quan niệm nữ sinh Hà Nội như một người đàn bà dễ dãi trong tình yêu. Và một lần bốn cô. Rõ ràng đó là ý nghĩ của một tư tưởng bệnh hoạn, lưu manh.

An nghĩ đến Tân, so sánh giữa Tân với một số cán bộ sinh viên lãnh đạo. Tân sống với tình cảm của mình quá nhiều, nhưng Tân chưa bao giờ lừa dối ai. Phải sống thật với lòng, sống thật với con người chân chính... Trong đời còn bao nhiêu là rom rác, bao nhiêu là sâu bọ, làm sao mà biết được cái chân chính của một con người. Bằng đã giải thích và xây dựng cho nàng rất nhiều trong cuộc sống chung đụng giữa sinh viên. Những cô bạn của nàng cũng đã có cái hân hạnh đó và tất cả coi Bằng như một người anh. Bằng có đủ mọi quyền, kể cả quyền về tình cảm. Nhưng với quyền hành, Bằng có xứng đáng với lòng tin của quần chúng không? Qua câu chuyện giữa Chi và Phụng, An bắt đầu đặt một câu hỏi. Nàng biết Phụng rất được Bằng chú ý và thường hay bàn bạc riêng với nhau. Có hôm Bằng và Phụng ở trong buồng riêng thì thậm đến quá nửa đêm, mà nội quy nhà trường thì 10 giờ đúng là đi ngủ. Đó là một “trường hợp” đặc biệt và không ai có thể tò mò về Bằng trong khi anh ta đang “giải quyết vấn đề” gì đó cần thiết cho một cô sinh viên.

Bằng gần Phụng nhiều cũng đúng, vì chính Phụng đang thắc mắc nhiều về chồng con. Bằng vuốt tóc Phụng, xoa dịu lên vai Phụng cũng là đúng vậy thôi. Phụng cần được an ủi và Bằng là một người anh, đồng thời là cán bộ lãnh đạo. Có hôm chính mắt An đã thấy Bằng đùa nghịch với Phụng trước mấy người bạn gái khác. Bằng đã tha thiết muốn xin cái huy hiệu Tiệp Khắc trên ngực Phụng. Phụng không cho và như thế là có cuộc giằng co “vui vẻ” cái huy hiệu trên ngực Phụng. An thấy khó chịu vì ngực của một người con gái, dù là bạn trai thân đến đâu cũng không nên đùa quá trớn như vậy. Nhưng Bằng là cán bộ lãnh đạo thì hành động ấy phải chăng Bằng có thẩm quyền? Cũng như Bằng đã thắc mắc trước mọi người là Duyên có mang. Lúc ấy Duyên đang yêu Thái. Thế là do thắc mắc của Bằng phát sinh ra một dư luận. Người ta nhìn Duyên bằng con mắt hay hay, chờ đợi một cái gì sẽ đổi ở con người. Thế nhưng mấy tháng qua và năm học hết, Duyên vẫn thấy là Duyên lành mạnh, không “to” như ý nghĩ thắc mắc của Bằng.

An càng nghĩ sâu về sự săn sóc của Bằng càng thấy khó chịu. Bằng dễ dãi và quá thân mật, với chị em. Thường ngày Bằng chỉ gần nữ mà xa nam. Hành động như trên đối với Phụng và Duyên, An không hoàn toàn đồng ý. Hơn nữa như câu chuyện giữa cô Chung và anh Bảo. Hai người đã yêu nhau bốn năm gần cưới, bỗng dưng Chung tuyên bố cắt đứt với Bảo. Chung bảo Chung không yêu Bảo nhưng

Chung lại mới yêu Duy là một người học cùng lớp, ngồi chung bàn. Đây cũng không thể trình bày qua vấn đề tình cảm mà cũng chỉ là trong tiêu chuẩn lập trường: Duy là đảng viên và Bảo chỉ là quần chúng. Chung có một sinh mệnh chính trị làm bậc thang cho đời mình nên tìm yêu Duy. Bằng đã giải quyết cho hai người cắt đứt nhau, đồng thời có kiểm thảo Duy. Việc xảy ra, An cho là vô lý. Cách giải quyết của Bằng, dung thứ cho Duy phá tình yêu của bạn, thừa nhận sự phản bội tình cảm của Chung và quy kết khuyết điểm về Bảo, cho Bảo là không biết duy trì tình yêu. Bảo đã đau khổ, Chung thì tự đắc về sai lầm mù quáng của mình như một kẻ thắng thế, còn Duy thì lại tỏ thái độ dửng dưng: “Chuyện tôi với Chung sở dĩ xảy ra vì tôi sống gần một người đàn bà. Tôi lại chưa có vợ... À đàn bà!”. Đó là quan niệm luyện ái của một cán bộ lãnh đạo hay sao?

Hình ảnh Bằng với đôi kính trắng gọng nạm vàng và hình ảnh Duy với một mắt to, mắt nhỏ luôn ám ảnh An. Đó là hai người trong những người lãnh đạo. Tại sao những sự việc xảy ra vô lý như vậy mà hai người lại quan niệm một cách quá giản dị, cái chân chính của con người là thế hay sao? Nàng nhớ lại câu nói của Tân đã trả lời Bằng về cuốn Số đỏ: “Thì Số đỏ cũng là một chuyện đời, chuyện đời của một thằng Xuân biết lựa đời sống trong một hình thức giả tạo để mà lên đến ghế gọi là anh hùng”.

Thì đây ngoài cái giả tạo đó, còn có cái giả tạo lừa lọc, phá hoại trắng trợn tình cảm của con người ta nữa.

An đau khổ từ trong tận cùng tâm hồn. Nàng nghĩ đến Tân, Tân không thể có những cái tình cảm bệnh hoạn như vậy. Tân không che giấu tình cảm của mình và qua tiếng đàn của Tân người ta cũng có thể thấu rõ tiếng nói của con tim Tân. Tiêu chuẩn tư tưởng hay tiêu chuẩn tình cảm trong tình yêu? Cuộc sống như bị đóng khung, uốn theo cái nhìn của một số người lãnh đạo. Họ - như hạng Bằng - không còn có trái tim biết xúc cảm nữa. Họ sống theo một hình thức giả tạo, một đạo đức lừa dối, trong đó họ có thể đề cao địa vị đảng viên của họ lên, đồng thời là đề cao cá nhân họ. Họ muốn quần chúng tôn sùng họ; họ là một ông thần nhỏ trong phạm vi hoạt động.

Trong số những người đảng viên ít ỏi giữa quần chúng đông đảo, ai là người chân chính, ai là người đau xót cho da thịt của mình có những phần rữa nát?

Không! An vẫn tin, lòng tin vô cùng mãnh liệt ở sự lãnh đạo của Đảng Lao động, Đảng đã đưa nàng đến ánh sáng, với cuộc sống ý nghĩa - với con người. Nhưng An không thể chịu được một số đi sai lệch, sống tìm dựa vào một quyền uy. Mọi sự giải quyết tình cảm, phá hoại sức sống tuổi trẻ và bao việc đen tối, mập mờ khác của Bằng làm An thêm khó chịu. Nếu quần chúng mà sai lầm như vậy thì không biết sẽ được kiểm thảo, được thành kiến, được quy kết tội lỗi đến một thời vực nào...

An bị giày vò trong ý nghĩ. Nàng chưa thể nhìn thấy chân lý của một vấn đề khi lực lượng xã hội

đang ngày càng phát triển trong sức sống mới của dân tộc. Ngày qua, nàng mệt mỏi, choáng váng đầu óc như một người bị bệnh thần kinh. Nàng tự đấu tranh giữa lẽ phải và sai lầm. Nàng nghĩ hiện nay trong rất nhiều cơ quan hạng người như Bằng không phải là ít. Trong một giấc mơ, nàng thấy một người chiến sĩ tay cầm ngọn cờ hồng, mình đầm máu, nét mặt vô cùng đau khổ, nhưng cương quyết đang diu bước nàng đi. Đằng sau là đêm tối, và đằng trước là ánh sáng bình minh rực rỡ. Người chiến sĩ đó đã nhìn An âu yếm:

“Đằng kia là bình minh của ngày mai. Em tiến tới đi, can đảm mà tiến tới!”

Nàng cảm động gục vào tay người anh hùng đó của dân tộc và khóc nức lên...

Trong thoáng chốc, nàng có ý nghĩ là không thể có một hạng người như Bằng tồn tại trong cuộc sống của con người. Phải tẩy rửa đi, thanh toán đi. Tuổi trẻ và tình yêu không muốn và không thích có những bóng đen của lãnh đạo, quan liêu, bè phái, hẹp hòi bao trùm lên trên tình cảm của mình, làm cho người ta hiểu lầm nhau, chia rẽ nhau.

Tuổi trẻ và tình yêu không muốn và không thích có những hạng “Lý Thông”, có những hạng cây tầm gỏi sống bám vào cuộc sống đầy hoa mộng của mình.

An muốn sống thật với lòng mình, sống với nhịp sống của con tim, với chân lý cuộc đời và trái tim của con người chân chính.

An mong được gặp Tàn nói với Tàn rằng: “Em đã đếm những vì sao và em đã đếm mãi; đếm mãi qua tận cùng của vũ trụ nhưng có một lần em đã không tìm thấy anh!”

An đi dài trên đường cỏ rộng, tìm nhớ lại kỷ niệm thoáng qua. Nhưng... An bỗng lùi bước lại. Một bóng đen lù lù đi tới choán rộng cả không gian. Ai? An bàng hoàng như con mề loạn, không nhận rõ được bóng đen đó. Nàng chỉ thoáng thấy qua ánh đèn chiếu hắt ra vôi vữa, đôi mắt kính và gọng nạm vàng. Toàn thân nàng run lên lo lắng. Ý nghĩ trở về với Tàn chỉ còn mong manh như sợi tơ trời. Không! Đừng động mạnh bàn tay, hãy giữ cho sợi tơ kia bền chắc, hãy quấn nó, trộn nó với dòng máu của con tim.

An lao đảo đi trong đêm tối. Nàng không dám giữ lại hình ảnh Tàn vì bóng đen kia vẫn sừng sững. Nàng cố tìm cách xua đuổi nó đi...

An gục xuống một bên đường cỏ rộng, vẫn cái bóng đen với đôi kính gọng nạm vàng choán rộng cả không gian, choán rộng cả tâm hồn nàng.

Mây đen vẫn che mờ cả trăng đêm; và đường trăng mà không sáng...

Một cơn gió thổi về, xua tan những đám mây mờ ám. Ánh sáng xanh mát của trăng đêm lan dần trên cảnh vật mênh mông. Ánh sáng đó toả nhẹ trên da thịt An, thấm tận tâm hồn An, như đưa lại cho nàng sức sống. An vùng đứng lên hít mạnh khí trời ấm áp. Nàng nhìn theo ánh sáng của con đường nàng

đi tới. Cuộc sống phải chẳng vừa qua một cơn ác mộng, câu chuyện xảy ra đã là quá khứ?

An hát một bài ca của tuổi trẻ, tiếng hát hoà theo nhịp đập của con tim. Có tiếng cười nghịch phá của mấy cô bạn đang đùa tới:

“À, An đây rồi! Thế mà tìm mãi.” Mấy người xúm lại quanh An, ríu rít trong từng câu nói. Cuộc đời... nếu không có những bóng đen!

10/56

(Trích *Đất mới* số 1, 1956)

*

Chủ nghĩa nhân văn của ông Hoàng Xuân Nhị

Lời soạn giả: Sau khi báo Nhân văn ra được mấy số thì Đảng cử ông Hoàng Xuân Nhị, thạc sĩ triết học, viết bài công kích nhóm Nhân văn. Sau đây là bài của Bùi Quang Đoài trả lời ông Nhị. Từ khi ấy không thấy ông Nhị trả lời mà Đảng cũng lờ đi không trả lời những điều mà tác giả bài này đã nêu lên.

Trên báo *Nhân dân* ngày 16 và 17-10-56 có đăng bài “Chủ nghĩa nhân văn của chúng ta” của ông Hoàng Xuân Nhị.

Bài này trên căn bản cũng không khác gì những bài của các ông Nguyễn Chương, Xuân Trường, Quang Đạm cũng đăng trên báo *Nhân dân* và cùng nằm trong phạm trù những ý kiến là có ý đồ cho anh em Nhân văn và Giai phẩm là muốn tách rời văn nghệ khỏi chính trị, chịu ảnh hưởng của nhân văn tư sản, không chịu sự lãnh đạo của Đảng, nói xấu chế độ, v.v.

Sau đây là những ý kiến tôi đặt lại vấn đề với ông Hoàng Xuân Nhị. Trong nhận thức sai lầm của ông và ý kiến văn học của Lê-nin.

Trong bài “Tổ chức của Đảng và văn học của Đảng” mà ông Hoàng Xuân Nhị dịch là “*tổ chức của Đảng và văn học có Đảng tính*” của Lê-nin đã nêu lên hai vấn đề:

1. Vấn đề văn học của Đảng nghĩa là văn học tuyên truyền cho những nguyên lý tư tưởng và tổ chức của Đảng Bôn-sê-vik.

2. Vấn đề đảng tính trong sự sáng tác văn học, theo nghĩa rộng của nó. (Những ý kiến này chúng tôi dựa vào tập *Lê-nin và những vấn đề văn học Nga* của Boris Meilakh. Nhà xuất bản Xã hội 4- 4-56).

Sự phân biệt hai vấn đề này rất quan trọng, nếu không rất dễ đi đến những hành động máy móc, hẹp hòi, thô bạo.

Trong vấn đề văn học của Đảng, Lê-nin viết: “*Tất cả văn học của Đảng, dù là địa phương hay Trung ương phải phục tùng một cách vô điều kiện Hội nghị của Đảng và những tổ chức địa phương hay trung ương của Đảng. Sự tồn tại của một văn học của Đảng mà không liên hệ với Đảng theo tổ chức thì không thể dung nạp được.*” (Lê-nin toàn tập cuốn X, trang 144). Đó là thời kỳ trước cách mạng 1905-1907, Đảng Bôn-sê-vik tích cực hoạt động chống bọn Men và báo chí của chúng đang tuyên truyền xuyên tạc chủ nghĩa Mác-xít dưới danh nghĩa “mác-xít”. Ông Hoàng Xuân Nhị đã máy móc đưa thời gian lịch sử của thời kỳ trước

cách mạng 1905-1907 đem áp dụng vào hoàn cảnh xã hội ta hiện nay. Chính trong nguyên tắc căn bản đó, Lê-nin đã nhắc nhở các nhà văn của Đảng là *“Sự nghiệp văn học phải trở thành một bộ phận trong toàn bộ sự nghiệp của giai cấp vô sản, phải trở thành một bộ phận cấu tạo trong công tác của Đảng...”* Theo tinh thần nguyên tắc đó các nhà văn của Đảng, các nhà văn đảng viên, các nhà văn viết trên báo chí của Đảng, tuyệt đối phải *chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, của tổ chức của Đảng, không được nhân danh Đảng để tuyên truyền những quan điểm chống Đảng* (cuốn X, trang 31), và khi Lê-nin viết *“đả đảo những nhà văn học phi Đảng”* (mà ông Hoàng Xuân Nhị chú thích sai là *chống lại Đảng thời ấy*) chính là nhằm phản đối những nhà văn đảng viên chủ trương đứng trên tổ chức của Đảng, phản đối những nhà văn Men-sơ-vích tán thành sự công tác của nhà văn xã hội dân chủ với các tờ báo tư sản (lúc bấy giờ là giai cấp cầm quyền). Nó hoàn toàn không giống một chút nào với trường hợp của anh em *Nhân văn* và *Giai phẩm* đương đầu tranh đòi mở rộng tự do dân chủ chống những tệ lậu của lãnh đạo. Gán ghép như ông Hoàng Xuân Nhị tỏ ra rằng một là ông Nhị không tiêu hoá được tài liệu, hai là ông Nhị đã lợi dụng tài liệu một cách xuyên tạc. Nó không đúng với tinh thần trung thực của người trí thức.

Ông Nhị còn đề nghị:

“Bài của Lê-nin được viết ra cuối năm 1905 thời mà Đảng chưa lên nắm chính quyền. Đến lúc Đảng đã nắm

chính quyền rồi thì lẽ cố nhiên nguyên tắc Đảng lãnh đạo và tổ chức lãnh đạo chuyên môn lại càng chặt chẽ hơn nữa”.

Sáng tỏ và chặt chẽ hơn, đồng ý. Nhưng chặt chẽ như thế nào? Có phải chặt chẽ là văn học nhất cử nhất động phải tuân theo ý kiến của một phái, chặt chẽ là chuyên môn vâng theo những ý kiến về chuyên môn của một số lãnh đạo không am hiểu về chuyên môn không?

Danh từ *chặt chẽ* buông xuôi như thế, rất có thể dẫn đến những sai lầm tai hại.

Vấn đề thứ hai là vấn đề đảng tính trong văn học.

Lê-nin đã giải thích văn học có đảng tính như thế nào? Trong sự đấu tranh chống lại văn học tư sản địa vị chủ nghĩa, cá nhân chủ nghĩa, vô chính phủ v.v... “Lênin đã đề nghị sáng tạo ra một nền văn học xã hội chủ nghĩa, thực sự tự do và liên hệ công khai với văn học của giai cấp vô sản. Theo ý Lê-nin thì nền văn học đó phải thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Nó phải phục vụ cho hàng triệu triệu người lao động, những người con ưu tú, sức mạnh và tương lai của đất nước. Nền văn học đó phải là mối dây nối giữa kinh nghiệm quá khứ và cuộc đấu tranh hiện đại của giai cấp vô sản.” (B. Leilakh)

Văn học có đảng tính là như thế. Nó là một nền văn học “thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa, công khai bênh vực quyền lợi của nhân dân đứng trên lập trường của Đảng”. Cho nên văn học có đảng tính tuyệt đối không có nghĩa là văn học của những nhà văn trong tổ chức của Đảng. Càng tuyệt đối không

có nghĩa là bắt buộc tất cả mọi nhà văn phải vào tổ chức của Đảng. Một tấm thẻ đảng viên không thể bảo đảm được đảng tính của một tác phẩm văn học. Trái lại một tác phẩm văn học có đảng tính rất có thể là của một nhà văn đứng ngoài tổ chức của Đảng.

Ví dụ: Mai-a-cốp-ski, Lỗ Tấn, v.v.

Văn học có đảng tính nghĩa là văn học có lập trường đấu tranh rõ rệt trong “*ý nghĩa thống nhất và tự nguyện*” của những người sáng tác văn học xã hội chủ nghĩa. Như thế thì người sáng tác có đủ mọi quyền tự do của mình, tất nhiên cả quyền tự do tư tưởng, có quyền đi sâu vào từng sở thích riêng của mình. Lê-nin đã viết:

“Trong lãnh vực đó, tuyệt đối cần phải bảo đảm một sự tự do rộng lớn cho sáng kiến cá nhân, cho các khuynh hướng cá nhân, bảo đảm sự tự do tư tưởng và sức tưởng tượng, sự tự do về hình thức và về nội dung.” (Cuốn X trang 28)

Ta thấy ngay trước Lê nin đã có một quan niệm rộng rãi trong sự sáng tác văn học. Chính Lê-nin đã khiêm tốn trả lời Clara Zetkin khi hoạ sĩ này hỏi ý kiến Lê-nin về hoạ lập thể và vị lai:

“Tôi không biết nhiều về lãnh vực đó, nhưng tôi nghĩ rằng nếu những nhà nghệ sĩ trẻ tuổi biểu lộ nhiều cảm xúc của mình trước những xu hướng đó thì nó phải có một lý do hợp lý và người ta cần phải phân tích cái lý do đó theo quan điểm xã hội học.” (Les Lettres Françaises số 609)

Lê-nin đã không kết án phái hoạ đó và Lê-nin đã

đặt vấn đề cần phải phân tích nghiên cứu nội dung xã hội của nó...

Do sự không phân biệt nổi hai vấn đề văn học của Đảng và văn học có đảng tính trên, nên chỉ quan niệm về tự do tư tưởng ông Nhị cũng đã ngã vào những sai lầm nghiêm trọng:

Hoàng Xuân Nhị chứng minh rằng sở dĩ các nhà văn nghệ được tự do tư tưởng là nhờ Đảng. Ông đã đem ví dụ con chim bay trên bầu trời xanh để làm chân lý phổ biến muôn đời. Trong lịch sử tư tưởng của con người, người văn nghệ sĩ cũng như người khoa học, triết học qua bao chế độ khác nhau, dù bị giai cấp thống trị hành hạ, giết chết cũng không vì quyền uy mà huỷ bỏ ý kiến sáng tạo của mình: M. Servet và L. Vanini trên giàn củi lửa cũng không từ bỏ tư tưởng khoa học của mình; Cao Bá Quát đâu có vì lưỡi đao bạo lực của triều Nguyễn mà mất cái khí thế ngang tàng bất khuất của kẻ sĩ biết tự trọng.

Xuất phát từ lệch lạc đó, Hoàng Xuân Nhị cho rằng nhờ có Đảng mới có *tự do tư tưởng*. Như ý kiến tôi vừa trình bày, tôi hỏi lại ông Nhị là có Đảng rồi mới có quần chúng hay có quần chúng rồi mới có Đảng? Như thế thì rõ ràng là không phải có Đảng người văn nghệ sĩ mới có tự do tư tưởng mà ngay những thế kỷ trước cũng như thời kỳ trước cách mạng, mặc dầu thực dân đàn áp khủng bố, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan vẫn kiên quyết tự do tư tưởng, tố cáo “cái xã hội chó đũa” buộc tội giới cầm quyền bấy giờ. Lúc ấy họ ấy họ có là đảng viên đâu;

chỉ có là sáng tác phẩm của họ chịu ảnh hưởng ít nhiều của phong trào đấu tranh cách mạng mà thôi.

Như thế thì tự do tư tưởng không phải là một vấn đề do Đảng ban ơn cho quần chúng như ông Nhị đã lầm tưởng. Sở dĩ quần chúng văn nghệ sĩ mến Đảng, tin Đảng, thừa nhận sự lãnh đạo là vì Đảng là người lính tiên phong trong đội quân tự do tư tưởng đó, đã đấu tranh vì quyền lợi của nhân dân lao động cũng là mục đích của họ đấu tranh trong sáng tác văn học. Đảng tạo điều kiện tốt cho người ta tự do tư tưởng.

Trên đây, tôi đã trả lời ông Hoàng Xuân Nhị về một điểm lý luận chủ chốt trong bài của ông.

Tôi xin nói qua một số điểm khác. Để chứng tỏ những non yếu trong kiến thức của ông Nhị, và đề nghị ông nên khiêm tốn học hỏi hơn.

Dưới cái đầu đề rất to “Chủ nghĩa nhân văn của chúng ta”, dưới những đề mục có vẻ khoa học ông Nhị đã có những lập luận nông cạn và sơ đẳng.

Chẳng hạn trong mục “Quan điểm khoa học” ông viết: “Không sùng bái cá nhân vì bản thân mình quá sùng bái cá nhân mình thì không hay ho gì hơn và chắc cũng đã kém hay ho hơn là *sùng bái lãnh tụ*”.

Thật là lý luận buồn cười. Theo ông Nhị thì có lẽ khuyết điểm sùng bái cá nhân nặng nhẹ tùy theo cấp bậc, sùng bái cán bộ cao cấp thì hay ho hơn sùng bái cán bộ trung cấp v.v... Thật là phê bình bệnh sùng bái cá nhân mà bệnh sùng bái cá nhân nó lại thò ra ngay từ túi mình. Quan điểm ông đưa ra không khoa học như ông tưởng.

Đây là về khoa học. Bây giờ về nghệ thuật. Nói về chủ nghĩa lập thể và Picasso, ông Nhị viết: *“Trong khoảng 8 năm hoạ sĩ đã tiến nhiều... chúng ta không hoan nghênh phần lập thể hoặc đa đa chủ nghĩa nơi hoạ sĩ là đúng thôi”* (thật là oan cho Picasso vì Picasso có theo chủ nghĩa đa đa bao giờ đâu, có lẽ ông Nhị nên nghiên cứu thêm về văn học và nghệ thuật thế giới hồi đầu thế kỷ XX để nắm vững hơn) *“... Và phần tiến bộ của hoạ sĩ vượt khỏi hẳn chủ nghĩa đa đa, như con chim bồ câu hoà bình...”*

Chết thật! Nói về tác phẩm nghệ thuật của Picasso mà chỉ nhắc đến con chim bồ câu hoà bình thôi thì tai hại quá. Chúng ta không phủ nhận giá trị của con chim bồ câu, nhưng không biết ông Nhị có biết đến bức *Guernica* hồi chiến tranh Tây Ban Nha và bức *Chiến tranh và Hoà bình* hồi gần đây không? Nó vẫn lập thể đấy ông Nhị ạ! Mà hội hoạ thế giới vẫn công nhận nó, mà Aragon người phụ trách văn nghệ của Đảng Cộng sản Pháp vẫn ca ngợi nó.

Ông Nhị thường hay dẫn Lê-nin, sao ông Nhị không học Lê-nin về thái độ khiêm tốn, tôn trọng tự do sáng tác và nghệ thuật độc đáo, tôn trọng cá tính con người? Ông Nhị đã *vội vàng chê trách người ta là quá u nông nổi...*

Ông Nhị sa vào sai lầm đó cũng dễ hiểu. Bởi lập luận như Palisse thì nguyên nhân chính là vì Lê-nin là Lê nin và ông Hoàng Xuân Nhị mặc dầu luôn nhắc đến Lê-nin cũng vẫn chỉ là ông Hoàng Xuân Nhị.

Trong một bài báo ngắn tôi đã cố gắng trình bày

vài sai lầm hoặc vài thiếu sót của ông Nhị về mặt kiến thức. Tôi xin đề nghị với ông Nhị một điều mà ông Nhị đã từng đề nghị với anh em *Nhân văn* và *Giai phẩm*: cố gắng nghiên cứu, suy nghĩ để giữ cho được bản chất trung thực của người trí thức.

(Trích báo *Nhân văn* số 4 ngày 5-11-1956)

*

MINH HOÀNG

Minhhoàng tên thật là Vũ Tuyên Hoàng, năm nay mới 28 tuổi, là một sinh viên du học ở Tiệp Khắc về. Vì biết tiếng Tiệp Khắc nên anh được làm thông ngôn cho phái đoàn chuyên viện Tiệp Khắc ở Hà Nội.

Vì thường có dịp đi thăm các xưởng máy mới thành lập với các chuyên viên kỹ thuật Tiệp Khắc, nên anh có dịp quan sát tình hình sử dụng máy móc của ngoại quốc viện trợ. Anh viết bài “Đống máy” mà chúng tôi trích sau đây để tố cáo đời sống cơ cực của công nhân và thái độ quan liêu của giai cấp lãnh đạo.

*

Đống máy

Trưa nào cũng vậy, cứ lúc vầng thái dương còn đang gay gắt cúi gằm mặt phủ sức nóng xuống những chiếc hòm gỗ chồng chất ở trước cửa nhà máy, là y như rằng Thang, chỉ huy trưởng công trường xây dựng nhà máy, cũng đương ở đó, hai ngón tay gõ cốc cốc lên những nắp ván, thành gỗ, hoặc dán mắt

vào một khe hở, hoặc ghé mũi qua một lỗ hồng đèn ngòm, hai cánh mũi căng ra khịt khịt. Nắng quá. Nắng như dội lửa. Nắng cháy da cháy thịt.

Những chiếc hòm gỗ ngất ngưỡng bắt đầu rạn nứt.

Cứ cái đà này, những khe rạn nứt kia ngày một toang hoác mãi ra, nắng xuyên vào, những lớp sắt bắt đầu hoen rỉ, thế là đi đứt tất cả số máy. Mà đi đứt thật chứ chả chơi đâu! Đứng gió thế này chưa biết chừng mưa ập xuống lúc nào không biết, nước rỏ tong tong vào hòm, hơi ẩm tha hồ xông lên, luồn vào khắp các ngóc các ngách mà ra sức xoắn xuýt chòng ghẹo những khối sắt tròn trĩnh, sáng choang kia, thì có mà ăn cút cho giò! Đòi thuở nhà ai, vô duyên vô cớ cho khuôn âm âm một lô một lốc tinh những máy đất tiền về chất một đồng sù sụ giữa trời nắng chang chang thế kia, rồi phó thác cho Thang với hai bàn tay trắng hoàn toàn cai quản. Nói cho cùng thì đây cũng là một nhiệm vụ. Một nhiệm vụ hết sức khó khăn. Thang đã phải cúi rạp mình xuống để đỡ lấy cái nhiệm vụ nặng nề ấy lên vai, như mỗi lần cấp trên trao cho anh bất cứ một nhiệm vụ gì.

Công việc của Thang đang gặp nhiều khó khăn: cấp trên không chịu xuất tiền mua bạt che máy. Thang giục thì bảo là: “Nay mai khuôn máy vào nhà rồi, mua làm gì”. Đến lúc Thang hỏi: “Ai khuôn? Khuôn bằng cách nào?” thì chỉ ừ ừ ào ào: “Đến lúc đó hẵng hay”. Bực dọc, Thang trở nên cáu kỉnh, nét mặt sa xị. Về đến công trường, anh em hỏi, Thang chỉ văng ra một tiếng gọn lỏn: “Trên không cho”,

rồi lại cúi đầu trầm lặng. Bây giờ Thang đấm bôm bốp lên một cái nắp ván vênh, càu nhàu một mình: “Mẹ kiếp! Hôm đếch nào cũng hết réo điện thoại lại vác mặt đến, hết vác mặt đến lại réo điện thoại mà ông ấy cứ lơ đi. Khắc phục! Khắc phục cái mẽ gì! Cứ nắng, mưa, mưa, nắng ngập ngựa mải thế này, đến lúc máy móc mọc thành cút sắt cả, ngòi tơ mắt ếch một lũ với nhau, mới chạy đến đây mà khắc phục chắc? Là máu là thịt của nhân dân mà sao các “bố” ấy cứ nhớn nhơ như không, chả thấy xót xa là gì, chỉ lúc nào cũng “khắc phục... chịu đựng... thông cảm!” Khổ cái lỗ tai lắm rồi. Xin tiền mua bạt thì đòi co kỳ kèo từng nghìn bạc một, mà việc quái gì cũng thúc như trống vật ấy, bố thằng nào còn biết mở mắt vào đâu. Trăm dầu đổ đầu tằm. Làm thằng cán bộ thời này ai bảo dễ?

Thang miên man theo đuổi ý nghĩ của mình, mặc cho mồ hôi lã chã rơi xuống cổ, xuống ngực. Những ngày mới bắt tay xây dựng công trường, anh chị em công nhân ở đây chưa được cấp trên chăm sóc tới đây đủ, nên đời sống còn eo hẹp, lẻ tẻ, chui rúc; nhưng nào họ có biết cấp trên là ai, chỉ biết nọc Thang ra mà mổ xẻ. Có người phản ứng mạnh, đập bàn đập ghế nói toang toang: “Các anh coi mạng người không bằng cục sắt của các anh phỏng? Con trâu con bò ngủ còn có chuồng, ăn còn có máng, chứ chúng tôi bảy tám mạng người không có nổi miếng đất trong nhà, tối phải cấp chiếu ra ngủ ngoài hiên, ia cũng cấp dít ra bờ ruộng, cả tháng không hợp lẫn nào...”

Thế đấy phỏng?” Mười lăm cây số từ cơ quan đến công trường, chả ngày nào là Thang không chạy long tóc gáy, cứ đến cơ quan là y như rằng: “Đồng chí phải về đả thông cho anh em, nước nhà hiện còn gian khổ thiếu thốn nhiều... Phải khắc phục khó khăn! Phải... Phải... Đồng chí hiểu chưa? Khắc phục khó khăn! Khắc... phục... khó khăn...!” Rồi cứ về đến công trường là y như rằng: “Khắc phục cái chó gì. Tay róm máu đau bỏ mẹ đây, gắng chả có, cấp trên nào biết?” Những phút xốc nổi, có anh thợ trẻ không ghìm nổi bồng bột ghé sát tai bạn thì thầm: “Phải ‘cự’ một trận nên thân các bố ấy mới chịu để vào lỗ tai”. Kỳ thực, lần nào lên gặp ông Bảo, tổng công trình sư của công trường, Thang chẳng phản ánh cho nát nước ra đấy chứ. Rốt cục đầu vẫn vào đấy. Nhiều khi ông ấy còn xạc cho Thang một trận cẩn thận và rồi Thang lùi thui ra về. Những là “nhu nhược”, “dựa dẫm cấp trên”, “dốt”,... Một lần, hai lần, ba lần, Thang bắt đầu cảm thấy mình hơi khép nép trước khuôn mặt bầu bầu, hai má hơi xị xuống, đôi mắt ti hí và hai càng ria mép vênh cong luôn động đậy, nổi lên một vẻ lạnh lạnh, sắc sảo, hà khắc khác thường của người tổng công trình sư ấy. Đứng về danh nghĩa, ông Bảo là người được cơ quan giao phó trông nom toàn bộ công trình xây dựng nhà máy này, tức là người chỉ huy trực tiếp của Thang. Song Thang không hề nhận được một sự chỉ huy nào gọi là có, trái lại càng cảm thấy ngại ngại muốn xa lánh sự chỉ huy ấy.

Thang vẫn dấm bôm bóp lên cái nắp ván vênh, bên tai vẫn vẳng vẳng giọng nói hùng hồn và không kém phần trống trải của người tổng công trình sư ngồi ở văn phòng kia, trực tiếp chỉ huy Thang. “Phải khắc phục khó khăn chứ”. Nắp ván không suy suyễn. Thang ngẩng đầu lên gạt mồ hôi, Bỗng anh thấy từ đằng xa, một chiếc xe com-măng-ca bon bon lâm bụi xóc tới. Nhác trông Thang đã nhận ra ngay đó là xe của ông tổng công trình sư, có lẽ do linh tính báo cho biết trước.

Ông tổng công trình sư khoan thai bước xuống, niềm nở bắt tay Thang. Hai cẳng rìa mép vênh cong, động đậy.

“Hề hề, máy móc để những đâu, đồng chí?”

Không đợi Thang trả lời, ông ta đã chỉ tay vào đồng hồ gỗ kêu lên: “Đây à? Chết! Chết! Để thế này đây hơ? Chật chạp. Rỉ hết, rỉ hết mất!”

“Dạ thưa anh, tôi đã nhiều lần viết đơn xin tiền mua bạt để căng lều che, nhưng anh vẫn bảo là... chưa có. Mà nhà máy thì... chưa khô.”

“Phải kiếm cách chứ. Chật chạp. Sao không chuyển bớt vào những gian đã khô rồi? Sao không dời bớt nhà ngủ, dành ra một gian xếp bớt những hồ nhỏ kia vào? Chật chạp. Rỉ hết. Rỉ hết mất. Đồng chí loan báo anh em đến họp ngay nhé, ta bàn luôn vấn đề này một thể.”

“Vâng.”

Họ bắt đầu ngồi vào bàn họp. Gắn chục cánh tay nhao nhao vung qua đầu:

“Tôi có ý kiến!” “Ý kiến!”

“Ý kiến!”

“Tôi”

“Tôi xin phát biểu.”

Một anh thợ trẻ không đợi chủ tọa chỉ định, nói phăng phăng:

“Mình còn lẩn kẩn đợi cái quái gì nữa. Theo tôi, cứ là khuôn. Gì thì gì cũng phải khuôn. Không

có ô-tô thì có người. Thiếu người thì phải nặn đủ người mà khuôn. Nhất định khuôn.”

Một anh thợ trẻ khác nhóm dậy tiếp lời, mặt sần sùi trứng cá:

“Và nếu chưa tìm được con lẩn, ta có thể tạm dùng đôn bấy kia mà.”

“Máy móc đâu có phải cục sắt cục thép mà cứ một nắng hai sương mãi thế này, e sau này chỉ còn là một đồng sắt mùn đem đánh tà vẹt thôi!”

“Tôi hỏi, đồng chí chỉ huy có thể đứng phoir nắng suốt mười bốn hôm liền không? Huống hồ máy?”

“Đồng chí Thang lãnh đạo còn lơ mờ lắm. Tôi lấy thí dụ: Như hôm qua họp chuyên môn, anh em đề nghị xin thêm ba mươi dân công khuôn máy vào nhà, đồng chí Thang đọc bản rùn: ‘Không có phương tiện. Khiêng như thế xảy ra tai nạn chết người ai chịu trách nhiệm...’ khiến cho công việc cứ đọng lại mãi. Đồng chí khẳng khẳng không chịu khuôn, nói là sẽ xin bạt dậy lên nóc máy rồi chờ vài hôm nữa dọn đường cho ô-tô chuyển. Mười bốn hôm rồi, bạt ở đâu?”

Từ góc giường, một đôi mắt sáng tròn tròn dưới hàng mi rậm long lên, rọi thẳng vào mắt Thang, giọng nói như liên thanh rào rào nhả đạn:

“Tôi thấy là phải khâu. Khâu ngay chiều nay. Và tôi cũng xin nói toạc ra rằng: lãnh đạo như thế thì đồng chí Thang chưa đủ tư cách lãnh đạo chúng ta. Tôi xin hết.”

Mắt người thanh niên đỏ ngầu long lạnh. Câu nói ngắn gọn, đập bom bóp vào mặt Thang như những cái bạt tai vô hình. Từng mạch máu trong cơ thể Thang rung mãnh liệt. Vấp phải ánh mắt lăm lăm như tổ lửa của người thanh niên ấy, Thang vội lảng sang dò thái độ của ông tổng công trình sư. Ấc thay, râu mép ông càng vểnh cong như một dấu chấm hỏi khổng lồ trên vẻ mặt càng lạnh lùng hơn, nghiêm hơn, đáng sợ hơn. Những bàn tay khác lại đã vung lên không ngớt:

“Tôi thêm ý kiến.”

“Ý kiến đây...”

Những tiếng quát hần học bắt Thang phải giật mình. Sợ? Thang cũng chẳng biết tại sao mình lại sợ? Sợ cái gì? Có một thứ đáng sợ hơn cả là những tiếng quát hần học ấy hôm nay được lọt vào tai một người mang cái chức vụ mà Thang chỉ biết là cấp trên mình. Ông Bảo mà tai tái mặt thế kia là khéo lại có châu! Hình như hai tiếng “khắc phục... khắc phục” đã rình sẵn bên tai Thang, suốt đêm ngày ong ong, văng vẳng. Thang liếc càng râu mép một lần nữa.

“Trong việc này...”

Thang giật mình ngẩng đầu lên. À, thì ra bác thợ tiện phát biểu. Thang trấn tĩnh ngay. Bác là một người đỉnh đặc, đứng đắn, làm nhiều hơn nói, lại hiểu Thang, thường bào chữa cho Thang khi những anh em thợ trẻ hiểu lầm đàm cữ Thang. Tỷ dụ trong việc khuôn máy vào nhà máy chẳng hạn. Thang không dám để ba bốn mươi người xúm vào kích những hòm máy khổng lồ từ trên cao trượt xuống bằng ba tấm ván đặt dốc, vì sáu bảy năm kinh nghiệm khuôn vác trên bến Sáu Kho đã dạy anh: Làm thế không xuôi đâu, chết người như bõn đấy! Bác là người đầu tiên ủng hộ Thang. Thang hỏi hợp chờ sự ủng hộ của người thợ cả ấy.

“... Đồng chí Thang chỉ huy còn mơ hồ lắm. Đồng chí chuyên gia dẫn đi dẫn lại là phải xin bạt căng lều che ngay đi, kéo nằng này mục hết máy đấy. Thế mà đồng chí Thang rất chạy những chuyện đầu đầu. Cứ như tôi nghĩ thì ta nên thúc vào đít các ông giữ ‘kết’ ấy mới được. Người chỉ huy là người cầm còng, chúi mũi vào một việc là hỏng hết cả.”

Thang điếng người. Thật không ngờ bác thợ tiện cũng “trù” Thang đến như thế.

Ý kiến càng ngày càng chảy theo dòng liên miên dài vô tận. Người đến lượt nói thì lại nói một thời một hồi, thao thao bất tuyệt. Quanh đi quẩn lại chỉ những: “Đồng chí Thang lãnh đạo vụng về, thiếu cận, nhu nhược”, và cuối cùng là “Yêu cầu xét lại chỉ huy trưởng”. Rõ ràng là Thang không được số đông tin cậy nữa.

Thang gục đầu đau đớn, máu sôi lên trong tim, những âm thanh lao xao, ù ù, nhức nhối. Bao nhiêu tháng ngày cặm cùi làm việc, dốc hết sức lực ra để sự cặm cùi của mình đem lại nhiều cống hiến hơn nữa cho đất nước kiến thiết, bao nhiêu gian truân cực nhọc đã vượt qua, việc gì Thang cũng xông vào làm hăng hái không quản ngại. Việc gì người khác kêu khó bỏ dở là Thang lại nhặt lấy làm, làm say mê. Bây giờ chỉ còn lại đây, ong ong bên tai Thang, hai chữ “xét lại”.

Xét lại ban chỉ huy, xét lại chỉ huy trưởng, xét lại Thang. Có lẽ họ chưa hiểu Thang? Thang nghĩ: người cặm cùi không phải chỉ để phô trương rằng ta cặm cùi đây? Song, Thang vẫn khó hiểu, có khi nào người ta càng cặm cùi, thì quần chúng lại càng xa lánh người ấy không? Như Thang chẳng hạn. Thế mà chỉ trong việc xin bạt che máy, Thang đã mất hẳn uy tín trong quần chúng.

Thang thở dài. Đôi mắt thiếu ngủ lờ lờ, đỏ ngầu những tia máu. Hội nghị vẫn xôn xao. Những người chưa được nói vẫn nhăn mặt giơ tay xin phát biểu. Ông tổng công trình sư từ nãy đọc hý hoáy ghi ghi chép chép, thỉnh thoảng liếc sang ban chỉ huy một cái, lại cúi xuống trang sổ, lật đi lật lại tờ giấy, gạch gạch xóa xóa. Hai lỗ mũi không ngừng thả ra hai dòng khói trắng vắn vèo. Hai cằm râu mép đòi cụp xuống cum cụp như hai cái gọng ô. Một chàng thợ trẻ vui tính đã ghi vội hai cằm râu mép ấy trên mảnh giấy trắng. Mãi phát biểu quá anh đã bỏ quên

mảnh giấy ấy ở giữa bàn. Mấy cậu khác trông thấy tờ tranh bấm nhau cười khúc khích. Bấy giờ ông ta mới gãi gãi vầng trán hói, giọng khàn khàn chậm rãi:

“Đủ rồi đấy. Các đồng chí nói đến thế là đủ. Có phải không? Có nhiều ý kiến hay. Chúng tôi sẽ nghiên cứu. Việc xét lại ban chỉ huy cũng cần nghiên cứu thêm. Việc khuôn máy, theo đồng chí chuyên gia cho biết, máy của ta nguy ngập rồi đấy. Hề hề, ông bảo ‘máy mọc râu’ rồi. Tôi thấy là phải khuôn. Nhưng khuôn bằng cách nào? Một vấn đề. Ai khuôn? Hai vấn đề. Khuôn đi đâu? Ba vấn đề. Ban này có đồng chí hơi nóng nảy đòi thuê ngay ba bốn chục dân công, tưởng dễ dàng có thể xúm đông xúm đồ lại ghé vai vào nhấc bổng lên là đi? Không phải. Mà lại tốn kém nữa. Ta thử làm con tính nhằm xem trong hai ngày, mỗi ngày ba mươi dân công, phải chi hết bao nhiêu tiền?... Hơn bảy vạn.”

Ông tổng công trình sư lắc đầu. “Không. Chi bằng... theo tôi là dựa trên ý kiến của đồng chí chuyên gia bạn thì ta nên chuyển bằng ô-tô, nghĩa là phải dọn một khúc đường từ đồng máy đến cửa nhà máy. Già lắm là mất bốn công dọn đường với tám người bốc vác một buổi sáng là xong. Và lại máy để ngoài trời đã nửa tháng nay, chậm lại hai ngày cũng chưa thành vấn đề lắm. Như vậy ta không cần mua bạt căng lều che máy nữa. Các đồng chí thấy thế nào?

Một phút suy nghĩ. Cán bộ ngồi im phăng phắc. Mãi bác Ba thợ điện mới ưỡ oái cát tiếng: “Nhưng

mà nên xi măng ướt nhẹp, xếp vào đâu? Cứ cái thái độ khăng khăng không cho khuôn máy vào nhà của Ban Nhà cửa là tôi tức điên ruột.”

Ông tổng công trình sư tháo cặp kính trắng đặt xuống bàn gãi gãi vầng trán hói theo một thói quen.

“Không sao, không sao. Tôi hạ lệnh cho các anh cứ vác máy xếp vào những phòng đã khô đó.

Việc nhà nước cả, không cho là cái quái gì. Cứ khuôn đi. Có thể nào tôi chịu tất.”

“Thế thì được” “Được mê đi chứ lý.”

“Ta khuôn ngay chiều nay chứ đồng chí?”

Ông tổng công trình sư nghiêm nét mặt đổi giọng:

“Công trình xây dựng nhà máy của chúng ta đang gặp nhiều khó khăn trắc trở. Theo tôi và dựa trên ý kiến các đồng chí chuyên gia, thì lực lượng lãnh đạo của ta quả là non. Có thể nói chúng ta chưa biết lãnh đạo. Tôi cũng thế. Ban chỉ huy công trường bảo thủ dựa dẫm vào cấp trên. Chúng ta còn vấp, còn ý ạch, còn mệt nhiều. Song càng vấp, càng thất bại, ta càng phải tin vào mình, tin người lãnh đạo, tin Đảng. Cấp trên đề ra phương án tác nghiệp, thiết kế tiến độ thi công, để chúng ta dựa theo quy trình và đơn phái công làm đúng quy cách, chứ không phải để chúng ta ý vào thiết kế đó không chịu động nào. Có thể thôi. Các anh làm được không?”

Có những khuôn mặt đục ra như vệt nghe sấm. Những khuôn mặt sạm cháy chất phác cổ căng óc ra suy nghĩ về những cái chữ “quy trình, tiến độ thi

công” mơ hồ như lạc vào chốn nào xa lạ. Đáng lạ thay họ vẫn đồng thanh trả lời ông tổng công trình sư rằng:

“Làm được!”

Hai chữ “làm được” đặt phịch xuống óc Thang như một mồi lửa đốt bùng lớp không khí bị ép đến cao độ. Những câu hỏi theo nhau ủa ra trong óc Thang: “Ai làm? Làm từ đâu? Làm bằng cách nào?” Rồi Thang tự kết luận: không làm được! Thang nghĩ, ông Bảo chỉ được khoa bẻm mép. Nói như thánh tướng. Hơi tý là đồng chí bạn nói thế này, đồng chí bạn nói thế kia. Mai có réo điện thoại lên xin bạt lại “đồng chí thông cảm” cho mà xem. Trăm tội đổ cho nợ, lúc ấy làm thế nào? Giờ đầu chịu lỗi cả với cấp trên ư? Không. Nếu vậy thì hèn quá. Thang toan giờ tay phân trần những khó khăn cụ thể của công việc với cấp trên trước hội nghị, nhưng hình như cánh tay Thang nặng nề đến nỗi không nhấc lên nổi. Phải biết rằng bao nhiêu cái mũ “nhu nhược”, “hoài nghi lực lượng quần chúng”, “không biết lãnh đạo”, “dốt”, “dựa dẫm cấp trên”... lúc nào cũng lăm le chực úp xuống đầu Thang. Thang lúng túng. Hai lòng trắng mắt đỏ ngầu những tia máu đảo đi đảo lại, hót hải như tìm kiếm một cái gì. Hay là Thang muốn tìm đường chạy ra khỏi hội nghị? Không. Thang đã giao thẳng cánh tay:

“Tôi... tôi xin có ý... kiến”, Thang ấp úng. “Theo tôi, dọn con đường từ đồng máy vào kho ít ra cũng phải mười hôm. Trời lại sắp mưa... Và không thể

dùng hai bàn tay không lần ập những thùng tổ lô như thế xuống đất được đâu. Phải làm cái giá ba chân cất lên như cần trục cất nhíp cầu ấy mới đỡ nguy hiểm. Làm giá ba chân thì phải mất tám ngày. Trời lại sắp mưa.... Không! Không thể lần khăn nắn ná mãi...”

Từng câu từng câu nói như trút cho Thang thêm nghị lực. Giọng điệu càng trở nên cả quyết:

“Tôi yêu cầu giải quyết ngay vấn đề bạt. Bằng không, tôi xin trao lại hoàn toàn trách nhiệm về số máy này cho cấp trên. Tôi không thể hứa hão. Tôi không thể nhắm mắt làm những việc tôi không muốn làm.... Tôi yêu cầu... Tôi... hết!”

Mặt người chỉ huy trưởng đỏ gay, bùng bùng. Thang hình dung lại vẻ mặt đồng chí bạn không giữ nổi bình tĩnh khi đứng nhìn đồng máy rạn nứt dưới trời nắng chang chang, nói với Thang: “Nếu anh có một cái ra-đi-ô tốt, anh có cam tâm quảng nó ở một xó vườn kia không?” Và ông vỗ vai Thang: “Anh Thang ạ, máy của chúng mình còn tinh vi hơn cả những cái ra-đi-ô tinh vi ấy chứ?” Thang lạnh người. Thế mà bây giờ ông tổng công trình sư lại hạ lệnh: “Cứ để đấy dăm bảy hôm nữa!”

Buổi họp vẫn ồn ào.

Có tiếng động cơ rì rì xa xa, rõ dần, rồi tiếng còi toe toe thét lên ba tiếng. Một chiếc xe ô-tô bóng lộn chạy thẳng vào địa hạt công trường, dừng lại trước cửa nhà máy. Ông tổng công trình sư xin phép hội

nghe ra yết kiến các đồng chí chuyên gia về vấn đề này. Cái cặp da đen dày cộm cộm bây giờ lại dày thêm một mớ giấy ghi chép tình hình công trường trong suốt ba tháng vừa qua.

Ông sửa lại ngay ngắn chiếc mực kính cho hơi sệ xuống sống mũi, châm một điếu thuốc, gật gật đầu chào mọi người rồi ra đi.

Ba bốn đồng chí chuyên gia đứng nhìn đồng máy, chỉ trỏ cười nói líu lỏ. Thấy ông Bảo và Thang ra, họ niềm nở đi lại bắt tay, bập bẹ nói bằng tiếng Việt Nam. Một đồng chí vỗ vai ông Bảo, cố sức vận dụng tiếng Việt Nam, vừa nói vừa khua tay ra hiệu.

Không cần qua phiên dịch Thang cũng hiểu được ý nghĩa của câu nói. Vẫn những câu nói hôm nọ lại lạo xạo bên tai Thang: “Khuân chứ?”. Câu hỏi sao mà oái oăm. Những cái thùng tổ lô ấy ba bốn chục người xúm vào đã chắc khuân nổi. Vô phúc phải cái hòm đầu nặng đầu nhẹ, nó lộn tùng phèo một cái thì chẳng những vỡ máy mà còn đi đứt bảy tám nhân mạng như chơi. Nhưng vẫn không thấy ông tổng công trình sư nói lại hay bàn bạc gì cả. Ông chỉ gật đầu. Và rồi Thang, người chỉ huy công trường, vẫn cứ phải lãnh đạo một công việc mà theo ý Thang việc đó nhất định không thành. Thang lại thấy những làn gai ốc nổi dựng lên ở sau gáy, những thớ thịt run bắn lên, như sắp phải làm một công việc tội lỗi, và, đôi mắt như tung toé những đốm lửa nhảy nhót, vì tức giận. Thang ngửa cổ, xoáy mắt vào những khe hòm gỗ hờ nứt toác và những cái nắp cong tón như

cặp môi bĩu ra sêu sêu mai mĩa. Những miếng nước dãi cứ ừng ực trong cổ Thang.

Sao những lớp son mịn màng óng mượt kia bỗng chốc trở nên mốc rêu mốc thối thế kia?

Sao ta có thể bàng quan khi thùng máy yêu quý, máu thịt của ta sắp sửa nát rỉ ra như bùn đất được?

Sao?

Choáng váng cả người, Thang hấp tấp chạy vào nhà máy tìm ông tổng công trình sư để trình bày ý kiến dựng giá ba chân và yêu cầu xin bạt của mình. Bước chân Thang lảo xạo đạp trên cát sỏi...

Nhưng rồi những bước chân hăm hở ấy bỗng như vấp phải một bức tường vô hình, đứng sững lại, ngăn ngor: cánh cửa ô-tô bắt đầu khép lại, liền với tiếng rú ga ù ù, tiếng động cơ bành bạch. Xe “pho” đi trước, xe “com-măng-ca” rượt theo, nối đuôi nhau vun vút ra khỏi công trường. Bụi lầm xoáy một vòng đỏ lự xoắn theo đít xe. Thang rút mũi xoa đắp vào mũi che bụi, thở khò khè.

Một đám mây đen ở đầu lù lù ập đến. Gió thổi lên lồng lộng. Những tàu lá chuối điên cuồng quạt lên quạt xuống rồi tít như những bàn tay xoè ra khua giữa không trung. Một tia chớp dài nhằng loé lên ở tận chân trời xa tít, điểm theo những trảng sấm ù ù có lúc sôi lên ừng ực. Thang có cảm giác đó là những trảng liên thanh đang xả đạn không từ một xó xỉnh nào trên khắp cả công trường. Hạt mưa bắt đầu quất lên mái nhà và nóc hòm lộp độp. Những nắp ván vênh vồng ra như những cặp môi nhăn nhó giữa

con cuồng phong khủng khiếp và trong làn mưa xối xả, phủ phàng.

Những hạt mưa quất đen đét lên mặt Thang.

“Máy! Máy ôi!” Người chỉ huy trưởng buột miệng thốt lên. “Anh em ơi khuôn máy! Khuôn máy đi các đồng chí ơi!”

Nhưng mà ai khuôn? Khuôn vào đâu bây giờ?

Dưới làn mưa, người chỉ huy trưởng cung cúc chạy về nhà, lột cái áo mưa của mình, lại cung cúc chạy ra hối hả đắp lên thân máy. Mưa vẫn xối xả, phủ phàng.

(Trích báo *Văn số* 34 ngày 27-12-57)

*

PHÙNG CUNG

Phùng Cung là một văn sĩ trẻ tuổi mới xuất hiện. Có lẽ bài “Con ngựa già của Chúa Trịnh” mà chúng tôi trích sau đây là bài đầu tiên có giá trị trong các tác phẩm của ông.

Bài này do ông viết, nhưng Hoàng Cầm có giúp thêm ý kiến và sửa chữa lời văn. Chúng tôi biết như vậy vì trong bản thú tội của Hoàng Cầm có một đoạn như sau: “Tôi đi động viên Phùng Cung viết truyện, và khi Phùng Cung viết ‘Con ngựa già của Chúa Trịnh’ đưa tôi xem bản thảo đầu tiên, tôi có góp ý kiến rào việc diễn tả: ‘Chỗ con ngựa vào cung vua, nên tả cho đáng ghét hơn’. Khi Phùng Cung đưa bản thảo lần thứ hai, tôi chữa văn và thêm nhiều câu diễn tả cảnh đẹp, diễn tả con ngựa càng ngày càng béo...”

Ngụ ý của bài này là đả kích bọn văn sĩ trước kia có tài như Xuân Diệu, Hoài Thanh, Cù Huy Cận, chỉ vì ham miếng đỉnh chung mà cam tâm làm tôi mọi cho chế độ và đời sống tôi mọi đã tiêu diệt hết tài năng trước kia của bọn họ. Cứ xét thấy khả năng văn nghệ của mấy ông Xuân Diệu, Hoài Thanh, Cù Huy Cận, lâu nay gần như mất hẳn, chúng ta thấy lời phê bình của tác giả quả có đúng. Sự thật thì bất cứ nhà văn nào đã dùng ngòi bút ca tụng chế độ để mong vinh thân phì gia thì văn chương của họ không thể nào hay được.

Con ngựa già của chúa Trịnh

Phương Lộ là một làng nhỏ hẻo lánh, nằm lọt trong một thung lũng phía Nam chân núi Tản, cách chợ Đan Lâm chừng bảy dặm. Từ Đan Lâm vào Phương Lộ, trên con đường đất mòn, ngoằn ngoèo men theo dòng suối phải qua một chiếc cầu bằng đá vắt ngang suối, bên cạnh một ngôi đền nhỏ. Trong làng có lão già họ Nông, hai đời chuyên nghề buôn ngựa. Ông cụ sinh ra lão ngày trước là mã phu của triều Trần; khi mãn lính, trở về làng làm nghề buôn ngựa. Năm mười bốn tuổi, lão đã theo cha ra chợ Đan Lâm học nghề. Lớn lên, lão đã nổi tiếng khắp vùng về môn xem tướng ngựa.

Lão Nông có con ngựa trắng, mình kim, lông trắng như bông, lại lấp lánh như có nạm kim cương, nên lão đặt tên nó là Kim Bông. Lão thường khoe con ngựa này lão tìm mua được từ lúc nó chưa phát

nha ở tận miền Nước Hai. Lão đã từng đi nhiều nơi mà chưa thấy có con nào tướng phách toàn mỹ như nó; có sức vượt hàng nghìn dặm với cái thể “cao đầu phóng vĩ” của nòi ngựa chiến.

Từ khi con Kim Bông bắc yên, ngày ngày lão cười nó đi các nơi để buôn ngựa. Hàng năm những cuộc đua ngựa miền này, không cuộc đua nào vắng lão. Không cuộc đua nào con Kim Bông không đoạt giải nhất. Từ đó tiếng con ngựa hay, mỗi ngày được truyền rộng ra khắp nơi và lọt đến tai Chúa Trịnh.

Thuở ấy Chúa Trịnh đang cần tuyển mộ một đoàn kỵ binh để bình định đất nước, nên liền ủy một viên quan hầu cận, tìm đến tận nơi hỏi mua.

Lão Nông tuy luyện tiếc con Kim Bông, nhưng nghĩ đến cái tài của nó lão sẵn sàng trao lại cho viên quan mà rằng: “Con ngựa của bản dân thuộc loại quý mã, là vật, nhưng nó hiểu tiếng người. Bấy lâu nay nó sống với bản dân ở nơi sơn lâm hẻo lánh này, ăn cỏ núi, uống nước suối, tài nó có mà không được dùng, thật lòng bản dân cũng tiếc cho đời nó lắm! Nay chúa công lại cho vời nó về chốn triều đình để dùng nó xông pha chiến trận, bản dân cũng được hả dạ vì đã làm vừa ý con quý mã và cũng bỏ công nuôi nấng tập luyện”. Lão Nông miệng nói tay trao cương cho viên quan. Con Kim Bông cũng dỏng hai tai gật gật cái đầu như biết mình sắp được từ giã cảnh sơn lâm hiu quạnh, để về vùng vẫy chốn kinh thành.

Trên đường về, viên quan hết lời khen ngợi con

quý mã; Kim Bông phi như gió, giả lại đằng sau những đồi núi, cây cỏ hỗn độn của vùng Sơn Tây. Chỉ trong nửa ngày đã về đến Thăng Long.

Viên quan vào tâu với Chúa Trịnh, hẩn tả lại tướng phách cùng nước bay, nước kiệu của con ngựa. Chúa Trịnh lấy làm toại nguyện, và truyền cho các tướng tá chọn ngày mở hội đua để kén ngựa chiến.

Một buổi sáng, trên các ngã đường, nhân dân các vùng lân cận nghe tin, lũ lượt đổ về xem như nước chảy. Hàng nghìn ngựa tốt từ các nơi đem về được sắp hàng tề chỉnh bên cạnh những kỵ binh nai nịt gọn gàng. Con Kim Bông ngơ ngác trước quang cảnh mới lạ, lòng nó rộn ràng, mắt nó đắm đắm nhìn thẳng phía cuối đua trường như để dương oai với đồng loại, nó nín hơi, tóp bụng, cất tiếng hí dài, lanh lảnh nghe sồn ọc. Người kỵ binh đứng bên cạnh, bỗng né sang một bên, lao đao tường ngã. Bọn ngựa trở mắt nhìn Kim Bông và cũng cất tiếng hí theo.

Sau ba hồi trống lệnh, các kỵ binh lên yên, ra roi, bắt đầu rời vạch. Đoàn ngựa lồng lên trong bụi lốc mịt mù, những miếng đất bắn ra tứ phía như mưa rào, nhân dân reo hò vang dậy. Chỉ trong chớp mắt, con Kim Bông đã vượt lên hàng đầu, vừa hí, vượt lên, chân trước khoắm lại như móc sắt, đuôi bay như giải phước, tưởng như chân nó không hề chạm đất. Ở phía xa người ta nhìn nó chỉ còn thấy một bóng trắng lấp lánh, oằn lên, oằn xuống như một con rồng trắng uốn khúc. Nó bay tới phía nào

là tiếng reo hò phía ấy vang lên không ngớt. Hàng loạt ngựa thấy sức mình không sánh kịp con Kim Bông, bỏ dở cuộc đua, đứng dừng cả lại, hí hí nhìn theo cái bóng trắng nhỏ dần trong bụi nắng loà của kinh thành. Khi dứt hồi trống, con Kim Bông dừng lại, tai nó ù đi vì tiếng reo hò ca ngợi của xung quanh, nó càng nức lòng, chân nó giậm xuống đất cồm cộp như muốn bay thêm hàng nghìn vòng nữa mới phi sức.

Khi tiếng trống lệnh chuyển sang phi nước kiệu, con Kim Bông rời vạch một cái, là bốn chân nó bồm liên trên mặt đất như guồng nước, tiếng chân vỗ rồn rã như mõ đổ hồi, đuôi trải ra trắng như một dòng nước chảy xối. Nó chạy hết một vòng mà trên lưng nó một kỵ binh bung một bát nước đầy, bát nước không sánh ra ngoài một giọt.

Lúc này nó thấy tất cả đua trường đều hướng nhìn về nó, trầm trở ca ngợi tài nó. Nó lại hí lên một tiếng thật dài kiêu hãnh.

Sau cuộc đua này, nó được cả đua trường tặng danh là “Bạch long Thiên lý mã” và chọn làm mẫu mực để luyện tập cho cả đoàn ngựa chiến của triều đình. Cho nên chẳng bao lâu các đồng loại của nó cũng trở thành những chiến mã lành nghề. Và từ đó nó cùng bảy ngựa chiến xông pha chiến trận, trải nhiều trận vào sanh ra tử. Nó nhớ nhất là trận quân chiến bên bờ sông Gianh. Thế địch mạnh, quân địch đã thất vòng quanh nó, nhiều đồng loại nó đã phơi thây. Nó gắng hết sức mạnh, vùng lên như hổ

đói, phá vỡ vòng vây, hạ thủ tướng địch, giành toàn thắng. Sau trận này, nó được Chúa Trịnh chọn làm mã lệnh và được vào ở trong phủ Chúa.

Chúa Trịnh truyền cho quân lính, xây một chiếc hồ bán nguyệt, phía Nam vườn Thượng uyển, để làm chỗ tắm cho mã lệnh, và cử hai mươi mã phu ngày ngày trong nom săn sóc ngựa quý của Chúa.

Lần đầu tiên con “Thiên lý” đặt chân tới Hoàng cung. Trước mặt nó toàn những lâu đài nguy nga tráng lệ, trông phía nào cũng thấy vàng son chói lọi. Dưới chân nó toàn những đá xanh nhẵn bóng. Những cảnh vật mới lạ khiến nó sợ hãi. Nó toát mồ hôi, run lên cầm cập, khi đặt chân lên những phiến đá hoa, được dịp đưa mắt nhìn hai hàng thị vệ tả hữu, đứng cặp gươm trần bên hành lang. Nó rụt rè, co cổ lại khi mã phu dắt nó vào mã đài, nó tưởng mã phu đưa nhâm nó vào nơi ở của một tướng lĩnh.

Con Thiên lý được vào ngự hản trong mã đài ngày ngày chỉ ăn và tắm. Mỗi buổi chiều nó phải đứng một chỗ để dầm bảy mã phu mang kéo tia từng sợi mao, vuốt ve từng chiếc lông đuôi. Nó càng cảm thấy bận bịu, tù túng. Nó bắt đầu mơ ước những cảnh sống khi còn ở bên ngoài cung cấm: “Ồi chao! Còn đâu những buổi sáng ta cùng đồng loại trên đua trường hàng vạn người ca ngợi tài ba? Với cái sức khỏe bay hàng nghìn dặm, với cái thể “cao đầu phóng vĩ” hùng dũng như ta, đã bao phen sông pha trận tuyến, đời ta tù túng như thế này thì ta sống sao được? Sao Chúa không cho ta được đem tài ra

vùng vẫy trên chiến trường? Hay Chúa đã quên ta là kẻ có tài?”.

Một buổi sáng, nó đang đứng trong mã đài, hai con mắt đăm đăm vọng ra ngoài bức thành cao ngất, nó bỗng thấy một mã phu nai nịt gọn ghẽ, khác ngày thường, đến giắt nó ra đứng dưới mái hiên, phía tả hành lang. Nó sùng sốt, tưởng phen này lại được xung trận. Một mã phu khác trái lên lưng nó một tấm gấm điều, xung quanh thêu kim tuyến. Nó ngoái cổ lại, bỗng thấy mình đẹp như phượng hoàng. Hai mã phu nữa mang đến đằng sau nó một vật gì vuông vắn giống như một nhà lầu, gấm vóc xanh đỏ phủ quanh. Một mã phu nữa mang cương đóng vào gáy nó. Bộ cương quý giá và đẹp để làm sao? Đời nó chưa từng thấy. Hàm thiếc bằng bạc: hai đầu nạm vàng sáng lóa. Nó sung sướng gục đầu xuống nạp hàm thiếc một cách ngoan ngoãn. Khi mã phu buông tay: lạ lùng lắm, nó thấy hai vật gì to bằng hai cái lá đa che ngang hai bên mắt khiến nó chỉ có thể nhìn thẳng phía trước mà thôi. Rồi một mã phu đẩy nó lùi lại, đứng giữa hai càn gỗ son son thép vàng. Ừ, lạ quá chừng, những cái gì mà đẹp thế này? Ta sẽ làm gì đây? Nó rùng mình, thấy hành diện như được sống một kiếp sống khác, sung sướng hơn trước.

Bỗng dung hai càn gỗ dúi mạnh một cái, cổ nó bệt xuống, miệng nó gần chạm đất, nó vừa ngóc được lên thì dây cương đã ghì thẳng. Nó cất bước thấy nặng; cái nặng quái gở, như bóp nghẹt lấy cổ,

có lúc bênh bồng nhẹ đi một chút, nhưng rồi gáy nó càng như lún xuống. Nó phải cố lấy gân bốn bó mới giữ được cái thế đứng đường bệ. Rồi bỗng có một ngọn roi da quất nhẹ vào mông, nó cắm cổ đi. Khi nghe tiếng bánh xe nghiền trên mặt đá, nó mới biết là nó đang kéo xe cho Chúa.

Nó gục đầu xuống lúi thủi kéo chiếc xe qua sân, hai mắt nó lơ lơ nhìn thẳng, mỏi mết, chán ngán.

Nhưng chẳng bao lâu, những chậu thóc trợn mặt vừa ngọt vừa bùi, những bó lá trúc quăn tũ vừa thơm vừa ròn sậm sực đã cùng những buồn tủi sâu muộn, cùng những ước mơ trôi qua ruột, tống ra ngoài trả lại cho quá khứ. Con thiên lý dần dần quen với chức vị. Nó thấy mình phải phò Chúa cho đến hơi thở cuối cùng mới xứng danh Thiên lý mã.

Trong những buổi chiều nó thấy hàng trăm đôi hia, ủng và đủ các loại ống quần, tà áo, vắn có, vớ có, lướt đi lướt lại trước mắt, nó càng thấy chức vị nó to tát ghê gớm! Chốn thâm nghiêm cung cấm nào mà chân nó không bước tới? Có việc quốc sự triều đình nào vắng mặt nó? Nó đi đến đâu cũng thấy người chấp tay khấu đầu tung hô vạn tuế. Đời nó quả là đã sang một bước đường hiển hách, hơn tất cả những lúc oai phong chiếm giải đầu trên các trường đua.

Một buổi chiều, trên cổng thành đã nổi trống thu không, mặt trời đã khuất hẳn mái lầu tây, mặt hồ đã gọn lên một màu đỏ nhạt của giáng chiều, nó sung sướng kéo Chúa cùng bà phi đi ngoạn cảnh. Đi chẳng cần đến đâu, nó được đôi lúc thông dong

đứng lại, soi bóng dưới nước. Chà! Mặt nhìn mặt, ta uy nghi lộng lẫy đến thế này ư? Kìa hai lá đa che mặt ta có khác gì hai cánh mũ của vị đại thần? Hai càng gổ khác gì tay ngai ngày ngày Chúa vẫn ngự! Phải chăng giòi đã an bài cho số phận ta! Nó càng nhìn càng thấy bóng nó dưới nước to ra, to mãi, uy nghi trong sắc nước lẫn sắc trời.

Nó đang say sưa ngắm bóng bỗng dây cương lại giật mạnh. Mép nó găng thẳng ra, nó lại bắt đầu cất bước. Xe tới đầu vườn Thượng uyển, có lệnh dừng lại. Tức thì hai bên tay ngai dim mạnh cổ nó xuống rồi lại bênh lên nhẹ bỗng. Nó vừa ngóc đầu lên thì một luồng gió mát, lướt đưa vào lỗ mũi nó những hương thơm ngào ngạt của muôn hoa. Nó phồng hai cánh mũi, hớn mặt lên thì gấu xiêm mầu thiên thanh của bà phi phất nhẹ qua mặt nó. Nó cảm thấy một vị thơm đậm đậm. Nó đưa mắt nhìn theo chỉ thấy từ ngang lưng trở xuống của Chúa và bà phi. Gió hồ lồng vào vạt áo Chúa và dải xiêm bà phi, làm căng phồng lên và đu đôn múa may trước mặt nó. Nó cảm động, đứng ngẩn ra, hai mắt dương thao láo: “Chà! Thật là ngoạn mục! Ôi! Giời đã ban cho ta đôi nhân ngọc để riêng ta được nhìn những vưu vật của trần gian, ta đội ơn Trời”.

Càng nhìn theo càng thấy ngoạn mục, nó càng thấy hối hận với những sự việc ngày trước. Nó giậm chân xuống đất cộc cộc, mắt nó nhắm lại, đầu nó đập vào hai càng xe như để nhận lấy một hình phạt xứng đáng với tội lỗi của mình. Vừa đập đầu vừa kể

tội: “Tội thứ nhất là khi chưa vào phủ Chúa ta đã để cho Chúa và bà phi phải vất vả khó nhọc biết chừng nào! Tội thứ hai: Sao ta dám đem một việc nhỏ bé tầm thường so sánh với chức mã lệnh đáng tôn kính của Chúa đã ban cho như thế chẳng phải trước đây ta đã phụ ơn Chúa hay sao? Tội ta thật là đáng phan thất mới phải. Nếu ta chỉ nghĩ đến cuộc đời phóng khoáng, chỉ nghĩ đến những lúc cùng đồng loại đua tranh, thì lấy ai để cùng Chúa gánh vác giang sơn, làm cho trăm họ được an cư lạc nghiệp! Ôn hưởng lộc Chúa, sức ta ngày một cường tráng, thì cái vượt hàng ngàn dặm đối với ta có gì đáng kể”.

Sống một cuộc đời lạng lẽ trong phủ Chúa, bằng sự kiêu hãnh với chức mã lệnh, chẳng bao lâu trên bờm, mao con Thiên lý đã trôi lên một lớp lông vàng oè. Trước mã đài nó đã nhìn thấy những cây cảnh bao lần đổi lá. Nhưng nó không biết đời nó đã chuyển dần về già. Tài nó cũng đã mòn mỏi. Nó vẫn tưởng nó còn sức chạy dư ngàn dặm!

Có một buổi sáng, nó được kéo xe để Chúa cùng bà phi ra ngoạn cảnh ngoại thành. Từ ngày vào phủ Chúa, lần đầu nó được đi ra ngoài. Nó ước ao được thăm cảnh cũ. Xe ra khỏi phủ Chúa, bon bon trên con đường đất rộng thênh thang. Nhìn thẳng phía trước, nó lấy làm lạ, nó kêu í í trong cổ như tự hỏi: “Làm sao con đường này ngày xưa rộng mà nay nhỏ bé như thế này!”. Đi được một quãng nó nhìn lên phía trên, lại dừng lại tự hỏi: “Ồ hay, ngôi chùa kia, ngày xưa rõ ràng nằm bên cạnh một quả đồi lớn, mà

bây giờ lại nhỏ bằng con đường ta đang đi là nghĩa làm sao?”. Tất cả những cảnh vật trước mắt nó đều nhỏ lại, và thẳng tắp. Nó nhìn cánh đồng, cánh đồng cũng chỉ là một con đường thẳng. Rồi cây cỏ, núi đồi cho đến mầu giời xanh cũng chỉ thu nhỏ lại là một đường thẳng. Nó không ngờ hai chiếc lá đa che hai bên mắt chỉ cho nó nhìn được một chiều.

... Xe đi mãi. Lúc gần đến một thao trường, nó bỗng nghe tiếng hí của đồng loại. Tự dung nó hớn hỏ: “Chắc các chú em bao lâu không gặp ta, sẽ khẩu đầu chúc tụng”. Vừa nghĩ nó vừa cất nhanh bước. Xe vừa tới thì đồng loại nó cũng nhảy bổ đến trước mặt nó, miệng hí chân cất tiền, cất hậu như ché bai nước đi và tướng mạo của nó. Nó tím gan, hí lên một tiếng như để quở mắng: “Bọn nhãi kia, tội các chú đáng chết đầu làm lệnh! Các chú không biết ta là ai u? Đã quên tài của anh đấy rồi sao?”. Tất cả đồng loại nó, nghe cả rằng, và í ỉ lại trong cổ: “Chúng tôi biết bác lắm, biết bác ngày xưa là kẻ có tài nhưng bây giờ chúng em nhìn qua đã thấy bật cười về tài của bác. Thôi bác ạ! Đừng khoe tài nữa, chúng em đây ngại bác không rời được khỏi cái xe của Chúa! Rời ra thì thóc kia trộn mật ai ăn?”.

Con Thiên lý uất lên, muốn thoát khỏi xe xông thẳng ra ngoài để tỳ sức, nhưng trên xe lại giắt cương. Nó bực lắm nhưng cũng phải cầm đầu đi. Vừa đi vừa nghĩ: “Những kẻ ngu si hèn mạt kia, ở đời này bay chỉ nhìn có một chiều. Bay không biết được ta làm đây dễ mấy kẻ đã làm được! Sức bay được

mấy nả mà vội kiêu ngạo, bay chạy được vài dặm đã phờ mao sều dãi. Rồi đây ta sẽ cho bay biết tài ta!”.

Và hình ảnh một trường đua gió lộng, bụi cuốn, cờ bay, bóng hiện ra, như thách thức. Con Thiên lý mã vẫn tin mình còn đủ sức phi lên hàng đầu.

Sự đòi biến đổi. Sau đó ít lâu, Chúa Trịnh được tin nhiều tướng tá thua trận ở bên bờ sông Gianh.

Chúa định thân chinh đi, nên truyền cho viên tướng trông coi về kỵ binh mang mã lệnh ra đua trường để ôn dượt trước khi xung trận. Viên tướng liền cúi đầu tâu lại: “Muôn tâu Chúa công, hiện nay trong triều đình thiếu gì ngựa chiến có dư sức vượt hàng nghìn dặm, và đã từng dượt trên dưới một trăm trận. Xin Chúa công để tiểu tướng được chọn dâng một con mã chiến có sức khỏe vào bậc nhất. Còn như con mã lệnh, cứ nên để nó kéo xe; vì từ khi đem nó vào phủ Chúa, nó ăn thì nhiều, lại không hề luyện tập, tài nó ắt không được như trước. Nếu Chúa công dùng con mã lệnh để ra trận, tiểu tướng áy náy lắm!”.

Nghe tâu trình, Chúa Trịnh cũng thấy viên tướng là có lý, nhưng Chúa vẫn còn tin ở tài con mã lệnh, Chúa bèn hạ lệnh cho mang con mã lệnh ra tỉ sức cùng các chiến mã khác để tiện bề chọn.

Con Thiên lý mã được dịp rời phủ Chúa ra đua trường. Hai cái lá đã đã được cất đi. Nó bàng hoàng nhìn giời, nhìn đất, mắt nó hoa hoa, đầu nó choáng váng. Cảnh vật như quay chong chóng, cây như

mọc ngược, núi như đổ xuống. Vừa gặp đồng loại một cái, nó cố đóng hai tai, tóp bụng lại lấy hơi hí một tiếng để dương oai. Nhưng tiếng hí của nó vừa ré lên thì cụt lùn như vật gì nút lấy mồm. Các đồng loại của nó cũng nhe răng ra cười rồi cùng cất tiếng hí làm cho nó càng uất. Không chờ tiếng trống lệnh, nó đã lồng lên, tức thì các đồng loại của nó cũng bỏ vạch rượt theo. Tiếng trống liền hỏi, con Thiên lý càng cảm cổ chạy. Nó đã tưởng mình thắng cuộc, nó đắc chí ngoáy đầu lại thì bọn ngựa chiến đã tới sát đằng sau. Chỉ trong chớp mắt nó bị tụt lại. Không chịu, nó càng lồng lên. Bỗng nó thấy nhói một cái ở ngang bụng như bị một nhát gươm chém mạnh. Nó ngã vật xuống, vùi đầu trong bụi lốc của đàn ngựa bay qua, nó biết là đứt ruột, không thể sống được. Nó gắng mở to hai mắt, rên lên một tiếng như nói rằng: “Tiếng tằm lòng lấy của ta chỉ có thể chết ở chiến trường. Nhưng, than ôi! Bãi cỏ này cũng là bãi chiến trường, chết thế này cũng là chết vì giang sơn, vì Chúa!”.

Trước hơi thở cuối cùng, nó lấy hết sức tàn, ngóc đầu lên, co co hai chân trước, thẳng thẳng hai chân sau, chừng như để cố giữ lấy cái thế “cao đầu phóng vĩ”.

Hà Nội, 10-1956

(Trích báo *Nhân văn* số 4)

*

TRẦN LÊ VĂN

Trần Lê Văn, năm nay 37 tuổi, quê ở Nam Định, là cháu nhà văn Trần Kế Xương, tức Tú Xương. Ông từng làm giáo học ở Thuận Châu thuộc Sơn La, và nhân dịp đó lấy một cô gái Thái làm vợ. Trong thời gian kháng chiến, ông dạy học ở một trường tư thục, trong tỉnh Thanh Hoá. Vì bà vợ là người thiếu số, không đủ khả năng để buôn bán dưới đồng bằng, nên gia đình ông chỉ sống vồn vện bằng số lương hằng tháng của ông là gần một tạ gạo. Vì vậy nên suốt trong thời gian kháng chiến ông rất cơ cực. Sự nghèo túng của ông đã trở thành thành ngữ.

Tính nết ông rất hiền lành. Ông ưa chịu đựng hơn là phản kháng. Giọng văn của ông lúc nào cũng có vẻ “thủ thi”.

Tuy vậy gần đây, chịu khkhông nổi, ông có viết mấy bài đả kích chế độ một cách kịch liệt, đăng trong Nhân văn và Giai phẩm.

Chúng tôi chọn bài “Bức thư gửi một người bạn cũ” để giới thiệu ông vì bài này có nhiều tính chất văn nghệ hơn những bài tham luận về chính trị.

Trong bài “Bức thư gửi một người bạn cũ” ông đã dùng một giọng văn nhẹ nhàng để tả một cán bộ cộng sản điển hình, đồng thời ông cũng phơi bày những nỗi khổ cực ông đã phải chịu đựng trong suốt chín mươi năm.

Chắc chắn là ông không tránh khỏi cảnh tù đầy mạn rừng núi.

Bức thư gửi một người bạn cũ

Hà Nội tháng 8 năm 1956

Thân gửi anh Nguyễn Vinh Hoa

Tiết trời vừa mới vào thu. Tối nay lại là tối thứ bảy. Tôi định ngồi vắn vợ trên ghế công cộng, thưởng thức cảnh ái tình... của người khác và trở về làm thơ ca ngợi cuộc đời. Thế mà, chẳng biết nghĩ ngợi ra sao, tôi rảo cặng về nhà cặm cụi ngồi trong gian phòng vừa hẹp vừa thấp, không khí oi bức như trong một cái hầm, viết thư này cho anh. Bức thư này, tôi bần khoản đã lâu lắm, hôm nay mới hạ bút viết. Những điều sắp nói với anh, tôi đã định trình bày dưới một hình thức khác: thơ ngụ ngôn kiểu La Phông-ten hay chuyện cổ tích kiểu An-đéc-sen. Tôi không có tài làm thơ ngụ ngôn hay viết chuyện cổ tích. Và tôi nghĩ: viết như vậy có lẽ sẽ là một thái độ úp mở.

Tính rụt rè đã từng làm cho tôi có thái độ úp mở đó. Chính anh và một số ít người giống anh đã tạo cho tôi cái tính rụt rè đáng bi ấy. Tôi không giận anh nữa đâu. Lúc này tôi thấy lòng mình bình tĩnh như mặt biển sau trận bão. Ví như vậy chắc anh thấy là quá đáng vì mấy ai ở đời dám ví lòng mình như biển cả. Và chính biển cả, ngay giữa lúc mặt nó bình tĩnh nhất, biết đâu lòng nó chẳng quay cuồng những luồng sóng ngầm!

Tôi biết do thói quen lâu năm, anh sẽ nhúu đòi mảy, nghiêm sắc mặt, nhô gò má lên để làm cho tôi “biết điều hơn”, nghĩa là co rúm người lại chui vào

cái vỏ như một con ốc sên hoặc anh sẽ ban tặng một cái cười rất có nghiên cứu, một cái cười khoan dung độ lượng để tôi thấy “mọi sự đều vui vẻ” và đem ngủ khỏi giạt mình.

Thực ra, hai vẻ mặt khác nhau của anh đều đưa nhằm tới một kết quả là làm cho người khác giấu diếm ý kiến thực của mình. Một nhà văn bi quan nào của thời xưa có nói: “Ngôn ngữ vốn dùng để che đậy những ý nghĩ thực”. Tôi không cho câu ấy là đúng, nhất là trong thời đại của chúng ta. Người ta lúc còn sống cạnh nhau nếu không nói thật với nhau thì đợi đến cuộc Phán xét Cuối cùng mới nói thật hay sao?

Trái bao thế kỷ, nhất là trong cái phần đã qua của thế kỷ này, máu đã đổ nhiều, xương đã rơi nhiều cũng chỉ là để đưa tới một cuộc sống thật, với những con người thật biết cảm nghĩ thật.

Anh định góp sức với loài người tạo nên cuộc sống thật, sao anh lại cứ làm một người giả trong cái xã hội đang hy sinh nhiều để vươn mạnh lên cái thật này?

Thời cũ, có những kẻ coi cuộc đời như một hí trường, rắp tâm đội mũ đeo râu chứ không thích làm một vai chạy hiệu. Lại có những kẻ coi cuộc đời như canh bạc, muốn xông vào thì thố những ngón xảo trá để ăn to. Thậm chí có kẻ quan niệm cuộc sống là một thương trường. Từ những cái rẻ giá nhất như áo cũ, đồng nát cho đến những cái cao siêu nhất như đạo lý của các đấng triết nhân, bọn

họ đều có thể dùng để làm ra lợi lộc được cả. Tôi nói cho vắn vẻ theo kiểu Vũ Trọng Phụng thế thôi, chứ chẳng có dụng tâm ám chỉ gì anh vì anh cũng không đến nỗi mang đủ các tàn tích xấu xa đến thế. Mặt khác, tôi không ưa gì cái thói ám chỉ, nó là thói quen của thời nô lệ.

Trong thư này, tôi gọi anh bằng cái tên cũ Nguyễn Vinh Hoa, anh cũng đừng nên lấy thế làm méch lòng. Chỗ bạn bè thân tình, tôi mới dám suông sã thế. Anh cho phép nhắc lại một kỷ niệm: hồi chúng ta cùng học trường Bưởi, có lần anh kể tôi nghe rằng nhà ta vốn dòng trâm anh thế phiệt. Ông cụ nhà ta đêm đêm nằm cạnh khay đèn hay kể hai câu Kiều:

Vinh hoa phú quý ai bì

Vườn xuân một thuở để bia muôn đời.

Khi anh ra đời, ông cụ đặt cho anh cái tên đẹp đẽ ấy, làng xóm ai cũng phục. Anh lớn lên hãnh diện vì cái tên ấy, kiêu kỳ với mọi người và vì cái gia thế ấy. Là bạn cùng đèn, cùng sách mà hồi đó đối với anh tôi đã thấy tủi thân lép vế trước thái độ mục hạ vô nhân của anh. Ấy là vì tôi chưa được Cách mạng dạy cho hiểu rằng: giá trị con người đâu phải ở cái tên đẹp và dòng họ sang!

Sau tháng Tám 45, gặp anh thì anh không còn là Nguyễn Vinh Hoa nữa mà đã trở thành Lê Hùng Tiến. Giả sử một nhà cách mạng chân chính đổi tên đổi họ để kẻ địch khỏi tìm ra tung tích thì ai cũng thấy phải lẽ. Nhưng đảng này, anh đổi tên, xét ra chỉ

để có một cái nhãn hiệu mới thay cho cái nhãn hiệu cũ mà anh cho là quá thời. Với cái nhãn hiệu mới này, anh nghênh ngang, nghênh ngạnh bước vào cuộc đời mới, che mắt thế gian bằng một thứ trang sức mạ vàng. Anh cắt nghĩa cho tất cả mọi người: Hùng là anh hùng, Tiến là tiến bộ. Thiên hạ bắt đầu nể anh. Anh lại phân bua với quần chúng rằng anh đã tự ý chia cả gia sản cho dân nghèo ngay khi giành chính quyền ở huyện Thái Ninh, quê nhà anh, và hôm nhân dân xông vào chiếm lấy huyện đường, anh vác khẩu súng chim đi đầu... hô khẩu hiệu. Thiên hạ càng nể anh hơn nữa. Thế là, mập mờ đánh lộn con đen, dùng danh từ, khẩu hiệu làm lá chắn và bùa hộ mệnh, anh có đủ can đảm chơi trò trịch thượng với đời. Cái chất sống bùng bùng chứa đựng trong các danh từ khẩu hiệu của thời đại mới, anh đang tâm bóp méo, vắt kiệt nó đi theo trí tưởng tượng kỳ quặc, bệnh não của anh, hòng bóp méo con người, vắt kiệt chất sống của con người mà Cách mạng đã đổ bao nhiêu máu mới giành lại được.

Anh thường hay bảo người khác “liên hệ bản thân”. Bây giờ anh thử “tự liên hệ” xem sao?

Ở đây tôi không có đủ quyền hạn làm một việc kiểm thảo hay lên mặt quan toà buộc tội anh như anh vẫn thường buộc tội người khác. Nhưng là một con người, lại là bè bạn anh, tôi tưởng có quyền góp một vài “hiện tượng” giúp anh nhìn lại con người mình. Dụng ý tốt nhưng lời nói có vụng về, xúc phạm đến lòng tự ái cũng mong anh thế tất cho.

Nhớ lại còn thấy buồn cười với cái tên “Ông Khẩu hiệu” người ta tặng cho anh.

Ngày đầu kháng chiến có khẩu hiệu “quần chúng hoá sinh hoạt”. Anh nắm luôn lấy nó để đóng một vai kịch khá lý thú. Hồi ấy mới về nông thôn, anh tuyên bố âm ỹ là “cương quyết bỏ cái khoản xà-phòng trong sổ chi tiêu riêng” vì có “nông dân có dùng xà-phòng đầu mà vẫn sống được”. Ra đường, anh ăn mặc tối tàn và đi chân đất, tối về không rửa chân trước khi đi nằm. Chủ nhà vốn người chất phác, tin ngay anh là người tốt và nhường cho anh căn nhà rộng nhất, cái giường vững nhất, tấm chiếu lành nhất, lại để anh sai khéo con người ta làm những công việc vặt cho anh.

Mặc áo vá, đi chân đất, ly dị với... xà-phòng, trút bỏ cái lối “Vinh Hoa” cũ với cổ cồn ca-vát, anh đã tự nhủ thấy mình là hiện thân của đạo đức mới, đạo đức của quần chúng và thấy có quyền phẫn uất với mọi cái mà anh cho là trái với nền đạo đức ấy. Vì hay phẫn uất, anh hay lên giọng kẻ cả mắng người. Người bị mắng đầu tiên là chủ nhà, kẻ đã nhường nhà cho anh ở. Nhân ngày giỗ mẹ, ông bà ấy mời chúng ta ăn cỗ. Cỗ đây có nghĩa là cơm không dọn như thường lệ, lại có vài đĩa thịt và cả tí “nước cay” nữa. Chủ khách đang vui vẻ, anh mượn hơi men, nửa đùa nửa thật, luận thuyết về sự “không nên phạm chính sách tiết kiệm – cần phải ăn cơm dọn – một giọt rượu là một giọt máu”. Bà chủ nhà thừa lúc anh ra ngoài, ghé tai tôi nói bằng một giọng sợ

sệt: “nhà cháu có điều gì sai phạm, ông làm ơn nói với ông Tiến bỏ quá đi cho”. Tôi phải lấy lời lẽ giải thích, an ủi mãi người ta mới yên lòng. Đó là một lối: “quần chúng hoá” đặc biệt của anh.

Anh cầm thù nhất “cái bệnh tiểu tư sản”. Tôi cũng biết anh đã hiểu rộng câu “tẩy rửa đầu óc tiểu tư sản” trong sách vở. Những tàn tích tiểu tư sản như đồng hồ, bút máy, nhẫn vàng, anh giấu biệt một chỗ. Một buổi sáng, chị ấy lấy hộp gíp ra đánh răng, tự nhiên anh thấy nộ khí xung thiên, quảng luôn hộp gíp xuống ao vì “dùng gíp đánh răng là đầu óc tiểu tư sản”. Chủ nhà nhìn anh, kinh ngạc. Dần dần ba tiếng “tiểu tư sản” trở nên những tiếng anh quen dùng để kháng cự mọi sự anh không đồng ý. Đại khái người ta mặc cái áo đẹp, hoặc giữ ảnh nhân tình trong túi hay buổi tối chơi ngắm trăng đều là “tác phong tiểu tư sản cả”. Thậm chí cô bé con nhà hàng xóm chạy sang khoe với bạn cái mùi xoa thêu cảnh hoa con bướm cũng bị anh phê bình ngầm là “ảnh hưởng tiểu tư sản”. Anh quên hẳn cái áo gấm lam của anh còn giữ từ ngày cưới vợ cất ở đáy hòm, thỉnh thoảng vắng người anh đem ra phơi. Giá lúc ấy phát động quần chúng rồi thì khối người vô có bị anh liệt phẳng vào loại địa chủ gian ác chứ không bôn!

Anh có thấy không? Lối sống giả tạo ấy cứ theo cái đà tự phụ, tự mãn của anh mà phát triển lên. Năm bắt đầu có chinh huấn, anh xung phong đi ngay. Khi đó chúng ta cùng công tác ở một cơ quan. Anh

là một trưởng ban, tôi là một nhân viên. Tôi cùng đi dự lớp chính huấn với anh. Trong lớp có khẩu hiệu “Thành khẩn phê bình và tự phê bình”. Một số đồng chí có khuyết điểm nặng, can đảm nói ra. Có người khóc vì hối hận. Ai chẳng cảm động trước sự nói thật, khóc thật. Anh ngồi lảm lì mấy ngày trời, tỏ ra nung nấu ghê lắm. Một đêm mọi người đang ngủ yên, anh tung chăn vùng dậy, lay gọi đồng chí tổ trưởng và khóc thét lên, bộc lộ một tội tày đình: một năm nào đó, sau Cách mạng tháng Tám, anh có tổ chức một đảng phát-xít lấy tên là đảng “Quạ đen” âm mưu làm những việc khuynh đảo. Sau khi “tranh đấu bản thân” anh nói ra “sự thật” với một niềm đau xót vô cùng. Anh xếp đặt câu chuyện có tình tiết hản hoi, ly kỳ như chuyện trinh thám. Hôm sau được “báo cáo điển hình” ở hội trường. Thỉnh thoảng anh khóc nức lên, oằn người như con sâu bị ném vào lửa, tỏ vẻ ăn năn hối lỗi đến cao độ. Gần hết báo cáo, tự nhiên huych một cái, anh ngã lăn xuống đất, ngất đi. Anh em xúm lại vực anh dậy, gọi y tá đến tiêm thuốc hồi sinh. Người đòi vốn tốt bụng nên cả tin, xôn xao khen ngợi, “anh học viên thành khẩn gương mẫu”. Tôi cũng có tính cả tin, đâu dám ngờ anh bịa chuyện cho ra dáng yêng hùng. Tôi lại phục anh về cả hai mặt: một là “to gan lập đảng phát-xít” hai là “lảm lồi đến thế mà dũng cảm nói ra”. Tuy nhiên, tôi cứ loay hoay tự hỏi: “Quái, hẳn lập đảng phát-xít lúc nào mà mình ở sát nách cũng không biết?”.

Ngày qua tháng lại, anh cũng làm đến chức trưởng ty. Chẳng hiểu duyên nợ tiền kiếp thế nào mà tôi cứ phải ở gần anh mãi. Chuyển này anh lập nghiêm hơn trước nhiều. Trước anh cũng có những lúc vui tính và biết cười to như mọi người. Nhưng khi tự cảm thấy mình quan trọng quá rồi thì anh cười càng ngày càng ít. Khi chào ai thì chỉ vừa kịp nhếch nửa cái mép lại đóng lại ngay. Đây cũng lại là một cách anh áp dụng bốn chữ “thái độ nghiêm túc”. Trình độ “nghiêm túc” của anh càng lên cao thì hình thù anh càng thay đổi. Người khô đét lại, thẳng đuốn như một cái áo quan, mắt chỉ biết trợn chứ không biết nhìn, mặt tái đi vì luôn luôn giận dữ với các loại khuyết điểm trên đời, hai hàm răng xít lại, dẫu có cạy cũng chẳng ra một nụ cười.

Từ khi trong phòng anh dán khẩu hiệu “đặt lợi ích chung trên lợi ích riêng” thì quả anh tỏ ra gương mẫu không ai bì kịp. Ở đâu và lúc nào anh cũng chỉ nói toàn chuyện công tác, không bao giờ dă động tới chuyện vợ con, gia đình. Anh kiêng những chuyện đó như bậc chân tu kiêng phạm giới. Thành thử chúng tôi mỗi khi thèm khát nói về đời tư của nhau một chút, thường phải chờ khi vắng mặt anh mới dám nói vì ngại bị phê bình là “cá nhân chủ nghĩa”, “gia đình chủ nghĩa” và nhiều chủ nghĩa tội tệ khác nữa. Cũng vì thế mà trong năm sáu năm trời công tác ở cơ quan, dưới quyền điều khiển của anh, tôi chỉ dám đánh bạo xin về thăm nhà một lần, khi nghe tin đứa con đầu lòng của tôi bị thương hàn nặng. Quả thực

trông bộ mặt thiếu nảo của tôi lúc ấy, anh cũng cho phép nhưng không quên kèm theo một câu: “đồng chí không nên nặng đầu óc gia đình nhiều quá!”. Tôi về đến nhà, thằng bé suýt qua đời. Nếu không nhờ hàng xóm láng giềng cứu sống nó thì tôi oán hận anh biết ngần nào! Thú thật có một lần tôi bắt gặp anh cũng “nặng đầu óc gia đình” nghĩa là anh viết thư gửi về nhà cho chị ấy. Đang đề phong bì, chợt trông thấy tôi, anh giấu bức thư xuống dưới một chồng sách. Tôi suýt phì cười nhưng cũng hơi mến anh, chính vì cái việc nhỏ mọn “viết thư cho vợ” đó.

Chùng cảm thấy mình cô độc, bất giác một hôm anh dán trên tường một khẩu hiệu mới “phải hoà mình với quần chúng” và lập tức thực hiện ngay. Mỗi ngày anh để ra mười lăm phút (có ghi trong thời khoá biểu) để săn sóc mọi người. Săn sóc đây có nghĩa là đến vỗ vai từng người rồi hỏi: “ăn cơm chưa?” hoặc “có khỏe không?” hoặc chỉ gọn lỏn có hai tiếng “thế nào?”. Người được hỏi, thấy cảm động, sắp bắt đầu kể lể tâm sự thì anh đã vội chạy sang phía người khác và hỏi nhưng câu đúng như vậy. Chẳng lẽ những lúc ấy chúng tôi lại nói thật với anh rằng: thà anh tặng chúng tôi mỗi thằng một nhát dao còn hơn ngày nào cũng vỗ vai thăm hỏi kiểu ấy. Chiều chiều cơm nước xong là có một giờ để dân vận (cái này cũng được ghi trong thời khoá biểu).

Đồng bào đã thuộc lòng những câu dân vận của anh: cụ bao nhiêu tuổi? Cụ có mấy con? Con cụ

làm gì? Người ta chưa kịp đáp câu này, anh đã hỏi sang câu khác. Có người đã bị anh hỏi như vậy hàng mấy chục lần. Sau những giờ dân vận, anh về ngủ yên giấc như đã làm tròn một nghĩa vụ lớn đối với giống nòi. Hồi ấy anh cũng có một người bạn thân. Đó là một sự lạ. Bạn anh tôi không nhớ tên là gì. Anh chàng ấy giống anh như tạc. Hai anh em gặp nhau mỗi tuần một lần vào chiều thứ bảy, rất đúng giờ (chắc là việc này cả hai đều có ghi trong thời khoá biểu). Trò chuyện tâm giao giữa hai anh cũng có “chương trình nghị sự”. Phần thứ nhất: phân tích tình hình thế giới, phần thứ hai: phân tích tình hình trong nước, phần thứ ba: phân nân về những kẻ sai lập trường. Khi các anh có vẻ đã ngấy nhau rồi thì bắt tay nhau và hẹn chiều thứ bảy sau lại gặp nhau. Thường lệ cứ sau đúng một tiếng rưỡi đồng hồ tâm sự là các anh ngấy nhau.

Tôi vừa nói tới hai chữ “lập trường”. Ài chà! Về vấn đề này thì thiết tưởng cả thế giới dân chủ khó lòng tìm ra một người “đúng lập trường” như anh. Tôi có nhiều dịp thấy rõ điều này. Anh thường nói: lập trường tỏ rõ nhất trong ngôn ngữ. Vì vậy ở điểm này anh ráo riết lắm. Đồng chí cấp dưỡng một hôm kho thịt, gọi món ấy là “thịt kho Tàu”, anh “chỉnh” đồng chí ấy ngay tại chỗ: “sao không gọi là thịt kho Trung Quốc?” Những tiếng ghép quen dùng như chè Tàu, giày Tàu... anh đều nhất thiết đổi là chè Trung Quốc, giày Trung Quốc v.v... Có lúc tôi đánh bạo góp ý kiến: “Ta gọi nước bạn là Trung Quốc thì

đúng lắm rồi, nhưng có một vài trường hợp thiết tưởng có thể linh động được chứ!”. Anh trừng mắt: “tư tưởng này là tư tưởng phá hoại tinh thần hữu nghị!”. Trong một phút đùa cợt, tôi ví cái dáng điệu lắc cắc của một anh bạn như dáng điệu “ét ô tô” thời Pháp. Thế là tôi bị phê bình nghiêm khắc ngay là “xúc phạm tới giai cấp công nhân”. Chẳng những chúng tôi mà cả quần chúng đông đảo cũng lắm phen được anh giáo dục về lập trường rất chu đáo. Từ sau phát động quần chúng có những vở kịch trình bày những cảnh địa chủ áp bức nông dân. Khán giả nhiều khi cảm động không cầm được nước mắt. Nghe nói thế, anh cũng chuẩn bị nước mắt từ ở nhà mỗi khi đi xem kịch. Thường thường anh khóc đúng lúc.

Nhưng cũng đôi khi khóc hơi bừa bãi. Thí dụ một buổi đi xem chèo, giữa lúc tên địa chủ trên sân khấu đánh nông dân mạnh quá, roi cả râu thì anh hu hu khóc. Những người xung quanh đang cười thì bị anh mắng ngay là “thương địa chủ, giết nông dân”. Mọi người lấm lét nhìn anh và cho đến khi hạ màn không ai dám cười nữa.

Về vấn đề phê bình và tự phê bình, anh cũng rất triệt để và có nhiều sáng kiến.

Mỗi tối trước khi đi ngủ, có mười lăm phút “tự tu” nghĩa là kiểm điểm lời ăn, tiếng nói, việc làm trong một ngày: anh này chót chê tác phẩm của một nhà văn nước bạn là kỹ thuật kém, anh kia chót để cho một người bạn thân ở xa biết địa chỉ cơ

quan, anh thứ ba chót sang xin nước uống của một bà hàng xóm, hại cho chính sách dân vận, đều phải kiểm điểm và truy động cơ tư tưởng cả. Chúng tôi ngồi xếp chân bằng tròn như những pho tượng trên chùa xung quanh ngọn đèn dầu lạc, ánh sáng hắt lên những nét mặt đăm chiêu, tiếng nói lầm rầm như đọc kinh sám hối. Ngày chủ nhật thường được nghỉ nửa buổi. Còn nửa kiểm thảo hàng tuần. Việc này làm kỹ hơn tự tu hàng ngày và phải vận dụng lý luận để phê phán lỗi lầm. Anh ngồi điều khiển, mặt đầy sát khí, cất tiếng rề rề như cái máy hát cũ đem những bài lý luận ra “đối chiếu với thực tế” và phê phán những khuyết điểm để xây dựng cho từng đồng chí. Anh có một lối “phân tích, tổng hợp, quy kết” các loại tư tưởng một cách rất khoa học. Một anh có bệnh ngủ gật trong khi học tập, bị anh phê phán như thế này: ngủ gật là coi nhẹ học tập, coi nhẹ học tập là coi thường lý luận của ta, coi thường lý luận của ta là đứng về phe phản động. Kết luận: ngủ gật là phản động. Tôi không tin rằng thâm tâm anh cũng nghĩ như thế. Tôi nhớ chuyện người của ông Goóc-ki cuối tuần lễ tập trung các cháu lại hỏi tội và vác roi quật những đứa nghịch ngợm. Ở điểm này quả anh giống người ông của Goóc-ki.

Nói đến Goóc-ki, tôi lại nhớ chuyện văn nghệ. Nói cho công bằng anh cũng là người có khiếu văn nghệ và có quan điểm văn nghệ riêng. Anh chủ trương rằng: văn Liên Xô nhất thiết hay hơn văn Trung Quốc, văn Trung Quốc nhất thiết hay hơn

văn Việt Nam. Ở trong nước thì văn sĩ cấp khu giỏi hơn văn sĩ cấp tỉnh, văn sĩ cấp tỉnh giỏi hơn văn sĩ cấp huyện. Hay hơn tất cả văn chương các cấp là ca dao ở các bích báo. Lý luận như thế cũng hơi đảo lộn trật tự nhưng thấy đúng quan điểm quần chúng anh lại yên tâm.

Chúng tôi sống luẩn quẩn với anh trong sáu năm trời đằng đằng. Cơ quan cũng có chuyển địa điểm nhiều lần. Nhưng bất cứ ở đâu, con người anh cũng lù lù như một cái bóng đen đè nặng lên cuộc đời chúng tôi. Chúng tôi đếm từng bước đi, nén từng hơi thở, ghìm từng lời nói. Chúng tôi sống thâm lặng, khép nép, như những người đàn bà tu kín, sắc mặt vàng vọt dần, mạch máu khô kiệt dần ở một nơi thiếu ánh sáng mặt trời.

Không biết trong bấy nhiêu năm, chúng tôi đã làm lợi gì cho ai? Và chính anh nữa, anh đã làm lợi gì cho ai?

Chúng tôi hồi đó chỉ có cái thú tai ác là rình lúc nào rảnh việc, tìm chỗ nào vắng nhất cùng nhau bàn về anh để giải trí. Có lúc chúng tôi ví anh như “ông Hít-le” (vì anh cũng đã bội lộ là đã có phen định làm ông Hít-le con cơ mà) có lúc ví anh như một gã thơ lại hách dịch, hoặc một cụ đồ gàn tuồng cách mạng toàn là chuyện chi, hồ, giả, dă... Chúng tôi vẽ bức biếm hoạ ngộ nghĩnh: anh xếp các khẩu hiệu làm bức thang leo lên ghế thủ trưởng. Chúng tôi còn làm ve đề dưới bức hoạ.

Anh định làm cho chúng tôi sợ thì quả thật anh

đã đạt được kết quả mỹ mãn: chúng tôi hàng ngày ngồi trước mặt anh làm việc như những cái máy, nói đúng hơn như những viên tiểu thơ lại. Nói chuyện với anh thì chỉ biết xã giao bằng những câu rất “đúng lập trường” rồi mong mỗi những phút được bá cổ nhau chạy ra chỗ vắng nói tếu cho nở phổi. Cộng lại những phút này cũng hiếm lắm. Trong giấc ngủ hình ảnh của anh cũng không để chúng tôi được nghỉ ngơi thật sự. Có đêm tôi mơ thấy hai cánh tay gầy guộc của anh có móng nhọn nắm cổ tôi lôi xuống một cái hầm tối om, đầy nắp lại. Có đêm lại thấy anh hoá ra con quạ đen quắp tôi bay đi như con đại bàng quắp nàng công chúa trong truyện cổ tích. Tôi thường kêu ú ớ hoặc nghiêng rống trong những giấc mơ kinh hãi đó...

Hồi tưởng lại cho kỹ trong ngần ấy năm cũng có một đôi lần, tôi thấy có cảm tình với anh. Cái lần đồng chí Mẫn ở Khu về có việc ở Ty, làm cho chúng tôi và cả anh ngẫm nghĩ.

Đồng chí ấy, kể ra không “oai nghiêm” bằng anh. Đồng chí ấy xuề xòa vui tính, thỉnh thoảng cũng nói tếu như chúng tôi. Tôi lấy làm lạ rằng trong những ngày tiếp đồng chí Mẫn, hình thù dáng dấp anh có đổi khác. Anh nhũn nhặn lắm. Bộ mặt trở nên hiền lành lại có vẻ đura trẻ ngoan ngoãn. Đồng chí ấy nói đùa anh cũng vàng vàng dạ dạ vì lâu ngày anh quên cả nói đùa. Sau khi đồng chí Mẫn đi, anh bắt chước tác phong của đồng chí ấy được vài hôm nhưng ngượng ngập trông thật tội nghiệp.

Trước kia anh đã lên cấp bằng con đường nghiêm khắc nay anh lại định lên cấp bằng cách vui tính nhưng than ôi! tre già uốn dễ gãy, lựa đèn khó nhuộm hồng.

Một kỷ niệm khó quên nữa là cái lần anh ốm nặng. Ngồi bên giường bệnh sẵn sóc anh, tôi được nghe anh kể chuyện nhà chuyện cửa. Anh nhớ bà cụ, nhớ chị và các cháu. Lại tả cảnh quê hương với những con đê rộng nhân. Tôi có ý nghĩ hơi tẻ: giá anh ốm mãi lại hoá hay. May sao khi anh khỏe lại thì tôi được điều động sang cơ quan khác...

Bây giờ nửa mừng nửa sợ được biết tin anh. Tôi hỏi chuyện anh em, có người tặc lưỡi nói: “Hắn vẫn như trước...”. Tôi không tin nhưng vẫn thấy ngại. Đêm nay tôi cố gắng bình tĩnh để quên mọi bức dọc cũ, viết thư cho anh. Việc đã qua thuộc về dĩ vãng. Tôi không trách anh đã làm phao phí tuổi trẻ và năng lực của một số người trong bấy nhiêu năm. Vì trách nhau cũng chẳng có lợi gì. Anh không phải là một người lắm cảm đau. Anh rất khôn ngoan nhưng đã tính toán lắm. Dựa vào một danh nghĩa lớn, anh làm toàn những việc tùn mủn. Cách mạng đấu tranh cho cái thật, anh dựa vào đấy để làm cái giả. Cách mạng yêu con người, anh không biết yêu con người. Cho nên có lúc xung quanh anh như lạnh lẽo toàn là tử khí. Xác chết toát ra thế nào được hơi nóng. Người khỏe mạnh, ai thích đến gần xác chết, kể cả xác chết người yêu. Anh chưa phải là một xác chết hẳn đâu. Thời đại còn có thể tìm thuốc hồi

sinh cho anh được. Anh nên sống cho trọn vẹn, cùng với mọi người xây dựng cuộc sống. Người ta sẽ yêu mến anh, anh cũng sẽ biết yêu mến mọi người. Cuộc sống sẽ thú vị biết bao! Tôi nói có vẻ nhà mô phạm lắm nhỉ! Đó là thói quen của nghề nghiệp. Anh hiểu cho lòng chân thành là quý.

(Trích *Giai phẩm mùa Thu* - Tập I)

*

HOÀNG TÍCH LINH

Hoàng Tích Linh, năm nay chừng 40 tuổi, quê ở làng Đông Ngạc, gần Hà Nội, em ruột nhà văn Hoàng Tích Chu và họa sĩ Hoàng Tích Chù. Cùng với Trần Dần, Hoàng Tích Linh tham gia bộ đội và công tác trong đoàn kịch của trung ương. Ông viết nhiều kịch ngắn, nhưng có hai bản chúng tôi trích sau đây là đặc sắc hơn cả.

Vở *Xem mặt vợ*, phù hợp với bài thơ “Tôi tìm em” của Tạ Hữu Thiện, nêu lên sự bất khoan của cả thế hệ thanh niên ở Bắc Việt hiện nay là các cô gái mà họ định lấy làm vợ, đã bị nền giáo dục cộng sản làm chột mất tình yêu. Các cô này chỉ quan niệm hôn nhân như một việc phục vụ Đảng, phục vụ “nhân dân”.

Vở *Com mới* tả một cảnh đấu tố trong chiến dịch Cải cách ruộng đất. Trong vở kịch một hồi này tác giả trình bày rất cận kề rằng không phải chỉ có giai cấp địa chủ mới bị khủng bố mà chính ngay bản cố nông, cả những bản cố nông đã hăng hái tham gia kháng chiến cũng bị khủng bố đến nỗi phải tự tử. Những tài liệu về “sửa sai” đăng trong báo Nhân dân

là báo của Đảng cũng nêu lên những vụ tương tự.

*

Xem mặt vợ (kịch ngắn một hồi)

Thời gian: Mùa thu, sáng chủ nhật

Nhân vật:

NGUYỄN, ngoài 30 tuổi, công nhân

Chị NGUYỄN, ngoài 30, bán hàng xén, tổ trưởng phụ nữ khu phố

TẤN, 25 tuổi, cán bộ công trường

LAN, 20 tuổi, bán hàng ở mậu dịch

DUNG, 18, y tá 1 cơ quan

Bài trí: Nhà Nguyễn ở một ngõ lao động. Căn buồng vuông vắn có mảnh vải hoa bạc ngăn đôi. Cửa phía trong, trông ra mảnh vườn nhỏ và bếp. Đồ đạc sơ sài mấy tấm phản, tràng kỷ, bàn ghế. Đồ chơi trẻ con bày khắp nhà. Tường treo nhiều ảnh chụp và tranh “Công nhân kiến thiết”, tranh “Thống nhất”, tranh “Bác Hồ với thiếu nhi”.

Màn mở lên

Cửa sổ và cửa trông ra phố mở tung. Nắng tràn vào trong nhà, những bức tranh màu sáng rực rỡ. Ngoài phố cảnh tấp nập một sáng chủ nhật.

Trên giường, anh Nguyễn chăm chú chữa radio. Chị Nguyễn nhanh nhẹn vắt lại cát màn, chiếu, quét giường.

CHỊ NGUYỄN, đáng vội vã – 7 ruỗi rồi. Cô ấy cũng sắp đến, nhà cửa lũng cùng thế này, cô ấy lại chẳng cười cho (vui vẻ thu dọn bàn ghế, một chiếc ghế đẩu).

NGUYỄN *vẫn lúi húi chữa, không ngừng đầu lên* –
Cái gì thế?

CHỊ NGUYỄN *nhìn chồng* – Anh ngồi sù sù từ sáng đến giờ cũng không biết bảo con để nó bày bừa ra nhà (*thu dọn đỉnh ốc, bóng đèn trên giường*). Con bày, bố cũng lại bày, ai chịu được. Để tôi mang vào trong nhà mà chữa nhá!

NGUYỄN – Cái gì?

CHỊ NGUYỄN – Cô ấy hẹn sáng nay đến chơi đấy! Ai lại nhà của luộm thuộm thế này trông sao tiện?

NGUYỄN – Cô ấy đến xem mặt chú Tấn, chứ xem mặt nhà mình đầu mà sợ. Rõ dở hơi lắm!

CHỊ NGUYỄN – Phải, chẳng biết ai dở hơi. Lúc anh hỏi tôi anh đòi đến xem nhà hàng chục lần thì sao?

NGUYỄN – Thì lúc ấy người ta cũng vờ thế mới xem mặt cô được kỹ chứ. Ai đòi xem nhà làm quái gì!

CHỊ NGUYỄN – Bây giờ việc trăm năm của chú Tấn phận mình là anh chị phải trông nom. Cảnh nhà mình lao động chẳng có gì, lại càng phải giữ thể diện cho chú ấy. Anh cứ để mặc tôi thu xếp... Tôi đã dạm hỏi cả thầy mấy đám. Chỉ có đám cô Dung này ưng ý nhất cả. Ít tuổi, tiến bộ, mẫu mực, lại có công tác tụt tụt được rồi. Chú Tấn nhà ta mà lấy được thì đẹp đôi lắm!

NGUYỄN – Biết vậy, còn tùy chú ấy chọn.

CHỊ NGUYỄN – Ai không biết là tùy chú ấy. Nhưng cũng phải biết ba bảy đường tùy. Giá chú ấy công tác ngay Hà Nội thì cũng còn dễ. Đảng này chú ấy công tác xa mới về, mình phải chọn nơi nào đích

đáng nơi ấy, chú Tấn với người ta chỉ gặp mặt nhau có một lần là xong việc rồi chứ! NGUYỄN – Xem mặt xong rồi cưới ngay...

CHỊ NGUYỄN – Chú lại dễ dãi như anh ấy à. Tôi tính chú ấy được nghỉ phép ba tuần. Lỡ dịp này lại xin phép khó khăn ra. Bên nhà người ta mới xem ảnh cũng đã thuận ý rồi. Sáng nay chú cô ấy gặp gỡ nhau xong là cưới phắt ngay được.

NGUYỄN – Cô cứ nói như mai cưới ngay được rồi ấy! Việc lấy nhau bây giờ người ta còn tìm hiểu nhau chán ra kia rồi mới đặt thành vấn đề hẳn hoi được.

CHỊ NGUYỄN – Ấy gặp nhau khắc hiểu nhau ngay chứ khó gì. Giai chưa vợ, gái chưa chồng bắt duyên nhau lắm. Con gái đang ế chồng khốn kia!

NGUYỄN – Đã chắc chú ấy bằng lòng chưa?

CHỊ NGUYỄN – Sao lại chẳng bằng lòng. Tôi đến chơi dò hỏi tính nết cô ta kỹ lắm rồi. NGUYỄN bật cười – Thế ngộ nhờ chú ấy không thích thì mình cũng bắt chú ấy phải thích à? CHỊ NGUYỄN – Chẳng còn đám nào hơn đám này đâu. Được cả hai chị em. Nhưng cô em là cô Dung mới có 18 tuổi. Trẻ măng mà ăn nói đã chừng chạc ra vẻ cán bộ lắm rồi. Tôi xem ý chú Tấn cũng tán thành món cô Dung đấy (gọi với trong sân) chú Tấn, chú Tấn ơi! Hãy nghỉ tay ra đây nói chuyện.

Tiếng Tấn ngoài vườn.

NGUYỄN – Này, thế còn cô chị?

CHỊ NGUYỄN – Cô Lan hơn em hai tuổi. Nhà ấy được cả hai đều xinh xắn cả.

NGUYỄN – À... thế để chú ấy gặp cả hai rồi thuận ý ai thì lấy.

CHỊ NGUYỄN – Sao anh lại cứ bàn lằng nhằng thế. Giới thiệu cô chị làm gì thêm nhiều chuyện ra. Cô chị tự nhiên lắm. Còn cô em nền nếp hơn lại có nghề trong tay. Tôi đã cân nhắc chán rồi. Chú Tấn công tác trên rừng trên rú phải tính lấy người biết thuốc men trong nom sản sóc mới được. Chú Tấn mà không lấy được cũng hờ.

NGUYỄN – Ờ, cứ kể thế thì lấy được đấy!

CHỊ NGUYỄN *cười* – Anh rõ thật “quan bầy cũng gặt, quan tu cũng ù” chẳng ra làm sao. Chú Tấn còn tinh hơn anh nhiều.

Tấn ra, nét mặt hí hửng.

TẤN – Anh chị nói xấu gì em thế?

CHỊ NGUYỄN – Chú ra đây. Tôi đang nói xấu chú đây này. Người đến là đoàng. Bàn chuyện cứ hay bàn ngang. Việc của chú có dở dang, chú cứ bắt đền anh đấy.

TẤN – Em bắt đền cả chị nữa.

CHỊ NGUYỄN – Tôi tính đầu vào đấy rồi. Chú nghỉ chẳng được bao ngày. Nhân tiện chú cần tiêm cho dứt nọc sốt rét đi. Tôi sẽ mách cô ấy từ mai ngày ngày đến trông nom thuốc men cho chú. Chú, cô tha hồ có cơ đi lại nói chuyện bàn bạc với nhau, thế có phải tiện cho mọi đường không?

NGUYỄN – Cô bàn cách ấy được đấy.

CHỊ NGUYỄN – Bây giờ xem mặt nhau cũng đã dễ dàng lắm đấy. Trước kia hỏi xem mặt tôi, anh chú

long đông hàng mấy tháng mà có được tích sự gì đâu. Ngày ngày đi qua hàng tôi, tiền đã chẳng có lại còn vờ hỏi hết thứ này đến thứ khác. Được thế, tôi càng trêu dấn. Lắm lúc nghĩ đến tức cười. Còn việc của chú tôi tính như thế, chú thấy thế nào?

TẤN – Cũng còn phải xem ý tứ cô ấy thế nào đã chứ.

CHỊ NGUYỄN *sốt sắng* – Tôi biết cả đôi bên. Từ hoà bình được học tập cô ấy tiến bộ nhanh lắm, gương mẫu nhất cơ quan đấy. Đôi bên hợp lắm rồi. Chú chẳng phải đắn đo gì nữa đâu. NGUYỄN – Ấy... việc này không hấp tấp được. Chú phải tìm hiểu cho thật chắc chắn đi. Thời buổi này phải hợp tình hợp ý, đôi bên thoả thuận cả mới nên lấy nhau. Sau này còn ăn đời ở kiếp với nhau không phải thắc mắc mà y may gì nữa có hơn không?

TẤN – Có thế nào cũng còn phải hỏi ý kiến anh chị nữa.

NGUYỄN – Cứ ý chú là chính. Anh chị có ý kiến chỉ là phụ thôi. Việc này dân chủ bỏn bót mới được. Bàn quá là nát. Lúc tôi lấy chị cũng vậy. Hai đứa ưng thuận nhau là lấy ngay, giá lại đưa cho ông anh, bà chị, ông chú bà thím bàn ra tán vào thì cũng chẳng xong đâu.

CHỊ NGUYỄN – Việc chú chẳng khó đâu. Người ta cũng dễ tính thôi. Chỉ cần chú với cô Dung quyết định nữa là xong.

NGUYỄN – Chú được nghỉ ba tuần phải tiến hành thế này mới chóng vánh được. Tuần đầu tìm hiểu, hai tuần sau cưới. Còn mọi việc cưới xin ra

sao, chú chẳng phải lo. Đã có chị, chị làm tổ trưởng phụ nữ khu phố tổ chức tập thể quen rồi.

CHỊ NGUYỄN – Mọi việc tôi đã tính toán đầu vào đấy. Chính quyền mời ai, khu phố mời ai, ban văn nghệ liên hoan thế nào đã sẵn sàng cả rồi chú không ngại việc đó.

NGUYỄN – Thôi phiên phiên thôi. Người ta đến dự cưới chứ có đi họp đâu. Cô đã dự nhiều đám rồi về kêu ca mãi mà bây giờ lại còn bày vẽ ra...

Cô Lan đẩy xe đạp ngoài cửa.

CHỊ NGUYỄN, *thấy trước, giục chồng* – Đẩy các cô ấy đã đến kia. Nhanh tay lên anh (*Nguyễn mang vội đồ chứa ra-đi-ô vào trong nhà. Chị Nguyễn vui vẻ bảo Tấn*) Kia chú, chú cũng vào thay quần áo đi. Ai mặc áo lót thế kia mà lại định xem mặt vợ bao giờ?

Chị Nguyễn đon đả ra tận cửa đón.

LAN *nhANH NHẸN vui tính* – Chị! Lần đầu đến chơi chị lại đến muộn để chị phải đợi lâu quá.

CHỊ NGUYỄN – Cô ngồi đây. Các cô đã hẹn hôm nay chủ nhật lại chơi, tôi yên trí không sáng thì chiều thế nào rồi các cô cũng đến.

LAN – Sợ chị đợi em phải đến trước đấy. Dung bận tí việc đến sau chị ạ.

CHỊ NGUYỄN – Ấy, cứ thấy cô Dung là thấy bận. Công tác của cô ấy vất vả thật. Có lẽ chủ nhật cũng không được rồi mấy cô nhí.

LAN – Em Dung không bận lắm đâu. Công tác như em thôi. Chủ nhật cũng được nghỉ cả ngày. Có hôm nay Dung tạt qua cơ quan báo cáo chắc cũng sắp lại đây.

CHỊ NGUYỄN – Ra thế... tôi lại cứ tưởng... Hôm nay cô lại chơi. Chỗ cô tự nhiên cứ coi như người nhà mới nói thẳng thắn ngay vào việc được...

LAN *cười tinh ý* – Em biết loáng thoáng rồi. Hôm nọ bác Phúc có đưa cho chúng em xem ảnh của anh Tấn. Nếu hợp tình hợp tính thì càng tốt. Đằng em với bên nhà chị lại thành chỗ người nhà chị nhỉ?

CHỊ NGUYỄN – Thế còn gì bằng nữa. Chú em nhà tôi năm nay 24 tuổi rồi đấy. Nói chuyện vợ con cứ chối đây đấy. Tính người cũng dễ dãi. Là người kháng chiến thật đấy mà ăn nói còn lúng túng lắm.

LAN – Bây giờ phụ nữ chúng em mong lấy chồng hay chứ chẳng cần người nói hay, chị ạ.

CHỊ NGUYỄN – Vẫn biết thế... nhưng cách thức Hà Nội ta biết ăn nói vẫn hơn có phải không cô?

LAN *hóm hỉnh* – Chúng em đã bảo nhau rồi. Chồng con không cùng một chí hướng cũng cắt đứt. Không chồng suốt đời cũng được.

CHỊ NGUYỄN *cũng cười* – Cô nào cũng nói như vậy mà chả cô nào cứng rắn mãi được đâu. (*Tấn ra*) cô Lan đến chơi... Chú ngồi đây.

LAN *tự nhiên* – Anh công tác ở công trường.

TẤN – Vâng, ở công trường cầu cống.

LAN – Vui lắm phải không anh?

Chị Nguyễn lặng lặng mang ấm nước vào.

TẤN *tự nhiên hơn* – Thích nhất chỗ công trường tôi làm là công trường động. Ở chỗ này vài tháng xong việc lại chuyển đi nơi khác. Hai năm nay chuyển ba lần. Hết Bắc Giang lại Việt Trì rồi Lao Kay. Rồi sắp vào Thanh, xuống Vinh.

LAN – Công tác của anh được đi nhiều nơi thích nhỉ.

TẤN sồi nổi – Sau này thống nhất, con đường còn dài, còn nhiều cầu cống, còn khai phá nhiều đường mới. Chỉ sợ chân mình không đi hết được. Tính tôi quen từ nhỏ như hòn bi, ngồi lì ở một chỗ không chịu nổi.

LAN – Thế những người ngồi lì mãi Hà Nội thì anh bảo sao?

TẤN – Tại mỗi người một tính, một nét. Hợp đâu, thích đấy.

LAN – Thế chắc anh không thích Hà Nội.

TẤN – Hà Nội lại khác. Năm 50 tôi còn học kỹ nghệ, sau thích hoạt động mới bỏ học ra kháng chiến. Công tác xa Hà Nội thực, nhưng vẫn nhớ chứ. Tôi thích công tác liên miên vài tháng mới lại về Hà Nội một lần.

LAN – Nghe anh nói cũng thích rồi, công tác hợp mới phấn khởi được (*hơi buồn*) công tác tôi lại khác hẳn anh.

TẤN – Tưởng chị làm ở mật dịch đông người mua bán chắc phải tấp nập suốt ngày.

LAN – Bề ngoài thế thôi, trông vui mắt nhưng buồn lắm, anh ạ. Ngày hai buổi lại bán hàng, lại ghi sổ, lại thu tiền. Mà khách hàng khó tính không chịu được. Lắm lúc bực gắt lại bị phê bình.

TẤN – Tại chị chưa quen đấy.

LAN – Không phải quen đâu. Phê bình không đúng mới bực mình chứ.

TẤN *đùa* – Chị nói thế chẳng ma nào muốn xin vào mậu dịch bán hàng nữa.

LAN *cười* – Thì anh vừa bảo, tại mỗi người một nết, hợp đầu thích đấy, (nghĩ ngợi) chỉ tại cần phải đi làm để đỡ cho mợ tôi ở nhà quán chỉ kiếm không đủ nuôi các em đi học. Tính tôi lại thích bay bổng, nhưng bay bổng khác anh kia. Tôi đang học thêm nhạc. Rồi tôi sẽ hát ở đài phát thanh. Lúc ấy tiếng hát của tôi sẽ vang đi khắp nơi, tôi sẽ hát cho mọi người nghe... Tôi tin là tôi phục vụ được nhiều hơn bây giờ.

TẤN – À... lúc ấy tôi công tác xa mà nghe được tiếng hát của người mình quen biết chắc thích hơn cả.

LAN – Anh cũng thích hát à?

TẤN – Tôi không biết hát nhưng thích nghe hát. Tính tôi như ngựa lồng thế này không thích ca hát sao được. Tôi cho chỉ có bụi là không thích nghe hát mà thôi.

Hai người cùng cười thân mật hơn. Chị Nguyễn mang nước ra, chợt thấy, hơi khó chịu, lại lẳng lặng quay vào.

LAN – Nhiều người không thích hát chứ. Mợ tôi, cả Dung cũng thế. Chỉ có mấy em nhỏ là nó thích bắt tôi hát luôn. Mợ tôi bực lắm, nhưng tôi lại hát để tập dượt nhân thể.

TẤN – Thế chị hát cho tôi nghe một bài. Lần đầu gặp chị lại được nghe chị hát.

LAN *tự nhiên ngượng ngịu* – Ai lại thế bao giờ. Lần khác, anh ạ.

Yên lặng, Tấn suy nghĩ nhìn Lan.

LAN – Ồ, sao mãi Dung không lại? (lảng sang chuyện khác) Anh còn nghỉ, mời anh lại chơi nhà.

TẤN – Tôi mong thế lắm. Cũng muốn đến luôn. Chỉ sợ phiền...

LAN – Có gì là phiền đâu. Anh cứ đến chơi. Tối nào Dung cũng có nhà. Quen chị ở đây là được biết anh, mà tính anh tự nhiên càng dễ gần hơn chứ.

TẤN *vui vẻ* – Thế tôi sẽ đến luôn. Và chị phải hát nhé. Rồi tôi sẽ cho chị xem nhưng kỷ niệm kháng chiến của tôi.

LAN – Ồ... thế anh phải cho tôi xem trước rồi tôi mới hát.

TẤN – Mà chị phải hát thật hay kia.

LAN cười – Nhất định thế. Tiện bây giờ anh lấy cho xem trước đi.

TẤN *thân mật* – Nhưng chị cũng phải hát ngay đấy nhé. (*Chạy vào trong đem túi dệt ra*) Công tác nay đây mai đó rất cần kỷ niệm (*giở túi dệt, tu lự*) giờ cho chị xem, chị hiểu được hết đời tôi đấy.

Hai người sát vai nhau.

TẤN – Đây, chiếc túi gấm thêu và con dao là của mẹ nuôi người Thổ, chợ Chu, hồi bà cụ còn con gái. Hôm bà cụ sắp chết, không chôn theo, bà cụ cho đứa con nuôi người Kinh làm kỷ niệm. Cứ một vật này hôm nào lại chơi tôi kể cho chị nghe cũng nhiều chuyện rồi. Có lẽ để tôi giờ cho chị xem trước tập ảnh thì hơn.

Hai người cùng nhau giở chung ảnh. Anh Nguyễn ra

lấy cái dùi ở giường đằng sau. Cả hai cùng không biết.

TẤN – Ra kháng chiến tôi vào ngay bộ đội. Ảnh này chụp ở cầu Hàm Rồng sau chiến dịch Hà Nam Ninh, đây là những ảnh dân công khi tôi chuyển sang công tác ở Sông Đà. Đây, ảnh mẹ nuôi tôi. Và ảnh tôi mới chụp.

LAN xem kỹ – Ảnh này đẹp hơn ảnh bác Phúc cho xem trước (*nhìn Tấn*). Trông trẻ mà giống anh hơn (*cười*). Thế mà anh lại định giấu diếm.

Dung vào, áo cán bộ màu xanh. Cả hai vẫn không biết. Dung ngập ngừng không đánh tiếng.

CHỊ NGUYỄN vừa ra trông thấy – Kìa cô Dung. Cô vào đây. Đợi mãi cô.

DUNG – Chị mặc em.

LAN – Sao chậm thế, hờ Dung?

CHỊ NGUYỄN kéo ghế vồn vã – Cô ngồi đây... Chú Tấn lấy hộ chị ấm nước.

DUNG với LAN – Bực quá, chị ạ. Công đoàn gì mà chủ nhật đi chơi hết. Em đợi hơn nửa giờ, chẳng gặp ai.

LAN – Chẳng vội. Lúc nào báo cũng được.

DUNG – Nên báo cáo ngay chị ạ. Công đoàn còn theo rồi giúp đỡ ý kiến chứ.

CHỊ NGUYỄN bảo LAN – Cô Lan này, ra chợ xem gian hàng của tôi đi. Không lại báo biết nhà mà không biết cửa hàng.

LAN – Vàng... đi đi chị.

Cả hai cùng ra. Tấn và Dung yên lặng.

TẤN – Cô vẫn làm việc?

DUNG – Vâng, tôi làm việc ở Bộ. Ở Bộ bận hơn các cơ quan khác.

Yên lặng.

TẤN – Tôi mới về hôm qua. Được nghỉ hơn 20 ngày.

DUNG – Chỗ anh công tác, y tế phục vụ có bảo đảm lắm không?

TẤN – Cũng khá.

DUNG – Công trường càng cần phải tích cực chống sốt rét mới thực hiện được kế hoạch 56.

Lại yên lặng.

TẤN – Tôi về cũng có ý định lập gia đình. Thấy chị tôi nói chuyện nhiều về cô. Trong thời gian nghỉ mong được trao đổi với cô.

DUNG – Vâng,... Việc này anh hãy thư thả. Mọi tôi cũng đã biết rồi. Nhưng tôi chưa báo cáo Công đoàn. Tôi định đến nhưng không gặp.

TẤN – Trước hết là chúng ta tìm hiểu nhau đã.

DUNG – Theo ý tôi trước hết là tổ chức cơ quan phải biết đã. Như vậy đảm bảo hơn.

TẤN – Vâng, thế cũng được.

DUNG – Bộ không định hản nguyên tắc đó. Nhưng chính bây giờ tôi lại thấy cần phải có tổ chức xây dựng cho mình. Mọi tôi cũng thấy thế là đúng.

TẤN – Tôi cũng không phản đối việc đấy.

DUNG – Như vậy chỉ có lợi mà không ảnh hưởng đến sau này phải không anh? Về điểm này tôi và anh cùng giống ý nhau rồi đấy.

TẤN bắt đầu khó chịu – Vâng.

DUNG – Còn khó khăn nữa là tôi với anh công

tác không những xa mà lại khác ngành nhau. Ăn ở với nhau rồi khó.

TẤN – Sau này sắp xếp công tác cùng một cơ quan cũng dễ thôi. Cái khó là sợ không cùng một chí hướng, tình cảm.

DUNG – Tôi tưởng chúng ta cùng phục vụ cho cách mạng là cùng một chí hướng rồi. Hơn nữa, anh lại là gia đình công nhân, thế càng tốt.

TẤN – Vâng.

DUNG – Tôi về, anh ạ. Tôi báo cáo với Công đoàn rồi lại gặp anh. Đến tối... à tuần này tôi mắc học cả. Có gì, lại sáng chủ nhật sau, anh nhé.

Lan vào hơi ngạc nhiên.

LAN – Dung đã về à? Ngồi đây chơi đợi chị Nguyễn.

DUNG – Chị về sau.

LAN – Này, Dung đi đâu vội thế?

Dung vẫn đứng cửa.

LAN – Anh Tấn nghỉ phép không lâu đâu. Công tác xa ốm yếu xanh lăm, cũng cần tiêm cho khoẻ. Có thuốc sẵn rồi. Dung xem giờ nào tiện, ngày ngày đến tiêm cho anh Tấn.

DUNG nghĩ ngợi – Cũng hơi phiền, chị nhỉ (*một lát*). Thế chưa tiện đâu. Để em báo cáo với cơ quan đã. Sáng chủ nhật sau, chị ạ...

LAN *băn khoăn* – Dung, Sao Dung phải để đến tuần lễ sau mới lại được? Dung nghĩ xem: Anh Tấn được nghỉ phép có ít ngày. (*Không tiện nói hết ý mình, như năn nỉ với em*) Dung đến vào buổi tối thôi mà.

DUNG *thần nhiên* – Tuần lễ này buổi tối em bận mà vấn đề của em với anh Tấn nên nghiên cứu kỹ về mọi mặt... Em không thể làm hơn được. Đến chủ nhật sau chưa muộn. Thôi em về đây, chào anh nhà.

Dung ra vội, Lan cũng lúng túng đứng dậy.

TẤN – Chị cũng lại định về ?

LAN – Không... không... Phiền quá nhỉ! Hay là, chiều anh lại chơi với mẹ em? Dung có nhà đấy.

TẤN – Tôi không cần tiêm và cũng không cần...

LAN sốt sắng – Cần lắm chứ. Anh cần phải khỏe. Anh còn phải công tác nhiều.

TẤN – Không, tôi không muốn (*tha thiết nhìn Lan*) Tôi mong cô hiểu...

LAN *cảm động* – Để tôi bảo Dung.

TẤN – Không, Không! (*càng tha thiết*) Cô Lan!

LAN *thêm lúng túng* – Anh bảo gì em kia?

TẤN *cũng lúng túng* – Tôi muốn nói chuyện với cô... cô Lan!

LAN *ngượng* – Vâng.

TẤN *sôi nổi âu yếm* – Lan! Biết Lan, tôi thấy mến Lan hơn, tôi không thể...

LAN *thẹn nhưng sung sướng* – Em không... Ai lại thế bao giờ? Em về đây (*bỏ chạy ra cửa*).

TẤN – Cô Lan, Lan (*chạy vào trong nhà, dắt xe đạp ra, nói với*) Anh cho em mượn xe đạp một lát nhé.

Đến cửa gặp chị Nguyễn về.

CHỊ NGUYỄN *ngạc nhiên* – Chú vội đi đâu đấy!

Tấn không kịp trả lời, lên xe hấp tấp. Anh Nguyễn cũng vừa ra.

CHỊ NGUYỄN – Cô Dung đâu?
ANH NGUYỄN – Ai biết đâu đấy!
CHỊ NGUYỄN – Sao chú Tấn lại đi với cô Lan?
ANH NGUYỄN – Lạ thật! Sao mình lại hỏi tôi?
Chú Tấn chọn vợ chứ mình chọn vợ à? Dở hơi lắm!
Thôi mình vào khiêng giả lại tôi cái radio ra chữa đây.
Hai người cùng cười. Vào phía trong.
Màn từ từ khép theo.

2-9-56

(Trích báo *Nhân văn* số 2, 30-9-1956)

*

Cơ mới (kịch một hồi)

Nhân vật:

CHUNG: Xã đội trưởng trước Cải cách

TÂM: Em gái Chung 15, 16 tuổi

THUY: Cốt cán đã đính hôn với Chung

Cụ CANH: Chở đồ ngang cùng ngõ nhà Chung

Bà TUỒNG: Gọi tắt là mẹ Lớn, cùng ngõ nhà Chung

LỚN: Cốt cán

Cảnh: Một làng ven sông. Một bến nhỏ sang ngang. Nhà Chung ở sát sông, một căn nhà gianh một gian hai chái.

Bối trí: Cảnh giữa nhà. Bên trái là bếp, bên phải có liếp ngăn sang buồng bên. Đồ cột hai đầu gian ọp ẹp, thấy hai cây buong to dựng chênh chếch. Đồ đạc cũ kỹ: một giường, một chõng tre. Kê sát vách, một bàn con làm bàn thờ, có bát hương bằng sành, một bát con đựng nước cúng. Quang cảnh lạnh lẽo như đã lâu không

người trông nom tới: Lưới vó để cạnh liếp, tranh rách từng mảng lớn, khẩu hiệu trên tường ám khói vàng khè, thúng, sào lồng chống ở một góc.

Cửa sổ trong nhà nhìn thấy sông. Cửa chính trông ra sân đất. Cổng tre, khóm mía, bụi chuối. Qua cổng thấy bãi ngô bát ngát, con đường trong ngô thoai thoải xuống bến.

Màn một - Canh ba. Trong xóm gà gáy rộn lên một lúc rồi im bặt. Thua thót bên kia sông chó sủa vọng sang. Bên ngoài cửa sổ ánh trăng cuối tháng mờ và lạnh. Trong nhà tranh tối tranh sáng.

Tầm đắp chiếu ngủ ở chõng. Chung vẫn thức ngồi bó gối rầu rĩ...

Tiếng chó bông sủa vang. Chung chạy ra nhìn qua kê liếp.

TẦM (vùng dậy) - Gì thế anh?

CHUNG - Im, du kích.

TẦM - Người ta đến bắt anh, anh ơi.

CHUNG - Im đã **TẦM**. (Nghe ngóng tiếng chó sủa về phía khác, xa dần) Du kích đi tuần đấy. Không có gì đâu. Em lên mà nằm đi **Tầm**.

(**Tầm** lắng lắng lên chõng đắp chiếu. Chung lại giương ngồi bó gối nhìn trăng sáng ngoài cửa sổ.)

CHUNG (thấy **Tầm** cựa mình) - **Tầm** ngủ đi chứ. Còn lâu mới sáng, cố chợp mắt đi lúc nửa **Tầm** ạ!

(**Tầm** nằm không yên chỗ.)

TẦM- Anh này, người ta rủ nhau dỡ khoai non, em cũng dỡ vài luống ở bãi nhà.

CHUNG - Sáng lên xin phép đội đã.

TÂM (*thở dài*) - Xin chả được, gạo cứu đói cũng không thấy họ nói đến nhà ta nữa là. Anh mặc em, tang tảng sáng em lẩn ra bãi, không ai biết đâu anh ạ!

CHUNG - Mày làm thế lại thành tội phá hoại sản xuất đấy. Liệu thế không được, cứ lên đội xin.

TÂM - Khó lắm anh ạ.

CHUNG - Ủ, mà xin cũng chẳng được đâu. Người ta đang nghi phản động, ai cho. Nay tao bảo, chuôm Đồng Sậy tát tối qua, sáng nay ra hái sớm khéo thì kiếm được một bữa. Hôm nay hai mươi mốt, phiên chợ Ngừ đấy, sang chợ mà bán...

(*Một lát yên lặng*)

CHUNG (*như không yên tâm*) - Nay Tâm, mày xem kỹ lại xem có cái gì khác nữa không?

TÂM (*nghe ngóng*) - Không có gì khác đâu. Cái gì hở anh?

CHUNG - Còn cái gì nữa? (*băn khoăn*) Nay Tâm, hôm u mất thế nào? (*thấy Tâm ngờ ngác*) Ờ... cái hôm u mất ấy, thế nào? Mày nhớ kỹ lại xem, đầu đuôi ra làm sao?

TÂM (*trố mắt nhìn anh*) - Khổ quá, em kể không biết bao nhiêu lần, anh còn cứ hỏi mãi. Hôm ấy, quá nửa đêm đi họp về, em vẫn thấy đèn điều để ở đầu giường. Em cho là lúc tối có ai đến thăm u. Đèn vận nhỏ li ti bằng hạt đỗ.

CHUNG - Chính mày trông thấy đèn sáng à?

TÂM - Khổ, thì em còn vận to lên cơ mà. Đèn và điều ở giường anh (*đến chỉ cho Chung xem*) ở chính giữa giường này này. Sau em còn hỏi u một câu.

Không thấy u trả lời. Em nghĩ u mệt ngủ say, em không hỏi nữa, em lăn ra ngủ thiếp đi một mạch. Mãi tang tảng sáng cũng bằng giờ này, em gọi u bốn lần câu không thấy thưa, em mới chạy vào buồng lay u dậy, thì u đã mất tự bao giờ. Em vẫn đinh ninh u mệt qua quýt thôi, ai ngờ...

CHUNG - Quái lạ, ai đến để đèn điều ở giường này mới được chứ? Tao chẳng còn hiểu làm sao nữa!

TÂM - Nhất định không phải u bị giết. Đội khám đi khám lại có thấy vết tích gì đâu?

CHUNG - Khám với xét. Nếu thực có đứa mạnh tâm giết u, nó không dại gì để xác u trong buồng rồi. Nhà mình sát nách bờ sông thế này, nó lẳng ngay xác xuống sông cho mất tích có hơn không?

TÂM - Sao anh không nói rõ với đội thế?

CHUNG - Nói với ai? Bây giờ tao nói ai nghe? Đến trẻ con trong làng cũng chẳng thêm để ý đến nữa là cốt cán với đội. Ở tận đâu đâu đến, biết thế nào chuyện làng người ta. Biết thế nào được người tốt người xấu...

TÂM - Cái anh Lớn ấy mà cũng là cốt cán được!

CHUNG - Cái thằng Lớn lộc ngà lộc ngọc cắn hạt cơm không vỡ ấy biết cái gì, thiên lôi chỉ đâu đánh đấy, chỉ tổ làm nát làng ra. Nhưng chết là ở cái con mẹ nó, con mẹ ranh càn sát ấy nó xúi bẩy (một lát) ấy thế mới chết, những đứa xấu bụng mới được dịp đổ vấy cho tao chủ trương phá tề, dắt Tây về tổng càn vùng này. Đến việc u chết vừa rồi chúng nó vu là âm mưu của địa chủ Quỳnh sai tao làm để

bịt đầu mối tổ chức cũ. Đèn đuốc và mìn vừa kẻ đầy cũng do tao bày ra thế để đánh lạc hướng nông dân (*mặt tức tối*). Nào tao là Quốc dân Đảng phản động. Nào là tao cấu kết với thằng Quỳnh giết u. Nói thế mà nghe được!...

TÂM - Khẽ chú anh.

CHUNG (*càng nói to*) - Tao không sợ. Tao thế nào cả làng này biết rồi.

TÂM - Vừa chập tối, đội bắt thằng Quỳnh...

CHUNG - Lại rồi ren thêm. Cung cách này là sắp bắt lung tung cho mà xem.

TÂM - Bây giờ làm thế nào hở anh? (*Tiếng chó lại sủa. Trong nhà im bật.*)

CHUNG - Hừ... Du kích lại đi rình. Đêm nào cũng đến rình... Rình cái gì mới được chứ! (*không bình tĩnh nổi*) Theo kháng chiến bằng ấy năm giờ, bây giờ cũng hoá thành công cốc. Bao nhiêu công lao đổ xuống khúc sông này hết... Đến nước cùng này...

TÂM (hốt hoảng) - Bây giờ, biết làm thế nào hở anh?

CHUNG - Làm thế nào nữa... Tâm mày, bây giờ họ hàng không ai dám chứa mày đâu, mày cũng đừng đi lại nhà ai thêm khổ người ta ra. Nếu tao có thể nào, tao chỉ dặn mày liệu bấm bụng mót mét sống qua ngày, em ạ...

TÂM - Hôm nay cũng vừa đúng tuần bốn chín ngày của u anh ạ.

CHUNG - Ủ.

TÂM - Anh có cùng u không?

CHUNG - Cúng lễ gì!

TÂM (buồn rầu nhìn anh) - Thế, thôi hờ anh?

CHUNG - Chẳng thôi thì lấy gì mà cúng?

TÂM - Hay là em chạy giạt tạm vài bát gạo.

CHUNG - Ai dám dây dưa với nhà mình nữa.
Không vay mượn gì hết.

TÂM - Hay là em chạy sang sông.

CHUNG (*trùng mắt*) - Nhà cái Thuỷ ấy à? (*thấy Tâm ấp úng*) Tao cấm đấy. Không được đi lại nữa.

TÂM - Chị ấy...

CHUNG - Chị ấy làm sao?

TÂM - Không...

CHUNG - U chẳng khen ngoan với hiền hậu nhất làng nữa đi. U chết nó có lai vãng thăm hỏi u được câu nào không? Cũng chẳng lên hàng cốt cán rồi mà. Tình nghĩa khối ra đấy!

TÂM - Chị ấy ở tận xóm lẻ bên kia sông.

CHUNG - Thì nó thường sang bên này họp hàng xã đấy thôi. Nhưng từ hôm ấy đến giờ, hàng tháng rồi có dám bén mảng đến đây không? Mà bảo xa xôi cách rách gì cho cam. Có điều giờ nó thay đổi rồi. Tao biết lắm...

TÂM - Anh đừng nói. Chị ấy đâu thế...

CHUNG - Không thế mà lại phải trốn tránh. Phải tránh mặt đi. Tránh nhà này là nhà phản động. Nhà tay sai địa chủ.

TÂM - Em nghĩ chẳng lẽ nào.

CHUNG - Đấy mà xem... cũng may mà u tính đợi xong Cải cách mới cưới, nếu không về nhà ta rồi, cơ

màu này nó cũng cắt đứt thôi... Tao biết lắm... Thói đời như vậy cả, khi vui thì vỗ tay vào...

TÂM - Anh để xem thế nào đã. Chưa chi...

CHUNG - Còn để xem thế nào nữa? Hòm hộp Đảng khai trừ tao, nó là cốt cán ngồi lù lù trước mặt tao chớ đâu. Người ta vạch cho tao hàng hà sa số là tội. Toàn là những tội không đâu, mà nó thìn thít có dám mở miệng phân trần cho tao được một câu nào. Thử hỏi tao lăn lộn dọc đê với con đường số 5 thế nào, nó ở trong hàng ngũ du kích phải biết rõ hơn ai chứ? Sao nó căm hòng? Sao nó về hòa với người ta ăn không nói có cho tao? Bắt tình bắt tội tao...

(Tâm nín lặng. Bỗng tiếng đập mạnh gọi cửa. Tiếng chó giật giọng sủa vang. Tiếng gọi cửa liên tiếp.)

TÂM *(như khóc)* - Tiếng anh Lớn và du kích...

CHUNG - Cú ra mở cửa.

(Tâm run càng luống cuống loay hoay mãi không mở được then.)

CHUNG - Việc gì phải sợ thế, để tao mở cho.

(Cửa mở, Lớn, cao lớn, lộc ngọc vác súng vào. Bóng du kích thấp thoáng đi lại ngoài sân.)

LỚN - Sao chậm mở cửa? *(Yên lặng)* Sao đêm vẫn rì rà rì rầm chuyện?

TÂM - Có chuyện gì đâu?

CHUNG - Không phải đối quanh. *(với Lớn)* Rình nghe khắc biết rồi còn phải hỏi gì nữa?

LỚN - Lại sắp sửa ngoan cố! Này, đội cho gọi anh đến văn phòng ngay. Lên đấy mà ngoan cố...

TÂM - Thôi chết rồi anh ơi!...

CHUNG (cổ bình tĩnh) - Tầm, em đừng làm rồi lên như thế, ở nhà nhớ những điều anh dặn đấy.

TẦM - Khổ thân, anh tôi có làm gì đâu cơ chứ?

LỚN - Không làm gì à, không làm gì mà bà cụ lăn đùng ra chết?

TẦM - U tôi chết thật.

LỚN - Đòi thuở nhà ai chết gì mà lại tự nhiên thế? Đền diếu lại xếp đảng hoàng trên giường như bình thường có khách đến chơi ấy. Lại còn oan lắm hả?

CHUNG - Tầm không phải nói nhiều.

LỚN - À không nói, không nói à? Này đầu đảng thủ mưu thằng Quỳnh bị bắt rồi. Anh là nông dân nên đối xử có khác với địa chủ, không thì ai cho anh đứng đấy mà lý sự hả?

CHUNG - Tôi không làm, không biết.

LỚN - À thế nào? Không làm, không biết? Tội rành rành ra đấy rồi không nhận cũng tù tội kia mà. Lên đội...

CHUNG (*ra cửa*) - Nông dân xử ỨC nhau, mới phải chịu nước này...

LỚN (*gọi giật lại*) - Ấy, hẵng khoan... Còn lá cờ tam tài của chi bộ cũ các anh đâu? Mang lên nộp đội.

CHUNG (*ngạc nhiên*) - Lá cờ nào?

LỚN - Lá sắp ngoan cố. Lá cờ tam tài của chi bộ cũ các anh, chứ còn lá cờ nào nữa?

CHUNG - Ô hay, lá cờ nào?

LỚN - Này bảo thật, đừng trí trá nữa. Lá cờ hồi tổng càn, các anh thường treo ở điểm dẽ dề đầu làng để họp kín ấy.

CHUNG (*mới sực nhớ*) - À...

LỚN - À, anh thấy chưa? Cứ tưởng đây không biết hẳn. Không việc nào anh giấu nổi nông dân được đâu. Lần nào họp anh cũng treo cờ Pháp, lần nào cũng bắt chị Thuý vác súng đứng gác cho các anh? Có đúng thế không?

CHUNG - Cái Thuý nó tố thế?

LỚN - Tôi hỏi các anh có họp không đã?

CHUNG - Họp... Có họp...

LỚN - À... Thế còn chống chế gì nữa?

CHUNG - Anh biết gì? Đây là họp chi uỷ bàn kế hoạch đánh Tây. Nhiều lần có cả đồng chí Tường, huyện uỷ đến khai hội.

LỚN - Thế nào anh cũng lý sự được. Họp đánh Tây mà lại treo cờ Pháp.

CHUNG - Anh không biết gì thật. Lúc ấy không treo cờ Pháp, Tây nó bắt rảo, võ cơ sở như bồn, tường chuyện chơi à? Anh tản cư biết đâu chủ trương của huyện?

LỚN (*sùng sộ*) - Tản cư. Tản cư thì không biết hả?...

CHUNG (*vẫn bình tĩnh*) - Hừ... Lúc Tây còn, anh tản cư không biết thật đấy. Đây là mọo du kích.

LỚN - Cái gì? Mọo... Mọo gì? Cứ tưởng người ta không biết cả đấy. Đêm qua thằng Quỳnh thú nhận khai nhận hết tội rồi.

CHUNG - Mẹ kiếp thằng Quỳnh. Thằng địa chủ Quỳnh khai láo cũng nghe theo nó à?

LỚN - Không lý sự được với anh, tôi chỉ hỏi: Lá cờ đâu?... Nói...

CHUNG - Tôi không biết.

LỚN - Lại không biết? Ngoan cố (*tức tối nhìn Chung*). Thế anh mạnh tâm cho địch bắn chết đồng chí Tường huyện uỷ của ta, anh có biết không?

CHUNG (*khổ sở*) Tôi... Tôi giết đồng chí Tường?... Thế này thì quá lắm. Đồng chí Tường bị giặc bắn chết trên lưng tôi khi công đồng chí bơi qua sông chạy càn.

LỚN - Không nghe anh được, anh mưu mô gớm lắm! Anh chui vào phá Đảng, giết hại các đồng chí Đảng.

(*Chung lặng người bấu chặt vào khung cửa.*)

LỚN - Cứ tưởng đây không biết. Anh còn mê hoặc cô Thuỷ xóm bên sông. Anh định dụ dỗ lôi kéo người ta vào tổ chức của anh. Cũng may cho người ta chưa lấy phải thứ anh, không lại uống phí cả một đời người.

CHUNG - Hừ... đến thế này được ư? (*quay lại với Tâm*). Hôm nay anh đi không chắc được về. Sau này khắc hay em ạ...

TÂM - Anh ơi, có tội tình gì?

LỚN (*ra theo*) Còn thế nào mới là tội nữa?

(*Tâm khóc định chạy theo anh, bóng mẹ Lớn đứng sẵn ở cửa.*)

MẸ LỚN (*vội ngăn lại*) - Chạy đi đâu hờ cháu? Làm âm lên lại khốn bây giờ. Vào đây bà bảo.

TÂM - Khổ thân anh tôi thế này...

MẸ LỚN - Úi giời ơi khổ? Chẳng bù lúc anh mày hạch tao cái giấy tản cư sao chẳng thấy kêu khổ?

TÂM - Lúc này bà nói thế nào mà chả được.

MẸ LỚN - Tao nghĩ nhà mày ruộng nương chẳng có đấy, bây giờ sắp được chia, lại dở dối ra thế này...

TÂM - Anh Chung cháu cũng chẳng có tội tình gì?

MẸ LỚN - Ấy chết. Anh Chung mày là lắm tội lắm đấy, cháu ạ. Tội tày đình cơ đấy. Cháu có được hợp đầu mà cháu biết. Không lẽ nhân dân lại nói sai cho anh mày ư?

TÂM - Bà chỉ nói quá cho anh cháu.

MẸ LỚN - Lại còn quá à? Ngay cái chuyện trong nhà này chứ đầu xa, cháu cũng biết đấy.

TÂM - Bà đừng dưng đứng chuyện lên thế!

MẸ LỚN - Dưng đứng à? Gớm chưa! Không dưng ai dám đặt điều cho anh em nhà mày hở? Việc đến thế này rồi. Thú thật với bà đi, bà bảo thằng Lớn nhà bà nó trình bày giúp với đội cho là khắc anh em nhà cháu đồ tù, đồ tội.

TÂM - Ô hay, bà lạ nhỉ? Cháu làm gì mà cháu lại phải tù tội.

MẸ LỚN - Đây chỗ hàng xóm láng giềng, trong họ ngoài làng với nhau cả. Bà bảo thật. Mày khôn ngoan thì theo lời bà. Mày khờ dại thì theo anh mày rồi vạ vào thân đấy cháu ạ.

TÂM - Cháu chẳng việc gì mà vạ.

MẸ LỚN - À tưởng quý báu lắm đấy. Hoài hơi dạy bảo cái giống anh em nhà mày. (Mẹ Lớn bỏ ra đến cửa. Yên lặng.)

MẸ LỚN (lại quay vào) - Bà nóng bà nói thế thôi.

Đấy cháu nghĩ xem cả họ nhà cháu có ai đoái hoài đến anh em nhà cháu đâu. Hay là chỉ có bà cùng ngô, bà ái ngại tình cảnh cháu, bà mới chạy sang chỉ đường vạch lối cho cháu... (*Yên lặng đi đi lại lại khắp nhà*). Nhà mày lạnh khiếp được... (*nhìn bàn thờ*) Cái Thuỷ nó cũng không chạy sang chịu tang u mày à?

TÂM - Cháu không biết.

MẸ LỚN - Bà hỏi thế thôi. Nó sắp lấy người khác rồi. Cốt cán nó chẳng thèm lấy đứa phản động giết cả mẹ ấy...

(*Mẹ Lớn lẳng lặng vào trong buồng. Tâm nín lặng thút thít.*)

Tiếng MẸ LỚN - Vào đây bà hỏi. (*Tâm vẫn không nhúc nhích.*) Tâm!

TÂM - Bà hỏi gì?

(*Không thấy trả lời. Tâm lo lắng nhìn mẹ Lớn lục lọi trong buồng. Một lát sau.*)

MẸ LỚN (*bước vội ra, tay cầm một đoạn dây thừng giấu sau lưng đột ngột giơ sát mặt Tâm.*) - Tâm, thừng nào đây?

TÂM (hốt hoảng) - Thừng...

MẸ LỚN - Thừng nào?

TÂM - Thừng ấy...

MẸ LỚN - Thừng anh mày lấy định treo cổ u mày hả? Sợ lộ mới vát vội vào găm giường phải không?

TÂM - Không phải... thừng này... anh cháu mới lấy để thay dây thừng gầu.

MẸ LỚN (*trợn tròn mắt*) - Lại còn chối à?

TÂM - Khổ quá... thừng này gác bếp, hòm qua

anh cháu mới lấy xuống, chưa kịp... bà xem còn bỏ hóng kia.

MẸ LỚN (*tung hứng vút thùng vào buồng*) – Ồ... thôi được... (*lại giường kéo Tâm ngồi bên, vỗ về*) - Này, u cháu chết trong buồng này phải không?

TÂM – Vâng.

MẸ LỚN - Ồ thế... Tâm này, cháu nhớ lại xem cái đêm u cháu chết thế nào? Cháu còn nhớ chứ?

TÂM - Hôm ấy cháu đi hộp về... cháu thấy đèn còn sáng.

MẸ LỚN (*nhanh nhẩu*) - Ngọn đèn đặt kia. Vẫn nhỏ li ti chứ gì?

TÂM – Vâng.

MẸ LỚN - Thế thì đúng rồi. Anh mày vắn đèn nhỏ xuống phải không? (*thấy Tâm ngo ngác*) - Bà biết mà lại... Thế trước khi thằng Quỳnh bảo cháu ra gác anh cháu đứng đâu... Thằng Quỳnh đứng đâu?

TÂM – Cháu... không biết.

MẸ LỚN - Cháu không biết thì còn ai biết nữa... Thằng Quỳnh đè chân có phải không? Anh mày... Đấy, bà biết hết rồi... Cháu cứ nói thật đi.

TÂM - Cháu chẳng biết gì.

MẸ LỚN - U cháu chết ngay trong nhà chứ đâu.

TÂM - U cháu mất trong buồng kia.

MẸ LỚN - Ấy đấy, thế thì còn ai giết u cháu nữa hở?

TÂM - U cháu có bị giết đâu? U cháu mất chứ.

MẸ LỚN - Này này, hàng xóm người ta nói rằng rã ra kia, thằng Quỳnh với anh mày hành sự trong

buồng. Còn mày, mày đứng canh cổng ngoài, chỗ khuỷu đường xuống bên sông chó đầu. TẮM (hốt hoảng) - Đầu có... cháu... cháu thế có u cháu. (oà khóc) - U oi, thế này con kêu ai được? U oi...

MẸ LỚN - Mọi việc đều do địa chủ nó gây nên hết. Anh mày cũng bị mua chuộc mà thôi. Cháu khôn ra cháu nhận đi. Bà bảo thật.

TẮM - Việc gì cháu phải nhận.

MẸ LỚN - Ô cái con bé này...

TẮM - Cháu không làm, sao cháu phải nhận? Cháu biết gì? Nhận bằng quơ thế cháu không nhận...

MẸ LỚN (tung hứng) - Ờ...

TẮM - Cứ ép mãi cũng thế thôi, cháu không biết.

MẸ LỚN - Ờ được... Mày ra gan không chịu nhận hử?

TẮM - Ai nói thế nào cứ nói. U cháu biết cho chúng cháu.

MẸ LỚN - Biết thế nào cho chúng mày được. Tao hãy hỏi, trước hôm u mày bị giết, u mày với thằng Chung có xô xát cãi cọ nhau suốt nửa buổi không? Ừ... có hử? Chính tao nghe thấy u mày nhiếc anh mày những là: “Đảng cho nó lằm vào, rồi nay họp mai họp để bây giờ ra xóm mà nhận lấy hết tội”. Có đúng thế không?

TẮM - Có, u tôi có mắng anh Chung thật.

MẸ LỚN - Ấy thế, anh mày với thằng Quỳnh sợ lộ mới phải giết u mày đi. Mà chính mắt tao thấy lúc đi họp nửa đêm về, mày còn quanh quẩn ở khuỷu đường xuống bên kia. Mày gác...

TÂM - Cháu gác bao giờ... Bà đừng nên thế. Hôm ấy đi họp về là cháu ra bến rửa chân rồi về thẳng nhà.

MẸ LỚN - Đội bắt thằng Quỳnh rồi. Anh mày vừa phải gọi đi. Sắp đến lượt mày đấy. Chẳng oan đâu cháu ạ (*thấy Tâm nín lặng*). Tội ở thằng Quỳnh cả. Khai ra. Đội người ta chỉ đánh thằng đầu sỏ thôi. Cháu khai thật ra. Anh cháu được tha về. Hai anh em lại ăn ở với nhau có hơn không?

TÂM - Cháu không biết.

MẸ LỚN - Cháu dại lắm. Rồi ra, nay mai sắp chia ruộng, nhà cháu ít nhất cũng được rằm sào. Cháu tính xem. Cháu búống binh chẳng tích sự gì, mà nay mai đầu thừa đuôi thẹo nông dân cũng chẳng phí của thí cho nhà mày đâu. (*một lát*) Thế nào Tâm, nghe bà chứ! Bà bảo anh Lớn nhà bà, nó chỉ nói với đội một câu là anh mày được tha về yên trí làm ăn...

(*Tâm yên lặng. Thủy vác súng vào tới cửa. Trong nhà không biết. Thủy lẳng lặng ra.*)

MẸ LỚN - Thế nào Tâm, cháu tôi cũng gan lắm cơ. Nghe bà là hơn.

TÂM - Cháu không có thế. Cháu không nhận. Sao bà lại cứ bắt tội cháu.

MẸ LỚN (*nổi nóng*) - Mày cứ giỏi cứ gan lý mãi tao xem nào. Nhẹ không ưa lại muốn ưa nặng à? Anh mày còn bám lấy địa chủ, nông dân còn đào tận gốc tróc tận ngọn mới đáng đời.

(*Mẹ Lớn bỏ ra hẳn. Gian nhà vắng lặng. Trăng mờ lạnh ngắt ngoài sân. Tâm rùng mình trông trước trông sau chạy đến núc nỏ trước bàn thờ. Thủy vào không đánh tiếng.*)

THUY (gọi khẽ) - Tầm!

TẦM (giật mình quay lại) - Chị Thuý, chị... chị đừng bắt em. Em có làm gì đâu?

THUY - Tầm, anh đâu?

TẦM - Không, không, em không có tội.

THUY (ái ngại) - Tầm, em ngồi xuống đây. Chị đây, chị sang... Anh đâu? Anh bị bắt rồi phải không?

TẦM (ngơ ngác) - Chị...

THUY - Chị đây (kéo Tầm đến gần) Kìa sao Tầm lại nhìn chị thế? Anh đâu?

TẦM - Chị lại còn phải hỏi?

THUY - Ngồi xuống đây. Em đừng nhìn chị thế. (Tầm vẫn đứng) Kìa Tầm...

TẦM - Chị còn sang đây làm gì?

THUY - Tại sao em lại thế với chị? TẦM - Em chẳng làm sao cả. Chị về đi.

THUY (lặng lẽ) - Không sao cả, mà em lại đuổi chị về?

TẦM - Em dám đâu đuổi chị. Chị có ngồi đây đến sáng cũng thế thôi. Em có làm gì đâu mà em phải xưng ra.

THUY - Chị xin em...

TẦM - Mẹ anh Lớn cũng vừa ở đây ra. Bây giờ lại đến lượt chị. Bà ấy dọa dẫm hết lời, em cũng chẳng nói sai. Giờ chị có dụ dỗ cũng vậy thôi. Chị về đi... Anh em có bị bắt cũng tại chị.

THUY (rung rung nước mắt) - Tầm coi chị đến thế kia ư? Tầm, em giận chị lắm phải không?

TẦM - Em dám đâu giận. Nhà em là nhà phản

động mà. Ai thêm đến nữa. Chị là cốt cán chị sang đây làm gì cho thêm luy chị ra.

THUY - Tầm, em đừng nói thế mà tủi chị.

TẦM - Chị vạch, chị tố hết tội anh Chung em rồi còn gì nữa? (*Thuy nín lặng*) Chị chẳng nghĩ đến những ngày ở hầm ở hố, nắm cơm miếng bánh cùng anh em. Sao chị chẳng thương anh em hỏi chị?

THUY - Tầm, chị van em là hết. Chị chẳng biết nói thế nào. (*một lát*) Chị chẳng biết nói thế nào thật. Anh Chung bên này khổ thì bên kia sông, chị cũng chẳng sung sướng gì. Chị còn biết nói cùng ai.

TẦM (*ngờ vực nhìn*) - Chị.

THUY - Chị mặt mũi nào đặt điều kia tiếng nọ cho anh Chung được. Còn có vong hồn u kia biết cho chị.

TẦM - Chị... U em không phải bị giết đâu, chị... chị đừng nghi oan cho anh Chung.

THUY - Chị biết.

TẦM - Chị biết mà làm sao người ta vẫn vu oan tội cho anh Chung em?

THUY (*nín lặng*) - Chị biết người ta tố điều cho anh Chung hết cả, nhưng chị không dám nói. Mà chị nói thế nào? Bây giờ động tí ngờ nhau chứ mấy ai dám thực tin nhau. Chị lại là cốt cán... Cốt cán không tố anh nên nông dân đặt vấn đề nghi chị. Chị đành cắn răng phải chịu. Chị chẳng còn biết nói cùng ai?

TẦM - U em mất đi, anh Chung lại thế, em nghi chị...

THUY - Em nghĩ chị thay đổi phải không? Em giận chị. Anh Chung căm ghét chị... Chị cũng chịu vậy thôi (yên lặng). Chị nghĩ, chị ăn ở trước sau như một, thế nào rồi cũng có lúc em rõ cho chị. Anh Chung rõ cho chị.

TÂM (*ái ngại nhìn Thuý*) - Chị...

THUY - Hôm u mất, người ta ngăn chị. Thầy u chị cấm chị đi lại với bên này. Hôm nay tuần bốn mươi chín u... Chị sang... rồi muốn ra sao thì ra. Rồi người ta muốn đặt điều ngò vục chị thế nào thì đặt, chị cốt là chị ăn ở trước sau phải đạo với u. (một lát) Nhà ta cũng hết gạo rồi phải không?

TÂM - Vâng.

THUY (*lấy gói khăn vuông đựng gạo*) - Đây có mấy bát gạo cơm mới chị mang cho em. Lấy một ít sáng nay cúng u em ạ. Em trút vào giá đi... Lúa sớm bên nhà chị đấy mà. (*thấy Tâm ngập ngừng*) Em cũng không muốn nhận cho chị à?

TÂM - Sao chị lại cho...

THUY - Khổ, đến em cũng chẳng thật tin chị. Chị vẫn là cái Thuý bên sông của u đây mà... Em, em cứ nhận cho chị.

TÂM - Vâng. (*ôm lấy Thuý*) Có thể chứ. Em vẫn nghĩ chẳng lẽ nào chị lại chóng quên...

THUY - Em đừng bảo với anh là chị đến nhé. Chẳng ích gì lại thêm phiền ra. Anh vận hạn thế này, chị chẳng oán trách anh đâu. Oán trách nhau mà làm gì kia chứ!

(*Yên lặng, sáng dần. Tiếng gọi đò bên sông*)

THUY - Có đò sang sông. Để chị về. Tầm đừng nói gì với anh nhé!

TẦM - Vâng, chị về. (*nước mắt chạy quanh*) Từ giờ em chỉ còn có một mình.

THUY (*ái ngại ôm chặt lấy Tầm*) - Chị cũng chẳng khác gì em. (*một lát*) Chị không nấn ná được nữa, gần sáng rồi.

(*Ngoài ngõ, tiếng cụ Canh trả lời khách gọi đò.*)

TẦM - Chị đừng ra vội, gặp cụ Canh mất. (*tiếng đẩy cửa*) Cụ Canh vào đây chị ạ (*ngần ngại*) Chị ... hay chị lánh vào buồng này đã. (*Thuy vào buồng, tiếng gõ cửa*)

CỤ CANH (*gọi khẽ*) - Tầm... Tầm... Ông Canh đây mà (*đẩy cửa vào*).

TẦM - Ông, ông sang đây làm gì?

CỤ CANH - Tao... tao sang... anh mày bị bắt rồi hở? Tao thấy chó cắn...

TẦM - Vâng. Đội vừa gọi lên văn phòng. Không biết việc gì. Nhà cháu thế, ông còn sang đây làm gì?

CỤ CANH - Tao ấy à... Tao thấy chó cắn bên mày, tao nóng ruột quá tao liều, tao chạy sang. Mà tao tính tao cứ sang, sợ quái gì. Cây ngay chẳng sợ chết đứng. Cùng lắm bắt tao là cùng.

TẦM - Khổ quá, rồi ông cũng bị bắt đấy.

CỤ CANH - Tao nghĩ chán ra rồi, anh mày có tội đểch gì đâu mà tao sợ lời thôi. Tao cứ sang.

TẦM - Nhưng cháu vẫn lo lắm. Ngày đêm anh cháu nơm nớp, kêu ai được hở ông.

CỤ CANH - Tao cũng chẳng biết làm thế nào

thật. Nhưng tao nghĩ thời Tây nó bắt, nó gi súng vào ngực anh mày, anh mày còn chẳng sợ. Bây giờ là ta với nhau. Truy mãi, hỏi mãi, không thủ mưu thủ phạm gì thì cũng thôi. Chứ ức nhau đến chỗ chết à?

TÂM - Nhưng cháu vẫn sợ cho anh cháu...

CỤ CANH - Ấy thường cứ đêm đến tao nhìn sông lại xót cho anh mày, giá khúc sông nó biết nói thì anh mày cũng chẳng đến nông nổi này đâu. Chẳng lẽ lại chịu khoanh tay à? Cả đêm qua tao nghĩ thời dân chủ với nhau lại tốt xấu nhập nhằng mãi thế này được ư?

TÂM - Nhưng gỡ được tiếng cũng còn khó lắm ông ạ...

CỤ CANH - Thì biết làm thế nào? Đến tao biết mười mươi việc anh mày mà tao cũng chẳng dám nói ra.

TÂM - Thế cứ đành thế này mãi hờ ông?

CỤ CANH - Tao định bụng sang... Bảo anh mày hãy cứ tinh tâm lắm mới được. Cây ngay chẳng sợ chết đứng là vậy. Việc đời vẫn thế. Thời Tây chiếm đóng, đen tối tưởng chết tiệt cả, ấy thế mà lại hoà bình đấy thôi. Tao chỉ lo anh mày còn nông nổi. Đang cái lúc thế này dễ sinh hoang mang, thực mạng làm liều khốn khổ cho mình à... Thế nào dạo này mót mét ra sao hờ cháu?

TÂM - Cũng kém lắm. Nhà cháu rau cháo mấy phiên chợ nay rồi.

CỤ CANH - Cũng còn khó khăn lắm bữa nửa tháng nữa đấy. Thôi được... hôm nay có mè tôm

mẻ cá nào tao cho anh em mày. Đùm bọc lấy nhau cho qua ngày vậy. Trước còn đói kém gấp mấy bây giờ chứ.

(*Tiếng gọi òa giục bên sông*)

CỤ CANH (*nói qua cửa sổ*) - Lão sang đây... đợi đấy. Quái thật, anh nào gọi òa cũng giục rồi lên. Đã sáng hẳn đâu?

TÂM - Ông nhanh lên nhờ có ai...

CỤ CANH - Ủ... mà nhờ tao có gặp ai, tao bảo thằng tao đến đây, tao có cái đếch gì mà sợ liên quan...

TÂM - Ông đừng để gặp ông ạ...

CỤ CANH - Gặp cũng lòi thôi ra thật (*nhưng vẫn quanh quẩn ở cửa*). Tao cứ nghĩ u mày là mẹ chiến sĩ không điều tiếng với ai. Thằng anh mày cũng vậy. Nào là Tây tra tấn, chớ cần nát mật, hột chết mấy lần mới giữ được cơ sở bên sông này chứ hại dân hại nước cái gì? Tao chuyên chở òa cho nó đưa cán bộ đưa bộ đội sang sông mãi đấy thôi. Anh mày thế nào tao đã rõ. Tao quý nó ở chỗ đấy. Bây giờ đánh đùng cái bảo cắt đứt. Tình nghĩa con người chứ có ngờ là gỡ được à? Sau này trong làng xóm sớm tối còn có nhau, muối mật thế trông không được. (Yên lặng ra cửa) Tao cho cái Thuỷ ra nó cũng bạc. Hai đứa nó quán quít nhau là thế, mà giờ con bé cũng giở mặt ngay được. Từ độ ấy tình không thấy nó đã động đến anh mày câu nào đấy!

TÂM (*áp úng*) - Không...

CỤ CANH - Không gì! Lúc hoạn nạn mới biết bụng nhau thật. Quân tệ bạc đến thế là cùng. Tao

chở nó sang sông hợp luôn. Tao ghét mặt. Tao cũng chẳng thèm nói. (tiếng giục đò bên sông) Này chẳng may anh mày có làm sao, tao sẽ xin đội với nông dân, trông nom cho mày. Phải bình tâm cháu ạ...

TẦM - Vàng.

CỤ CANH - Thôi tao phải xuống bến, chẳng có đò đợi. (vẫn dùng dằng) Mày bảo với anh Chung mày. Ông cụ Canh dặn đi dặn lại phải vững tâm, còn có bà con trong làng. Cũng còn có người thế nọ, người thế kia, không thể bỗng chốc mất tình mất nghĩa hết được... Thôi ông về, không có ai gặp lại đem ra xóm phê bình phê biếm om sòm khổ cả chúng mày.

(Cụ Canh hấp tấp ra cổng. Thuý lặng lặng trong buồng ra.)

TẦM - Cụ Canh không biết có chị ở đây.

THUỶ (thở dài) - Biết làm gì? Cả làng có ai coi chị ra gì nữa? Chị... Chị còn khổ đến đâu cơ chứ?

TẦM - Kìa chị Thuý...

THUỶ - Cụ Canh chắc biết chuyện chị rồi. (thần thờ)? Tầm... Tầm vẫn còn tin ở chị chứ. Tầm có ghét bỏ chị không?

TẦM - Ô hay chị Thuý, làm sao hờ chị?

THUỶ - Chị cực lắm... Có người hỏi chị (oà khóc ôm lấy Tầm), chi bộ đã bằng lòng, bắt chị phải cắt đứt với anh, bắt chị phải bỏ anh...

TẦM (cũng khóc) - Thế ư chị?

THUỶ - Ừ, thầy u chị đã phải nhận giấu người ta. Còn chị... chị đã quyết rồi...

TÂM - Hay là chị cứ nhận lời cho yên ổn cả chị ạ.

THUỖ - Em bảo chị lấy người khác ư?

TÂM - Không... em không...

THUỖ - Em coi chị thế nào mà lại nói thế. Thầy u chị bắt buộc cũng chẳng được. Chị với anh (nức nở) dù anh tù tội chị vẫn đợi... U mất chị không dám sang. Chị không phải với u thật, u biết cho chị. Bên kia sông chị chẳng có lòng nào khác đâu.

(Yên lặng)

THUỖ (tần ngần) - Chị về nhé... Biết đến bao giờ lại được sang đây?

(Tiếng chó sủa đầu ngõ)

TÂM - Có người đấy, chị tắt lối này xuống bên vậy.

(Thuỳ bước vội ra. Tâm cũng vội khép cửa lại. Lặng lẽ một lát. Chung ẩn cửa vào ủ rũ hốc hác. Tay cầm tờ giấy trắng. Tâm lo lắng nhìn anh không dám hỏi.)

CHUNG (chán nản vứt giấy xuống giường) - Vặn chán rồi bắt tao về kiểm thảo. Đây, bắt tao phải khai vào giấy nhận có giết u.

TÂM - Anh cứ khai thực u chết thế nào.

CHUNG - Thì tao đã khai cả rồi, ai tin?

TÂM - U chết thật kia mà.

CHUNG - Khổ lắm, nếu thế đã không thành chuyện. Người ta nhất định bảo là có địch giết u mới chết được, mà địch phải ở ngay trong nhà này mới giết u nhanh chóng thế... Vặn tao địch là ai? Chẳng là tao, là mày còn ai nữa vào đây. Dồn tao phải nhận tao bóp cổ u, mày gác cổng. Phải khai đúng hư vậy mới nghe.

TÂM - Thế này còn cái vào đâu được hở anh?

CHUNG (*chán nản*) - Vặn tao trước giết đồng chí Tuồng huyện uỷ, bây giờ giết u chứ còn ai nữa (*yên lặng thờ dài*). Chết thì chết tao không nhận. Nhận liều một cái là bao nhiêu đồng chí khác bị liên quan, bị bắt lung tung cho mà xem.

TÂM - Bà Lớn bà ấy cũng bắt em nhận đúng như vậy.

CHUNG - Mẹ Lớn nó sang đây?

TÂM - Vàng, bà ấy bảo em gác cổng...

CHUNG - Mày nhận cả.

TÂM - Không.

CHUNG - Bây giờ muốn bảo ai là địch chẳng được. Đến mày cũng gác cổng, mày cũng giết u thì còn ra thế nào nữa? Đảng xưa nay vẫn được tiếng là sáng suốt lắm. Sao lại đồn thế này kia chứ? (*chán nản*) Bảo tao giết đồng chí Tuồng? Giết u? Đồng chí ra sống vào chết mà quy tội thành địch... Tao cứ nghĩ mà muốn cắn lưỡi chết ngay được. Lớn lên là cầm súng giết giặc, đến bây giờ lại bảo là giết đồng chí mình, giết mẹ mình? (*Tâm nín lặng một lát lâu*). Chung thấy gáo gạo dưới chân giường) Gáo nào đây, Tâm?

TÂM (*áp úng*) - Gáo đấy...

CHUNG - Gáo nào? (*thấy Tâm áp úng*) của con vợ thằng Quỳnh à? Đã bảo cấm tiệt không dây với địa chủ. Nó mua chuộc đấy. Sao mày lại nhận?

TÂM (*vội vã dối quanh*) - Không phải.

CHUNG - Thế gáo ấy của ai?

TẦM - Gạo ấy...

CHUNG - Của ai?

TẦM - Của cụ Canh.

CHUNG - Của cụ Canh à?... (*chán nản*) Cụ Canh còn đem cho gạo làm gì? (*Yên lặng một lát bỗng quay lại*) Tầm, mày đem giả gạo cụ Canh.

TẦM - Sao hở anh?

CHUNG - Cứ đem giả gạo đi.

TẦM - Anh đừng giả thế.

CHUNG - Tao bảo cứ đem giả lại.

TẦM - Không phải...

CHUNG - Tao biết cụ Canh thực bụng thương hại mình mới cho gạo lúc này, nhưng rồi vạ lây khổ thân cụ.

TẦM - Không phải cụ Canh...

CHUNG - TẦM cứ đem giả cụ, cụ chẳng giận đâu. Tao bảo đem giả mà lại. Không! Lại lòi thoi cả bây giờ. (*Càng giục đưa giả gạo vào tay Tầm*) đi... Tầm.

TẦM - Sao lại thế này hở anh?

CHUNG (*nhìn em thương hại*) - Sao à? Tao chẳng muốn lụy ai. Tao thiết gì nữa.

TẦM (*càng ngờ ngác*) - Ồ kìa anh.

CHUNG (*như mê sảng*) - Tao có làm sao đâu?

TẦM - Anh...

CHUNG (*vẫn thế*) - Tao còn cần gì gạo nữa...

TẦM (*hoảng sợ*) - Anh đừng làm thế anh ơi.

CHUNG (*càng giục*) - Ồ hay Tầm. Mày giống u như hệt ấy. Có thể cũng sồn sác lên. Đi nghe anh. Rời về hơi sớm chuông Đồng Sậy. Còn lâu mới sáng.

Đi... đi Tầm. (*Chung khép cửa vào giường ngủ. Tờ giấy trắng kiểm thảo trước mặt. Túc tối xé vụn*) - Tội gì mới được chứ.

(*Anh lại bó gối lặng yên, lắng nghe tiếng gà phía xa. Trăng mờ mờ trên sông. Một lát lâu. Thấy tiếng ồn ào bên ngoài. Tiếng gọi cửa. Chung lo lắng bực dọc*).

CỤ CANH (*xô vào trước*) - À... Anh Chung đây rồi. Bà vào trong này, ba mặt một lời xem tôi có giấu giếm gì không? Vào đây... ôn tồn nói chuyện với nhau. Chẳng nên lảm lời như thế.

MẸ LỚN (*sồn sồn vào theo*) - Ai lảm lời, gớm chưa? Giá không bắt được quả tang, thì cụ còn già mồm chối cãi đến đâu cơ đấy.

CHUNG (*ngạc nhiên lo lắng*) - Việc gì lời thôi đến cháu thế cụ Canh?

CỤ CANH - Có gì đâu? Đầu đuôi thế này. Vừa rồi bà ấy bắt gặp cái Tầm mang gạo. Bà ấy hô hoán giữ cái Tầm mang lên trình đội.

CHUNG - Khổ không, lại thêm tội thêm nợ thế này...

CỤ CANH - Ấy thế là bà ấy làm toáng lên.

MẸ LỚN - Chứ không à? Để tha hồ đi lại thậm thụt nhé!

CỤ CANH (*túc quá*) - Này, bà chớ thêm chuyện. Tôi bảo thật. Tôi cóc sợ.

MẸ LỚN - Cụ bảo ai?

CỤ CANH - Tôi cóc sợ đứa nào thật.

MẸ LỚN (*sồn sồn chạy ra phân bua với ngoài cổng*) - Này, này có bà con hàng xóm láng giềng, có

bên Đông bên Tây, bên phải bên trái biết cho nhé...
Cụ này bao che cho phản động. (*Lớn sổng sộc chạy vào. Mẹ Lớn nắm lấy Lớn kéo vào*) Ấy đấy, anh vào đây. Làm cho ra nhẽ việc này, nhu nhơ không xong với họ.

LỚN - U để yên xem đầu đuôi ra sao.

MẸ LỚN - Để yên để người ta làm loạn à? Người ta thậm thụt cho nhau gạo. Tao bắt được, mà còn gân cổ, chối lấy được kia chứ.

CỤ CANH - Ai chối. Tôi có cho gạo đâu. Không, lại bảo làm có, thì tôi phải nói. Đến gặp đội tôi cũng nói.

LỚN - Yên, yên, thế ai cho gạo nhà này?

CỤ CANH - Nào tôi biết đâu?

LỚN - Tôi hằng hỏi cụ, cụ có sang đây không?

CỤ CANH - Có, tôi có sang đây thật.

LỚN - Thế cụ còn chối quanh gì nữa. Chẳng cụ cho gạo thì còn ai vào đây?

CỤ CANH - Tôi không biết.

LỚN (*quay sang Chung*) - Gạo của ai?... Nói...

CHUNG - Tôi không biết.

LỚN - Ở ... (*quay sang hỏi cụ Canh*) - Cụ có sang đây không?

CỤ CANH - Tôi có sang đây.

LỚN - Ấy thế không cụ cho gạo còn ai nữa hở?

CỤ CANH - Nào tôi biết được.

MẸ LỚN - Đấy có anh... mà cụ ấy còn chối bai bải Cụ này phải bắt tận tay vay tận trăn cụ mới chịu phải không.

CỤ CANH - Tôi không chịu thật. Bà chớ quen thói nạt nộ mẹ chồng, la làng ngã vạ ra đấy được.

MẸ LỚN - Úi giờ mày nghe đấy. Thế mà mày chịu được. Mày cứ bắt cả lên đội, tao xem có dám ăn nói thế không nào?

LỚN - O hay, u cứ lặng yên đã có đội xét.

CỤ CANH - Có đội tôi cũng thế thôi, tôi sang đây thật. Tôi nghĩ thương tình cảnh anh em hần. Tôi sang thăm (*bảo với Chung*). Tự tôi, tôi sang thăm, không dính dáng gì đến anh cả. Nếu phải tội, tội tôi, tôi chịu.

MẸ LỚN (*lại sồn sồn*) - Bao che thậm thụt bao nhiêu lần rồi chứ?

CỤ CANH - Có anh Chung đây. Từ trước tôi có sang không? Hay lần này mới là một. Có thể nào tôi nói thế ấy. Tôi không gian dối. Tôi cóc sợ thật. Đừng có mà gấp lửa bỏ tay người.

MẸ LỚN - Còn ngoan cố đấy. Thông đồng với nhau đã rõ rành rành.

LỚN - U này, không phải việc u. U làm gì mà âm âm lên. Việc này đã có bà con nông dân vạch cụ ở xóm... À... ra tối dân học tập cụ thường viện có vắng mặt chỗ đồ đêm là thế. Bây giờ mới vỡ lẽ, cụ tưởng người ta không biết đấy... Ra là mưu mô.

CỤ CANH - Sao lại mưu mô. Ô lạ cái anh này... lại cứ ghép tội liễu cho người ta. Tối tôi không họp là tôi mắc việc chỗ đồ với đom đóm đêm thật. Còn tôi sang đây là tôi tự ý tôi thương tình anh em nhà hần. Sao lại mưu mô?

LỚN - Cụ không biết nhà này là thế nào à? Nhà có án mạng, nhà nông dân đang phát hiện vấn đề. Cụ biết thế sao cụ còn cho gạo?

CỤ CANH - O hay, ai cho gạo ? Anh lại cứ đổ diệt cho tôi?

LỚN - Không cụ còn ai nữa ? Thế không là liên quan mưu mô thì còn là cái gì nữa?

MẸ LỚN - Ra họp xóm xem cụ ăn nói như thế có được không?

CỤ CANH - Đến đâu thì đến.

LỚN - À được, cụ đừng có trách... Cụ định tự tiện đi lại đây có phải không?

CỤ CANH - Ai tự tiện? Anh đừng có nói sung sung ra thế. Đã chắc đâu nhà người ta là nhà phản động? Anh ta có theo Tây theo địa chủ thì đã chẳng gieo neo chống đỡ cho cả cái làng này. Mình có nghi ngờ, cũng phải xét cả công lao cho người ta.

MẸ LỚN - Công lao. Công lao phá hoại cải cách, công giết mẹ ấy à?

CỤ CANH - Nay bà đừng ăn nói hàm hồ. Mắt bà có mục đích rõ ràng không? Không nên buộc án, gán tội cho người ta. Phải để cái phúc cái đức cho con cháu về sau.

LỚN - Cụ bảo ai buộc tội?

CỤ CANH - Tôi nói bằng thật ấy. Nói thật chứ. Tôi bảy mươi tuổi đầu rồi anh có giỏi anh cũng chẳng rõ ngọn ngành cái làng này bằng tôi. Xấu tốt thế nào rồi ra làng nước sẽ biết. Bia miệng để đời kia. Liệu mà cư xử với nhau.

MẸ LỚN (*mĩa*) - Phải! Liệu mà cư xử với nhau. Để tha hồ tác yêu tác quái trong làng nhé!

CỤ CANH (*giận đỏ mặt*) - Ai tác yêu tác quái! Bà cứ về bà hỏi mẹ chồng bà xem, ai trèo lên cả bàn thờ bố chồng ăn vạ? Ai trộm gà hàng xóm rồi xắt ngược váy đi rong làng chửi bậy? Ai chứ? Bây giờ thời buổi khác rồi. Bà phải biết điều mới được.

MẸ LỚN (*tru tréo*) - Này, này cụ định bao che ra mặt phải không? Cụ định chống chọi với cả làng này à? Tôi gọi hàng xóm làng giềng chúng kiến cho cụ hết đường chối cãi. (định chạy ra cổng).

LỚN - Ồ hay nhỉ! U cứ làm toáng lên.

MẸ LỚN - Ủi giời ơi! Không làm toáng lên không xong với họ. Có đội ở đây, người ta còn bóp chết với mày thế. Nay mai đội rút về đoàn thì người ta còn về hòa với địa chủ trấn át mày đến đâu ấy chứ! Rồi của được chia đã chắc trong tay chưa? Rồi mày còn làm sao đương nổi việc làng việc nước được nữa hờ?

CỤ CANH - Bà chớ nói càn. Bà không vợ đưa cả nắm được. Bà không thể dây cái chuyện địa chủ vào đây được.

MẸ LỚN (*lại sồn sồn*) - Này, này, lại như cái việc cho trộm gạo vừa rồi ấy. Khéo đánh trống lảng lăm. Vải thua chẳng che được mắt thánh đầu. Cứ lòi cụ ấy lên đội.

LỚN - Cụ phải lên đội. Thảo nào vụ án mãi không ra manh mối là thế.

MẸ LỚN - Có đông đủ bà con nông dân thử xem cụ lập liếm thế nào? Cứ lòi cụ lên đội xem nào.

CỤ CANH - Đến đâu cũng vậy, cứ thực tôi khai, còn cái gì chường tai gai mắt, tôi cứ thẳng tôi nói, tôi cóc sợ đứa nào thật.

MẸ LỚN (*át giọng*) - Cụ chửi vất nóc cả làng này có phải không? Đấy mày xem. Gớm chưa! LỚN (*bảo Chung*) - Thêm việc này nữa, kiểm thảo thành khẩn đi. Viết vào giấy kia. Sớm lên trình đội ngay. Ngoan cố không được. Muốn sống thì trông thẳng Quỳnh đấy.

CHUNG (*đóng sầm cửa theo*) - Thế này còn sống làm sao được.

(*Chung thở dài. Vào buồng lấy chiếc thùng treo lên giường, luồn thùng vào xà ngang... Trong xóm gà gáy rộn lên giục sáng. Tiếng trẻ khóc và tiếng ru bên cạnh. Gian nhà Chung lạnh ngắt: bàn thờ trống rỗng, chông của Tầm bỏ không, chiếc chiếu rơi xuống đất. Nước mắt Chung trào ra. Anh chưa xót nhìn cái vòng thùng trước mặt.*)

CHUNG (*ngheñ lời*) - Không thể chết điều đúng thế này được?

(*Chung rời tay cắn chặt môi, nước mắt càng ràn rụa. Có tiếng kẹt cửa, Thuỷ vào trông thấy hốt hoảng, chân ríu lại, nước mắt chạy quanh. Chung quay lại vừa giận vừa thương...*)

THUỶ - Giời ơi! Anh Chung (*chạy xô đến giường khóc nín lấy chân Chung*). Anh Chung, sao anh lại thế này? Anh không thương ai nữa hờ anh?

CHUNG (*chưa chút*) - Thương ai?

THUỶ (*vẫn khóc*) - Anh nỡ bỏ cái Tầm. Anh nỡ bỏ tôi?

CHUNG (*nhìn Thuý oán trách*) - Thế súng ống đến đây làm gì?

THUỖ - Tầm nó bị giữ rồi...

CHUNG - Không phải đến dò xét nữa.

THUỖ - Anh Chung... anh nghĩ thế nào anh lại trả gạo kia chứ! Anh chẳng thương tôi!

CHUNG - Thương tôi. Hừ... Đây không cần dụ dỗ, ra ngay!

THUỖ - Tôi xin anh.

CHUNG - Có bắt thì cứ việc bắt. Tay đây.

THUỖ (*khổ sở*) - Anh Chung...

CHUNG (*không nén nổi*) - Thế vác mặt đến đây làm gì?

THUỖ (*nhìn Chung hờn giận*) - Tôi van anh, anh đừng nói thế.

CHUNG - Còn để nhau điều đúng đến thế nào nữa chứ?

THUỖ - Anh Chung... Anh chẳng nên nặng lời...

CHUNG - Còn “anh” được kia à? Không tình nghĩa gì hết. Ăn ở với nhau thế là hết nước hết cái rồi.

THUỖ - Anh Chung, anh nói hay nhỉ.

CHUNG - Hay, hay không thì biết đấy...

THUỖ - Anh đừng làm khổ tôi nữa.

CHUNG - À khổ... ai làm khổ ai? Còn vác mặt đến đây được. Đây không có tội. Đây không làm gì nên tội. Ai phải ai trái, ai ăn không nói có, ai làm tình làm tội nhau khắc biết đấy.

THUỖ - Thực anh chẳng rõ...

CHUNG - Thằng này đến chết nữa mới rõ à? Mà

thế nào mới là rõ nữa. Điều toa bạc bẽo, tàn nhẫn với nhau (hất mạnh bát nước trên giường) Con người ta ăn ở với nhau phải như bát nước đầy chứ?

THUỖY (*úa nước mắt*) - Ai tàn nhẫn đấy?

CHUNG - Hừ, không tàn nhẫn mà lại tố, mà lại xoen xoét buộc tiếng phản động cho cơ sở cũ. Sao lại dám đặt điều cho cơ sở cũ là phản động bán nước? Sao không nghĩ đến đồng chí Tường huyện uỷ bị giặc bắn chết trên sông này? Còn sống mà ăn hột com ngày nay phải biết nhớ biết thương đến các đồng chí ấy chứ. Sao lại tàn nhẫn chóng quên?

THUỖY - Tôi quên thế nào được. Anh giắt tôi vào du kích...

CHUNG - Thế ai bảo hợp chi uỷ treo cờ Pháp là hợp phản động. Đứa nào nói. Đứa nào hám danh cốt cán tố sảng?

THUỖY - Anh nói thế mà nghe được. Anh còn coi tôi đến thế nào nữa?

CHUNG - Coi thế nào (*với con dao ở liếp chạy xô đến phía Thuỷ. Bỗng ngừng tay*). Con dao này chém giặc mà bây giờ tự tay mình chém mình à? Còn coi thế nào nữa... (*túc tới chém mạnh xuống thành giường*) Đồ vô ơn bạc nghĩa.

(*Thuỷ lặng người, nước mắt vẫn ràn rụa ẩm ướt bỏ ra tới cửa lại quay vào.*)

THUỖY - Anh nở xù tàn tệ với tôi, thế kia u?... Thôi thì cũng đành. Anh muốn bỏ tôi cũng được. Anh chỉ cần nói với tôi một câu...

CHUNG - Hừ bỏ... muốn nói chuyện bỏ, muốn cắt đứt. Đây chẳng cần thật.

THUỖ - Anh nghĩ xem. Anh cần gì nữa?

CHUNG - Bạc bèo, đây không cần thật.

THUỖ - Chẳng biết ai bạc bèo kia đấy (tức không nói được). Với anh tôi đã thế nào rồi!

CHUNG - Đứa nào nói chuyện bỏ. Đứa nào muốn bỏ đấy?

THUỖ - Anh muốn nói thế nào cũng được.

CHUNG (*chua chát*) - Thằng này bây giờ một mình chịu tội.

THUỖ - Dễ một mình anh khổ. Anh biết đâu, chi bộ bắt tôi lấy người khác, bắt tôi phải cắt đứt với anh. (*Thuỳ nghẹn lời*) Chuyển đồ nên nghĩa, chốc lát không thể bỏ anh. Tôi với anh tuy chưa nên vợ nên chồng... Nhưng sống chết đã có nhau cả rồi đấy... anh... (*Chung nín lặng*) Bây giờ anh coi rẻ tôi. Tôi còn biết sống với ai nữa? Anh còn để tôi sống làm gì? Ừ... sẵn dao kia anh còn để tôi sống làm gì? Sẵn dao đấy...

CHUNG (*ném dao xuống giường*) - Sao lại khổ thế này hở

(*Thuỳ khóc bỏ ra cửa. Cụ Canh và Tâm ở cổng chạy vào*)

CỤ CANH - Ấy đấy, cái Thuỳ. Ra mày mang gạo sang cúng bà cụ. Rõ khổ, nào tao có biết đâu, tao lại cứ ngờ oan mạng mày thậm tệ.

(*Tâm và cụ Canh vào hẳn. Hốt hoảng trông thấy dây thừng lủng lẳng trên giường.*)

TÂM (*Niu lấy anh*) - Sao anh lại... Anh định bỏ em thật đấy thôi anh ơi!

CỤ CANH - Sao mày nghĩ dờ thế cháu. Việc gì mà chết. Còn có em Tầm mày, còn có cái Thuý kia. Còn có ông đây. Còn có dân làng người nọ người kia nữa chứ. Ai để mày chết!

CHUNG - Nhưng người ta buộc cho cháu cái tội phản động giết mẹ. Cháu còn khổ đến đâu nữa?

CỤ CANH - Vu oan giá hoạ thế nào được? Hôm ấy u mày phải cảm chết. Tao sang tao biết rõ ràng.

CHUNG (*Chợt nghĩ*) - Thế ông sang để đèn điều ở giường phải không ông?

TẦM - Cháu hợp về còn thấy đèn điều ở giường này này.

CỤ CANH - Khổ thật. Tao để đấy chứ ai.

CHUNG - Chính ông sang chơi tối hôm u cháu mất?

CỤ CANH - Ừ mà lại. Tao đem điều ra hút. Khi về còn vận đèn nhỏ li ti bằng hạt đỗ cho u mày. Tao đấy. Khổ thật. Hợp xóm chẳng dám nói ra. Tối hôm ấy u mày đóng cổng, phải cảm ngà dúi dụi ở chân bụi chuối kia, may có tao xuống bên thấy nằm vật ra đấy mới dìu vào trong nhà. U mày còn chuyện trò được. Lúc tao về u mày còn bảo vận đèn nhỏ cho cái Tầm nó đi hợp về kia mà. Ai ngờ u mày mất lúc nào không biết.

CHUNG - Đúng là u cháu bị cảm lạnh rồi.

THUỖ - Sao ông không gọi em Tầm ngay, may ra còn cứu chữa được cho u cháu.

CỤ CANH - Ấy thế còn nói gì. Lúc ấy bà cụ còn tỉnh, bà cụ bảo không phải gọi, ai biết đâu đến nông

nỗi này. Tao cứ ân hận mãi. Nghĩ chỉ thương u mà y chết phải cái lúc này.

CHUNG - Việc rõ ràng như thế mà cháu cứ phải chịu tiếng giết mẹ suốt đời (nhìn thùng tức tối). Cháu không bó tay chịu chết được nữa, không thể để lầm lẫn được mãi.

THUY (nhìn Chung thương xót) - Đã sống chết có nhau... việc này cháu phải nói mà ông cũng phải nói... Ông phải đứng ra ông nói.

CỤ CANH - Ấy nói chứ. Đến thế này tao nói. Tao phải nói hết với dân làng, với đội. Tâm địa ông con ta ngay thẳng, không lẽ lại chịu ép một bề mãi được, chúng mày ạ (bảo với Chung). Mày nghe ông. Cây ngay chẳng sợ chết đứng. Sóng gió này cũng qua giờ thôi. Rồi ra phải có lúc trời quang mây tạnh chứ. (với Thuy) Thôi mày ở đây thêm khó ra. Mày ra bến tao cho con đồ đưa về rồi tối mày lại sang. Nhất định ông con mình phải làm cho ra nhẽ...

(Cụ Canh vội vã ra cửa. Thuy nhìn Chung yên lặng dằn dò rồi ra theo. Chung bàng hoàng. Một lát lâu. Như vừa thoát nạn, dáng người tỉnh táo hẳn lên, nhanh nhẹn cầm dao trèo lên giường.)

TÂM (hốt hoảng) - Kìa anh.

CHUNG (chém đứt thùng) - Chết thế nào... (cười bảo em) Mày lại sắp sấn sác lên như u ấy thôi. Có gạo mới rồi đấy. Đem thổi cúng u đi. Bây giờ có tù tội cũng cóc cần...

TÂM - Thổi chỗ gạo chị Thuy hờ anh?

CHUNG - Ủ, còn gạo nào nữa...

TÂM (*nhìn ra sông*) - Anh xem kia. Cụ Canh chèo thuyền, chị Thuỷ chị ấy ngồi đằng mũi, trông y như ngày xưa du kích đánh xong bớt Ngà rút sang sông ấy nhỉ?...

(*Chung yên lặng ra phía cửa sổ. Trời sáng rõ. Ánh nắng ửng hồng. Tiếng nói cười gọi dò rộn rã dưới bến. Một tiếng sáo tha thiết bên kia sông vẳng lại.*)

Màn từ từ hạ.

(Trích báo Văn số 16 và 17 ngày 23 và 30 tháng 8-1957)

CHƯƠNG 3: CÁC NHÀ VĂN ĐỨNG TUỔI: TỔ HỮU, NGUYỄN TUÂN

Chúng tôi xếp vào hạng đứng tuổi những nhà văn hiện nay từ 40 đến 55 tuổi, đã có địa vị trong làng văn từ trước ngày kháng chiến. Nhưng căn cứ vào tuổi tác và thái độ chính trị của họ, chúng tôi phải chia họ thành hai phái, mới và cũ.

Phái mới gồm những nhà văn xuất hiện từ 1940 đến 1945, hấp thụ được nền giáo dục của Pháp nhưng chưa được hưởng thụ dưới chế độ thực dân. Vì ra đời muộn màng, không bị ảnh hưởng sa đọa của phong trào truy lạc từ 1930 đến 1940, nên họ còn giữ được tính nét ngay thẳng, tinh thần đấu tranh không vụ lợi. Tất cả đều tham gia kháng chiến rất tích cực và hầu hết đều là đảng viên cộng sản.

Nhưng ngày nay tất cả đã chống lại Đảng, duy có một mình Tổ Hữu vẫn trung thành với Đảng. Nhưng dù theo cộng sản hoặc chống lại cộng sản, họ đều là những người hiện nay có một lập trường dứt khoát, không có thái độ mập mờ thụ động.

Phái cũ gồm những nhà văn đã xuất hiện từ 1930 đến 1940. Phần lớn là công chức dưới thời Pháp thuộc, như Tú Mỡ (công chức Sở Phi năng), hay Xuân Diệu (công chức nhà đoan). Một số là những người đã dùng ngòi bút để ca tụng chế độ cũ, như Vũ Ngọc Phan (viết báo Franco- Annamite) hay Hoài Thanh (viết báo Patrie Annamite). Một số nữa là những người đã sống bằng văn chương lãng mạn dưới chế độ cũ như Thế Lữ và Nguyễn Tuân.

Vì vậy nên tất cả phái này ngày nay không chống cộng, cũng như ngày xưa họ không chống thực dân. Họ là những người đã được hưởng thụ trong thời tiền chiến nên đã mất hết tinh thần đấu tranh. Đa số hiện nay vẫn làm công chức cho Đảng như ngày xưa họ đã làm công chức cho Pháp. Chỉ có một điều khác trước là ngày nay họ không sáng tác nữa. Thế Lữ có thể coi là điển hình cho nhóm này.

Một thiểu số có thái độ xu thời như Hoài Thanh, Xuân Diệu ngày nay chạy xung quanh Tố Hữu, cũng như ngày xưa chạy xung quanh Phạm Quỳnh. Nhóm này ngày nay cũng chỉ làm “công chức văn nghệ”, không sáng tác, hoặc quên mất sáng tác. Họ là những người mà Phùng Cung mệnh danh là “Con ngựa già của Chúa Trịnh”.

Một thiểu số nữa có tâm địa bất trắc. Hễ Đảng chiều thì ca tụng Đảng, hễ Đảng hắt hủi thì quay ra chống lại Đảng. Nguyễn Tuân và Nguyễn Công Hoan thuộc vào hạng này.

Vì những nhà văn công chức đã giải nghệ không

sáng tác, nên trong phần này chúng tôi chỉ giới thiệu :

- Tố Hữu là nhà văn xưa này vẫn trung thành với cộng sản;
- Nguyễn Tuân tiêu biểu cho một bọn văn nhân xoay xở, lúc nịnh Đảng, lúc chửi lại Đảng;
- Văn Cao, Trần Duy, Hoàng Cầm, Hữu Loan, Sỹ Ngọc, Chu Ngọc, Như Mai, là những nhà văn hiện nay dứt khoát chống cộng.

Tóm lại về phương diện tư tưởng thì những người trước kia đã chống thực dân, thì nay cũng chống cộng (trừ trường hợp Tố Hữu), còn những nhà văn trước kia chịu đựng hoặc phục vụ thực dân thì ngày nay cũng chịu đựng hoặc phục vụ cộng sản.

Một mặt khác, xét về phương diện văn chương thuần túy, thì về nghệ thuật viết văn, phái cũ đã nhường chỗ cho phái mới.

Những bài chúng tôi trích sau đây chúng tôi bỏ điều đó.

*

TỐ HỮU

Tố Hữu là thần tượng của thi ca cộng sản Việt Nam cũng như Mayakovski ngày xưa là thần tượng của thi ca Liên Xô. Ông là một trong 18 Trung ương Ủy viên của Đảng Lao động Việt Nam và hiện giữ nhiệm vụ lãnh đạo văn nghệ ở Bắc Việt.

Tố Hữu sinh ở Huế, học ở trường Khải Định và trong khi đương còn là học sinh đã gia nhập Đảng

Cộng sản và đã nổi tiếng về văn thơ. Ông bị bắt năm 1939, đày đi Lao Bảo, cho đến năm 1945, nhân dịp chính phủ Trần Trọng Kim tha các tù chính trị ông mới được thoát khỏi trại giam.

Ra khỏi nhà tù, ông về ngay Thanh Hoá hoạt động Việt Minh. Vì dáng người nhỏ nhắn, nên ông thường cải trang làm con gái, lẩn quất ở vùng Sầm Sơn. Ông điều khiển cuộc khởi nghĩa ở Thanh Hoá, và sau này giữ chức Bí thư Tỉnh bộ. Năm 1947 ông lên Việt Bắc, được bầu làm Ủy viên Trung ương dự khuyết và đến năm 1954 trở thành Ủy viên thực thụ. Vì là văn sĩ nên Đảng giao cho ông nhiệm vụ lãnh đạo văn nghệ.

Trong suốt thời gian kháng chiến ông chỉ làm được một số bài thơ ca tụng kháng chiến, ca tụng “Bác Hồ” và “ông Sít-ta-lin”. Trong thời gian Sửa sai, ông lánh mặt sang Tàu, mãi đến gần đây, sau khi đã đàn áp xong phong trào đổi lập, ông mới trở về giữ chức vụ cũ.

Để giới thiệu với độc giả lối thơ tán dương lãnh tụ rất phổ biến trong nền thi ca cộng sản, chúng tôi trích sau đây hai bài thơ đặc biệt nhất của Tố Hữu.

Lời thơ của ông rất hay, nhưng vì ông chuyên dùng ý thơ để ca tụng lãnh đạo nên cũng như những loại thơ ca tụng khác, độc giả cảm thấy tinh thần thấp hèn của người viết.

Hiện nay ông có một địa vị tương đương với địa vị của Myakovski năm 1930, nhưng có người tiên đoán rằng, cũng như Mayakovski, ông sẽ tự tử ngày

nào không biết. Điều đó có lẽ không đúng vì con người Mayakovski khác mà con người Tố Hữu khác.

Bài ca tháng Mười

Thuở Anh chưa ra đời
Trái đất còn nức nở
Nhân loại chưa thành người
Đêm ngàn năm man rợ

Nước mắt, máu, mồ hôi
Đong hàng bát, hàng bát
Bán đổi lấy cơm ôi
Nhặt từng hạt, từng hạt

Từ khi Anh đứng dậy
Trái đất bắt đầu cười
Và loài người, từ đấy
Ca Bài ca tháng Mười

Những mắt buồn sắp nhắm
Bùng dậy, thấy tương lai
Những bàn tay lại nắm
Cờ đỏ qua đêm dài

Những đầu lên máy chém
Nhìn đao phủ, hiên ngang:
“Muôn năm, Đảng Cộng sản!
“Chào Xô Viết Liên bang!”

Ơi người Anh dùng cảm
Lũy thép sáng ngời ngời
Đáy Việt Nam tháng Tám
Em Liên Xô tháng Mười!

Hoan hô Xta-lin
Đòi đòi cây đại thọ
Rợp bóng mát hoà bình
Đứng đầu ngọn sóng gió

Hoan hô Hồ Chí Minh
Cây hải đăng mặt biển
Bảo tấp chẳng rung rinh
Lửa trường kỳ kháng chiến!
(1950)

Đòi đòi nhớ Ông

Bữa trước mẹ cho con xem ảnh
Ông Sta-lin bên cạnh nhi đồng

Áo Ông trắng giữa mây hồng
Mắt Ông hiền hậu, miệng Ông mỉm cười

Trên đồng xanh mênh mông
Ông đứng với em nhỏ
Cổ em quàng khăn đỏ
Hương tương lai
Hai ông cháu cùng nhìn

Sta-lin! Sta-lin!

Yêu biết mấy, nghe con tập nói
Tiếng đầu lòng con gọi Sta-lin!
Mồm con thơm sữa xinh xinh
Như con chim của hoà bình trắng trong

Hôm qua loa gọi ngoài đồng
Tiếng loa xé ruột xé lòng biết bao
Làng trên xóm dưới xôn xao
Làm sao, Ông đã... làm sao, mất rồi!

Ông Stalin ơi, Ông Stalin ơi!
Hỡi ơi, Ông mất! Đất trời có không?
Thương cha, thương mẹ, thương chồng
Thương mình thương một, thương Ông thương
mười

Yêu con yêu nước yêu nòi
Yêu bao nhiêu lại yêu Người bấy nhiêu!
Ngày xưa khô héo quạnh hiu
Có người mới có ít nhiều vui tươi

Ngày xưa đói rách toi bồi
Có người mới có được nổi cơm no
Ngày xưa cùm kẹp giày vò
Có người mới có tự do tháng ngày

Ngày mai dân có ruộng cày
Ngày mai độc lập ơn này nhớ ai
Ơn này nhớ để hai vai
Một vai ơn Bác một vai ơn Người

Con còn bé dại con ơi
Mai sau con nhé trọn đời nhớ Ông!
Thương Ông mẹ nguyện trong lòng
Yêu làng, yêu nước, yêu chồng, yêu con

Ông dù đã khuất không còn
Chân Ông còn mãi dấu son trên đường
Trên đường quê sáng tinh sương
Hôm nay nghi ngút khói hương xóm làng

Nghìn tay trắng những băng tang
Nổi lên khúc ruột nhớ thương đời đời.

(5-1953)

(Trích tập thơ *Việt Bắc*)

*

NGUYỄN TUÂN

Nguyễn Tuân là một văn sĩ có tài nhưng thiếu học. Ông là một trong những người bị sa đọa trong phong trào truy lạc từ 1930 đến 1940. Bản tính ông thích ăn ngon, thích mặc đẹp, thích rượu và thuốc phiện. Trong một bản tự kiểm thảo ông đã tự khoe là có thời ngang tàng, uống cạn chén rượu là đập tan cốc.

Nguyễn Tuân sinh năm 1913 ở Thanh Hoá, con một ông thông phán toà sứ. Ông học tiểu học ở Thanh Hoá, rồi sau ra Hà Nội, chỉ học hai năm ở trường tư rồi bỏ học, chơi bồi lêu lổng. Nguyễn Tuân bắt đầu viết văn từ 1938. Những tác phẩm của ông đều là những tùy bút, tả những cảnh ăn chơi của thời xưa hoặc thời nay.

Vang bóng một thời, tả những thú ăn chơi thời xưa.

Tùy bút viết về đời sống truy lạc của tác giả.

Ngọn đèn dầu lạc, một thiên phóng sự về thú hút thuốc phiện.

Trong cuốn Nhà văn hiện đại Vũ Ngọc Phan đã phê bình Nguyễn Tuân như sau: “Nguyễn Tuân là một nhà văn theo thuyết hoài nghi, có khuynh hướng về chủ nghĩa vật chất”.

Trong thời gian kháng chiến ông cũng bị Đảng phê bình là lãng mạn, lập dị, nên trong một cuộc chỉnh huấn năm 1953 ông đã tuyên bố phủ nhận tất cả các tác phẩm trước của ông và hứa sẽ “lột xác”. Vì cố gắng lột xác nên ông được “thắt cà vạt đỏ, đi giày da vàng, đọc đít cua, ăn tiệc nhồm nhoàm và bay đó bay đây”.

Nhưng sau khi được đi Helsinki về, ông lại thêm ăn và viết bài “Phở” đăng trong báo Văn. Sau đó ông bị Đảng chỉnh và cùng với Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân quay trở lại chống Đảng và mưu phản bằng cách dùng tờ báo Văn làm cơ quan ngôn luận của nhóm đối lập.

Chúng tôi trích ba bài sau đây của Nguyễn Tuân để chúng tỏ sự thay đổi chính trị của ông qua ba thời kỳ khác nhau: Bài “Phở” để chúng tỏ rằng Nguyễn Tuân suốt đời chỉ chú trọng đến miếng ăn, bài “Phê bình nhất định là khó” để chúng tỏ rằng Nguyễn Tuân hể “cáu” thì có thể chửi lại Đảng và bài “Tự phê bình” để chúng tỏ rằng hể bị khủng bố là Nguyễn Tuân lại vội vã đầu hàng ngay.

Tóm lại Nguyễn Tuân là điển hình cho một loại văn nghệ sĩ truy lạc, không có lập trường tư tưởng dứt khoát, nhưng có một âm mưu rõ rệt: dùng tài ba để hưởng thụ dưới chế độ cộng sản nhiều hơn dưới chế độ cũ. Một phần nào Nguyễn Tuân đã thành công trong ý định đó.

*

Phở

Xứ Phần Lan rừng thông trùng trùng xanh ngắt, nước hồ biếc biếc, phụ nữ da trắng một màu tượng tuyết, gái trai quần áo len ngũ sắc người nào cũng như nai nịt sắp biểu diễn diễn kinh. Minh thành ra lạc lõng vào một thế giới vật chất nó sạch sẽ quá, sạch đến cái mức tạo cho tôi một thứ nghi ngờ nơi đây là một ấn tượng giả tạo. Cảnh và người Hen-xanh-ky, ví phòng đây đó lem nhem đi ít chút, có lẽ tôi dễ thân gần hơn. Chúng tôi ở đây mười ngày, mỗi ngày họp trà tiền ăn mỗi người là sáu đồng đô la, nó là cái tiêu chuẩn đã khá cao của đoàn đại biểu ta đi hoạt động quốc tế. Mỗi ngày ăn ba bữa, khẩu phần thừa thãi bổ béo; nghi thức lúc ăn thật là trang

trọng: đồ sứ, pha lê, khăn bàn trắng muốt, quanh bàn ăn chốc chốc lại cử nhạc, những chị đưa món ăn trông đẹp như rượu rót trong các truyện thần thoại phương Bắc này. Tôi hào hứng làm việc liên liên ở Đại hội Hoà bình Thế giới, cơ thể nhịp đều, tâm trí có nhiều sáng kiến. Nhưng ăn uống sao không thấy ngon. Người ta thường nói rằng những bậc vĩ nhân hoặc hiền giả có chí lớn chỉ biết có sự nghiệp mà rất coi nhẹ miếng ăn. Nhưng trường hợp tôi kể ra đây chỉ là cái trường hợp thông thường của một con người bình thường thôi.

Chúng tôi là mấy anh em trong đoàn đi, mỗi người một công tác chuyên môn, nhưng đều cùng đã gian khổ với nhau trong kháng chiến và cũng là người Hà Nội cả. Quanh hồ khu Ô-ta-ni-ê-mi, chúng tôi ngồi dưới rừng thông xanh phân tích với nhau xem tại sao lòng dạ mấy người đang thấy nhớ thương một cái gì xa xôi lắm. Từ hôm xách va ly ra tàu qua nước này nước khác, thế là mấy tháng rồi; ở nhà đã hoàn thành tiếp quản Hải Phòng rồi, đất đai miền Bắc giải phóng toàn bộ rồi... Nhưng mà chúng tôi đã kéo cuộc nhàn đàm xoáy vào chuyện ẩm thực và muốn giúp đỡ nhau tìm hiểu vì đâu mà lâu nay ăn uống kém ngon. Có người bèn chỉ tay thẳng xuống nền cỏ bờ hồ Phần Lan, buông thông một câu: “Bây giờ có ngay một gánh phở đồ bên bờ hồ này, thì tớ đã luôn sáu bát!”. Tất cả đều rao lên. Thì ra gần đây chúng tôi héo hắt đi, vì xa đất nước, khẩu vị lạc điệu, thấy nhớ nhà nhớ nước, trong cái nhớ nhà nhớ đất nước, có cả một sự nhớ ăn phở nữa.

Hình ảnh bát phở quê hương đưa ra lúc ấy giải quyết đúng vào thắc mắc chung của mấy người. Tất cả đều thi nhau đề cao những đức tính của phở dân tộc. Dưới đây liên tiếp những mẩu chuyện góp về một bát phở, về một miếng ăn kỳ diệu của tất cả những người Việt Nam chân chính.

Này, các cậu có thấy món ăn ở Phần Lan có nhiều cái rất kỳ quặc không. Thịt bò rán, lại phết mùt công-phi-chua ngọt sất lên trên. Cam chanh lại ăn kèm với cá gỏi. Com lại ướp vào tử nước đá, mình thấy đĩa cơm có khói, lúc ăn buốt đến chân răng. Nghệ thuật ẩm thực ấy tôi gọi tên là lối nấu nướng của trường phái lập thể. Cho nên tôi càng thấy cần phải trở về với món quà cổ điển rất tính chất dân tộc của ta, tức là phở.

Phở còn là một món ăn rất nhiều quần chúng tính. Ông muốn ăn phở ngồi hay đứng lù lù ra giữa hiệu mà ăn cũng không ai nói, ăn ngồi ăn đứng tùy thích. Phở là món ăn bình dân. Công nông binh trí, các tầng lớp nhân dân lao động, thành thị, nông thôn, không mấy ai là không biết ăn phở. Người công dân Việt Nam khi còn ẩm ngữ, cũng nhiều vị đã nếm phở rồi; chỉ có khác người lớn là cái bát phở của tuổi ấu trĩ chưa biết đau khổ ấy chưa cần phức tạp, không cần hành hăng, chanh chua, ớt cay. Con nhà nghèo, nhiều khi lại không cần cả thịt nữa, mà cần bản phở nhi đồng vẫn là bánh và nước dùng thôi.

Phở ăn bất cứ vào giờ nào cũng đều thấy trôi cả. Sớm, trưa, chiều, tối, khuya, lúc nào cũng ăn được. Trong một ngày ăn thêm một bát phở, cũng như lúc trò chuyện ăn giọng nhau mà pha thêm một ấm trà, cùng thưởng thức với bạn bè. Hình như không ai nỡ từ chối một người quen rủ đi ăn phở. Phở giúp cho người thanh bạch đủ điều kiện biểu hiện lòng thành theo với bầu bạn nó hợp với cái túi nhỏ của mình. Phở còn tài tình ở cái chỗ là mùa nào ăn cũng thấy có nghĩa thâm thúy. Mùa nắng, ăn một bát, ra mồ hôi, gặp cơn gió nhẹ chạy qua mặt qua lưng, thấy như gùi quạt cho mình. Mùa đông lạnh, ăn bát phở nóng, đôi môi tái nhợt chợt thấm tươi lại. Trong một ngày mùa đông của người nghèo, bát phở có giá trị như một tấm áo kép mặc thêm lên người. Đêm đông, có người ăn phở xong, tự coi như vừa nuốt được cả một cái chăn bông và tin rằng có thể ngủ yên đến sáng, để mai đi làm khoẻ. Dùng những hình ảnh bình dị để nói lên mùa đông ở Việt Nam, tôi cho không gì nên thơ bằng cái hình ảnh một bếp lửa hàng phở bên ô tô nhiều hành khách quây quanh chờ đợi bát mình, vai rụt xuống một tí, người nhún nhảy như trẻ em đang thú đời. Tết, nhà ai cũng bánh chưng, cá kho, thịt đông, nhưng vẫn rất đông người tình cờ mừng tuổi nhau ở những hiệu phở khai trương từ mừng hai Tết.

Vì hay la cà với phở, mà tiếng nói của tôi được chính xác và giàu có thêm lên. Trước kia tôi cứ tưởng chữ “xương xẩu” là một tiếng đôi, và chữ “xẩu” chỉ là

một tiếng đēm. Ông hàng phở đã làm cho từ ngữ tôi hôm ấy thêm lên một danh từ. Xấu khác với xương, dùng để chỉ những cái đầu xương phở có dính thịt và gân róc chưa hết. Tôi đã thấy những người phu xe kéo vào hiệu phở gọi một chén rượu với một bát xấu. Tôi còn được nghe một ông phở khác nói đến mỡ gấu, cái tảng thịt giắt mỡ quý giá, nó không béo quá, mà lại quánh như sáp, ròn và mềm ấy mà gọi là một cánh gấu; và lúc cắm vào cán thịt tái, thịt tươi còn nhảy lên dưới làn dao, mà gọi là một quả thăn. Trong tiểu thuyết Việt Nam trước đây, nhớ người ta có viết cái truyện “Anh hàng phở lấy vợ cô đầu”. Tôi còn được nghe một cô điểm ngày xưa ví von than đời tàn “đời hời này như một gánh phở bánh trưng mỡ nguội đóng văng”. Phở nguội tanh thật là buồn hơn cả cái sự đời cô gái thập thành bị ma cô lừa bỏ. Chữ nghĩa của ta hay thật! Người ta bảo chữ phở là xuất xứ từ chữ “ngưu nhục phấn”, và ta đã Việt Nam hoá chữ phấn thành ra chữ phở. Chữ phở nguyên là một danh từ, còn chuyển thành một hình dung từ: cái mũ phở. Chữ nghĩa của ta hay thật!

Đố biết thế nào là mũ phở? Lại cứ phải dựng chân dung những người bán phở gánh chân chính ngày xưa thì mới tầm nguyên ra được. Những người bán phở gánh xưa kia có người đỗ ở đầu phố này, hoặc giữa phố nọ, hoặc ở tít trong cùng một cái ngõ cụt, mỗi người một “giang sơn nào, anh hùng ấy”, người mua quen mặt người bán, và người bán thuộc cả thói quen và sở thích người ăn trong phố. Những anh

hàng phở “hùng cú một phường” này lại còn thuộc cả nhân số từng hộ khẩu và ngày giỗ tết trong từng gia đình khách hàng quen của mình. Họ thường là những người làm ăn chân thật, hay mặc một cái áo vành-tô vải vàng hoặc dạ màu cứt ngựa của ông bình khổ đỏ thối ra, trên đầu là một cái mũ cát mất cả nùm chòm, và nhất là hay đội những cái mũ dạ méo mó đã mất cả băng hoặc rách cả bo. Những cái mũ này đặt lên đầu người nào cũng không chỉnh, mà hình như chỉ đặt lên đầu những bác phở gánh là có một ý nghĩa. Không những thế, cái mũ phở ấy, còn là một dấu hiệu tập hợp, một cái hình thức gây tín nhiệm nữa. Những con người đội mũ rách ấy thường là người làm phở ngon, nếu không ngon thì chỉ ít cũng phải là ăn được. Phở gánh với ông đội mũ phở nay thấy hiếm, chỉ còn phở xe, phở hình tàu thủy có ống khói phở, phở quán, phở hiệu. Đồ chơi trẻ con ngày xưa làm bằng sắt tây sơn màu, ở phố Hàng Thiếc, có ghi lại cái dáng ông phở gánh, bánh xe đồ chơi càng chuyển, càng cử động cái cánh tay cầm dao nhắc lên thái xuống.

Phở cũng có những quy luật của nó. Như tên các hàng phở, hiệu phở. Tên người bán phở thường chỉ dùng một tiếng, lấy ngay cái tên cúng cơm người chủ hoặc tên con mà đặt làm tên gánh, tên hiệu, ví dụ phở Phúc, phở Lộc, phở Thọ, phở Trường Ca, phở Tư... Có khi một cái tên thật nguyên trên thân thể người bán phở được cảm tình quần chúng thân mật nhắc lại thành một cái tên hiệu: phở Gù,

phở Lấp, phở Sút... cái khuyết điểm trên hình thù ấy đã chuyển thành một cái uy tín trong nghề bán miếng chín mà lưu danh một thời trên cửa miệng những người sành. Quần chúng nhân dân, nhất là nhân dân Hà Nội có nhiều sáng kiến để đặt tên cho những người họ yêu tin.

Anh hàng phở ấy hay đứng ở đầu bán hàng, họ lấy luôn cái địa điểm ấy mà gọi thành tên người. Bác phở Nhà thương, ông phở Đầu ghi, anh phở Bến tàu điện, anh phở Gầm cầu... Có khi lấy một vài nét đặc thù trong cách phục sức mà gọi. Cái mũ tàu bay trên đầu ông bán phở thời Tây xưa, đã thành cái tên một người bán phở trứ danh của thủ đô sau này. Có lẽ vì gần với quần chúng trung lưu và người nghèo, nên cũng như “ông chủ” hiệu hớt tóc, hiệu cà phê, tên anh hàng phở cũng chỉ có một tiếng gọn gàng. Tôi chưa hề thấy ông bà hàng phở nào nổi tiếng trong nghề mà tên lại dài lê thê, chẳng hạn như phở Tôn Thất Khoa gì gì, hoặc phở Trần Thị Kim Anh gì gì đó. Cái tên càng đọc âm ngắc cộc, càng đáng cho người mua tin cậy; cái tên một chữ, gọn như một nhát dao thái xuống thịt chín. Và lại những biển hàng hiệu phở dù là giữa đất Hà Nội văn hoa mỹ tự, cũng chỉ đặt tên một cách nôm na, không kẻ những chữ huyền hoang. Tôi chưa thấy biển hiệu phở nào mà lại để tên một cách quá trầm bổng du dương cả. Ví phỏng có ai mở phở mà nổi máu hay chữ lên mà để biển thì tôi không bao giờ chọn những hiệu phở có tên như “Thu Phong”, “Bạch Tuyết”, “Nhất Chi

Mai” mà vào ăn. Trong nghề phở, nó cũng có những cái nền nếp của nó.

Nhưng khoa phở đã có những việc nó đòi phá cả những khuôn phép của nó. Theo tôi nghĩ, cái nguyên tắc cơ bản của phở là làm bằng thịt bò. Có thể có nhiều thứ thịt loài bốn chân, loài ở nước, loài bay trên trời, nó ngon hơn thịt bò, nhưng đã phở thì phải là bò. Có phải là vì muốn chống công thức mà người ta đã làm phở vịt, phở xá xíu, phở chuột? Cứ cái đà tìm tòi ấy, thì rồi sẽ có những hàng phở ốc, phở ếch, phở dê, chó, khỉ, ngựa, tôm, cá chép, bồ câu, các kê... nghĩa là loạn, phở nổi loạn. Có nhẽ ngày ấy thiên hạ sẽ gọi là đi ăn một thứ phở Mỹ miếc gì đó. Trong năm đói 1945, ở đây nổi nước phở của thời đại, ở Hải Phòng và Hà Nội, đã có thùng phở có cả những bàn tay trẻ con: nhưng đó lại là chuyện khác.

Lại còn phở ngẫu pín. Chắc thứ phở này chỉ những người năm bảy vợ hoặc thích lém phéng mới hay ăn. Tên thứ thịt phở này, còn gọi lại một thứ roi của bọn Tây độc ác hay đánh cu li đến thối thịt tím xương... Lại còn phở gà. Muốn đổi cái hương vị chính thống của phở bò, ăn một vài lần phở gà trong đời mình cũng không sao. Nhưng có một hàng bán phở gà ở Hà Nội mà nhiều người thủ đô không bằng lòng chút nào. Y bán vào buổi sớm, người xúm lại kêu ăn gặt đi không hết. Cái người bán hàng khinh khinh như một quý tộc đó, cũng đã khéo chọn một góc phố mang tên một bà chúa mà dọn hàng! Nói của đáng tội, gà ở đây trông ngon mắt thật. Đã có

những bạn lưu dung khen ông hàng là nhất nghệ tinh nhất thân vinh, và khen tay ông lách vào con gà béo vàng như tay một bác sĩ khoa mổ xẻ thuộc lâu từng khớp xương thớ thịt. Cái đầu gà, cái cẳng giò gầy, cái cổ, xương mỏ ác, ông hàng thần nhiên vút nó xuống một cái thùng, không phải để vút đi, nhưng chắc là đã có những bọm rượu khu phố ăn giá sẵn từ trước rồi để chốc nữa đem ra nhấm nháp. Thực ra, khi mà có người ăn bát phở gà không tiếc tiền dám gọi đến cái thứ phở từ một ngàn năm trăm đồng một bát, thì bát phở ấy cũng khó mà không ngon được. Hãy đứng ở đây một buổi sớm mà xem người ta ăn phở gà. Sốt ruột đảo để. Người ăn mẻ gà, người ăn đùi, ăn thịt đen chứ không ăn thịt trắng nó chua, ăn lá mỡ, phao câu, ăn đầu cánh. Miếng ăn ở đây đích thị là một miếng nhục, nhục theo cái nghĩa một miếng thịt ngon hợp khẩu vị, và cũng đi theo cái nghĩa nhục nhằn túi bụi. Ở vỉa hè đường ấy, cứ nhao nhao cả lên quanh một ông hàng mặt phớt tỉnh như đế quốc Ăng-lê và bán hàng rất của quyền, khách phải đi lấy lấy bát. Có người đã dắt sẵn từ nhà đi một củ hành tây, có người quả trứng gà... đập trứng bỏ hành tây vào cái bát mình đã thủ sẵn và đánh dấu vào bát, dúi dúi bát trước mặt ông hàng, cười cười, nhắc nhắc, xuýt xoa nói to nói nhỏ, cứ như là sợ cuộc đời nó quên mình, nó nhầm mình... Bên cạnh tiếng thái tiếng chặt của găng phở gà, chốc chốc có tiếng nổ xe bình bịch lái xuống tận đây ăn quà sớm, khói phở phảng phất giấy lát ít mùi ét-săng. Có người vừa

húp vừa kể lại cái thời oanh liệt của cửa hàng này, khi còn đế quốc và bù nhìn, ô- tô cứ nổi đít xuống đây mà điểm tâm, nhiều bà Hà Nội tú chiếng cầm vào bát phở gà, mười ngón tay lóng lánh nhẫn vàng tằm, vàng trắng, cà rá kim cương, miếng phao câu lúc ấy còn mọng lên biết mấy nữa kia.

Trong kháng chiến có những tay phở nổi tiếng ở vùng tự do như phở Dơi, phở Đất, phở Cống, (tên vẫn một tiếng thôi) nhưng cũng có những bát phở, chưa được đúng cách thức lắm mà ăn vào vẫn cứ thấy cảm động. Ví dụ, phở ở căn cứ địa, làm ngay trong cơ quan. Một vài cơ quan ở quanh Trung ương, chung nhau giết bò để bồi dưỡng theo kế hoạch hàng tháng. Thịt sẵn, xương sẵn, nhưng thiếu nước mắm, thơm, hành mùi, bánh lại là bánh đa khô. Nhưng cứ làm. Những châu phở ngày chủ nhật ở bên bờ suối cơ quan, thật là đầu đề phong phú cho báo liếp.

Hình như Thạch Lam trước đây cũng có bàn về phở, nhưng vẫn còn phiến diện. Thạch Lam có nhắc đến vấn đề cải lương ở Hà Nội văn vật. Đầu năm 1928, ở Phố Mới, cái phố trước đây mang tên thực dân Đồ Phở Nghĩa, có một hàng phở cho cả húng liêu, cả đầu vùng, đầu phụ. Nhưng những cái lỗi tìm tòi ấy không thọ, vì trình độ nhận thức của quần chúng phở không sa đoạ như người chế tạo. Quần chúng vẫn đòi hỏi những cái cố hữu của phở. Ngày nay cũng còn có người cho cả tương tàu lạp-chiu-chương vào phở, nhưng đây là cái quyền của người có tiền, ai muốn bày vẽ ra thế nào, nhà hàng cũng chiều trong

phạm vi có thể của phở. Nhiều người bảo nên ăn phở tái thì bổ hơn phở thịt chín. Có thể là như thế đấy. Nếu cần bổ thì cũng có thể uống Pan-tô- cò-rin Liên Xô hoặc làm tễ thuốc Bắc, còn kết quả trông thấy rõ hơn là ăn phở tái. Thật ra, ăn phở cho đúng, đúng cái “gu” của phở, phải ăn thịt chín. Thịt chín thơm hơn thịt tái, mùi thơm miếng thịt chín mới biểu hiện đúng cái tâm hồn của phở. Thêm nữa, về mặt nhõn thức tạo hình, người thẩm mỹ bao giờ cũng thấy miếng thịt chín đẹp hơn miếng thịt tái. Thường những hiệu phở không tự trọng, hay thái sẵn thịt chín, thái cứ vụn ra không thành hình thù gì cả, ai đến gọi là rắc vào bát. Có thể việc ấy không hề gì với khách hàng không cần ăn no vội. Nhưng cũng trong một cái hiệu vẫn thái thịt vụn ra ấy, ông chủ phở rất là phân biệt đối xử và không san bằng các thứ khách: đối với những khách quen, với những người có thể ông chưa biết quý danh nhưng ông đã thuộc tính ăn, những người cầu kỳ ấy mà bước vào hiệu, là ông đã đặt ngay tay dao vào những khối thịt chín đặc biệt như khối nạm ròn, nạm giắt hoặc khối mỡ gầu, thái ra những miếng mỏng nhưng to bản, với cái sung sướng bình tĩnh của một người được tỏ bày cái sở trường của mình trong nghề. Ông nào ăn phở mà có chất họa thì thấy muốn vẽ tranh tĩnh vật ngay. Có những lúc ông phở ấy gắt, gắt với vợ ông, vì vợ ông thái không đẹp. Một ông làm đầu bếp hiệu chim quay trong hội Hà Nội chiếm đóng, nay cũng ra mở phở và thích múa dao nói chuyện với khách

về cái khoa thái. “Chặt thái loài có cánh đã khó, mà thái miếng thịt bò không xương còn khó hơn. Tôi dạy mãi mà đàn bà nhà tôi vẫn không làm được, đàn bà thường chỉ thái bánh thôi”.

Trong số những thắc mắc của một số ông Hà Nội trí thức dở người ta có nhắc đến một ông lo sau này ta tiến lên kinh tế hoàn toàn xã hội chủ nghĩa, kinh tế phân tán không còn nữa, thì mất hết phở dân tộc, và rồi sẽ phải ăn phở đóng hộp, mỗi lúc ăn bỏ cái hộp phở ấy vào nồi nước sôi trước khi đục ra ăn, và như thế thì nó trương hết bánh lên. Cũng ngay trong hiệu phở, có người đã đập ngay lại: “Thôi, đốt ông đi. Ông đừng có làm cái chuyện lo giới sập ấy đi. Hiện nay phở đang phát triển mạnh ở thủ đô Hà Nội, lớn nhỏ, gánh rong, bán trong nhà, bán ngoài hè, có đến trên dưới hai ngàn chủ phở. Người Việt Nam còn thì còn phở bát, bát phở trong tương lai vẫn nóng sốt như bây giờ. Phở bát của ta không thể thành một thứ đồ hộp đâu, người công dân Hà Nội này xin trả lời ông là một nghìn lần không, không, không thể có sự thô bạo ấy”.

Cái thế giới phở Hà Nội trước đây hình như cũng có những thứ nhân vật nghiệp dĩ của nó. Làng chơi, học trò, ông binh, thầy ký sở buôn, ông phán sở toà, con bạc, chủ hiệu nhỏ, những người lao động vận tải, những người làm nghề tự do... Có những lính lê dương chạy đến hàng phở, ăn xong tính tiền, lật ngay cái mũ đỏ ra, trong cái mũ có cái quần lĩnh vừa cướp ở nhà chứa ra; người khách hàng lính đánh

thuê đồ đã vắt quần lĩnh đồ xuống quày hàng thay một thứ trả tiền, rồi ù té chạy... Có những tay giầu sụ nhưng tính nết hấp lìm, mua bánh mì thả vào nước phở béo mà cứ gọi là ăn cơm Tây bình dân. Có những người đàn bà trái duyên trộn cơm nguội vào bát phở nóng, mà ăn một cách ngon lành, nhưng người ngoài trông vào thì thấy nó thê lương thế nào ấy. Có những người sống không nhà cửa, chuyên môn đứng đường, chạy hàng xách chợ đen đủ các thứ, lúc tính tiền hoa hồng, lấy bát phở tái năm xu làm đơn vị giá cả, “việc này mà trôi chảy, ông bà chỉ cứ cho em một trăm bát tái năm, vân vân...”

Hương vị phở vẫn như xưa xưa, nhưng cái tâm hồn người ăn phở ngày nay, đã sáng sủa và lành mạnh hơn nhiều... Ngày trước, anh hàng phở có tiếng rao, có người rao nghe quanh hieu như tiếng bánh dày giò đêm đông tội lỗi trong ngõ khuất; có người rao lên nghe vui rên. Tại sao, bây giờ Hà Nội vẫn có phở, mà tiếng rao lại vắng hẵn đi? Có những lúc, tôi muốn thu thanh vào đĩa, tất cả những cái tiếng rao hàng quà rong của tất cả những thứ quà rong, của tất cả những thứ quà miếng chín trên toàn cõi quê hương chúng ta. Những tiếng rao ấy, một phần nào vang hưởng lên cái nhạc điệu sinh hoạt chung của chúng ta đấy.

Chúng tôi ngồi trên bờ một cái hồ xứ Bắc ở ngoại thành Hen-xanh-ky tưởng nhớ đến một bát phở quê hương, và đối với món ăn đó của dân tộc đáng

yêu chúng ta ở Đông Nam châu Á, chúng tôi đã phát hiện những đức tính dồi dào của phở, tự mình cho đó là những cơ sở vững chắc để dựng nên một nền lý luận cho món phở. Sau đó mấy tháng trở về nước, đặt chân lên đất Hà Nội, bữa cơm đầu tiên của tôi là một bữa phở. Về sau này, hay rủ nhau đi ăn phở, tôi được đi sâu vào ý nghĩ của một anh bạn nó đã trở thành một ám ảnh: “Mình khen phở mình là một món ăn ngon, nhưng trước khi khẳng định giá trị dân tộc của phở, có nên tranh thủ thêm ý kiến của bạn bè, quốc tế của ta không? Bạn Liên Xô, bạn Ba Lan, Hung, Tiệp, Đức sẽ có cảm xúc gì về món phở Việt Nam? Họ đã có dịp nếm phở chưa? Bài dân ca của mình họ nghe rồi, đất nước mình, các bạn thấy rồi. Nhưng còn phải cho bạn mình ‘thấy’ phở nữa, bởi vì phở cũng là một thứ tiếng hát yêu đời của tất cả những tấm lòng con người Việt Nam chân chính và bình dị”. Thế rồi một hôm khác, cũng trong một quán phở nổi tiếng Hà Nội, tôi đã nghe được mẩu chuyện giữa hai nữ sinh một trường phổ thông cấp 3 gần đây: “Phở hiệu này, ăn mê quá. Thế đồ chị biết Hồ Chủ tịch và các lãnh tụ Đảng có thích phở không? - Làm thế nào mà biết được - Này, nói đùa chứ các cụ mà đến ăn cho hiệu nào, thì chủ hàng thật là sung sướng vô bờ đấy chị nhỉ!”. Hai cô rút túi lấy gương con chiếu lẫn vào hàm răng nhau xem có vương tí hành tí rau mùi nào không, cười riu rít như chim đàn nhảy quanh bàn phở. Mẩu chuyện của hai cô học trò như giúp tôi hiểu thêm nữa về phở,

và giúp tôi nhận thức đến những cái nó quan trọng hơn cả phở nữa.

Ít lâu nay, chúng ta hay nói đến thực tế Việt Nam, đến vấn đề thực tiễn Việt Nam, đến những đặc tính của Việt Nam trong mọi điều kiện chuyển mình tiến lên. Tôi thấy rằng trong muôn vàn thực tế phong phú của nhân dân Việt Nam, có một cái thực tế mà hàng ngày ít ai nỡ tách rời nó, tức là cái thực tế phở. Cái thực tế phở ấy lồng vào trong những cái thực tế vĩ đại của dân tộc. Trong một giọt nước rơi lóng lánh có cả câu chuyện của vầng thái dương; trong một miếng ăn, cũng thấy rộng được ra những điều cao cả yên vui trên đất nước bao la giàu có tươi đẹp. Tôi thấy tổ quốc chúng ta có núi cao vồ vọi điệp điệp, có sông dài dằng dặc, có biển bờ thăm thăm, có những con người Việt Nam dũng cảm xây đắp lịch sử quang vinh, có những công trình lao động thân thánh như chiến thắng Điện Biên, nhưng bên cạnh những cái đó, tôi biết rằng tổ quốc tôi còn có phở nữa. Trong những nản chiến tranh giải phóng, kẻ thù bay trên bát phở, có những bát phở phải húp vội trong đêm tối tăm, quệt ngang ống tay áo mà nhảy xuống lỗ hầm; có những bát phở bị bom, bánh trương lên mà người ăn không còn thấy trở lại một lần nào nữa. Nhớ lại cái hồi tôi về công tác ở vùng sau lưng địch, tôi không thể quên được mấy cái quán phở khuya trên con đê miết lấy vùng căn cứ du kích; những bát phở nóng ăn sau những đêm vượt vành đai trắng và xuyên qua vị trí địch, ăn có

một hương vị thật là đặc biệt; sau này nó tổng cần, nó hất hết các quán trên đê, không biết người bán phở đêm đó, có còn sống hay đã chết trong chuyến ấy rồi?

Lại còn cái lần đi chiến dịch với tiểu đoàn Lũng Vài, tôi không quên được những cuộc hành quân với đồng chí cấp dưỡng ban chỉ huy; đồng chí ấy gánh rất nhiều nồi niêu ga-men và thực phẩm công kênh, các chiến sĩ đều đùa gọi là “ông hàng phở của tiểu đoàn”. Trước kháng chiến đồng chí ấy vốn mở hiệu phở; nay hoà bình rồi, đồng chí có còn sống mà mở phở lại? Nhiều hình ảnh phở trong những năm gian khổ đã hiện về. Giờ mà ngồi an tâm ăn bát phở nóng sốt giữa ban ngày bất giác cần nhớ ơn nhiều người. Rồi mỗi cảm xúc phở vụt chốc bay xa rộng mênh mông.

Bỗng nghĩ đến những vùng chăn nuôi xanh rờn áng cỏ sữa khu tự trị Thái-Mèo, những đàn bò Lạng Sơn, Thanh Hoá đang cúi xuống ngón cỏ ngon trên đất nước. Gạo mấy vụ liền lại được mùa, bột bánh mịn và dẻo. Rau cỏ vùng ngoại thành Hà Nội: mở rộng mãi những diện tích xanh ngon vô tận, rau thơm hành hoa phụng phức cái hương vị thổ ngời.

Đêm Hà Nội, nay thức khuya nhất vẫn là những hiệu phở. Xưa kia phở ông Trường Ca bán đến bốn giờ sáng ở đình Hàng Bạc - cái nơi tập trung nhân dân Hà Nội năm đầu kháng chiến để rút ta khỏi vòng vây địch. Đình cũ không còn ông Trường Ca nữa, nhưng nay đã có ông phở Sứa sai thay ông mà thức khuya. Người Hà Nội đặt tên đến là hay.

Trước đây ông nấu bếp hiệu cao lâu Tàu; rồi ông ra mở phở. Rồi ở quê ông quy nhằm ông, ông phải về quê, giao lại quán phở cho bạn. Nay ông được sửa sai, lại trở lại thủ đô, chính quyền khu phố miễn thuế cho ông một thời hạn và tìm một chỗ lợi địa thế cho ông mở hiệu. Món quà của ông phở “Sửa sai” càng thơm ngon một cách chất phác hơn bao giờ. Có thể là cảm tình của khách hàng, đối với một người phở quen nay được khôi phục càng làm cho bát phở giải oan có thêm nhiều dư vị nữa. Những bát phở hỗn hậu ấy cũng chỉ là một sự đền bù công bằng đối với những người làm ăn lương thiện khu phố đi xem hát về hoặc họp hành bình bầu học tập xây dựng vừa xong.

(Trích tuần báo Văn của Hội Nhà văn Việt Nam số 1 và 2 ngày 10-5-1957 và 17-5-1957 xuất bản tại Hà Nội)

*

Phê bình nhất định là khó

Trong quá trình biểu hiện thực tế ở miền Bắc, tuần báo Văn đã được ông Thế Toàn xây dựng thêm cho bằng một bài luận đăng ở tạp chí Học tập số tháng 7-1957. Ông Nguyễn Hồng liền trả lời, (báo Văn số 15) có những câu:

“... Sự nhận định của tạp chí Học tập về con người, về sáng tác, thể hiện trong tuần báo Văn không những làm ban biên tập của tờ báo không đồng ý mà cả nhiều quần chúng cũng phải đề ra những câu hỏi: - Tại sao sự nhận thức và thái độ phê

bình của tạp chí Học tập lại như thế? - Có phải vì giáo điều, sơ lược, công thức, nên mới có sự nhận thức và phê phán như thế? - Có phải vì tác phong quan liêu, thái độ trịch thượng và cái lối đao to búa lớn nên mới có sự nhận thức như thế...”

(Tôi cũng xin hỏi tại sao ông Nguyễn Hồng lại không gọi thẳng tác giả bài đó ra mà nói, mà lại cứ gọi một cách trùm lớp là báo Học tập? Mặc dầu ở đầu bài đã nêu là trả lời bài viết của tác giả Thế Toàn, nhưng bạn đọc vẫn có thể hiểu nhầm.)

Tiếp theo đó, trong Học tập số tháng 8-1957, lại có một bài bút ký của hai ông Hồng Chương và Trịnh Xuân An với những câu:

“... Chúng ta cũng kiên quyết phản đối thái độ của một số cán bộ đảng viên phụ trách văn nghệ phạm khuyết điểm sai lầm được báo chí Đảng giúp đỡ phát hiện khuyết điểm sai lầm mà không chịu khiêm tốn và thành tâm sửa chữa, trái lại lại đả kích và mạt sát báo chí Đảng...”

Ấy là thấu tóm ít nét diễn biến của vấn đề. Và dưới đây là một số ý kiến nhỏ của tôi về công việc phê bình văn học trên cái cơ sở cụ thể của việc vừa nêu trên.

Tôi phải nói ngay rằng mười số Văn phản ảnh con người mới lên báo còn yếu. Cũng là do trình độ biểu hiện của con người thời đại còn thấp mức, còn kém đầy thôi. Ấy cứ tìm quanh quẩn chỗ lý do trình độ ấy, cứ xoáy vào đó, thì giải quyết đúng vào vấn đề, bằng không thì sẽ lạc mất tính chất khách quan trong việc đánh giá.

Trong việc đánh giá, đặc biệt nhất là ba ông Thế Toàn, Hồng Chương, Trịnh Xuân An đã có những “thái độ trịch thượng và lối nói đao to búa lớn”. Tôi cũng đồng ý với ông thư ký toà soạn báo Văn về cái nhận xét này. Thêm nữa, cá nhân tôi lại còn cảm thấy mấy ông đó đã làm cho người đọc phải hiểu rằng các ông lấy Đảng ra để “doạ” anh em viết bài báo. Dù muốn hay không muốn, hậu quả của cái cách nhìn cách viết của mấy ông là đã tạo ra ấn tượng kia.

Hắn ông Hồng Chương còn nhớ một buổi họp mở rộng của toà soạn tuần báo Văn để kiểm điểm báo, mà ông có dự? Có những ý kiến đưa ra để hỏi xem bài của ông Thế Toàn đăng ở Học tập số 7/1954 là tiếng nói chính thức của Đảng, hay đó chỉ là tiếng nói của một người biết bài? Riêng tôi vẫn nghĩ (và có nói ngay lúc ấy) rằng đây không phải là tiếng nói thật sự của Đảng, mà đây chỉ là một bài của một người, và toà soạn đã quên nêu lên đầu bài một vài ý kiến gì đó của toà soạn (cái việc này là một chi tiết nhưng rất quan trọng mà người phụ trách tạp chí không thể không thận trọng, nhất là tạp chí của Đảng đều về thấu tới các chi bộ cơ sở). Ông Hồng Chương có trả lời ngay là cũng xin cứ coi nhau như là bạn đồng nghiệp và phê bình giúp đỡ lẫn nhau. Kế sau đó ông về rồi cùng ông Trịnh Xuân An cho ra một bài bút ký đăng số 8/1957, quy cho báo Văn đã “đả kích và mạt sát báo chí Đảng”. Cái gì mà lại có tính cách hăm dọa như vậy? Cứ vào những chứng

có gì mà hai ông quy cho người khác là mặt sát báo Đảng? Các ông há chẳng nhớ câu thành ngữ: “Ai muốn giết con muông của mình thì quy cho nó là chó dại”? Các ông có nghĩ đến sinh mệnh chính trị của những người đồng chí đồng nghiệp của các ông khi họ bị vu như vậy không? Tôi rất phản ứng với cái “thói phê bình có tính chất xuyên tạc và phá hoại có tính cách thô bạo, đàn áp ý kiến đó”. Tôi gạch dưới câu này, chính cái câu của đồng chí Trường Chinh trong văn kiện mà hai ông đã dẫn ra trong bài bút ký hai ông còn nhắc thêm “chúng tôi đã thu hoạch được sau khi đọc bài nói chuyện ấy”. Cũng trong bài bút ký lịch sử của hai ông, sau khi đã gấp lửa bỏ tay người ta như vậy rồi, hai ông còn đề nghị: “Anh chị em văn nghệ sĩ chúng ta không nên e ngại phê bình, mà nên làm quen với lối phê bình thẳng thắn...”. Thế này thì quá quắt quá mất. Có phải bây giờ chữ nghĩa dùng nó khác cả đi rồi không? Có phải vì một số danh từ và hình dùng từ của chúng ta bị lâm vào tình trạng lạm phát không? Cái cách làm như vậy, nó thuộc vào loại con người cũ, hay là ta lại cũng gán cho “cái con người mới” để mà tô hồng hoặc bôi đen trát xám? Làm như vậy rồi, mà hai ông vẫn còn kêu (cũng trong bài ấy) rằng: “... Cảm thấy phê bình một số anh chị em văn nghệ sĩ là một việc “khó quá”. Mong rằng các anh chị văn sĩ sẽ hăng hái ủng hộ...”. Xin nói ngay rằng bản thân tôi không những không thể ủng hộ được cái cách làm như hai ông đã làm mà tôi còn có bốn phận nói toạc ra rằng như thế là không tốt, không hay, không đúng.

Hai ông kêu phê bình là khó, có phải tại các ông đã tin vào cái câu của nhà phê bình Boa-lô nói rằng: “Phê bình là dễ dàng, và sáng tác là chật vật”, cho việc ấy là quá dễ dàng mà nay thấy nó đụng phải nhiều thực tế phức tạp (nhất là thực tiễn Việt Nam trên con đường phức tạp gian lao của chủ nghĩa xã hội ở xứ ta) mà các ông rên khó không? Tôi chỉ là một người sáng tác trung bình, nhưng tôi cũng thông cảm được với hai ông về cái khó khăn của công tác phê bình. Nếu dễ làm, làm không vấp, làm đến đâu cũng là bay là giởi cả rồi, thì sao người ta đã lợi dụng được hai ông, đã lợi dụng được chúng ta?

Nhân nói đến cái khó khăn của phê bình mà những nhà phê bình khách quan chúng ta sẽ vượt được lên, tôi muốn nêu ra đây cái vấn đề kỷ luật phê bình. Ta mới chỉ nói đến kỷ luật sáng tác thôi mà sao chưa nói đến kỷ luật phê bình? Kỷ luật phê bình nêu ra đây, là tất nhiên cũng là một thứ kỷ luật tự giác, cũng như mọi thứ kỷ luật lao động, kỷ luật sáng tác, kỷ luật tuyên truyền khác ta vẫn làm.

Phê bình thiệt là khó. Theo tôi nghĩ, có khi còn khó hơn cả sáng tác (chứ không như Boileau nói đâu) vì chính bản thân cái công tác ấy, nó rất có tính chất sáng tạo, và nó cần phải được như thế. Làm đúng làm hay, nó có giá trị cả hai mặt; trước hết nó đánh lùi và đánh chết cái hư cái hỏng cái ác, và mặt khác, nó đưa cái tốt lên, nó làm yên tâm và gây hào hứng cho những thiện chí và, nói theo tự vị kinh tế, thì nó đẩy mạnh lực lượng sản xuất, mức sản xuất

và chất lượng sản phẩm. Trong một số khó khăn gây thêm ra do phê bình, về mặt tiêu cực của công tác phê bình, gần đây, chúng ta cũng đã có một số kinh nghiệm xương máu nữa kia đó.

Theo chỗ tôi biết thì đã có một số hiện tượng hách dịch đối với văn nghệ phẩm, xuất phát từ một số người phê bình cũng như từ một số cán bộ chính trị. Tôi rất đồng ý là văn nghệ sĩ mà nhất là văn nghệ sĩ có tài, cũng cần phải khiêm tốn. Nhưng chung quanh, nhất là những người có trách nhiệm về phán đoán cái này cái kia, đề nghị cũng làm như vậy cho. Tôi tán thành ý kiến là những “sĩ” của các ngành văn nghệ chúng ta chưa có gì là ghê gớm lắm đâu, về trình độ tư tưởng, trình độ văn hoá, trình độ nghề nghiệp còn phải học cho nát xương lõi da ra, học cho đến chết mà chắc gì đã nắm hết được quy luật của sự sống. Nhưng cũng không nên vì nó chỉ là “sĩ” của Việt Nam mà đánh giá nó quá thấp quá tồi về khả năng nhạy cảm đối với thực tế quan, cho nó là mít xoài tất trong mọi cảm xúc phiền toái và vĩ đại của thời đại vừa gieo neo vừa lớn lao hiện nay của chúng ta. Trong mọi thực tiễn Việt Nam nói chung các mặt, nếu đã có các tác giả còn non nớt, nếu đã có những tác phẩm yếu xoàng, thì cũng đã có một số cán bộ thực hiện chính trị một cách cũng không cao tay gì lắm. Đối với nghệ phẩm, anh đến với nó (nhất là thứ tạo ra ở bản xứ) mà anh tham lam quá đáng hoặc hung hăng một cách không cần thiết, thì nó biến mất (như là một cái sự gì là duy tâm vậy!). Mà

như thế rồi kết quả là gì? Là thiệt cho cả văn nghệ cả chính trị, và quan trọng hơn nữa, là thiệt ngay cho cái cuộc sống muôn màu một hướng mà chúng ta đang động viên nhau mà phục vụ hết lòng.

Lại vẫn theo tôi nghĩ, cái đạo đức cách mạng lớn nhất của một người phê bình cách mạng là đức độ. Không phải đức độ sẽ ảnh hưởng này nọ đến lập trường giai cấp, mà trái lại, cái đức độ bao dung người ấy sẽ làm cho lập trường giai cấp chúng ta trở nên nhuần nhị hơn, mềm mại hơn trong cách làm mà vẫn cứng rắn về nguyên tắc. Đức độ sẽ giúp cho người phê bình (dù là lão luyện hoặc mới viết lòi) đỡ chủ quan. Mà khuôn vàng thước ngọc của nhận định của phê phán là gì, nếu căn bản không là đi từ khách quan mà đặt vấn đề?

Kết thúc một số ý kiến của tôi, tôi xin trân trọng gạch dưới một câu trong một đoạn của đồng chí Trường Chinh, ở ngay cái văn kiện các đồng chí Hồng Chương và Trịnh Xuân An đã dẫn ra: “... Chúng ta mong rằng trong quần chúng thường thúc văn nghệ sẽ gây thành một tập quán mới đón chào và phê bình nhiệt tình những tác phẩm mới ra đời”.

(Trích báo *Văn* số 23 ngày 11-10-1957)

*

Nguyễn Tuân tự phê bình

Trước Cách mạng tháng Tám và trước ngày kháng chiến, tôi sống tuyệt đối bằng cảm tình, chỉ dựa hoàn toàn vào những xúc cảm bản năng và

phản ứng tình cảm để đánh giá cái tốt cái xấu cái thiện cái ác. Tôi nghĩ rằng thời kỳ ấy, tôi đã là người của thuyết hư vô và nhiều lúc đã quan niệm một cách nguy hiểm rằng người trí thức chân chính là phải hoài nghi tất cả. Đối với mọi vấn đề đảng phái và hoạt động đảng phái kể cả Đảng ta, lúc ấy, tôi hết sức tránh, nghĩ sai rằng nghệ thuật là ngoài chính trị và còn ở trên cả mọi chính trị, mọi hoạt động chính trị. Về những vấn đề lớn thuộc về vận mệnh dân tộc, tôi nghĩ rằng cái biểu hiện yêu nước của tôi ở tôi, tôi chỉ xin khung nó gọn vào vấn đề xây dựng tiếng nói dân tộc mà bản thân mình sẽ cố công đóng góp vào ít nhiều, qua những tìm tòi sáng tác văn học của bản thân mình. Trước mọi biểu hiện và mọi tương quan với cuộc sống chung quanh, tôi tự cho tôi là một đơn vị. Đối với chủ nghĩa cộng sản, con người duy tâm và tự do vô chính phủ của tôi đã là người tán thành cái thuyết viễn vông được làm người cộng sản mà không ở trong tổ chức cộng sản.

Về quan niệm nghệ thuật, trước đây tôi là người của phái nghệ thuật vì nghệ thuật, tức là tôi đã chủ trương nghệ thuật không phục vụ chính trị. Một số sách và tiểu thuyết của những tác giả tờ-rốt-skít hoặc có quan điểm tờ-rốt-skít về tư tưởng nghệ thuật, đã ảnh hưởng phần nào đến cái nhìn của tôi đối với Xít-ta-lin, đối với những hoạt động chính trị, và cụ thể là rất có định kiến nghi ngại đối với tổ chức Đảng nói chung trên thế giới cũng như có ở ta. Tôi cho rằng làm chính trị thì không tránh được thủ

đoạn này thủ đoạn khác và trên cái nhận thức sai lệch ấy, tôi càng tách con người văn nghệ ra khỏi bất cứ hoạt động chính trị gì.

Có thể nói rằng tôi vẫn còn kéo dài cái sống phiêu lưu ngay cả sau thời kỳ Cách mạng tháng Tám đã thành công rồi, và sự cải tạo tư tưởng của tôi chỉ mới bắt đầu có từ ngày kháng chiến. Cuộc đấu tranh vô trang khắp đất nước đã cho tôi những điều kiện khách quan và chủ quan để dần dần uốn nắn lại một cái nhân sinh quan đồi bại ở trong tôi, cụ thể là giải quyết bước đầu cho tôi về các mặt tư tưởng hoài nghi. Trong những năm kháng chiến, công tác và sáng tác của tôi, tuy chưa có là bao nhiêu, nhưng đều chứng minh cái kết quả bước đầu của cuộc cải tạo đó. Và tôi thấy cần phải nói thêm rằng có được cái kết quả ấy, cũng là nhờ ở phần khách quan nhiều hơn là phần chủ quan, và nhất là nhờ có cái phần Đảng dìu dắt cho. Cuộc sống kháng chiến có gian khổ về mặt vật chất và thể xác, nhưng có những thuận lợi khác về mặt trau dồi tinh thần cầu tiến và nhiệt tình cách mạng. Tuy chưa được toàn thân toàn ý, nhưng tôi cũng đã gần bó rất nhiều với Đảng với nhân dân và tìm cái lẽ sống còn của bản thân mình trên cái cơ sở tập thể lớn lao ấy. Và mọi bản khoản cá nhân chủ nghĩa, về căn bản đã được dẹp xuống. Hoà bình trở lại đây, điều kiện khách quan đổi khác cả. Cách mạng chuyển giai đoạn đã mấy năm nay, tư tưởng tôi không những đã không chuyển theo kịp mà lại còn có những điểm ngoặt trở lại với những nếp cũ của thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám.

Cũng như nhiều anh chị em cán bộ khác về làm việc ở thành thị ngay từ ngày đầu tiếp quản, tôi cũng vẫn nói với tôi là đấu tranh hoà bình gian khổ phức tạp; phản đế phản phong trong kháng chiến, thế mà còn dễ hơn cái giai đoạn cách mạng này nó đánh thẳng vào con người trí thức tiểu tư sản mình còn nặng những cái cặn của tư tưởng tư sản. Nhưng đồng thời tôi lại vẫn bảo cả tôi và nhiều người khác cùng một thành phần giai cấp: “Tư tưởng tư sản và lực lượng tư sản ở ta, có gì mà làm ghê đến thế?”. (Tôi nhớ lại rằng trong hồi phát động quần chúng để cải cách ruộng đất, hình như tôi cũng đã kêu rằng giai cấp địa chủ và tư tưởng địa chủ ở ta thực ra có gì mà ghê đến thế?)

Từ sau hoà bình, con người cầu an hưởng lạc ở tôi dần dần hồi sinh lại với cái nếp trước của người thị dân cũ trong tôi, vào những ngày đầu của Cách mạng tháng Tám. Tôi kêu cái này cái khác, đòi hỏi cách mạng phải thế nọ thế kia, tiếng kêu phù hợp với cái tiếng nói của chủ nghĩa hoà bình của cái số người cho rằng “miền Bắc ta làm mạnh quá, tốc độ chính trị đi gấp đi dữ như vậy, e khó mà tranh thủ được miền Nam”. Lập trường tôi bấp bênh, nên tôi mâu thuẫn với tôi: vừa lo mình dồn đẩy nhanh quá, lại vừa sốt ruột cho tình hình ị ạch đủ các mặt. Đối với hiện tượng này hiện tượng khác về hộ khẩu, về thị trường của phân kinh tế quốc doanh, về đời sống anh bộ đội phục viên, về mức sống công trường xí nghiệp, về đợt năm của cải cách ruộng đất và đề vờ,

những tình cảm tiểu tư sản trong con người động dao của tôi lại vẫn lên rất nhiều oán tiếc hờn dỗi, nó kết lại thành một cái cách nhìn phiến diện để dẫn tới một cái nhìn khác bất công và u uất, bất mãn và nghi kỵ. Chuyện trong nước đã thế, nhìn ra cả trong phe trong khối ta, thì thấy toàn những sự việc và hiện tượng nó vượt qua cái trình độ nhận thức vốn lệch lạc của mình, và vượt quá cái khả năng đánh giá vốn một chiều và cục đơan của mình. Đứng trước những khó khăn mới của cách mạng chuyển mạnh giai đoạn, cái chất hoài nghi cố hữu ở trong tôi đã ngóc dậy rất mạnh nhất là từ sau đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô.

Lần lại cái mạch tư tưởng của tôi ngược lên hồi Cách mạng tháng Tám, tôi thấy trong hệ thống tư tưởng của tôi đã có những luồng sóng ngầm nó quật lại nó dội lên, sau một giáp mười hai năm nó bị chìm xuống. Trong cơn khủng hoảng này, vì lạc phương hướng mà có lúc tôi đã nói đã nghĩ đã viết ra như là một người không phải là đảng viên. Một đôi khi, còn bắt được mình đang thoát ly Đảng trong tư tưởng. Nay giật mình nhìn lại, thấy mình đã có trôi trên cái dốc của quan điểm chủ nghĩa xét lại. Lòng tin bị sút vỡ, cho nên đối với sự việc này, sự việc khác, đối với tài liệu này tài liệu khác, hay đòi lật ngược lại. Học tập tình hình thế giới còn dễ thông hơn tình hình trong nước. Nguồn tin chính thì tiếp thu có điều kiện, các nguồn tin khác thì nhận và phát đi một cách dễ dàng. Lập trường tư tưởng đã có sự

lẫn lộn, cho nên nghiệt ngã với ý kiến của đồng chí, của bạn, cho nên dễ hoà theo với lời xúc xiểm gièm pha tán tỉnh của bọn ác bọn xấu. Cái phản văn đục trong con người hoài nghi của tôi đã là một miếng đất thuận tiện cho sự nảy nở của những tư tưởng do các nguồn đối địch gieo vào. Và muốn hay không muốn, trong một số công việc nhất định, tôi đã trở nên một cái bình phong cho bọn xấu dùng được.

Về phần sáng tác, gần đây tôi đã gặp những khó khăn trong tư tưởng sáng tác, cũng là do bị quan hoang mang tác động và hạn chế cái nhiệt tình của người nghệ sĩ cách mạng. Cũng là do cái phương pháp tư tưởng nặng nề về hiện tượng vụn vặt mà không nhìn thấy cái đại thể của cách mạng và cái hướng của sự vật trong quá trình phát triển cách mạng. Cũng là do lẽ này lẽ khác, nhưng cái chính là cái nguyên do ngớ vẩn. Chính vì sa sút đã đi vào chỗ lệch, chỗ sai, đã lạc hướng về tư tưởng và lầm lẫn về chỗ đứng của người đảng viên văn nghệ. Tôi đã có xu hướng tách văn nghệ ra khỏi chính trị và đối lập văn nghệ với chính trị. Ví dụ ở tuần báo Văn dưới đầu đề “Phê bình nhất định là khó” tôi đã viết: “Nếu đã có những tác giả còn non nớt, yếu ớt, nếu đã có những tác phẩm yếu xoàng, thì cũng đã có một số cán bộ thực hiện chính trị một cách cũng không cao tay gì lắm...”

Đối với tác phẩm in lại, tôi đã tự tiện gạt đi cái phần chính trị của vấn đề, để chỉ còn thấy có phần nghệ thuật. Để tựa cho tập sách Thạch Lam và vở

kịch Kim tiền của Vi Huyền Đắc, tôi chỉ có đề cao tác phẩm và tác giả mà không đứng trên cái quan điểm văn học vô sản của người phê bình cách mạng mà vạch ra những nhược điểm khuyết điểm và sai lầm của tác phẩm. In lại tập Vang bóng một thời của tôi, tôi cũng thiếu mất cái trách nhiệm của người tác giả đối với độc giả mà xác nhận thái độ của mình về nội dung tư tưởng của tác phẩm cũ. Thậm chí, còn đưa vào sáng tác tất cả các bức bối, cái hờn dỗi với thực tế, chỉ chiết cạnh khoé điều này điều nọ, như ở trong bài “Cây Hà Nội”: “Con người ở đây ít chú trọng đến cây... Ở đây, con người đối với con người cũng chưa đủ mức chú trọng, nói chi đến chuyện cây cối... Đôi lúc có nhớ đến người này người nọ thì ta chỉ quen nhớ những lúc họ đánh đổ hoặc đánh vỡ một cái gì...”. Thực ra chủ nghĩa nhân đạo cộng sản chúng ta không bao giờ dạy con người tự mình tách khỏi tạo vật chung quanh và chà đạp hoa cỏ cây cối. Thực ra Đảng ta quan tâm đến trình độ văn hoá cần nâng cao dần cho quần chúng nhân dân, trong ấy mặc nhiên là có cái phần giáo dục thẩm mỹ, dạy con người yêu quý hoa cỏ quả cây và hướng nó vào cuộc sống cần lao của tập thể. Những câu đại để như ở bài “Cây Hà Nội”, với cái lối nói ồm ờ đó, đã phản nào biến mùa Xuân miền Bắc thành ra những cái ngậm ngùi kích động đến những tâm sự sửa sai, tạo thành những cái đơn chiếc và bất công trong cách nhìn ra thực tế sinh động trên đất nước. Cách nhìn không lành mạnh ấy thật là không xứng đáng với bất cứ

nhà văn nào muốn đóng góp giấy mực của mình vào cái quyết tâm chung sức xây dựng miền Bắc của mọi người. Cách nhìn và cách viết ấy không giải quyết gì cho cuộc sống nặng nề đang cần phải bốc lên đây lên. Nó có phần nào đã làm đầu têu cho một số mồm và bút sẵn sàng mượn khéo văn chương để nói cạnh và chửi đồng, móc máy việc này việc khác.

Nhưng trong cả một mớ lạch lách của tôi ít lâu nay, cái sai lầm tôi cho nghiêm trọng hơn hết, tức là cái sai lầm của tôi đối với nghị quyết của Bộ Chính trị của Đảng nhận định về tình hình văn nghệ. Nghị quyết phân tích sâu sắc, tổng kết đầy đủ rõ ràng về sự lũng đoạn của phần tử đối địch trong văn nghệ. Tôi được phổ biến nhiều lần về nghị quyết này, tôi vẫn cứ khẳng khẳng cho rằng văn học nghệ thuật ta ít lâu nay có vấn đề và đang có những vấn đề cần phải giải quyết sớm, tức là có nghiêm trọng về tình hình, nhưng không đến nỗi nghiêm trọng đúng như tinh thần và con chữ đã vạch ra trong từng chương mục của nghị quyết. Tại sao phải trải qua hơn ba tháng ròng học tập liên hệ, phải trải qua rất nhiều khó khăn của diễn biến tư tưởng và qua bao nhiêu công sức của đồng chí và đồng nghiệp giúp đỡ cho mà nay tôi mới nhất trí được với toàn bộ nghị quyết của Đảng về tình hình văn học nghệ thuật?

Chính là vì tôi đã mơ hồ về lập trường, không phân rõ địch ta, nên không nhìn thấy vấn đề đấu tranh giai cấp trong lĩnh vực văn học nghệ thuật

giữa lúc cách mạng tiến lên đang đánh vào tất cả những cái gì dám chống đối và phản lại nó. Chính vì tôi non yếu và mơ hồ về chính trị, nên không thấy cái mặt chính trị của vấn đề văn nghệ đây. Bản chất cầu an hưởng lạc nghỉ ngơi ở tôi đã làm tôi mờ nhạt về sự tất yếu của cuộc đấu tranh này và quên cả cái tính chất của tổ chức Đảng ta là một tổ chức chiến đấu và đang can chiến đấu quyết liệt trên mặt trận tư tưởng. (Cuối 1956, đóng cửa Nhân văn. Tôi là một chữ ký trong bản kiến nghị của nhiều anh em văn nghệ sĩ ký ngày 13-12-1956; nhưng trong tôi vẫn còn phân vân về biện pháp hành chính dùng với Nhân văn. Nay tôi đã thấy rõ là không thể thuyết phục cải tạo tờ báo đó và biện pháp ấy là biện pháp duy nhất). Chính vì tôi có xu hướng tách văn nghệ khỏi chính trị nên tôi không nhận ra khía cạnh chính trị của vấn đề. Tôi thường còn hay kêu là ít lâu nay ta bàn chính trị quá nhiều trong văn nghệ và nên dành thì giờ để bàn về chuyên môn thì đúng hơn. Tôi không thấy rằng tình hình địch ta nghiêm trọng đã như thế, thì cái yêu cầu cấp bách của văn nghệ hiện nay là giải quyết về chính trị đã, rồi trên cái cơ sở trắng đen đã phân rõ ấy, trong nội bộ nhân dân của văn nghệ, mới thanh thoát được cho sự thảo luận chuyên môn văn nghệ. Không nhìn nhận ra được chỗ sáng suốt của nghị quyết của Đảng về tình hình văn nghệ bị lũng đoạn, tôi cho cái nguyên nhân chính còn nằm ở cái chỗ lòng tin của tôi đối với Đảng. Từ sau hoà bình và nhất là từ sau Đại hội

XX Đảng Cộng sản Liên Xô, lòng tin của tôi đối với Đảng đã có thêm những màn đen của sự nghi ngờ. Thời kỳ mở phong trào chống chủ nghĩa sùng bái cá nhân cũng là thời kỳ tôi đi sâu vào một bệnh sùng bái khác. Tức là tôi đã tự phụ, tự túc, tự ái, tự đại mà sùng bái cái cá nhân trí thức tiểu tư sản của tôi. Tôi cho là phải phát triển tới cái độ cao nhất về việc suy nghĩ độc lập, lấy tư duy độc lập ra mà làm cái thừa trừ cho cái kiêu mà tôi vẫn gọi là: “Cách nghĩ một chiều của nhiều đồng chí chúng ta”. Ngông nghênh với sự phát triển bừa bãi đó, tôi đã tự huyễn hoặc mình về cái kiến thức bản thân thổi phồng bơm to lên, tự phỉnh nịnh mình đến cái mức bọn ác bọn xấu dùng được mình mà không nhận ra, đến cái mức chỉ thấy có mình mà không thấy phương hướng trong tư tưởng. Qua một lần kinh nghiệm tôi tự phát trên một cái cơ sở cá nhân bấp bênh, nay tôi nghĩ rằng Đảng ta, trên con đường từ nay kiện toàn chuyên chính vô sản song song với mở rộng dân chủ, Đảng ta không những không hạn chế sự nghĩ độc lập của đảng viên và anh chị em trí thức, mà lại còn khuyến khích mọi người đóng góp cái phần trí tuệ chân cảm của mình vào cái khối trí tuệ vĩ đại của Đảng. Riêng tôi, qua một trận thử thách vừa rồi, qua cái bài học choáng váng vừa rồi để phân rõ thiện ác trong giới văn nghệ phức tạp, tôi thấy sáng lên cái chân lý này:

- Muốn suy nghĩ độc lập, cần phải có vốn phong phú về thực tế đấu tranh, cộng với một căn bản lý luận cách mạng chắc chắn;

- Khi mình đã ngờ vực Đảng thì dễ nghĩ sai và làm sai.

Những cái tôi nói đó, thực ra không có gì là mới cả, nhưng riêng với tôi, nó có cái giá trị của một lần “suy nghĩ” vừa đau xót vừa yên tâm, vừa lành mạnh. Viết ra đây cái điều trên, tôi thấy tôi thoải mái trong sự khiêm tốn thành khẩn và càng thấy gần Đảng hơn bao giờ.

8-4-58

Trích tạp chí *Văn nghệ* số 12 tháng 5-1958 (xuất bản ở Hà Nội)

*

VĂN CAO

Văn Cao là một người rất đặc biệt. Nhờ có bản năng thiên phú, mà tuy không học ở trường nào cả ông cũng trở thành một nghệ sĩ danh tiếng, hay cả về nhạc, hoạ và thơ. Ông là một thứ nghệ sĩ “nhân dân” mà thời thế đã tạo nên.

Nguyễn Văn Cao sinh vào khoảng năm 1920 trong một gia đình nông dân nghèo ở Lạch Trai, gần Hải Phòng. Bố mất sớm, mẹ chỉ có vài sào ruộng nước mặn. Văn Cao sở dĩ ăn học được ít năm là nhờ có người anh làm gác đàn, trông coi nhà máy bơm nước ở bờ sông Hải Phòng. Vì nhà làm để chứa máy, không phải để cho người ở nên Văn Cao phải học bài và ngủ trên một miếng ván bắc từ chiếc máy điện sang chiếc máy bơm, suốt ngày suốt đêm phải chịu đựng tiếng kêu vo vo không ngớt của hai chiếc

máy ở hai đầu giường. Có người nói chính vì tiếng máy kêu như ve sầu suốt ngày đêm đã gây cho Văn Cao một tâm hồn nhạc sĩ. Điều đó không biết có đúng không, nhưng chỉ biết rằng ngay từ nhỏ Văn Cao đã có khiếu về âm nhạc. Khi còn học ở tiểu học, và sau lên trường trung học tư thục Saint Charles, Văn Cao đã nổi tiếng là hát hay.

Văn Cao mới học được hai năm ở trung học thì ông anh mất việc nên phải bỏ học đi kiếm việc làm. Ông xin được một chân điện thoại viên (téléphoniste) ở Nha giám đốc Thương cảng Hải Phòng (Direction du Port) nhưng làm chưa được một tháng xin thôi vì tính ngang ngạnh không chịu được thái độ hống hách của “xếp Tây”. Gặp được Phạm Duy ở Hà Nội xuống hát ở Cảng, Văn Cao nghe lời Phạm Duy xách khăn gói lên Hà Nội vì thời bấy giờ chỉ có thủ đô Hà Nội mới có điều kiện nuôi sống văn nghệ sĩ.

Lên đến Hà Nội, Văn Cao được bạn bè giúp đỡ, thuê được một căn gác nhỏ, bắt đầu nhận vẽ tranh quảng cáo và sáng tác nhạc. Trong thời kỳ này Văn Cao sáng tác được nhiều bài hát hiện nay còn giá trị: bài “Thu cô liêu” và “Đêm xuân” (nhạc của Văn Cao, lời của Đỗ Hữu Ích), bài “Suối mơ” và “Đàn chim Việt” (nhạc của Văn Cao, lời của Phạm Duy), bài “Buồn tàn thu” (do Phạm Duy mang đi phổ biến ở các tỉnh), bài “Đêm sơn cước” và bài “Bắc Sơn”.

Văn Cao bắt đầu được nổi tiếng từ năm 1943. Hai năm sau xảy ra nạn đói kém; vùng ven biển là quê hương của Văn Cao bị chết đói nhiều nhất. Bà mẹ

Văn Cao phải đi bắt cá ở các ruộng nước mặn để nuôi các cháu, nhưng chẳng bao lâu cá cũng không còn, vì mỗi ngày có hàng vạn người đi bắt, nên bà cụ phải bỏ làng mang mấy cháu nhỏ chạy lên Hải Phòng rồi lên Hà Nội, giữa đường thất lạc mất một đứa cháu lên ba. Giữa lúc ấy thì một người đồng hương của Văn Cao, tên là Vũ Quý vì hoạt động cho Việt Minh ở Hải Phòng nên bị Nhật lùng bắt. Anh ta trốn lên Hà Nội, đến ở nhờ Văn Cao và tuyên truyền cho Văn Cao theo Việt Minh. Văn Cao được giới thiệu để viết bài và vẽ tranh cho tờ báo Lao động là cơ quan của Việt Minh xuất bản ở ngoại ô Hà Nội, đồng thời căn gác của Văn Cao được Vũ Quý dùng làm lớp học để giảng chính trị cho những thanh niên mới gia nhập đoàn thể Việt Minh.

Một hôm Vũ Quý đi Việt Bắc về bảo Văn Cao soạn giúp một bài quân ca cho Việt Minh, vì trường chính trị quân sự của Việt Minh đang cần một bài để xuất quân. Văn Cao nhận lời và làm bài “Tiến quân ca”, giữa lúc ngồi trong cửa sổ nhìn ra thấy những xe chở xác chết đi qua. Lúc này ông cũng làm thêm một bài thơ nhan đề “Chiếc xe chết qua phường Dạ Lạc” nói lên nỗi đau khổ của tác giả trước cảnh chết đói của hàng vạn người giữa Hà Nội, không ngớt ăn chơi và đua lạc.

Báo Lao động đăng bài “Tiến quân ca” và cán bộ Việt Minh ở Hà Nội bắt đầu học hát. Ít hôm sau Văn Cao được Võ Nguyên Giáp mời lên chiến khu để khen thưởng và ban cho một khẩu súng lục.

Về Hà Nội, Văn Cao được giao công tác phụ trách đoàn Thanh niên Xung phong, nhưng hai tuần sau ông bị sốt rét. Giữa lúc đó thì Nhật đầu hàng Đồng minh và Đại Việt tổ chức cuộc biểu tình công chức ở Hà Nội, Việt Minh ra lệnh cho đoàn Thanh niên Xung phong cướp cuộc biểu tình của Đại Việt để biến thành cuộc biểu tình hoan nghênh Việt Minh. Văn Cao đang lên cơn sốt nên phải giao khẩu súng cho người khác để điều khiển thay mình, tuy nhiên ông cũng ra đứng trước Nhà hát lớn để chứng kiến công việc của bọn đàn em. Hai ngày sau, hết sốt Văn Cao đứng ra đánh nhịp cho đoàn Thanh niên Xung phong hát bài “Tiến quân ca” trong một cuộc biểu tình do Việt Minh tổ chức ở Nhà hát lớn. Ngày hôm ấy là 19 tháng 8-1945, Việt Minh cướp chính quyền ở Hà Nội.

Sau khi Việt Minh lên nắm chính quyền, Văn Cao được cử vào Ban Thường vụ Hội Văn hoá Việt Nam. Lúc này ông làm thêm được bài “Không quân Việt Nam” và bài “Hải quân Việt Nam”. Thanh thế của Văn Cao lúc này lên đến tột bậc. Ông tái bản những bản nhạc đã làm từ trước và giao cho nhà in Rạng Đông phụ trách ấn loát. Cô con gái ông chủ nhà in phải lòng nhà “nhạc sĩ Việt Minh” và hai người lấy nhau.

Vì phạm tội lấy con gái nhà tư sản nên Văn Cao bị Đảng bỏ rơi. Sau khi tác chiến bùng nổ, hai vợ chồng Văn Cao chạy lên Lào Kay, sau về Tuyên Quang và sau cùng về mở tiệm cà phê ở Phố Yển, thuộc Vĩnh

Yên. Cán bộ Đảng nhận thấy gia đình Văn Cao cứ thuyên chuyển dần về mạn xuôi, sợ có ngày Văn Cao bị vợ quyến rũ về Hà Nội, nên ra lệnh triệu Văn Cao lên Đại Từ, giao cho công tác trong Hội Âm nhạc Việt Nam. Trong thời gian này Văn Cao sáng tác được bài “Trường ca Sông Lô” và được kết nạp vào Đảng, được dự lớp huấn luyện dành riêng cho đảng viên và sang năm 1952 được cử sang Mạc Tư Khoa, trong phái đoàn văn hoá do Trần Huy Liệu cầm đầu. Trong dịp này Văn Cao được gặp nhà nhạc sĩ số một Liên Xô là Chostakovitch. Đây là vinh hạnh lớn nhất trong đời của Văn Cao.

Tuy nhiên sau khi đi Mạc Tư Khoa về, Văn Cao bắt đầu tỏ ý thất vọng Liên Xô không phải là thiên đường như ông vẫn tưởng tượng. Thêm vào đấy, khi ông về nước thì cuộc đấu tố địa chủ cũng vừa bắt đầu, ông được cử đi tham quan mấy vụ đấu tố điển hình ở Việt Bắc, trong số đó có cuộc đấu tố ông bố vợ Nguyễn Kháng Toàn ở Tuyên Quang, khiến ông nghi ngờ chân giá trị của chủ nghĩa cộng sản.

Về Hà Nội sau khi hoà bình lập lại, Văn Cao phụ trách ban nhạc ở Đài phát thanh Hà Nội, nhưng ông chán nản không sáng tác gì hết. Năm 1956 ông tham gia phong trào Nhân văn-Giai phẩm, làm những bài thơ chống Đảng như bài “Anh có nghe không” và bài “Những ngày báo hiệu mùa Xuân” mà chúng tôi trích sau đây. Lúc đầu thì Đảng làm ngo không vấn tội vì Đảng không muốn hạ bệ người nghệ sĩ đã có công sáng tác bài “Quốc ca” nên trong năm 1957

Văn Cao vẫn được đề cao. Nhưng qua cuộc chỉnh huấn Đảng khám phá thấy Văn Cao không những chỉ có viết bài chống Đảng mà còn bí mật vận động các nhạc sĩ khác chống Đảng, nên sang năm nay (1958) Văn Cao bị đả kích dữ dội và bị đưa đi học tập lao động. Trong tờ Văn nghệ số 14 tháng 7-1958 Xuân Diệu viết một bài nhan đề “Những tư tưởng nghệ thuật của Văn Cao” tố cáo Văn Cao là “con người phản phúc hai mặt giả dối như con mèo, là một tên phù thủy toan dùng âm binh để chọi nhau với Đảng”.

Sau đây chúng tôi xin trích bài “Anh có nghe không” và bài “Những ngày báo hiệu mùa Xuân” để các độc giả nhận xét. Theo ý riêng chúng tôi, Văn Cao không phải là phù thủy mà chỉ là một con thiêu thân, một con thiêu thân điển hình nhất.

*

Anh có nghe không

(Gửi một nhà thơ xưa đã nổi tiếng)

Cửa đóng lại từ chín giờ

Không một cuốn sách chờ đợi

Dù những ngôi sao đang nở trên trời

Dù đêm mùa xuân bắt đầu trở lại

Tất cả hướng về biển

Bọt cú tan trên bãi cát xa

Mà cửa bể vẫn im lìm chưa mở

Bao giờ nghe được bản tình ca

Bao giờ bình yên xem một tranh tĩnh vật
Bao giờ
Bao giờ chúng nó đi tất cả

Những con người không phải của chúng ta
Vẫn ngày ngày ngang nhiên sống

Chúng nó còn ở lại
Trong những áo dài đen nham hiểm
Bẻ cổ bẻ chân đeo tội ác cho người

Chúng nó còn ở lại
Trong những tủ sách gia đình
Ở điều thuốc trên môi những em bé mười lăm
Từng bước chân các cô gái
Từng con đường từng bãi cỏ từng bóng tối
Mất quãng thâm còn nhờ mãi đêm

Chúng nó còn ở lại
Trong những tuổi bốn mươi
Đang đi vào cuộc sống
Như nắm mọc trên những thân gỗ mục

Người bán giấy cũ
Đã hết những trang tiểu thuyết ế
Những trang báo ngày xưa
Đang bán đến những trang sách mới
Những bài thơ mới nhất của anh

Anh muốn giơ tay lên mặt trời
Để vui da mình hồng hồng sắc máu
Mấy năm một điệu sáo
Nhu giọng máy nước thâu đêm chảy

Chung quanh còn những người khôn ngoan
Không có mồm
Mắt không bao giờ nhìn thẳng

Những con mèo ngủ yên trên ghế
Trong một cuộc dọn nhà

Những con sên chưa dám lộ đầu ra
Nhưng cây leo càng ngày càng tốt lá

Một nửa thế giới
Một nửa tâm hồn
Một nửa thế kỷ
Chưa khai thác xong

Bây giờ không còn những tiếng nổ to
Nhưng còn những tiếng rạn vỡ

Có thể thu hết những khẩu súng phản động
Nhưng vẫn còn
Những khẩu súng đưa người tự tử.

Anh có nghe thấy không
Chỗ nào cũng có tiếng

Chưa nói lên

Những người của chúng ta
Đang mờ mờ xuất hiện
Le lói hy vọng
Trên những cánh đồng lầy

Nghìn năm cũ phủ mất nhiều giá trị
Đốt nghìn kinh chưa thắp sáng cuộc đời

Vào một cuộc đấu tranh mới
Với những người không phải của chúng ta
Anh có nghe thấy không

Vào một cuộc đấu tranh mới
Để mở tung các cánh cửa sổ
Mở tung cả cửa bể
Và tung ra hàng loạt hàng loạt
Những con người thật của chúng ta.
(Trích *Giai phẩm mùa Xuân* 1956)

*

Những ngày báo hiệu mùa Xuân

Nước biển đổ vào quanh Hải Phòng ngày bão
Làng mạc bồng bênh trời đất bênh bồng
Ở những ngọn tre xác xơ mọc lên chất muối
Còn lại ít rơm khô những mái nhà trôi
Những mảnh lưới thuyền ai bay tan tác

Xe gạo ngày đêm từ Hải Phòng về các xóm
Chúng tôi đêm ngày vét nước nổi đe
Tuối ngọt lại ruộng đồng, dựng lại từng thôn
xóm

Tim lại những nụ cười ở mỗi người sống sót
Lửa đỏ đêm đêm trên bãi biển bập bùng

Trong những ngày khó khăn chống chất
Kẻ thù của chúng ta xuất hiện
Những con rồng đất khi đỏ khi xanh
Lẩn trong hàng ngũ
Những con bói cá
Đậu trên những chiếc dây buồm
Đang đo mực nước
Những con bạch tuộc
Bao nhiêu tay chân dìm chết một con người.

Đất nước đang lên da lên thịt
Đất nước còn đang nhỏ máu ngày ngày

Ta muốn gói cuộc đời gọn gàng như trái vải
Đã thấy loài sâu nằm tròn trong cuống

Chúng muốn các em nhỏ mới biết đi phải rụng
Mòn mỏi dần sức vỡ đất khai hoang
Làm rỗng những con người lụi dần niềm hi vọng
Héo dần mầm sáng tạo mất phẩm giá con người

Chúng nó ở bên ta trong ta lén lút

Đào rỗng từng kho tiền gạo thuốc men
Tôi đã thấy từng mặt, từng tên xâu chuỗi
Tôi sẽ vạch từng tên từng mặt

Hãy dừng lại
Những tên muốn ôm cây mùa xuân không cho
mọc
Những tên muốn làm cây to che cóm mầm non

Con đường ta đi tự hào lực lượng
Con đường nước nguồn thành sông thành biển

Con đường ta đi tự hào duy nhất
Con đường đi trái đất quanh mặt trời
(“Những ngày báo hiệu mùa Xuân” là một đoạn
trong bài thơ dài Những người trên cửa biển của
Văn Cao, in trong tập thơ của bốn người: Hoàng
Cầm, Văn Cao, Trần Dần, Lê Đạt, do nhà xuất bản
Văn Nghệ phát hành. Trích Giai phẩm mùa Thu tập
II tháng 10-1956)

*

TRẦN DUY

Trần Duy tên thật là Trần Quang Tăng, sinh ở Huế vào khoảng năm 1920. Ông học Trường Mỹ thuật Hà Nội trong thời kỳ đại chiến thứ hai, và sau khi Hà Nội bị phi cơ Đồng minh oanh tạc, nhà trường dọn lên Sơn Tây, ông cũng theo lên Sơn Tây. Học chưa tốt nghiệp thì xảy ra cuộc đảo chính Nhật và tiếp theo là cuộc khởi nghĩa Việt Minh.

Trong thời gian học ở Sơn Tây, Trần Duy thân với Phan Kế An, là bạn đồng trường và là con Phan Kế Toại. An là cán bộ Việt Minh, nên tuyên truyền Trần Duy theo Việt Minh.

Trong thời gian kháng chiến, ông công tác văn nghệ bộ đội ở Việt Bắc. Về Hà Nội, ông hợp tác với nhóm Giai phẩm và cộng sự với cụ Phan Khôi trong việc xuất bản tờ báo Nhân văn. Những bài nghị luận của ông về chính trị rất có giá trị.

Bài “Những người khổng lồ” mà chúng tôi trích sau đây để giới thiệu nghệ thuật viết văn của ông, thuộc vào loại thần tiên mà ông tự đặt ra, để mượn ý nói rằng chủ nghĩa cộng sản chỉ có thể đào tạo nên những con người có sức khoẻ máy móc, không có tâm hồn. Rút cục những con người “không phải là người” đó chỉ tàn phá và gieo tang tóc khắp mọi nơi, không có khả năng kiến thiết và xây đắp hạnh phúc cho nhân loại.

Dùng thần thoại để trình bày một hiểm hoạ đương đe doạ toàn thể thế gian, đó là một sáng kiến rất đặc biệt của ông.

*

Những người khổng lồ

(Gửi những người cộng sản chân chính)

Tôi xin kể các bạn nghe một câu chuyện cổ. Ngày xưa quả đất chưa có người ở, chỉ toàn là cây cỏ núi đá, sông, hồ biển rộng mênh mông. Thú dữ rất nhiều và ma vương quỷ dữ cũng nhiều. Lúc Thượng đế cho những con người đầu tiên xuống, con người

hết sức khổ sở. Đời sống ở quả đất bấy giờ chỉ toàn là nước mắt và oán thán. Tiếng khóc tụ lại thành khí, nước mắt bốc lên thành mây dâng lên tận thiên đình. Ngọc Hoàng lo lắng, đau xót vô cùng. Thiên đình lo âu chẳng kém. Một vì sao tâu:

“Sức người có hạn, mà ma quỷ thì uy lực vô cùng, vậy nên phải thêm người nhà trời về giúp sức.”

Ngọc Hoàng bèn triệu tập hội nghị Thiên đình, ra chỉ thị nặn thêm một đoàn khổng lồ cho xuống hạ giới giúp sức loài người.

Thế là chẳng bao lâu, nặn xong lũ khổng lồ, mình cao trăm trượng, tay chân to lớn, sức lực vô địch. Ngọc Hoàng hà hơi sống, lũ khổng lồ cử động, Thiên đình mừng rỡ... Chỉ nay mai hạ giới sẽ chẳng còn tiếng khóc và nước mắt.

Đoàn khổng lồ xuống hạ giới: bạt rừng lấp bể, nhổ cây như vót rong, bóp vụn đá như nghiền bột, long trời lở đất. Đoàn khổng lồ vui sướng và tin chắc đã làm vừa lòng trời và thuận lòng người. Nhưng một hôm Ngọc Hoàng mở cửa nhìn về hạ giới... Có sao tiếng khóc vẫn còn?

Ngọc Hoàng phán hỏi Thiên đình, Thiên đình ngơ ngác nhìn nhau. Có vì sao tâu:

“Việc hạ giới nên triệu Táo quân về đầu đuôi sẽ rõ.”

Mấy hôm sau Táo quân về. Vừa bước tới sân châu, Táo quân đã vấp đầu xuống bệ khóc nức nở.

Ngọc Hoàng hỏi:

“Táo quân chưa tâu báo, đã khóc lóc, làm loạn cả quần tiên là có làm sao?”

Táo quân vẫn khóc. Ngọc Hoàng nói:

“Táo quân quên rằng quần tiên không có tiếng khóc, và Thiên đình chỉ có tiếng cười và vũ nhạc hay sao?” Táo quân tâu:

“Hạ thần vẫn muốn như vậy, nhưng trọng trách của Ngọc Hoàng giao cho hạ thần là sống với loài người, chia vui sẻ buồn với họ, thần nữ lòng nào cười múa lúc loài người còn tiếng khóc và oán hờn?”

Ngọc Hoàng hốt hoảng:

“Thế người khổng lồ xuống hạ giới chẳng làm nên gì ư?”

Táo quân tâu:

“Người khổng lồ đã làm đầy đủ sứ mệnh của Thiên đình giao cho là sát phạt ma vương hổ báo, rẫy rừng, khai sông, lấp bể...”

Ngọc Hoàng hớn hỏ:

“Thật là tin vui... Nhưng có sao khanh còn khóc?”

“Tâu Ngọc Hoàng, tại vì loài người còn khóc.”

Ngọc Hoàng chép miệng:

“Nhân thế sinh kiếp trăm luân có khác! Buồn cũng khóc, mà vui cũng khóc, ta biết làm thế nào?”

Táo quân tâu:

“Tâu Ngọc Hoàng, buồn thì phải khóc, nhưng mấy khi vui mà lại khóc?”

“Thế hạ giới chưa vui ư? Ma quỷ tan rồi, hùm beo quét sạch, rừng núi san bằng, loài người thanh thoi, chỉ khác Thiên đình ở chỗ chưa được mùa xuân muôn thuở, tràng sinh bất tử mà thôi.”

Táo quân trả lời:

“Quả thật nhân thế nhờ người nhà trời mà thôi khóc cái hoạn nạn do ma vương quỷ dữ gây ra, nhưng chưa kịp cất lên tiếng cười thì nhân thế lại bắt đầu buồn về một ít hoạn nạn mới do...”

Ngọc Hoàng sốt ruột hỏi:

“Do ai gây ra?”

“Tàu Ngọc Hoàng... Do chính người nhà trời gây ra.”

Ngọc Hoàng và Thiên đình sùng sốt:

“Cớ sao?”

“Vì người nhà trời bạt núi, khai sông, quên mất loài người bé nhỏ sống gần sông và cạnh núi. Những bản tình ca vừa chớm nở, những hoa bướm, những đôi lứa trẻ mới yêu nhau, những tình thương nôi nhớ vừa nhen nhúm, có một số người khổng lồ trông thấy đã xéo bừa lên, giày nát...”

Một vì sao hỏi:

“Loài người sống chính nhờ cơm, gạo, khí trời, chứ nhờ đâu tình ca, và hoa bướm.” Ngọc Hoàng phán:

“Khi ta tạo con người, ta đã thổi vào người chúng cùng với khí nóng và máu, tình thương nôi nhớ, oán ghét giận hờn, tiếng cười và nước mắt... Những thứ ấy sẽ sống đời đời kiếp kiếp với con người. Không tôn trọng những thứ ấy trong con người là không tôn trọng con người...”

Táo quân lại tâu:

“Vẫn cái số người khổng lồ ấy, không nghe được tiếng khóc, và tiếng cười; Họ nhổ vục cây chết

ma vương hổ báo, nhưng trong khi đánh vung vài sường tay, loài người cũng chết lây. Xác hoa bướm nằm cạnh xác ma vương hổ báo và xác người!”

Ngọc Hoàng đau xót nhìn Thiên đình. Thiên đình im lặng.

Một vì sao tâu:

“Nên cho đoàn khổng lồ về để biết tường gốc ngọn.” Đoàn khổng lồ về bái yết. Ngọc Hoàng thịnh nộ:

“Các người công ít tội nhiều, có sao đập xéo cả lên tính mạng con người?” Đoàn khổng lồ một số ngơ ngác nhìn nhau.

Ngọc Hoàng đập bàn:

“Sao dám đập cả lên tâm hồn và cuộc sống con người?”

Số khổng lồ ấy càng ngơ ngác nhìn nhau.

Ngọc Hoàng vẫn chưa nguôi:

“Sao giảm cả lên lời ca, tiếng cười và hoa bướm dưới trần thế?”

Số khổng lồ ấy lại càng ngơ ngác nhìn nhau.

Ngọc Hoàng nhìn đoàn khổng lồ:

“Và các người không đau xót ư?”

Vẫn số khổng lồ ấy ngơ ngác nhìn nhau, nhìn Ngọc Hoàng và Thiên đình... Nhất là những giọt nước mắt của Táo quân.

Sao Thái Bạch bước ra tâu:

“Cứ xem khí mạo, thì biết trong số khổng lồ có những người có thể mà không có tâm, không biết tiếng cười và tiếng khóc, thần e rằng phủ tạng họ thiếu một thứ gì.”

Ngọc Hoàng truy hỏi. Nam tào Bắc đẩu cùng với La hầu và Kim tinh xét lại các sổ, đứng ra tâu:

“Đoàn khổng lồ lúc được nặn ra, chỉ cốt lấy to, nên hết nguyên liệu để nặn tim, cho nên trong đoàn khổng lồ phái xuống hạ giới có một bọn không tim.”

Ngọc Hoàng biến thân sắc:

Một vì sao hỏi:

“Thiết nghĩ đoàn khổng lồ chỉ đánh ma vương quỷ dữ cần gì tim?”

Ngọc Hoàng trả lời:

“Nhưng ta tạo nên con người, con người đã có óc phải có tim. Loài người của ta cần sống giữa hoa đẹp hương thơm.”

Vì sao lại tâu:

“Nhưng bộ óc to, cánh tay lớn chẳng đủ rồi ư?”

Ngọc Hoàng phán:

“Nhưng cánh tay lớn của một người không tim sẽ đập nát công trình của bộ óc hần xây dựng.”

Khi nhìn về hạ giới, nghe tiếng khóc và nước mắt vẫn còn, Ngọc Hoàng chép miệng phán bảo với đoàn khổng lồ:

“Hạ giới vẫn còn cần các người, vì quỷ dữ ma vương vẫn còn hoành hành; Nhưng các người phải biết yêu quý con người, tôn trọng quyền sống của họ. Quả đất là của con người, và sửa sang quả đất cũng là để cho con người. Làm công việc gì mà con người phải khổ, còn khổ thì dù công việc ấy có thành công cũng cảm như là thất bại. Chỉ có trí óc mà không có tim thì không thể sống được với loài người.”

Sau lời chỉ giáo ấy, đoàn khổng lồ lại kéo nhau về hạ giới, lại như cũ, phá núi ngăn sông, tát bể, làm hì hục kỳ cho quả đất quang đăng mới thôi.

Ngọc Hoàng lại mở cửa nhìn về hạ giới: Có sao hãy còn tiếng khóc? Ngọc Hoàng phán hỏi Thiên đình. Có vì sao tau:

“Lại xin cho triệu Táo quân về.”

Táo quân lại lên châu trời.

Ngọc Hoàng hỏi:

“Tiếng khóc vẫn còn ở hạ giới u?”

Táo thần tau:

“Nhân thế biết lượng lớn của Thiên đình, ăn chay nằm đất để tạ ơn Thượng đế, nhưng vẫn còn nước mắt!”

Ngọc Hoàng nói:

“Ta muốn ngăn những giọt nước mắt ở hạ giới phải làm thế nào?”

Táo quân tau:

“Muốn ngăn được nước mắt ở thế gian, thì trước hết phải biết thu phục được lòng người.”

Một vì sao hỏi:

“Thế nào là thu phục được lòng người?”

Táo thần đáp:

“Thu phục được lòng người là phải yêu người. Yêu người là biết được cái vui mà thật vui chung với người, khổ được cái khổ chung với người, đau xót trước cái đau xót của thiên hạ. Việc đáng vui nhưng thiên hạ chưa vui được cũng chớ bắt phải cười. Việc đáng khen, nhưng thiên hạ chưa rõ được cũng chớ

bắt phải khen. Dù là ý trời, nhưng chưa được lòng người, ý trời vẫn sai; dù chưa phải ý trời, nhưng thuận lòng người thì vẫn cứ xem đó có là ý trời. Dù việc có hay nhưng cũng đừng cưỡng nhân tâm lúc nhân tâm chưa thuận. Lòng người lúc đã thuận rồi, không bảo vẫn cứ nghe, muôn người như một xô núi cũng đổ, tát bể cũng cạn. Dù có cấm hát cấm cười, người đời vẫn cứ cười cứ hát... Lúc bấy giờ nước mắt tự nó nó sẽ tan đi.”

Ngọc Hoàng nhìn các vì sao. Vì sao ban nầy lại hỏi:

“Thế nào là cưỡng nhân tâm? Táo thần không hay rằng dụ chỉ của Thiên đình đã xoá bỏ những bất công ở hạ giới?”

Táo quân đáp:

“Cưỡng nhân tâm không cứ dùng guom tên mà uy nạt mới cho là cưỡng. Bất công ở hạ giới như nước mạch thấm vào lòng đất đời đời kiếp kiếp, chẳng phải phút chốc vì một dụ chỉ mà nó tan đi. Bất công ở hạ giới là con quỷ già luyện kiếp, thiên hình vạn trạng, lúc ẩn lúc hiện, lúc to lúc nhỏ, lúc trắng lúc đen, lúc mặc áo cà sa, lúc mặc áo giấy, cười nói như người. Lúc người suy tôn thần thánh thì nó thành thần thành thánh để được suy tôn, lúc người khiếp sợ ma vương thì nó thành ma vương để uy nạt, không chừng nó còn diện cả hia ngọc, bốt vàng đứng lẫn giữa các vì sao đây cũng có. Nếu Thiên đình còn cho rằng chỉ vì một dụ chỉ của Thiên đình mà hạ giới xoá bỏ được bất công, thì tiếng khóc và nước mắt ở hạ giới vẫn cứ còn đời đời kiếp kiếp.”

Ngọc Hoàng nói:

“Nhưng ta đã phái người của Thiên đình xuống.”

Táo quân đáp:

“Tàu Ngọc Hoàng, người của Thiên đình phái xuống có kẻ có óc có tim, thì họ ở đâu hoa thơm và tiếng cười ở đấy. Nhưng cũng có những người thiếu tim!”

Các vì sao hỏi:

“Như vậy sẽ có hại gì?”

“Thì số người nhà trời thiếu tim ấy sẽ chẳng được lòng người, ngược lại lòng thiên hạ, sẽ cưỡng nhân tâm, và sinh linh còn đồ thán, hờn oán Thiên đình.”

Táo quân lại tiếp:

“Nước mắt do ma vương quỷ dữ gây ra thì loài người hợp sức với người nhà trời sẽ diệt được ma vương quỷ dữ. Nhưng nước mắt do người nhà trời gây ra, lẽ đâu loài người lại dám xúc phạm đến Thiên đình mà đụng đến người nhà trời ư? Do đó nước mắt lại ngấm ngấm chảy, tiếng khóc lại càng thâm lạnh rền rĩ hơn. Nhưng đáng thương hơn cả vẫn là cái số khổng lồ không tim ấy vẫn tưởng mình đã hoàn toàn mang lại tiếng cười và niềm vui cho hạ giới!”

Ngọc Hoàng thở dài:

“Ta đã mấy lần phủ dụ...”

Táo quân đáp:

“Không biết thì dạy bảo sẽ biết. Không thấy thì chỉ giáo sẽ thấy. Không quen thì làm mãi sẽ quen... Nhưng không tim thì sách vở nào, lời lẽ nào, chỉ dụ nào có thể tạo nên tình cảm được!”

Ngọc Hoàng bóp trán suy nghĩ. Các vì sao im lặng. Ngọc Hoàng quay hỏi Thiên đình. “Chư khanh nghĩ thế nào?”

Các vì sao tâu:

“Đoàn khổng lồ là đạo lính của Thiên đình phái về giúp loài người, nhất thiết không bỏ được; Máu thịt để nặn thành tim cho số khổng lồ ấy cũng chẳng còn. Hay là Thiên đình tạo thêm cho hạ giới thật nhiều hoa, nhiều bướm, nhiều tiếng hát, tiếng cười!”

Một số khổng lồ bước ra tâu:

“Nếu chúng ta làm như vậy chẳng khác nào chúng ta tạo thêm hoa thêm bướm tiếng hát và tiếng cười để cho lũ không tim ấy giảm nát.”

Ngọc Hoàng hỏi Táo quân:

“Vậy theo ý khanh nên như thế nào?”

Táo quân đáp:

“Nên làm thêm tim cho số khổng lồ ấy.”

Thiên đình đồng thanh:

“Nhưng cạn sạch nguyên liệu.”

Táo quân trả lời:

“Nếu có những người khổng lồ đủ tim đủ óc thì đó là một điều hay, bằng không thà nặn những người nhà trời chỉ bằng con người hạ giới thôi, mà quả tim thật to; Bàn tay tuy có nhỏ, sức khỏe tuy có yếu, bước đi tuy có ngắn, nhưng nếu nó có tim, nó sẽ sống cùng điệu với loài người, nghe được tiếng thở dài, và thấy được cái mỉm cười của họ, lúc bấy giờ bàn tay nó sẽ không bóp chết loài người cùng

ma quỷ, sức khỏe nó sẽ không dè chết loài người cùng hổ báo núi cây, bước chân nó sẽ không giầy xéo lên con người cùng với tình yêu và hoa bướm. Làm được như thế là thuận được với lòng người, thiên hạ hỗ trợ, thì mới trọn được ý trời; Và lúc bấy giờ hạ giới sẽ là nơi Thiên đình thứ hai, đầy tiếng cười và vũ nhạc...”

Ngọc Hoàng gật gù, nhìn Thiên đình cùng cho lời của Táo quân là phải...

Số khổng lồ có tim cũng gật gù nhìn thương hại lũ khổng lồ không tim.

Còn hạ giới thì hoan hỉ chờ mong ngày Ngọc Hoàng làm thêm tim cho số khổng lồ ấy, nhất là những người mới bắt đầu biết yêu nhau...

(Trích *Giai phẩm mùa Thu* tập II năm 1956)

*

Thành thật đấu tranh cho tự do dân chủ

Hội nghị lần thứ 10 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam có nhận định ở miền Bắc chúng ta chưa thực hiện đầy đủ các quyền tự do dân chủ của nhân dân và đã thảo luận những biện pháp bổ khuyết cần thiết để đề nghị với Chính phủ và Quốc hội.

Chúng ta hoan nghênh những nhận định ấy, và hy vọng những biện pháp bổ khuyết cần thiết trên sẽ mang lại cho báo chí văn nghệ đời sống miền Bắc một luồng gió mới... luồng gió tự do dân chủ.

Báo Nhân văn đấu tranh cho tự do dân chủ, cũng không ngoài ý muốn nào khác là tự nguyện làm một

tên lính tiên phong cùng Đảng và nhân dân chiến đấu cho một mục đích chung.

Đấu tranh cho tự do dân chủ là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ, vì nó là một cuộc tấn công quyết liệt vào những tệ lậu hủ bại của xã hội.

Nó sẽ bị những phần tử tệ lậu và hủ bại hiện đương còn quyền hành và thế lực cản trở, xuyên tạc, phá hoại có khi cả bằng những phương pháp đến tối, độc ác.

Quần chúng phải là “Bao công” có quyền thực sự kiểm soát mọi công việc của Nhà nước, của cán bộ.

Tiêu cực, làm ngơ, thờ dãi bi quan trong lúc này là một tội lớn đối với lịch sử đối với sự nghiệp đấu tranh của dân tộc. Sống trong một xã hội mà sự tự do đã chính thức được ghi lên giấy trắng mực đen trong Tuyên ngôn Độc lập, trên Hiến pháp, sao tự do vẫn còn bị vi phạm trắng trợn ở trên địa hạt tư tưởng, trí thức, và cả trên sinh mệnh xương thịt của con người?

Báo *Nhân văn* ra đời trong những hoàn cảnh đặc biệt. Động cơ nào đã thúc đẩy anh em văn nghệ và trí thức ra tờ báo *Nhân văn*? Nó được ra đời như thế nào? Và nó đã bị đối xử như thế nào?

Báo *Nhân văn* ra đời tự nguyện làm một trong những tên lính tiên phong, tích cực cùng nhân dân và Đảng, chiến đấu chống những sai lầm lệch lạc, những hủ bại trong tác phong lãnh đạo đã vi phạm đến những nguyên tắc căn bản xây dựng Đảng, xây dựng chế độ.

Cho nên khi anh em lấy tên cho tờ báo là *Nhân văn* là do một lòng nhiệt tình đối với chủ nghĩa đối với con người của chế độ. Vì chúng ta cùng thấy rằng không còn gì cao quý hơn và đẹp đẽ hơn là thực hiện cho kỳ được chủ nghĩa nhân văn trong đời sống con người.

Nhưng từ ngày *Nhân văn* ra đời cho đến nay, nó đã phải trải qua những thử thách, nó bị làm khó dễ nếu không nói là phá hoại.

Những hành động phá hoại ấy tuy riêng lẻ, không có một chủ trương nào dứt khoát, nhưng nó thành hệ thống, liên lạc, chúng tỏ rằng nó có chịu một sự chỉ huy.

Anh em nghèo, vốn không có, góp tiền với nhau để ra tờ báo. Chặt vật lắm tờ báo mới được ra đời. Vừa ra đời thì những danh từ “phản ứng giai cấp”, “tư sản lợi dụng”, “tiếng nói của tư sản”, “Đế quốc bắc cầu” đã chụp lên đầu anh em những chiếc mũ nguy hại.

Trong thời gian tiến hành in báo *Nhân văn*, vụ điển hình về phá hoại là vụ Hoàng Đạo.

Hoàng Đạo là ai? Theo lời y tự giới thiệu với một số bạn, thì y trước là một cán bộ công an, hiện nay là cán bộ công nghiệp, làm giám đốc một xí nghiệp lớn được đặc phái phụ trách theo dõi và chống phá *Nhân văn*.

Hoàng Đạo tìm đến một anh bạn muốn góp tiền vào *Nhân văn* để đe dọa làm cho anh sợ phải rút lui. Hoàng Đạo lại tìm đến các nhà in dèm pha xui giục

làm cho chủ e ngại, thợ hoang mang, đình đốn cả công việc in Nhân văn.

Anh em công nhân nhà in X.T. cũng thắc mắc không biết tờ Nhân văn phản động ở chỗ nào và tại sao phản động mà chính phủ không cấm nó, lại phải để cho những kẻ đội lốt danh nghĩa công đoàn vận động phá hoại nó?

Chúng tôi tự hỏi: Hoàng Đạo dựa vào một thế lực nào để dám trắng trợn vi phạm đến tự do báo chí, tự do tư tưởng như vậy?

Tình trạng trên tuy có nguy hại, nhưng không nguy hại bằng biện pháp sau đây: một số người lợi dụng tình hình thống nhất Bắc Nam, gặp bước khó khăn, nhiệt tình đòi hiệp thương của đồng bào, cán bộ miền Nam.

Họ đổ cho Nhân văn đã gây khó dễ cho Đảng trong việc thống nhất Bắc Nam, Nhân văn làm chậm hiệp thương, Nhân văn có tội với miền Nam. Có người lại ký tên trá hình mượn tiếng nói của miền Nam đăng ở một tờ báo hàng ngày, vận dụng tình cảm để tranh thủ quần chúng và đẩy quần chúng đối lập với Nhân văn.

Lịch sử đang đi những bước lớn. Những cái gì cản trở phong trào tự do dân chủ, cản trở bước đi lên của dân tộc nhất định sẽ bị gạt ra ngoài.

(Trích báo *Nhân văn* số 4 ngày 5-11-1956)

HOÀNG CẨM

Hoàng Cẩm sinh năm 1921 ở làng Lạc Thổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Hải Dương. Xét về tuổi thì ông thuộc về phái thanh niên, nhưng nếu xét về thành tích thì ông đáng được xếp vào hạng những văn sĩ đứng tuổi, đã có địa vị trong làng văn từ trước cuộc Thế giới chiến tranh thứ hai.

Hoàng Cẩm học trung học ở Bắc Ninh, đỗ bằng cao đẳng tiểu học năm 1937 và đỗ tú tài năm 1940. Nhưng ngay từ khi mới học đệ tứ, ông đã dịch cuốn *Graziella* của Lamartine sang tiếng Việt, lấy nhan đề là *Hận ngày xanh*. Ông được nhiều người ưa chuộng từ ngày ấy. Tiếp theo ông dịch cuốn *Một nghìn một đêm lẻ*, đăng trong tạp chí *Tân dân*.

Hoàng Cẩm cũng có viết một cuốn tiểu thuyết đầu tay nhan đề là *Thoi mòng*, nhưng nghệ thuật chính của Hoàng Cẩm là viết kịch thơ. Cho đến ngày nay, Hoàng Cẩm giữ địa vị cao nhất trong văn học Việt Nam về ngành kịch thơ, vì những vở kịch sau đây:

Viễn khách, tả một câu chuyện về đời Hồ Quý Ly, đăng trong *Tiểu thuyết thứ Bảy*, với bút hiệu là Hoa Thu.

Kiểu Loan, tả một câu chuyện đời Tây Sơn.

Lên đường, nói về thanh niên thời Nhật chiếm đóng.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Hoàng Cẩm tham gia bộ đội và trở thành bạn thân của Trần Dần, Lê Đạt. Ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản năm

1951, và chịu ảnh hưởng của tư tưởng Mác-xít về nghệ thuật, ông từ bỏ lối viết kịch thơ. Trong một buổi lễ ở Việt Bắc, trước sự hiện diện của đông đủ anh em văn nghệ sĩ, ông đã lên án những tác phẩm cũ của ông bằng cách “thắt cổ” mấy bản kịch thơ do ông viết, buộc thòng lọng vào một sợi dây và treo lên cành cây. Lúc bấy giờ ông hoàn toàn tin theo cộng sản và quyết tâm “lột xác” để “theo kịp đà tiến của xã hội hiện thực chủ nghĩa” trong văn chương.

Nhưng từ năm 1953, sau khi ông được đi “tham quan” (đi dự nhưng không được tham gia ý kiến) Cải cách ruộng đất, ông nhận thấy thực chất của chế độ cộng sản. Từ ngày ấy Hoàng Cầm trở lại con người cũ và viết kịch thơ như ngày xưa.

Năm 1956 Hoàng Cầm hoạt động tích cực trong nhóm Nhân văn-Giai phẩm và được anh em gọi đùa là “con ngựa chiến”. Ông có viết nhiều bài trong Nhân văn để bút chiến với phe Đảng, nhưng về thơ chỉ có hai bài đặc sắc nhất mà chúng tôi trích sau đây để giới thiệu nghệ thuật làm thơ của ông.

Một bài đăng trong Giai phẩm mùa Thu, nhan đề “Em bé lên sáu tuổi” tố cáo việc cộng sản bao vây những gia đình địa chủ để bắt con cái phải chết hết và một bài đăng trong báo Văn là một đoạn kịch thơ, nhan đề là “Tiếng hát”, trong đó ông dùng lời Trương Chi để kêu gọi nhân dân hãy nổi dậy đấu tranh chống Đảng.

Trường hợp của Hoàng Cầm chứng tỏ rằng một người có tâm hồn nghệ sĩ và thành thật yêu chuộng tự

do không thể nào hoà mình được với chế độ cộng sản.

*

Em bé lên sáu tuổi

I.

Em bé lên sáu tuổi
Lúi thủi tìm miếng ăn
Bố: cường hào nợ máu
Đã trả trước nông dân
Mẹ bỏ con lay lắt
Đi tuột vào trong Nam

Từ khi lọt lòng mẹ
Ăn sữa, ngủ giường êm
Áo hoa lót áo mền
Nào biết mình sung sướng

Ngọn sóng đang trào lên
Ai nghi thân bèo bọt
Nhưng người với con người
Vẫn sẵn lòng thương xót

Có cụ già đói khổ
Lập cập đi mò cua
Bố mẹ nó không còn
Đứa trẻ nay gầy còm
Bỗng thương tình côi cút
Cụ nhường cho miếng cơm

Chân tay như cái que

Bụng phình lại ngẩng cổ
Mắt tròn đỏ hoe hoe
Mở nhìn đời bờ ngõ

“Lạy bà xin bát cháo
Cháu miếng cơm thầy ơi”

II.

Có một chị cán bộ
Đang phát động thôn ngoài
Chợt nhìn ra phía ngõ
Nghe tiếng kêu lạc loài

Chị rùng mình nhớ lại
Năm đói kém từ lâu
Chị mới năm tuổi đầu
Liếm lá khoai giữa chợ

Chạy vùng ra phía ngõ
Dắt em bé vào nhà
Nắm cơm dành chiều qua
Bẻ cho em một nửa

Chị bản nông cốt cán
Ưa nước mắt, quay đi:
“Nó là con địa chủ
Bé bỏng đã biết gì
Hôm em cho bát cháo
Chịu ba ngày hỏi truy”

Chị đội bóng lùi lại
Nhìn đứa trẻ mồ côi
Cố tìm vết thù địch
Chỉ thấy một bóng người

Em bé đã ăn no
Nằm lăn ra đất ngủ
Chị nghĩ: sau lấy chồng
Sinh con hồng bụi sữa

III.

Chị phải đình công tác
Vì câu chuyện trên kia
Buồng tối lạnh đêm khuya
Thắp đèn lên kiểm thảo

Do cái lưỡi không xương
Nên nhiều đường lắt léo
Do con mắt bé tẻo
Chẳng nhìn xa chân trời
Do bộ óc chây lười
Chỉ một màu sắt rỉ
Đã lâu năm ngũ kỹ
Trên trang sách im lìm
Do mấy con-người-máy
Đẩy gân, thiếu trái tim
IV.

Nào “liên quan phản động”
“Mất cảnh giác lập trường”
Mấy đêm khóc ròng rã

Ngọn đèn soi tù mù
Lòng vụn lòng câu hỏi:
“Sao thương con kẻ thù?
Giá ghét được đứa bé
Lòng thành thời bao nhiêu

(Trích *Giai phẩm mùa Thu*)

*

Tiếng hát

(Trích 2 đoạn trong hồi thứ nhất vở kịch thơ dài
Tiếng hát Trương Chi)

Nhân vật: (trong 2 đoạn này)

MỶ NUƠNG

HỒNG HOA, nữ tỳ

TIẾNG HÁT TRƯƠNG CHI

Cảnh: Một gian phòng trong lầu Tây nhìn ra sông.

Mở màn - Một buổi sớm mùa Xuân. Tiếng nhạc
phía trong vắng vắng. Sân khấu vắng một lát rồi
HỒNG HOA rón rén bước ra, tay cầm một bông
hoa đỏ, ngấm một lát rồi bỏ vào siêu thuốc.

Lớp I: HỒNG HOA, TIẾNG HÁT

HỒNG HOA

Tiếc quá! Những bông hoa đẹp nhất
Ngắt cụt đi làm thang thuốc! Lạ đời!
Gạn lọc hết tinh hoa trong trời đất
Đã chắc đâu cứu vãn được lòng người
(*nhìn vào trong*)

Công nương chùng vãn ngủ
Ba ngày chẳng nói năng

Tám thầy lang chạy chữa
Bệnh mỗi ngày mỗi tăng

Bệnh một đằng, các cụ chữa một nẻo
Khuôn mặt công nương ngày một héo
Thầy lang dốt nát chỉ nói mò
Bốc thang thuốc nào cũng thật to

Người bệnh uống vào, mặt nhả nhó
Thừa tướng lập nghiêm, cấm không nhỏ
Nuốt ực đắng cay vào trong người
Nẫu ruột nẫu gan vì lửa bỏng dầu sôi...
(*Tiếng hát Trương Chi bên ngoài vắng lên*)

TIẾNG HÁT

Hồ khoan, núi thẳm sông sâu
Đi cùng thiên hạ chẳng đâu biết mình

HỒNG HOA

Ồ! Tiếng hát...
(*Hồng Hoa hé rèm nghe ngóng*)

TIẾNG HÁT

Ta khao khát phương trời đỏ rực bình minh
Đến khi trời mọc, ta vẫn lênh đênh giữa dòng
Đến đâu bờ bến không cùng
Thuyền đi vô tận, ai hiểu lòng ta đâu?

HỒNG HOA

Tiếng hát chín mươi đêm im vắng
Nay lại về vỗ mạnh bên lầu
Nhìn xuống sông kia, nào có ai đâu?
Phẳng lặng trường giang trắng xóa...

Kể từ tiếng hát bốc cao
Đời ở lầu Tây thay đổi cả
Công nương ồm rờng rã
Đêm đêm nghe bão nổi quanh giường
Riêng mình tôi hầu hạ
Cũng thấy như toà lầu xiêu đổ
Trong đêm dài tăm tối, thê lương
Thừa tướng luôn chau mày giận dữ
Đàn ca tắt rụi bốn chân tường
Vườn Xuân đã tàn hoa nộ
Con chim trong lồng xoã cánh chết đêm qua...

Còn tôi?

Ở hầu công nương từ lên mười tuổi
Mất quen nhìn nhung lụa gấm hoa
Nay bỗng thấy buồn tênh, tro trọi
Nhớ làng xưa quê cũ mịt mù xa...
Tôi cũng muốn được bay theo tiếng hát
Trở về tìm nghĩa mẹ, tình cha.

(Nhìn vào trong)

Kìa nếp chăn sóng sánh
Lá màn lay - Chùng công nương đã tỉnh
Bát thuốc này cay đắng lắm, đổ đi thôi
Vì cú trông người bệnh nuốt từng hơi,

Mặt nhân nhó, tôi chẳng còn muốn sống!

(Hong Hoa đổ bát thuốc vào chậu cây)

TIẾNG HÁT

Thuyền trôi, trôi mấy khúc sông,

Ta đi xa bến biết lòng ai theo...

HỒNG HOA

(Mím cười) Biết lòng ai theo!

Lớp II: HỒNG HOA, MỸ NUƠNG, TIẾNG HÁT

MỸ NUƠNG

(Ở phía bên trong rèm lão đảo bước ra, mặt xanh xao tóc xoã.)

Hồng Hoa ơi!

Em hãy tìm về đây tiếng hát của người...

Lòng chị như lò than cháy đỏ

Em hãy tìm về đây dòng sông đang trôi.

HỒNG HOA

Chị đừng ra đây! Gió sông lồng lộng!

Tiếng hát ngoài kia, đâu phải tiếng người!

MỸ NUƠNG

Có một người hát vang lòng trên sông...

HỒNG HOA

Đó là lời than cây cỏ bốn phương trời

Chị đừng nghe...

Càng nghe, càng nặng bệnh!
Mà... lòng chị ra sao... Thừa-tướng biết rồi.

MỸ NƯƠNG

Phụ thân ta?...

HỒNG HOA

Tướng công vừa truyền lệnh
Khoá kín lấp cửa lầu, lấp cả dòng sông
Để không còn tiếng hát!

MỸ NƯƠNG

(lo sợ) Có thực không?
Chị van em, em đi tìm tiếng hát!
Giấu tướng công, em lột áo đem về

HỒNG HOA

Lột áo đem về! Chị nói dễ nghe!

MỸ NƯƠNG

Còn dòng sông, chị van em! Đừng lấp!
Hãy khơi dòng nước uốn đến chân lầu
Để thuyền của chàng dù xa xa tấp
Cũng biết đường tìm đến buộc lòng nhau

HỒNG HOA

(*trịnh nghịch*) Chàng nào nhi? À, công nương phạm tội!
Dám nói đến chàng! - Này, ở bên kia
Thừa tướng vẫn rình nghe sớm tối...

MỸ NUƠNG

Không em ơi! Chị thức giấc canh khuya
Chỉ thấy mặt phụ thân hiền từ cúi xuống...

HỒNG HOA

(*ngghiêm trang*) Người đã nghe... Người biết chị say mê
Người giận lắm!... Người sẽ xây kín cửa
Thì còn đâu nữa những chiều Xuân
Chị bước ra hiên, đất trời nghiêng ngửa
Sáng bừng lên vì nhan sắc tuyệt trần?
Còn đâu nữa, những sớm mai nắng mọc
Em đừng nhìn chân mây, tìm bóng khói quê hương?

MỸ NUƠNG

Em đừng mách Tướng công - Này mớ tóc
Rối như vò, chị gỡ biết bao xong
Nước xanh mát, ngoài kia, em nhẹ bước
Đưa chị ra chải tóc giữa dòng sông
Tiếng hát nằm trên tay như giọt nước
Chị uống hết mùa Xuân, mát rợi trong lòng

HỒNG HOA

Công nương con quan Thừa tướng
Mười chín mùa Xuân khép cánh song
Từ tám bé chẳng được xa một bước
Nửa bây giờ ồm lả trong phòng
Gót chân công nương nhón trên nhung gấm
Nhưng gấm còn êm sước ngón son
Thân quần lụa the lung linh vàng ngọc
Vàng ngọc lụa the còn sợ đau vai tròn.

MỸ NƯƠNG

Không!

Từ khi tiếng hát lọt qua song
Thì châu ngọc đã rơi tàn trên đá lạnh
Thì lụa the nhung gấm
bỗng khô ròn như lá chiều đông...

TIẾNG HÁT

(lại vắng vắng) Nào người quả phụ trắng khăn tang
Nào đứa em mồ côi khát sữa
Nào ai sống nhục thác oan
Nào ai tan lia đôi lứa
Nghe tiếng hát này người dân nổi khổ
Dòng sông như lụa quấn quanh người.

MỸ NƯƠNG

(muốn xô ra ngoài)

Còn tiếng hát! Người sẽ không bỏ bến
Người sẽ đến đây! Em mở cửa, trời ơi!

HỒNG HOA

Chị đi đâu? Cửa ngoài bằng đá tảng
Tiếng hát đẩy được vào
Vì đó là tiếng gọi của trời cao
Của đất rộng, của quê hương tôi hừng nắng
Nhưng còn chị...
Phận gái mỏng manh, tay mềm dùng dằng
Hé làm sao cánh cửa khoá lâu đời!

MỸ NƯƠNG

(*gan góc*) Ta mở được, ta vượt qua tường đá
Ta chạy ra sông! Đi bốn phương trời
Tìm tiếng hát... ta đi cùng thiên hạ
Tắm lòng chàng... riêng ta biết mà thôi...

HỒNG HOA

Công nương lại sắp nói mè nói sảng
Thôi, để em diu bước chị vào phòng

MỸ NƯƠNG

(*như mè*) Phòng nào đâu! Ta chỉ có con sông
Chàng đến kia rồi! Em hãy trông
Người đi trên mặt nước
Áo đúc màu da trời
Mắt động ánh sao rơi
Tùng tiếng sóng trầm trầm
Nâng gót chân dòn đến...
Ta gặp người đây! Nghìn năm ước hẹn
Em Hồng Hoa!... Đừng mách Tướng công!

HỒNG HOA

Em ngờ chị là người sung sướng nhất
Ai ngờ đâu, chị lại khổ hơn em
Thôi, để em buông rèm
Xoá màu xanh nước sông
Chị đừng mơ ước nữa!

MỸ NUƠNG

Ta nghe rõ tiếng chàng
Lùa tóc này óng ả
Tùng sợi còn ngân vang
Chàng ở ngoài sông lạnh lắm
Lầu Tây này cũng giá băng
Tay chàng lửa ấm
Áo xanh bùng nắng điểm trang

HỒNG HOA

Làm gì có áo xanh?
Người ấy chắc là nón mê áo tải
Tiểu tụy thân hình
Cũng như em khi còn mồ côi bố mẹ
Lìa quê, hành khát đến đây...

MỸ NUƠNG

À, không!
Áo tải nón mê càng đẹp
Lòng chị thương, dệt gấm mặc cho người
Cũng như em ngày nay...
À, không, chàng là hoàng tử
Từ nước non xa lạ ghé qua đây
Ta mời lại - Chàng buộc thuyền, ở lại
Chàng hát, ta so dây cung đàn giăng
Ăn ở với nhau chẳng đếm bao năm
Rồi người đón ta lên thuyền
Trôi đi mãi, bến bờ xanh triển miên
(*Mỹ Nương đánh đàn, bỗng dây đứt*)

Em van chàng! Em lạnh buốt bàn tay

Sao người nỡ bỏ đi?

Gió nổi, thuyền nghiêng đắm

Ai làm nên biệt ly?

(đàn rơi)

Người chết rồi! Tiếng hát cũng tan rồi

Ai cứu được chàng! Ai cứu được tôi?

(My Nương ngã xuống)

HỒNG HOA

Em biết ngay mà! Mê mê mộng mộng

Bệnh càng tăng. Rồi Tướng-công quả mắng

Tội thân em - Ai cứu sống công nương?

Hồng Hoa đỡ My Nương vào trong. Sân khấu vắng. Một điệu đàn trầm đục. Ngoài xa... một tiếng sáo tha thiết.

(Trích báo Văn số 24 ra ngày 18-10-1957)

*

HỮU LOAN

Hữu Loan năm nay chừng 40 tuổi, quê ở làng Văn Hoàng, huyện Nga Sơn, thuộc Thanh Hoá, con nhà nghèo và hiện nay vẫn sống một cách rất cơ cực ở ngoại ô Hà Nội.

Trong thời kỳ kháng chiến, ông công tác văn nghệ trong bộ đội, và sau xin giải ngũ và dạy học ở một trường tư thực trong huyện.

Ông bắt đầu được nổi tiếng vì một bài thơ khóc vợ, chết đuối, nhan đề là “Mẫu tím hoa sim”.

Sáng tác của ông gồm có hai loại: thơ và truyện ngắn. Chúng tôi giới thiệu ông ở đây bằng hai bài có tính cách trội nhất, một truyện ngắn và một bài thơ mới.

“Lộn sòng” là một truyện ngắn kể lại những kỷ ức ông đã ghi được trong thời gian ông còn dạy học ở Thanh Hoá. Hữu Loan muốn dùng hình thức tiểu thuyết để ghi lại một khía cạnh của đời sống trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Về phương diện này Hữu Loan đã thành công hoàn toàn vì người đọc, dù không sống trong vùng kháng chiến, cũng có thể hình dung được đời sống tinh thần và vật chất của giới giáo sư và học sinh trong thời kỳ ấy.

Bài “Cùng những thằng nịnh hót” biểu dương ý chí bất khuất của tác giả trước những sự bất công và thối nát của chế độ.

Hiện nay số phận Hữu Loan ra sao chúng tôi không rõ, vì không có tài liệu nào nhắc đến ông.

*

Cũng những thằng nịnh hót

(Sau khi đọc bài: “Những thằng nịnh hót” của Maiakovski)

Dưới thời kỳ Pháp thuộc
Những thằng nịnh hót nghênh ngang
Lưng rạp trước quan Tây
Bắc vợ như thang
Chân trèo lên danh vọng
Đuôi vợ chúng đi
Lọt theo đầu chúng
Bao nhiêu nhục nhằn;
Nhục mất nước muôn phần
Nhục cùng đất nước
với những thằng nịnh hót

Một điều đau xót
Trong chế độ chúng ta
Trong chế độ Dân chủ Cộng hoà
Những thằng nịnh còn
thên thang
đất sống
Không quần chùng, áo thụng
Không thang đàn bà
Nhưng còn
thang lưng
thang lưỡi

Những mồm
không tanh tươi
Ngậm vùi đu đủ
Trợn mắt
Phùng mang
Thổi vào rốn cấp trên
“Dạ, dạ, thưa anh...
Dạ, dạ, em, em...”
Gãi cổ
Gãi tai:
“... anh quên ngủ
quên ăn
nhiều quá!

Anh vì nước
vì dân
hơn tất cả
từ trước đến nay”

Chân xoa
và xoa tay,
Hít thượng cấp
cứ thơm
như múi mít

Gọi như thế là
phê bình cấp trên
kịch liệt
Gặp cấp trên chủ quan

Mùi như chim vỗ cánh
Bụng phình như trống làng:
Thấy mình
đạo đức
tài năng
hơn tất.

Như thế là chết rồi:
Quân nịnh
tha hồ lên cấp
Như con gì nhà gác lên thang
Còn muốn lên thủ trưởng cơ quan
Còn đi đây
đi đó
Lưỡi và lưng
Lắm thẳng gian khổ
Chúng nó ở đâu:
Thối thóc thuế
Mục kho hàng
Phong trào suy sụp

Nhân dân mất cấp
đang giữa ban ngày
To cánh và to vây

Những ai
không
nịnh hót
Đi, mang cao

liêm sỉ con người
Chúng gieo hoạ, gieo tai
Kiếm thảo
hạ tăng
... Còn quy là phản động!
Có người
đã chết oan
vì chúng
Vẫn thiết tha yêu chế độ
đến hơi thở cuối cùng.

Nguy hiểm thay,
Thật khó mà trông:
Chúng nó nguy trang
Bằng tổ chức
bằng quan điểm nhân dân
bằng lập trường
chính sách

Chúng nó
còn thẳng nào
Là chế độ ta
chưa sạch
Phải làm tổng vệ sinh
cho kỳ hết
mọi thẳng

Những người
đã đánh bại

xâm lăng

Đỏ bừng mặt
vì những tên
quốc sĩ
Ngay giữa những thời nô lệ
Là người, chúng ta
không ai biết
cúi đầu.
9-1956

(Trích *Giai phẩm mùa Thu* tập II)

*

Lộn sòng

Hôm nay Tuất nhất định làm cho xong hồ sơ để đưa lên ty giáo dục. Hắn cho là sở dĩ hắn bị biên chế ra khỏi trung đoàn cũng chỉ vì bản hồ sơ đã làm thật thà quá. Rút kinh nghiệm lần này hắn sẽ làm một tập hồ sơ có thể gọi là căn bản, có tính chất định đoạt đến địa vị công tác của hắn.

Không phải mãi hôm nay khi cầm bút làm hắn mới nghĩ như vậy mà ngay từ khi mới bước chân vào trường hắn đã bận tâm đến việc này rất nhiều.

Nhưng hôm nay đầu óc hắn căng thẳng như tất cả những cái căng thẳng hàng ngày trong gần một tháng nay cộng lại. Hắn biết là hắn sẽ làm một việc nói dối rất đê tiện đối với một đảng viên, nhưng hắn thấy rằng hắn cũng chỉ nói dối một phần nào chứ không hoàn toàn nói dối hắn. Về tờ khai danh

dự trình độ văn hoá hẳn sẽ khai là đã học đệ nhất chuyên khoa. Khai là đầu đít-lôm thì lộ quá mà khai là mới học đệ tứ thì không oai. Về thành phần xuất thân hẳn sẽ khai là công nhân. Hỏi ở Đà Lạt hẳn chẳng làm công nhân nhà máy gạch là gì. Một điểm nữa trong bản lý lịch cũng rất quan trọng là những công tác đã qua. Nếu anh kể toàn những công tác ở những cấp cao thì anh sẽ bị coi là một người thiếu công tác cơ sở, một người mất gốc và sẽ bị coi như là một người chưa vững về lập trường giai cấp. Nghĩ như thế nên hẳn sẽ khai là sau cách mạng hẳn làm chủ nhiệm Việt Minh xã.

Suy nghĩ đầu vào đấy cả, chỉ còn một việc viết vào giấy mà vẫn thấy khó quá. Những câu văn nó cứ lòi thòi không gọn một tí nào. Hẳn viết viết xoá xoá hai ba lần. Bỗng nhiên hẳn nghĩ đến chữ ký của hẳn chưa được oai, thế là hẳn xoay ra ký. Hẳn ký đầy hàng trang giấy, cũng chưa tìm được một kiểu nào thật là vừa ý. Ký chán đến vẽ. Hẳn vẽ những hình vuông, những hình tam giác béo, gầy, đủ kiểu đủ cỡ, những cặp môi, những đôi mắt của thiếu nữ đã gặp. Vẽ xong hẳn lại viết những chữ q, chữ l, chữ c hoa quần quít quanh chữ t hoa. Khi đã đầy một trang giấy lớn hẳn lấy bút xoá đi xoá lại rất kỹ nhất là những hình tam giác và những cặp chữ hoa giao nhau. Xoá xong hẳn úp tờ giấy xuống bàn xoa xoa và tiếp tục lại ký tên lên mặt còn trắng. Lần này hẳn viết: “Bí thư chi bộ trường cấp II N.S.” hoặc “Hiệu trưởng trường cấp II N.S.” hay là “Bí thư kiêm

hiệu trưởng...” rồi ký tên hẳn xuống dưới. Hẳn cố ý ngoặc chữ l sau cùng thành hình búa liềm và thay dấu ó bằng hình sao năm cánh. Hẳn ngắm đi ngắm lại và thấy rất hài lòng. Hẳn nghĩ có lẽ mãi mãi hẳn sẽ giữ kiểu chữ ký rất có lập trường này. Hẳn ký tiếp cho quen tay khi kín hết trang giấy hẳn lại xóa rất kỹ nhất là những chữ “bí thư”, “hiệu trưởng” và “bí thư kiêm hiệu trưởng”.

Tuất có giờ Việt buổi chiều ở lớp V. Hạp ở huyện xong hẳn đi thẳng về trường. Trên đường đi hẳn vẫn còn nghĩ chuyện hạp với huyện uỷ và hẳn rút ra một kinh nghiệm là từ nay dù có viết báo cáo hẳn hỏi hẳn cũng phải trực tiếp với huyện uỷ thì bao giờ cũng hơn. Hôm nay nếu không có hẳn giải thích từng điểm một, giải thích từng thắc mắc cho huyện uỷ bằng những hiện tượng cụ thể thì huyện uỷ còn mất cảnh giác, chưa chịu thấy rằng tất cả các giáo viên trong nhà trường đều có vấn đề cần phải theo dõi. Này nhé! Thân là bí thư kiêm hiệu trưởng là con địa chủ. Lâu là công an ở khu Hà Nội về nghỉ dài hạn. Chung là học sinh lục quân cũng được nghỉ vì thiếu sức khoẻ. Quang thì vẫn thư từ gửi đi gửi về với gia đình trong vùng địch và vẫn nhận đồng hồ, bút máy cả xe đạp cha mẹ gửi ra...

Giấy tờ hạp pháp, những giáo viên đó đều có cả, nhưng giấy tờ thì khó gì mà không bịa ra được.

Lý do thì lại càng dễ bịa hơn...

Sau việc báo cáo này, hẳn thấy huyện uỷ tin hẳn hơn. Hẳn sẽ làm cho huyện uỷ tin hẳn hơn nữa.

Trước kia hần vẫn thành kiến với trường tư vì hần thấy khó “tiến bộ” lắm, vì chưa có việc nên hần phải làm tạm. Phải làm công tác quần chúng. Nếu được làm công tác Cải cách ruộng đất thì dễ “tiến bộ” nhất. Nhưng hôm nay hần cảm thấy là nhất định hần có cơ làm ăn được. Không gì hần cũng có thể gây được cơ sở để làm đà vọt cho công tác của hần sau này. Và hần rút ra một định lý: “Dù ở đâu hễ khéo thì vẫn cứ làm ăn được”. Và ở đây hần định sẽ làm ăn to...

Khi hần đến trường, keng cũng vừa đánh. Học sinh vào lớp còn đang lờn xộn, ồn ào thì hần đến. Hần đi vào bàn đứng thẳng lưng nhìn xuống toàn lớp. Học sinh bàn thì đứng lên bàn thì còn ngồi, có những chú đang thui nhau tranh chỗ ngồi, giằng nhau sách vở.

Hần cho là học sinh khinh hần. Hần đỏ mắt lên quát:

“Đứng lên! Học sinh gì đồ thiếu giáo dục.”

Vẫn còn những bộ phận lờn xộn. Hần càng gào to:

“Đứng lên! Đồ mất dạy!”

Tiếng hần như một nhát dao chém đứt mọi sự tranh chấp. Cả lớp đứng phắt dậy.

Hần hỏi:

“Các thầy khác vào các chú có đứng dậy không?”

“Thưa có!”

Hần càng tức:

“Sao tôi vào không đứng?”

“Thưa anh em chúng con không biết!”

Câu trả lời làm cho hắn dịu hẳn đi. Anh em giờ vờ ra chờ đợi.

Hắn hỏi anh em:

“Hôm trước tôi bận đi họp với huyện, giờ Việt ai dạy thay?”

“Thầy Quang ạ!”

“Thầy Quang dạy có dễ hiểu không?”

“Thưa dễ hiểu lắm ạ!”

Hắn lại thấy bực mình.

“Tôi dạy có dễ hiểu không?”

“Bẩm dễ ạ.”

Hắn thấy thoải mái trong người nhưng còn muốn biết hơn:

“Tôi và ông Quang ai dạy dễ hiểu hơn?” “Bẩm ông Quang dạy dễ hiểu hơn.”

Hắn gắt rinh:

“Làm sao lại như thế?”

Một học sinh đứng lên:

“Thưa thầy dạy từ đầu đến giờ ba bài rồi, con chả hiểu gì cả.”

Hắn lại gắt:

“Sao lại không hiểu, còn thiếu bổ óc chú ra mà nhét chữ vào nữa à? Hờ?”

Hắn lấy sổ tay ra ghi:

“Tên chú là gì?”

“Là Hiếu ạ.”

“Ồ đâu?”

“Thưa ở xã Xuân Hoà!”

Trong lớp xì xào lo lắng. Anh học sinh tái mặt:

“Thưa thầy, thầy dạy cao quá, trình độ con chưa hiểu được!”

Hắn bảo chú học sinh:

“Cho chú ngồi xuống.”

Và đồng dạy:

“Dạy mà học sinh dễ hiểu chưa chắc đã là giỏi, đã là đúng. Có khi vì hiểu biết nhiều nên dạy cao hơn, học sinh kém quá chưa hiểu nổi. Chú Hiếu khi này nói có đúng. Có những ông giáo gặp được đòi bài dễ hoặc đã học được ở đâu rồi thì dạy khá. Còn phải chờ những bài khác. Lại có khi dạy dễ hiểu nhưng mất lập trường. Như thế lại càng tai hại cho học sinh...”

Nói chán chê, hắn bắt học sinh đem bài cũ ra, rồi câu nào ông Quang đã dạy hắn đều đem bẻ lại từng câu, từng chữ.

Đến chỗ ông Quang giải thích chữ “Huân chương quân công” hắn không giải thích lại nhưng hắn nhất định quân công là sai, phải là quận công mới đúng. Khi ra về học sinh cãi nhau suốt dọc đường về hai chữ này:

“Quân công đúng!”

“Quận công là cái đếch gì.”

“Thầy Tuất đúng.”

“Thầy Quang đúng.”

Có chú dẫn chứng cụ thể:

“Có lẽ thầy Tuất đúng vì làng tớ có đền thờ quan quận công đấy!”

Một chú khác góp ý:

“Thầy Tuất không giỏi sao chuyện gì tỉnh huyện cũng giao cho thầy Tuất. Khai giảng, sơ kết thi đua, sơ kết học tập, đều là thầy Tuất. Các thầy khác chả thấy làm được việc gì.”

Những chú khác cãi lại:

“Đậu tú tài lại không hơn mới học đệ nhị à?”

“Giỏi mà dạy lung tung chả ai hiểu cái gì!”

Học sinh về hết thì bốn học sinh Cẩn, Thanh, Cúc, Lai lại gặp Tuất ngay ở lớp. Buổi tối có cuộc họp bất thường do Tuất triệu tập. Đúng nguyên tắc ra thì bất cứ cuộc họp nào cũng phải thông qua chi bộ. Nhưng Tuất lấy tư cách là chi uỷ viên phụ trách hiệu đoàn, tự ý triệu tập một số anh em thân tín để làm một việc mà hắn cho là có tính chất “cách mạng” trong nhà trường có tính chất “ăn to”. Hắn kéo bốn anh em chị em vào trụ sở hiệu đoàn trong xóm.

Hắn hỏi han như lo lắng đến anh em lắm:

“Ăn uống gì chưa?”

“Chưa.”

“Tôi cũng chưa, họp xong ta ra chợ ăn cũng được chứ?”

Bắt đầu họp hắn tuyên bố:

“Trước khi vào vấn đề, tôi muốn nêu lên hoàn cảnh của anh Thanh và anh Cẩn. Hai anh là hai học sinh khá trong trường nhưng cả hai đều là bản cố nông. Ngày nào hai chú cũng phải đi cắt cỏ hoặc vào rừng lấy củi bán, buổi sáng để có thể ăn đi học buổi chiều”, và hắn hỏi:

“Chúng ta nghĩ sao?”

Như sợ có người trả lời mất nên vừa nói xong hắn nói luôn:

“Theo tôi thì nên trích quỹ nhà trường ra phụ cấp cho hai chú đủ ăn, còn hai chú thì từ mai phải lên đây làm việc cho hiệu đoàn. Việc này tôi sẽ chịu trách nhiệm đưa ra chi bộ và hứa là thế nào cũng xong. Ta phải đề cao tình yêu giai cấp chúng ta.”

Cúc và Lai đều lấy làm kính phục lập trường cao độ của Tuất và thấy tràn trề trong lòng một thứ tình cảm giống như là ái tình.

Cẩn và Thanh đều rơm rớm nước mắt.

Hắn hỏi mọi người:

“Anh chị em thấy thế nào?” Cúc và Lai đồng thanh:

“Đồng ý nhất rồi còn gì!”

Cẩn và Thanh nghẹn ngào:

“Theo ý chúng em thì không nên. Làm như thế sợ anh em nói cho.”

Tuất gạt đi:

“Các chú gàn lắm. Có tôi, không lo. Vả lại nhà trường có chế độ học bổng. Có thể coi đó là học bổng thôi.”

Hắn nói sang cuộc họp:

“Việc chính hôm nay là việc này...”

“Việc gì đấy anh?”

“Bây giờ các anh em làm thế nào thu thập hộ cho những sổ sách ghi danh học sinh của toàn trường ta hai năm trước đây.”

“Dễ lắm, cứ lấy ở anh Thân là đủ cả. Anh Thân vừa bí thư vừa hiệu trưởng...”

Tuất lắc đầu:

“Không được, nhất thiết không được lấy, không nên lấy ở anh Thân.”

Anh em không ai hiểu gì.

Hắn tiếp:

“Cần lấy cả sổ sách thu học phí của quản trị nữa.”

Thanh phát biểu:

“Cái này hơi khó. Vì trong hai năm trước đây nhà trường thay đổi đến 4 người quản trị.”

Tuất gơ tay xua xua:

“Không khó gì hết. Chỉ việc phân công nhau ra đến nhà từng người chơi hay là giả có công việc gì đó tùy cá nhân phát triển sáng kiến.”

Hắn sực nhớ lại:

“À quên, còn việc này quan trọng nữa, nghĩa là cần ăn cắp cho được những sổ tay của những anh quản trị nữa...”

Anh em hơi tò mò muốn hỏi rõ.

Hắn bảo:

“Cứ làm đi, sau sẽ biết.”

Hắn nhấn mạnh:

“Cần nhất là phải giữ bí mật! Không thể nào cho một người thứ 6 biết được.”

Xong đó 5 người quay vào bàn kế hoạch và phân công phụ trách, vạch chương trình làm việc, vạch thời khoá biểu và địa điểm để gặp nhau hội ý. Muốn giữ bí mật triệt để, địa điểm không định trước, cứ

xong cuộc này sẽ định chỗ họp cuộc khác trong huyện. Thời hạn là trong hai tháng phải làm xong, vừa đi học vừa tranh thủ làm.

Tan hội nghị đã muộn lắm. Cẩn và Thanh ở gần ra về. Tuất, Cúc và Lai ngủ lại trụ sở. Tuất ngủ giường bên này, Cúc và Lai ngủ giường bên kia.

Hai bên nằm nói chuyện chớ sang nhau. Đầu tiên là chuyện tình duyên.

Hai cô kể trước.

Cô nào cũng kể là mình rất đào hoa, hồi làm cán bộ phụ nữ tỉnh, anh nào cũng để ý chết mệt, nhưng hai cô thì cứ phớt lạnh. Các cậu đam tuyệt vọng người thì xin đi công tác Bình Trị Thiên, người thì vào bộ đội, người xung phong đi Việt Bắc.

Cúc hỏi Tuất:

“Anh Tuất có biết Vinh không nhỉ? Vinh ở địch vận ấy mà?”

Giọng Cúc như mếu tiếc:

“Ba năm rồi!”

Lai cũng hỏi Tuất:

“Anh Tuất có biết Dũng ở tỉnh đội không nhỉ? Dũng cao cao da thật trắng ấy?”

Câu chuyện tình duyên làm hấn nghĩ tới đời riêng hấn. Suốt mấy năm trong bộ đội, nhất là trong phong trào nhận đỡ đầu bộ đội, anh em được các mẹ nuôi xây dựng gia đình cho rất nhiều. Còn về hấn thì ngay cô Chén, con gái bà mẹ đỡ đầu hấn cũng nhất định không chịu lấy hấn mà chỉ nhoen nhoen cái mồm nhận là em gái. Rõ thật là sót ruột. Nhiều người cho là hấn “khô” lắm.

Nhưng thật ra hấn chả khô chút nào. Hàng đêm, hàng ngày không mấy lúc là hấn không nghĩ đến chuyện đàn bà. Chỉ có ngoài mặt là hấn hay làm ra vẻ tinh thần cao. Ai hỏi hấn sao không lấy vợ thì hấn bảo: “Độc lập xong! Cả toàn dân đang kháng chiến, mình nghĩ đến chuyện riêng sao được!” Và khi hấn làm tổ trưởng ở đơn vị vô phúc có cậu nào xin phép về hỏi hay là cưới vợ, nhất định hấn không cho. Trong cuộc họp hấn còn quy cho một cô là “thiếu chịu đựng trường kỳ gian khổ”, “cầu an hưởng lạc”. Nhưng khi bị biến chế trong thâm tâm hấn cũng có phần vui là hấn sẽ có dịp về nhà lấy vợ mà không bị ai quy gì cho hấn như hấn đã quy cho người khác. Lúc mới vào dạy, hấn định sẽ kiếm một nữ sinh nào trong nhà trường có đủ những điều kiện tối thiểu là đẹp, có văn hoá lại tự túc được thì hấn sẽ xây dựng. Nhưng từ khi về trông ngóng hàng ngày cũng chả thêm được cô nào khác ngoài Cúc và Lai. Hai cô này phải cái vừa lùn vừa xấu.

Được cái hai cô đều con phú nông có ruộng và bò riêng cả. Lấy hai cô này thì tha hồ mà đi công tác. Lại có hy vọng thỉnh thoảng được tiếp tế tiền, đồng hồ hoặc bút máy. Hấn cũng nghĩ đến cả cô Quý, cô Quyền trong xóm, Quý thì đẹp nhưng lại đã có một đời chồng, không lẽ trai tân lại lấy thừa. Quyền còn con gái, có gánh hàng xén nhỏ nhưng lại kém văn hoá...

Hấn nghĩ liên miên.

Cúc hỏi hấn:

“Còn anh Tuất từ trước giờ đã có đám nào chưa?”

Hắn cũng kể cho hai cô nghe chuyện tình duyên của hắn. Đại để giống như chuyện hai cô. Nghĩa là hắn đi đến đâu tất cả con gái đều chú mục đều ve vãn hắn. Có cô tán hắn sát sạt nhưng hắn cũng phớt đều.

Hắn nhóm dậy, đánh diêm đốt đèn đưa bức thư của Chén cho hai cô xem. Hai cô tò mò xúm vào đọc: "... Khi nào đi công tác, mời anh ghé vào chơi, mẹ em và em mong anh lắm..."

Khi hai cô đọc xong hắn chậm rãi:

"Chén mới mười chín tuổi, xinh và ngoan lắm, một hai xây dựng với mình, nhưng phải cái xa quá. Mãi phủ Thiệu!..."

Sau chuyện tình duyên họ chuyển sang chuyện các giáo viên. Hắn hay nhờ hai cô này đi lấy tình hình giáo viên qua miệng gần 300 học sinh trong nhà trường. Tất cả những chuyện đời tư của mấy ông giáo hắn đều rõ hết. Đến chỗ nào hắn cho là có vấn đề hắn lại vùng dậy đốt đèn ghi vào sổ tay...

Quá nửa đêm lâu, ba người mới đi ngủ. Người nào ngáy cũng to, cũng đều nhưng không ai ngủ cả. Tuất đưa tay sờ hai bên giường. Thấy rộng quá và lạnh quá. Bỗng hắn nhớ một hòm hội nghị ở xóm Quyết Thắng, trời bức, Lai xắn quần để ra một cái đùi rất to và rất trắng. Thề khối và máu trắng của chiếc đùi ám ảnh hắn suốt đêm. Mấy lần hắn định dậy làm một chuyện thật thà với hắn trong đêm nhưng rồi lại thôi. Sáng mai thức dậy người hắn nhọc phờ.

Hắn tự chửi là đồ ngu. Nhưng rồi lại tự an ủi:

“Còn chán dịp!”

Chiều thứ bảy nào Tuất cũng bắt các giáo viên tự phê. Lần này không khí có vẻ căng nhất. Suýt nữa xảy ra đánh nhau. Khi tan họp ra về, các giáo viên ông nào ông nấy còn tức sôi sùng sục và tiếp tục trao đổi như cãi nhau trên đường về:

“Dạy mà ức như thế này thì thôi mẹ nó đi còn hơn!” “Từ hồi nó về cái nhà trường này thật là bết như tương.”

“Kiểm thảo gì mà lảm kiểm thảo với! Thà là kiểm thảo về chuyên môn, về tác phong giáo viên đối với học sinh nó lại đi một lẽ, chuyện gia đình người ta, chuyện bếp núc của từng người từ đời cố kiếp cũng móc máy ra để kiểm thảo. Vợ chồng người ta chửi nhau, vợ chồng người ta ly dị, người ta to tiếng với bố vợ thì động kệ gì đến nó.”

“Bà mẹ tao không cho đồng bào tản cư mượn thùng gánh nước chính tao cũng không biết mà sao nó biết. Kiểm thảo tao thì kiểm cái gì?”

“Chuyện riêng của tao hắn đem đi nói xuyên tạc giữa anh em học sinh, hôm nay tao tha già cho là may!”

“Thằng ấy chuyên môn nói xấu anh em để đề cao nó.”

“Bất cứ lúc nào có thể tự đề cao được, nó đều không bỏ qua.”

Một người lên tiếng:

“A! A! Để tao kể chuyện thằng Tuất tự đề cao!

Chúng mày nhớ hôm hấn phụ trách đem học sinh lớp bảy chuyển thóc thuê lên xã Quyết Thắng đấy chứ.”

“Nhớ! Nhớ! Thế nào?”

“Tuất về nói rằm nhà rằm xóm là tỉnh và huyện chỉ định hấn chỉ huy nhà trường đi dân công. Thế là cả gia đình hấn cứ tíu tít cả lên làm com rượu mời anh em trong xóm đến dự để cho hấn lên đường đi phục vụ.”

Họ nhảy lên cười ha hả:

“Trời ơi là trời! Đi bẫy cây số mà cũng tiến với chả tiến chân!”

“Ăn xong hấn đội mũ, lên ba-lô bắt tay mọi người. Ai cũng chúc hấn đi cho ‘chân cứng đá mềm’. Mẹ hấn nhìn theo rom rớm nước mắt”.

Họ lại cười rú lên:

“Đúng rồi! Đúng rồi! Hồi ấy hấn trọ lại nửa tháng thật! Mình lại cứ tưởng...”

“À ra thế! Kể cũng lắm công đấy chứ!”

Họ kể cả những chuyện hấn dạy đốt quân công thành quận công; đến chuyện hấn bê nguyên văn sử Trần Trọng Kim ra dạy: đến chuyện hấn đi hỏi mỗi người một ít để về soạn những bài sử không có sẵn trong sách Trần Trọng Kim.

Họ biết cả những chuyện hấn khai gian lý lịch: học đệ nhị khai là tú tài hồng; làm nhà máy gạch có hai ngày phỏng tay không chịu được phải xin ra khai là thành phần công nhân; mẹ lấy tiền địa chủ về buôn nợ giàu sụ thì khai là buôn thúng bán mẹt...

“Thằng ấy vừa ngu vừa khốn nạn. Hấn khéo ton hót với huyện uỷ đến nỗi, huyện chỉ nghe hấn.

Thằng Thân đấu tranh rất nhiều với huyện nhưng cũng chưa đâu vào đâu.”

“Phải cái Thân liên quan nên nói huyện nào tin.”

Họ chạy từ chuyện Tuất sang chuyện Cúc và Lai:

“Lại còn hai cái con trời đánh Cúc và Lai nữa! Hai đứa tính tình giống thằng Tuất cứ như đổ khuôn, cứ hơi tý là lập trường tư tưởng là lập trường giai cấp. Tất cả mọi chuyện đều do cái bộ ba ấy phát ra hết.”

Một ý kiến đề nghị:

“Phải cho thằng Tuất lấy một trong hai đứa ấy!”

“Ấy một hôm thằng Tuất nó hỏi tao: ‘Giữa Cúc và Lai theo cậu thì ai hơn?’...”

Cần, Thanh, Cúc, Lai, dưới sự lãnh đạo của Tuất làm việc và hợp hành liên miên. Sau hai tháng, Tuất đưa vấn đề ra trước toàn thể chi bộ. Hắn lấy làm mãn nguyện kết quả đã thu được và trước khi vào họp hắn đã tuyên bố với anh em chắc nịch nịch như đinh đóng cột: “chuyến này, ngoài chuyện phải đền hai triệu rưỡi cho nhà trường, Thân còn phải tù là đằng khác”. Câu chuyện nổ như quả bom. Anh em ai nghe cũng hoảng. Từ trước, chưa ai hề nghĩ rằng trong nhà trường lại có thể có một vụ án lớn đến như vậy.

Ai nấy đều chờ đợi chưa hiểu đầu đuôi ra sao. Thân lại càng hoang mang.

Bắt đầu Tuất đưa ra hai điểm:

Điểm thứ nhất là suốt trong hai năm, Thân hoặc vì đi dạy muộn, hoặc về trước giờ, hoặc bỏ giờ không dạy (vì Thân đau dạ dày nặng, ốm luôn, nhất

là về mùa rét) trung bình mỗi ngày bỏ một tiếng, một tháng 24 tiếng, một năm 210 tiếng, hai năm 480 tiếng. Mỗi giờ dạy, học sinh phải trả cho một lô gạo. Như thế là trong hai năm 480 lô gạo học sinh phải trả không cho Thân.

Điểm thứ hai là Thân khi cần tiền tiêu vẫn lấy quỹ nhà trường tiêu hàng tháng, khi nào lĩnh lương mới trả lại.

Tuất để hội nghị góp ý kiến đưa thêm hiện tượng rôi đồng dặc sơ kết:

“Hai hiện tượng này chứng tỏ là đồng chí Thân đã tham ô của học sinh, của quỹ nhà trường, nói chung là đã tham ô.”

Hắn hất hàm hỏi Thân:

“Đồng chí Thân nghĩ thế nào?” Anh Thân đứng lên nhận là đúng.

Tuất nêu lên điểm thứ ba mà hắn cho là mấu chốt của vấn đề. Hắn dẫn chứng tổng số học sinh trong hai năm, số tiền học phí là bao nhiêu, tiền chi tiêu hết bao nhiêu, còn lại bao nhiêu và tuyên bố:

“Số học sinh là thế, thu là thế, chi là thế, vậy thì vì lẽ gì mà quỹ hụt hai triệu rưỡi? Hai triệu rưỡi đi đâu?”

Sau khi anh em thảo luận, Thân phát biểu:

“Đồng chí Tuất mới dạy trường tư lần đầu, đồng chí chưa hiểu một số quy luật của nó. Đồng chí không biết rằng mới khai giảng học sinh bao giờ cũng đông nhưng càng ngày càng ít đi, cuối niên khoá có lớp không còn học sinh nào; đồng chí tưởng cứ có bao nhiêu học sinh là cả bấy nhiêu đều đóng tiền sòng phẳng.”

Tuất cắt ngang:

“Hai điểm trên đồng chí đã nhận là tham ô, không một lý do gì điểm thứ ba đồng chí lại không nhận.”

Cúc và Lai đều phụ họa ý kiến của Tuất. Thân cười khẩy:

“Không có một luật lệ nào lại bắt rằng cứ hề nhận 2 điểm trên là phải nhận điểm dưới.”

Tuất vắng tục.

“Tôi khinh hãn đồng chí. Tôi muốn nhổ vào mặt đồng chí. Bao nhiêu anh em làm việc suốt hai tháng nay, lấy tài liệu đã đủ, không lý là đa số sai mà một mình đồng chí lại đúng.”

Thân vẫn cười khẩy:

“Thường thường đa số đúng, nhưng cũng không phải là đa số lúc nào cũng đúng.”

Hắn đuối lý:

“Hai điểm trên đã nhận thì điểm thứ 3 phải nhận. Không phải một mình tôi. Đồng chí Cúc và Lai cũng đồng ý như tôi.”

Hắn lừ mắt nhìn mọi người, nhất là Cẩn và Thanh.

Hắn như mò cò trong ruột khi Cẩn gơ tay nói:

“Trong 2 tháng, anh Tuất bảo em với anh Thanh thu thập tài liệu về vụ này, nhưng em thấy đồng chí Thân nói đúng. Nói gì ai, ngay như em mà 4 tháng nay chưa đóng học phí.”

Tuất ức lên đến cổ.

Thanh gơ tay xin nói. Tuất nóng lòng chờ đợi. Nhưng Thanh chỉ nói vền vền:

“Em cũng đồng ý với đồng chí Cẩn.”

Tuất như muốn ứa máu mồm. Thân thì thấy rằng ở đời cũng còn nhiều người tốt.

Hội nghị bàn cãi xôn xao, rất lâu. Sau cùng phía Tuất vẫn là thiểu số. Hẩn rất bất bình nhưng khi đề ra kỷ luật: “đồng chí Thân thấy mình đã phạm hai khuyết điểm trên đề nghị hạ tâng từ bí thư xuống đồng chí thường” thì hẩn đã thoả mãn vì như thế là cái điểm cần bản hẩn đã đạt được. Dù sao hẩn thấy còn cần tranh đấu để đưa vụ này ra công khai tuyên bố cho toàn thể học sinh biết. Và hẩn đề nghị như thế.

Huyện uỷ tạm chỉ định Tuất làm bí thư chi bộ. Công việc đầu tiên của hẩn, sau khi nhận chức này là bỏ phụ cấp của Cẩn và Thanh. Hai anh phải thôi học. Một thời gian ngắn sau hẩn lại được điều đi Cải cách ruộng đất. Hẩn cảm thấy rằng số hẩn toàn gặp thời. Nguyên vọng của hẩn là được đi Cải cách ruộng đất, một công tác quan trọng số một, chỉ có ở đó mới dễ lên cấp, lên chức. Hẩn chắc thế nào cũng làm ăn được to hơn. Và hẩn thấy trong thời gian ở trường hẩn đã chuẩn bị khá tốt cho công tác sắp tới. Nay mai hẩn sẽ thêm vào lý lịch hẩn, chỗ cột công tác đã qua, công tác bí thư C.B., một công tác cơ sở giá trị vào bậc nhất. Hẩn chỉ còn mỗi một điều hận là thời gian ở trường hẩn chưa xây dựng được gia đình. Nhưng hẩn có một ý nghĩ đúng lập trường. “Sau Cải cách ruộng đất vàng thau không còn lẫn lộn. Khỏi chị em bần cố. Nhất định thế nào cũng xong”.

Trước khi đi hẩn lên chào huyện uỷ và nhấn

mạnh với huyện uỷ nên đặc biệt chú ý theo dõi các giáo viên; đề cao cảnh giác.

Hắn nói:

“Tôi chắc chắn thế nào bọn chúng cũng là một tổ địch. Đấy rồi các đồng chí xem. Tôi mà còn ở nhà một thời gian nữa thì thế nào cũng ra chuyện.”

(Trích *Giai phẩm mùa Đông* 1956)

*

SĨ NGỌC

Sĩ Ngọc họ Nguyễn, năm nay chừng 43 tuổi, là một hoạ sĩ tốt nghiệp ở trường Mỹ thuật Hà Nội. Ông nổi tiếng về môn vẽ chân dung phụ nữ trên lụa. Hồi còn là sinh viên, ông kết duyên với một cô bạn đồng học người I-Pha-Nho, có quốc tịch Pháp, yêu nhau vì nét, trọng nhau vì tài, nhưng hồi đó chính quyền Pháp ở Đông Dương không công nhận cuộc hôn nhân Việt-Pháp đó và hết sức cản trở, nên cuộc tình duyên bị đứt đoạn.

Năm 1956 ông tản cư về Thanh Hoá, tham gia kháng chiến trong bộ đội của tướng Nguyễn Sơn, và sau khi Nguyễn Sơn mất chức, ông lui về quây quần với các anh em văn nghệ khác ở làng Quần Tín và năm 1952 ông bị triệu lên Việt Bắc.

Sĩ Ngọc là một hoạ sĩ có những nét hoạ rất sắc, và khi ông vẽ ai thì ông cúi đầu mất lại, méo hẳn mặt nhìn người đó như thôi miên để gột cho hết tinh thần. Điều đó chứng tỏ ông có khả năng tập trung nhận xét đến cao độ. Trong những bài văn ông viết, chúng ta cũng nhận thấy cái thuật ấy và nét bút sắc cạnh mà ông dùng trong hoạ cũng như trong bút chiến.

Bài đầu tiên ông viết là bài ông đả kích Trường Chinh và chê ông này dốt mà dám phê bình về hội họa đăng trong tạp chí Sáng tạo số 4 xuất bản năm 1951 ở Liên khu IV.

Hiện nay ông bị xếp vào hạng phản động đầu sỏ và tất nhiên phải đi công trường. Chúng tôi giới thiệu ông bằng hai bài trích sau đây để các bạn đọc thưởng thức cái giọng văn bút chiến của ông.

*

Làm cho hoa nở bốn mùa

... Tác phẩm nghệ thuật là hoa, nghệ sĩ là người trồng hoa, chế độ là đất.

Nhưng không phải có đất rồi là ra lệnh cho hoa nở. Đất phải đập cho nhỏ, phân cho tốt, mưa nắng đều hoà, chọn giống tốt và ươm cho khéo. Phải có bàn tay của người trồng hoa có nhiều kinh nghiệm và kỹ thuật điều luyện. Phải để cho người trồng hoa ươm hoa cho nở nhiều lên rồi hãy chọn. Đừng bầm hoa ngay từ khi chưa mọc. Đừng chỉ thích hoa này hoa nọ. Đừng bắt người giống hoa uốn cành, bẻ lá theo ý mình. Đừng để cho hoa héo sau khi đã nở. Đừng để các người giống hoa đói, rét, không có hạt giống không có cuốc xới, không có nước tưới.

Đừng chỉ thúc hoa nở khi cần dùng nó tức thời. Hoa phải nở bốn mùa, lúc nào cũng nở.

Một tác phẩm nghệ thuật chỉ có kết quả khi nào nó là kết tinh của bộ óc, trái tim của một người nghệ sĩ. Nó không thể nào tốt và nảy nở khi nó bị chỉ huy bởi một bộ óc này một trái tim khác.

Trước hết phải tạo cho nghệ sĩ một bộ óc và một con tim có đủ khả năng độc lập để có trách nhiệm với cuộc sống. Ít lâu nay cuộc tranh luận về văn nghệ và chính trị đã làm cho mọi người hiểu rõ vấn đề hơn. Nhưng vẫn còn một số người chưa thấu nổi vấn đề trách nhiệm của nghệ sĩ vẫn còn đem nhai lại một số lý luận mác-xít: văn nghệ phải phục vụ chính trị, văn nghệ phải có lãnh đạo, phải phục vụ công nông binh v.v... Và cụ Mao đã nói, cụ Lê-nin đã nói v.v... Chả nhẽ lại nhắc tới câu điển hình của một nhân vật của Vũ trọng Phụng là “Biết rồi khổ lắm nói mãi!”. Biết rồi từ bao năm nay những lý luận ấy, biết rồi từ bao năm nay nên hầu hết các văn nghệ sĩ mới tham gia kháng chiến, đã phục vụ công nông binh tự nguyện theo sự lãnh đạo của Đảng Lao động. Đề nghị xin nói cái khác. Đề nghị xin nói về cách lãnh đạo như thế nào cho văn nghệ phát triển tốt chứ không ai nói là xin thôi đừng có lãnh đạo nữa. Sự đòi hỏi hiện nay của nghệ sĩ để có một trách nhiệm với xã hội là vì đã có những quan niệm sai về chính trị lãnh đạo văn nghệ. Một người bạn tôi có làm một bức áp-phích cho một cuộc triển lãm của một đoàn thể. Sau khi nhận được ý chỉ đạo, anh bạn bèn đem nhiệt tình và cảm xúc của mình với phong trào của đoàn thể ấy mà làm một cái phác thảo để đem cho ban phụ trách triển lãm xem. Ban triển lãm bèn đem cho bấy cấp thường vụ duyệt. Anh A có ý kiến thêm cái này, anh B lại bảo bỏ và thêm cái khác, anh C bảo nên đổi màu này thì hơn, anh D bảo

nên vẽ theo cái ấy của Liên-xô, anh E bảo nên cho người này gờ tay cạnh người này, anh G bảo nên cho cười, anh H bảo phải thêm cương quyết.

Anh bạn tôi thấy các dự kiến của mình đều bị đảo lộn. Phải làm lại phác thảo theo dự kiến của nhiều người khác. Làm như thế đến ba lần, đến khi phác thảo hoàn toàn minh hoạ cho ba bảy hai mươi mốt lần ý kiến khác nhau kia. Còn dự kiến của hoạ sĩ thì hết sạch. Anh bạn thấy bức mình lắm định không làm nữa nhưng vì muốn phục vụ thì ít mà vợ con túng thiếu thì nhiều nên phải làm vậy. Ấy, đại thể cái lỗi thôi của việc liên quan giữa chính trị và văn nghệ như thế. Đừng ai nói nữa rằng đó là chuyện tham gia ý kiến cá nhân mà thôi. Không, ý kiến ấy không hề tuyên bố là bắt buộc nhưng không làm theo thì khó mà làm nổi. Tôi đã phải thôi một số tranh đặt vì tôi không làm theo được thế nên người ta phải tìm người khác dễ bảo hơn. Những chuyện như vậy là nhiều lắm, thành tác phong phổ biến của cái mệnh danh là chính trị lãnh đạo văn nghệ. Nhưng thực ra chỉ là phải theo kiến thức chính trị có hạn định và ý thích chủ quan của một số cán bộ chính trị. Ở gần trung ương còn nhẹ, chứ ở các địa phương, còn lười thôi hơn khi mà nghệ sĩ công tác ở một cơ quan đoàn thể nếu không triệt để theo ý kiến của phụ trách, nếu muốn có phần mình vào đó thì chỉ còn cách ngồi kiểm thảo về ý thức tổ chức, tu tưởng tự do vô chính phủ, muốn thoát ly lãnh đạo, bị ảnh hưởng nghệ thuật tư sản v.v... luôn có sẵn các

loại mũ tiến bộ để bắt người nghệ sĩ phải nghe theo ý mình. Đó là còn rây rót tác phong lãnh đạo nghệ thuật của giai cấp phong kiến khi chúng bắt nhân dân làm đền đài và tô điểm cho chúng.

Theo chủ quan, tôi chưa hề thấy những bạn đồng nghiệp nào của tôi có ý muốn không phục vụ chính trị, nhưng đều lên tiếng phản nân về sự áp chế nghệ thuật của những cán bộ phụ trách mình. Những cán bộ ấy tưởng lầm một cách ngây thơ là cứ bằng lập trường và quyết tâm của họ là cái gì cũng xong, cũng biết, cũng lãnh đạo được.

Muốn lãnh đạo cái gì cần phải biết cái đó. Đó là tác phong lãnh đạo cách mạng. Phải hiểu nông thôn mới lãnh đạo được nông nghiệp, phải hiểu thành thị mới lãnh đạo được công nghiệp, phải hiểu nghệ thuật mới lãnh đạo được văn nghệ. Quan điểm “thành phần chủ nghĩa” đã làm cho một số đồng tưởng lầm rằng là thành phần công nông thì cái gì cũng làm được. Họ đã đánh giá sai sự giác ngộ chính trị của người nghệ sĩ và không biết thực tế của Việt Nam về nghệ thuật như thế nào?

Không thể cứ áp dụng mãi lối lãnh đạo nghệ thuật trong kháng chiến ở không khí kiến thiết xã hội trong hoà bình. Điểm thứ nhất là phải trả nghệ sĩ về cho nghệ thuật. Cần phải mạnh dạn giải phóng họ ra khỏi chế độ, công chức, ăn lương theo cấp bậc, ngày làm số giờ quy định. Cần phải giải phóng họ ra khỏi bộ máy nặng nề biến họ thành những người thư ký thào công văn, điện văn, giải quyết các việc

linh tinh, việc hủ hoá tham ô, việc lãnh đạo sinh hoạt. Cần giải phóng họ ra khỏi không khí của bốn bức tường quét vôi của cơ quan, sáng cấp mũ đến sở, tối cấp mũ về.

Không thể xếp thì giờ công tác và sáng tác xé lẻ trong từng ngày, không thể mỗi năm chỉ đi sáng tác có hai tháng. Công tác của họ là ở cuộc sống, nằm giữa cuộc sống, thâm nhập cuộc sống. Không thể thỉnh thoảng mới tổ chức rầm rộ một đoàn đi nông thôn xí nghiệp, cơ xưởng v.v... có diễn văn khai mạc và tiễn biệt. Cần giải phóng họ ra khỏi đầu óc địa vị, cấp bậc quan cách của mọi thứ trưởng ban phó ban. Địa vị của họ ở tác phẩm, ở việc phụ vụ nhiều hay ít.

(Trích *Giai phẩm mùa Đông* 1956)

*

Bất mãn?

Hiện nay đang có một dư luận không đúng về phong trào phê bình của báo *Nhân văn* cho rằng những người viết báo ấy là một nhóm bất mãn.

Nói chung một số người có thẩm quyền trong giới lãnh đạo đang cần tung ta một nhận định nhằm cô lập báo *Nhân văn* và những người cộng tác của báo ấy. Thậm chí cho phong trào phê bình của những người viết ở *Nhân văn* là phản ứng giai cấp (không nói rõ là giai cấp nào?).

Tôi là một người có cộng tác với *Nhân văn* vì cho là báo này, trong một phạm vi rộng rãi, đã đề cập tới những vấn đề nóng hổi của xã hội, của văn nghệ, nhất là vấn đề phê bình lãnh đạo văn nghệ đã mở

đầu sôi nổi từ đợt học tập tháng tám vừa rồi. Phê bình để tiến tới xây dựng một chính sách đúng, đẩy mạnh phong trào văn nghệ như ý muốn chung của quần chúng và của Đảng.

Theo tôi nghĩ, trong tình hình hiện tại, muốn cho uy tín của lãnh đạo giữ được và tăng thêm thì lại càng phải tự phê bình thành khẩn. Không nên sợ mất sĩ diện khi cái sĩ diện ấy có hại cho Đảng, đi ngược lại với quyền lợi của quần chúng. Không nên (dù hữu ý hay vô tình cũng không nên) lẫn lộn uy tín của cá nhân lãnh đạo với uy tín của Đảng. Nếu uy tín chỉ xây dựng trên sự “không dám nghe” của mình và “không dám nói” của người khác thì cái uy tín cũng nên vứt đi.

Uy tín của Đảng, của người cách mạng là ở chỗ biết nghe và biết sửa.

Một số người không hiểu như thế nên cứ tìm cách lẩn trốn sự thực, sợ những lời phê bình mạnh, họ tìm cách bịt miệng một số người để cho những người này lại bịt miệng một số người khác nữa... Thực mà nói, nếu những người ở Nhân văn sai, tôi chắc quần chúng bao giờ cũng có đủ sáng suốt nhận định. Họ không dễ bị lừa đâu. Ai dối họ, ai đi ngược lại với quyền lợi của họ, họ đều biết cả!

Làm như thế một là khinh quần chúng không biết gì hoặc là sợ quần chúng sáng suốt nghe những lời nói đúng sự thật. Làm như thế là không tốt.

Nhưng nếu các bạn cứ thấy chúng tôi không bằng lòng cái này cái khác của thời đại mà muốn

tìm một danh từ nào để chỉ hiện tượng đó thì chúng tôi không e ngại tiếng “bất mãn” đến như nhiều người tưởng.

Bất mãn! Tại sao không bất mãn?

Ai thoả mãn trước những sai lầm trong Cải cách Ruộng đất hiện nay? Ai thoả mãn với những sai lầm khác như những sai lầm trong chính sách văn nghệ và trí thức chẳng hạn?

Tôi dám chắc chắn rằng không phải chúng ta, những người đã tham gia cách mạng, sống chết với cách mạng, những con người của cách mạng. Chúng ta, những con người có nhiệt tâm với nhân dân với xã hội, những con người biết đau xót về những sai lầm tồn tại làm tổn hại đến việc xây dựng miền Bắc, đến công cuộc cách mạng, chúng ta không thể không bất mãn với những sai lầm ấy.

Chúng ta, những người làm văn nghệ phục vụ cho cách mạng, luôn luôn đòi hỏi sự tiến tới không ngừng của xã hội, chúng ta tất nhiên phải bất mãn với những lực lượng phản tiến bộ cản trở bước tiến của xã hội. Chúng ta, những người làm văn nghệ và văn hoá muốn cho chuyên môn của ngành mình phát triển để phục vụ cách mạng cho tốt, tất nhiên phải bất mãn với những cái sai lầm làm cho văn hoá văn nghệ đáng lẽ phải phát triển hơn nữa, thì bị kìm hãm. Bất mãn với những cái sai lầm là chính đáng. Chỉ có kẻ nào thoả mãn với cái sai kẻ ấy mới là kẻ có tội.

Nếu ai nói những người bất mãn ấy là phản ứng

giai cấp thì hỏi giai cấp nào phản ứng trước những cái sai lầm có hại cho cách mạng? Thiệt thòi đến nông dân, đến công nhân, đến trí thức, đến cách mạng, ai thoả mãn?

Bất mãn là chưa thoả mãn với thực tế, tất nhiên không phải là muốn quyền lợi cá nhân chúng ta đi ngược lại quyền lợi của quần chúng nhân dân. Chúng ta bất mãn với những cái sai lầm, người sai lầm đã làm thiệt hại cho lợi ích của cách mạng.

Còn đối với một số người cho chúng tôi là bất mãn vì địa vị hay vì quyền lợi vật chất thì chúng tôi thấy không cần trả lời những con người thấp hèn ấy.

(Trích báo *Nhân văn*)

*

CHU NGỌC

Chu Ngọc tên thực là Chử Ngọc Hồ quê ở Vĩnh Yên, năm nay chừng 45 tuổi, là một nhà soạn kịch và một đạo diễn có thực tài.

Ông tham gia kháng chiến ở Khu IV và công tác trong bộ đội của tướng Nguyễn Sơn. Đến năm 1950 ông xin giải ngũ và lui về ở trại tập trung văn nghệ ở Cầu Thiều (Thanh Hoá), vừa làm ruộng vừa viết văn. Năm 1953 ông “được” đi chinh huấn ở Việt Bắc và năm 1954 được “tham quan” Cải cách ruộng đất ở Thanh Hoá.

Trong mấy năm kháng chiến ông sáng tác được một vở kịch có giá trị, nhan đề *Cải võng*, trong đó ông chế giễu một tập tục của dân quê là ngăn cấm không cho vợ chồng những người tản cư nằm chung

một giường trong nhà của mình. (Bà chủ nhà bắc một cái võng nằm giữa để canh, hai vợ chồng người tản cư nằm hai bên.)

Vở kịch sau khi diễn được vài buổi thì bị cấm.

Vở kịch thứ hai của ông nhan đề là Xông nhà cũng có một số phận tương tự như vở kịch trước.

Ở đây chúng tôi xin giới thiệu một vở kịch ngắn của ông, nhan đề là Chúng ta gắng nuôi con. Cũng như trong hai vở kịch trước, trong vở này ông cũng đả phá những cái hẹp hòi của những người xung quanh thường phạm đến tự do cá nhân và tự do tư tưởng của con người.

Điểm khác là ở đây ông không công kích những cái hẹp hòi của xã hội cũ, mà ông lại chế riễu cái hẹp hòi của xã hội Bắc Việt năm 1956. Tâm trạng của ông biểu lộ trong câu sau cùng của vở kịch, lời ông dặn dò đứa con mới đẻ “Lớn lên con đừng hẹp hòi con nhé!”

*

Chúng ta gắng nuôi con

(Hoạt cảnh)

Nhân vật:

Chồng 37 tuổi;

Vợ: 30 tuổi

Đây là một căn phòng nhỏ của một gia đình cán bộ ở ngoại ô Hà Nội. Bàn, ghế, giường, tủ mỗi thứ một kiểu, mỗi màu, cũ kỹ, rề tiền; hình như chủ nhà nhặt mỗi thứ một nơi gộp lại thành cái cảnh “nội trợ” này.

Chồng là một cán bộ, của một cơ quan Trung ương,

tuổi ngoài ba mươi, gương mặt hơi hốc hác, da mặt tái tái và hơi khô, mắt lòng trắng đã ngả vàng, dùng đục. Anh thường bận bộ quần áo công nhân do Mậu dịch bán giá 8.500 đ của nước bạn Tiệp Khắc. Anh nhìn người hoặc nhìn vật thường hay nhìn lâu. Có nhiều lúc như không tin ở đôi mắt nữa, anh dùng tay nắn vào người, vào vật. Đầu hay gật gù. Miệng thỉnh thoảng ho một tiếng.

Vợ, trẻ hơn, táo bạo hay nói thẳng, hay lo vật và thường đem chuyện bực bội ở cơ quan về trút cho chồng, có lúc trút cho cả những đứa con còn ngây dại. Quan niệm của chị về cuộc sống: cứ vui, tin tưởng, chẳng tội gì gói ghém bực tức lại để thành mớ bẻ bộn trong lòng.

Chồng: Hay là... liệu đến rạp mà xem. Hạng cuối 3 trăm, ngồi sát “è cò răng” cũng được.

Vợ: Loá mắt chết đi ấy.

Chồng: Nhưng còn có ghế dựa cái lưng.

Vợ: Dựa lưng? Sao mà tư sản thế!

Chồng: Tư sản? Thế thì thôi. Nhưng tả vừa vừa chứ, có thể cũng phải chụp cái mũ mới nghe.

Vợ: Chụp sẵn để anh dùng yêu cầu nữa. Từ một trăm ngoài bãi tiến tới ba trăm trong rạp, hai vợ chồng mấy đứa con, mất hơn một nghìn rồi đấy, cuối tháng có thiếu lại ầm lên.

Chồng: Ai ầm.

Vợ: Anh không ầm nhưng cái mặt anh dài ra còn khổ hơn là ầm.

Chồng: Ở nhà là ổn hơn hết, ngủ một giấc lại đỡ tồn.

Vợ: Thi xem ngoài bãi vậy, mỗi người một trăm thôi.

Chồng: Xem ngoài bãi! mồi cổ lắm.

Vợ: Em đỡ cổ cho.

Chồng: Đùng có khi. Với lại buồn ngủ thì dựa vào đầu.

Vợ: Dựa vào em mà ngủ.

Chồng: Đã bảo là đùng có khi. Chung quanh người ta phê bình cho.

Vợ: Ai làm gì mà phê bình. Vớ vẩn.

Chồng: Người ta phê bình là xem phim có nội dung tốt lại ngủ kia.

Vợ: Buồn ngủ thì cứ ngủ, sao lại lòi thoi thế nữa.

Chồng: Mình cán bộ, ngủ như thế là thiếu lập trường.

Vợ: Sao lại lập trường ở chỗ ngủ ấy.

Chồng: Buổi xem phim Chỉ huy chiến hạm anh buồn ngủ quá. Một ông bên cạnh cứ ghé vào tai anh, “Sao lại ngủ, sao lại ngủ, thái độ xem phim nước bạn lạ nhỉ?”. Anh cảm mũ đi về, ông ấy theo ra thảo luận, và khuyên anh xem cho hết. Bỏ về giữa chừng là có ý chê phim Liên Xô. Anh đành phải quay vào ngồi cho đến hết.

Vợ: Thế anh có nói cho ông ấy biết như thế là mất tự do của người ta không!

Chồng: Tự do nào?

Vợ: Tự do khen chê.

Chồng: Sao lại có cái tự do ấy nhỉ.

Vợ: Thế sao anh lại ngủ?

Chồng: Ờ ờ... à mấy ngày họp liên rồi liên hoan giữa bãi, gió hiu hiu thì ngủ chứ còn sao nữa.

Vợ: Phim có hay không?

Chồng: Nội dung tốt! Nhưng mà vừa xem vừa phải cắn lưỡi cho đỡ buồn ngủ. Lúc nào chột gật một cái thì vội vàng chữa bằng cách gật vài cái ra điều là mình thưởng thức. Lúc đó, may quá màn ảnh lại chiếu ngay đoạn ngoài biển khơi, ánh sáng đẹp quá. Ông bạn ngồi bên thấy mình gật gù thì ông ấy bằng lòng lắm cũng gật gù nói nhỏ với mình – “Chút nữa ông bỏ về, có phải thiệt không nào!”

Vợ: Thế là đêm hôm đó anh về cãi nhau với em đấy có phải không?

Chồng: Vừa mệt vừa bực mình, về đến nhà vợ lại cầu nhàu bảo đi đến đâu cũng chẳng nhớ đến ai, chỉ biết sung sướng lấy một mình.

Vợ: Tưởng là không thích phim cơ chứ, gật gù thưởng thức như thế còn oan nỗi gì?

Chồng: Thế em vẫn cho là anh sung sướng lấy một mình ư!

Vợ: Ở nhà này anh không sung sướng... thì em sung sướng vậy. Em sung sướng lắm: cũng công tác, cũng học, cũng họp, lại nuôi con, giặt giũ, thổi nấu... rồi thì ở nhà phê bình đảng ở nhà; ở cơ quan phê bình đảng cơ quan...

Chồng: Thôi... thôi... anh sung sướng! Sáng họp, chiều họp, tối học. Về nhà quét cửa, quét nhà, quét cống, đun nước, tắm cho con, xi con ỉa, đêm ai gọi dậy mở cửa...

Vợ: Gớm gian khổ nhỉ! Nông dân người ta còn vất vả khối ra kia kia.

Chồng: Thôi... thôi... biết rồi...! Đi xem vậy thôi. Ngoài bãi cũng được. Phim gì thế?

Vợ: Trẻ con nó bảo đầu... Chỉ huy chiến hạm đấy. Chúng nó bảo buồn lắm.

Chồng: Chỉ huy chiến hạm à... Nhưng sao trẻ con lại chê buồn.

Vợ: Thấy chúng nó bảo thế.

Chồng: Con nó bảo lại mà nghe ư? Lập trường để đầu hủ trời!

Vợ: Lập trường nào?

Chồng: Lập trường bạn, thù. Phim nước bạn mà chê. Coi chừng tư tưởng đấy.

Vợ: Tư tưởng làm sao?

Chồng: Tư tưởng tư sản chứ còn làm sao nữa. Chê phim nước bạn có nghĩa là khen phim tư sản.

Vợ: Suy diễn tài nhỉ! Liên Xô có nhiều phim hay, song cũng có những cuốn phim không hay thì nó chê, không được ư. Biết đâu những phim ấy chính các đồng chí Liên Xô cũng chê ấy chứ lại!

Chồng: Hồng, hồng... gọi con Thu về đây. Không biết ai xui nó thế, chắc lại luận điệu địch đấy thôi. Nó bắt đầu tuyên truyền vào trẻ con rồi đó. Gọi nó về xem nó chơi với con cái nhà nào, phải đề cao cảnh giác đấy.

Vợ: Nó bé, tính nó ngay thẳng, thấy thế nào nó nói thế.

Chồng: Chẳng qua là tại em cả thôi. Trẻ con nó biết thế nào là hay và không hay. Vợ: Thôi đừng chủ quan khinh chúng nó. Trẻ con nó cũng biết nhận

xét chú lại. **Chồng:** Nhưng chúng phải biết đứng về lập trường nào mà nhận xét chứ!

Vợ: Lập trường của trẻ con là ăn chơi, yêu nhân dân, yêu lao động... yêu Bác Hồ, Bác Mao... Bác Bun-ga-nin...

Chồng: Yêu bác Bun-ga-nin mà chê phim Liên Xô!

Vợ: Nó chê phim *Chỉ huy chiến hạm* nó thích phim *Xát-cô đi tìm hạnh phúc* chứ nó chê phim Liên xô đâu nào?

Chồng: Con hư là tại mẹ, khen chê là phải hướng cho chúng nó. Không thể để cho chúng nó tự do được. Coi chừng ảnh hưởng tư sản đấy.

Vợ: Thế anh là tư sản hay tôi là tư sản.

Chồng: Người nào cũng có thể là tư sản được cả. Ăn muốn ăn ngon, ở thì muốn ở rộng, cái gì cũng muốn, ước ước ao ao... Cứ đi qua các cửa hiệu Hàng Khay là đứng lại nhìn nhìn, ngắm ngắm... như thế là chớm phải tư tưởng tư sản rồi đấy.

Vợ: Những thứ ước ao ấy những người làm cách mạng không được dùng ư?

Chồng: Lúc nào tiến sang chủ nghĩa xã hội đầy đủ sẽ dùng.

Vợ: Thế lúc đó có gọi những người xã hội chủ nghĩa là tư sản không...

Chồng: Ừ... ừ... ừ... Thôi không nói nữa. Đi xem, đi xem...

Vợ: Thua rồi à. Thế đi xem phim nào?

Chồng: Bất cứ. Miễn là đi xem. Nghĩa là là không ở nhà.

Vợ: Có phim Dân chủ Đức, lại ở mãi Đại Nam kia. Mấy trăm bạc xe nữa.

Chồng: Tìm xem có phim nào xem tạm tạm.

Vợ: Nghe như có nhiều phim hay các ông ấy còn om, để chiếu cho chán những phim tiền cách mạng này đi đã. Giả có phim như Anh gắng nuôi con thì thích nhỉ.

Chồng: Em thích Anh gắng nuôi con lắm à?

Vợ: Ừ thích.

Chồng: Thế là chết rồi!

Vợ: Sao?

Chồng: (*suy nghĩ một lát*) Có vấn đề đấy. Nhận định của tôi đúng rồi.

Vợ: Đúng cái gì kia?

Chồng: Em bị tư sản tấn công thật đấy. *Anh gắng nuôi con* là phim Nhật.

Vợ: Nhật thì sao?

Chồng: Nhật chứ Nhật sao nữa. Một nước phát xít chinh phục loài người. Bây giờ đi với Mỹ, là một nước tư bản đế quốc.

Vợ: Thế à?

Chồng: Một nước có truyền thống võ sĩ đạo, rất nhiều anh hùng cá nhân, cho nên tôi kết luận rằng văn hoá của nước ấy là văn hoá tư sản.

Vợ: Ghê nhỉ? Nhưng còn thiếu.

Chồng: Thiếu gì nữa?

Vợ: Người Nhật... lùn nữa chứ lại. Và lần đầu tiên nhân dân Nhật bị hai quả bom nguyên tử của Mỹ chết mấy chục vạn người.

Chồng: Em để yên tôi nói.

Vợ: Nói như mọi hôm chứ gì. Lại cụ Mác, cụ Lê. Thôi, anh đừng làm khổ các cụ nữa. Lý luận để áp dụng vào thực tế công tác không phải để nói. Anh ăn đã chẳng được mấy hột, nói nhiều quá, phổi nó ráo đi.

Chồng: Nhưng mà em không được thích *Anh gắng nuôi con*.

Vợ: Sao anh lại cấm em.

Chồng: (*Cầm tờ báo Nhân dân đưa cho vợ*) Đây này, báo đăng là không cho chiếu lần thứ hai nữa. Anh đọc em nghe nhé.

Vợ: (*đứng lên*) *Thong thả em chặn cho con cái gối đã, kẻo nó giật mình.*

Chồng: “Suốt từ đầu đến cuối bộ phim, người xem chỉ thấy một anh chàng say rượu, cờ bạc, cục cằn, hay đánh nhau, tính nết như một thằng điên”.

Vợ: Ý kiến của anh thế nào?

Chồng: Anh... anh (gật gù) cũng thấy Mẽ Lang như hơi điên, uống rượu, đánh bạc, cục cằn, hay đánh nhau. Đúng đấy.

Vợ: Anh nói thật đấy chứ?

Chồng: Ừ.

Vợ: Sao hôm đi xem về anh khen cơ mà?

Chồng: Ai khen?

Vợ: Anh chẳng bảo - lâu lắm mới được xem một cuốn phim...

Chồng: Nói như thế mà bảo là khen ư?

Vợ: Thế ai nói cái xã hội Nhật trong phim ngọt ngọt

thật. Buôn bán lừa lọc, thẳng trùn cò bạc bịp Liễu Lang lại mở trường dạy học – giáo dục thiếu niên, thực mĩa mai - Chẳng khác gì Xuân tóc đỏ của mình.

Chông: ...

Vợ: Có thể không nào? Mà anh lại còn ra vẻ thao về chính trị, anh phân tích: Đấy cái thẳng cò bạc bịp nó tổ chức đánh bạc rồi nó lại gây ra cuộc ẩu đả - Trong lúc người ta xô vào đánh nhau thì nó lúi húi nhặt tiền ở chiếu bạc nhét đầy hào bao, để sau này nó thành một thẳng mô phạm đúng là cái thẳng Mỹ.

Chông: Người ta ví với thẳng Nguyễn Văn Mỹ bạn cũ hồi Pháp thuộc, nó giống cái thẳng ấy, chứ ai bảo giống đế quốc Mỹ - Bảo người ta đương tố cáo là chẳng có gì là chống viện trợ Mỹ cả, phê bình nhà chiếu bóng quảng cáo láo để làm tiền khán giả đấy.

Vợ: Thế việc gì đến anh mà cũng thắc mắc.

Chông: Mình trót khen âm lên ở cơ quan, cổ động anh chị em đi xem. Họ chen nhau mới lấy được cái vé. Bây giờ lại... phiền quá thôi, biết cứ đóng cửa ở nhà cho xong, chẳng xem chẳng xung gì cả, đỡ bực mình.

Vợ: Lúc xem lười cứ tắc tắc như thạch sùng ấy, khen lấy khen để... Anh ngồi cạnh tôi, thấy tôi chưa kịp khen thì y như anh bực mình cho tôi là chậm hiểu.

Chông: Nhưng bây giờ báo Nhân dân chê, cơ quan của Đảng nhận định cái gì là đã nghiên cứu chán rồi. Chắc có điểm gì sai lầm nghiêm trọng lắm... mới đề nghị cấm chiếu đấy. Mai đến cơ quan chúng nó lại nhè mình nó truy - Khen phim gì chẳng khen lại khen phim Nhật.

Vợ: Các đồng chí ở cơ quan cũng khen cả đấy chứ.

Chồng: Bây giờ ai còn nhận nữa.

Vợ: Thì phim ấy cũng hay đấy chứ, tội gì mà sợ.

Chồng: Em chỉ được cái nói buống ở nhà mà thôi. Báo Đảng đã nhận định rồi.

Vợ: Ông Lam ở sở Hải quan Trung ương đấy chứ, có phải báo đâu.

Chồng: Nào riêng gì ông Lam, cả bà Nguyễn Thị Xuân nào nữa đấy cũng viết một giọng như thế...

Vợ: Ừ thì hai người chứ bao nhiêu mà lo - Bao giờ báo Nhân dân viết sẽ hay. Đây là ý kiến bạn đọc cơ mà.

Chồng: Đăng lên như thế tức là toà báo đã đồng tình rồi đấy. Minh thế nào cũng bị qui là bị tư sản tấn công.

(im lặng một lát)

Vợ: Ai đã qui mà sợ - Chính phủ cho phép chiếu, nhân dân xem sướng mắt rồi. Còn chiếu em còn đi xem, để ý làm gì đến những chuyện hẹp hòi, vụn vặt ấy.

Chồng: Xem thì có sao, đảng này mình lại khen kia. Bây giờ làm thế nào?

Vợ:...

Chồng: Thế nào.

Vợ: Chẳng biết thế nào cả. Đã rắc rối thế bây giờ không đi xem nữa.

Chồng: Chỉ tại em thôi.

Vợ: Tại gì tôi?

Chồng: Em khen lầy khen để...

Vợ: Thì đi qua cửa rạp thấy người ta xếp hàng lấy vé dài ra tận đường ấy, chắc phim phải hay mới đông như thế chứ? Bao nhiêu người khen cả sợ quái gì. **Chồng:** Người ta là nhân dân thì sợ gì. Mình là cán bộ mới phiền. **Vợ:** Sao lại có cái bà Xuân, với ông Lam nào mà ác thế nhỉ.

Chồng: Họ ác gì? Lập trường người ta vững mới phê phán như thế chứ! Chắc không phải thành phần mình đâu.

Vợ: Phim hay thế mà kêu rúc óc lên. Hay là bị bệnh thần kinh thì có.

Chồng: Chẳng biết là cô hay bà nữa, nhưng chắc là cán bộ, nói có vẻ lên lớp lắm.

Vợ: Biết địa chỉ ở đâu kéo đến đấu tranh cho một chuyến cho ra lẽ. Phụ nữ mà lại khô thế nhỉ.

Chồng: Chắc đâu là phụ nữ.

Vợ: Ký là Nguyễn Thị hẳn hoi kia mà chẳng lẽ lại là đàn ông.

Chồng: Chưa chắc là đàn ông đâu. Khô hơn đàn ông nhiều.

Vợ: Em chắc, không phải là phụ nữ đúng hơn.

Chồng: Anh đã bảo không phải nam giới.

Vợ: Nam giới đấy.

Chồng: Anh không nhận đâu.

Vợ: Phụ nữ là phải để ý đến Mễ Lang. Một người chồng cò bạc, rượu chè, du côn như thế mà thực hiện lời giới giăng của vợ, không đánh nhau nữa, chăm nom con, cố gắng xây dựng tương lai cho con để con khỏi sa vào con đường tối tăm tội lỗi cũ, như thế là người tốt có thủy chung đấy chứ!

Chồng: Ai người ta rung động làm gì những chuyện góc ngách ấy. Trái tim người ta đã thành trái tim ái nam ái nữ mất rồi.

Vợ: Chán nhỉ.

Chồng: Tình cảm phi nam phi nữ ấy còn biết rung động cái gì nữa... Mấy cái anh làm phim Nhật ấy cũng tởm. Cho ngay Liễu Lang là địa chủ bóc lột. Cho ngay Mễ Lang là bản cố nông, trong sạch, anh dũng, hữu ái giai cấp, được đội về bắt rết, cuối cùng đứng lên đấu một trận có phải ông Lam với bà Xuân thích không nào.

Vợ: Phim nào cũng thế thì chán ốm.

Chồng: Nhưng mà dễ hiểu em ạ. Đồ bạn óc, chẳng phải suy nghĩ gì.

Vợ: Nhưng mà Nhật đã cải cách ruộng đất đâu. Mỹ còn chiếm đóng cơ mà. Chính phủ Nhật ở trong tay bọn trùm tư bản thân Mỹ kia mà.

Chồng: Ừ nhỉ. Thành ra người Nhật chửi Mỹ, phản đối Mỹ cũng vất vả nhỉ.

Vợ: Chắc thế cho nên các ông văn nghệ Nhật mới xây dựng lên Liễu Lang để bóng gió.

Chồng: Buồn nhỉ, là dân một nước không dân chủ, ăn không được ăn, nói không được nói, rồi cứ phải mượn cái này nói cái khác, làm cho người nước khác phải suy nghĩ mới hiểu thì mệt quá nhỉ.

Vợ: Không suy nghĩ thì bộ óc, với trái tim để làm gì? Mình là người đã từng bị bọn đế quốc nó thống trị thì mình cũng thông cảm với nhân dân một nước bị chiếm đóng chứ!

Chồng: Mấy người viết báo ấy nghĩ được như thế thì ngày mai mình đến cơ quan đã chẳng làm sao.

Vợ: Chẳng việc gì đâu.

Chồng: Mấy cái ông đại diện tư tưởng ở cơ quan thế nào mà chẳng xoay, chẳng truy mình.

Vợ: Đề nghị cho mấy ông đi học để các ông ấy biết dùng bộ óc đi chứ lại.

Chồng: Học chưa đủ. Điều cần phải có trước nhất là sự thông cảm. Chúng ta mới thoát khỏi vòng nô lệ, sao không thương nhau, lại hay dằn vặt hay úm nhau. Mà anh nữa, sao lại không dám chống lại khi họ chụp mũ vào đầu mình. (một lát) - Này em! mình có phải là người nữa không nhỉ?

Vợ: Sao anh lại hỏi thế?

Chồng: Đầu là đầu của mình hay là đầu của ai?

Vợ: Dớ dẩn, đầu chẳng phải là đầu của mình, chẳng lẽ đầu của ai chạy đến gắn vào cổ mình.

Chồng: Nhưng còn cái chất đặc ở trong kia mà.

Vợ: Đầu của mình thì óc cũng của mình chứ của ai nữa.

Chồng: (một lát) Thế thì thích nhỉ.

Vợ: Thế xưa nay anh vẫn thấy bộ óc, trái tim là không phải của anh ư?

Chồng: Không... với lại có phải anh nói riêng mình anh đâu.

Vợ: Nhưng sao anh lại hỏi về đầu óc như thế mới được chứ?

Chồng: Anh hỏi thế để biết rằng lâu nay anh không dùng đến cái đầu này - đến cái bộ ngực này.

Ngũ quan của anh chỉ dùng có cái tai, anh chỉ nghe thôi. Và cái cổ để gật. Lòng anh chắc cũng như lòng một số người cứ thu hẹp mãi lại, cuộc sống tình cảm cứ lần lần mất đất. Một bộ phim nêu lên một ý nguyện từ chối một cuộc sống cũ - đánh nhau, bịp bợm, kẻ tiểu nhân như Liễu Lang lại cảm vận mệnh của tương lai, một người tự lực cánh sinh, lao động xây dựng cho lớp người về sau, anh tưởng đó là nguyện vọng của người muốn cách mạng, người tốt chứ. Sao lại phê phán là: chẳng hé mở cho người xem thấy một giải quyết nào - Thế nào mới là giải quyết. Đóng cửa tâm hồn mình lại thì còn thấy được ai hé mở. Có chăng là tự mình phải cởi trói cho tâm hồn mình. (một lát). Khen không dám khen, chê không dám chê. Từ Chi huy chiến hạm đến Anh gắng nuôi con anh đã không phải là anh nữa. Bản tâm thì khen nhưng khi thấy báo Nhân dân chê thì sợ... Nhân phẩm của anh lâu nay không biết còn hay mất.

Vợ: Ai cấm chúng ta không được khen chê, Đảng đã chẳng khuyến khích chúng ta mạnh dạn phát huy tự do tư tưởng, nói thẳng, nói thật, nói hết, bày tỏ nguyện vọng để Đảng biết kia mà. Có ai cấm đâu.

Chồng: Chẳng ai cấm, nhưng anh có dám tin ở anh đâu. Thành phần của mình nói gì ra cũng tự cảm thấy có thể sai được cả - tiểu tư sản bấp bênh lắm. Ở nông thôn thì lập trường địa chủ, về thành phố dễ bị tư sản tấn công. Một người nói ra như thế, trăm người nói theo, thế là bách khẩu đồng từ, ấy thế là bất cứ một việc gì sự tự ti về thành phần cũng

ngăn cách giải quyết của anh: Sợ sai em ạ. Đến cả em nữa, em là một người trao xương gửi thịt, ấy thế mà nhiều lúc anh cũng sợ. Anh không dám nói phim hay, phim dở. Vừa rồi anh cũng sợ chúng ta quay lại chinh nhau, nên anh tự chinh trước. Kể anh cũng hèn thực. Nói dối cả mình, nói dối cả vợ, nói dối cả Đảng. Chỉ ừ ào xuôi chiều, thủ tiêu đấu tranh.

Vợ: Không biết ông Lam có cùng một tâm trạng như chúng ta không nhỉ. Em tin rằng ông cũng có thể dối lòng ông. Em tưởng khi đặt câu hỏi cho cô Tuyết trong phim khi yêu Mễ Lang: Không hiểu yêu vì nổi gì, yêu vì hay uống rượu, cò bạc hay đánh nhau khoẻ. Sao không lật ngược lại vấn đề mà hỏi ngay ở lòng mình là một người con gái phải làm trong một quán rượu muốn thoát khỏi cái cảnh không ra gì ấy để có một cảnh gia đình êm ấm trong sạch yêu một người “không đánh nhau nữa, chỉ biết lo cho con” thì không xứng đáng hay sao, anh nhỉ. Thông cảm cho nỗi khổ của con người, khó thật.

Chồng: Không nói đến ông Lam bà Xuân vội. Nói ngay đến vợ chồng mình đã...

Vợ: Thì mình cũng phải lên tiếng chứ. Tôi không tán thành ý kiến của các ông, các bà kia mà. Sao lại không đấu tranh.

Chồng: Anh đương đấu tranh đây, đấu tranh bản thân đã em ạ, không phá tung cái lưới đương vây lòng mình lại thì không nói gì được cả. Dù đau xót, dù có phải róm máu cũng phải cố rút cho được những mắt lưới đương dăng ở cuống họng anh, để

anh có thể nói thật được với em là vợ của anh, các đồng chí ở cơ quan, các bạn bè, bà con. Anh phải phá cái hẹp hòi của anh đã. Xưa nay không nói là để khỏi phiền đến mình, để bảo vệ mình, đó cũng là một khía cạnh của bệnh hẹp hòi.

Vợ: Thì em vẫn khuyên anh cứ nói kia mà!

Chồng: Nhưng mà em có dám nói không? Em dám nói sao không dám nói ở cơ quan. Dem chuyện về nhà to nhỏ với nhau là chưa nói được ở cơ quan. Anh chỉ là chỗ trú ẩn của em. Em chẳng thường nói với anh: Thôi mọi chuyện bỏ ngoài tai, nhắm mắt lại, cốt sao có đồng lương nuôi con đã, bao giờ đầy đủ sẽ đấu tranh...

Vợ: Em nghĩ thế là khi còn kháng chiến... phải đuổi địch và đánh đổ địch đã... Bây giờ kiến thiết rồi.

Chồng: Thế à, nếu thế anh sẽ nói, nói hết. Trên sai, anh sẽ nói trên sai, chung quanh sai, sẽ nói chung quanh sai, mà anh sai anh đẩy cao tự phê. Cái gì chưa hay thì nói chưa hay, cái gì của mình kém thì phải học, công trình lao động nào của nhân loại mà tốt đẹp chúng ta phải hoan nghênh. Phải đả phá cái óc “bế quan toả cảng”, phải làm bật gốc nó đi.

Vợ: Anh nói thì nói, nhưng phải xây dựng đấy, đừng có nói cho hả, các đồng chí lại hiểu lầm thì lại khổ vợ khổ con. Em chẳng lạ gì kẻ làm sai họ thường hay bảo thủ, họ bám lấy cái sai của họ. Phải coi chừng họ lại đánh những đòn ngầm, hoặc bôi nhọ mình bằng cách vu khống thì khổ đấy....

Chồng: Nếu quả việc đời còn đến như thế thì cũng chịu em.

Vợ: Chịu à? Thế còn em và các con thì sao?

Chồng: Thì lại quay một cuốn phim...

Vợ: Phim gì kia?

Chồng: Em gắng nuôi con.

Vợ: Em gắng nuôi con à.

Chồng: Ừ.

Vợ: Khiếp! Đâu đến nỗi thế. Có Đảng có nhân dân sao lại có thể như thế được. Với lại anh cũng phải thanh toán sự hoài nghi của anh đi. Máy cái bài báo đó ai tin kia chứ. Người ta đọc người ta còn cười cho là đăng khác. Em có tin đâu nào. Còn anh, anh có tin không?

Chồng: Thì ai lại lạc hậu đến thế mà em hỏi.

Vợ: Thế thì các đồng chí ở cơ quan, bà con đã xem Anh gắng nuôi con. Ai người ta tin chứ.

Chồng: Ừ nhỉ! Suy bụng ta ra bụng người. Cái gì dở mà bảo hay ai mà chịu được, cũng như cái hay mà bảo dở thì dù trời có bảo thì người ta cũng cười vào mũi trời ấy chứ lại. Huống hồ là hai bài báo ấy...

Vợ: Như thế anh phải tin tưởng chứ - Xem thằng con nó ngủ ra sao đây này.

Chồng: Nó ngủ ngoan nhỉ (anh bắt chước giọng Mẹ Lang). Bình ơi! con ngoan nhé, con ngoan nhé!

Vợ: Khỉ, để con nó ngủ (một lát). Chúng ta gắng nuôi con cho khôn lớn, tương lai của chế độ là phần con mình được hưởng đấy.

Chồng: (vẫn tiếp tục) Bình, ngoan nhé, con ngoan nhé... Lớn lên đừng có hẹp hòi con nhé!

(Trích *Giai phẩm mùa Thu* tập III năm 1956)

*

NHƯ MAI

Như Mai là bút hiệu của Hoàng Như Mai sinh năm 1918 ở làng Hoàng Mai gần Hà Nội. Là con một gia đình tiểu công chức, ông học từ nhỏ ở Hà Nội, đỗ tú tài năm 1943, sau đó học trường Đại học Luật khoa ở Hà Nội. Học chưa xong thì cuộc kháng chiến đã xảy ra nên ông phải bỏ dở.

Nhưng ngay từ khi còn là sinh viên ông đã bắt đầu viết sách. Nguyên là một thanh niên ham mê chủ nghĩa cộng sản, ông dịch cuốn *Les Principes du Leninisme* từ tiếng Pháp ra tiếng Việt, và tiếp theo ông viết cuốn *Đời sống Lê nin*.

Cũng trong thời gian đó Như Mai xuất bản một cuốn kịch nhan đề *Tiếng trống Hạ Hồi*, ngày nay vẫn còn giá trị và vẫn thường được nhắc tới.

Năm 1946 Như Mai lấy vợ cùng là văn sĩ, hai vợ chồng cùng gia nhập Việt Minh và cùng công tác về kịch. Năm 1948 cả hai vợ chồng được cử vào Nam, hoạt động trong ban văn công của Đoàn quân Giải Phóng Nam bộ trong ba năm. Đến năm 1951 hai vợ chồng được triệu ra Việt Bắc, hoạt động trong ban văn nghệ trung ương cho đến ngày trở về Hà Nội. Suốt trong thời gian kháng chiến hai vợ chồng chỉ đóng kịch, không sáng tác.

Về Hà Nội từ năm 1954 đến nay hình như ông vẫn sống yên lặng vì báo chí ở Hà Nội không thấy nhắc đến ông. Nhưng thực sự thì ông có tham gia phong trào Nhân văn-Giai phẩm vì tình cờ đọc bản thú tội

của Trần Dân, chúng tôi biết rằng bài “Thi sĩ máy” đăng trong báo Nhân văn số 5 với bút hiệu Châm Văn Biếm chính thực là của Như Mai. Như vậy rất có thể ông có viết nhiều bài khác mà giấu tên, nên chúng tôi không biết.

Bài “Thi sĩ máy” là một bài mà ai cũng công nhận là có giá trị. Tuy là một câu chuyện tưởng tượng, nhưng bài ấy cũng nói lên sự thực chua chát trong lòng người nghệ sĩ sống dưới chế độ cộng sản là một chế độ chủ trương tiêu diệt mọi tình cảm và biến con người thành một thứ máy sản xuất mọi thứ theo mẫu đặt hàng của Đảng.

Chúng tôi trích bài này để giới thiệu tác giả và giới thiệu cả tâm trạng chung của giới văn nghệ sĩ ở Bắc Việt hiện nay.

*

Thi sĩ máy

“... Với một chiếc máy sửa đổi đôi chút để nó có thêm trí nhớ và có cả một chút lý luận, người ta có thể dùng máy để phiên dịch và để viết văn...” (Trích báo Tổ quốc số 41)

I. Thế nào là công bằng mà nói ở cõi đời này?

Đầu năm 2000... Các báo chí xuất bản đều sôi nổi đăng tin tức quan trọng về máy “viết văn” dưới những đầu đề “giật gân” lớn...

Tờ Công thức trong bài xã luận “Nhiệt liệt chào mừng các văn nghệ sĩ máy!” đã giới thiệu như sau:

“Nhờ áp dụng những khả năng mới nhất của

khoa học điện tử, máy ‘viết văn’ đã hoàn thành thỏa mãn được nhu cầu văn nghệ ngày một tăng của loài người. Những sáng tác phẩm của nó, vừa kịp thời vừa minh họa đúng chính sách, sẽ giải quyết được mọi khẩu hiệu phức tạp của cuộc sống.

Mỗi giây đồng hồ máy đó có thể sản xuất được từ 7 đến 8.000 dòng văn thơ. Nếu dùng sức óc và tâm hồn người thì phải hàng ngàn văn nghệ sĩ với một trình độ sách vở rất cao, cặm cụi hàng trăm năm mới làm nổi...

Do tính chất ‘Nhân văn’ của máy nên ta tạo cho nó cái vỏ bọc ngoài, hình dáng một anh chàng: trẻ, khỏe, đẹp, chỉ khác người ‘thật’ là đứng nguyên một chỗ, không nói, cười, chạy nhảy, nhất là không yêu đương lãng mạn lời thề...

Báo *Công thức* kết luận:

“Chúng ta, những con người ‘thật’, cần hợp tác nhất trí với các người ‘máy’, cần triệt để dùng họ và đội quân văn nghệ sĩ có thể chuyển sang các ngành công tác khác, tăng cường thêm lực lượng kiến thiết thời đại điện tử của chúng ta.”

Hơn một năm sau cái ngày tin vui đó truyền đi, thì hàng loạt văn sĩ máy, thi sĩ máy, kịch sĩ máy được tung ra thị trường. Một số cán bộ phụ trách về văn chương sinh máy mọc ở một số ngành, một số cơ quan xí nghiệp nông trường v.v... thì nhau mua về sử dụng. Ở những nơi đó, nền văn nghệ máy được độc quyền tô lục chuốt hồng cuộc sống bình ổn, còn lũ văn nghệ sĩ bằng xương, bằng thịt thì bị gạt ra ngoài.

Nhạc sĩ Áo Huyền được cử đi học lớp “nghiên cứu nghề làm nước mắm”; họa sĩ Lập Thể được điều sang Mậu dịch; nữ sĩ Trong Trắng ném bút làm nghề đồ đồ. Thi sĩ Mây Nước ra Bờ Hồ làm nghề bói Kiều tán róc về thành phần giai cấp cho những người còn đầu óc mê tín dị đoan.

Văn sĩ Đăng Văn Cay phải ra chợ giời làm nghề bán văn kiêm bán sấm. Sấm lớp vì cần khuyến khích nên được miễn thuế, còn văn của Đăng Văn Cay thì bị liệt vào hàng “vô dụng” và phải chịu thuế 4 phần trăm. Rất ít người chịu quẳng tiền ra mua. Đồi ba vị khó tính lại còn rĩa rói: “Văn chương anh thì ra cái đích gì! Không ích lợi bằng chiếc đế dép cao su của tôi nữa kia!”. Nhà đạo diễn Kinh Kha được chuyển sang ngành nuôi cá vàng, mỗi khi luyện tiệc sân khấu thường ngắm cá bơi lội rồi tưởng tượng con cá vẩy bạc óng ả này là Điều Thuyền, con cá đen mặt sắt nọ là Bao Công, cặp cá đuôi cò lỏi mắt kia là đôi nhân vật tiểu tư sản...

Tóm lại có một bộ phận văn nghệ sĩ bị rơi rớt loạn. Ai cũng thù ghét lũ người máy mới ra đời kia, nhưng ai cũng chịu thua. Vì cứ công bằng mà nói thì “máy móc” quả là kịp thời sự, thông kinh sử, lại đúng khuôn phép, “tốt ăn tốt ở” hơn người thực ở cõi đời này.

II. sao mà “Lãng Quãng” nổi ghen?

Ở nông trường tập thể Con Ến có nhà thơ trẻ tuổi Linh Quang. Suốt mấy năm liền kể từ ngày

nông trường bắt đầu xây dựng, Quang đã làm thơ ca hò vè đủ kiểu, khi duyên dáng, khi nghịch ngợm, khi thiết tha yêu đời để phục vụ nông trường. Một vài bài thơ của anh đã được bà con học thuộc lòng. Nói chung anh làm việc tốt và được cảm tình của nhiều người.

Nhưng có ưu thì cũng phải có khuyết. Cái khuyết của anh ta là hay vi phạm luật lệ. Giữa giờ chính quyền nhiều lần anh bỏ đi chơi. Khi thì đi câu với cụ Hay Rượu để tán ma tán mãnh về nhiều cái sự đời. Khi thì lê la tâm sự với vài gã thanh niên, bàn về những chuyện tương lai trên gò dưới đất. Khi thì trò chuyện với một số phụ nữ ở nhóm giữ trẻ, điều tra cái việc sao đàn bà và con nít lại hay khóc như nhau. Đôi khi còn làm thư ký riêng cho vài lão bà muốn viết thư gửi con cháu công tác ở tỉnh xa. Ngoài ra anh còn bừa bãi như giấy tờ sách vở không sắp xếp ngăn nắp, tóc không có đường ngôi, áo mặc chuyên môn không cài khuy cổ, sáng tác thì không có chương trình kế hoạch. Nghiêm trọng nhất là khi yêu cô Duyên, cán bộ cơ xưởng của nông trường, anh không hề có báo cáo trước. Tất cả những điều trên đây là làm cho trường ban nội quy Nghiêm Văn Túc, con người rất mực khuôn vàng thước ngọc, phải lấy làm bực mình và chướng tai gai mắt. Túc thường bắt bẻ anh và gọi riều anh là Lãng Quảng. Cả nông trường về sau cũng quen gọi anh bằng cái tên bị Túc xuyên tạc ấy.

Ông chủ tịch nông trường vốn người từng trải,

hiểu rõ câu “nhân vô thập toàn”, lại biết mánh tài nên đối xử với Lăng Quảng rộng lượng. Cũng vì vậy mà trong khi có một số nơi đã mua sắm văn nghệ sĩ “máy”, ông vẫn viện hết lý do này lý do khác để không chịu dùng cái thứ “máy móc” đó. Ông nói: “Còn khối nơi người ta không có người máy mà phong trào văn nghệ của người ta vẫn lên rầm rầm”. Có lúc ông lại phát biểu: “Đồng chí Lăng Quảng vẫn đủ khả năng phục vụ nông trường” hoặc “Văn thơ máy thì hay làm sao bằng văn thơ người được”. Nghiêm văn Túc luôn luôn đối lập với những ý kiến đó, luôn luôn đòi nông trường Con Én phải có một thi sĩ máy. Túc thì chẳng hiểu văn nghệ, văn nghệ là cái quái gì, nhưng chỉ nghĩ một cách sơ lược là: được cái gã “tốt ăn tốt ở” ấy về thì đỡ phải lao tâm tổn trí đối phó như đối với Lăng Quảng. Phần nội quy ở nông trường tất nhiên sẽ được bảo đảm.

Túc đòi hỏi nhiều lần mà cứ bị gạt đi, bèn mưu mô vận động một số anh em cùng cánh làm kiến nghị phê bình ông chủ tịch là cảm tình cá nhân, có tư tưởng bao che hữu khuynh với Lăng Quảng, không có tinh thần cải tiến nông trường, thiếu tin tưởng ở kỹ thuật hiện đại. Bản kiến nghị yêu cầu ông chủ tịch phải cho nông trường sắm ngay một người máy về thay thế Lăng Quảng, nếu không sẽ kiện lên trên. Ông chủ tịch bị dồn vào cái nước không đồng ý không được nên đã quyết định tán thành, nhưng đồng thời ra chỉ thị vẫn để Lăng Quảng làm thơ như trước, chiếu cố đến thành tích của anh ta.

Thế là chỉ mười ngày sau, Nghiêm Văn Túc lên bách hoá tinh chọn lọc, đã mua về được một thi sĩ máy, cổ đeo biển đăng ký số 111.

Đêm ra mắt của thi sĩ 111 được tổ chức trọng thể. Câu lạc bộ treo đèn kết hoa rực rỡ như những ngày hội mùa. Nam nữ đều ăn mặc đẹp. Trước khi vào bàn tiệc, người ta thì thảo bàn tán rất nhiều về “anh ta”, nhất là trong đám đàn bà con gái. Một nữ công nhân lái máy cày khoe khoang: “Các bà chị ạ! Em được xem mặt anh ta hôm mới khiêng về rồi. Sao người giả mà đẹp thế, đẹp hơn người thật chúng mình nhiều. Đôi mắt anh ta lại cứ nhìn em chăm chăm làm em ngượng đỏ cả mặt”. Cô Duyên (người yêu của Lăng Quảng) cũng ở trong đám ấy. Muốn tỏ cho mọi người biết trình độ học rộng của mình, cô bèn vanh vách thuật lại những điều đọc được về người máy đăng trong tờ Công thức.

Không mộ ai thềm đề ý đến Lăng Quảng nữa, Anh thất thểu đi giữa đám đông, chẳng bắt chuyện với ai mà cũng chẳng ai buồn bắt chuyện với. Càng nghe những lời tán tụng thi sĩ máy, lòng anh càng nặng trĩu buồn phiền.

Bước vào tiệc rượu. Nghiêm Văn Túc đạo mạo đọc diễn văn khai mạc với những câu văn vẻ hùng hồn như sau: “Chúng ta hoan nghênh người bạn mới của nông trường và tin tưởng tâm hồn điện tử của anh sẽ truyền hơi sống vào thi ca, ngổ hầu thúc đẩy chúng ta tiến mau trên đường sự nghiệp...” Tán đến con số đăng ký 111, Túc nói: “Nếu đem chiết tự

con số đó, chúng ta sẽ được ba con mắt ‘nhất’, nó biểu hiện anh bạn chúng ta có ba điều trội nhất, ấy là: nhanh nhất, đúng nhất và kỷ luật nhất. Tôi trân trọng đề nghị từ này sẽ gọi tên anh là Ba Con Nhất cho nó... mỹ thuật”. Quay sang phía Lăng Quảng, Túc cười đắc chí, kêu gọi Lăng Quảng nên cố gắng noi gương thi sĩ Ba Con Nhất về mọi mặt, nhất là về mặt tôn trọng nội quy. Đọc xong diễn văn, Túc chấp hai tay lên ngực, nghiêm chỉnh ngồi xuống, đảo mắt liếc trộm đám phụ nữ, y thầm nghĩ: mấy cũng có vài cô ả cảm phục cái oai phong lẫm liệt của mình.

Tiếp đó, theo đúng nghi lễ, người ta mở tấm vải choàng phủ mặt để Ba Con Nhất xuất đầu lộ diện. Toàn phòng đứng dậy vỗ tay, nâng cốc, chạm cốc, hoan hô ầm ầm và xuýt xoa khen bộ mặt phổng của Ba Con Nhất quá là trẻ đẹp. Người ta vịn những nút chữ sau lưng hần, máy chạy sè sè trong bụng hần. Đồi mắt hần lúc sáng lúc tắt, trông tưởng như nhấp nháy, chỉ độ phân mười một giây hần đã nhả ra ở khe hở con sau gáy một tờ giấy in bài thơ dài đáp từ. Lăng Quảng được chỉ định lên ngâm bài thơ đó. Tiếng ngâm vừa dứt thì tiếng hoan hô lại ran như sấm, nhiều cô gái nhảy cẫng lên. Một bà mẹ quá xúc động chạy đến chỗ Ba Con Nhất đứng dịu dàng hôn trán hần. Một thanh niên giãi tai Lăng Quảng van vì mượn bài thơ đáp từ đó để về chép và học.

Trong một tiệc rượu, người ta vừa ăn vừa nắc nỏm khen từng chữ từng câu của bài thơ. Mấy cụ ông râu dài trầm giọng lấy đi láy lại những câu mà các cụ cho là lý thú nhất như:

*... Thời đại tươi vui đẹp nắng vàng
Rập rờn cờ đỏ trống khua vang
Bao tay lao động xây tươi đẹp
Phấn khởi nông trường, tiến tiến hằng...*

Rồi các cụ ho sù sụ làm cho các cụ bà mồm mím cười nửa tỉnh nửa thương hại. Trong khi ấy Nghiêm Văn Túc thỉnh thoảng lại trang trọng gật gật cái đầu, tỏ vẻ hài lòng và hả hê đảo mắt liếc phụ nữ...

Lăng Quảng thì im như cá chép, đau khổ ngồi thu nhỏ mình lại trong bàn tiệc, cảm thấy mình bé bỏng quá, tồi tàn quá. Mọi khi trong các buổi hiếu hỉ, anh là cái “đỉnh”. Mọi người tha thiết nài ép anh ngâm thơ. Mọi vỗ tay đều dành tặng cho những vần điệu du dương hay bốc lửa của anh. Mọi con mắt đều đắm đắm rót nhìn vào anh. Mọi đôi môi đều kín đáo trao cười. Than ôi! Thời oanh liệt đó từ nay còn đâu nữa!!! Nhưng ai oán nhất cho Lăng Quảng là cô Duyên xem chừng khác ý, suốt tiệc rượu cứ nhìn dán vào mặt Ba Con Nhất, dáng điệu mê mết, nhiều lần đánh rơi đĩa, thìa, cốc hoặc gấp nhâm thức ăn ở đĩa người ngồi cạnh. Lăng Quảng nổi ghen một cách thực thà và choáng váng.

III. Tâm hồn điện tử của Ba Con Nhất

Hàng ngày... hàng ngày vào hai buổi sáng chiều, những bài thơ rút từ sau gáy Ba Con Nhất đều được Nghiêm Văn Túc cho ngâm trước máy phóng thanh. Hết ca tụng “Máy gặt về”, “Điện về”, “Nước về” lại tả cảnh “Chuông thờ mùa xuân”, “Cánh đồng mùa hạ”,

“Hợp tác xã mùa thu”. Bài nào cũng mở đầu bằng “Thời đại tươi vui...” Đoạn giữa thế nào cũng có “Cờ đỏ trống khua tay lao động...” Đoạn kết bao giờ cũng có mấy lời kêu gọi “Phấn khởi... tiến hàng...”

Nói đến nhiệm vụ thì sao cũng nhắc nhở “Bỏ ăn bỏ uống một ngày, nhưng không bỏ được máy cày vinh quang”. Yêu nhau thì phát triển mãi cái tứ duy nhất là “Yêu nhau dù trọn một đời... Xin đừng đắm đuối mà rơi lập trường”.

Tâm hồn điện tử của Ba Con Nhất cứ một điệu như vậy, nhạt nhẽo truyền hơi sống vào thi ca, bao trùm mọi câu chuyện, mọi tâm tình, mọi cảm nghĩ của cả nông trường... Mọi em bé chăn bò học đòi Ba Con Nhất cũng ông ổng ngậm nga: “Bỏ ăn bỏ uống một ngày...” Một chiều chủ nhật, Lăng Quảng đi chơi rừng với Duyên.

Có bàn chuyện cưới xin thì bị Duyên chinh luôn: “Xem ra đắm đuối là loi... Coi chừng kéo lại đánh rơi lập trường!...” làm cho Lăng Quảng thở dài sườn sượt.

Thấm thoát tới hội mùa. Nông trường CON ỚN thu hoạch tốt có tổ chức mít tinh ăn mừng thắng lợi. Chỉ trong nháy mắt Ba Con Nhất đã sản xuất được “Bài ca vụ mùa thắng lợi” ngàn rươi câu. Nội dung vẫn giống các bài cùng loại này do Ba Con Nhất sản xuất như “Ca làm cỏ thắng lợi”, “Ca đi săn thắng lợi”, “Ca phát huy sáng kiến thắng lợi”, nghĩa là lại vẫn: “Tươi vui... lúa vàng... cờ đỏ hát ca vang... tay lao động... bỏ ăn bỏ ngủ quên sao vụ mùa... phấn khởi tiến hàng... công nông trí kết đoàn v.v...”

Nghe xong mọi người lại vỗ tay một cách hợp thời trang. Máy cụ râu dài quen lệ lại lấy vài câu để các cụ bà mỉm cười.

Lăng Quảng lại thấy bức bối trong người, bật dậy như chiếc lò xo, đầu ngẩng rất cao, phát biểu: “Sáo đến thế! Nhặt như nước ốc đến thế mà bà con cũng thích được à!...”

Nghiêm Văn Túc bèn nổi giận như Chúa thấy quỷ Sa Tăng đã kích vào con chiến của mình, hội ý cấp tốc với một số cán bộ trung kiên để phê phán Lăng Quảng. Một người nói: “Đồng chí Lăng Quảng nặng đầu óc địa vị... thấy thơ của thi sĩ Ba Con Nhất được mọi người yêu thích thì sinh ra ghen tuông bất mãn...” Một người phân tích: “Đồng chí Lăng Quảng nói xấu bạn... phê bình thiếu xây dựng, kiêu căng không chịu học hỏi... như thế là tư tưởng phá hoại”. Nghiêm Văn Túc quên cả chấp tay lên ngực trân trọng như mọi lần, vội vã lên diễn đàn vận động lý luận kết tội Lăng Quảng coi thường sự thưởng thức văn nghệ của quần chúng và phạm vào chính sách đoàn kết giữa người “máy” và người “thật”. Túc đề ra ý kiến tổ chức một cuộc đọ tài văn thơ giữa Lăng Quảng và Ba Con Nhất. Nhiều người giơ tay ủng hộ Túc. Túc nắm chắc phần thắng bại nhục nhã của Lăng Quảng và như thế là có cơ để dập vùi anh. Cô Duyên lên diễn đàn xin có ý kiến.

Lăng Quảng hỏi hợp đội, tin tưởng ít nhất người yêu của mình cũng sẽ bênh mình. Nhưng không! Bằng giọng cả quyết, cô nói: “Nếu đồng chí Lăng

Quảng thua, tôi kiên quyết sẽ cắt đường luyện ái... vì tôi không muốn lấy chồng tôi, không tiến bộ...”

Lăng Quảng mỉm cười chua chát Anh ngẩng cao đầu nhận độ tài với tên người “giả” đang được mù quáng tôn sùng kia.

Ngay sáng hôm sau, toàn thể nông trường nghỉ buổi làm, tới câu lạc bộ chứng kiến một cuộc thi tài văn nghệ “không tiền khoáng hậu”.

Nghiêm Văn Túc được chỉ định làm trưởng ban giám khảo, ngồi giữa phòng, hai bàn tay chấp lại đặt giữa ngực, rõ ra dáng nhân vật quan trọng. Bên tả là Ba Con Nhất đứng, ngó bộ kèn kịu.

Bên hữu là Lăng Quảng ngồi thiếu não. Đầu bài thi như sau: “Tả cảnh trời xuân...” Túc đánh kèn báo hiệu bắt đầu. Phòng họp trở nên im lặng. Chỉ còn nghe thấy tiếng ruồi bay vo vo, tiếng máy chạy sè sè và tiếng ngòi bút kêu soàn soạt.

Khốn nạn Lăng Quảng cầm bút mãi mới được chưa đầy dăm câu thơ mà Ba Con Nhất đã tuôn ngay một bài thơ 3000 câu. Thế là cuộc thi chấm dứt. Lăng Quảng thua hẳn hoi. Mồ hôi anh vã ra, nét mặt rần rúm lại. Anh được chỉ định ngâm hộ Ba Con Nhất. Giọng anh đau đớn xót xa (giọng của người thất bại chua cay) khiến bà con lâm tưởng anh muốn làm nổi bật lên tâm hồn điện tử thiết tha của Ba Con Nhất và người ta càng vỗ tay ầm ĩ.

Bài thơ cũng vẫn quanh đi quẩn lại những câu như:

... Rực rỡ vườn xuân, cúc nở vàng

Hoa đào tươi nở báo Xuân sang

*Dụng xây nhân loại, tay lao động
No ấm từ đây mãi vẻ vang
Nhà máy khói vờn, đầ thắng lợi
Công nông trí thức thấy vinh quang
Xuân sang phần khởi ta đều hứa
Kiến thiết nông trường, tiến tiến hăng!...
hay*

*Quên ăn, quên ngủ, chớ quên đời
Chớ quên đất nước, mây trời mùa xuân...*

Vài cụ râu dài lại làm cái việc thường lệ là nhại lại vài câu lý thú, không quên ho sù sụ để các cụ bà thương hại. Nghiêm Văn Túc dùng đình đứng dậy, ra lệnh bế mạc, rồi rời phòng thi, mắt không quên liếc ngược đảo xuôi, chắc hẳn thế nào cái dáng điệu quan trọng của mình cũng lọt vào đôi mắt xanh nào đấy...

IV. Ba điều đáng chết và ba điều hèn

Từ sau cái bữa hồng thi, Lăng Quảng đã không được Duyên đỏi hoài đến nữa.

Càng ngày cái vị trí của anh càng bị xuống. Nghiêm Văn Túc lại quất những làn roi phê bình tàn bạo vào những sáng tác phẩm của anh, gây thành dư luận rộng rãi khiến cho cả nông trường thành kiến với thơ anh đến độ thơ anh làm ra ngấm lên chỉ độ vài khúc là người ta đã nhao nhao kêu tội, kêu đòi bại, kêu lãng mạn. Có người lại chụp lên dăm cái mũ phong kiến tư sản, tiểu tư sản, v.v.

Một bữa, muốn đo lòng người, anh đã là một việc

gian dối là ký lảo tên Ba Con Nhất xuống một bài thơ mới của anh rồi đem ngâm. Nghe xong, lập tức Túc đứng ra làm nhảm phân tích làm cho cả nông trường nắc nỏm khen hay. Anh liền nói rõ sự thật là bài ấy chính anh làm thì một số không tin, cho là anh khuếch khoáng, một số khác (trong đó có cả Duyên) thì lại nói: “Thảo nào, bọn mình nghe xong cũng ngỡ ngợ, cảm thấy bài thơ tồi quá...” Riêng Nghiêm Văn Túc thì đao to búa lớn phê phán anh về cái tội lợi dụng tên tuổi của Ba Con Nhất để được tiếng khen, xúc phạm đến uy tín của lớp người “máy”.

Lăng Quảng bị chửi chối giữa cuộc sống đầy rẫy thành kiến, bị chung quanh không hiểu mình, bỏ rơi và lạnh nhạt Mà tất cả chỉ tại cái “máy người”. Nghiêm Văn Túc và cái người “máy” Ba Con Nhất vô tư vô giác kia, sùng sùng yêu quái ở giữa cái nông trường tươi đẹp này. Anh cảm phần cao độ.

Một buổi chiều thoáng thấy bóng Duyên tiến về phía Cầu lạc bộ, anh liền theo sau. Duyên vào buồng đặt Ba Con Nhất, bàn tay còn đầy dầu máy chúng tỏ cô ả vừa ở cơ xưởng về là vào thẳng đây. Anh đứng nấp sau rèm cửa nhìn vào, bỗng thấy Duyên ngoan ngoan quỳ xuống trước Ba Con Nhất thắm thì xin một bản tình ca. Duyên vận nút chữ. Tiếng máy sẽ sẽ chùng một tích tắc. Ba Con Nhất nhả ra sau gáy một cuộn giấy. Duyên gỡ ra ngâm nga khe khẽ:

... Nghe em! Đừng quên nhiệm vụ

Chớ mất lập trường

Trọn đời anh sẽ yêu em, v.v.

Ngâm xong, Duyên áp bài thơ tình đó vào ngực và ngược mắt đắm đuối nhìn vào đôi mắt nẩy lửa của Ba Con Nhất.

Lăng Quảng thấy sôi sục trong tim. Ý nghĩ rừng rợn nẩy ra. Nhất định phải cho vài nhát dao. Anh thò tay vào túi lấy ra con dao nhíp, mở cả hai lưỡi loang loáng sáng... và anh tiến vào. Duyên giật mình quay lại, hơi mỉm cười làm anh bối rối. Để lấy can đảm, anh bèn đồng dặc tuyên án: “Cô có 3 điều đáng tội chết. Điều thứ nhất là cô cảm dỗ máy làm tổn thương đến đạo đức của máy. Điều thứ hai là cô ăn ở bạc tình vô chung vô thủy, ấy là tội phản bội. Điều thứ ba là cô giết chết một thiên tài là tôi, phương hại đến cái vốn quý nhất của xã hội là con người.”

Duyên bình tĩnh đáp lại: “Tôi chết không đáng tiếc, chỉ tiếc là chết bởi tay người hèn. Anh có 3 điều hèn không đáng sống. Điều hèn thứ nhất là anh mang tiếng làm người mà thi văn thơ phải chịu thua máy, điều hèn thứ hai là anh đã ăn cắp cái tên của máy để được tiếng khen, còn điều hèn thứ ba là anh định dùng dao hại người tay không, mà người đó lại là người đàn bà con gái...”

Lăng Quảng ôm mặt khóc rưng rức và bỏ ra về. Án mạng không xảy ra, chỉ có lòng anh rớm máu đau thương. (Thực sự Duyên vẫn yêu anh nhưng vẫn phải làm thế nào để giáo dục người yêu.)

Mấy hôm sau Lăng Quảng gặp ông chủ tịch, xin rút lui nghề làm thơ, xin được chuyển công tác khác. Nông trường đang thiếu chân quét chuồng

ngựa. Ông chủ tịch đã sắp xếp anh vào chân đỏ, đồng thời cố an ủi khuyến khích anh. Anh làm việc càn cù nhưng đêm đêm vẫn thức khuya tiếp tục làm thơ, những vần thơ ngậm ngùi nói lên:

*... Những xót xa, những nước mắt khôn nguôi
 Những tiếng hát muôn chim,
 Những phút trái tim cười
 Tôi chấp nỗi buồn vui mãi mãi
 (Dù em chẳng nghe tôi)
 Tôi vẫn ca
 Lạnh lạnh chuyện đời
 Lòng hằng tin: Người sẽ hiểu lòng tôi.*

V. Đoạn kết rất công thức nhưng cần thiết

Số là... dù sao đi nữa thì máy vẫn chỉ là máy. Khả năng của máy chỉ có hạn. Tâm hồn điện tử của Ba Con Nhất dù được Nghiêm Văn Túc nâng niu đến mấy đi nữa cũng trở nên tâm thương khô cạn và nhạt nhẽo. Nông trường CON EN đã bắt đầu ngấy những vần điệu nhai đi nhai lại mãi.

Những bài về thời sự chính sách của thi sĩ máy từ bài thứ vài nghìn trở đi được phóng thanh sáng sáng chiều chiều đã làm các bà già buồn ngủ, các ông già bực dọc bút tóc vạt râu, các con trai bịt lỗ tai, các cô gái thanh xuân thì nguyên rủa: “Khổ lắm biết rồi, cũ lắm rồi”. Còn cụ Hay Rượu thì chếch choáng vài ba tợp rượu xông lại trước mặt Ba Con Nhất mà cà khịa. Nghiêm Văn Túc thì giở một quyển luật về “chống đánh nhau” ra can.

Cuối cùng cả nông trường kiến nghị lên ông chủ tịch đòi quảng Ba Con Nhất vào kho chứa đồ đồng nát. Túc cố kể thành tích của Ba Con Nhất hùng cứu vãn quyền uy của máy. Cả nông trường phản đối Túc quyết liệt, lại còn đòi quảng cả cái tủ sách vở chứa trong bụng Túc đi nhân thể. Túc lấy làm sợ hãi, vội vàng chấp hai tay lên ngực, rồi khóc, trang trọng y hệt bậc chân tu thấy mọi người không hiểu nổi chánh đạo của mình.

Sau đó Nguyễn Linh Quang được trả về chức vụ thi sĩ của mình. Nông trường giao cho cô Duyên xuống chuồng ngựa đón. Cuộc tái hợp diễn ra bao nhiêu mừng mừng tủi tủi.

Nông trường trở lại đời sống thực của con người. Bà con lại học thuộc thơ Lăng Quảng, những bài thơ hiện thực xã hội chủ nghĩa, rất “người”, ca tụng tình yêu lao động, sáng tạo yêu đất nước và yêu cuộc sống vĩ đại muôn màu muôn vẻ

Tin sau cùng: Những sự việc xảy ra ở nông trường CON ÉN đã tương tự xảy ra ở một số nơi khác (tùng sử dụng sai lầm người “máy”) và cùng đi đến một kết luận công thức nhưng rất cần thiết như đã kể lại ở trên đây.

1956

(Trích báo *Nhân văn* số 5 xuất bản ngày 20-11-1956)

CHƯƠNG IV: CÁC NHÀ HỌC GIẢ

Hiện nay ở Bắc Việt có ba nhà học giả, có uy tín trong nước và ngoài nước. Cả ba đều là giáo sư đại học. Đây là các ông: Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo và Nguyễn Mạnh Tường.

Cả ba ông đều tích cực tham gia kháng chiến và hoạt động trong phong trào *Nhân văn-Giai phẩm* và đều đã bị đuổi khỏi trường đại học.

Chúng tôi xin giới thiệu cả ba nhà học giả cùng với những bài văn họ viết để đấu tranh đòi chế độ miền Bắc phải thực hiện tự do dân chủ.

ĐÀO DUY ANH

Ông Đào Duy Anh là một nhà học giả toàn quốc đều biết vì ông đã có công soạn nhiều bộ từ điển và nhiều bộ sử có giá trị.

Thuở nhỏ ông ở Thanh Hoá, lớn lên ông theo gia đình vào Huế học. Xuất thân làm thầy giáo và tham

gia cách mạng trong phong trào Tàn Việt, hồi 1930, sau đó ông quay ra viết sách và xuất bản sách.

Trong kháng chiến, ông lui về Thanh Hoá, sống giữa một ngọn đồi hẻo lánh ở gần Sim, và tiếp tục viết sách. Năm 1952 ông bị triệu đi Việt Bắc, nhưng lên tới nơi, ông không chịu nổi khí hậu, bị kiệt sức khoẻ, nên đến cuối năm 1953 phải thuê người thô bằng xe đạp đưa ông về Thanh Hoá. Ít lâu sau ông dạy sử ở trường Dự bị Đại học. Về Hà Nội ông được bổ dạy ở Đại học Văn khoa.

Ông là người điềm đạm, trong các buổi họp ông ít phát biểu ý kiến và mỗi khi cuộc thảo luận trở nên gay gắt thì ông hay lẩn tránh. Tuy vậy gần đây ông cũng đứng hẳn về phe đối lập, viết nhiều bài trong *Nhân văn* và *Giai phẩm* lên án chính sách của Đảng. Dù sao ông vẫn là nhà viết sách khảo cứu hơn là nhà viết báo, nên ông vẫn ưa phân tách tỉ mỉ những sai lầm, hơn là công kích để đả phá.

Chúng tôi trích mấy đoạn văn sau đây của ông để giới thiệu lối tranh luận khách quan và từ tốn của một nhà sử học, thật là khác hẳn với lối văn bút chiến của cụ Phan Khôi hay là của ông Sĩ Ngọc.

*

Muốn phát triển học thuật

Tôi muốn góp một số ý kiến vào vấn đề xây dựng nền học thuật của nước nhà. Chẳng cần phải thảo luận, ai ai cũng phải thừa nhận rằng nền học thuật của ta hiện nay thấp kém, lạc hậu. Trong sự nghiệp kiến thiết kinh tế và văn hoá để xây dựng một nước

Việt Nam dân chủ theo hướng xã hội chủ nghĩa, công tác học thuật, công tác nghiên cứu khoa học, có một vai trò trọng đại, vì công tác này mà không phát triển thì không những kiến thiết văn hoá mà cả kiến thiết kinh tế cũng không thể đi xa. Nhiệm vụ của chúng ta là phải làm thế nào cho công tác ấy đáp ứng xứng đáng được nhu cầu kiến thiết. Nhưng muốn nhận định nhiệm vụ ấy cho đúng đắn, cần phải đánh giá đúng mức tình hình hiện tại của công tác học thuật.

Trong thời kháng chiến, tinh thần mọi người đều căng thẳng hướng về yêu cầu “tất cả cho tiền tuyến”, cho nên cái tình trạng công tác nghiên cứu khoa học không được săn sóc và người trí thức không được xem trọng, tưởng như chẳng đặt ra vấn đề gì. Nhưng từ ngày hoà bình trở lại thì tình hình khác hẳn. Mọi người, Chính phủ cũng như nhân dân, đều nhận thấy rằng trong sự nghiệp kiến thiết kinh tế và văn hoá, nghiên cứu khoa học là vô cùng cần thiết. Giới trí thức cảm thấy sâu sắc rằng đây là cơ hội để họ có thể đem khả năng chuyên môn ra phục vụ và mọi người đều hi vọng rằng, với sự săn sóc của Chính phủ đối với công tác nghiên cứu khoa học và sự giúp đỡ của các nước bạn, họ sẽ có điều kiện hoạt động dễ dàng, khác với cảnh chật vật gay go của thời kháng chiến. Thế mà quang cảnh nghiên cứu khoa học chưa thấy khởi sắc, công tác học thuật vẫn cứ tiêu điều, giới trí thức lại dần dần mất đà phấn khởi. Chúng ta phải có can đảm nhìn

nhận thực tế ấy, thành khẩn nhận ra nguyên nhân thì mới có thể tìm phương cải thiện tình hình được.

Vì chưa có chính sách cụ thể về vấn đề trí thức cho nên trong quan niệm của người cán bộ chính trị, có khi là người giữ trách nhiệm điều khiển và lãnh đạo ở bậc cao, vẫn tồn tại cái thành kiến không tin khả năng của người trí thức. Do đó, trong thực tế, người trí thức không được cảm thông nâng đỡ trong yêu cầu chuyên môn của họ, mà trái lại, họ cảm thấy luôn luôn bị người cán bộ chính trị chèn ép.

Theo tôi nghĩ thì công tác chuyên môn căn bản phải do những nhà chuyên môn phụ trách - nếu không có đủ thì phải đào tạo mà điều ấy không phương hại gì cho nguyên tắc chính trị lãnh đạo.

Trong địa hạt khoa học tự nhiên, sự xâm phạm của những cán bộ chính trị vào địa hạt chuyên môn như thế cố nhiên là rất trở ngại cho công tác chuyên môn, nhất là công tác nghiên cứu khoa học. Trong địa hạt khoa học xã hội thì mối tệ cũng không kém. Vì khoa học xã hội chịu sự lãnh đạo của chính trị trực tiếp hơn cho nên người ta rất dễ nghĩ lầm rằng hễ người có lập trường và năng lực chính trị vững vàng thì tất có điều kiện căn bản cần thiết để làm công tác về khoa học xã hội. Bởi thế chúng ta thấy không ít trường hợp, hoặc những cán bộ thuần túy chính trị hoặc những cán bộ chính trị mượn danh hiệu chuyên môn, được cử ra lãnh đạo một tổ chức văn hoá hay học thuật. Như thế thì công tác nghiên cứu khoa học khó lòng được quan niệm và hướng

dẫn đúng đắn. Thái độ quá dễ dãi của người lãnh đạo đối với sự nghiên cứu, do trình độ chuyên môn còn non yếu, và thái độ lũng đoạn học thuật do quan niệm hẹp hòi về lập trường gây nên, có thể tạo thành cái tác phong nghiên cứu hời hợt, thiếu nghiêm túc và chính xác, rất có hại cho công cuộc nghiên cứu chân chính.

Tóm lại, chính cái tư tưởng không tin và coi rẻ trí thức đã dẫn đến sự ứng dụng lệch lạc cái nguyên tắc rất đúng đắn về quyền lãnh đạo của chính trị, do đó công tác học thuật của chúng ta, về khoa học tự nhiên cũng như về khoa học xã hội, gặp nhiều cản trở mà vẫn bị hãm vào tình trạng lạc hậu.

Nhưng muốn chấm dứt tình trạng ấy, muốn cho học thuật phát triển được thì không thể làm thế nào khác được là dựa vào cái cơ sở sẵn có, các nhà trí thức chuyên môn Việt Nam, tức là đạo quân chủ lực của công tác học thuật.

Do đó vấn đề mấu chốt cần phải giải quyết trước hết để thúc đẩy công tác học thuật tiến lên là vấn đề trí thức.

Cái điều kiện cuối cùng, mà không thể thiếu được, để cho học thuật phát triển là tự do tư tưởng, tự do thảo luận. Ở đây tôi không vạch ra hạn chế tự do tư tưởng nói chung vì những tác phong quan liêu bè phái, độc đoán là những cái đã tác hại nghiêm trọng trong mọi ngành công tác. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh hai hình thức hạn chế tự do tư tưởng tác hại nặng nhất đối với học thuật là bệnh

giáo điều và biến chứng của nó là bệnh sùng bái cá nhân. Đại hội thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô đã tố cáo những tác hại của hai bệnh ấy trong công tác tư tưởng và học thuật, nhất là về khoa học xã hội. Phần lớn các nhà công tác lý luận cũng như các nhà triết học, sử học chỉ là “nhắc lại những khuyến cáo, công thức và đề án cũ mà họ đã lật đi lật lại đủ chiều” (Mi-cai-an). Thậm chí người ta còn cho rằng “khoa học xã hội chỉ có thể phát triển nhờ những nhân vật phi phạm, các nhà học giả khác chỉ có việc là chú giải và phổ biến những tác phẩm của các lãnh tụ” (Kommounist). Ở nước ta thì bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân lại còn trầm trọng hơn, khiến người ta, vô luận bàn về vấn đề gì, cũng đều phải bắt đầu dẫn những đề án của Mác-Ăng-ghe-nơ và Lê-nin, hoặc những ý kiến của Sta-lin hay các lãnh tụ khác, để, hoặc phát triển thêm những ý kiến ấy, hoặc gò bó tài liệu, xoay sở thế nào để gán vào khuôn khổ của những công thức rút ra từ những ý kiến ấy. Xin chỉ một cái tỷ dụ gần đây. Như vấn đề phân kỳ của lịch sử Việt Nam và vấn đề hình thành dân tộc, chúng tôi nhận thấy rằng nhiều người nghiên cứu không dám có ý kiến gì mới ngoài những điều các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác hay các vị lãnh tụ đã nói về các vấn đề ấy. Bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân lại dẫn thẳng đến cái tệ tư tưởng độc tôn: hễ thấy ai có ý kiến gì vượt ra ngoài những công thức cũ, những khuôn khổ sẵn có thì người ta chụp ngay cho những cái mũ dễ sợ, như cái danh hiệu cải biến

chủ nghĩa chẳng hạn, những mũ như thế rất dễ bị mồm bịt miệng người ta.

Tư tưởng không tự do thì không thể tự do thảo luận được. Mặc dầu không ai cấm tranh luận - các nhà lãnh đạo vẫn thường nói nên mở rộng tranh luận nhưng trong thực tế thì sự thảo luận đã bị thủ tiêu từ gốc rễ. Nghiên cứu hay nghị luận một vấn đề gì, nhiều người chỉ nơm nớp sợ không khéo thì chệch ra ngoài đường lối tư tưởng chính thống độc tôn. Đối với những người ấy, công tác học thuật trở thành trò xiếc leo dây. Con đường học thuật phải là con đường cái thênh thang mọi người tự do đi lại, chứ không phải sợi dây căng của người làm xiếc. Phải trừ bỏ những bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân để trả lại tự do cho học thuật. Phải áp dụng chính sách “bách gia tranh minh” mà Đảng Cộng sản Trung Quốc thi hành đối với công tác nghiên cứu khoa học, cái chủ trương mà ông Lục Định Nhất đã giải thích rằng: “Tự do suy nghĩ độc lập, tự do tranh luận, tự do sáng tác và tự do phê bình, tự do phát biểu ý kiến của mình”. Về điểm này tôi không thể nói gì hơn. Tôi chỉ xin nhấn mạnh rằng cái tự do chúng ta chủ trương đây, cũng như ý kiến của ông Lục Định Nhất, không phải là tự do theo lối tư sản, mà là tự do dân chủ trong nội bộ nhân dân.

Giới trí thức Việt Nam đương chờ đợi một sự giải quyết mạnh bạo và căn bản.

(Trích *Giai phẩm mùa Thu* tập III năm 1956)

*

TRẦN ĐỨC THẢO

Trần Đức Thảo, năm nay 45 tuổi là con cụ Trần Đức Tiến, một tiểu công chức tòng sự tại Sở Bưu điện hà Nội.

Lúc ông còn học ở trường Lycée Albert Sarraut, ông đã tỏ ra hết sức thông minh. Các thầy dạy ông, nhất là ông Ner đã kêu lên là không chấm nổi bài của ông. Ông đỗ tú tài triết học năm 1935, và năm sau ông đỗ đầu trong kỳ thi vào trường Normale Supérieure ở bên Pháp. Sau đó ông đỗ thạc sĩ về triết học và dạy ở Sorbonne.

Ở bên Pháp ông nghiên cứu thêm về triết học, xã hội học, viết nhiều bài trong các tạp chí văn học.

Lúc đầu ông theo chủ nghĩa “Existentialisme” của Jean Paul Sartre, nhưng từ 1946 ông thiên về chủ nghĩa Mác, gia nhập Đảng Cộng sản Pháp, và viết báo đả kích ông Jean Paul Sartre. Ông này kiện ông tại toà, nhưng toà chưa xử, thì ông Thảo đáp tầu đi Mạc Tư Khoa, rồi thẳng đường về Bắc Việt (năm 1951).

Về đến nhà, ông bị giữ trong một khu rừng hẻo lánh trong chiến khu Việt Bắc và công tác người ta giao cho ông là dịch những truyền đơn dịch vận từ tiếng Việt sang tiếng Pháp. Nhà lãnh tụ Hồ Chí Minh bảo ông: “Chú đọc sách vở ngoại quốc đã nhiều, nay chú mới về hãy nên học hỏi nhân dân trước đã”. Một phần vì quá nhàn rồi một phần vì chán nản, nên mỗi ngày ông ngủ 18 giờ, chỉ thức để ăn và làm việc chừng 6 giờ.

Ông Trần Đức Thảo là điển hình của một nhà trí thức say mê chủ nghĩa cộng sản vì nghiên cứu chủ nghĩa ấy trên sách vở. Sự say mê đó đã tiêu tan từ ngày ông bước chân về nước và ngày nay sau kinh nghiệm Cải cách ruộng đất ông đã hoàn toàn tỉnh ngộ.

Bài ông viết sau đây phôi bày tất cả sự đau xót của ông, tuy nhiên ông là người đầy thiện chí, nên ông còn đang cố gắng mang triết lý ra để sửa chữa những “sai lầm” hòng cứu vãn tình thế vì ông vẫn còn tia hy vọng trong đáy lòng là có thể thực hiện được cái lý thuyết cao siêu của ông Marx. Tuy vậy, giọng văn của ông cũng đầy một vẻ bức dọc không kém những người khác.

Mặc dầu ông Thảo đã hi sinh địa vị cao quý ở Pháp để trở về nước tham gia kháng chiến, ngày nay ông vẫn bị quy là phản động số một, tay sai của đế quốc.

*

Nội dung xã hội và hình thức tự do

Vấn đề tự do và tự do cho ai, tự do đối với ai, tự do để làm gì.

Tự do của quảng đại quần chúng, đây là một nội dung chân chính mà chế độ ta thực hiện về căn bản, và có điều kiện để phát triển không ngừng. Nhưng đây tổ chức chúng ta, tuy xét về nội dung là dân chủ thực sự, nhưng lại bị lũng đoạn bởi những bệnh nặng nề: quan liêu, mệnh lệnh, giáo điều, bè phái, sùng bái cá nhân.

Đây là một cuộc đấu tranh cách mạng tiến hành trong nội bộ nhân dân, bằng phê bình và tự phê bình, đảng tranh thủ cho mỗi công dân những điều kiện hoạt động chính đáng và cần thiết để góp phần vào nhiệm vụ chung, chống sự kìm hãm và lấn át của những phần tử lạc hậu: quan liêu, bè phái, sùng bái cá nhân ở mọi cấp lãnh đạo. Phải nói rõ ở mọi cấp lãnh đạo, vì nếu xét đến cá nhân thì những bệnh ấy còn khá phổ biến với mức tiến triển của xã hội ta bây giờ, nhưng có ở cương vị lãnh đạo thì nó mới có điều kiện để gây tai hại lớn cho nhân dân. Những sai lầm nghiêm trọng phạm phải trong Cải cách ruộng đất, chinh đồn tổ chức, kiến thiết kinh tế và văn hoá là những dẫn chứng hùng hồn. Những sai lầm ấy thì nhân dân ở mỗi địa phương và nhiều cán bộ cấp dưới, mỗi người trong phạm vi của mình, từ lâu đã trông thấy rõ, vì đã phải chịu đựng những tai hại gây ra cho bản thân mình hay chung quanh mình. Mà vì những sự việc ấy có tính chất phổ biến, vấn đề rút kinh nghiệm cũng không đến nỗi khó lắm.

Cụ thể như trong Cải cách ruộng đất, đặc biệt là đợt 4 và đợt 5, nhân dân đã có nhiều ý kiến xác đáng, dựa vào những bài học hiển nhiên của lịch sử Cách mạng Việt Nam, vào lý trí và đạo đức tự phát của người thường dân. Ví dụ như trước những nhận định từ trên đưa xuống về tình hình nông thôn, thời phong lực lượng của địch và mặt sát cơ sở của ta, thì quần chúng và cán bộ cấp dưới đã có nhiều thắc mắc.

Do quá trình thực tế phản đế phản phong, tổ chức kháng chiến của ta tất nhiên là một tổ chức của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng, và nếu có bao gồm một số phần tử phức tạp thì những phần tử ấy nói chung cũng đã được giáo dục ít hay nhiều trong thực tiễn đấu tranh, phục vụ nhân dân. Vậy cơ sở ta ở nông thôn trước Cải cách ruộng đất cũng không thể nào xấu đến thế. Nó cần được cải tạo, nhưng không đến nỗi phải đả kích hàng loạt. Mà theo lý trí thông thường của người dân thì nếu thực sự tổ chức của ta đã bị lũng đoạn nghiêm trọng, thậm chí nếu tổ chức của địch lại “lông vào tổ chức của ta” thì làm sao mà chúng ta lại kháng chiến thắng lợi? Đến cấp huyện và cấp tỉnh thì cái nội dung “chỉnh đốn tổ chức” lại càng quái gở, cuối cùng, theo tình cảm tự phát và thương yêu bạn đồng đội, không nói gì đến đạo đức và nhân sinh quan cách mạng, thì cũng không thể nào kết án cơ sở chiến đấu của ta một cách đơn giản, chung chung vô trách nhiệm và khinh con người đến mức ấy. Cụ thể ở mỗi địa phương mà đã đánh tràn lan, thì tính chất trái ngược, phản tình phản lý của các nhận định chung về tình hình địch và ta đã phát hiện ngay trong việc làm. Nhưng về cơ cấu của bộ máy lãnh đạo có hướng một chiều, rất nặng về tổ chức và phương tiện đả thông, cưỡng bách, mà những ý kiến phê bình của nhân dân hay cấp dưới thì lại hoàn toàn để cho cấp trên quyết định có nên xét đến và có thảo luận hay không, cho nên những

bệnh quan liêu, bè phái, sùng bái cá nhân trong tổ chức lãnh đạo đã có điều kiện khách quan để phát triển, đẩy mạnh phong trào đàn áp tư tưởng, phớt qua quy tắc dân chủ, biến những ý kiến chủ quan thành “lập trường” bất di bất dịch. Nhờ những điều kiện ấy mà những phần tử lạc hậu, bảo thủ, đã ngăn cản ý kiến của quần chúng, cản trở việc sửa chữa sai lầm, cho đến lúc tác hại lớn quá, cơ sở đã bị tổn thất nặng nề, chính đốn tổ chức ở huyện và tỉnh phát triển theo một thứ chủ nghĩa *nông dân lưu manh hoá*. Rõ ràng những phần tử quan liêu bè phái đã lấy thành kiến của họ làm đường lối của lịch sử, biến những sai lầm của họ thành bánh xe vô tình của lịch sử. Một bộ máy hùng mạnh, xây dựng để diệt thù, đến lúc không thấy thù thì lại quay về bạn, lấy bạn làm thù mà đập phá bừa bãi.

Sai lầm trong Cải cách ruộng đất và Chính đốn tổ chức là một trường hợp điển hình, nhưng thực ra thì trong mọi vấn đề khác như kiến thiết kinh tế và văn hoá, cũng đã phải chờ cho có tai hạn lớn lao, đồng thời cũng có ánh sáng của Đại hội XX phát động phong trào tự do dân chủ, mới bắt đầu rút bài học kinh nghiệm. Rõ ràng rằng phương pháp phê bình thông thường trong nội bộ tổ chức không đủ để sửa sai kịp thời những sai lầm hết sức quan trọng. Còn những sai lầm tương đối nhẹ hơn hoặc tác hại âm thầm hơn thì tất nhiên lại càng dễ xuy xoa. Cần phải có sự xây dựng tích cực của nhân dân mới ngăn ngừa được ảnh hưởng của những phần tử

bảo thủ, lạc hậu, những ông quan liêu, những ông sĩ diện, những ông bè phái luôn luôn cản trở đường lối quần chúng của Đảng. Nhưng vì chúng ta còn thiếu tập quán tự do, việc phê bình công khai tổ chức lãnh đạo thường dễ gây thắc mắc. Dù nội dung phê bình có đúng chẳng nữa, dù kinh nghiệm có cho hay rằng không đặt vấn đề trước quần chúng thì không thể nào giải quyết kịp thời, nhiều anh em vẫn chỉ chú trọng nhận xét về “thái độ”, truy nguyên tư tưởng: thiếu tin tưởng, bất mãn, tự do tư sản, thoát ly lãnh đạo, thậm chí là bôi nhọ chế độ”, “để cho địch lợi dụng!”. Những anh em ấy không thấy rằng nhân dân được sự lãnh đạo của Đảng thì Đảng cũng phải được sự xây dựng của nhân dân, miễn là cuối cùng thì nhân dân thực hiện chủ trương chính sách của Đảng. Mà nếu trong lời phê bình có phần “bất mãn”, thì có cái bất mãn ấy mới sửa chữa được sai lầm, có cái bất mãn ấy thì lãnh đạo mới thoả mãn được nhân dân.

Lãnh đạo theo đường lối quần chúng không phải chỉ là ngồi trên mà “tìm hiểu quần chúng”. Vì như thế vẫn còn là tự mình đặt trên nhân dân, mà người lãnh đạo không có quyền tự đặt mình trên nhân dân.

Kinh nghiệm Cải cách ruộng đất là một bằng chứng điển hình. Không công tác nào đã tập trung chừng ấy phương tiện đài thông và cường bách, bộ máy tổ chức được rèn giũa như một động cơ hiện đại kiên cố, nhưng cũng vì thế mà không nghe thấy

ý kiến phê bình của nhân dân rồi đi đến chỗ làm ngược hẳn đường lối chính sách cách mạng, tấn công bừa bãi, phá huỷ cơ sở. Chính lúc Trung ương tin tưởng rằng nhờ tổ chức chặt chẽ mà nắm được hết thì biện chứng pháp của lịch sử đã quay lại vấn đề: tổ chức thoát ly quần chúng, lãnh đạo rất yếu, chỉ đạo lung tung.

Chúng ta có thể nhận định: vấn đề tự do nhân dân miền Bắc hiện nay cụ thể trước mắt là tự do đối với những phần tử lạc hậu, bảo thủ, quan liêu, giáo điều, bè phái sùng bái cá nhân nằm ở mọi cấp lãnh đạo mà cản trở sự phát triển của chế độ dân chủ nhân dân, làm lệch công tác lãnh đạo của Đảng, đã gây ra nhiều tổn thất nghiêm trọng cho tổ chức nói chung là kim hãm công cuộc kiến thiết miền Bắc, tranh thủ miền Nam. Nhiệm vụ chống những phần tử ấy căn bản là nhiệm vụ đấu tranh với bọn, tiến hành bằng phê bình và tự phê bình.

Trong bản tham luận đọc trước Đại hội thứ VIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đồng chí Đặng Tiểu Bình, hiện giờ Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nói: “Đảng không có quyền vượt lên trên quần chúng nhân dân, tức là Đảng không có quyền ban ơn, cưỡng bách, mệnh lệnh đối với quần chúng nhân dân, Đảng không có quyền xưng vương xưng bá trên đầu nhân dân”.

(Trích *Giai phẩm mùa Đông* tập I, 1956)

Nỗ lực phát triển tự do dân chủ

Trước hết, chúng ta phải nhận định rõ ý nghĩa và nội dung của phong trào tự do dân chủ đương phát triển trong nhân dân. Căn bản nó là phong trào quốc tế, do Đại hội Đảng XX của Đảng Cộng sản Liên Xô phát động, và đương lan tràn rầm rộ trên khắp thế giới.

... Nhân dân Việt Nam với sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu bè phái, sùng bái cá nhân, chính là thực hiện đường lối cách mạng của Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô, do Đảng Lao động Việt Nam truyền đạt.

... Có anh em lo rằng với tự do dân chủ được phát triển, giai cấp tư sản sẽ “ngóc đầu” lên. Chính như thế là đánh lạc vấn đề. Từ ngày hoà bình trở lại, chúng ta mở rộng phạm vi kinh doanh tư sản, chúng ta hô hào họ đầu tư; như thế họ cũng đã được thoả mãn một phần khá, mà họ cũng không có đủ sức để làm gì khác. Những người có vấn đề phê bình là những người lao động trí óc và lao động chân tay, phục vụ nhân dân và trung thành với Đảng, nhưng chưa được điều kiện để phát huy khả năng và phục vụ có kết quả, thậm chí còn bị kìm hãm, chà đạp bởi những phần tử quan liêu, bè phái, sùng bái cá nhân... Cái tự do mà họ muốn phát triển là tự do của toàn dân phê bình lãnh đạo, vì lãnh đạo chính là lãnh đạo của mình, mà có phê bình thì mới xây dựng được một tổ chức hợp lý, bảo đảm những điều kiện cần thiết để mọi công tác được kết quả tốt, để

mỗi công dân được góp phần vào nhiệm vụ chung. Cái tự do ấy là quyền của người công dân, nó được hoàn toàn công nhận và bảo đảm trong chế độ ta... Chúng ta phải nỗ lực mở rộng dân chủ, phát triển phê bình trong nhân dân. Đảng đã chỉ đường vạch lối, nhưng không thể làm thay: Tự do không phải là cái gì có thể ban ơn.

Trong nhiệm vụ thực hiện phương châm của Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô, đảng hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng Cộng sản Việt Nam, hưởng ứng phong trào phát triển tự do dân chủ trong những nước dân chủ nhân dân anh em, người trí thức Việt Nam có phần trách nhiệm quan trọng. Người trí thức hoạt động văn hoá, cần tự do như khí trời để thở. Có tự do mới đẩy mạnh được sáng tác văn nghệ nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật. Phát triển tự do là nhu cầu thiết thân đồng thời cũng là nhiệm vụ số 1 của người trí thức cũng như của toàn dân.

Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô đã bác trần những kết quả tai hại của tác phong lãnh đạo vi phạm hình thức tự do.

... Riêng trong công tác văn hoá, một số bộ phận nghiên cứu sáng tác như bộ phận khoa học xã hội, theo báo cáo của đồng chí Mi-cai-an, đã bị hầu như tê liệt...

Hình thức tự do là *tự do cá nhân*... Cá nhân phục tùng tập thể, nhưng tập thể cũng phải có cá nhân xây dựng và hình thức tự do trong phạm vi pháp lý nhân dân là điều kiện để mỗi cá nhân góp phần thực

sự xây dựng tập thể. Xét đến tình hình thế giới mới đây, lý tưởng tự do cá nhân lại là lý tưởng của những ngày tiến tới, lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản bây giờ đang bắt đầu trở thành một thực tế lịch sử ở Liên Xô.

Những nghị quyết lịch sử của Đại hội đã ảnh hưởng sâu sắc đến các nước dân chủ nhân dân anh em và phong trào công nhân và nhân dân thế giới. Nước ta không thể nào đứng riêng: chúng ta sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin đã gột rửa những vết xấu của đời Stalin, với nội dung chân chính xây dựng trên kinh nghiệm kiến thiết chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới, trong ấy dưới hình thức này hay hình thức khác, nhiệm vụ của vô sản chuyên chính là phát triển tự do cá nhân.

(Trích báo *Nhân văn* số 3 ra ngày 15 tháng 10 năm 1956)

*

NGUYỄN MẠNH TƯỜNG

Nguyễn Mạnh Tường là một người nổi tiếng là thông minh, vì mới 23 tuổi ông đã đỗ hai bằng Tiến sĩ luật khoa và Tiến sĩ văn khoa. Ông theo học ở trường Albert Sarraut ở Hà Nội, sau đó sang Pháp học ở Montpellier. Sau khi về nước, ông được bổ dạy ở Trường Bảo hộ. Bị bạc đãi ông bỏ nghề dạy, ra làm trạng sư.

Năm 1946, ông được chính phủ Hồ Chí Minh cử đi dự Hội nghị Đà Lạt, nhưng vì xung đột với Võ Nguyên Giáp, nên không được dự Hội nghị Fontainebleau.

Từ 1947 đến 1950 ông làm trạng sư ở khu III. Trong khi bênh vực cho các bị cáo trước toà, ông hay dùng lời lẽ văn hoa để “nói mát” chế độ, nên ông bị chuyển sang ngành giáo dục.

Ông bị coi là phần tử “ngoan cố”, không chịu “lột xác” nên thường bị đả kích. Có lần cán bộ đặt ra vở kịch nhan đề là *Phải hấp lại* để lăng mạ ông, nhưng ông không thèm trả lời.

Từ 1952 đến 1954 ông dạy ở Trường Dự bị Đại học, và sau ngày đình chiến, ông được về dạy ở trường Văn khoa Đại học ở Hà Nội. Chúng tôi giới thiệu ông Nguyễn Mạnh Tường bằng hai bài của ông. Một bài nhan đề “Vừa khóc vừa cười” để giới thiệu ông Nguyễn Mạnh Tường Tiến sĩ văn khoa, và bài “Những sai lầm trong Cải cách ruộng đất” để giới thiệu ông Nguyễn Mạnh Tường Tiến sĩ luật khoa.

*

Qua những sai lầm trong Cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo

Lời soạn giả: Ông Nguyễn Mạnh Tường đã đọc bài diễn văn này trong một cuộc họp của Mặt trận Tổ quốc Hà Nội ngày 4 tháng 10 năm 1956 với tư cách đại diện cho trí thức ở thủ đô.

Mặt trận Tổ quốc là một tổ chức có tính cách “táp nham” mà chính quyền cộng sản thành lập với mục đích để lừa những phần tử “lưng chừng” vào cho tiện bề kiểm soát. Nó là biến thân của Mặt trận Liên Việt ngày xưa mà đã có người gọi là Mặt trận Lò Vò, hoạt tề hơn nữa là: Mặt trận Lông Vịt.

Vì tính cách phức tạp của các hội viên mà đa số thuộc các thành phần “bất kham” nên sự kiểm soát của Đảng không mấy khi được chu đáo. Trong mấy tháng mùa Thu năm ngoái, vào lúc chính quyền đương bị dao động, thì sự kiểm soát đó gần như mất hiệu quả. Đó là lý do khiến luật sư Nguyễn Mạnh Tường có dịp lợi dụng cơ hội và hoàn cảnh đã kịch liệt liệt chế độ bằng bài diễn văn này.

Bài này không được đăng trên các báo xuất bản ở Hà Nội, nhưng không biết bằng cách nào đã lọt tới Rangoon, sang Paris.

Bài diễn văn của ông Tường đã làm rung động thế giới vì lần đầu tiên có một nhà luật học đứng trên lập trường pháp lý của các nước văn minh lên án chính sách của ông Mao Trạch Đông về chương trình Cải cách ruộng đất đề ra từ 1926 và áp dụng lần đầu tiên ở Hồ Nam. Ngày nay, vừa đúng 30 năm về sau, và dựa trên kinh nghiệm đau xót của Bắc Việt, ông Tường lớn tiếng tuyên bố rằng chính sách đó quá u mê man, không có mấy may nhân đạo và hoàn toàn trái với các nguyên tắc căn bản của pháp lý mà nhân loại công nhận hàng mấy ngàn năm nay.

Ông Tường cũng là người trí thức Việt Nam đầu tiên, sống dưới chế độ cộng sản, mà có can đảm lớn tiếng nói rằng: “Tôi là trí thức”, không có tự ti mặc cảm, không “mất khí thế của giai cấp”.

Nhà văn hào Nga Boris Pasternak trong tác phẩm Bác sĩ Zhivago của ông, cũng nhắc lại một câu thơ của Puchkine: “Ta là tiểu tư sản, ta là tiểu tư sản” để nói

rằng thành phần tiểu tư sản không có gì đáng hổ thẹn cả. Sự giác ngộ và đoàn kết của cấp tiểu tư sản sẽ chặn đứng và tiêu diệt chế độ cộng sản trong hậu bán thế kỷ hai mươi. Đó là ý kiến chung của giới trí thức sống trong bức màn sắt.

*

Thưa các quý vị,

Hội nghị Mặt trận Trung ương họp để nghiên cứu các sai lầm trong Cải cách Ruộng đất và chính sách sửa chữa sai lầm ấy. Hôm nay tôi được đúC kết trước toàn thể Hội nghị các ý kiến mà trong mười ngày vừa qua tôi đã trình bày trong tổ thảo luận, với tinh thần thận trọng của người trí thức không bao giờ quên trách nhiệm của mình trước nhân dân và lịch sử nước nhà.

Tôi phần khởi được nghe bản phê bình của Đảng Lao động do ông Trường Chinh đọc trước Hội nghị. Nhưng tôi cũng phải thú rằng lòng phần khởi của tôi một phần bị giảm đi, vì tôi nhớ lại kết quả tai hại của các sai lầm đã phạm trong công cuộc Cải cách Ruộng đất. Tôi xin phép các vị được kính cẩn nghiêng mình trước kỷ niệm những người vô tội đã chết oan, không phải vì bàn tay của địch mà chính của ta. Trong cuộc kháng chiến anh dũng của ta, những đồng bào đã hi sinh, có thể nói được, chết với trong lòng chan chứa nỗi vui sướng vì chết cho sự nghiệp giải phóng dân tộc khỏi nanh vuốt của địch. Họ chết vì địch, cho ta, đó là cái chết tích cực, cái chết vẻ vang, cái chết oanh liệt mà Tổ quốc ghi nhớ

muôn thuở. Trái lại, các người chết oan vì các sai lầm trong cuộc Cải cách Ruộng đất này, lúc tắt thở, cay đắng đau xót vì chết với một ô danh.

Chúng ta đã xoá bỏ cái ô danh đó, nhưng con cháu của các nạn nhân tài nào mà không ngậm ngùi? Đau đớn hơn, bây giờ ta làm thế nào mà biến cái khổ cực của người tắt thở thành một niềm an ủi cho họ được? Nếu chúng ta duy tâm và tin rằng linh hồn còn tồn tại thì một phần nào ta chuộc lại được tội lỗi của ta. Nhưng ta duy vật và các người ấy lúc chết cũng là duy vật. Do đó, cái nỗi khổ cực của họ ta biết rõ rằng bây giờ ta không thể nào thủ tiêu được nữa. Quyền hạn của ta không tới đó. Nhưng cái gì ta có thể làm được, ta cần làm, để như là đền bù một phần nào sự tổn thất của các người ấy, và chứng minh ta thấm thía nỗi đau khổ của họ khi họ từ trần là ta cương quyết rút bài học kinh nghiệm đau đớn và sửa chữa các sai lầm nghiêm trọng mà họ là nạn nhân.

Với tinh thần của một người trong quần chúng, của một người công dân đau khổ trước bao nhiêu cái chết oan của người vô tội, tôi xin phép trình bày mấy ý kiến xây dựng. Chủ yếu tôi sẽ phê phán và truy nguyên các sai lầm trong Cải cách Ruộng đất, nhưng theo ý tôi các sai lầm này chỉ là biểu hiện điển hình và bi đát nhất của những thiếu sót trong sự lãnh đạo của Đảng Lao động. Do đó tôi xin được góp ý kiến xây dựng quan điểm lãnh đạo của Đảng Lao động.

Tại sao tôi lại tin như vậy? Là vì, không những trong Cải cách Ruộng đất chúng ta đã phạm sai lầm nghiêm trọng mà cả trong nhiều khu vực khác nữa. Trong các khu vực này, sai lầm cũng đã đưa một số người trong quần chúng đến cái chết thê thảm. Do đó, nếu chỉ cục bộ hóa các sai lầm, chúng ta không thể rút được bài học kinh nghiệm, chúng ta sẽ khiếm khuyết với sự tín nhiệm của tất cả các đảng viên Đảng Lao động, với sự mong đợi của toàn dân. Chúng ta phải kiên quyết không cho các sai lầm ấy tái diễn và tác hại nữa. Đó là nhiệm vụ tối thiểu của chúng ta đối với các người đã chết oan.

Tình hình nước ta hiện thời ra sao? Tình hình ấy có bi quan không? Đó là vấn đề nhận định thôi. Nhưng cái chủ yếu là ta không nhìn tình hình ấy với con mắt bi quan. Vậy sự thật khách quan như thế nào? Nhìn vào nông thôn, ta thấy hiện thời tình trạng thiếu đoàn kết rất phổ biến. Vì thi hành sai chính sách cải cách, ta đối lập các tầng lớp trong giai cấp nông dân, cán bộ cũ và mới, chi bộ cũ và mới của Đảng. Trong khi đập tan giai cấp địa chủ, ta không phân biệt đối xử, ta để cho chết chóc thê thảm những người hoặc già cả hoặc thơ ấu mà ta không chủ trương tiêu diệt. Ta chỉ cần đọc lại các bài giáo huấn cho đồng bào nông thôn trong báo Nhân Dân là ta đủ hiểu mặt mũi nông thôn hiện giờ ra sao. Nhìn vào các công xưởng, công trường, ta thấy gì? Cứ đọc báo Nhân Dân thôi, ta thấy Chính phủ gửi các phái đoàn đi thăm các anh chị em công

nhân, ủy lạo họ, bắt buộc thi hành quy chế lao động mà Chính phủ đã ban ra. Nghĩa là thế nào? Nghĩa là giai cấp công nhân đã phải lao động sản xuất hai năm nay mà không được bồi dưỡng đúng mức. Lắng nghe dư luận đồng bào Hà Nội thôi, ta được biết rằng có ít ra một doanh nghiệp quốc gia lãng phí bao nhiêu triệu trong khi dưới chế độ Pháp thuộc, cũng doanh nghiệp ấy mang lại cho thực dân đế quốc các số lãi khổng lồ.

Về Mậu dịch nửa năm nay, đồng bào ca thán như thế nào, ta đã biết. Nào chèn ép các nhà kinh doanh tư nhân, nào lãng phí bao nghìn triệu trong khi thực hiện chính sách, nào tàn nhẫn với các người bán sức lao động cho mình, nào đưa ra thị trường sữa hư mà không bao giờ nghĩ đến tính mệnh của người ốm, của trẻ sơ sinh, nào tung ra bơ hỏng, thuốc lá mốc, phạm đến sức khỏe của nhân dân, nào bắt lực trước hiện tượng vật giá ngày càng lên trong khi nhiệm vụ của mình là phải bình ổn nó. Có thể nói được, suốt ngày đêm không đâu là không có lời oán trách Mậu dịch.

Về hộ khẩu thì cán bộ tổ về không phải là nhằm duy trì trật tự an ninh, phá vỡ cơ sở của địch, trái lại quấy nhiễu nhân dân, tạo ra một đời sống thành thị điều đứng cho tất cả. Nếu các vị cần những dẫn chứng cụ thể, tôi chỉ xin nhắc lại hồ sơ mệnh mông, thu lượm các thắc mắc cay đắng của đồng bào Thủ đô trong Đại hội lần thứ ba của nhân dân Hà Nội vừa họp cách đây hai tháng.

Nói về chính sách khôi phục kinh tế, ta thấy

gi? Số vốn mà các nhà công thương mang ra kinh doanh chỉ là một phần ti tiểu, số công nhân làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân không có nghĩa lý gì. Trái lại ta thấy tất cả một phong trào các nhà tư bản thu hẹp hoạt động của họ, hoặc “chuyển hướng” bằng cách đâm ra quay chỉ, bán nước mía, hay dệt vải thước vải vớ vẩn, hoặc đóng cửa ăn vào vốn để khỏi đụng chạm đến Sở Lao động vì vấn đề công nhân, với Sở Công thương vì vấn đề đăng ký và nguyên liệu sản xuất, với Sở Tài chính vì thuế khoa đặc biệt. Thuế bổ sung đã đưa bao nhiêu người đến chỗ phá sản, có kẻ đến chỗ tự sát. Các người tiểu thương buôn thúng bán mẹt, đẩy chiếc xe hàng tiểu tụy trong phố, cũng “được” nộp thuế, cũng như các người suốt ngày làm việc ở công sở hay công xưởng, tối về thức đêm dệt vải thước kiếm thêm tiền độ thân. Hàng trăm, hàng nghìn công chức cũ về hưu, với gia đình của họ, trước đây sống bằng lương hưu trí, hai năm nay không được ai chiếu cố đến, chết dần chết mòn, có người đâm đầu xuống sông tự tử, có người hai lần uống độc dược để quỳên sinh.

Còn như các cán bộ thì ta có cần nói đến không? Ta cứ trông mặt mũi, quần áo họ, ta chỉ cần hỏi con số những người qua các phòng khám bệnh, các bệnh viện, ta liếc mắt nhìn họ ăn uống những gì trong bữa cơm, là ta đủ hiểu khổ cực của họ.

Ta quên thế nào được các đồng bào tập kết ra ngoài Bắc, số phận con cái họ ở Hà Nội, Hải Phòng, số phận chính của họ bị đất quá nổi! Khổ cực nhất

cho các anh chị em là không nương tựa được vào một đời sống gia đình để khuây khỏa trong lúc thảm sầu.

Các hiện tượng trên đây có đúng không, tôi chỉ yêu cầu các vị đọc báo *Nhân dân*, nghiên cứu các hồ sơ chồng chất lên ở Mặt trận Thành Hà Nội sau Đại hội lần thứ 3 vừa rồi, nghe ngóng lời than phiền của quần chúng, nhìn nhận các quang cảnh diễn ra dưới mắt của các vị là các vị đủ hiểu rồi. Quả thực như ông Trường Chinh đã tuyên bố, uy tín của chính phủ, của Đảng bị tổn thất rất nhiều. Thế tại sao đồng bào chúng ta lại khổ cực? Phải chăng vì cán bộ của chúng ta non, hẹp hòi, chưa thấm nhuần lý luận cách mạng, không tôn trọng giá trị của con người, các nhu cầu và đòi hỏi chính đáng của nó? Phải chăng vì ta đang mắc trầm trọng bệnh ấu trĩ của cách mạng? Các điều đó là có, ta không hề chối và ta cũng không thể chối cãi được. Nhưng nhận định như vậy vẫn còn hơi hợt. Ta phải đi sâu hơn nữa. Khi trong Cải cách Ruộng đất của ta, ta thấy bao nhiêu người bị tù tội, bị giết oan, trong đó bao nhiêu người dân ưu tú đã từng góp phần không nhỏ vào sự nghiệp cách mạng, khi hiện thời ở nông thôn vẫn có người bị đánh đập, ngược đãi, khi ta không xây dựng được đoàn kết giữa các đồng bào, thì ta phải nhận định rằng các sai lầm ta đã mắc trong cuộc Cải cách Ruộng đất này chỉ là những biểu hiện cực độ của các sai lầm ta đã phạm, và các sai lầm ấy nêu lên, như tôi trình bày trên đây, một vấn đề cực kỳ quan trọng là vấn đề lãnh đạo của Đảng Lao động.

Do đó, tôi yêu cầu các vị cho phép tôi bắt đầu nghiên cứu các sai lầm trong Cải cách đã rồi sau khi truy nguyên các sai lầm ấy, để đặt mấy ý kiến về vấn đề lãnh đạo.

I. Vấn đề pháp lý trong Cải cách Ruộng đất

Ta đã sai lầm nghiêm trọng trong Cải cách Ruộng đất, ta có thể tránh được sai lầm ấy mà vẫn bảo đảm được đường lối căn bản của cách mạng không? Tôi giả nhời cương quyết rằng có.

Đường lối cách mạng của ta đòi hỏi gì? Ruộng phải trở về người cày. Điều này rất đúng không ai có thể chối cãi được. Nông dân là đại đa số trong nhân dân, nông dân là quân đội chủ lực của cách mạng, nhất định cách mạng không thể nào thành công được nếu ta không thỏa mãn nhu cầu thiết yếu và cấp bách của nông dân. Không cần phải là một nhà chính trị cao, một nhà cách mạng thạo, cũng nhận thấy điều ấy. Chỉ cần nhìn lịch sử cách mạng từ thời kỳ cổ đại đến giờ là đủ hiểu rồi.

Như vậy về nguyên tắc, ta tán thành chủ trương Cải cách Ruộng đất.

Về phương pháp, ta có nên ban ơn cho nông dân không? Nhất định là không. Nông dân ta trong bao nghìn năm đã khổ cực dưới chế độ bóc lột phong kiến và một trăm năm nay dưới chế độ bóc lột thực dân. Đồng bào nông thôn ta lâm than như vậy, đã mất hết khí thế con người. Ta cần khôi phục khí thế của người nông dân, xây dựng cho họ tinh thần

chủ nhân ông trên đất nước. Do đó ta thấy cần thiết phải phát động tư tưởng của họ để họ nhận được phân minh kẻ thù của họ, để họ vùng giậy nắm lấy quyền thế ở nông thôn.

Nhưng từ đây trở đi, ta thấy khởi phát các sai lầm. Sai lầm này, ông Trường Chinh đã nhận thấy là ở chỗ: ta quên hẳn ta hiện thời nắm chính quyền và chính quyền ấy, nếu ta biết sử dụng nó, khai thác nó một cách sáng suốt, nhất định ta vẫn thành công nhưng ta tránh được bao tai họa làm ta đau khổ hiện thời.

Con đường ông Trường Chinh đã đi để tiến tới kết luận ấy là con đường chính trị. Các anh em tôi là những nhà luật học, chỉ là nhà chuyên môn và lý luận trên cơ sở chuyên môn thôi, đã trông thấy kết luận ấy ngay từ khi chính sách phát động và Cải cách được đề ra. Tại sao? Vì giải pháp chính quyền cụ thể là giải pháp pháp lý, đảm bảo thắng lợi hoàn toàn của cách mạng nếu ta biết mang nó ra phục vụ chính trị và cách mạng.

Ta muốn gì? Tìm kẻ thù của nông dân, của cách mạng để tiêu diệt nó. Nhưng đồng thời nếu ta biết lo xa, nhìn xa, ta cũng không quên rằng công lý của cách mạng, muốn bảo toàn được uy tín và thắng lợi của cách mạng, phải biết đánh đúng địch. Khi đưa ra khẩu hiệu “thà chết 10 người oan còn hơn để sót một địch” thì khẩu hiệu này không những quá tả một cách vô lý mà phản lại cách mạng là đảng khác nữa. Muốn chứng minh điều này ta chỉ cần nhìn

thực tế: kết quả sai lầm ta đã phạm khi thực hiện khẩu hiệu này rất tổn thất cho uy tín của cách mạng và cho bản thân bao nhiêu chiến sĩ cách mạng. Nếu không phải đó là phản lại cách mạng thì là gì?

Khẩu hiệu của pháp lý thì khác hẳn: “Thà 10 địch sót còn hơn một người bị kết án oan”. Thế ta có lo ngại rằng 10 địch sót không? Không, vì ta nắm chính quyền, vì cách mạng ta đã thành công. Như vậy kẻ thù của cách mạng chẳng sớm thì chậm, nhất định hoặc cải thiện, giác ngộ, hoặc lọt vào lưới của ta. Khẩu hiệu này lợi ở chỗ: không một người oan nào bị kết án. Do đó, không có các kết quả cực kỳ tai hại diễn ra hiện thời.

Làm thế nào thực hiện được khẩu hiệu ấy? Kinh nghiệm pháp lý của hàng nghìn năm lịch sử thế giới cho ta biết rằng ta có phương pháp để tìm đúng địch mà đánh, không đánh tràn lan, không đánh người vô tội. Tôi xin phép nhắc tóm tắt sau đây các nguyên tắc căn bản mà pháp lý nêu lên để đạt mục đích ấy.

Một nguyên tắc đầu tiên là không hình phạt các tội đã phạm quá lâu rồi mà bây giờ mới khám phá ra. Tại sao? Vì rằng vấn đề bằng chứng khó giải quyết được, tang vật đã mất, nhân chứng có người đã từ trần, có người không nhớ rõ các sự việc họ đã mục kích. Hơn nữa, sở dĩ hình luật phạt các tội, là vì các tội ấy đã xâm phạm vào trật tự xã hội: tác hại cho nạn nhân và gây tác dụng xấu trong quần chúng. Nhưng khi tội đã phạm quá lâu, trật tự xã hội hết

bị xâm phạm rồi, nạn nhân không còn đau khổ, tác dụng xấu của tội cũng hết, thời gian đã hàn gắn các vết thương. Bây giờ lại vạch chuyện cũ thì không những khó thu thập được bằng chứng kết tội mà lại gây một sự náo động trong xã hội không cần thiết. Chính xã hội thấy “quên” lợi hơn là “nhớ”.

Một nguyên tắc thứ hai là trách nhiệm của phạm nhân thì chỉ một mình phạm nhân phải chịu, không có trách nhiệm chung của vợ con, của gia đình. Nếu trách nhiệm trước hình luật của các người “có quan hệ” với phạm nhân không những là bất công mà lại còn gây các sự rung động vô ích trong xã hội. Hơn 400 năm nay không một nước Tây phương nào làm việc đó nữa. Trách nhiệm trước hình luật chỉ là một trách nhiệm cá nhân mà thôi. Không những thế, về phương diện nhân đạo, thì các phạm nhân quá già được miễn nghị, miễn tố và các vị thành niên được chiếu cố.

Một nguyên tắc thứ ba là muốn kết án một người phải có bằng chứng xác đáng. Phải có nhân chứng là những kẻ đã mục kích sự phạm pháp và cung khai một cách cụ thể, rõ ràng, chắc chắn. Một nhân chứng thôi chưa đủ, ít ra cũng phải có hai nhân chứng cung khai phù hợp với nhau mới được coi là đáng kể. Cung khai của các nhân chứng phải ăn khớp với nhau và trong quá trình phạm pháp các tang vật thu được phải có tác dụng hợp lý, sát hợp với kết quả do cuộc điều tra mang lại.

Một nguyên tắc thứ tư là thủ tục điều tra, xét xử

phải bảo đảm quyền lợi của bị tố nhân. Bị tố nhân có quyền nhờ luật sư bào chữa cho mình, và khi thiếu điều kiện nhờ luật sư, khi nào là một trọng tội, Tòa phải cử luật sư bào chữa không, cho bị can. Trong tất cả, giai đoạn điều tra ở trình độ công an thẩm vấn trong phòng dự thẩm, buộc tội trước tòa, quyền lợi của công tố viện ngang với quyền lợi bị can, nghĩa là nếu công tố viện đưa hết lý lẽ để buộc tội, bị can đưa hết lý lẽ để minh oan. Cuộc đấu lý diễn ra trong tất cả quá trình điều tra, truy tố, xét xử giữa công tố viện và luật sư. Các vị thẩm phán ngồi xét xử phải là vô tư, đứng giữa để theo dõi cuộc đấu lý diễn ra dưới mắt mình. Như thế mới nhận định đúng và xử công minh. Tòa án xét xử không chịu lệnh của ai trong khi xét xử, chỉ biết xét xử theo lương tâm của mình và căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ, sau khi nghe hai tiếng chuông buộc tội và gỡ tội. Người thẩm phán phải được đủ đảm bảo để làm nhiệm vụ của mình mà không sợ ai khiển trách hay gây khó khăn cho mình được. Khi điều tra thẩm vấn, tuyệt đối cấm không được dùng phương pháp tra khảo, đánh đập, hành hạ bị can, mớm cung cho bị can, dọa nạt hay dụ dỗ hấn. Khi nào có điều nghi ngờ thì bị can được miễn nghị. Nếu bị kết án thì còn quyền chống án lên tòa trên. Nếu bị kết án tử hình thì lại còn quyền xin ân giảm trước vị Chủ tịch Chính phủ. Con người của bị can, trong tất cả quá trình truy tố và xét xử phải được tôn trọng triệt để, khi bị can ra trước tòa thì không được xiềng xích họ và không lúc nào được dùng nhục hình đối xử với họ.

Theo một nguyên tắc căn bản, không phải vì một người tác hại cho một người khác mà người ấy phải chịu trách nhiệm trước hình luật. Tác hại cho ai thì chỉ nêu trách nhiệm về phương diện dân sự, nghĩa là bồi thường thôi — của người đã tác hại. Muốn truy tố người ấy để thi hành hình luật đối với hắn thì phải chứng minh rằng hắn phạm một tội, nghĩa là phạm vào một điều khoản nào qui định trong hình luật, và hình luật không bao giờ có tác dụng đối với quá khứ cả: nếu hành động của một người diễn ra trong thời kỳ mà hình luật chưa quan niệm là một tội thì người ấy không thể mang ra truy tố được. Không những bị can phải phạm một tội đã qui định rồi trong pháp luật, mà ta lại còn phải xét xem rằng lúc phạm tội ấy bị can có ý thức, có ý chí phạm pháp hay không, hay là vô tình mà phạm pháp. Sự đối xử trong hai trường hợp ấy khác nhau.

Lúc tôi nhắc lại các nguyên tắc này thì có vị cho rằng như thế là phiền phức, phức tạp. Dĩ nhiên rồi, nhưng tất cả vấn đề là: ta có muốn giết người vô tội không? Nếu không thì không thể nào làm khác được. Hơn nữa, muốn nhận định vấn đề cho đúng, ta không nên đứng vào vị trí một người hiện thời không dây dưa với pháp luật, một người ở một cương vị chính quyền. Ta phải đứng vào cương vị của bị tố nhân; lúc ấy vấn đề rất sáng tỏ, không những ta đòi thi hành các nguyên tắc pháp luật, ta còn cố gắng tìm hiểu thêm các nguyên tắc mới để đảm bảo người oan khỏi bị chết.

Nếu mang ra áp dụng các nguyên tắc ấy vào cuộc Cải cách ruộng đất của ta, ta sẽ làm thế nào? Thủ tục cải cách cứ diễn bài nhưng sự trừng trị bọn cường hào gian ác hay phản động, ta sẽ không giao cho một tòa án nhân dân, đặc biệt như ta đã làm với tất cả sự thiếu sót về phương diện pháp lý mà ta đã biết. Trái lại, sau khi phát động tư tưởng của nông dân, ta sẽ nghe lời họ tố cáo kẻ thù của họ. Ta sẽ ủy nhiệm tòa án nhân dân thường lập các hồ sơ, để tòa án, với bộ máy và kinh nghiệm của nó, tiếp tục điều tra, kiểm tra, lấy cung chứng, truy tố, luận tội, xét xử. Ta đảm bảo triệt để cho bị tố nhân quyền bào chữa của họ, ta yêu cầu các luật sư làm tròn nhiệm vụ của họ, ta tôn trọng triệt để con người của bị tố nhân. Ta chỉ thù ghét và kết án, trừng phạt tội của nó đã phạm thôi. Ta tin tưởng ở tòa án, ta đảm bảo cho các vị thẩm phán làm việc ngoài sự điều khiển của chính quyền, một cách biệt lập, tôi nói biệt lập chứ không phải độc lập, theo lương tâm của các vị và căn cứ vào hồ sơ và kết quả của cuộc thẩm vấn.

II. Các nguyên nhân sai lầm

Theo như tôi nhận định, với chủ quan của tôi, các nguyên nhân sai lầm thuộc hai loại, có loại trực tiếp, nhưng nếu ta phân tích loại này thì ta sẽ đi tới một loại thứ hai mà theo tôi là những nguyên nhân chính, ta cần chú ý.

Các nguyên nhân trực tiếp ta trông thấy ngay. Sở dĩ khi nghiên cứu chính sách cải cách, ta không nghi

đến giải pháp pháp lý đưa ra để điều hòa với giải pháp chính trị, phải chăng là vì ta không biết giải pháp pháp lý? Nếu không thì là sự thiếu sót nghiêm trọng của cấp lãnh đạo. Nhưng tôi tin rằng không phải như thế đâu. Sở dĩ ta không để ý đến giải pháp pháp lý là vì ba lý do:

1. Quan điểm ta-địch, thù-bạn của ta rất mơ hồ
2. Ta bất chấp pháp luật, lấy chính trị lấn át pháp lý
3. Ta bất chấp chuyên môn

Quan điểm bạn-thù, ta-địch mơ hồ — Các hiện tượng trên trường quốc tế và trong nước rất nhiều và rõ rệt.

Trên trường quốc tế, trong các nước dân chủ của ta thôi, ta thấy những điều làm ta suy nghĩ. Ta thấy chẳng hạn những người suốt đời hi sinh cho sự nghiệp cách mạng, giữ những trọng trách trong chính thể cách mạng, rồi bỗng nhiên phải truất quyền, khai trừ ra khỏi Đảng, tống giam, thậm chí có khi bị giết nữa. Rồi ít lâu sau, ta lại thấy các người ấy được khôi phục công quyền, đảng tịch, cương vị, người nào bị kết án tử hình rồi thì được an táng lại ở các đài kỷ niệm các liệt sĩ mà Tổ quốc ghi tên muôn đời.

Trong nước ta, qua cuộc Cải cách Ruộng đất ta thấy bao nhiêu các chiến sĩ cách mạng thành tích lộng lẫy, có người ngực gắn tới hai huy chương kháng chiến (ở ngoại thành Hà Nội) bị kết án là phản động, cường hào gian ác và, sau khi nhận tội, bị tống giam hay bị hành hình. Ấy là không nói đến

các người trong quần chúng bị hi sinh oan. Đối với các nạn nhân này, ta có thể một phần nào hiểu các sai lầm đã phạm, vì họ thiếu hay không có thành tích cách mạng hay kháng chiến. Nhưng đối với các đảng viên ưu tú, tinh hoa của dân tộc, lúc bị xử trí như ta đã biết, thì ta tự hỏi trong đầu óc của những người xử họ có cái gì mà ta gọi là lý tính không? Ngay một thương dân, không phải là một nhà chính trị hay văn hóa, chỉ sử dụng cái lẽ phải của mình thôi, cũng không thể nào hỗn hợp người xấu với kẻ tốt như vậy được. Ta phải đặt vấn đề rằng cán bộ từ trên xuống dưới, tham gia Cải cách Ruộng đất, không phải là người điên cuồng, cũng không phải là người chủ mưu, dụng tâm phá hoại. Nếu như thế thì ta sẽ gửi họ đến bác sĩ chuyên môn chữa bệnh thần kinh, hay đến công tố viện của các tòa án. Nhưng không phải như thế, ta tin như vậy. Do đó, kết luận mà ta tiến tới, dù muốn hay không, là các cán bộ ấy có một quan điểm rất mơ hồ về ta- thù, bạn-địch.

Còn gì đau đớn hơn là câu ta được nghe “ta đánh cả ta nữa”. Nếu như vậy thì ta cần phải nhận rằng ta không phân biệt được bạn và thù. Ta đọc lại các bài gần đây đăng trong báo *Nhân dân* của các đồng chí bị xử trí oan, hoặc các đồng chí ấy nói, hoặc không nói, nhưng ta đều hiểu các đồng chí ấy nghi ngờ những người kết án các đồng chí, không phân biệt được bạn và thù. Vì vậy nên đánh cả bạn, giết cả bạn.

Tôi thấy đây là một điều cực kỳ quan trọng.

Nguyên do ở đâu? Phải chăng ở một tinh thần cảnh giác quá cao đến nỗi mù quáng, ở một tả khuynh mà ta thường mắc trong giai đoạn ấu trĩ của cách mạng? Đây không phải là nơi và lúc mà ta cần phân tích sâu sắc điều ấy. Chủ yếu là ta nhận thấy rằng một nguyên nhân sai lầm là ở trong quan điểm thù bạn rất mơ hồ. Nếu ta không kịp sửa chữa sai lầm, xây dựng lại quan điểm thù bạn, một ngày kia ta sẽ lại phải khóc trên kỷ niệm của những vị có công nhất với cách mạng, với nhân dân. Ta cương quyết không thể nào để tình trạng ấy tái diễn ra được.

Bất chấp pháp luật — Giáo sư Ba Lan Mahelli nói chuyện ở Bộ Tư pháp, cho ta biết rằng bên Ba Lan, khi cách mạng thành công, các nhà chính trị bất chấp pháp luật. Họ quan niệm rằng họ đủ tài năng để đảm nhận các cương vị lãnh đạo trong ngành tư pháp, để bó buộc tư pháp phục vụ triệt để chính trị mà không đếm xỉa đến các nguyên tắc căn bản của pháp lý. Kết quả là chẳng bao lâu bộ máy tư pháp sộc sệch, không những không củng cố được chính thể cách mạng, ngược lại, tác hại quá nhiều gây bao nhiêu khó khăn cho chính quyền cách mạng. Sai lầm ấy được uốn nắn kịp thời: hoàn cảnh khách quan đã dạy một bài học cho chủ quan các nhà chính trị, để lãnh đạo chuyên môn phải nhập trường học tập, trước non 2 năm, sau 5 năm, để qua pháp lý, phục vụ chính trị và cách mạng.

Điều này không làm chúng ta ngạc nhiên. Trong giai đoạn đầu tiên, chính trị say sưa với các thắng

lợi đã thu —và dĩ nhiên các thắng lợi ấy vĩ đại— làm vào tình trạng tự mãn và bao biện.

Nhưng quản trị một nước, đặc biệt một nước đang xây dựng chính quyền cách mạng, nghĩa là một cái gì vô cùng mới mẻ và khó khăn, không giống như là đề ra đường lối và khẩu hiệu tranh đấu cách mạng và vận động quần chúng làm cách mạng. Hai khu vực hoạt động ấy tuy quan hệ mật thiết với nhau, nhưng mỗi ngành hoạt động có kỹ thuật và quy luật của nó. Lúc nhà chính trị bao biện, bất chấp hoàn cảnh khách quan kinh nghiệm xương máu của lịch sử, thì chẳng sớm thì muộn ta thấy diễn ra những tai hại hiện thời làm chúng ta đau xót. Trên con đường bao biện và tự mãn ấy, các nhà chính trị đã bị thúc đẩy bởi những thành kiến đối với pháp lý và tin rằng pháp lý là cái gây chỉ dùng để chọc bánh xe, không hiểu rằng, trái lại, chính pháp lý giúp xe khỏi lật, khỏi gây tai nạn. Nguy hại hơn là chính trị tự đặt mình lên trên pháp luật. Ngay trong trường hợp chính trị sau khi đặt mình lên trên pháp luật, còn giữ vững thái độ chân chính, cũng đã gây ra bao khó khăn rồi. Pháp luật chủ yếu đề ra những cái gì có thể làm được, cái gì không được phép làm, do đó nhân dân vững tâm biết rõ đường mà đi. Nhưng tâm hồn quần chúng chỉ được ổn định khi nào quần chúng biết rõ rằng cái gì bó buộc mình cũng đồng thời bó buộc nhà cầm quyền. Trái lại, khi pháp luật chỉ gò bó quần chúng mà không gò bó nhà cầm quyền thì nhà cầm quyền mỗi lúc có thể vẽ ra các đường

mới mà quần chúng chưa từng biết. Vì vậy quần chúng hoang mang: cái gì hôm qua làm được, ngày mai với sự độc đoán của nhà cầm quyền có thể bị coi là phi pháp. Hoang mang ấy lên tới cực độ khi tác dụng của sự thay đổi thái độ này của nhà cầm quyền không những ảnh hưởng đến tương lai, mà là ảnh hưởng cả về quá khứ nữa. Đó là trường hợp nhà cầm quyền, lúc tự đặt mình lên trên pháp luật, giữ thái độ chân chính đúng mực, hướng hồ là khi nhà cầm quyền sử dụng quyền thế của mình một cách lộng quyền, như ông Trường Chinh đã nhận định. Quyền xử tử người một cách đơn giản như vậy trái với luật pháp: đó chỉ là một giải pháp chính trị mà thôi. Nếu mà các người sử dụng quyền ấy lại không sử dụng với tinh thần chính sách của lãnh đạo, sử dụng một cách lộng quyền thì kết quả thế nào, hiện thời ta đã trông thấy rõ.

Bất chấp chuyên môn — Các nhà chính trị bất chấp pháp luật. Nhưng nếu các vị ấy tranh thủ ý kiến của các nhà chuyên môn và cho phép các nhà chuyên môn đề đạt ý kiến thì các nhà chuyên môn cũng sẽ yêu cầu các nhà chính trị nên chú ý đến pháp luật, và dùng pháp luật phục vụ cách mạng.

Nhưng tiếc thay, trong 10 năm vừa qua, ta thấy một tình trạng quái gở. Chính trị ám ảnh đầu óc chúng ta đến nỗi hai chữ “lập trường” làm ta mất ăn mất ngủ. Nếu được dùng một hình ảnh “duy tâm”, tôi ví lập trường như cái oan hồn ngày đêm theo đuổi kẻ nào đã hãm hại người chủ của nó. Có

một điều lạ, là các anh em công nông, các vị lãnh tụ không bao giờ nói đến lập trường trong sinh hoạt hàng ngày. Trái lại, các cán bộ và đảng viên tiểu tư sản không lo ngại gì bằng sự mất lập trường. Vì vậy, để nhớ đến nó, mở miệng ra là nêu lập trường rồi. Đó là tinh thần tự ti của một giai cấp mất khí thế, quên rằng mình đứng trong hàng ngũ cách mạng. Dù sao, ở Việt Nam chúng ta cũng đã xảy ra những sự việc như sau đây, ta cần ghi nhớ để con cháu ta cười muôn thuở: khi chọn một người vận lái ô tô, ta không hỏi người ấy có bằng vận lái và đã vận lái bao năm, ta chỉ hỏi: “Có lập trường không?” Kết quả là từ hai năm nay, riêng trong thủ đô Hà Nội, hàng trăm tai nạn xảy ra do các người vận lái ô tô có lập trường mà không nắm chuyên môn. Khi đưa tới bệnh viện một bệnh nhân cấp cứu, vấn đề mang ra thảo luận trước tiên là: Bệnh nhân thuộc thành phần giai cấp nào? Chữa cho địa chủ thì “mất lập trường”. Để nó chết mới chứng minh mình có “lập trường giai cấp” (hiện tượng do B.S. Nguyễn Xuân Nguyên đưa ra).

Tại sao có những hiện tượng quái gở như vậy? Là vì chính trị chiếm đóng tất cả các khu vực trong nhận thức của chúng ta làm chúng ta mất cả cái nhân đạo tối thiểu của con người, làm chúng ta khuớc từ các chân lý. Chân lý cho biết rằng chính trị không thể nào thay thế được cho chuyên môn, không làm được việc của chuyên môn. Nếu như vậy thì ít ra chính trị cũng hỏi ý của chuyên môn mới

là phải. Nhưng không. Chính trị nghi ngờ chuyên môn, không tin ở chuyên môn. Lúc thì cho rằng chuyên môn là do văn hoá và khoa học tư sản để quốc xây dựng, là vô dụng (đó là một sai lầm nghiêm trọng các người tin như vậy chưa đọc Lenin). Lúc thì cho rằng các nhà chuyên môn không phải xuất hiện ở tầng lớp cơ bản, công hay nông, thì không có đảm bảo vì thái độ lừng chừng, lập trường lỏng lẻo, dù là 10 năm nay họ đã bước chân vào đường cách mạng và chứng minh nhiệt tình của mình đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, kiến thiết quốc gia.

Theo ý tôi, đây là một vấn đề then chốt. Các anh em trí thức kháng chiến thường phàn nàn rằng Đảng Lao động thiếu tín nhiệm họ. Họ đau khổ mà nhận thấy rằng mặc dầu họ đã trải qua bao nhiêu thử thách, chịu đựng bao nhiêu hi sinh, trải qua bao nhiêu gian nguy, Đảng vẫn chưa tin ở họ. Nào họ có yêu sách gì quá đáng đâu? Họ có đòi làm Bộ trưởng hay Đại sứ đâu? Không. Đại đa số các anh em trí thức nói chung, không mơ ước các cương vị, công tác lộng lẫy đâu, họ vui lòng nhường chỗ cho các nhà chính trị, các đảng viên. Họ chỉ thiết tha đòi hỏi được mang khả năng chuyên môn và kinh nghiệm của họ ra phục vụ nhân dân mà thôi. Họ chỉ thiết tha mong muốn được bảo toàn danh dự trí thức của họ và cái tự do tư tưởng mà họ quan niệm là cần thiết cho nhân phẩm của người trí thức mà thôi. Họ đã từng nghe thấy Đảng tuyên bố: Người trí thức là vốn quý của dân tộc. Nhưng họ cảm thấy vốn ấy quý

quá đến nỗi phải cắt nó đi thật kỹ, giữ gìn nó trong một bản ảnh, một hoàng hôn trường cửu. Nếu có ai cho rằng tôi nói không đúng, tôi cứ để nghị người ấy quay mặt nhìn chung quanh, ở các cương vị công tác trong chính thể của ta. Có một chỗ nào mà người trí thức ngoài Đảng nắm được thực quyền không? Tác dụng “hiếu hỉ” hay “cười gặt” thì có, mà lại có nhiều. Nhưng ngay ở các cương vị ấy, ngoài vai trò hiếu hỉ, cười gặt, người trí thức có một trách nhiệm gì không, có quyền nói gì làm gì không, quần chúng đã biết và miễn tôi giả nhời.

Chính trị chèn ép chuyên môn như thế nào, xua đuổi người trí thức ra ngoài con đường cách mạng ra sao, lịch sử kháng chiến đã cho ta kinh nghiệm đau đớn. Năm 1949, phong trào tư pháp liên khu III tan vỡ vì chính quyền quan niệm tư pháp phải thuộc sự điều khiển của mình. Năm 1951, phong trào quân y, dân y liên khu IV sụp đổ vì các chính trị viên đưa vào các bệnh viện đã đàn áp chuyên môn, thúc đẩy các bác sĩ có công với cách mạng, với kháng chiến, phải gặt nước mắt mà rời bỏ kháng chiến. Đó không phải là chủ trương của Đảng Lao Động. Nhưng có một điều làm ta suy nghĩ: sao mãi bây giờ sau 10 năm Đảng mới nghiên cứu một chính sách cho trí thức? Điều ấy chứng tỏ rằng từ khi cách mạng thành công, ta chưa đánh đúng giá người trí thức, chưa đặt vấn đề trí thức. Do đó, làm thế nào khai thác được tất cả khả năng của người trí thức để họ mang chuyên môn ra phục vụ nhân dân?

Trên đây, tôi nói về người trí thức từ chiến khu trở về. Đối với người trí thức vẫn ở trong Thủ đô, ta thấy sự thiếu tín nhiệm ấy lại còn trầm trọng hơn nữa. Bao lần ta nghe tiếng chua cay của các anh em ấy phàn nàn bị coi như là kẻ thù, mặc dầu các anh em vì yêu nước đã khắc phục mọi lo sợ do tuyên truyền của địch gây ra và ở lại với chúng ta. Ta để cho cán bộ hộ khẩu xâm phạm đến danh dự của các anh em, ta không tìm cách nào sửa chữa sai lầm ta đã phạm đối với anh em. Ở các công sở tình trạng chèn ép của chính trị đối với chuyên môn đã đưa đến cái danh từ bi đát làm cho ta đau lòng: “họ Lưu, họ Kháng”. Không đoàn kết được các anh em, ta lại còn có thái độ úp mở, nhùng nhằng (ta tưởng như vậy là thượng sách), thậm chí ta lại còn nghi ngờ các anh em. Ta không hiểu rằng làm như vậy, ta bất công với các anh em, ta không tôn trọng lời đã hứa qua chính sách tiếp quản và cương lĩnh Mặt Trận, ta đẩy các anh em xa rời ta, ta vô tình ném xuống bể tiêu cực cái vốn chuyên môn của các anh em trí thức trong Thủ đô.

Đó là những nguyên nhân trực tiếp. Đào sâu hơn nữa, ta thấy rằng sở dĩ có những hiện tượng như

ta vừa phân tích trên đây, chẳng qua chỉ vì sự lãnh đạo của ta thiếu dân chủ, xa lìa quần chúng.

Chính thể ta thiếu dân chủ như thế nào, ta đã từng biết. Vai trò của các vị Bộ và Thứ trưởng ngoài Đảng như thế nào, các vị đó làm được những gì trong Hội đồng chính phủ, trong các ngành chuyên môn

mà các vị ấy phụ trách, ta không nên đi quá sâu. Ta chỉ cần liếc mắt nhìn qua công việc làm trong mỗi Bộ, ta chỉ cần nghe tiếng than phiền của các cán bộ, công chức làm việc trong các Bộ là ta hiểu. Ta cũng biết rằng chủ trương của Đảng có lẽ không phải như vậy đâu, nhưng trong thực tế công tác, mỗi anh em ta tiếp xúc với các vị Bộ hay Thứ trưởng ngoài Đảng, đều nhận thấy rằng quyền hành của các vị ấy hình như không phải là quan trọng cho lắm. Nhận định như vậy có lẽ ta lầm đấy. Nhất định ta lầm. Nhưng dù sao có “dư luận” không ai chối cãi được. Do đó, nếu chủ trương của Đảng không phải như vậy thì ít ra Đảng cũng mang trách nhiệm không làm thế nào để tiêu tan cái dư luận tai hại mà chúng ta thấy tồn tại từ thời kỳ kháng chiến đến giờ. Nhưng cũng có điều chắc chắn không ai chối cãi được, là các vị Bộ hay Thứ trưởng không có trách nhiệm gì trước Quốc hội, trước nhân dân, chỉ có trách nhiệm trước Chính phủ mà thôi. Chưa bao giờ ta thấy vị Bộ trưởng nào bị lật đổ cả. Phải đợi đến các sai lầm đặc biệt nghiêm trọng trong Cải cách mới thấy hai vị Thứ trưởng phải rút lui khỏi Hội đồng Chính phủ.

Các hiện tượng ấy chứng tỏ rằng Chính phủ ta chưa thực hiện được dân chủ trong khi lập Hội đồng Chính phủ, vì các vị Bộ hay Thứ trưởng đều được cử hay bị truất, ngoài sự tham gia trực tiếp hay gián tiếp (qua Quốc hội) của quần chúng.

Tình trạng của Quốc hội lại rõ hơn nữa. Mười năm Quốc hội đã thành lập. Các vị đại biểu Quốc

hội còn phản ánh được ý nguyện của quần chúng không, quần chúng có tín nhiệm ở Quốc hội nữa không, đó là một vấn đề. Nhưng dù vấn đề ấy ta giải quyết như thế nào đi nữa, có một điều chắc chắn là một Quốc hội già 10 năm rồi mà vẫn tồn tại ngoài sự can thiệp của quần chúng, sự lựa chọn của quần chúng, chứng minh rằng quần chúng 10 năm nay đã bị truất quyền cử đại biểu của mình rồi. Dĩ nhiên trong thời kỳ kháng chiến, bầu lại Quốc hội là một điều không làm được. Và hiện thời, Nam-Bắc bị tạm chia cắt, do đó sự bầu lại toàn thể Quốc hội cũng là khó khăn.

Nhưng dù sao riêng ở các miền giải phóng này, nếu ta chú ý đến quyền người dân cử đại biểu của họ thì nhất định ta phải cho phép người dân bỏ phiếu rồi. Từ khi hòa bình trở lại, 2 năm đã qua, mãi bây giờ trước phong trào quần chúng đòi thực hiện dân chủ, ta mới nghĩ đến quyền bỏ phiếu của người dân và bổ sung Quốc hội.

Nào có thể thôi đâu? Ngay cái Quốc hội ta đang có hiện thời, ta có thực hiện dân chủ với nó không? Chắc chắn là không. Thịnh thoảng ta mới họp Quốc hội, và trong các buổi họp đó ta chỉ thấy Chính phủ đưa ra các báo cáo để Quốc hội nghiên cứu, xây dựng, hay các chính sách để Quốc hội tán thành và bổ khuyết. Quyền lập pháp của Quốc hội ở đâu? Quyền đề ra đường lối, chủ trương trong nội trị, ngoại giao, quyền nêu trách nhiệm của Chính phủ và các Bộ, quyền lựa chọn nhân viên trong Hội đồng

Chính phủ, bấy nhiêu quyền, Quốc hội có được hưởng dụng không? Dư luận quần chúng quan niệm rằng Quốc hội chỉ có quyền thông qua các chính sách mà thôi. Còn như các sắc lệnh hay đạo luật thì thường thường, quyền thông qua ấy chỉ thuộc ban Thường trực của Quốc hội. Nếu Quốc hội là tổ chức cao nhất của quần chúng, đại diện cho quần chúng, thì ta phải khách quan nhận thấy rằng, với vai trò và cùng yếu ớt của Quốc hội hiện thời, quyền dân chủ của quần chúng không được thực hiện.

Nói đến Mặt trận thì tình hình cũng tương tự. Mặt trận hiện thời là tổ chức quần chúng có lẽ sát tình hình quần chúng nhiều nhất. Nhưng ta có để nó đóng vai trò của nó không? Không. Tác dụng của nó là động viên quần chúng để tán thành, ủng hộ và thi hành các chính sách. Đúng về phương diện này, nó làm tròn nhiệm vụ của nó. Nó xứng đáng với tín nhiệm của Đảng và Chính phủ. Nhưng hoạt động của nó như thế chỉ có một chiều thôi. Ta chưa khai thác các khả năng của nó. Ta chưa nhận thấy bản chất của nó. Nó có thể là liên lạc “hai chiều” giữa quần chúng và Đảng, Chính phủ. Một mặt như nó thường làm, nó động viên quần chúng để thực hiện các chủ trương của Đảng và Chính phủ. Nhưng mặt khác, nó có thể là cơ quan phản ánh lên Đảng và Chính phủ các ý kiến, thắc mắc, nguyện vọng của quần chúng, góp phần xây dựng các chính sách, nói lên tiếng nói của quần chúng, cung cấp tài liệu nguồn gốc ở quần chúng, tích cực giúp đỡ

cấp lãnh đạo tránh khỏi chủ quan, thắt chặt liên lạc giữa cấp lãnh đạo và quần chúng. Nhưng muốn để cho nó đóng vai trò ấy, ta phải “dân chủ” đối với nó, nghĩa là phát động tự do tư tưởng của nó, để nó mạnh dạn nói lên ý kiến của quần chúng, dù là các ý kiến trái ngược với nhận định của cấp lãnh đạo. Nhưng từ trước tới nay, ta không làm như vậy. Ta thấy khó chịu khi nó tỏ thái độ —chỉ tỏ thái độ thôi— những lời làm ta một phút chốc tỉnh giấc mộng chủ quan mà ta trong cấp lãnh đạo đang say sưa. Vì vậy ta chỉ thường cho phép nó, chỉ khuyến khích nó phục vụ ta, tán đồng ta với thái độ của đứa con khen hay khi mẹ nó hát. Tóm lại, ta không dân chủ với nó. Do đó, ta hạn chế khả năng của nó, nó không giúp ích gì cho cấp lãnh đạo.

Thiếu dân chủ là gì? Là xa rời quần chúng, là giam hãm mình vào ngục thất của chủ quan. Tại sao một chính thể cách mạng lại có thể phạm sai lầm nghiêm trọng như vậy được?

Trước đây, ta không trả lời được. Những người kính yêu cách mạng rất ngạc nhiên khi thấy có kẻ đi tìm tự do, rồi bỏ hàng ngũ cách mạng để lên sang phía tư bản. Ngay trong thủ đô ta hiện thời, qua Đại hội lần thứ 3 của Mặt trận Thành, ta thấy phản ánh ý muốn của bao nhiêu đồng bào muốn đi Nam. Ta nghĩ đến các đồng bào, trong thời kỳ kháng chiến, gạt nước mắt mà trở về Hà- nội. Nếu cách mạng mang lại cho họ ánh sáng và hạnh phúc, sao lại có người lo ngại trước cách mạng, đau đớn vì cách

mạng. Các người ấy không phải thuộc thành phần kẻ thù của cách mạng, trái lại thuộc thành phần cơ bản trong nhân dân, như nông dân, công nhân. Thế thì đâu là chân lý? Đó là một vấn đề mà trước đây ta chỉ đặt thôi và không giải quyết được.

Bây giờ sau Đại hội lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên-sô, sau các cuộc bạo động ở Berlin, Poznan, bên Tiệp, bên Hung, ta hiểu rõ vấn đề, ta giải quyết được nó. Chung quy, mặc dầu cách mạng là tốt đẹp, mang lại hạnh phúc cho dân tộc, sở dĩ vẫn có người xa lánh cách mạng, chẳng qua là vì chính thể cách mạng mắc trầm trọng bệnh xa lìa quần chúng, thiếu dân chủ, do đó đi càng ngày càng sâu vào tình trạng quan liêu, mệnh lệnh, duy trì một thái độ lãnh đạo hẹp hòi, độc đoán, có khi độc tài. Thái độ một chiều không muốn, không cho phép ai nói cái gì trái ngược ít nhiều với ý kiến nhận định, thành kiến của mình. Mình tự phụ, tự hào mình có độc quyền tìm thấy và gìn giữ chân lý. Đó là tật tự cao tự đại của nhà cách mạng. Ta bay bổng lên trời xanh của ảo tưởng, ta chỉ tin ở ta. Trong tư tưởng, ta không khinh quần chúng, nhưng trong hành động, quả thật con mắt khách quan nhận thấy ta bất chấp quần chúng. Thậm chí, khi ta nghe thấy một tiếng nào từ quần chúng nói lên rằng ta nhầm, ta làm như thế này mới phải, lập tức ta thét ngay đó là tiếng của địch. Sở dĩ quan điểm bạn thù của ta mơ hồ, và đâu ta cũng trông thấy địch, chẳng qua là vì ta quá tự phụ, ta sùng bái ta quá đáng mà thôi. Bây giờ ta

biết rõ là nếu bệnh ấy phổ biến trong hàng ngũ cách mạng hiện thời thì trách nhiệm chính là Stalin phải chịu. Vì tự cao, tự đại, tự phụ, tự mãn, Stalin không cho phép ai dân chủ với mình, đâu cũng trông thấy địch. Kết quả thế nào ta đã biết: khẩu hiệu nêu lên, thét lên, gào lên là: đề cao cảnh giác. Và lợi dụng tình thế ấy, ta biết Béria đã làm những gì, phạm tội ác như thế nào.

Nếu không có quyết nghị lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên-sô, nếu không có những sai lầm cực kỳ tai hại trong Cải cách, ta chưa mở mắt được, ta sẽ còn thấy bao nhiêu máu oan chảy thành suối thành sông, bao nhiêu người kính yêu cách mạng mà vẫn đau sót rồi bỏ cách mạng. Tuy ta phải trả một giá quá cao, nhưng bây giờ ta biết rõ nguyên do của các đau khổ của ta: ta thiếu dân chủ.

III. Phương hướng sửa chữa các sai lầm

Qua lịch sử tranh đấu của quần chúng hai nghìn năm nay, ta thấy cái gì mà nhân bản của loài người đòi hỏi thiết tha nhất, đó là một đời sống vật chất tương đối đầy đủ êm ấm, đó là một đời sống tinh thần tương đối ổn định, có đảm bảo và tự do. Hạnh phúc của loài người xây dựng trên cơ sở dân sinh và dân quyền. Tôi muốn nhấn mạnh ở đây về vấn đề dân quyền. Ta được biết từ hai thế kỷ nay chủ yếu trong vấn đề dân quyền là vấn đề dân chủ, nghĩa là quyền của người dân làm chủ trên đất nước, đồng thời là quyền của con người được sống theo các

nhu cầu thiết yếu và chính đáng của nhân bản. Từ cuộc Cách mạng tư sản Hoa Kỳ cuối thế kỷ 18, Cách mạng tư sản Pháp 1789, tới cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa của Nga, quần chúng nổi giậy, mang xương máu để giành kỳ được chế độ dân chủ. Sau cuộc đại chiến lần thứ hai, Hiến chương Liên hiệp quốc đúc kết những thành quả của các phong trào lịch sử tranh đấu cho dân chủ và đặt các nước văn minh trước trách nhiệm của họ để thực hiện và đảm bảo các nguyên tắc dân chủ. Đối với các nước tư bản ta không ngạc nhiên thấy chế độ dân chủ thực hiện với những thiếu sót quan trọng. Nhưng ta có quyền ngạc nhiên khi ta thấy các thiếu sót ấy cũng xuất hiện trong các nước đã hoàn thành cuộc Cách mạng dân chủ nhân dân và xã hội chủ nghĩa. Đại hội lần thứ 6 của Hội Quốc tế các luật gia dân chủ họp trong tháng 5 vừa rồi tại Bruxelles đã lấy làm tiếc mà nhận thấy rằng trong tất cả các nước, dù tư bản hay xã hội chủ nghĩa, mặc dầu các Hiến pháp, các bộ luật tuyên bố trịnh trọng, tôn trọng thực hiện, đảm bảo thực hiện các nguyên tắc dân chủ, tuy nhiên các nguyên tắc này vẫn bị dày xéo. Vì vậy trong tất cả các nước, quần chúng tranh đấu kịch liệt.

Ở nước ta, trong bản *Tuyên ngôn độc lập*, trong Hiến pháp cũng như trong các sắc lệnh, đạo luật, nguyên tắc dân chủ đã được ban bố. Nhưng qua phong trào phát huy dân chủ mà Chính phủ chủ trương, qua đại hội nhân dân thủ đô lần thứ 3, các Đại hội Mặt trận Trung ương, Mặt trận Thành, qua

thông cáo của Hội nghị lần thứ 10 của Trung ương Đảng Lao động, của Chính phủ v.v., nhân dân nhận thấy, và Đảng cũng như Chính phủ xác nhận rằng ta thiếu sót về dân chủ khá nhiều. Vì các thiếu sót ấy, ta phạm các sai lầm nghiêm trọng trong Cải cách ruộng đất như tôi đã trình bày trên đây. Nguyên nhân sâu sắc của các sai lầm ấy, ta có thể quy kết được. Sở dĩ đời sống tinh thần của ta không được ổn định, lúc nào ta cũng nơm nớp lo sợ các hành động “lộng quyền” của nhà đương cục, là vì ta thiếu một chế độ pháp trị phân minh, không đề ra nghĩa vụ và quyền lợi của mọi người, đồng thời cả của cấp lãnh đạo nữa. Sở dĩ cấp lãnh đạo có thể phạm được các sai lầm nghiêm trọng trong Cải cách Ruộng đất, tổn thất cho xương máu, mồ hôi nước mắt của đồng bào, cho uy tín của Đảng và Chính phủ, là vì người dân không có quyền, không có phương tiện nói lên ý kiến của mình, tham gia xây dựng các chính sách của Chính phủ.

Do đó, phương hướng sửa chữa các sai lầm là một chế độ pháp trị chân chính, một chế độ dân chủ thực sự.

Một chế độ pháp trị chân chính — Ở đây, chưa phải lúc và chỗ để tôi trình bày ý kiến về vấn đề pháp trị. Ta sẽ có dịp khác. Ở đây, tôi chỉ muốn trình các quý vị một nhận xét.

Đảng Lao động và chính phủ có nhận thấy cần thiết, trong chính sách sửa chữa các sai lầm trong Cải cách, phải “tăng cường chế độ pháp trị” của ta.

Tôi e rằng trong tư tưởng lãnh đạo, sự nhận thức về vấn đề pháp trị chưa được rõ và đầy đủ. Chính trị vẫn coi pháp luật như một “bà con nghèo”. Chữ “tăng cường” là một chứng minh. Tuy rằng trong nước ta có một Bộ Tư pháp, có các toà án, có luật lệ, nhưng chế độ pháp trị hầu như không có. Đó là một điều tôi sẽ nghiên cứu sâu sắc hơn khi nào tôi trình bày ý kiến về chế độ pháp trị, một chế độ pháp trị chân chính. Theo ý tôi, thì vấn đề không phải là tăng cường mà là xây dựng.

Một chứng minh khác trong chính sách Sửa sai trong Cải cách này, tôi vẫn thấy chính trị lấn áp pháp lý. Trước hết bức thư của ông Hồ Viết Thắng tự phê bình và xin rút lui khỏi Mặt trận Trung ương chỉ là một giải pháp chính trị mà thôi. Trong cuộc mạn đàm với các vị đại biểu đến họp hội nghị này, tôi nhận thấy không ai “thông” về ý kiến và biện pháp ông Hồ Viết Thắng trình bày cả. Riêng về phần tôi là một nhà luật học, tôi chưa thể nào nhận định được trách nhiệm của ông Thắng. Có thể trách nhiệm của ông ấy rất lớn, có thể rất nhỏ. Đúng trên tinh thần pháp lý, sự nhận tội lỗi của một người không đủ để qui định trách nhiệm của người ấy. Trong Cải cách, khi những đảng viên ưu tú bị đoàn Cải cách gán cho là phản động, ra trước nhân dân, có người cũng nhận tội trong khi biết là mình oan. Ta nên rút kinh nghiệm vừa qua, sửa sai không phải là phạm các sai lầm khác. Do đó, đứng trên một lập trường pháp trị chân chính, tôi đề nghị phải

lập một ủy ban điều tra gồm các vị đại biểu Quốc hội, Mặt trận, Đảng Lao động với sự cộng tác của các vị thẩm phán cao cấp, giàu kinh nghiệm để lập một hồ sơ theo phương pháp pháp lý đã nhận định, trên quá trình đi từ lãnh đạo qua chỉ đạo đến chỗ thực hiện chính sách, trách nhiệm ở chỗ nào và do những ai phải chịu. Sau khi kết thúc cuộc điều tra, ủy ban ấy sẽ phân tách trách nhiệm chính trị và trách nhiệm pháp lý. Ai chịu trách nhiệm chính trị sẽ trả lời trước Quốc hội biến thành Tòa án tối cao. Ai chịu trách nhiệm pháp lý sẽ trả lời trước các tòa án tư pháp. Dưới con mắt của quần chúng theo dõi xây dựng cuộc điều tra và xét xử, công lý phát huy, không còn ai thắc mắc nữa.

Có người hỏi làm thế để làm gì? Tôi xin phép trả lời. Làm thế để rút kinh nghiệm. Tôi cảm thấy ngay hiện thời ta chưa rút được kinh nghiệm đâu. Chính trị không những lãnh đạo pháp lý —đó là đúng— nhưng vẫn lấn át pháp lý, thay thế cho pháp lý, như trong trường hợp ông Hồ Viết Thắng, như thế là ta vẫn mở cửa cho các sai lầm mới còn nguy hại hơn nữa. Không những thế, ta biết rằng nhu cầu công lý thuộc nhân bản con người văn minh. Từ người bị xử trí oan cho đến các người chỉ chịu thiệt gián tiếp vì các sai lầm, có thể nói được rằng toàn dân đợi chờ công lý. Một biện pháp chính trị xuê xoa không thỏa mãn được ai. Bằng chứng ở nông thôn, ta được biết tình hình “căng thẳng”. Phong trào trả thù, tự xử diễn ra khắp mọi nơi, kéo chúng ta trở về

quá khứ của lịch sử. Còn như các đảng viên bị xử trí sai, tâm hồn các anh em như thế nào, ta chỉ cần đọc lại báo Nhân Dân. Tuy rằng các anh em kết thúc các bài tường thuật lại đau khổ của mình bằng những lời phấn khởi, nhưng các lời này không làm ta quên được các lời phẫn uất, chua xót, cay đắng mà các anh em nói lại với ta từ đầu bài. Nhưng bi đát hơn hết là các chiếc khăn trắng chít trên đầu họ hàng thân thích của những anh em bị xử tử, những bàn thờ vẫn dựng trong nhà, các thốn thức phá vỡ im lặng của các đêm hiu quạnh, các ngày cúng giỗ nhắc lại hàng năm bi kịch thê thảm đã diễn ra trong gia đình vì cuộc Cải cách. Nhân dân đòi hỏi các người có công được thưởng và các người có tội phải đền tội. Trách nhiệm của tất cả mọi người từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, phải được qui định rõ ràng, dứt khoát. Như thế mới yên được lòng dân, như thế mới thu phục được nhân tâm. Kinh nghiệm lịch sử dạy ta điều ấy. Trong chính sách sửa chữa sai lầm, ta không thể quên được bài học lịch sử. Quần chúng im lặng đợi chờ công lý.

Chúng ta thiết tha mong ước ở chính trị một nhận định đúng về vai trò của pháp luật phục vụ cách mạng. Kinh nghiệm đau đớn vừa qua bó buộc ta phải xây dựng lại quan điểm “địch” trên cơ sở pháp lý và pháp trị. Các sai lầm nghiêm trọng ta đã phạm bắt nguồn ở một quan điểm chính trị về địch. Quan điểm ấy linh động quá, “biện chứng” quá, nên ta không biết phân tách địch và ta, do đó ta đánh

cả ta nữa. Muốn tránh các sai lầm hòm qua đùng tái diễn ngày mai, ta cần xác định theo hình luật thể nào là địch. Lúc đó ta mới đánh đúng địch, và có đánh đúng địch ta mới củng cố được ta, ổn định được nhân tâm, duy trì lại trật tự và an ninh ở thôn quê, kiến thiết lại đoàn kết giữa các tầng lớp nhân dân ở thôn quê cũng như ở thành thị, đảm bảo cho quần chúng một đời sống tự do, thoát khỏi mọi sự đe dọa của “lộng quyền”, bênh vực các quyền căn bản và thiết yếu của con người.

Tóm lại, nếu chính trị giác ngộ, vui lòng tôn trọng pháp lý, thiết lập một chế độ pháp trị trong đó chính trị vẫn lãnh đạo pháp lý, nhưng đồng thời nêu thật cao gương phục tùng pháp lý và pháp trị thì nhất định chính trị khôi phục được uy tín và được quần chúng nhiệt liệt ủng hộ.

Một chế độ thực sự dân chủ — Thế nào là một chế độ thực sự dân chủ? Đó là một chế độ trong đó người dân được làm chủ trên đất nước không những trong hiến pháp, mà cả trong thực tế nữa. Đây không phải là lúc, là chỗ, mà ta đi sâu vào vấn đề. Ta chỉ cần nhận thấy rằng trong giai đoạn hiện thời, quần chúng có đòi hỏi cái gì quá đáng đâu, chỉ yêu cầu có một điều thôi, là được đàm thoại với cấp lãnh đạo, được đề đạt lên cấp lãnh đạo, ý kiến về các chính sách do cấp lãnh đạo xây dựng. Các vị lãnh tụ đã bao lần khen dân ta tốt. Mà dân ta tốt thật. Bằng chứng là điều tôi vừa nhắc lại đây. Trong khi quần chúng có quyền đòi hỏi ở một chính thể cách

mạng rất nhiều, nhân dân ta chỉ có một yêu cầu mà ai cũng phải nhận là chính đáng. Tại sao nhân dân chỉ có cái yêu cầu nhũn nhận ấy mà thôi? Là vì nhân dân thông cảm với cấp lãnh đạo phải đương đầu với bao khó khăn. Nhưng nếu nhân dân chỉ đề ra có một yêu cầu, yêu cầu ấy thiết yếu. Tôi tin rằng cấp lãnh đạo cũng nhận thấy như vậy. Tôi không quên lời của ông Trường Chinh đọc bản tự phê của Đảng Lao động tại Hội nghị này. Ta nghe thấy cấp lãnh đạo thú nhận trước Hội nghị rằng Trung ương Đảng đã phạm sai lầm là xa quần chúng, chỉ tiếp xúc với quần chúng qua báo cáo của các cán bộ đảng viên mà thôi. Ta phải nhận định rằng đây là một sai lầm nghiêm trọng. Do đó, cuộc Cải cách Ruộng đất của ta đã gặp các thất bại cay đắng. Trái với lời ta thường nói, ta đã thiếu dân chủ với nhân dân.

Nhân dân nhất định không để tình trạng tai hại ấy kéo dài nữa. Tôi xin phép Hội nghị góp một số ý kiến để chấm dứt tình trạng đó. Tôi không đặt vấn đề dân chủ nói chung. Tôi chỉ chú ý đến yêu cầu thiết tha nhất hiện thời của quần chúng là được phản ánh lên ý nguyện của mình. Theo ý tôi, để thực hiện và đảm bảo yêu cầu vô cùng chính đáng ấy, chỉ cần ba giải pháp.

1. Một chế độ báo cáo của cán bộ. Đảng tin nhiệm ở cán bộ. Đúng! Không tài nào khác được. Vậy phải đặt các cán bộ có nhiệm vụ báo cáo trước trách nhiệm của họ. Một báo cáo không phản ánh trung thành sự thực với các khía cạnh của nó, với các ưu và khuyết điểm của nó, rất tai hại.

Cấp lãnh đạo cần đề cao cảnh giác với các con số thống kê, các động cơ bất chính của cán bộ muốn thi đua thành tích, vừa mị dưới, vừa lừa trên, do đó đưa ra một hình ảnh quá hẹp của thực tế. Ta phải tiến tới giải pháp nhận định rằng người nào hữu ý xuyên tạc sự thật vì động cơ bất chính, có thể bị truy tố về tội giả mạo được.

2. Một chế độ cho các đoàn thể nhân dân được quyền mạnh dạn nói lên ý kiến của quần chúng mà họ tập hợp. Từ trước tới nay, ta có thể ví Đảng Lao động như một cây rất to, lá ruòm rà che hết ánh sáng của mặt trời, khiến ngay một ngọn cỏ cũng không mọc dưới chân nó được. Vì vậy, Quốc hội cũng như Mặt trận không thể đóng được vai trò của mình. Ở đây, tôi chỉ xin phép nói về Mặt trận của ta thôi. Các vị đã thấy rằng từ khi thành lập Mặt trận Liên Việt cho đến Mặt trận Tổ quốc, chúng ta chỉ có nhiệm vụ động viên quần chúng thi hành chính sách mà thôi. Đó là một nhiệm vụ. Nhưng dù sao chỉ có một chiều. Ta là giấy liên lạc giữa các cấp lãnh đạo và quần chúng. Nếu ngược lại, ta có quyền liên lạc giữa quần chúng và cấp lãnh đạo, nghĩa là phản ánh lên Đảng và Chính phủ ý kiến thắc mắc, nguyện vọng của quần chúng, công tác của ta thế nào cũng tốt đẹp hơn, hoàn hảo hơn. Ta gắn liền lãnh đạo và quần chúng, do đó lãnh đạo sát hợp với thực tế hơn. Tôi xin phép đặt mỗi vị ủy viên trước trách nhiệm của mình. Chúng ta ủng hộ Chính phủ, nhưng chúng ta cũng là đại biểu của nhân dân. Công tác

của chúng ta có hai mặt, chúng ta không thể chỉ lệch về một bên được. Quần chúng không cho phép chúng ta làm như vậy, muốn theo rồi công việc ta làm vì chúng ta làm đại biểu của quần chúng, được quần chúng tín nhiệm. Quần chúng giao quyền cho chúng ta, chúng ta phải xứng đáng với sự ủy quyền ấy. Ta sử dụng quyền ấy thế nào, quần chúng đòi kiểm soát ta.

Để đạt mục đích này, tôi xin phép đề nghị: một là mỗi ủy viên phải có nhiệm vụ phản ánh lên Mặt trận ý kiến của quần chúng. Mặt trận phải có nhiệm vụ đề đạt lên cấp lãnh đạo những phản ánh của các ủy viên và báo cho các vị ấy thái độ của cấp lãnh đạo giải quyết vấn đề ra sao, sử dụng các phản ánh ấy như thế nào. Khi Mặt trận họp hội nghị, phải cho phép quần chúng đến bàn thính: để quần chúng kiểm soát công việc của Mặt trận làm và thái độ của các ủy viên. Dĩ nhiên các người bàn thính ấy không có quyền tham gia thảo luận, chỉ được nhập hội trường cho tới khi hết số ghế dành cho quần chúng, và phải tôn trọng kỷ luật của hội nghị. Ngoài ra, báo chí, đặc biệt báo chí của Mặt trận như tờ Cứu Quốc, phải phản ánh trung thành nội dung của các cuộc thảo luận và đăng các tham luận của các vị ủy viên.

3. Một chế độ tự do ngôn luận, xuất bản báo chí — Ta phải đề phòng trường hợp các cán bộ không báo cáo, các ủy viên Mặt trận không phản ánh ý kiến của quần chúng. Do đó, ta thấy cần thiết phải cho phép quần chúng nói lên tiếng nói của mình qua

báo chí. Có người lo ngại rằng tự do ngôn luận này mà ai cũng thấy cần thiết có thể bị sử dụng một cách bừa bãi. Về điều này ta phải suy nghĩ. Mối lo ngại trên đây xuất phát từ động cơ nào? Nếu là động cơ tốt —nghĩa là do một nhiệt tình đối với cách mạng gây ra— ta hoan nghênh. Nhưng ta cũng sẽ trả lời rằng trong một chính thể dân chủ muốn sử dụng tự do nào, dĩ nhiên phải nêu trách nhiệm của người sử dụng tự do ấy trước pháp luật. Nếu sử dụng với tinh thần trách nhiệm hợp pháp, ta không có quyền kêu ca gì, trái lại, ta hoan nghênh. Nếu lạm dụng một cách vô trách nhiệm, ta đã có tòa án để nghiêm trị. Vậy ta không lo ngại. Nhưng nếu mối lo ngại xuất phát từ một động cơ bất chính, nhằm mục đích thủ tiêu các tự do dân chủ, thì tôi chỉ cần khuyên nhủ người lo ngại như vậy nên đọc lại lịch sử các phong trào cách mạng trong hơn một thế kỷ nay. Họ sẽ nhận thấy rằng chưa bao giờ, chưa ai có thể ngăn cản được một phong trào quần chúng tranh đấu đòi các tự do dân chủ.

Không những ta công nhận các tự do dân chủ, ta lại còn cung cấp phương tiện để thực hiện các tự do ấy. Thí dụ tự do ngôn luận. Ta có các báo của Chính phủ, của Đảng, của Mặt trận, ta lại có các báo của tư nhân, ta giúp đỡ cho các báo ấy giấy và mực in đầy đủ, ta lại còn quảng cáo cho các báo ấy là đảng khác nữa. Các cơ quan tuyên truyền, báo chí của ta không bao giờ tìm khó dễ cho các báo ấy, và khi nào các báo đó được hàng vạn độc giả hoan nghênh, ta

rất lấy làm sung sướng vì trong thâm tâm ta, ta là những người dân chủ.

Các biện pháp tôi đề nghị trên đây đều nhằm mục đích củng cố hiến các cấp lãnh đạo một nhận thức đúng và sát thực tế mà cấp lãnh đạo không có điều kiện biết đến một cách trực tiếp. Sát với thực tế của quần chúng, cấp lãnh đạo thông cảm với quần chúng, đi đúng đường lối của quần chúng, được quần chúng tín nhiệm, ủng hộ, mến yêu.

Thưa các quý vị,

Tôi nói đã quá lâu, nhưng tôi tin các vị cũng tha thứ cho, vì biết rằng tôi là một người thiết tha đến sự nghiệp của cách mạng và tiền đồ của dân tộc. Các ý kiến của tôi, dù sai hay đúng, tôi cứ thành khẩn đề đạt lên các vị, gọi là để góp phần vào hội nghị, một phần nhỏ mọn nhưng chan chứa một niềm hi vọng và tin tưởng vô biên ở tương lai của đất nước.

Hà Nội, ngày 30-10-1956

*

Vừa khóc vừa cười

Lời soạn giả: Bài này, giá không ký tên, độc giả ở Bắc Việt cũng nhận được ngay là của ông Nguyễn Mạnh Tường. Ngoài những kinh điển mà ông thường hay mượn trong cổ học Âu châu, người ta còn nhận thấy giọng văn hoa lệ của văn chương Hy Lạp mà ông chịu ảnh hưởng rất nhiều.

Trong một thiên anh hùng ca sáng tác vào khoảng thế kỷ thứ XI, thi sĩ tường thuật cuộc chiến đấu anh dũng của hai anh hùng Roland và Olivier,

chống lại kẻ thù chung. Hai bạn chí thân giết được nhiều địch, nhưng hai người đều bị thương cả. Đặc biệt Olivier, máu chảy nhiều, hoa cả mắt không nhận thấy gì nữa. Khi Roland lại gần để giúp bạn, Olivier tưởng nhầm là kẻ thù, bỏ mấy nhát dao xuống, may không trúng đầu Roland. Anh này bèn dịu dàng lên tiếng: “Tôi là Roland đây mà. Sao anh đánh tôi?”. Olivier xin lỗi bạn: “Mắt tôi hoa, không nhận ra anh nữa.”

Khi châu Âu chuyển từ chế độ phong kiến sang chế độ tư sản, trong thế kỷ thứ XVI, Rabelais kể chuyện Badebec, vợ của Gargantua, vừa sinh con xong, thì từ trần: “Cái thắc mắc làm cho Gargantua rối trí là hắn không biết nên khóc vì vợ vừa chết, hay nên cười vì con vừa sinh”.

Đến cuối thế kỷ thứ XVIII, khi Cách mạng 1789 sắp bùng nổ, Figaro, một nhân vật của Beaumarchais, sau khi kiểm điểm tình hình của xã hội đã thủ tiêu hết mọi tự do, kêu lên: “Tôi vội vàng cười để tránh khỏi khóc òa.” Như thế không đúng.

Phải khóc trên cái hiện thời để cười đón cái ngày mai. Dù sao, người trí thức là người vừa khóc vừa cười. Khóc vì các sai lầm phải chứng kiến trong hiện tại, cười vì vui với cái mới đang đến. Khóc vì đau khổ. Cười vì hy vọng. Khóc hôm nay để cười ngày mai. Trên quá trình từ cái khóc đến cái cười diễn ra cuộc đấu tranh tư tưởng của người trí thức.

Người nào chỉ biết hoặc khóc thôi, hoặc cười thôi, không phải là người trí thức.

Ta ân cần với người trí thức ưa khóc. Ta phải chiếu cố, nâng đỡ người ta. Người ấy đau khổ vì các thắc mắc căn bản và sâu sắc. Người ấy thành khẩn. Người ấy không phải là thù, người ấy là bạn. Ta phải kiên trì, cố gắng đưa cái khóc của ta biến thành cái cười.

Ta dè dặt, có khi ngần ngại, trước người trí thức ham cười. Ta hoan nghênh cái cười chân thật, xuất phát từ đáy lòng, nảy nở trên các giọt lệ vừa khô. Nhưng ta khó chịu trước cái cười bình phong dùng để che đậy các thắc mắc bản thân mà mình không muốn thú với mình. Ta ghét cái cười dùng để mỉa trên, lừa dưới, câu các kẻ ngây thơ, biểu lộ một ý chí tôn sùng, hòng củng cố một địa vị, hay mưu cầu một bổng lộc. Quần chúng cần đề cao cảnh giác để khỏi mắc mưu cái cười ấy. Cấp lãnh đạo lại cần cảnh giác hơn nữa vì cái cười nịnh hót nuôi dưỡng bệnh chủ quan mà cấp lãnh đạo thường mắc.

Cái cười nguy hại này không nhất thiết biểu hiện bằng sự nhích môi. Nó có thể là linh hồn của một cử chỉ, nội dung của một thái độ. Có người cười bằng cái đầu nó gật, cái lưỡi nó tán thành ủng hộ. Trong bao nhiêu “tả khuynh”, tôi nghe thấy vang tiếng cười ấy.

Tôi sợ người trí thức im lặng. Tôi nghi ngờ người trí thức cười. Tôi thương người trí thức khóc. Tôi yêu người trí thức vừa khóc, vừa cười, khóc hôm nay để cười ngày mai, “khóc lên tiếng cười”.

TIN vẫn lợi hơn NGHỊ. Trong mười người ta tin,

có thể có một kẻ thù lớn vào. Nhưng ta vẫn còn chín người bạn. Và chín người bạn này sẽ giúp ta tìm ra kẻ thù ấy. Nếu ta nghi cả mười người, khi ta giơ tay, chẳng ai bắt tay ta. Ta không có một bạn nào cả.

Đồng ý rằng phải phân chia rõ rệt địch, ta. Nhưng ta phải xác định thái độ của ta đối với địch. Địch mưu hại ta và thực sự gây cho ta nhiều tổn thất. Nhưng ta chớ nên buộc cho nó trách nhiệm về các tai họa căn nguyên ở sự dốt nát, sai lầm, chủ quan của ta. Theo danh từ khác phổ biến: “như thế không lợi”. Không lợi vì ta đề cao địch, tỏ vẻ sợ địch. Không lợi nữa vì gán kết quả sai lầm của ta cho địch, ta không sửa chữa được gì, không rút được bài học của kinh nghiệm.

Từ trước tới nay, ta chỉ đặt vấn đề: ai là địch, ai là ta? Tôi đề nghị đặt thêm vấn đề: do địch làm, do ta phạm. Điểm trên, đề cao cảnh giác và cho phép ta đề phòng, hoặc đối phó. Điểm dưới nêu cao tinh thần tự phê và giúp đỡ ta tự xây dựng.

Con thờ sợ đến cả cái bóng của nó. Con sư tử bắt chấp mọi thú vật. Ta không phải là sư tử cũng không muốn là sư tử. Nhưng nhất định ta không phải thờ.

Kẻ thù số một của trí thức: bọn chụp mũ. Kẻ thù số một của cấp lãnh đạo: các cán bộ chuyên môn “cuời”, và bọn vỗ ngực, và cả bọn chụp mũ nữa. Các cán bộ chuyên môn “cuời”, dựa vào bọn vỗ ngực trong quần chúng, ru ngủ cấp lãnh đạo. Bọn chụp mũ nham hiểm hơn: họ gây thành kiến giữa lãnh đạo và quần chúng, họ vô tình hay hữu ý xuyên

tạc các nguyên vọng chính đáng, các yêu cầu hợp tình, hợp lý, hợp pháp của quần chúng. Họ là Iago xúc xiểm Othello ghen vợ, ghét vợ, giết vợ. Bị bao vây chặt chẽ như vậy, tài nào cấp lãnh đạo hiểu biết được sự thật của quần chúng?

Có một số người thấy phong trào quần chúng đòi hỏi ở Đảng lãnh đạo, một chính sách cho trí thức (với các tự do dân chủ và mối quan hệ tốt giữa chính trị và chuyên môn) đã tỏ thái độ “khó chịu” và phản ứng mạnh. Họ nhắm mắt, lắc đầu, chép miệng, thờ dài. Không thực sự cầu thị, chưa điều tra nghiên cứu, chẳng tìm hiểu sự thật, họ chỉ biết mang đao to, búa lớn ra dọa nạt, họ là Don Quichotte cầm giáo tiến lên đâm cối xay, họ quên lý luận Cách mạng họ đã học tập. Họ là nàng công chúa quên thời kỳ gặp Thạch Sanh trong hang.

“Tích tịch tình tang...” Tiếng đàn của Thạch Sanh có nhắc lại được kỷ niệm cũ không? *“Hỡi tuyệt thế giai nhân mà tôi yêu với một mối tình vô hạn, nàng còn nhớ thuở đôi ta gặp nhau trong hang đá không? Đôi ta quyết tâm sống chết có nhau, với nhau. Vì vậy ta thắng kẻ thù, ta sống.*

Bây giờ thời kỳ gian lao đã qua, nàng trở về dinh cơ huy hoàng, lên xe xuống ngựa. Nàng nữ lòng nào quên tình duyên cũ?”

Tôi muốn thân ái hỏi các bạn đang chép miệng thờ dài: “Các bạn là những người Cách mạng. Thái độ của các bạn phản ứng, đối phó (tôi không nói đàn áp) trước một phong trào quần chúng đông đảo,

đòi hỏi, trên lập trường Cách mạng, những quyền lợi chân chính, thái độ ấy, phân tích, truy nguyên nó, ta thấy gì? Tôi run sợ trước kết luận tôi phải tiến tới. Tôi ngừng bút. Tôi nhường lời cho tất cả người cộng sản trên thế giới, trong đó có các đảng viên Đảng Lao động Việt Nam, có các bạn, để các người ấy nhận định về thái độ nói trên, định danh cho nó, gọi nó bằng tên Cách mạng của nó. Để tránh khỏi mang tiếng chụp mũ cho các bạn, tôi dành quyền phán định cho “giới có thẩm quyền”.

Tôi chỉ xin nhắc lại rằng trong lịch sử Cách mạng Liên Xô và Trung Quốc, khi giai đoạn kiến quốc tiến vào bước quyết liệt, chính thể Cách mạng không thể nào lãnh nhận được vấn đề trí thức. Cuộc tranh đấu của trí thức Việt Nam hiện thời xen vào khung khổ Cách mạng, phối hợp với phong trào tranh đấu của trí thức trên toàn thể thế giới. Coi nhẹ nó là một sai lầm. Giải quyết nó một cách hời hợt, nông cạn, với tinh thần của người nhón cho kẹo trẻ con để nó khỏi khóc, là một sai lầm nghiêm trọng. Đối phó với nó, chống lại nó... tôi không tiếp tục vì tôi tin rằng không một chính thể Cách mạng nào lại hành động như vậy. Bằng chứng là báo *Nhân dân* trong số 30- 9-56 vừa đăng bài của đồng chí Lục Định Nhất đọc ngày 16-5-1956, với sự chậm trễ có 4 tháng thôi. Từ Bắc Kinh tới Hà Nội, đường dài hơn năm nghìn cây số, tốc độ của sự thật như thế là nhanh rồi. Còn báo cáo của đồng chí Chu Ân Lai in từ ngày 30-1-1956, tôi không nhờ đăng báo *Nhân dân* ngày nào.

Dù sao, các bạn thấy rõ là Đảng Lao động Việt Nam coi trọng vấn đề, như Trung Quốc từ đầu năm nay, như Liên Xô từ năm 1936. Đảng lại còn phát động tinh thần dân chủ trong quần chúng, trong các giới, các cơ quan, và sở dĩ làm như vậy là để thắt chặt liên lạc với quần chúng, đi sát với sự thật của quần chúng, trung cầu ý nguyện của quần chúng để xây dựng chính sách, lãnh đạo có kết quả. Vậy tại sao các bạn lại chép miệng thờ dài? lại xuyên tạc ý nghĩa trọng đại, lịch sử của một phong trào quần chúng, mà chính Đảng phát động? Thế các bạn tranh đấu cho ai, phục vụ cái gì? Chủ trương của Đảng phát huy dân chủ là một sáng kiến mà toàn dân hoan nghênh. Hạt đã gieo, bây giờ sắp đến lúc gặt hái. Có sao mà bạn lại muốn truất quyền của Đảng gặt hái cái mùa màng mà Đảng đã gieo hạt?

Nhưng tôi hiểu các bạn. Các bạn là những người tốt. Chẳng qua các bạn chỉ nặng về một số thành kiến mà thôi. Tuy nhiên, các bạn thực sự cầu thị: các bạn cho phép tôi tin như vậy. Phải không, các bạn?

4-10-56

(Trích *Giai phẩm mùa Thu* tập III, 1956)

- Hết -

Nguồn: Hoàng Văn Chí, *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*. Mặt trận Bảo vệ Tự do Văn hoá xuất bản, Sài Gòn 1959. 318 trang. Nguyệt san *Ngày về* tái bản, Hướng Việt phát hành. In tại nhà in Lion Press, 3018 Akron Ct, Denver Co. 80231

